

BÀI 1: TÔI VÀ CÁC BẠN

ÔN TẬP VĂN BẢN: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

(Trích “Dế Mèn phiêu lưu kí” - Tô Hoài)

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực:

- Xác định được ngôi kể trong văn bản “Bài học đường đời đầu tiên”.
- Nhận biết được các chi tiết miêu tả hình dáng, cử chỉ, lời nói, suy nghĩ của các nhân vật Dế Mèn và Dế Choắt. Từ đó hình dung ra đặc điểm của từng nhân vật.
- Phân tích được đặc điểm của nhân vật Dế Mèn.
- Rút ra bài học về cách ứng xử với bạn bè và cách đối diện với lỗi lầm của bản thân.
- Năng lực nhận diện từ đơn, từ ghép, từ láy và chỉ ra được các từ loại trong văn bản.

2. Về phẩm chất:

- Nhân ái, khoan hoà, tôn trọng sự khác biệt.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. CHUẨN BỊ:

1. Chuẩn bị của giáo viên: Hệ thống kiến thức và bài tập

2. Chuẩn bị của học sinh: Ôn lại kiến thức đã học theo hướng dẫn của GV.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. Ổn định tổ chức:

1. Kiểm tra bài cũ: Xen kẽ trong giờ.

2. Bài mới:

I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ LOẠI

1. Truyện và truyện đồng thoại

- Truyện là loại tác phẩm văn học kể lại một câu chuyện, có cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian, hoàn cảnh diễn ra các sự việc.
- Truyện đồng thoại là truyện viết cho trẻ em, có nhân vật thường là loài vật hoặc đồ vật được nhân cách hoá. Các nhân vật này vừa mang những đặc tính vốn có của loài vật hoặc đồ vật vừa mang đặc điểm của con người.

2. Cốt truyện

- Cốt truyện là yếu tố quan trọng của truyện kể, gồm các sự kiện chính được sắp xếp theo một trật tự nhất định: có mở đầu, diễn biến và kết thúc.

3. Nhân vật

- Nhân vật là đối tượng có hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, cảm xúc, suy nghĩ,... được nhà văn khắc hoạ trong tác phẩm. Nhân vật thường là con người nhưng cũng có thể là thần tiên, ma quỷ, con vật, đồ vật,...

4. Người kể chuyện

Người kể chuyện là nhân vật do nhà văn tạo ra để kể lại câu chuyện:

- + Ngôi thứ nhất Tài liệu của Phương Nhung
- + Ngôi thứ ba.

5. Lời người kể chuyện và lời nhân vật

- Lời người kể chuyện đảm nhận việc thuật lại các sự việc trong câu chuyện, bao gồm cả việc thuật lại mọi hoạt động của nhân vật và miêu tả bối cảnh không gian, thời gian của các sự việc, hoạt động ấy.

Lời nhân vật là lời nói trực tiếp của nhân vật (đối thoại, độc thoại), có thể được trình bày tách riêng hoặc xen lẫn với lời người kể chuyện.

II. KIẾN THỨC CHUNG VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

1. Tác giả:

- Tô Hoài (1920-2014) tên khai sinh là Nguyễn Sen, quê nội ở huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây (nay thuộc Hà Nội), lớn lên ở quê ngoại - làng Nghĩa Đô, phủ Hoài Đức, tỉnh Hà Đông, nay thuộc quận Cầu Giấy, Hà Nội

- Tô Hoài viết văn từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945

- Ông có khối lượng tác phẩm phong phú và đa dạng, gồm nhiều thể loại

- Các tác phẩm chính: “Võ sĩ Bọ Ngựa”, “Dê và Lợn”, “Đôi ri đá”, “Đảo hoang”...

- Năm 1996, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật

2. Tác phẩm:

a. Thể loại: Truyện đồng thoại

b. Xuất xứ:

- “Bài học đường đời đầu tiên”(tên do người biên soạn đặt) trích từ chương I của “Dế Mèn phiêu lưu kí”

- “Dế Mèn phiêu lưu kí” được in lần đầu năm 1941, là tác phẩm nổi tiếng và đặc sắc nhất của Tô Hoài viết về loài vật, dành cho lứa tuổi thiếu nhi.

c. Tóm tắt:

Dế Mèn là chàng dế thanh niên cường tráng biết ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực. Tuy nhiên Dế Mèn tính tình kiêu căng, tự phụ luôn nghĩ mình “là tay ghê gớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ”. Bởi thế mà Dế Mèn không chịu giúp đỡ Dế Choắt- người hàng xóm trạc tuổi Dế Mèn với vẻ ngoài ốm yếu, gầy gò như gã nghiện thuốc phiện. Dế Mèn vì thiếu suy nghĩ, lại thêm tính xốc nổi đã bày trò nghịch dại trêu chị Cốc khiến Dế Choắt chết oan. Trước khi chết, Dế Choắt tha lỗi và khuyên Dế Mèn bỏ thói hung hăng, bậy bạ. Dế Mèn sau khi chôn cất Dế Choắt vô cùng ân hận và suy nghĩ về bài học đường đời đầu tiên.

d. Giá trị nội dung:

- Miêu tả vẻ đẹp của Dế Mèn cường tráng nhưng tính nết còn kiêu căng, xốc nổi.

- Sau khi bày trò trêu chị Cốc, gây ra cái chết cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra bài học đường đời đầu tiên cho mình.

e. Giá trị nghệ thuật:

- Cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn

- Nghệ thuật miêu tả loài vật sinh động, đặc sắc

- Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình.

- Miêu tả loài vật sinh động, nghệ thuật nhân hoá, ngôn ngữ miêu tả chính xác

- Xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với trẻ thơ.

f. Ý nghĩa

- Không quá đề cao bản thân rồi rước họa.

- Cần biết lắng nghe, quan tâm, giúp đỡ mọi người xung quanh.

III. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM:

1. Bức chân dung tự hoạ của Dế Mèn:

Hình dáng	Hành động	Suy nghĩ	Ngôn ngữ
<ul style="list-style-type: none"> - chàng dế thanh niên cường tráng + càng: mỡm bóng + vuốt: cứng, nhọn hoắt + cánh: dài tận chấm đuôi một màu nâu bóng mỡ + đầu: to, rất bướng + răng: đen nhánh + râu: dài, cong 	<ul style="list-style-type: none"> - đập phanh phách - vũ lên phanh phách - nhai ngoàm ngoạp - trịnh trọng vuốt râu - cà khía, quất nạt, đá ghẹo 	<ul style="list-style-type: none"> - Tôi tợn lắm - Tôi cho là tôi giỏi. - Tôi tưởng: làm cử chỉ ngông cuồng là tài ba, càng tưởng tôi là tay ghê ghớm, có thể sắp đứng đầu thiên hạ rồi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Gọi Dế Choắt là “chú mày”, xưng “anh”. Gọi chị Cốc là “mày” xưng “tao”.

NT: Miêu tả, nhân hoá, giọng kể kiêu ngạo

=>Dế Mèn khỏe mạnh, cường tráng, có vẻ đẹp hùng dũng của con nhà võ (<i>nét đẹp</i>).	=>Dế Mèn kiêu căng tự phụ, xem thường mọi người, hung hăng hống hách, xúc nổi (<i>nét chưa đẹp</i>).
---	--

2. Bài học đường đời đầu tiên

a. Nhân vật Dế Choắt

Hình dáng	Cách sinh hoạt	Ngôn ngữ
<ul style="list-style-type: none"> - Chạc tuổi: Dế Mèn - Người: gầy gò, dài lêu nghêu như gã nghiện thuốc phiện. - Cánh: ngắn cùn ... như người cời trần mặc áo ghi nê. - Đôi càng: bè bè, nặng nề - Râu: cụt có một mẩu - Mặt mũi: ngẩn ngẩn ngơ ngơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Ăn xổi, ở thì 	<ul style="list-style-type: none"> - Với Dế Mèn: <ul style="list-style-type: none"> + Lúc đầu: gọi “anh” xưng “em”. + Trước khi mất: gọi “anh” xưng “tôi” và nói: “ở đời....thân”. - Với chị Cốc: <ul style="list-style-type: none"> + Van lạy + Xưng hô: chị - em.

⇒ NT: miêu tả, sử dụng thành ngữ

=> Gầy gò, ốm yếu nhưng rất khiêm tốn, nhã nhặn. Bao dung độ lượng trước tội lỗi của Mèn.

b. Thái độ của Dế Mèn với Dế Choắt

- Chê bai nhà cửa và lối sống của Dế Choắt.
 - Từ chối lời đề nghị cần giúp đỡ của Choắt
- => Khinh bỉ, coi thường Dế Choắt.

c. Bài học đường đời đầu tiên của Dế Mèn.

Dế Mèn	Trước khi	Sau khi	Hậu
--------	-----------	---------	-----

	trêu chị Cốc	trêu chị Cốc	quả
Hành động	- Mắng, coi thường, bắt nạt Choắt. - Cất giọng véo von trêu chị Cốc.	- Chui tọt vào hang. - Núp tận đáy hang, nằm in thít. - Mon men bò lên. - Chôn Dế Choắt.	Dế Choắt bị chị Cốc mỗ cho đến chết
Thái độ	Hung hăng, ngạo mạn, xấc xược.	Sợ hãi, hèn nhát	Hối hận
Bài học	- Không nên kiêu căng, coi thường người khác. - Không nên xốc nổi để rồi hành động điên rồ.		

LUYỆN TẬP VỀ VĂN BẢN: BÀI HỌC ĐƯỜNG ĐỜI ĐẦU TIÊN

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Đặc điểm nào chưa đúng về nhà văn Tô Hoài?

A. Tô Hoài sinh năm 1920,

B. Ông sinh ra ở mảnh đất Nghệ An giàu truyền thống cách mạng.

C. Ông viết văn từ trước cách mạng tháng Tám – 1945

D. Là nhà văn hiện đại Việt Nam, có nhiều tác phẩm dành cho thiếu nhi.

Câu 2: Đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên được trích từ tác phẩm nào?

A. Đất rừng phương Nam.

B. Dế Mèn phiêu lưu kí.

C. Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

D. Những năm tháng cuộc đời.

Câu 3: Đoạn trích nằm ở phần nào của tác phẩm?

A. Chương I

B. Chương III

C. Chương VI

D. Chương X

Câu 4: Chi tiết nào sau đây không thể hiện sự trịch thượng, ích kỉ và khinh thường Dế Choắt

A. Xung hô với Dế Choắt là chú mày và tao mặc dù cả hai cùng bằng tuổi

B. Sang chơi nhà Dế Choắt thì hết sức chê bai nhà Dế Choắt

C. Khi Dế Choắt xin đào giúp một ngách sang nhà thì Dế Mèn khinh khỉnh, ích kỉ không cho và nói những lời phỉ báng.

D. Dế Mèn đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum và đắp thành nấm mộ to

Câu 5: Hai nhân vật chính trong đoạn trích trên là ai?

A. Mẹ Dế Mèn và Dế Mèn.

B. Dế Mèn và chị Cốc.

C. Dế Mèn và Dế Choắt.

D. Chị Cốc và Dế Choắt.

Câu 6: Trước cái chết thương tâm của Dế Choắt, Dế Mèn đã có thái độ như thế nào?

A. Buồn rầu và sợ hãi

B. Thương và ăn năn hối hận

C. Than thở và buồn phiền

D. Nghĩ ngợi và xúc động

Câu 7: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là

A. Tự sự

B. Biểu cảm

C. Miêu tả

D. Nghị luận

Câu 8: Văn bản Bài học đường đời đầu tiên sử dụng hiệu quả nhất biện pháp tu từ nào?

A. So sánh

B. Ẩn dụ

C. Nhân hóa

D. Hoán dụ

Câu 9: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

A. Ôm yếu, gầy gò và xanh xao.

B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.

C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.

D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

Câu 10: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên như thế nào?

A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.

B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,

C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.

D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

Câu 11: Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.

B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ.

C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.

D. Cần đối xử với mọi người thân thiện, hòa nhã, tránh thái độ xem thường người khác.

Câu 12: Trước khi chết, Dế Choắt đã khuyên Dế Mèn những gì?

A. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

B. Ở đời không nên xem thường người khác, cần tôn trọng người khác như chính bản thân mình.

C. Cần phải báo thù cho Choắt.

D. Không nên trêu ghẹo người khác.

Câu 13: Bài học rút ra từ đoạn trích là gì?

A. Sống ở đời phải khiêm tốn, biết nhường nhịn và cảm thông với người khác.

B. Không được kiêu căng, tự phụ để rồi không chỉ hại mình mà còn gây vạ cho người khác.

C. Cần phải sống đoàn kết, thân ái với mọi người xung quanh.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 14: Giá trị nghệ thuật của đoạn trích trên thể hiện ở điểm nào?

A. Truyện kể theo ngôi thứ nhất hấp dẫn.

B. Cách quan sát, miêu tả loài vật sống động, trí tưởng tượng phong phú.

C. Ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 15: Đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên được kể lại theo lời

A. Dế Mèn.

B. Chị Cốc.

C. Dế Choắt.

D. Tác giả.

Câu 16: Tác giả đã khắc họa vẻ ngoài của Dế Mèn như thế nào?

A. Ôm yếu, gầy gò và xanh xao.

B. Khỏe mạnh, cường tráng và đẹp đẽ.

C. Mập mạp, xấu xí và thô kệch.

D. Thân hình bình thường như bao con dế khác.

Câu 17: Tính cách của Dế Mèn trong đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên như thế nào?

A. Hiền lành, tốt bụng và thích giúp đỡ người khác.

B. Khiêm tốn, đối xử hòa nhã với tất cả các con vật chung quanh,

C. Hung hăng, kiêu ngạo, xem thường các con vật khác.

D. Hiền lành và ngại va chạm với mọi người.

Câu 18: Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra được qua cái chết của Dế Choắt là gì?

A. Không nên trêu ghẹo những con vật khác, nhất là họ hàng nhà Cốc.

B. Nếu có ai nhờ mình giúp đỡ thì phải nhiệt tâm thực hiện, nếu không có ngày mình cần thì sẽ không có ai giúp đỡ. Tài liệu của Nhung tây

C. Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào thân.

2. Đọc hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Tôi không ngờ Dế Choắt nói với tôi một câu như thế này:
- Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Dế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình. Giá tôi không trêu chị Cốc thì đâu đến nỗi Choắt việc gì. Cả tôi nữa, nếu không nhanh chân vào hang thì tôi cũng chết toi rồi.

Tôi đem xác Dế Choắt đến chôn vào một vùng cỏ bùm tum. Tôi đắp thành nấm mộ to. Tôi đứng lặng giờ lâu, nghĩ về bài học đường đời đầu tiên”.

(Dế Mèn phiêu lưu kí, Tô Hoài)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên?

Câu 2. Trước khi tắt thở, Dế Choắt đã khuyên Dế Mèn điều gì? Qua đó, em nhận thấy Dế Choắt có phẩm chất đáng quý nào? Tài liệu của Nhung tây

Câu 3. Bài học đầu tiên mà Dế Mèn rút ra cho bản thân mình là bài học nào?

Câu 4. Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, nếu em cũng mắc phải lỗi lầm, bản thân em cần có thái độ ra sao trước lỗi lầm mình? Tài liệu của Phương Nhung

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là tự sự.

Câu 2. Trước khi tắt thở, Dế Choắt đã khuyên Dế Mèn: Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Qua đó, em nhận thấy Dế Choắt có phẩm chất đáng quý: hiền lành, hiểu biết, vị tha, nhân hậu, cao thượng. Tài liệu của Phương Nhung

Câu 3.

- Bài học đường đời đầu tiên mà Dế Mèn rút ra sau cái chết của Dế Choắt: Thói ngông cuồng của mình, trêu đùa, khinh thường người khác, thoả mãn niềm vui cho mình đã gây ra hậu quả khôn lường, phải ân hận suốt đời.

Câu 4. Từ trải nghiệm và bài học của Dế Mèn, nếu em cũng mắc phải lỗi lầm, bản thân em cần có thái độ :

- Thẳng thắn nhận khuyết điểm, và cố gắng sửa chữa khuyết điểm, hoàn thiện nhân cách lối sống.

- Biết ân hận, có thái độ thành khẩn để xin lỗi.

- Luôn sống khiêm tốn, học cách cư xử đúng mực, chan hòa với mọi người.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

... “Choắt không dậy được nữa, nằm thoi thóp. Thấy thế, tôi hoảng hốt quỳ xuống, nâng đầu Choắt lên mà than rằng:

- Nào tôi đâu biết cơ sự lại ra nông nổi này! Tôi hối lắm. Tôi hối hận lắm! Anh mà chết

là chỉ tại cái tội ngông cuồng dại dột của tôi. Tôi biết làm thế nào bây giờ?

Tôi không ngờ Đế Choắt nói với tôi một câu như thế này:

- Thôi, tôi ốm yếu quá rồi, chết cũng được. Nhưng trước khi nhắm mắt, tôi khuyên anh: ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy.

Thế rồi Đế Choắt tắt thở. Tôi thương lắm. Vừa thương vừa ăn năn tội mình...”

(Trích “ Bài học đường đời đầu tiên”- Đế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài)

Câu 1: Tìm các từ láy và xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên. Trình bày tác dụng của các từ láy và biện pháp tu từ đó.

Câu 2: Giả sử em là nhân vật Đế Mèn, đứng trước mộ của Đế Choắt, em sẽ suy nghĩ gì?

Câu 3: Căn cứ vào đâu mà Đế Choắt đưa ra lời khuyên với Đế Mèn: “... Ở đời mà có thói hung hăng bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ, sớm muộn rồi cũng mang vạ vào mình đấy ”? Em có suy nghĩ gì về lời khuyên của Đế Choắt và rút ra bài học cho bản thân (hãy trình bày bằng đoạn văn ngắn) Tài liệu của Nhung tây

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

+ Chỉ ra các từ láy và biện pháp tu từ:

- Các từ láy trong đoạn văn: *thoi thóp, hoảng hốt, nông nổi, dại dột, hối hận, hung hăng, bậy bạ, ăn năn*

- Biện pháp tu từ: Nhân hóa.

+ Tác dụng của từ láy và biện pháp tu từ nhân hoá:

- Các từ láy đã miêu tả một cách sinh động, cụ thể hình dáng của Đế Choắt và tâm trạng lo lắng, sợ hãi, ăn năn, hối hận của Đế Mèn sau khi trêu chị Cốc để Đế Choắt bị tấn công.

- Biện pháp tu từ nhân hoá khiến các Đế Mèn và Đế Choắt vốn là các loài vật trở nên gần gũi với con người, hiện ra như những con người biết hành động, suy nghĩ, có tình cảm, cảm xúc... Làm cho câu chuyện diễn ra chân thực, sinh động, hấp dẫn.

Câu 2

HS có thể viết về suy nghĩ của mình là:

- Vô cùng ân hận vì thói ngông cuồng, dại dột của mình khiến dẫn đến cái chết thương tâm của Đế Choắt. Tài liệu của Phương Nhung

- Hứa với Đế Choắt, tự hứa cả với lòng mình sẽ bỏ “ thói hung hăng, bậy bạ, có óc mà không biết nghĩ” của mình. Tài liệu của Nhung tây

- Cầu xin Đế Choắt tha thứ.

Câu 3

+ Đế Choắt đã căn cứ vào đặc điểm tính cách của Đế Mèn ở đầu đoạn trích và đặc biệt là hành động đứng trước của hang trêu chị Cốc của Đế Mèn dẫn đến hậu quả tai hại.

+ Suy nghĩ về lời khuyên của Đế Choắt: Lời khuyên của Đế Choắt là hoàn toàn đúng. Không chỉ đúng với nhân vật Đế Mèn mà còn đúng với tất cả các bạn trẻ có đặc điểm tính cách như Đế Mèn.

+ Bài học:

- Không nên hung hăng, hống hách, bậy bạ, không nên kiêu căng, tự phụ, coi thường người khác,...

- Cần đoàn kết, yêu thương giúp đỡ nhau trong học tập và trong mọi lĩnh vực cuộc sống

- Cần khiêm tốn, chống những biểu hiện tiêu cực, chống bạo lực học đường....

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

...“Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch, giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Đầu tôi to ra và nổi từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất hùng dũng”

(Ngữ văn 6 - Tập 1)

Câu 1 Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

Câu 2. Tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu nào để viết đoạn văn trên? Đoạn văn trên ai là người kể chuyện? Người kể chuyện ở ngôi thứ mấy? Tác dụng của ngôi kể đó? Tài liệu của Nhung tây

Câu 3 . Tìm một phép so sánh có trong đoạn trên. Cho biết đó là kiểu so sánh nào?

Câu 4: Nêu ngắn gọn nội dung của đoạn trích trên?

Câu 5: Nêu giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản có chứa đoạn trích trên.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1

- Đoạn văn trên trích từ văn bản: "Bài học đường đời đầu tiên"

Tác giả Tô Hoài

Câu 2:

-Tác giả sử dụng phương thức biểu đạt chủ yếu: Miêu tả

- Ngôi kể của văn bản: Văn bản được kể bằng ngôi thứ nhất.

Đoạn văn trên Dế Mèn là người kể chuyện và sử dụng ngôi kể thứ nhất: "tôi"

- Tác dụng: Cách kể này vừa gây ấn tượng về một câu chuyện có thực vừa tạo ra sự gắn kết giữa nhân vật và người đọc. Tài liệu của Nhung tây

+ Làm câu chuyện trở lên gần gũi, đáng tin cậy đối với người đọc.

Câu 3:

Một phép so sánh có trong đoạn văn: Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.

- Kiểu so sánh: So sánh ngang bằng.

Câu 4

- Nội dung của đoạn trích: Đoạn văn miêu tả vẻ đẹp cường tráng của Dế Mèn (qua đó hé lộ một phần tính cách kiêu căng của nhân vật.

Câu 5:

HS nêu đủ, đúng giá trị của văn bản:

* Về nội dung: Miêu tả Dế Mèn có vẻ đẹp cường tráng của tuổi trẻ nhưng tính tình còn kiêu căng, xốc nổi. Do bày trò trêu chọc Cốc nên đã gây ra cái chết thảm thương cho Dế Choắt, Dế Mèn hối hận và rút ra được bài học đường đời cho mình.

* Về nghệ thuật: miêu tả loài vật sinh động, cách kể chuyện theo ngôi thứ nhất tự nhiên, hấp dẫn, ngôn ngữ chính xác, giàu tính tạo hình. Tài liệu của Nhung tây

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Tài liệu của Nhung tây Đôi cánh tôi, trước kia ngắn hủn hoãn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giòn. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng. Tài liệu của Nhung tây Tôi lấy làm hãnh diện với bà con vì cặp râu ấy lắm. Cứ chốc chốc tôi lại trịnh trọng và khoan thai đưa cả hai chân lên vuốt râu”

(Ngữ văn 6- tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Văn bản ấy thuộc tác phẩm nào? Tác giả là ai?

Câu 2: Cho biết phương thức biểu đạt chính của văn bản em vừa tìm được?

Câu 3: Văn bản được kể theo ngôi thứ mấy? Nêu tác dụng của ngôi kể ấy?

Câu 4: Liệt kê các phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn và nêu tác dụng.

Câu 5: Đoạn văn đề cập tới vẻ đẹp ngoại hình của Dế Mèn, có ý kiến cho rằng: “Dế Mèn có vẻ đẹp của một thanh niên cường tráng”. Em có đồng ý với ý kiến đó không, hãy chứng minh. Tài liệu của Nhung tây

Hướng dẫn làm bài:**Câu 1:**

- Đoạn văn trên trích từ văn bản Bài học đường đời đầu tiên
- Tác phẩm: Dế Mèn phiêu lưu kí
- Tác giả: Tô Hoài

Câu 2:

- PTBD chính: Miêu tả

Câu 3:

- Văn bản kể theo ngôi thứ nhất
- Tác dụng: giúp nhân vật Dế Mèn có thể dễ dàng bộc lộ cảm xúc của mình một cách trực tiếp => Làm câu chuyện trở nên chân thực hơn,

Câu 4:

- Các phép so sánh được sử dụng trong đoạn văn:
 - + *Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.*
 - + *Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*
- Phép so sánh được sử dụng gợi hình ảnh khỏe khoắn của Dế Mèn, đem đến ấn tượng về một chàng dế thanh niên hùng dũng, có sức mạnh, mang sự cường tráng

Câu 5:

- Em đồng ý với ý kiến đó
- Chứng minh: Sự cường tráng thể hiện qua hình dáng và hành động
 - + Hình dáng: Đôi càng mẫm bóng; vuốt: cứng, nhọn hoắt; đôi cánh: dài; đầu to nổi từng tảng; hai răng đen nhánh; râu dài uốn cong.

+ Hành động: Đạp phanh phách, vỗ cánh phành phạch, nhai ngoàm ngoạp, trịnh trọng vuốt râu.

- Vẻ đẹp cường tráng, trẻ trung, đầy sức sống, tự tin, yêu đời của Dế Mèn.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

“ Chẳng bao lâu tôi đã trở thành một chàng dế thanh niên cường tráng. Đôi càng tôi mẫm bóng. Những cái vuốt ở chân, ở khoeo cứ cứng dần và nhọn hoắt. Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi co cẳng lên, đạp phanh phách vào các ngọn cỏ. Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua. Đôi cánh tôi, trước kia gập hủn hoẳn bây giờ thành cái áo dài kín xuống tận chấm đuôi. Mỗi khi tôi vũ lên, đã nghe tiếng phành phạch giòn giã. Lúc tôi đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được và rất ưa nhìn. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc. Sợi râu tôi dài và uốn cong một vẻ rất đỗi hùng dũng.”

“ Cái chàng dế choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện. Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê. Đôi càng bè bè, nặng nề trông đến xấu. Râu ria gì mà cụt có một mẩu và mặt mũi lúc nào cũng ngán ngán ngo ngo.”

(Ngữ văn 6- tập 1)

Câu 1: Đoạn văn trích trong văn bản nào? Văn bản ấy thuộc tác phẩm nào? Xác định năm sáng tác của tác phẩm đó. Tài liệu của Nhung tây

Câu 2: Hai đoạn văn trên có cùng sử dụng một phương thức biểu đạt không ? Đó là phương thức biểu đạt nào?

Câu 3: Hai nhân vật được đề cập trong hai đoạn văn là những ai?

Câu 4: Cả hai nhân vật cùng được chọn tả các chi tiết thân hình, cánh, càng, râu....nhưng mỗi nhân vật lại gợi cho người đọc một ấn tượng riêng về sức vóc và tính nết. Theo em, ấn tượng ấy là gì ? Nhờ đâu nhà văn có thể gợi cho ta ấn tượng đó về nhân vật.

Câu 5: Tìm và viết lại các câu văn có sử dụng phép so sánh trong hai đoạn văn trên.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1:

- Đoạn văn trên trích từ văn bản Bài học đường đời đầu tiên
- Tác phẩm: Dế Mèn phiêu lưu kí
- Thời gian ra đời: 1941

Câu 2:

- Hai đoạn văn trên sử dụng cùng một phương thức biểu đạt: Miêu tả

Câu 3:

- Hai nhân vật được đề cập:

+ Đoạn 1: Dế Mèn

+ Đoạn 2: Dế Choắt

Câu 4:

- Theo em, ấn tượng đó là:

+ DM mang ấn tượng về một chàng dế khoẻ mạnh, cường tráng. Dế Choắt mang ấn tượng về sự ốm yếu, gầy gò.

- Ấn tượng ấy có được là do cách chọn chi tiết miêu tả của nhà văn tạo nên.

Câu 5:

- Câu văn sử dụng phép so sánh:

+ *Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.*

+ *Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*

+ *Cái chàng dế choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện*

+ *Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê*

3. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Đêm ấy ông khách - đích thị Bọ Dừa, cụ giáo thông thái chả bao giờ nói sai – ngủ lại dưới vòm lá trúc thật. Với ông, ngủ ngoài trời là chuyện bình thường. Nhưng đêm nay trời nhiều mây. Lá cây xào xạc. Côn trùng trong lòng đất rỉ rả mãi một điệu buồn. Ai như Tắc Kè khuya khoắt đang gọi cửa. Đêm ở Bờ Giậu thanh vắng đến nỗi nghe rõ cả tiếng Ốc Sên đi làm về, nhẹ nhàng vén tà áo trườn qua chiếc lá rụng. Nửa đêm, xiu chút nữa Bọ Dừa thiếp đi thì sương bắt đầu rơi. Lẫn trong tiếng thở dài của gió là tiếng rơi lộp độp của sương. Thật bất ngờ, một giọt sương nhằm trúng cổ ông khách rớt xuống. Bọ Dừa rùng mình, tỉnh hẳn”.

(Trích *Giọt sương đêm*, Trần Đức Tiến, in trong *Xóm Bờ Giậu*).

Câu 1. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, vì sao Bọ Dừa tỉnh ngủ trong đêm?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nổi bật được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 4. Nhớ lại và miêu tả một âm thanh hoặc hình ảnh mà em thấy ấn tượng nhất về cuộc sống về đêm nơi em sinh sống mà em đã từng lắng nghe hoặc chứng kiến. Lí giải lí do em ấn tượng.

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Ngôi kể thứ ba.

- Các nhân vật được nói tới trong đoạn trích: Bọ Dừa, Tắc Kè, Ốc Sên.

Câu 2:

Theo đoạn trích, Bọ Dừa tỉnh ngủ trong đêm vì bị một giọt sương rơi xuống trúng cổ.

Câu 3:

- Biện pháp nhân hoá: Côn trùng – rỉ rả điệu buồn; Tắc Kè gọi cửa; Ốc Sên đi làm về, vén tà áo...; gió thở dài; giọt sương nhằm trúng cổ ông khách rớt xuống; Bọ Dừa tỉnh ngủ.

- Biện pháp liệt kê: Liệt kê hàng loạt các hình ảnh, âm thanh cuộc sống nơi xóm Bờ Giậu khi đêm đến.

(HS chỉ nêu 1 trong 02 biện pháp vẫn cho điểm tối đa).

- Tác dụng của các biện pháp tu từ:

+ Làm cho lời văn sinh động, hấp dẫn, lôi cuốn, gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh những hình ảnh, âm thanh sinh động của cuộc sống về đêm nơi xóm Bờ Giậu, nhấn mạnh vẻ đẹp thanh bình mà sống động nơi đây.

+ Cho thấy tình yêu thiên nhiên, tài quan sát tỉ mỉ, tinh tế của người viết.

Câu 4:

- HS có thể nêu một trong những hình ảnh/âm thanh mà bản thân thấy ấn tượng về cuộc sống về đêm nơi mình sinh sống. Có thể như: âm thanh tiếng rao của những người bán hàng rong; âm thanh tiếng chổi và tiếng xe đẩy rác của những cô chú lao công quét dọn đường phố; ...; âm thanh tiếng mưa, tiếng côn trùng, tiếng gió thổi,...

- Lí do ấn tượng: Những âm thanh gần gũi, làm cho bản thân thêm yêu quý những người lao động chân chính; thấy yêu vẻ đẹp cuộc sống hơn,...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“... Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình sẵn gà, con người sẵn mình. Mọi con gà đều giống nhau. Mọi con người đều giống nhau. Cho nên mình hơi chán. Bởi vậy, nếu bạn cảm hóa mình, xem như đời mình đã được chiếu sáng. Mình sẽ biết thêm một tiếng chân khác hẳn mọi bước chân khác. Những bước chân khác chỉ khiến mình chón vào lòng đất. Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc. Và nhìn xem! Bạn thấy không, cách đồng lúa mì đằng kia? Mình không ăn bánh mì. Lúa mì chả có ích gì cho mình. Những đồng lúa mì chẳng gọi nhớ gì cho mình cả. Mà như vậy thì buồn quá! Nhưng bạn có mái tóc vàng óng. Nếu bạn cảm hóa mình thì thật là tuyệt vời! Lúa mì vàng óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thích tiếng gió trên đồng lúa mì...”

(Trích Hoàng tử bé, Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri)

Câu 1: Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai, trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Nghĩa của từ “đơn điệu” được dùng trong đoạn văn trên là gì?

Câu 3: Chỉ ra phép tu từ và nêu tác dụng của phép tu từ đó trong câu văn “Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc”. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4: Từ đoạn văn và trải nghiệm thực tế của bản thân, theo em cần làm gì để có một tình bạn đẹp. Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý làm bài

Câu 1: Đoạn văn trên là lời của con cáo nói với hoàng tử bé, trong hoàn cảnh cuộc trò chuyện cởi mở của cáo với hoàng tử khi hoàng tử vừa xuống Trái Đất để tìm bạn bè.

Câu 2: Nghĩa của từ “đơn điệu” được dùng trong đoạn văn trên là: chỉ có một sự lặp đi lặp lại, ít thay đổi. Cuộc sống đơn điệu. Tài liệu của Nhung tây

Câu 3:

- Phép tu từ so sánh: tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc một âm thanh du dương, mang cảm xúc.

Tác dụng:

+ So sánh như vậy để thấy được tiếng bước chân của hoàng tử bé gần gũi, ấm áp, quen thuộc với cáo. Như vậy nhờ sự gắn bó yêu thương, những điều tưởng như nhạt nhẽo “ai cũng giống ai” lại trở nên đặc biệt và đầy ý nghĩa.

+ Làm cho câu văn thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.

+ Tác giả muốn ca ngợi ý nghĩa của tình bạn: có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu. Nhấn mạnh vẻ đẹp của nhân vật con cáo: hiểu

biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4: Để có một tình bạn đẹp, mỗi chúng ta cần:

- Phải hiểu và cảm thông, chia sẻ trong mọi vui buồn của cuộc sống.
- Giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Tin tưởng nhau, có thể hi sinh vì nhau...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

MUỐI TO, MUỐI BÉ

Hạt muối Bé nói với hạt muối To:

- *Em đến chia tay chị này, em sắp được hòa trong đại dương.*

Muối To trở mắt:

- *Em dại quá, sao lại để đánh mất mình như thế? Em muốn thì cứ làm, chị không điên!*

Muối To thu mình co quắp lại, nhất định không để biển hòa tan. Muối To lên bờ, sống trong vương muối. Nó vẫn ngạo nghễ, to cứng và nhìn chúng bạn bé tí ti đầy khinh khỉnh. Thu hoạch, người ta gặt nó ra ngoài, xếp vào loại phế phẩm, còn những hạt muối tinh trắng kia được đóng vào bao sạch đẹp...

Sau một thời gian lẩn lóc hết xô chợ này đến xô chợ khác, cuối cùng người ta cho muối To vào nồi cám heo. Tũn nhục ê chề, nó thu mình co cứng hơn mặc cho nước sôi trăm độ cũng không lấy được, dù là cái vảy da của nó. Khi rửa máng heo, người ta phát hiện nó, và chẳng cần nghĩ suy, ném nó ra đường. Người người qua lại đạp lên nó.

Trời đổ mưa, muối Bé, bây giờ là hạt mưa, gặp lại muối To. Muối Bé hí hửng kể:

- *Tuyệt lắm chị ơi! Khi em hòa tan trong nước biển, em được bay lên trời, sau đó em thành mưa tưới mát cho Trái Đất thêm xanh tươi. Thôi chào chị, em còn đi chu du nhiều nơi trên Trái Đất trước khi về biển, chuẩn bị một hành trình tuyệt vời khác...*

- *Nhìn muối Bé hòa mình với dòng chảy, xa dần, xa dần... bỗng dưng muối To thêm khát cuộc sống như muối Bé, muốn hòa tan, hòa tan...*

(Theo Truyện cổ tích chọn lọc)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. Trước việc hòa tan vào đại dương, tại sao muối To cho đó là “dại” còn muối Bé lại thấy là “tuyệt lắm”?

Câu 3. Khi vào mùa thu hoạch, số phận của muối To như thế nào?

Câu 4. Nêu ý nghĩa biểu tượng của hạt muối trong câu chuyện trên? (Chia sẻ bằng đoạn văn khoảng 5- 7 dòng)

GỢI Ý ĐÁP ÁN

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2:

- Muối To cho rằng việc hòa tan vào đại dương là “dại” vì sẽ đánh mất mình, sẽ bị biến mất, không còn giữ được những cái của riêng mình nữa.
- Muối Bé cho là “tuyệt lắm” vì khi hòa vào biển, nó được hóa thân, được cống hiến sức mình cho trái Đất...

Câu 3: Vào mùa thu hoạch, muối To bị gặt ra ngoài, bị xếp vào loại phế phẩm.

Câu 4: Ý nghĩa biểu tượng của mỗi hình ảnh:

- Muối To: Hình ảnh của con người sống ích kỉ, chỉ khư khư giữ lấy giá trị riêng của mình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 9

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Gió thổi các ngọn khói bay trên tầng ống khói nhà máy. Gió toả hơi mát của dòng suối ra khắp bờ cây. Gió đưa mùi thơm của hoa vườn tràn ra đồng cỏ. Bà mẹ ra hiên gọi con về ăn cơm, gió đưa tiếng gọi vang ra xa ngoài cánh đồng, đến tận tai em bé ngồi trên lưng trâu. Gió thổi bay phấp phới hai dải mũ bác thủy thủ, gió ngừng một chút để bác thủy thủ châm lửa vào điếu thuốc, rồi lại lồng lộn thổi tiếp. Bác thủy thủ kéo lá cờ lên đỉnh cột buồm, gió thổi lá cờ phấp phất. Khắp mặt biển vang lên tiếng còi, tiếng chuông, tiếng xích nhỏ neo, tiếng reo hò. Gió rộng lớn thổi khắp bầu trời mặt đất, nhưng vẫn không quên quay tít cái chong chóng nhỏ sắc sỡ trên tay em bé. Em bé vừa chạy vừa reo lên:

“Gió! Gió! Gió mát quá!”

“A, tên mình đây rồi! - Cô Gió thầm nghĩ - Mình đã tìm thấy tên rồi!”

Cô Gió cất tiếng chào ngọn khói, những bông hoa, những lá cờ, chào những cái chong chóng đang quay và chào những cánh buồm đang căng mở trên sóng lớn, những con thuyền lướt nhanh trên mặt biển. Cô lại cất tiếng hát:

Tôi là ngọn gió

Ở khắp mọi nơi

Công việc của tôi

Không bao giờ nghỉ...

Cô không có dáng hình, nhưng điều đó chẳng sao, hình dáng của cô là ở người khác, ở sự có ích cho người khác, ở niềm vui của người khác. Dù không trông thấy cô, người ta nhận ra cô ngay và gọi tên cô: Gió!

(Trích “Cô gió mất tên” – Xuân Quỳnh)

Câu 1: Xác định ngôi kể trong đoạn trích.

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn sau:

“Cô Gió cất tiếng chào ngọn khói, những bông hoa, những lá cờ, chào những cái chong chóng đang quay và chào những cánh buồm đang căng mở trên sóng lớn, những con thuyền lướt nhanh trên mặt biển.”

Câu 3: Tại sao dù không trông thấy cô Gió, người ta vẫn nhận ra cô ngay và gọi tên cô: “Gió” ?

Câu 4: Qua văn bản đọc hiểu, em hãy rút ra thông điệp cho bản thân.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Ngôi kể thứ ba.

Câu 2:

- Biện pháp tu từ nhân hoá:

+ Cách gọi tên sự vật “Cô Gió”

+ Hoạt động của sự vật: chào ngọn khói, những bông hoa,...

- Biện pháp liệt kê: Liệt kê những đối tượng mà cô Gió chào: *ngọn khói, bông hoa, lá cờ, chong chóng đang quay, những con bướm, những con thuyền.*

Tác dụng:

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, gợi hình ảnh, gợi cảm xúc.

+ Làm cho đối tượng gió trở nên sinh động, gần gũi như con người, mang những suy nghĩ, tình cảm của con người.

+ Nhấn mạnh tình cảm của cô Gió dành cho những sự vật khác.

Câu 3: Dù không trông thấy cô Gió, người ta vẫn nhận ra cô ngay và gọi tên cô: “Gió” bởi mọi người ghi nhận những việc làm tốt, những lợi ích, những niềm vui mà cô Gió đem lại cho mọi người.

Câu 4: HS lựa chọn và rút ra thông điệp ý nghĩa cho bản thân và lí giải.

Có thể nêu:

Thông điệp ý nghĩa rút ra: Trong cuộc sống, chúng ta hãy cứ làm thật nhiều việc tốt, trao đi tình cảm cho mọi người dù chonhững việc làm tốt ấy có thể không ai nhìn thấy. Vì khi làm những việc tốt, việc có ích cho mọi người thì tự bản thân mỗi người sẽ tìm thấy được vui vẻ, nhẹ nhàng hơn và sẽ nhận được sự yêu quý, kính trọng và giúp đỡ lại từ mọi người.

4. Dạng viết ngắn

Viết đoạn văn khoảng Viết đoạn văn khoảng (5-7 câu) kể lại một sự việc trong đoạn trích Bài học đường đời đầu tiên bằng lời của một nhân vật do em tự chọn.

Gợi ý trả lời

Một hôm, nhìn thấy chị Cốc bỗng ta nghĩ ra một trò nghịch dại và rủ Choắt chơi cùng. Nhưng khi nghe nhắc đến tên chị Cốc thì Choắt lại hoảng sợ xin thôi, đã thế còn khuyên tôi đừng trêu vào, phải biết sợ. Nghe thật tức cái tai. Tôi nào đâu biết sợ ai. Tức giận, tôi quay lại cất tiếng trêu chị Cốc, chứng minh cho Choắt thấy sự dũng cảm của mình. Nhưng chị Cốc không phải hiền lành. Nghe tiếng trêu, chị ta trợn tròn mắt, giương cánh lên, như sắp đánh nhau. Lúc đó tôi cảm thấy sợ hãi nên vội chui tọt vào hang, lên giường nằm khênkh. Lúc bấy giờ, tôi không hề nghĩ đến anh bạn Dế Choắt tội nghiệp và cũng không thể tưởng tượng được chuyện sắp xảy ra. Đến hôm nay nghĩ lại, tôi vẫn còn thấy rùng mình.

I. Kiến thức chung

1. Tác giả

- Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri (1900 - 1944) là nhà văn lớn người Pháp.
- Ông là phi công và từng tham gia chiến đấu trong Chiến tranh thế giới thứ hai.
- Hầu hết các tác phẩm của ông lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công.
- Ngôi bút của Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri đậm chất trữ tình, trong trẻo, giàu cảm hứng lãng mạn.
- Một số tác phẩm tiêu biểu: Bay đêm, Cõi người ta, Phi công thời chiến, Hoàng tử bé...

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ

- Hoàng tử bé được xuất bản lần đầu tiên năm 1943, là tác phẩm nổi tiếng nhất của Ăng-toan đơ Xanh-tơ Ê-xu-pe-ri.
- Tác phẩm từng được bình chọn là tác phẩm văn học hay nhất thế kỉ XX của Pháp, được dịch ra hơn 250 thứ tiếng.
- Đoạn trích "Nếu cậu muốn có một người bạn" thuộc chương XXI kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và một con cáo trên trái đất. Nhan đề của đoạn trích do người biên soạn đặt.

Tài liệu của Nhung tây

b. Tóm tắt Nếu cậu muốn có một người bạn

Khi vừa đến Trái Đất, hoàng tử bé nhìn thấy một vườn hoa hồng và nhận ra rằng ở hành tinh của mình, cậu chỉ có "một bông hoa tầm thường". Phát hiện này khiến cậu buồn bã, thất vọng, nằm dài tên cỏ và khóc. Đúng lúc đó thì một con cáo xuất hiện. Cáo đã trò chuyện với hoàng tử bé về Trái Đất, và thế nào là cảm hóa. Nó yêu cầu cậu bé hãy cảm hóa mình. Trước khi chia tay, cáo đã giải thích cho cậu nghe đóa hoa của cậu là duy nhất và đặc biệt vì bông hoa đó đã cảm hóa được cậu.

II. Phân tích văn bản

1. Cuộc gặp gỡ của hoàng tử bé và con cáo.

a. Hoàng tử bé

- Xuất thân: Đến từ một hành tinh khác. Một hành tinh không có thợ săn, không có gà... → "Chẳng có gì là hoàn hảo".
 - Mục đích xuất hiện tại Trái Đất: Đi tìm con người, tìm bạn bè. → Tìm những bản thể giống mình, tìm tình bạn đích thực.
 - Tâm trạng hiện tại: Mình buồn quá. → Buồn vì bông hồng của hoàng tử không phải duy nhất. Tài liệu của Nhung tây
 - Tâm trạng sau khi "cảm hóa":
- + Nhận ra ý nghĩa của "bông hồng", của những vật đã được mình "cảm hóa" và những vật đã "cảm hóa" mình.
- + Tự căn dặn bản thân, lặp lại để cho nhớ những lời dặn dò của con cáo với hoàng tử bé: chú trong lời nói của trái tim, có tinh thần trách nhiệm.

b. Con cáo

- Xuất thân: Ở Trái Đất.
- Mục đích: Muốn được hoàng tử bé "cảm hóa".
- Tâm trạng hiện tại:

+ Suy nghĩ về con người: phiền toái (có súng và đi săn), việc được nhất là nuôi gà. → Con người vừa đem lại lợi ích vừa là mối đe dọa với cáo.

+ Thấy trên thế giới có đủ thứ chuyện.

+ Buồn, "thở dài" khi "chẳng có gì là hoàn hảo".

+ Chán nản vì cuộc sống đơn điệu: Cáo săn gà, người săn cáo. Mọi con gà giống nhau, mọi con người giống nhau, không ai "cảm hóa" cáo. Tài liệu của Nhung tây

→ Mong cầu được "cảm hóa": "Bạn làm ơn... cảm hóa mình đi!".

- Sau khi đã được "cảm hóa":

+ Buồn bã, khóc khi phải rời xa một người bạn "Mình sẽ khóc mất", "Mình được chứ bởi vì còn có màu lúa mì." → Từ một vật không có ý nghĩa gì nay lại có ý nghĩa.

+ Nhắc nhở hoàng tử bé phải chú trọng vào tình cảm để cảm nhận, phải có trách nhiệm.

- Con cáo được nhân cách hóa như một con người, người bạn.

- Hình ảnh con người đi kiếm tìm ý nghĩa tình bạn.

2. Tâm hồn trong sáng vô ngần của hoàng tử bé

– **Hoàng tử bé trước khi gặp cáo:**

+ *Chi tiết:* Hoàng tử bé đến từ một hành tinh khác không phải Trái Đất.

- *Nhận xét:* Cậu cô đơn vì đến một nơi xa lạ, phải xa nhà, xa bạn bè.

+ *Chi tiết:* Cậu phát hiện ra bông hồng cậu trân quý ở quê hương lại rất tầm thường ở Trái Đất.

+ *Hành động:* Nằm dài trên cỏ và khóc

- *Nhận xét:* Hoàng tử bé buồn bã, thất vọng vì phát hiện những gì mình trân quý ở quê hương (cụ thể ở đây chính là bông hồng) lại rất tầm thường ở Trái Đất.

– **Khi cáo xuất hiện và gặp gỡ hoàng tử bé:**

+ *Những lời chào đầu tiên của hoàng tử bé với cáo:*

- “*Xin chào*”; “*Bạn dễ thương quá...*”

- Cho thấy thái độ lịch sự, thân thiện và chân thành của hoàng tử bé đối với người bạn xa lạ lần đầu gặp gỡ.

- “*Lại đây chơi với mình đi... Mình buồn quá*”

- Thể hiện rằng hoàng tử bé đang muốn được kết bạn, muốn được sẻ chia và thấu hiểu.

+ *Cuộc đối thoại với cáo:*

- *Hoàng tử bé lặp lại nhiều lần câu hỏi “cảm hóa nghĩa là gì”*

- Thể hiện rằng hoàng tử bé tò mò, ham học hỏi về những điều chưa biết (và bạn cáo đã sẵn sàng chia sẻ những điều đó cho hoàng tử bé)

- *Hoàng tử bé tâm sự với cáo: “Có một bông hoa... mình nghĩ là nó đã cảm hóa mình...”*

- Hoàng tử bé là người biết lắng nghe người khác và đồng thời cũng sẵn sàng chia sẻ những cảm xúc của mình cho người khác nghe.

- Đây chính là một trong những yếu tố góp phần hình thành nên tình bạn giữa hoàng tử bé và cáo.

+ *Hành trình cảm hóa cáo:*

Lý do hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo là bởi những lời chia sẻ của cáo khiến hoàng tử bé cảm thấy đồng cảm và thương bạn. Bên cạnh đó, hoàng tử bé cũng tò mò, muốn khám phá tình bạn là như thế nào?

- Hoàng tử bé chân thành và kiên nhẫn để xây dựng một tình bạn đẹp với cáo.

+ *Gặp lại vườn hoa hồng: thái độ của hoàng tử bé đã thay đổi*

Không còn buồn bã, thất vọng như trước kia.

Mọi băn khoăn, đau khổ đã được hóa giải.

- Hoàng tử bé hiểu được ý nghĩa lớn lao của tình bạn. Tình bạn tạo nên ý nghĩa cho bản thân, cuộc sống, cho vạn vật thế gian.

– **Hoàng tử bé khi phải chia tay cáo:**

+ *Động viên cáo: “Minh không muốn làm bạn đau lòng chút nào”.*

- Hoàng tử bé an ủi, động viên cáo nhưng chính cậu cũng vô cùng buồn bã, nuối tiếc.

+ *Lặp lại 3 bí mật mà cáo chia sẻ với cậu một cách đầy trân trọng:*

- “Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần”

- “Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hồng của mình”

- “Minh có trách nhiệm với bông hồng của mình”

=> Hoàng tử bé lặp lại như vậy để khắc ghi vào lòng những ý nghĩa thiêng liêng, những chân lý giản dị mà sâu sắc của tình bạn.

=> **Nhận xét về hoàng tử bé:**

- Là cậu bé có tâm hồn trong sáng vô ngần và lòng nhân ái bao la.

- Là người rất chân thành, cởi mở, khao khát tình thân, tình bạn.

3. So sánh 2 nhân vật hoàng tử bé và cáo

+ **Sự khác biệt:** Đây là 2 nhân vật không đồng loại

Cáo: con vật, sống trên Trái Đất

Hoàng tử bé: con người, đến từ hành tinh khác.

+ **Sự tương đồng:**

- Điều tha thiết có được tình bạn chân thành.

- Điều có trách nhiệm và trân trọng tình bạn.

- Điều cô đơn và cần được sẻ chia, thấu hiểu.

=> Dù đến từ hai miền đất xa lạ thì cáo và hoàng tử bé vẫn có những điểm chung. Và chính những điểm chung đó là nền tảng để họ chia sẻ, thấu hiểu và xây dựng một tình bạn đẹp. Tài liệu của Nhung tây

4. Ý nghĩa của cuộc trò chuyện

- Mối quan hệ giữa cảm hóa và tình bạn:

“Cảm hóa” - đó là thứ bị lãng quên lâu lắm rồi.

Nó có nghĩa là “làm cho gần gũi hơn...”

=> Tình bạn được xây dựng trên cơ sở của “cảm hóa”.

- Cách thức của sự cảm hóa: cần phải kiên nhẫn mỗi ngày, mỗi ngày lặng lẽ xích lại gần vì lời nói là nguồn gốc mọi sự hiểu lầm.

- Ý nghĩa của việc “cảm hóa”:

- Với cáo: sẽ được “chiếu sáng”, biết thêm một tiếng chân khác khiến cáo chui ra khỏi hang chứ không còn trốn vào lòng đất. Sau khi được cảm hóa thì lúa mì vốn chẳng có ích gì cho cáo sẽ là thứ gọi đến hoàng tử bé mỗi khi thấy nó. Khi chia tay rất buồn nhưng vẫn có được nhiều thứ. Tài liệu của Nhung tây

- Với hoàng tử bé: ý nghĩa bông hoa hồng của mình - “đã cảm hóa mình”. Khi thăm lại vườn hồng, cảm thấy bông hoa của mình là duy nhất. Nhận ra những thứ cốt lõi phải được cảm nhận bằng trái tim, trách nhiệm với những gì đã cảm hóa.

3. Chủ đề tư tưởng của văn bản "Nếu cậu muốn có một người bạn"

- Ý nghĩa lớn lao của tình bạn:

Tình bạn giúp ta tìm thấy ý nghĩa bản thân, tạo ra sự gắn kết giữa ta và thế giới xung quanh, làm cuộc sống của ta thêm tươi sáng, sinh động và hạnh phúc.

- Làm thế nào để kết bạn:

Ta phải sống chân thành, cởi mở, sẵn sàng sẻ chia với bạn bè. Cố gắng kiên nhẫn để thấu hiểu nhau, ta hiểu bạn và để bạn hiểu mình. Và cuối cùng là cần phải tin tưởng lẫn nhau.

4. Những ý nghĩa gợi ra từ cuộc gặp gỡ

- "Trên Trái Đất người ta thấy đủ thứ chuyện."

- "Chẳng có gì là hoàn hảo."

- Mỗi quan hệ giữa "Cảm hóa" và tình bạn:

+ "Cảm hóa" xuất hiện 13 lần trong bài, lặp đi lặp lại. → Vấn đề chính mà tác giả muốn đề cập trong đoạn trích.

+ Đó là thứ đã "bị lãng quên lâu lắm rồi". → Xã hội ngày càng trở nên thiếu vắng những tình bạn đích thực.

+ "Cảm hóa" là "làm cho gần gũi hơn...".

3. Đánh giá

- Nội dung

Nếu cậu muốn có một người bạn là đoạn trích nói lên ý nghĩa và cách thức chân chính để nhìn nhận một tình bạn. Câu chuyện xoay quanh hoàng tử bé và con cáo cùng định nghĩa về "cảm hóa". Từ đó nêu ra những bài học cuộc đời cho độc giả.

- Nghệ thuật

Tác giả đã nhân cách hóa thành công nhân vật con cáo phù hợp với thể loại truyện đồng thoại. Bên cạnh đó sử dụng ngôi kể thứ nhất chân thực, những ẩn dụ tinh tế và lối kể gần gũi, hấp dẫn.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Nhắc đến nhà văn Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri (1900-1944) là nói đến nhà văn lớn nước Pháp, ông vốn là một phi công nên hầu hết các tác phẩm của ông đều lấy đề tài, cảm hứng từ những chuyến bay và cuộc sống của người phi công. Ngôi bút của nhà văn đậm chất trữ tình, trong trẻo và giàu cảm hứng lãng mạn. Tiểu thuyết "*Hoàng tử bé*" được ông sáng tác năm 1943, gồm 27 chương, tác phẩm được dịch ra hơn 250 ngôn ngữ, đã bán 200 triệu bản, trở thành cuốn sách bán chạy nhất hành tinh ở mọi thời đại. Nhân vật chính là hoàng tử bé, từ hành tinh của mình, cậu đã phiêu lưu nhiều hành tinh khác nhau, phát hiện nhiều điều thú vị, và nếm trải cả những thất vọng, đau khổ. Cuối cùng cậu quyết định quay trở lại hành tinh của mình với bông hồng duy nhất. Văn bản "*Nếu cậu muốn có một người bạn*" là chương XXI của cuốn tiểu thuyết kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa hoàng tử bé và con cáo trên Trái Đất. Cuộc gặp gỡ đã mang lại cho cả hai món quà quý giá.

Đoạn trích kể về cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và cáo. Trước khi gặp cáo, hoàng tử bé đến từ tiểu tinh cầu B612. Cậu xuống Trái Đất để tìm con người, bạn bè "*Mình đi tìm con người...Mình đi tìm bạn bè*". Nhưng khi vừa đặt chân xuống Trái Đất, hoàng tử bé đã phải đối diện với nỗi thất vọng, đau khổ khi nhận ra bông hồng của cậu không phải là duy nhất. Tài liệu của Nhung tây

Trước hết, đọc văn bản, nhân vật hoàng tử bé hiện lên vô cùng đáng yêu, cậu thân thiện, chân thành, và luôn hết sức cởi mở. Cậu đang trên hành trình tìm kiếm bạn bè. Khi đến Trái Đất, cậu đã thấy một vườn hoa hồng rực rỡ. Và nhận ra, ở hành tinh của mình, cậu chỉ có một bông hoa hồng rất bình thường. Điều đó khiến cậu buồn bã. Đang nằm khóc lóc, cậu nghe thấy một giọng nói cất lên: “*Xin chào!*”. Tuy không biết là ai nhưng cậu đã lịch sự đáp lại lời chào “*Bạn là ai?*”, “*Bạn dễ thương quá!*” Chính cách hoàng tử bé chào hỏi với cáo lịch sự, thân thiện, khác với loài người trên Trái Đất (họ vốn coi cáo là con vật xấu tính, ranh mãnh, gian xảo) đã đem lại một cuộc gặp gỡ một cuộc trò chuyện cởi mở, tình bạn giữa hai bên nảy nở đầy tin yêu. Cái nhìn của Hoàng tử bé ngây thơ, hồn nhiên, trong sáng luôn tin cậy và hướng tới cái phần đẹp đẽ, tốt lành, không bị giới hạn bởi định kiến, hoài nghi như cách con người nhìn loài cáo. Văn bản đưa người đọc đến với cảm xúc trong trẻo, ngây thơ, hồn nhiên của cuộc trò chuyện giữa hai nhân vật. Con cáo được nhân hóa, vừa mang đặc tính của vật, vừa mang đặc tính của con người. Con cáo biết trò chuyện, một cuộc trò chuyện với những lời đối thoại vô cùng sinh động. Bao ý nghĩa tốt đẹp về tình bạn được mở ra.

Hoàng tử bé còn nói với cáo rằng mình rất buồn chán, và mong cáo hãy đến chơi với mình. Tài liệu của Nhung tây Nhung cáo đã từ chối cậu vì “*Mình chưa được cảm hóa*”. Hoàng tử bé đã hỏi: “*Cảm hóa là gì*” và nhận được câu trả lời của cáo: “*làm cho gần gũi hơn*”. Nó lí giải rõ hơn cho hoàng tử bé hiểu rằng cậu chỉ là một trong số trăm nghìn cậu bé, con cáo cũng giống như vậy. Nhưng nếu được “*cảm hóa*” thì cả hai sẽ là duy nhất đối với nhau. Nhờ có lời giải thích đó, hoàng tử bé chợt nhận ra rằng cậu đối với bông hoa hồng của mình cũng như vậy. Trước lời đề nghị của cáo, cáo mong được hoàng tử bé cảm hóa mình, hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo. Vì hoàng tử bé nhận ra ý nghĩa của tình bạn mà cáo giảng giải qua từ cảm hóa: là kết bạn, tạo dựng mối quan hệ gần gũi, gắn kết tình cảm, biết quan tâm gần bó với nhau. Hoàng tử bé đã trân trọng, lắng nghe, không định kiến, hoài nghi.

Sau đó, chia tay cáo, hoàng tử bé trở lại vườn hồng. Khi gặp lại vườn hồng, thái độ của hoàng tử bé đã thay đổi. Từ đau khổ, thất vọng hoàng tử bé tự tin, vui vẻ nhận ra ý nghĩa của bông hoa hồng duy nhất của mình, ý nghĩa của sự vun đắp, tưới tắm...Hay nói cách khác ý nghĩa của tình bạn, tình yêu.

Khi chia tay con cáo, hoàng tử bé đã động viên cáo, lặp lại lời cáo: “*Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần*”, “*Chính thời gian mà mình bỏ ra cho bông hồng của mình...*”, “*Mình sẽ có trách nhiệm với bông hồng của mình*” Hoàng tử bé hiểu được “bí mật” của tình bạn, tình yêu, vượt qua được nỗi hoang mang, đau khổ thất vọng, tìm được hạnh phúc dành thời gian và trái tim cho ai đó. Hoàng tử bé hiểu biết về bản thân về cuộc sống, trách nhiệm với những gì mình gần bó, yêu thương

Còn với cáo, cuộc gặp gỡ với hoàng tử bé, được kết bạn với cậu ấy cuộc sống của cáo thay đổi như thế nào? Trước khi gặp hoàng tử bé, cuộc sống của cáo cô đơn, buồn bã. Cáo đang bị săn đuổi, sự hãi, trốn con người: “*Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình săn gà, con người săn mình*”. Tài liệu của Nhung tây Nhung khi gặp hoàng tử bé, được trò chuyện chân thành, cởi mở, nhân vật cáo đã để lại những vẻ đẹp vô cùng đáng trân trọng. Lúc đầu, cáo không dám lại gần vì nhận ra mình chưa được cảm hóa. Cáo đã giải thích cho hoàng tử bé về cảm hóa. Với cáo, cảm hóa là chuyển hóa cái hoang dã và xa lạ, pha tạp, bất thiện thành cái gần gũi, tốt đẹp, trong sạch, thiện lành...và có thể chung sống thân thiện làm bạn. Cảm hóa còn là làm cho gần gũi hơn tức là kết nối tình cảm, dành thời gian hiểu nhau, kiên

nhấn làm thân với nhau. Khi chưa cảm hóa, hoàng tử bé và cáo là xa lạ, chẳng cần gì đến nhau, khi được cáo cảm hóa thì *“tụi mình cần đến nhau”*, và mỗi người sẽ *“trở thành duy nhất trên đời”*. Qua đó cách giải thích đó, người đọc nhận ra nhân vật cáo khao khát được đón nhận, thấu hiểu; được sống với phần tốt lành, đẹp đẽ, được thay đổi, hoàn thiện bản thân.

Nhân vật cáo được nhà văn nhân hóa, cáo hiểu biết, đặc biệt hiểu được ý nghĩa của tình bạn ra sao với mỗi người. Trong lời tâm sự với hoàng tử bé, cáo nói về việc nếu nó được hoàng tử bé cảm hóa, cuộc sống của cáo sẽ thay đổi. Đó là cáo được sống trong tình yêu thương, sự đồng cảm, cáo không cô đơn, sợ hãi, cuộc sống sẽ tràn đầy ý nghĩa. Cáo nói cho hoàng tử bé biết về ý nghĩa tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì ở hai thời điểm trước và sau khi được hoàng tử bé cảm hóa. Tiếng bước chân của con người trước đây luôn ám ảnh cáo, khiến nó sợ hãi và lẩn trốn, thì nay tiếng bước chân của hoàng tử bé *“sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc”*. Còn mái tóc của hoàng tử bé thì *“Nhưng bạn có mái tóc vàng óng. Nếu bạn cảm hóa mình thì thật là tuyệt vời! Lúa mì vàng óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thích tiếng gió trên đồng lúa mì...”*. Điều đó cho thấy nhờ có tình bạn của hoàng tử bé, cáo sẽ không cô đơn, buồn tẻ, sợ hãi. Tiếng bước chân vang lên như tiếng nhạc gọi cáo ra cửa hang, cánh đồng lúa mì hóa thân thương âm áp như màu vàng óng của mái tóc hoàng tử bé. Tài liệu của Nhung tây Đó là ý nghĩa của cảm hóa, của tình bạn. Sau đó, cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hóa mình. Đó là *“phải kiên nhẫn”* và *“chỉ liếc nhìn, không nói gì cả”*.

Khi chia tay hoàng tử bé, con cáo bộc lộ cảm xúc: *“Mình sẽ khóc mất”*. Cáo khẳng định những thứ mình *“được”*: *“Mình được chứ - Con cáo nói - Bởi vì nó còn màu của lúa mì”*. Từ đó, người đọc nhận ra có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu. Cáo hiểu biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân.

Những ý nghĩa nào gọi ra từ cuộc gặp gỡ. Câu nói chứa đựng *“bí mật”* mà cáo dành cho hoàng tử bé sử dụng hình ảnh ẩn dụ và mang ý nghĩa triết lý *“Rất đơn giản: người ta chỉ thấy rõ trái tim”*, *“Điều cốt lõi vô hình trong mắt trần”*. Điều đó có nghĩa là con người cần phải biết nhìn nhận, đánh giá mọi thứ bằng tình yêu, và sự tin tưởng, thấu hiểu. Khi chỉ nhìn bằng con tim, con người mới nhận ra, trân trọng giữ gìn những điều đẹp đẽ quý giá. *Bí mật* của tình yêu là sự kết nối giữa con người với con người, con người với vạn vật. Nhà văn đã cho ta bài học về cách kết bạn: cần thân thiện, kiên nhẫn, giành thời gian để *“cảm hóa”* nhau. Tình bạn có ý nghĩa rất lớn với mỗi con người. Tình bạn mang đến niềm vui, hạnh phúc; khiến cuộc sống trở nên phong phú, đẹp đẽ hơn. Cuộc đối thoại giữa hai nhân vật còn giúp ta nhận ra bài học về cách nhìn nhận, đánh giá, trách nhiệm đối với bạn bè: *“thấy rõ với trái tim”*, biết quan tâm, lắng nghe, thấu hiểu, bảo vệ...

Như vậy, văn bản *“Nếu cậu muốn có một người bạn”* là một đoạn truyện đồng thoại đặc sắc ca ngợi ý nghĩa của tình bạn. Tài liệu của Nhung tây Cách xây dựng nhân vật thông qua nhiều chi tiết miêu tả lời nói, suy nghĩ, cảm xúc. Từ đó làm nổi bật đặc điểm nhân vật. Nhân vật con cáo được nhân hóa như con người thể hiện đặc điểm của truyện đồng thoại. Ngôn ngữ đối thoại sinh động, phong phú. Truyện giàu chất tưởng tượng (hoàng tử bé đến từ hành tinh khác, con cáo có thể trò chuyện kết bạn với con người). Qua cuộc gặp gỡ giữa hoàng tử bé và con cáo, tác giả đã vẽ ra một thế giới cảm xúc hồn nhiên, ngây thơ, trong trẻo dành tặng cho trẻ thơ. Mỗi người tự cảm nhận được ý nghĩa của tình bạn, ý thức trách nhiệm với bạn bè, với những gì mà mình gắn bó, yêu thương.

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

1. Hoàng tử bé đến từ đâu?

A. Trái Đất.

B. Dải ngân hà.

C. Một hành tinh khác.

D. Mặt trăng.

2. Hoàng tử bé đã được "cảm hóa" bởi cái gì?

A. Con người.

B. Bông hoa hồng.

C. Vườn hoa hồng.

D. Con cáo.

3. Nghệ thuật mà tác giả sử dụng khi miêu tả con cáo là gì?

A. So sánh.

B. Ẩn dụ.

C. Hoán dụ.

D. Nhân hóa.

2. Dạng Đọc hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“ Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình săn gà, con người săn mình. Mọi con gà đều giống nhau. Mọi con người đều giống nhau. Cho nên mình hơi chán. Bởi vậy, nếu bạn cảm hóa mình, xem như đời mình đã được chiếu sáng. Mình sẽ biết thêm một tiếng chân khác hẳn mọi bước chân khác. Những bước chân khác chỉ khiến mình chón vào lòng đất. Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc. Và nhìn xem! Bạn thấy không, cách đồng lúa mì đằng kia? Mình không ăn bánh mì. Lúa mì chả có ích gì cho mình. Những đồng lúa mì chẳng gọi nhớ gì cho mình cả. Mà như vậy thì buồn quá! Nhưng bạn có mái tóc vàng óng. Nếu bạn cảm hóa mình thì thật là tuyệt vời! Lúa mì vàng óng ả sẽ làm mình nhớ đến bạn. Và mình sẽ thích tiếng gió trên đồng lúa mì...”

(Hoàng tử bé, *Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri*)

Câu 1: Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai, trong hoàn cảnh nào?

Câu 2: Nghĩa của từ “đơn điệu” được dùng trong đoạn văn trên là gì?

Câu 3: Chỉ ra phép tu từ và nêu tác dụng của phép tu từ đó trong câu văn “Còn bước chân của bạn sẽ gọi mình ra khỏi hang, như tiếng nhạc”.

Câu 4: Từ đoạn văn và trải nghiệm thực tế của bản thân, theo em cần làm gì để có một tình bạn đẹp.

Gợi ý làm bài

Câu 1: Đoạn văn trên là lời của con cáo nói với hoàng tử bé, trong hoàn cảnh cuộc trò chuyện cởi mở của cáo với hoàng tử khi hoàng tử vừa xuống Trái Đất để tìm bạn bè.

Câu 2: Nghĩa của từ “đơn điệu” được dùng trong đoạn văn trên là: chỉ có một sự lặp đi lặp lại, ít thay đổi. Cuộc sống đơn điệu

Câu 3:

- Phép tu từ so sánh: tiếng bước chân của hoàng tử bé với tiếng nhạc một âm thanh du dương, mang cảm xúc.

Tác dụng:

+ So sánh như vậy để thấy được tiếng bước chân của hoàng tử bé gần gũi, ấm áp, quen thuộc với cáo. Như vậy nhờ sự gắn bó yêu thương, những điều tưởng như nhạt nhẽo “ai cũng giống ai” lại trở nên đặc biệt và đầy ý nghĩa.

+ Làm cho câu văn thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.

+ Tác giả muốn ca ngợi ý nghĩa của tình bạn: có tình bạn thế giới xung quanh cáo trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu. Nhân mạnh vẻ đẹp của nhân vật con cáo: hiểu biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4: Để có một tình bạn đẹp, mỗi chúng ta cần:

- Phải hiểu và cảm thông, chia sẻ trong mọi vui buồn của cuộc sống.
- Giúp đỡ nhau cùng tiến bộ.
- Tin tưởng nhau, có thể hi sinh vì nhau...

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc kỹ đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Có một cô gái trẻ chuyển đến nhà mới. Cô phát hiện hàng xóm nhà mình là một phụ nữ nghèo goá chồng, sống với hai đứa con nhỏ. Một ngày nọ, khu phố bị mất điện đột ngột. Mọi người phải dùng nến để thắp sáng.

Một lát sau, có tiếng gõ cửa. Hoá ra là đứa bé con nhà hàng xóm. Nó hỏi hộp hỏi: “Cô ơi cô, nhà cô có nến không ạ?”

Cô gái trẻ nghĩ: “Nhà nó nghèo khổ đến mức nến cũng không có mà dùng ư? Cho nhà nó một lần, lần sau lại sang xin nữa cho mà xem!”. Thế là cô gái gằn giọng: “Không có!”

Đúng lúc cô định đóng cửa lại, đứa trẻ nhà hàng xóm nghèo mỉm cười nói: “Cháu biết ngay là nhà cô không có mà!”

Nói xong, nó chìa ra hai cây nến: “Mẹ cháu với cháu sợ cô chỉ sống có một mình, không có nến nên bảo cháu mang nến sang cho cô dùng tạm.”

(Những câu chuyện cuộc sống)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích là gì?

Câu 2: Xác định các thành phần chính trong câu sau: “Một cô gái trẻ chuyển đến nhà mới”

Câu 3: Chủ ngữ của câu trên được cấu tạo bởi từ loại hay cụm từ nào?

Câu 4: Đoạn trích trên muốn gửi gắm đến chúng ta những điều gì trong cuộc sống?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: tự sự

Câu 2: - Chủ ngữ: Một cô gái trẻ

- Vị ngữ: chuyển đến nhà mới

Câu 3: Cấu tạo của chủ ngữ: là một cụm danh từ

Câu 4: Không nên nhìn hình thức bên ngoài mà đánh giá người khác

Phải biết giúp đỡ lẫn nhau nhất là những lúc khó khăn, hoạn nạn...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc phần trích sau và thực hiện các yêu cầu:

...Một cơn mưa bóng mây. Phía chân trời ửng lên màu hồng tía vừa rực rỡ vừa im lìm. Những bông lúa trĩu nhánh màu xanh lục vươn cao tỏa những chiếc lá dài sắc nhọn vào trong

hoàng hôn tím lịm. **Bầy châu chấu bay lên, cánh mỏng nhiều sắc màu va vào nhau tiếng rào rào như mưa sa.** Cái áo trắng tôi đang mặc đã đổi sang màu tím sẫm của hoàng hôn.

(Trích Chỉ còn anh và em, Nguyễn Thị Ngọc Tú.)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính.

Câu 2: Chỉ ra biện pháp tu từ trong câu in đậm.

Câu 3: Xác định thành phần chủ ngữ, vị ngữ của câu văn sau: *Cái áo trắng tôi đang mặc đã đổi sang màu tím sẫm của hoàng hôn.*

Gợi ý đáp án

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Miêu tả

Câu 2:

- Biện pháp tu từ: so sánh (*cánh mỏng ...như mưa sa*)

Câu 3: C *Cái áo trắng tôi đang mặc* // *đã đổi sang màu tím sẫm của*

C

V

hoàng hôn.

4. Dạng bài tập viết ngắn

Bài tập 1: Tưởng tượng và viết đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo sau khi từ biệt hoàng tử bé.

Hướng dẫn làm bài

Cách 1: Có thể hóa thân thành cáo – Xưng tôi để miêu tả cảm xúc của nhân vật cáo khi từ biệt hoàng tử bé:

Vậy là hoàng tử bé đã rời xa tôi. Tiễn hoàng tử bé đi rồi, tôi quay trở về nhìn những cánh đồng lúa mì vàng óng. Tôi cứ ngồi lặng im như thế. Mắt dõi ra xa đến tận chân trời. Tôi như thấy hiện ra trước mắt mình một cậu bé có mái tóc vàng óng, người bạn đầu tiên và cũng là duy nhất, người đã cảm hóa được mình. Người mà trước đây tôi chưa hề quen biết, đã xích lại gần tôi, đã mang đến cho tôi bao điều mới lạ, nhất là những điều thú vị và những niềm vui trong cuộc đời mà tôi chưa từng biết đến. Tôi mong sớm có một ngày gặp lại hoàng tử bé để cùng nhau chia sẻ niềm vui nỗi buồn, để thấy được tình bạn chân thành luôn xuất phát từ trái tim và trường tồn mãi mãi.

Cách 2: Sử dụng ngôi thứ 3:

Vậy là hoàng tử bé đã rời xa cáo để trở về hành tinh của mình. Tiễn hoàng tử bé đi rồi cáo quay trở về nhìn những cánh đồng lúa mì vàng óng. Cáo cứ ngồi lặng yên như thế. Mắt dõi ra xa đến tận chân trời. Nó như thấy hiện ra trước mắt mình một cậu bé có mái tóc vàng óng, người bạn đầu tiên và cũng là duy nhất, người đã cảm hóa được mình. Người mà trước đây cáo chưa hề quen biết, đã xích lại gần nó đã mang đến cho cáo bao điều mới lạ, nhất là những điều thú vị và những niềm vui trong cuộc đời mà nó chưa từng biết đến. Cáo mong sớm có một ngày gặp lại hoàng tử bé để cùng nhau chia sẻ niềm vui nỗi buồn để thấy được tình bạn chân thành luôn xuất phát từ trái tim và trường tồn mãi mãi. Tài liệu của Nhung tây

Bài tập 2: Từ câu chuyện *cảm hóa* nhau của cáo và hoàng tử trong văn bản *Nếu cậu muốn có một người bạn*, em hãy viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về tình bạn của hoàng tử bé và con cáo.

Hướng dẫn làm bài

Đoạn trích *Nếu cậu muốn có một người bạn* đã để lại cho em nhiều ấn tượng sâu sắc về tình bạn của cáo và hoàng tử bé. Từ một hành tinh khác Hoàng tử bé đến để tìm con người và đã gặp cáo. Cáo với cuộc sống *đơn điệu, hơi chán* đang muốn ra khỏi hang như là tiếng nhạc đã gặp hoàng tử bé. Họ gặp nhau *như cá gặp nước*, sau những chia sẻ, cáo và hoàng tử bé đã hiểu nhau hơn, giây phút chia tay của họ thật cảm động. Cáo đã muốn khóc còn Hoàng tử bé cũng nghẹn ngào nói lời chia tay trong sự tiếc nuối. Những lời nói và hành động của hoàng tử bé và cáo dành cho nhau như là *ánh sáng* đã giúp em hiểu rõ hơn về tình yêu thương, về sự đồng cảm, sẻ chia ... Qua câu chuyện này, em đã hiểu rõ hơn về ý nghĩa của tình bạn, sẽ biết trân trọng và xây đắp để có được những tình bạn đẹp như cáo và hoàng tử bé.

ÔN TẬP VĂN BẢN: BẮT NẠT

(Nguyễn Thế Hoàng Linh)

I. Tác giả tác phẩm

1. Tác giả

- Nguyễn Thế Hoàng Linh sinh năm 1982 tại Hà Nội.
- Anh sáng tác thơ từ năm 12 tuổi, với khoảng hàng ngàn bài thơ.
- Thơ của anh viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo và tươi vui.

2. Tác phẩm

- In trong tập Ra vườn nhặt nắng (NXB Thế giới, Hà Nội, 2017)
- Bài thơ Bắt nạt được viết theo thể thơ năm chữ.
- Bố cục bài thơ Bắt nạt:
- Phần 1. Khổ 1: Thái độ về hành vi bắt nạt
- Phần 2. Khổ 2, 3 và 4: Gợi ý việc làm tốt thay vì bắt nạt.
- Phần 3. Khổ 5, 6: Những đối tượng không nên bắt nạt
- Phần 4: Khổ 7, 8: Hành động bảo vệ người bị bắt nạt.

II. Phân tích văn bản

1. Thái độ về hành vi bắt nạt

- Thẳng thắn phê bình hành vi: Bắt nạt là xấu lắm.
- Đưa ra ý kiến, lời khuyên: Đừng bắt nạt, bạn ơi
- Nguyên nhân: Bất cứ ai trên đời/Đều không cần bắt nạt

2. Gợi ý việc làm tốt thay vì bắt nạt

- Những việc có thể làm thay vì bắt nạt người khác: học hát, nhảy híp-hóp, ăn mù tạt, đối diện với thử thách... Tài liệu của Nhung tây
- Sẵn sàng bênh vực những người yếu đuối nhút nhát: giống thỏ con, đáng yêu và cần nhận được sự yêu thương.

3. Những đối tượng không nên bắt nạt

- Con người: người lớn, trẻ con, ai, đất nước
- Sự vật: mèo chó, cái cây
- Lí do: Vì bắt nạt dễ lây.

=> Chúng ta không nên bắt nạt bất kỳ ai, vì đó là hành vi xấu có thể ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội. Tài liệu của Nhung tây

d. Hành động bảo vệ người bị bắt nạt

- Cách bảo vệ:

- “Bạn nào bắt nạt bạn/Cứ đưa bài thơ này”: muốn đánh vào nhận thức qua việc đọc bài thơ.

- “Bảo nếu cần bắt nạt/Cứ đến bắt nạt tớ”: sẵn sàng bảo vệ những người bị bắt nạt

- Khẳng định ý kiến của bản thân “Vẫn không thích bắt nạt/Vì bắt nạt rất hôi”: cho thấy hành động bắt nạt vô cùng xấu xa. Tài liệu của Nhung tây

=> Bài học: Cần đối xử tốt với bạn bè, có thái độ hoà đồng và đoàn kết, sẵn sàng giúp đỡ, bên vực những bạn yếu hơn mình. Qua đó, chúng ta cần có thái độ đứng đắn trước hiện tượng bắt nạt, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

II. Sau khi đọc

1. Nhân vật “tớ” trong bài thơ thể hiện thái độ như thế nào với các bạn bắt nạt và các bạn bị bắt nạt?

- Với các bạn bắt nạt: thẳng thắn phê bình hành vi bắt nạt, yêu cầu các bạn bắt nạt dừng ngay hành vi bắt nạt mọi người xung quanh, thay vào đó hãy dùng thời gian quý giá của một ngày để làm những việc có ích.

- Với các bạn bị bắt nạt: Thể hiện sự gần gũi, tôn trọng và cảm thấy những người bạn nhút nhát hay bị bắt nạt cũng rất đáng yêu, bên vực và sẵn sàng giúp đỡ nếu họ tiếp tục bị bắt nạt. Tài liệu của Nhung tây

2. Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ? Theo em, việc lặp lại cụm từ này có tác dụng gì?

- Cụm từ “đừng bắt nạt” xuất hiện: 7 lần trong bài thơ.

- Việc lặp lại cụm từ như vậy nhằm nhấn mạnh thái độ thẳng thắn phê bình, không đồng tình với hành vi bắt nạt người khác.

3. Bài thơ nói chuyện bắt nạt mà vẫn ẩn chứa ý vị hài hước. Hãy chỉ ra biểu hiện của ý vị hài hước đó?

- Nhân vật trong bài đã đặt ra thử thách những ai thích bắt nạt hãy đến gặp mình. Đồng thời khẳng định mình đã bị bắt nạt nhiều lần nhưng vẫn không thích bị bắt nạt...

- Giọng điệu hồn nhiên thân thiện, cách xưng hô gần gũi... khiến cho bài thơ nói đến việc bắt nạt nhưng không mang nặng nề, nhưng lại có tính thuyết phục cao.

4. Mỗi chúng ta có thể từng bị bắt nạt hoặc từng bắt nạt người khác. Hãy cho biết em đã làm gì khi ở một trong các tình huống trên. Bài thơ có thể khiến em thay đổi cách ứng xử chuyện bắt nạt thế nào.

- Khi bị bắt nạt: tâm sự với ông bà, bố mẹ, thầy cô... để nhận được sự giúp đỡ cần thiết.

- Khi bắt nạt người khác: nhận được lời khuyên nhủ, giảng giải của ông bà, bố mẹ, thầy cô... , nhận thức được đó là hành vi xấu xí.

- Bài thơ đã giúp em hiểu được: cần phải tránh xa việc bắt nạt người khác, đồng thời khi thấy có người bị bắt nạt cần phải giúp đỡ họ.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Trong những năm gần đây, Nguyễn Thế Hoàng Linh nổi lên như một hiện tượng thơ ca! Anh là một nhà thơ trẻ (sinh năm 1982), sáng tác thơ từ năm 12 tuổi, và gia tài thơ của anh có tới hàng ngàn bài thơ. Thơ anh viết cho trẻ em rất hồn nhiên, ngộ nghĩnh, trong trẻo, vui tươi.

Một trong những bài thơ gần gũi với các bạn học sinh là bài thơ “*Bắt nạt*” in trong tập thơ “*Ra vườn nhặt nắng*”, sáng tác năm 2017. Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt là thói quen xấu xí, đáng chê. Bằng tâm hồn thơ trong sáng, cách nhìn thân thiện, bao dung của nhà thơ, bài thơ đã giúp cho mọi người có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, góp phần xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc.

“*Bắt nạt*” là một bài thơ sáng tác theo thể thơ 5 chữ. Bài thơ viết về hiện tượng khá dễ bắt gặp “bắt nạt” trong cuộc sống. Tài liệu của Nhung tây Đây là hành động xấu, cần lên án, loại bỏ khỏi mọi nơi, nhất là trường học. Nhà thơ không “đao to búa lớn”, không gay gắt đến tiêu cực, mà ngược lại, với cái nhìn thân thiện, bao dung. Bằng giọng thơ vừa dứt khoát vừa trù mến, Nguyễn Thế Hoàng Linh tâm tình, động viên, và tìm hướng khắc phục bằng tình yêu và sự quan tâm, chia sẻ. Nhân vật trữ tình trong bài thơ là tác giả xưng “tớ”.

Mở đầu bài thơ, thi sĩ viết:

*Bắt nạt là xấu lắm
Đừng bắt nạt, bạn ơi
Bắt cứ ai trên đời
Đều không cần bắt nạt*

Với cách nêu vấn đề trực tiếp, nhà thơ khẳng định bắt nạt là “*xấu lắm*”. Cụm tính từ “*xấu lắm*” bộc lộ thái độ trực tiếp của tác giả. Bắt nạt là hành động rất xấu xí, không nên làm. Ngay sau đó, tác giả đưa ra lời khuyên: “*Đừng bắt nạt, bạn ơi!*”. Từ “*đừng*” kết hợp với dấu phẩy, khiến giọng thơ dứt khoát, thể hiện thái độ mạnh mẽ. Nhân vật tớ bày tỏ thái độ đối với các bạn bắt nạt rất thẳng thắn, phủ nhận một cách dứt khoát chuyện bắt nạt. Tài liệu của Nhung tây

Cách gọi thân mật “*bạn*” đặt cạnh từ để gọi “*ơi*” làm cho giọng thơ vừa thân thương trù mến vừa tha thiết, dịu dàng. Lời khuyên của tác giả nhẹ nhàng, mà thấm sâu. Hai câu cuối khổ thơ thi sĩ khẳng định một cách chắc chắn, có tính chất hiển nhiên. Đó là bắt cứ ai trên đời cũng không cần bắt nạt.

Bắt nạt là xấu, là không cần thiết. Vậy đối với chúng ta, nhất là những ai đã từng bắt nạt người khác nên làm những việc gì thay vì bắt nạt?

*Tại sao không học hát
Nhảy híp- hóp cho hay?
Thời gian trong một ngày
Đâu để dành bắt nạt*

*Sao không ăn mù tạt
Đối diện thử thách đi?
Thử kẻ yếu làm gì
Sao không trêu mù tạt?*

*Những bạn nào nhút nhát
Thì giống như thỏ con
Trông đáng yêu đấy chứ
Sao không yêu, lại còn...?*

Đang nói về chuyện “bắt nạt” căng thẳng, tác giả lại dùng các từ “*học hát*”, “*nhảy hip-hop*” làm cho không khí bài thơ trở nên vui nhộn, và đầy hào hứng. Với trẻ thơ bạn nào chẳng thích thú với những điệu nhảy năng động của kiểu “hip-hop”, hay âm thanh trong trẻo của những câu hát. Tài liệu của Nhung tây Tác giả đã khuyên chúng ta nên “*học hát*”, “*nhảy hip-hop*” nghĩa là nên dành thời gian học tập, trau dồi kiến thức, yêu âm nhạc để có tâm hồn, trái tim rộng mở, cuộc sống vui vẻ đúng nghĩa của tuổi thơ.

Đến khổ 3, lời thơ càng hóm hỉnh, nhà thơ hỏi “*Sao không ăn mù tạt/ Đối diện thử thách đi?*”. Cái món “*mù tạt*” thì quả là thử thách không hề nhỏ với các bạn rồi. Với cách hỏi ấy, nhà thơ khéo léo nhắc nhở các bạn hãy tôi luyện bản thân. Chuyện “*ăn mù tạt*” ngầm chỉ việc đối diện với khó khăn; kết hợp với câu hỏi tu từ và điệp từ “*Sao không ..., sao không...*” nhà thơ đã nhấn mạnh ý. Đó là cách giúp chúng ta hiểu “*bắt nạt*” kẻ yếu là việc làm của kẻ hèn nhát. Tài liệu của Nhung tây Người mạnh mẽ và dũng cảm thì phải biết “*trêu mù tạt*” nghĩa là biết đối diện với khó khăn, thử thách, biết vượt lên chính mình. Tuy nhiên, nhân vật tớ không dùng cách lên án kịch liệt mà ngược lại thái độ cởi mở, thân thiện.

Còn với các bạn bị bắt nạt, tác giả có thái độ và tình cảm như thế nào? Hình ảnh so sánh “*Những bạn nào nhút nhát/ Thì là giống thỏ non/Trông đáng yêu đây chứ*” là hình ảnh so sánh ngộ nghĩnh, đáng yêu. Dùng hình ảnh so sánh người bị bắt nạt với “*thỏ non*” nhà thơ đã thể hiện thái độ gần gũi, tôn trọng và yêu mến với các em nhỏ. Câu hỏi tu từ kết hợp dấu chấm lửng “*Sao không yêu lại còn...?*” làm cho giọng thơ nhẹ nhàng, chân tình của tác giả với những ai đã từng đi bắt nạt người khác. Dấu chấm lửng như để lại một khoảng lặng, để mỗi người tự vấn lương tâm, để hành động cho đúng. Câu thơ cũng bày tỏ thái độ của tác giả, là lời khẳng định cần phải biết yêu thương, giúp đỡ những người yếu đuối, nhút nhát quanh mình.

Tác giả phủ định mạnh mẽ việc bắt nạt:

*Đừng bắt nạt người lớn
Đừng bắt nạt trẻ con
Đừng bắt nạt nước khác
Trên khắp trái đất tròn*

*Đừng bắt nạt mèo, chó
Đừng bắt nạt cái cây
Đừng bắt nạt ai cả
Vì bắt nạt dễ lây*

Đọc hai khổ thơ 5,6, cụm từ “*đừng bắt nạt*” 6 lần được lặp đi lặp lại khiến giọng thơ vừa rắn rỏi, vừa dứt khoát, phủ nhận hoàn toàn việc bắt nạt

Đối tượng không nên bắt nạt được tác giả nhắc cụ thể là : *trẻ con, người lớn, bất cứ ai, nước khác, cái cây, chó, mèo*. Tác giả đã mở rộng cho chúng ta thấy, việc bắt nạt không phải chỉ là việc làm xấu giữa con người với con người, mà còn là chuyện diễn ra giữa quốc gia dân tộc này với quốc gia dân tộc khác; thậm chí bắt nạt còn diễn ra giữa con người với thiên nhiên (như với động vật *chó, mèo, cái cây*). Đây là quan điểm nhân đạo, thể hiện thái độ yêu chuộng hòa bình, yêu thiên nhiên, sống gần gũi với thiên nhiên, để có cuộc sống tốt đẹp. Tình yêu thương được mở rộng ra với muôn vật, muôn loài, với cả nhân loại. Đó là tư tưởng nhân ái, nét đẹp trong sáng trong thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh.

Bài thơ khép lại là lời nhắn nhủ của tác giả

*Bạn nào bắt nạt bạn
Cứ đưa bài thơ này
Bảo nếu cần bắt nạt
Thì đến gặp tớ ngay*

*Cứ đến bắt nạt tớ
Bị bắt nạt quen rồi
Vẫn không thích bắt nạt
Vì bắt nạt rất hôi!*

Thái độ bênh vực các bạn bị bắt nạt của nhà thơ rất rõ ràng: “*Bạn nào bắt nạt bạn/ Cứ đưa bài thơ này/ Bảo nếu thích bắt nạt/ Thì đến gặp tớ ngay*”. Cách xưng hô “tớ- bạn” vừa gần gũi, vừa đáng yêu. Lời tâm sự cởi mở, chân tình. Nhân vật trữ tình của bài thơ “tớ” tức tác giả trong vai trò là bạn bè, lời khuyên cũng là lời tâm sự của những người từng trải qua chuyện “*bắt nạt*” để cũng chia sẻ, thấu hiểu lẫn nhau. Nhân vật tớ nói cho các bạn biết “*bị bắt nạt quen rồi*” nên không thích ai bắt nạt và “*bắt nạt rất hôi*”. Từ “*hôi*” nghĩa là cái không ai thích, không ai ưa, mọi người xa lánh. Người đi bắt nạt người khác cũng thế, luôn bị mọi người xa lánh. Cách tác giả lí giải hồn nhiên, phù hợp tâm lí trẻ thơ. Bắt nạt “*rất hôi*”, “*dễ lây*” tạo ra tiếng cười nhẹ nhàng, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận, thể hiện cách nhìn thân thiện, bao dung và tinh thần đối thoại. Bởi vì không chỉ người bị bắt nạt cần bảo vệ, mà người bắt nạt cũng cần được giúp đỡ. Tài liệu của Nhung tây

Đọc cả bài thơ, chúng ta cảm nhận được ý vị hài hước, dí dỏm, nét đáng yêu của thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh. Bắt nạt là một thói xấu, có thể gây tổn thương, nỗi sợ hãi, ám ảnh, thậm chí cả hậu quả nặng nề nhưng bài thơ lại nói bằng giọng điệu hồn nhiên, dí dỏm, thân thiện. Cách nói hài hước, dí dỏm, hình ảnh thơ ngộ nghĩnh: “*Sao không ăn mù tạt/ Đối diện thử thách đi*”, “*Tại sao lại không hát/ Nhảy híp hóp cho hay*”. Lí giải hồn nhiên, phù hợp tâm lí trẻ thơ: Bắt nạt “*rất hôi*”, “*dễ lây*” tạo ra tiếng cười nhẹ nhàng, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận, thể hiện cách nhìn thân thiện, bao dung và tinh thần đối thoại. Bởi vì không chỉ người bị bắt nạt cần bảo vệ, mà người bắt nạt cũng cần được giúp đỡ. Tài liệu của Nhung tây

Tóm lại, bài thơ “*Bắt nạt*” là một bài thơ đặc sắc, đề cập một chủ đề khá mới mẻ, mang tính thời sự, với một lời nói rất thơ. Thể thơ 5 chữ, Tài liệu của Nhung tây hình ảnh thơ ngộ nghĩnh, giọng thơ hài hước, dí dỏm, tâm tình, gần gũi, tạo không khí thân thiện, khiến người nghe dễ tiếp nhận, thể hiện cách nhìn bao dung. Bài thơ nói về hiện tượng bắt nạt là thói quen xấu xí, đáng chê. Từ đó giúp mọi người có thái độ đúng đắn trước hiện tượng bắt nạt, góp phần xây dựng môi trường học đường lành mạnh, an toàn, hạnh phúc. Tài liệu của Nhung tây Bài thơ cho ta thấy tâm hồn thơ trong sáng, cách nhìn thân thiện, bao dung của nhà thơ. Bài thơ nhẹ nhàng vươn tới, thấm sâu vào cảm xúc của con người, nhất là những ai từng rơi vào tình huống khó xử “*bắt nạt*”, để mỗi người tự tìm cho mình cách ứng xử phù hợp, tránh gây tổn thương, và làm cho cuộc sống thêm ý nghĩa.

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng tập trắc nghiệm

Câu 1. Bài thơ “*Bắt nạt*” của tác giả nào?

A. Nguyễn Thế Hoàng Linh

B. Lâm Thị Mỹ Dạ

C. Tô Hoài

D. Ta-go

Câu 2. Bài thơ "Bắt nạt" nằm trong bài học nào sau đây trong sách giáo khoa Ngữ văn 6:

A. Tôi và các bạn

B. Gõ cửa trái tim

C. Yêu thương và chia sẻ

D. Quê hương yêu dấu

Câu 3. Bài thơ "Bắt nạt" thuộc thể thơ gì?

A. Thơ lục bát

B. Thơ ngũ ngôn

C. Thơ song thất lục bát

D. Thơ thất ngôn bát cú

Câu 4. Bài thơ "Bắt nạt" trích trong tập thơ nào của Nguyễn Thế Hoàng Linh?

A. Mầm sống

B. Bé tập tô

C. Ra vườn nhặt nắng

D. Mật thư

Câu 5. Bài thơ "Bắt nạt" có bao nhiêu khổ?

A. 5 khổ

B. 6 khổ

C. 7 khổ

D. 8 khổ

Câu 6. Cụm từ "đừng bắt nạt" xuất hiện bao nhiêu lần trong bài thơ?

A. 5 lần

B. 6 lần

C. 7 lần

D. 8 lần

Câu 7. Tác dụng của việc lặp lại cụm từ "đừng bắt nạt" là gì?

A. Việc lặp lại điệp từ này giúp các bạn nhỏ yêu thương, đoàn kết nhau hơn.

B. Việc lặp lại điệp từ này giúp nhắc nhở các bạn nhỏ không nên bắt nạt những người yếu hơn mình vì đó là hành vi xấu.

C. Việc lặp lại điệp từ này giúp các bạn có hành vi bắt nạt sẽ biết tự xấu hổ vì hành vi của mình. Tài liệu của Nhung tây

D. Việc lặp lại điệp từ này giúp các bạn bị bắt nạt được động viên, an ủi.

Câu 8. Trong khổ 1, thái độ phê phán của nhân vật "tớ" đối với hành vi bắt nạt được thể hiện rõ nhất qua câu thơ nào?

A. Bắt nạt là xấu lắm

B. Đừng bắt nạt, bạn ơi

C. Bất cứ ai trên đời

D. Điều không cần bắt nạt.

Câu 9. Trong bài thơ "Bắt nạt", nhân vật "tớ" đề xuất những việc làm tốt, những việc nhiều thử thách hơn bắt nạt là:

A. Bắt nạt người lớn

B. Học hát, nhảy híp-hóp, ăn mù tạt

C. Bắt nạt mèo, chó

D. Bắt nạt cái cây

Câu 10. Nhận xét về các việc làm nhân vật "tớ" đề xuất ở câu 9.

A. Những việc làm này vừa phù hợp với lứa tuổi trẻ em, lại vừa tạo ý vị đùa vui, hóm hỉnh..

B. Những việc làm này chẳng có gì thú vị cả.

C. Những việc làm này không phải ai cũng có năng khiếu để làm.

D. Những việc làm này không thú vị, không "kích thích" bằng việc đi bắt nạt bạn khác.

Câu 11. Nhân vật "tớ" đưa ra lời khuyên không nên bắt nạt những ai?

A. Không nên bắt nạt thỏ non

B. Không nên bắt nạt những bạn đáng yêu

C. Không nên bắt nạt "tớ"

D. Không nên bắt nạt người lớn, trẻ con, nước khác, mèo, chó, cái cây..

Câu 12. Nhân vật "tớ" không thích bắt nạt vì:

A. Bắt nạt rất hư

B. Bắt nạt rất xoàng

C. Bắt nạt rất hôi

D. Bắt nạt rất đau.

Câu 13. Cách nói của nhân vật "tớ" về lí do không thích bắt nạt ở câu 13 là cách nói như thế

nào?

A. Cách nói rất ngẫu

B. Cách nói hài hước

C. Cách nói viên vông, khoác lác

D. Cách nói hoa mỹ.

Câu 14. Nhân vật "tớ" nói với những bạn nhỏ khi bị bắt nạt thì làm gì?

A. Khi bị bắt nạt thì chống trả lại

B. Khi bị bắt nạt thì im lặng chịu đòn

C. Khi bị bắt nạt thì bỏ chạy D. Khi bị bắt nạt thì đưa ra "bài thơ này" và "đến gặp tớ".

2. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

*Bắt nạt là xấu lắm
Đừng bắt nạt, bạn ơi
Bắt cứ ai trên đời
Đều không cần bắt nạt.*

*Tại sao không học hát
Nhảy híp - hóp cho hay?
Thời gian trong một ngày
Đâu để dành bắt nạt.*

*Sao không ăn mù tạt
Đổi diện thử thách đi?
Thử kẻ yếu làm gì
Sao không trêu mù tạt?*

(Trích *Bắt nạt* - SGK ngữ văn 6)

Câu 1. Đoạn thơ trên trích trong bài thơ nào? Tác giả của bài thơ đó là ai?

Câu 2. Nội dung của đoạn thơ trên là gì? Tài liệu của Nhung tây

Câu 3. Trong đoạn thơ trên, nhân vật "tớ" đã đề xuất những việc làm gì đối với những bạn quen bắt nạt bạn khác? Vì sao nhân vật "tớ" lại đề xuất những việc làm đó?

Câu 4. Em hãy nhận xét về giọng điệu của nhân vật "tớ" trong đoạn thơ trên. Giọng điệu đó có tác dụng như thế nào đối với việc biểu đạt nội dung đoạn thơ.

Câu 5. Em hãy trích lại các câu thơ được viết dưới dạng câu hỏi. Tác dụng của việc sử dụng những câu hỏi đó là gì? Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Đoạn thơ trên trích trong bài thơ "Bắt nạt". Tác giả của bài thơ: Nguyễn Thế Hoàng Linh. Tài liệu của Nhung tây

Câu 2. Nội dung của đoạn thơ trên là: Đoạn thơ trên bày tỏ thái độ của nhân vật "tớ" đối với hành vi bắt nạt, cho rằng đó là hành vi xấu và đề xuất những việc làm tốt hơn bắt nạt.

Câu 3. Trong đoạn thơ trên, nhân vật "tớ" đã đề xuất những việc làm: Học hát, nhảy híp-hóp, ăn mù tạt, trêu mù tạt. Tài liệu của Nhung tây

Nhân vật "tớ" lại đề xuất những việc làm đó vì đó là những việc làm tốt, phù hợp với trẻ con (hát, nhảy), đó còn là những việc làm nhiều thử thách hơn bắt nạt (ăn, trêu mù tạt).

Câu 4. Giọng điệu của nhân vật "tớ" trong đoạn thơ trên là giọng điệu phê phán nhẹ nhàng, có chút đùa vui hóm hỉnh.

Nhờ giọng điệu này mà một vấn đề khá nghiêm trọng trong môi trường học đường, trong xã hội được đề cập đến một cách tự nhiên, thâm thúy, không khiên cưỡng, gò ép. Giọng điệu này còn giúp những bạn có hành vi bắt nạt không cảm thấy khó chịu, tự ái khi tự nhìn nhận lại mình.

Câu 5. Đoạn thơ có những câu thơ viết dưới dạng câu hỏi:

- *Tại sao không học hát*

Nhảy híp - hóp cho hay?

- *Sao không ăn mù tạt*

Đối diện thử thách đi?

- *Sao không trêu mù tạt?*

=> Tác dụng của việc sử dụng những câu hỏi đó là: Vừa tạo nên giọng điệu hóm hỉnh cho lời thơ, vừa khiến những bạn có hành vi bắt nạt phải băn khoăn suy nghĩ khi đối diện với những câu hỏi đó và nhìn nhận lại hành vi của mình để thay đổi.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

Bạn nào bắt nạt bạn

Cứ đưa bài thơ này

Bảo nếu cần bắt nạt

Thì đến gặp tớ ngay

Cứ đến bắt nạt tớ

Bị bắt nạt quen rồi

Vẫn không thích bắt nạt

Vì bắt nạt rất hôi!

(Trích *Bắt nạt* - SGK ngữ văn 6)

Câu 1: Đoạn thơ trên trích trong bài thơ nào, của ai?

Câu 2: Tác giả đã đưa ra lời nhắn nhủ gì với các bạn nhỏ?

Câu 3: Tại sao tác giả cho rằng: “*Vẫn không thích bắt nạt/ Vì bắt nạt rất hôi!*”.

Câu 4: Từ bài thơ, em rút ra cho mình những thông điệp nào?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Đoạn thơ trên trích trong bài thơ “*Bắt nạt*”, của nhà thơ Nguyễn Thế Hoàng Linh.

Câu 2: Tác giả đã đưa ra lời nhắn nhủ với các bạn nhỏ: nếu bị bạn nào bắt nạt bạn” thì “*Cứ đưa bài thơ này*” và “*đến gặp tớ ngay*”.

Câu 3: Tác giả cho rằng: “*Vẫn không thích bắt nạt/ Vì bắt nạt rất hôi!*” vì:

+ Từ “*hôi*” nghĩa là cái không ai thích, không ai ưa, mọi người xa lánh. Người đi bắt nạt người khác cũng thế, luôn bị mọi người xa lánh.

+ Cách tác giả lí giải **hồn nhiên**, phù hợp tâm lí trẻ thơ. Bắt nạt “*rất hôi*” tạo ra tiếng cười nhẹ nhàng, khiến câu chuyện dễ tiếp nhận, thể hiện **cách nhìn thân thiện, bao dung và tinh thần đối thoại**. Bởi vì không chỉ người bị bắt nạt cần bảo vệ, mà người bắt nạt cũng cần được giúp đỡ về tâm lí.

Câu 4: Từ bài thơ, em rút ra cho mình những thông điệp:

- Không được bắt nạt bất cứ ai, bất cứ cái gì. Tài liệu của Nhung tây

- Biết yêu thương, trân trọng bạn bè, mọi người, tạo môi trường sống trong lành, thân thiện, yêu thương, chia sẻ với những việc làm tích cực.
- Nếu thấy hiện tượng bắt nạt cần lên tiếng.

3. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Người Mù và người Què cùng chung sống với nhau trong một nhà. Tuy nhiên họ không **thương yêu** gì nhau mà còn hay ganh ghét chỉ trích nhau. Người Mù thì bảo người Què là đồ vô dụng, không có chân nên chẳng đi được đâu. Người Què thì mắng lại, bảo người Mù là đồ phê thải, không có mắt thì coi như đồ bỏ đi.

Một hôm, nhà bị cháy nhưng hai người không biết làm cách nào để thoát được. Cũng may có anh hàng xóm chạy ngang **qua**, thấy vậy liền mắng: “Còn chờ đợi gì nữa, ở đó chịu chết à? Sao anh Mù không cõng anh Què, anh Què chỉ **lối** cho anh Mù đi”. Nghe thế, họ liền dìu nhau thoát khỏi đám cháy. Từ đó, họ sống thân thiết với nhau hơn.”

(Người Mù và người Què, Bài tập cơ bản và nâng cao Ngữ văn 6, NXB GD)

Câu 1: Xác định ngôi kể và phương thức biểu đạt chính của văn bản?

Câu 2: Xác định từ loại của những từ in đậm trong đoạn trích trên.

Câu 3: Khi viết “*Từ đó, họ sống thân thích với nhau hơn.*” thì câu mắc lỗi dùng từ gì?

Câu 4: Từ văn bản trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân.

Gợi ý đáp án

Câu 1: - Ngôi kể: thứ ba

- PTBD chính: Tự sự

Câu 2: Xác định đúng từ loại các từ được gạch chân có trong văn bản 9mỗi từ đúng được *thương yêu* (động từ); *một* (số từ); *qua* (phó từ); *lối* (danh từ).

Câu 3: Câu “*Từ đó, họ sống thân thích với nhau hơn.*” thì câu mắc lỗi dùng từ không đúng nghĩa: “*thân thích*”

Câu 4: Chỉ ra một số bài học cho bản thân mà em rút ra được:

- Sống trong cùng một nhà thì phải biết thương yêu lẫn nhau
- Không được chỉ trích, chê bai những khuyết điểm của người khác mà cần phải có thái độ tôn trọng bạn bè
- Biết đoàn kết, nương tựa, giúp đỡ lẫn nhau vượt qua khó khăn, hoạn nạn...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Tôi vẫn tiếp tục chơi với ba đứa bé kia và quan hệ giữa tôi với chúng càng ngày càng trở nên thích thú. Trong một ngách hẹp giữa bức tường nhà tôi và hàng rào nhà Ôp-xi-an-ni-cốp có một cây du, một cây bồ đề và một bụi hương mộc rậm rạp. Nấp sau bụi cây đó tôi khoét một lỗ hổng hình bán nguyệt ở hàng rào. Mấy đứa con lão quý tộc, lần lượt từng đứa hoặc hai đứa một, lại gần, và chúng tôi ngồi xôm hoặc quỳ nói chuyện khe khẽ với nhau. Một đứa trong số ba anh em chúng phải luôn luôn đứng canh để đề phòng lão đại tá bắt chợt bắt gặp chúng tôi. Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tẻ của chúng, và những chuyện đó làm

tôi rất buồn. Chúng kể cho tôi nghe về những con chim tôi bắt được đang sống như thế nào và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì không bao giờ chúng nói một lời nào về dì ghẻ và bố chúng. Thường thì chúng chỉ đề nghị tôi kể chuyện cổ tích. Tôi kể lại những chuyện mà bà tôi đã kể, và nếu quên chỗ nào thì tôi bảo chúng đợi, rồi chạy về nhà hỏi lại bà tôi. Điều đó thường làm cho bà tôi rất hài lòng. Tôi cũng kể cho chúng nhiều chuyện về bà tôi. Một hôm thằng lớn thở dài và nói:

- Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà mình trước cũng rất tốt...

Nó thường nói một cách buồn bã như vậy: ngày trước, trước kia, đã có lúc... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm. Tôi còn nhớ nó có đôi bàn tay nhỏ, những ngón tay thon thon và người nó mảnh dẻ, yếu ớt, cặp mắt nó rất sáng, nhưng dịu dàng như ánh sáng của những ngọn đèn trong nhà thờ. Hai em nó cũng rất đáng yêu, và cũng gây cho tôi một sự tin cậy hoàn toàn. Tôi luôn luôn muốn làm cho chúng vui thích, nhưng tôi ư thằng lớn hơn cả”.

(Trích Thời thơ ấu – Maxim Gorki)

Câu 1. Xác định ngôi kể và nêu tác dụng của ngôi kể.

Câu 2. Chỉ ra những việc làm của nhân vật tôi và mấy đứa bé hàng xóm trong đoạn trích trên. Qua lời kể của nhân vật “tôi”, em có cảm nhận gì về cuộc sống của 3 đứa bé con nhà lão quý tộc Ốp-xi-an-ni-cốp ?

Câu 3. Qua cách đối xử của nhân vật “tôi” với mấy đứa bé hàng xóm, em thấy nhân vật “tôi” là người như thế nào?

Câu 4. Tình bạn tuổi thơ có nghĩa như thế nào với mỗi người?

Gợi ý câu trả lời:

Câu 1.

- Ngôi kể thứ nhất
- Tác dụng: Giúp cho câu chuyện kể được chân thực, có phần tin cậy hơn.

Câu 2. - Những việc làm của nhân vật tôi và những đứa bé trong đoạn trích:

- + Vượt qua mọi sự ngăn cách để được trò chuyện khe khẽ với nhau
- + Những đứa bé kể cho nhân vật “tôi” nghe về cuộc sống buồn tẻ của chúng, câu chuyện về những con chim.

+ Nhân vật “tôi” kể cho những đứa bé nghe những câu chuyện cổ tích được bà kể cho nghe.

- Cuộc sống của 3 đứa bé con nhà lão quý tộc Ốp-xi-an-ni-cốp:

Cuộc sống nhàm chán, buồn tẻ, thiếu sự quan tâm, chăm sóc của bố và dì ghẻ; bị ngăn cấm, mất tự do; không được hưởng hạnh phúc của tuổi thơ.

Câu 3. Qua cách đối xử của nhân vật “tôi” với mấy đứa bé hàng xóm, ta thấy nhân vật “tôi” tuy còn nhỏ nhưng đã biết thương người, biết an ủi, san sẻ nỗi bất hạnh của các bạn gần như cùng cảnh ngộ.

Câu 4. Tình bạn tuổi thơ có nghĩa với mỗi người:

- Làm cho cuộc sống luôn vui vẻ, cảm thấy cuộc sống tràn đầy ý nghĩa.
- Giúp cho mỗi người vượt qua được những khó khăn
- Gắn kết mọi người, là động lực để con người vươn lên...

I. LÝ THUYẾT

1. Nhắc lại kiến thức về từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy)

***Từ đơn** là từ được cấu tạo bởi chỉ một tiếng.

VD: sách, bút, tre, gỗ....

* **Từ phức** là từ được cấu tạo từ hai tiếng trở lên.

VD: xe đạp, bàn gỗ, sách vở, quần áo, lớp lãnh...

* **Phân biệt các loại từ phức**: Từ phức được chia ra làm hai loại là Từ ghép và Từ láy.

+ **Từ ghép**: là những từ có cấu tạo từ hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt nghĩa. Tài liệu của Nhung tây

Căn cứ vào quan hệ mặt nghĩa giữa các tiếng trong từ ghép, người ta chia làm hai loại: *từ ghép đẳng lập* và *từ ghép chính phụ*

VD: sách vở, bàn ghế, quần áo (từ ghép đẳng lập)

Xe đạp, lớp xe, (từ ghép chính phụ)

+ **Từ láy**: là những từ được cấu tạo bởi hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt âm. Trong từ láy chỉ có một tiếng gốc có nghĩa, các tiếng khác lấy lại tiếng gốc

VD: Lung linh, xinh xinh, đo đo..

Từ láy chia ra làm hai loại: *Láy bộ phận* (láy âm và láy vần) và *láy toàn bộ*

a. Cách phân biệt từ ghép và từ láy:

Từ ghép : 2 tiếng đều có nghĩa và có quan hệ với nhau về nghĩa. Ví dụ: <i>học tập, tốt bụng...</i>	Từ láy : chỉ có 1 tiếng có nghĩa hoặc không tiếng nào có nghĩa; không có quan hệ về nghĩa, chỉ có quan hệ âm thanh (giống nhau hoàn toàn hoặc giống nhau 1 bộ phận của tiếng) Ví dụ: <i>mềm mại, xinh xắn, ...</i>
<p>Các từ phức có các tiếng giống nhau sẽ là từ ghép nếu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả hai tiếng đều có nghĩa: <i>tươi tốt, non nước, đi đứng...</i> - Các từ gốc Hán: <i>cần mẫn, tham lam, bảo bối, chân chính, trang trọng...</i> - Danh từ: <i>bình minh, hoàng hôn, ...</i> - Từ đơn đa âm tiết (danh từ): <i>chuồn chuồn, ba ba, đu đủ, thần lầy...</i> 	
<p>Các từ có một tiếng có nghĩa và một tiếng không có nghĩa nhưng các tiếng trong từ được biểu hiện trên chữ viết không có phụ âm đầu thì cũng xếp vào nhóm từ láy (láy vắng khuyết phụ âm đầu).</p> <p>VD: <i>ồn ào, ầm ĩ, ảm áp, im ắng, ao ước, yếu ớt,...</i></p>	

b. Cách phân biệt từ ghép đẳng lập và từ ghép chính phụ

Từ ghép đẳng lập Có tiếng chính và tiếng phụ, tiếng chính thường chỉ loại lớn và đứng trước, tiếng phụ chỉ đặc điểm để phân loại lớn và đứng sau; nghĩa của cả từ thường hẹp hơn nghĩa của tiếng chính. VD: <i>xe đạp, đồ sạm, bà ngoại, hoa</i>	Từ ghép chính phụ Không có tiếng nào chính, tiếng nào phụ; nghĩa của cả từ thường khái quát hơn nghĩa của các tiếng tạo ra nó. VD: <i>nhà cửa, quần áo, ăn uống, tốt đẹp...</i>
---	--

hồng...

II. Thực hành Tiếng Việt**Bài 1: Tìm từ đơn, từ phức trong đoạn văn sau:**

Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên võ vào móng ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa.

(Thánh Gióng)

Gợi ý trả lời

Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy
vùng, dậy, một, cái, bỗng, biến, thành, một, mình, cao, hơn, trượng, bước, lên, võ, vào, ngựa, hí, dài, mấy, tiếng, mặc, cầm, roi, nhảy, lên, mình, ngựa	Chú bé, tráng sĩ, oai phong, vang dội, áo giáp.	lẫm liệt

Bài 2: Xếp các từ: *châm chọc, chặm chạp, mê mẩn, mong ngóng, nhỏ nhẹ, mong mỗi, phương hướng, vương vấn, tươi tắn* vào 2 cột: từ ghép và từ láy.

Gợi ý trả lời

Từ láy	Từ ghép
<i>chặm chạp, mê mẩn, nhỏ nhẹ, mong mỗi, tươi tắn, vương vấn</i>	<i>châm chọc, mong ngóng, phương hướng</i>

Bài 3: Tạo ra từ ghép từ các tiếng dưới đây:

a. ngựa b. sắt c. thi d. áo

Gợi ý trả lời

- a. con ngựa, ngựa đực
- b. ngựa sắt, sắt thép
- c. kì thi, thi đua
- d. áo quần, áo giáp, áo dài

Bài 4:

- a. Tìm các từ láy có trong đoạn thơ sau:

Lặng yên bên bếp lửa
 Vẻ mặt Bác trầm ngâm
 Ngoài trời mưa lâm thâm
 Má lều tranh xơ xác
 Anh đội viên nhìn Bác
 Càng nhìn lại càng thương
 Người Cha mái tóc bạc
 Đốt lửa cho anh nằm
 Rồi Bác đi đêm chẵn

Từng người từng người một
Sợ cháu mình giết thọt
Bác nhón chân nhẹ nhàng

(Trích “Đêm nay Bác không ngủ” - Minh Huệ)

b. Chỉ ra nghĩa và tác dụng của một từ láy đối với việc thể hiện nội dung mà tác giả muốn biểu đạt.

Gợi ý trả lời:

- a. Các từ láy được sử dụng trong bài: *trầm ngâm, lâm thâm, xơ xác, nhẹ nhàng*.
b. Từ láy “trầm ngâm” trong câu thơ “Vẻ mặt Bác trầm ngâm”:
- Nghĩa của từ “trầm ngâm”: chỉ dáng vẻ đang suy nghĩ, nghiền ngẫm điều gì
- Tác dụng: Từ láy có tác dụng tạo hình, gợi ra dáng vẻ đầy lo nghĩ của Bác trong đêm khuya, qua đó càng làm nổi bật tấm lòng bao dung, vĩ đại, hết lòng vì dân vì nước của Người. Tài liệu của Nhung tây

Bài 5:

- a. Cho các tiếng sau, em hãy tạo thành các từ láy: *nhỏ, nhức, chênh, tan, long, nhẹ, lấp*.
b. Đặt câu với các từ láy vừa tìm được.

Gợi ý trả lời:

- a. Các từ láy được tạo thành: *Nhỏ nhắn, nhức nhối, chênh vênh, tan tành, long lanh, nhẹ nhàng, lấp bắp*
b. HS tự đặt câu:

Ví dụ:

- “Nhỏ nhắn”: Cô giáo em có mái tóc dài, dáng người nhỏ nhắn, nước da trắng hồng.

Bài 6: Ghi lại từ đơn, từ phức trong đoạn thơ sau?

*Em yêu màu đỏ
Như máu trong tim
Lá cờ Tổ quốc
Khăn quàng đội viên.*

Từ đơn:

Từ phức:

Bài 7: Từ các từ đơn sau, hãy thêm tiếng để tạo ra các từ phức (nếu có)

Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy
cây		
nhà		
xanh		
nóng		
đỏ		

Bài 8: Phân loại các từ gạch chân trong đoạn văn sau vào ba nhóm

“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh và phức hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm

rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển hừng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thuở biển Đông...”

(Cô Tô, Nguyễn Tuân)

Từ ghép đẳng lập	Từ ghép chính phụ	Từ láy

Bài 9: Gạch chân vào từ khác với các từ còn lại trong nhóm

- a. Đo đỏ, thoang thoảng, ngay ngắn, tươi tốt.
b. Xe đạp, bút chì, bà ngoại, quần áo.

* **Gợi ý trả lời**

Bài 10: Điền các tiếng thích hợp vào chỗ trống để có:

- a. Từ ghép tổng hợp b. Từ ghép phân loại c. Từ láy
- nhỏ..... nhỏ..... nhỏ.....
- lạnh..... lạnh..... lạnh.....

Đáp án bài tập

Bài 6:

Từ đơn: em, yêu, như, máu, trong, tim

Từ phức: màu đỏ, lá cờ, Tổ quốc, khăn quàng, đội viên.

Bài 7:

Từ đơn	Từ phức	
	Từ ghép	Từ láy
cây	Cây bàng	Cây cối
nhà	Nhà cửa	Nhà nhà
xanh	Xanh mướt	Xanh xanh
nóng	Nóng nực	Nóng nóng
đỏ	Đỏ tươi	Đỏ đỏ

Bài 8:

Từ ghép có nghĩa phân loại	Từ ghép có nghĩa tổng hợp	Từ láy
Chân trời, mặt trời, phúc hậu.	Chài lưới	Dần dần, tròn trĩnh, đầy đặn, hồng hào, thăm thẳm.

Bài 9: Từ khác với các từ còn lại trong nhóm

- c. Đo đỏ, thoang thoảng, ngay ngắn, tươi tốt.
d. Xe đạp, bút chì, bà ngoại, quần áo.

Bài 10:

a. Từ ghép đẳng lập	b. Từ ghép chính phụ	c. Từ láy
nhỏ bé	nhỏ xíu	nhỏ nhắn
lạnh giá	lạnh ngắt	lạnh lẽo

Bài 11: Cho các từ:

Ruộng nương, ruộng rẫy, nương rẫy, ruộng vườn, vườn tược, nương náu, đền chùa, đền đài, miếu mại, lăng tẩm, lăng kính, lăng loàn, lăng nhăng.

- Tìm các từ ghép, từ láy

* *Từ láy*: Lăng loàn, lăng nhăng, miếu mại, ruộng rẫy.

* *Từ ghép*: Ruộng nương, nương rẫy, vườn tược, đình chùa, lăng tẩm, lăng kính

Bài 12: Cho trước tiếng: Làm

Hãy kết hợp với các tiếng khác để tạo thành 5 từ ghép 5 từ láy.

* *5 từ ghép*: làm việc, làm ra, làm ăn, làm việc, làm cho

* *5 từ láy*: Làm lụng, làm lành, làm lẽ, làm lấy, làm liếc

Bài 13: Phân loại từ trong đoạn văn

Tinh dậy, Lang Liêu mừng thầm. Càng ngắm nghĩ, chàng càng thấy lời thầm nói đúng. Chàng bèn chọn thứ gạo nếp thơm lừng trắng tinh. Hạt nào hạt nấy tròn mẩy đem vo thật sạch, lấy đậu xanh, thịt lợn làm nhân dùng lá dong trong vườn gói thành hình vuông, nấu một ngày một đêm thật nhừ.

* *Từ ghép*: mừng thầm, ngắm nghĩ, gạo nếp, thơm lừng, trắng tinh, đậu xanh, thịt lợn, lá dong, hình vuông (chú ý/l hai tiếng khi đọc liền nhau)

* *Từ láy*: không có

* *Từ đơn*: Các từ còn lại

Bài 14: Cho các tiếng sau

Mát, xinh, đẹp, xe, hoa

a. Hãy tạo ra từ láy và đặt câu

b. Hãy tạo ra từ ghép

Bài 15

Trong *Bài học đường đời đầu tiên* có những từ láy mô phỏng âm thanh như véo von, hừ hừ. Hãy tìm thêm những từ láy thuộc loại này trong văn bản.

*** Gợi ý trả lời**

Những từ láy thuộc loại này trong văn bản: thỉnh thoảng, phanh phách, giòn giã, rung rinh, ngoàm ngoạp, hùn hùn.

Bài tập 16:

Tìm và nêu tác dụng của từ láy trong các câu sau:

a. *Thỉnh thoảng, muốn thử sự lợi hại của những chiếc vuốt, tôi cô cẳng lên, đập phanh phách vào các ngọn cỏ.*

b. *Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.*

c. *Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy các khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu.*

*** Gợi ý trả lời**

a. Phanh phách: Diễn tả được sức mạnh, sự cường tráng, khỏe mạnh của Dế Mèn.

b. Ngoàm ngoạp: Dế Mèn nhai nhanh như lưỡi liềm.

c. Dún dẩy: Sự nhún nhảy vô cùng điêu luyện, uyển chuyển của Dế Mèn.

Bài tập 17:

Tìm từ đơn đơn từ phức trong câu sau của Bác Hồ:

Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta được độc lập, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành.

(Hồ Chí Minh)

*** Gợi ý trả lời**

- **Các từ đơn:** Tôi, chỉ, có, là, cho, nước, ta, được, ta, ai, cũng, có, com, ăn, áo, mặc, ai, cũng, được

- **Các từ phức:** một ham muốn, ham muốn, tốt bậc, làm sao, độc lập, tự do, đồng bào, học hành.

Bài tập 18:

Trong các từ sau sau từ nào là từ ghép, từ nào là từ láy:

thanh thân, hiền hậu, run rẩy, lấp ló, đất đá, hân hạnh, cỏ cây, khúc khuỷu, thăm thẳm, xinh xắn, xa xưa, di đứng, đối đáp, đủng đỉnh, buôn bán, mộng mơ, mỏng mảnh, may mặc, ngồn ngang, mơ mộng, loắt choắt, nghênh nghênh, mênh mông, xa lạ

* Gọi ý trả lời

Các từ ghép: thanh thân, hiền hậu, đất đá, cỏ cây, xa xưa, di đứng, đối đáp, buôn bán, mộng mơ, mỏng mảnh, may mặc, xa lạ, mơ mộng, hân hạnh

- **Các từ láy:** run rẩy, lấp ló, khúc khuỷu, xinh xắn, thăm thẳm, đủng đỉnh, ngồn ngang, loắt choắt, nghênh nghênh, mênh mông,

2. Bài tập về Nghĩa của từ ngữ

Bài tập 1:

Nghèo: có rất ít tiền của, không đủ để đáp ứng những yêu cầu tối thiểu của đời sống vật chất. Trong văn bản, nghèo sức được hiểu là sức khỏe yếu kém, yếu đuối, nhút nhát.

Mưa dầm sùi sụt: tiếng mưa nhỏ những kéo dài, rả rích. Trong văn bản này, điệu hát mưa dầm sùi sụt được hiểu là điệu hát kéo dài xen lẫn chút buồn bã. Tài liệu của Nhung tây

Bài tập 2:

- Ăn xôi ở thì: Nó không được

học hành, lại không nhà không cửa, giờ chỉ tính chuyện tạm bợ trước mắt, ăn xôi ở thì cho qua tháng này. Tài liệu của Nhung tây

- Tắt lửa tối đèn: Chúng ta phải yêu thương nhau phòng khi tối lửa tắt đèn có nhau.

- Hôi như cú mèo: Chú mày hôi như cú mèo, ta nào chịu được.

Bài tập 3:

Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.

Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như 2 lưỡi liềm máy làm việc.

Cái chàng Đế Choắt, người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.

Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn đến giữa lưng, hở cả mạng sườn như người cởi trần mặc áo gi-lê.

Chú mày hôi như cú mèo thế này, ta nào chịu được.

Đến khi định thân lại, chị mới trợn tròn mắt, giương cánh lên, như sắp đánh nhau.

Mỏ Cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất.

Như đã hả cơn tức, chị Cốc đứng rửa lông cánh một lát nữa rồi lại bay là xuống đầm nước, không chút để ý cảnh đau khổ vừa gây ra.

→ Tác dụng: Nhân vật hiện lên sinh động, cử chỉ sống động, gần gũi như con người.

3. Ôn tập biện pháp tu từ so sánh.

1. Bài tập 1: Chỉ ra và phân tích các biện pháp tu từ trong các câu sau:

a. "Những ngôi sao thức ngoài kia

Chẳng bằng mẹ đã thức vì chúng con
Đêm nay con ngủ giấc tròn
Mẹ là ngọn gió của con suốt đời.

(Mẹ - Trần Quốc Minh)

- b. *Công cha như núi ngất trời,
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.
Núi cao biển rộng mênh mông,
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!*
(Ca dao)

Gợi ý trả lời

a. - Phép so sánh:

- + Những ngôi sao thức - mẹ thức: Những ngôi sao thức suốt đêm nhưng cũng không bằng mẹ đã thức vì cả cuộc đời của con, sự hi sinh thầm lặng.
- + Mẹ - ngọn gió: Mẹ là nơi mát mẻ, yên bình của con suốt đời.
- Tác dụng: Tác giả sử dụng biện pháp so sánh để thể hiện:
 - + Ca ngợi tấm lòng yêu thương, sự hi sinh thầm lặng của người mẹ đối với người con
 - + Tác giả bày tỏ lòng biết ơn, yêu kính với mẹ.
 - + Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

b. ”

- Phép so sánh:

- + “*Công cha*” so sánh với “*Núi ngất trời*”
- + “*nghĩa mẹ*” được so sánh với “*nước ở ngoài biển Đông*”
- Tác dụng: Tác giả sử dụng biện pháp so sánh để thể hiện:
 - + Hình ảnh so sánh cụ thể, lấy cái to lớn, mênh mông, vô tận, vĩnh hằng của thiên nhiên để so sánh với công lao cha mẹ. Tác giả khẳng định tình yêu thương bao la của cha mẹ với con cái. Đồng thời, bài ca dao còn ca ngợi công lao to lớn, những hi sinh không thể đo đếm của cha mẹ với chúng ta. Tài liệu của Nhung tây
 - + Từ đó, mỗi người con cần phải biết ơn, yêu kính, hiếu thảo với cha mẹ.
 - + Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm.

Bài tập 2:

Viết đoạn văn (5-7 câu) trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé, hoặc nhân vật cáo, trong đó có sử dụng 2 từ ghép, 2 từ láy.

HS cách viết.

Gợi ý cách làm: Trình bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé, hoặc nhân vật cáo, trong đó có sử dụng 2 từ ghép, 2 từ láy.

1. Yêu cầu:

- Yêu cầu nội dung: bày cảm nhận của em về nhân vật hoàng tử bé, hoặc nhân vật cáo.
- Yêu cầu hình thức: 1 đoạn văn 5-7 câu, có sử dụng 2 từ ghép, 2 từ láy

2. Các bước tiến hành viết đoạn văn:

a. Tìm ý

- Xác định chủ đề của tác phẩm, tác giả
- Xác định được nhân vật: tên, đặc điểm, tính cách, hoàn cảnh xuất hiện...
- Tìm và xác định ý nghĩa của những chi tiết, lời nói, ý nghĩa, hành động của nhân vật

- Ghi nhanh những cụm từ thể hiện ý tưởng trên.

b. Lập dàn ý.

Sắp xếp các ý theo trình tự cảm xúc thành một dàn ý gồm 3 phần:

* Mở đoạn: Giới thiệu về tác phẩm, tác giả và cảm xúc chung về nhân vật.

* Thân đoạn:

Trình bày chi tiết, đặc điểm, tính cách hoặc diễn biến tâm lí nhân vật mà em ấn tượng. Những đặc sắc trong cách xây dựng nhân vật

* Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về nhân vật và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

3. Ví dụ cụ thể: HS chọn

Đề 1: Viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật hoàng tử bé trong VB “Nếu cậu muốn có một người bạn”

a. Dàn ý:

- **Mở đoạn:** Giới thiệu về tác phẩm “Hoàng tử bé”, tác giả Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri và cảm xúc chung về nhân vật hoàng tử bé.

- **Thân đoạn:**

+ Ấn tượng về hoàn cảnh, tâm trạng của hoàng tử bé khi bắt đầu gặp cáo; về lời nói chân thành, cởi mở với cáo ngay khi bắt đầu gặp hoàng tử đáp lại lời chào của cáo, “Bạn là ai?”, “Bạn dễ thương quá!”

+ Ấn tượng về cách cư xử của hoàng tử bé với cáo lịch sự, thân thiện.

+ Cảm nhận về ý nghĩa của việc hoàng tử bé lắng nghe cáo giải thích về cảm hóa, đồng ý cảm hóa cáo.

+ Làm rõ được ý nghĩa cao đẹp của tình bạn qua những thay đổi trong tình cảm, và thái độ của nhân vật hoàng tử bé với bông hồng duy nhất, lời từ biệt của cáo...

+ Đánh giá đặc sắc trong nghệ thuật kể chuyện và xây dựng nhân vật hoàng tử bé của nhà văn: ngôn ngữ đối thoại sinh động, phong phú, cách xây dựng nhân vật thông qua nhiều chi tiết miêu tả lời nói, suy nghĩ, cảm xúc

- **Kết đoạn:** Đánh giá khái quát về nhân vật hoàng tử bé và cảm nghĩ của em.

b. Đoạn văn tham khảo

Nhân vật hoàng tử bé trong văn bản “Nếu cậu muốn có một người bạn” chương XXI của tiểu thuyết “Hoàng tử bé” của nhà văn Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri đã để lại trong lòng người đọc nhiều cảm xúc **đẹp đẽ** về một cậu bé trong sáng, thánh thiện, luôn tin cậy và hướng đến phần đẹp đẽ tốt lành (1). Vừa đến Trái Đất, hoàng tử bé gặp một con cáo, cả hai cùng trò chuyện hết sức thân mật, cởi mở, lịch sự, hoàng tử bé khen cáo “Bạn dễ thương quá” cùng lời đề nghị “bạn đến đây chơi với mình đi”(2). Điều đó khiến cho ta thấy cậu bé ngây thơ, trong sáng, luôn tin cậy và hướng tới những điều tốt lành của cuộc sống(3). Khi nghe cáo nói đến “cảm hóa”, cậu bé đã hỏi “cảm hóa có nghĩa là gì?” và cậu lắng nghe lời giải thích của cáo và chợt nhận ra mình đã được một bông hồng cảm hóa(4). Và rồi cáo dạy cho hoàng tử cách cảm hóa mình, hoàng tử bé đồng ý cảm hóa cáo(5). Vì hoàng tử bé nhận ra ý nghĩa của tình bạn mà cáo giảng giải qua từ cảm hóa: là kết bạn, tạo dựng mối quan hệ **gắn gũi**, gắn kết tình cảm, biết quan tâm gắn bó với nhau(6). Nhờ gặp được cáo, hoàng tử bé hiểu biết về bản thân về cuộc sống, trách nhiệm với những gì mình **gắn bó, yêu thương**, hiểu được ý nghĩa thực sự của tình bạn(7).

- Từ ghép: gắn bó, yêu thương,...

- Từ láy: đẹp đẽ, gần gũi.

Đề 1: Viết đoạn văn cảm nhận về nhân vật con cáo trong VB “Nếu cậu muốn có một người bạn”

a. Dàn ý:

- **Mở đoạn:** Giới thiệu về tác phẩm “Hoàng tử bé”, tác giả Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri và cảm xúc chung về nhân vật con cáo.

- **Thân đoạn:**

+ Ấn tượng về cuộc sống của cáo trước khi gặp hoàng tử bé, đó là cuộc sống của cáo cô đơn, buồn bã. Cáo đang bị săn đuổi, sợ hãi, trốn con người.

+ Cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của cáo: khao khát được đón nhận, được thấu hiểu, được sống đẹp đẽ, được thay đổi, hoàn thiện bản n qua các chi tiết : thái độ ứng xử với hoàng tử, cách giải thích cho hoàng tử bé về cảm hóa, ...

+ Cảm nhận nét đẹp của chi tiết: Cảm nhận khác nhau của cáo về tiếng bước chân và cánh đồng lúa mì, bí mật lúc chia tay ... Tài liệu của Nhung tây

- **Kết đoạn:** Đánh giá khái quát về nhân vật cáo (đặc điểm, cách xây dựng nhân vật) và cảm nghĩ của em về ý nghĩa của tình bạn..

b. Đoạn văn tham khảo

Nhân vật cáo trong văn bản “Nếu cậu muốn có một người bạn” chương XXI của tiểu thuyết “Hoàng tử bé” của nhà văn Ăng- toan- đơ Xanh-tơ Ê-xu-be-ri đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng đẹp đẽ về vẻ đẹp của tâm hồn **khao khát được đón nhận, thấu hiểu, được sống với phần tốt lành** (1). Trước khi gặp hoàng tử bé, cuộc sống của cáo cô đơn, buồn bã, cáo đang bị săn đuổi, sợ hãi, trốn con người: “*Cuộc sống của mình thật đơn điệu. Mình sẵn gà, con người sẵn mình*”(2). Lúc đầu, cáo không dám lại gần vì nhận ra mình chưa được cảm hóa, cáo đã giải thích cho hoàng tử bé về cảm hóa là gì(3). Khi chưa cảm hóa, hoàng tử bé và cáo là xa lạ, chẳng cần gì đến nhau, khi được cáo cảm hóa thì “*tụi mình cần đến nhau*”, và mỗi người sẽ “*trở thành duy nhất trên đời*”(4). Cáo nói về việc nếu nó được hoàng tử bé cảm hóa, cuộc sống của cáo sẽ thay đổi, cáo sẽ được sống trong tình yêu thương, sự đồng cảm, cáo không cô đơn, sợ hãi, cuộc sống sẽ tràn đầy ý nghĩa(5). Cáo nói cho hoàng tử bé biết về ý nghĩa tiếng bước chân của hoàng tử bé, tiếng bước chân vang lên như tiếng nhạc gọi cáo ra cửa hang, cánh đồng lúa mì hóa thân thương ấm áp như màu vàng óng của mái tóc hoàng tử bé, rồi cáo đã chỉ cho hoàng tử bé cách cảm hóa mình(6). Nhân vật con cáo được nhà văn kể theo lối nhân hóa là con cáo hiểu biết, giàu tình cảm, chân thành, khao khát được gần gũi, yêu thương và luôn hoàn thiện bản thân, nhờ đó người đọc nhận ra ý nghĩa của tình bạn, có tình bạn thế giới xung quanh trở nên rực rỡ, tỏa sáng, ấm áp, rộng mở, đáng yêu (7).

RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT TRẢI NGHIỆM CỦA EM

I. Tìm hiểu chung về bài văn kể lại một trải nghiệm:

1. Trải nghiệm là gì?

- Trải nghiệm là tổng hợp những tri thức, kĩ năng hoặc những quan sát được tích lũy thông qua việc tham gia hoặc tiếp xúc với những sự vật, sự kiện.

2. Kể về một trải nghiệm của bản thân là dạng bài trong đó người viết kể về diễn biến của một việc làm, hoạt động, tình huống mà mình đã trực tiếp trải qua hoặc tham gia để bộc lộ những kinh nghiệm, bài học nào đó.

3. Những nội dung của dạng bài kể về một trải nghiệm:

a. Những trải nghiệm vui vẻ, hạnh phúc, đáng nhớ:

- Kỷ niệm với người thân trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ, anh, chị, em, ...)
- Kỷ niệm với bạn bè
- Kỷ niệm với thầy, cô
- Kỷ niệm với người mới gặp
- Chuyến đi có ý nghĩa
- + Một lần em giúp đỡ người khác hay được người khác giúp đỡ,...

b. Những trải nghiệm buồn, nuối tiếc:

- Một lỗi lầm của bản thân
- Sự việc em đã gây ra khiến bố mẹ buồn phiền
- Em hiểu lầm một người hoặc bị người khác hiểu lầm
- Chia tay mái trường lớp

c. Những trải nghiệm khiến em thay đổi, tự hoàn thiện bản thân:

- Câu chuyện đã làm thay đổi suy nghĩ, cách sống của em
- Một hành trình khám phá
- Một lần bị lạc đường
- Một lần bị phê bình,...

4. Các dạng đề kể về một trải nghiệm của bản thân:

a. Dạng đề cụ thể (dạng đề đóng) là dạng đề nêu rõ yêu cầu kể, nội dung và đối tượng kể.

Ví dụ 1: Bằng tình yêu và sự kính trọng của mình với mẹ, em hãy viết bài văn kể lại một kỉ niệm đáng nhớ nhất của em với mẹ.

Ví dụ 2: Từ những trải nghiệm trong cuộc sống tình bạn, em hãy viết bài văn kể lại kỉ niệm sâu sắc với một người bạn của mình.

=> Với dạng đề này, HS căn cứ vào yêu cầu, nội dung và đối tượng kể được nêu ra ở đề bài, hồi tưởng lại một trải nghiệm đã qua rồi kể.

b. Dạng đề mở: là dạng đề chỉ nêu yêu cầu kể về một trải nghiệm của bản thân mà không nêu nội dung và đối tượng kể.

Ví dụ: Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ nhất của em.

=> Với dạng đề này, HS có thể tùy ý lựa chọn nội dung trải nghiệm (vui, buồn, khiến bản thân thay đổi) và đối tượng kể: trải nghiệm đó xảy ra có liên quan đến người thân trong gia đình (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị,...) hoặc bạn bè, thầy cô,... nhưng phải là trải nghiệm ấn tượng và đáng nhớ nhất.

II. Phương pháp làm bài văn kể lại một trải nghiệm

1. Phương pháp chung:

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết

- Lựa chọn đề tài:
- Thu thập tư liệu

Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý

a. Tìm ý:

- Em nhớ và định kể lại trải nghiệm gì?
- Trải nghiệm xảy ra trong tình huống (hoàn cảnh: thời gian, địa điểm) nào?
- Những ai có liên quan đến trải nghiệm đó? Họ đã nói và làm gì?
- Sự việc nào đã xảy ra trong trải nghiệm đó? Và được giải quyết ra sao?
- Trải nghiệm ấy đem lại cho em cảm xúc, thái độ, ấn tượng gì? (vui vẻ, hạnh phúc, buồn, tiếc nuối, khiến em thay đổi, tự hoàn thiện bản thân...). Vì sao có được những cảm xúc, thái độ, ấn tượng đó?
- Từ trải nghiệm, em rút ra cho mình bài học gì?

b. Lập dàn ý:

1. Mở bài: Giới thiệu khái quát về trải nghiệm em sẽ kể.

Ví dụ: Kể về một kỉ niệm hồi thơ ấu làm em nhớ mãi.

Ta có thể mở bằng theo 2 cách sau:

+ **Mở bài trực tiếp:** Giới thiệu trực tiếp về trải nghiệm.

Tuổi thơ của tôi là cả một bầu trời kỉ niệm đầy nắng gió với những cánh diều bay khắp triền đê. Nơi ấy, tôi đã có thời thơ ấu thật đẹp bên tiếng sáo diều, nó như vỗ cánh cho tâm hồn tôi.

+ **Mở bài gián tiếp:**

***Từ hiện tại nhớ lại trải nghiệm trong quá khứ:**

Ví dụ: Ôi! Thời gian sao trôi qua nhanh thật đấy. Mới tung tăng vui chơi, vô tư thì giờ đây tôi đã là học sinh lớp sáu rồi. Tôi thực sự rất nhớ những chuyện vui chơi của tôi lúc nhỏ. Lúc ấy, chẳng cần phải suy nghĩ gì nhiều và tuổi thơ của tôi là những chuỗi ngày đáng nhớ.

*** Từ một trải nghiệm ở hiện tại nhớ về trải nghiệm trong quá khứ:**

Ví dụ: Chiều hôm nay, trời lại mưa to, ngồi trong nhà nhìn ra màn mưa trắng xóa, những kí ức về tuổi thơ năm nào lại dội về trong tâm trí tôi. Kí ức của những cảm giác sung sướng, hồ hởi về những lần tắm mưa hồi đó mãi không phai mờ.

*** Từ những trải nghiệm chung rồi đi đến những trải nghiệm riêng theo yêu cầu của đề bài:**

Ví dụ: Tuổi thơ là quãng thời gian đẹp đẽ và êm đềm nhất đối với mỗi chúng ta. Tuổi thơ ấy lưu giữ biết bao kỉ niệm, có những kỉ niệm vui, cũng có những kỉ niệm buồn, nhưng tất cả chúng đều giúp ta khôn lớn, trưởng thành hơn. Trong những kí ức đẹp đẽ ấy, lần...đã để lại trong tôi nhiều ấn tượng sâu sắc trở thành một kỉ niệm khiến tôi không thể quên.

*** Thông qua lời câu hát, câu ca dao hoặc một câu nói cùng chủ đề...rồi kể về trải nghiệm của mình:**

Ví dụ: “ Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ, để trở về với giấc mơ ngày xưa...”. Lời của câu hát được trích từ ca khúc “Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ” của ca sĩ Lynk Lee là nỗi lòng chung của mỗi chúng ta. Nỗi lòng ấy chẳng có gì lạ khi những ngày tháng tuổi hồng mộng mơ ấy quá đẹp đẽ, qua tuyệt vời. Và còn lung linh hơn khi nó đã trôi qua không trở lại. Nó chỉ có thể trở lại trong hồi tưởng của mỗi người. Cũng như em, em lại nhớ mãi về kỉ niệm...năm đó.

2.Thân bài: Kể chi tiết, cụ thể về trải nghiệm

- Tình huống: (hoàn cảnh: địa điểm và thời gian) xảy ra trải nghiệm, các nhân vật có liên quan.

Lưu ý: Khi làm bài các em nhớ đan xen các yếu tố miêu tả cảnh sắc thiên nhiên, con người.

- Diễn biến của trải nghiệm: (từ sự việc mở đầu - sự việc tiếp diễn - sự việc cao trào - sự việc kết thúc)

- Điều đặc biệt của trải nghiệm đó khiến em (vui vẻ, hạnh phúc, buồn,...) nhớ nó đến tận bây giờ hoặc khiến em thay đổi, tự hoàn thiện bản thân mình.

Lưu ý: Khi làm bài các em nhớ kết hợp yếu tố miêu tả + biểu cảm (người viết trực tiếp tham gia trải nghiệm nên dễ dàng bộc lộ cảm xúc, suy nghĩ,... Tuy nhiên sử dụng hợp lý, tránh lạm dụng làm mất đi yếu tố tự sự của dạng bài.

3. Kết bài: Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân **hoặc** bài học rút ra từ trải nghiệm ấy.

Ví dụ:

- **Nêu ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân:**

Ví dụ: Kỷ niệm đó là mảnh ghép đẹp nhất, trân quý nhất của em về những ngày tháng tuổi thơ đã trôi qua. Bây giờ, em đã lớn rồi bạn em cũng chẳng còn í ới gọi nhau đi thả diều như ngày trước, nhưng trong tâm trí em những cánh diều vẫn là những kí ức đẹp, gợi nhớ đến những kỉ niệm ngọt ngào nhất của thời thơ ấu.

Lưu ý: Đối với trải nghiệm khiến em vui vẻ, hạnh phúc, đáng nhớ - rút ra ý nghĩa với bản thân: động viên, khuyến khích, động lực, điểm tựa tinh thần,... để bản thân hướng tới những điều tốt đẹp hơn nữa trong cuộc sống.

- **Bài học rút ra từ trải nghiệm ấy:**

Ví dụ: Các bạn ạ! Khi hiểu lầm ai đó, có thể ta sẽ nuối tiếc, ân hận mãi vì sự thiếu sót của bản thân mình. Hãy xem như đó là một bài học, một kinh nghiệm để sống tốt hơn nha bạn. Từ những hiểu lầm đó, bạn nên học cách thay đổi bản thân theo hướng tích cực để hoàn thiện chính mình.

Lưu ý: Với những trải nghiệm buồn, tiếc nuối,... thì rút ra bài học, kinh nghiệm, lời nhắc nhở để bản thân tự thay đổi, tự hoàn thiện mình hơn nữa trong cuộc sống.

- Vừa nêu ý nghĩa của trải nghiệm vừa rút ra bài học từ trải nghiệm ấy:

Ví dụ: Đó thực sự là một câu chuyện buồn với tôi. Từ đó, tôi rút ra được bài học cho bản thân mình rằng “*Phải biết vâng lời người lớn, biết tự chăm lo cho bản thân mình, không nên để người khác lo lắng*”. Bài học ấy đã giúp tôi thêm kính trọng, yêu thương ông bà hơn, giúp tôi trưởng thành hơn.

Bước 3: Viết bài

- Nhất quán về ngôi kể: xưng tôi hoặc em.
- Xây dựng được cốt truyện
- Sắp xếp các sự việc hợp lý theo trình tự hợp lý
- Đan xen các yếu tố miêu tả
- Thể hiện được cảm xúc của người viết

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

Đề bài 1: Hãy kể lại một trải nghiệm mà em ấn tượng nhất.

Hướng dẫn làm bài

GV hướng dẫn HS chọn trải nghiệm mà em ấn tượng nhất (chuyến đi tham quan cùng các bạn trong lớp, chuyến đi du lịch cùng gia đình...)

- Về hình thức: bài văn cần có 3 phần rõ ràng mở bài, thân bài và kết bài.
- Về về nội

1. Mở bài:

- Giới thiệu câu chuyện.
- Ấn tượng của em em về câu chuyện đó.

2. Thân bài

- Giới thiệu kỷ niệm về chuyến trải nghiệm
- Xảy ra trong thời gian, không gian nào?
- Nhân vật liên quan đến câu chuyện (hình dáng, tuổi tác, tính cách, cách cư xử của người đó...)
- Diễn biến của câu chuyện.
- Điểm điểm của câu chuyện.
- Thái độ tình cảm của nhân vật trong câu chuyện.

3. Kết bài: Kết thúc câu chuyện và cảm xúc của người viết.

Bài văn tham khảo:

Mỗi lần về quê thăm ông bà ngoại, tôi đều có những trải nghiệm thật đáng nhớ. Vùng quê thanh bình đem đến nhiều điều tuyệt vời và thú vị.

Đó có thể là những buổi sáng thức dậy thật sớm để cùng ông đi dạo trên cánh đồng lúa mênh mông, cảm nhận hương thơm của bông lúa mới. Đó là những bữa cơm ngon lành mà bà ngoại nấu, dù giản dị nhưng chan chứa tình yêu thương của bà. Đó là những buổi chiều cùng đám bạn trong xóm đi thả diều, bắt cá ngoài đồng. Tài liệu của Nhung tây Thật nhiều kỉ niệm đẹp để nhưng có lẽ có một kỉ niệm mà tôi vẫn còn nhớ mãi cho đến bây giờ.

Đó là kỉ niệm xảy ra vào lúc tôi mười tuổi. Tôi và anh Hoàng - anh trai của tôi rủ nhau đi câu cá. Hai anh em tôi ngồi câu cá được một lúc thì nghe thấy tiếng hò reo sôi nổi. Phía đằng xa là một nhóm học sinh đang thi bơi lội. Chúng tôi chạy đến chỗ cuộc thi diễn ra. Thi ra là nhóm bạn hàng xóm tôi mới quen hôm trước. Tôi cảm thấy rất thích thú, liền đề nghị được tham gia. Tài liệu của Nhung tây Tôi liền rủ anh Hoàng nhưng anh lại từ chối. Tôi biết vì sao anh Hoàng từ chối tham gia. Trước đây, anh từng đạt giải Nhất cuộc thi bơi của thành phố. Anh rất yêu thích bơi lội. Bạn bè, người thân đều nói anh có tài năng. Nhưng vì một sự cố, anh đã từ bỏ ước mơ của mình. Điều đó đã khiến tôi cảm thấy rất buồn...

Nhóm thi đấu của chúng tôi gồm có năm người. Trọng tài là Tuấn - người bạn hàng xóm thân thiết nhất của tôi. Sau khi trọng tài còi bắt đầu hiệp đấu. Hai tuyển thủ từ tư thế chuẩn bị đã nhanh chóng vào cuộc đua. Tiếng hò hào, cổ vũ vang vọng khắp con sông. Các đối thủ ngang sức ngang tài, không ai chịu kém ai vẫn đang bơi song song nhau. Tôi cố gắng bơi hết sức. Tài liệu của Nhung tây Bỗng nhiên tôi cảm thấy chân bên trái của mình bị tê. Tôi bơi chậm lại rồi dần tụt lùi phía sau. Tôi nghe thấy có tiếng ai hoảng hốt kêu lên: “Hình như thằng Lâm bị chuột rút rồi”.

Tôi vùng vẫy trong nước. Nhưng không thể bơi tiếp. Không biết bản thân đã uống biết bao nhiêu là nước. Trong lúc mê man, tôi nghe thấy một giọng nói quen thuộc: “Lâm ơi, em ơi! Mau tỉnh lại đi em!”. Cho đến khi tỉnh táo thì tôi đã thấy anh Hoàng trước mặt mình. Khuôn mặt của anh đầy lo lắng. Hình như chính anh Hoàng là người đã cứu tôi.

Tôi dần dần tỉnh lại. Tôi thấy mọi người xung quanh đều thở phào nhẹ nhõm. Có tiếng nói cất lên: “Anh Hoàng tài thật, ở khoảng cách xa như vậy mà đã cứu được Lâm một cách thần kỳ!”. Có tiếng hưởng ứng: “Đúng vậy!”, “Đúng vậy!”... Tôi mỉm cười, lòng đầy tự hào rồi nhìn anh Hoàng, khẽ nói: “Cảm ơn anh!”.

Nhờ có trải nghiệm ngày hôm đó, tình cảm của hai anh em càng trở nên thắm thiết. Không chỉ vậy, anh Hoàng còn quay trở lại tập luyện để chuẩn bị cho cuộc thi bơi dành cho thiếu niên sắp diễn ra. Một trải nghiệm nhỏ nhưng đem đến cho anh em tôi thật nhiều điều tốt đẹp. Tài liệu của Nhung tây

Đề bài 2: Hãy kể lại một trải nghiệm mà em ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng em.

1. Mở bài

Giới thiệu về người thân và sự việc, tình huống người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em.

2. Thân bài

- Lý do xuất hiện trải nghiệm.
- Diễn biến của trải nghiệm:
- Thời gian, địa điểm diễn ra trải nghiệm.
- Ngoại hình, tâm trạng: khuôn mặt, ánh mắt, nụ cười...
- Hành động, cử chỉ: trò chuyện, giúp đỡ...
- Tình cảm, cảm xúc: yêu quý, trân trọng, biết ơn...

3. Kết bài

- Bài học nhận ra sau trải nghiệm.
- Thái độ, tình cảm đối với người thân sau trải nghiệm.

Bài văn tham khảo

Câu chuyện xảy ra cách đây hai tháng trước, nhưng mỗi lần nhớ lại, tôi lại cảm thấy mọi thứ như vừa mới xảy ra. Bởi vì đó là lần đầu tiên tôi có một trải nghiệm tuyệt vời như vậy. Tài liệu của Nhung tây

Nhân dịp mừng 8 tháng 3, bố, tôi và em Thu đã quyết định sẽ tặng cho mẹ một món quà đặc biệt - đó là một bữa tiệc thịnh soạn do chính tay ba bố con tôi chuẩn bị. Tôi đã lên kế hoạch để nhờ cô Hòa - đồng nghiệp của mẹ giúp đỡ. Cô sẽ rủ mẹ đi mua sắm sau giờ làm để bố con tôi có thời gian chuẩn bị mọi thứ.

Buổi chiều hôm đó, sau khi tan học, tôi cố gắng về nhà thật sớm. Bố cũng đã xin công ty cho về sớm. Lúc về đến nhà, tôi thấy trên bàn đã có một bó hoa rất đẹp. Một bó hoa hồng nhung thật đẹp. Loài hoa tượng trưng cho tình yêu. Tôi thầm nghĩ khi nhận được bó hoa này chắc hẳn mẹ sẽ rất hạnh phúc.

Sau khi dọn cất sách vở, tôi liền vào bếp giúp bố. Tôi phụ trách rửa rau, thái thịt và nấu cơm. Còn việc chế biến món ăn sẽ do đảm nhận. Em Thu phụ trách dọn lau dọn bàn ăn, chuẩn bị bát đĩa. Hơn hai tiếng đồng hồ trôi qua, ba bố con tôi đã hoàn thành những món ăn mà mẹ thích: sườn xào chua ngọt, đậu kho thịt, canh cá chua ngọt... Những món ăn hấp dẫn, đẹp mắt đã được dọn lên bàn. Ở giữa bàn còn là một lọ hoa hồng do chính tay tôi tự cắm. Sau khi làm xong hết mọi công việc, ba bố con tôi đều đồng ý với nhau rằng công việc quả nội trợ quả thật rất vất vả.

Đến bảy giờ tối, tôi nhắn tin báo cho cô Hòa mọi việc chuẩn bị đã xong. Khoảng mười lăm phút sau thì mẹ đã về đến nhà. Em Thu được giao nhiệm vụ đón mẹ. Khi mẹ bước vào bếp, bố đã cầm bó hoa hồng tặng mẹ. Lúc đó tôi nhìn thấy khuôn mặt của mẹ rất ngạc nhiên, kế tiếp là nụ cười hạnh phúc. Cả gia đình ngồi vào bàn ăn. Mẹ đã rất ngạc nhiên khi nghe tôi kể về quá trình nấu ăn của ba bố con. Chúng tôi cùng nhau ăn cơm thật vui vẻ, mẹ còn khen các món ăn rất ngon. Buổi tối hôm đó, gia đình tôi ngập tràn tiếng cười hạnh phúc.

Đó là lần đầu tiên tôi được trải nghiệm công việc nấu ăn. Nhờ vậy mà tôi nhận ra mẹ đã vất vả như thế nào để nấu cho chúng tôi những bữa cơm ngon. Bởi vậy mà tôi cảm thấy thương và yêu mẹ nhiều hơn.

Đề bài 3: Hãy kể lại một trải nghiệm khiến em ân hận.

1. Mở bài:

- Giới thiệu về người thân và sự việc, tình huống người thân khiến em ân hận.

2. Thân bài

a. Giới thiệu khái quát về câu chuyện

- Giới thiệu thời gian, không gian xảy ra câu chuyện.

- Giới thiệu những nhân vật có liên quan đến câu chuyện.

b. Kể lại các sự việc trong câu chuyện

- Điều gì đã xảy ra?

- Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy?

- Cảm xúc của người viết khi xảy ra câu chuyện, khi kể lại câu chuyện?

3. Kết bài

Nêu cảm xúc của người viết với câu chuyện đã xảy ra.

Bài viết tham khảo

Tôi là một đứa trẻ ham chơi nên đã từng gây ra nhiều lỗi lầm. Câu chuyện xảy ra khi tôi còn học lớp 5, nhưng là một trải nghiệm mà bây giờ tôi vẫn còn nhớ mãi.

Vì là con trai nên tôi rất mê chơi game. Hôm đó là buổi tối thứ năm. Tôi đang ngồi học bài nhưng lại suy nghĩ về trận đấu lúc chiều. Càng nghĩ, tôi càng cảm thấy không phục vì đã thua Hoàng - cậu bạn cùng lớp mới chơi game chưa được bao lâu nhưng đã đánh thắng mình. Bởi vậy, tôi quyết tâm phải luyện tập thêm để phục thù. Nghĩ vậy, tôi liền thu dọn sách vở rồi xuống nhà. Thấy mẹ đang ở trong bếp, tôi nói với mẹ:

- Mẹ ơi, con có bài tập khó quá không làm được. Con mang sang nhà Tuấn nhờ bạn giải giúp nhé?

Mẹ đồng ý và dặn tôi về sớm vì bố sắp đi làm về. Tôi chỉ vâng dạ cho có rồi nhảy lên xe đạp đi luôn. Nhưng tôi không sang nhà Tuấn mà đến quán điện tử gần trường. Ngồi vào bàn, tôi cảm thấy phấn chấn lạ lùng, mãi chơi đến quên cả thời gian. Bỗng có một bàn tay đập vào vai tôi:

- Muộn quá rồi, về cho bác còn đóng cửa!

Bác chủ nhà nhắc nhở rồi chỉ tay lên đồng hồ. Mười một giờ ba mươi phút. Tôi nhanh chóng trả tiền cho bác chủ quán rồi dắt xe ra về. Vừa đạp xe, tôi vừa nghĩ sẽ giải thích cho bố mẹ như thế nào. Chắc chắn bố mẹ sẽ rất tức giận. Bỗng nhiên tôi nghe thấy tiếng xe máy quen thuộc đang tới gần, một giọng nói nghiêm nghị vang lên:

- Đức, con đã đi đâu mà giờ mới về nhà?

Hai đầu gối bủn rủn, tôi đứng như trời trồng, miệng lắp bắp:

- Bố... bố... đi tìm con ạ?

- Đúng vậy! Mẹ nói là con đến nhà Tuấn nhờ bạn giảng bài, nhưng bố sang nhà bạn thì không thấy con ở đó nên đã đi tìm. Tài liệu của Nhung tây

- Con... con...

- Thôi, muộn rồi, mau về nhà đi con!

Tôi đi bên cạnh bố mà lòng cảm thấy thật có lỗi. Khi bước vào nhà, tôi thấy mẹ vẫn đang ngồi chờ ở phòng khách. Tôi chỉ biết im lặng chờ đợi những câu mắng của bố. Nhưng không, tôi chỉ nghe thấy mẹ hỏi:

- Đức, con đi đâu mà giờ này mới về? Đã ăn cơm chưa?

Khi nghe mẹ nói vậy, tôi òa khóc. Tôi liền xin lỗi bố mẹ, rồi thành thật kể lại mọi chuyện. Bố liền nói với tôi:

- Tuổi trẻ thường hiếu thắng, thích hơn thua với bạn bè. Đó không phải là điều gì sai trái. Nhưng việc con nói dối mẹ để đi chơi là điều không đúng. Việc chơi game, bố mẹ không phản đối nhưng nếu con chơi quá nhiều sẽ không tốt cho sức khỏe, hay việc học tập. Bố mong con ý thức được điều đó. Tài liệu của Nhung đây

Tôi nhìn bố, ánh mắt nghiêm nghị của bố nhìn tôi. Tôi đã nhận ra sai lầm của mình. Tôi liền hứa với bố mẹ sẽ không tái phạm cũng như cố gắng học hành chăm chỉ hơn. Cũng nhờ có trải nghiệm này, mà tôi nhận ra tình yêu thương lớn lao mà bố mẹ dành cho mình.

BÀI 2: GỖ CỬA TRÁI TIM

I. MỤC TIÊU

1. Năng lực

- Xác định được chủ đề của bài thơ;
- Nhận biết được số tiếng trong một dòng thơ, số dòng trong bài, vần của bài thơ *Chuyện cổ tích về loài người*;
- Nhận biết được những đặc điểm cơ bản làm nên đặc trưng của thể loại thơ: thể thơ; ngôn ngữ trong thơ; nội dung chủ yếu của thơ; yếu tố miêu tả, tự sự trong thơ, v.v...
- Nhận biết và bước đầu nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua yếu tố tự sự mang màu sắc cổ tích suy nguyên, những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ độc đáo.

2. Phẩm chất:

- Hình thành và phát triển ở HS những phẩm chất tốt đẹp: yêu thương, trân trọng tình cảm gia đình, trách nhiệm với những người thân yêu trong gia đình.

II. NỘI DUNG

A. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THƠ

1. Thơ là gì?

là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, với những tâm trạng dạt dào, với những tưởng tượng mạnh mẽ, ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, giàu nhạc điệu

2. Một số đặc điểm của thơ:

- Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định, với những đặc điểm riêng về số tiếng mỗi dòng, số dòng mỗi câu.
- + Vần: là phương tiện để tạo tính nhạc và tính liên kết trong một dòng thơ và giữa các dòng dựa trên sự lặp lại phần vần của tiếng ở những vị trí nhất định.
- Vần chân: Vần được gieo ở tiếng cuối của dòng thơ. Vần chân rất đa dạng khi liên tiếp, khi gián cách

- Vần lưng: vần được gieo ở tiếng giữa dòng thơ
- + Nhịp: là chỗ ngừng ngắt trong một dòng thơ trên sự lặp đi lặp lại của chu kì số lượng các tiếng. Mỗi thể thơ có một nhịp điệu riêng.
- + Thanh: là thanh tính của âm tiết, Tiếng Việt có 6 thanh: thanh ngang, thanh sắc, thanh ngã, thanh huyền, thanh hỏi, thanh nặng.
- + Âm điệu: là đặc điểm chung của âm thanh trong bài thơ.
- Ngôn ngữ thơ cô đọng hàm súc, giàu nhạc điệu giàu hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ...)
- Nội dung chủ yếu của thơ là thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có yếu tố miêu tả, tự sự nhưng những yếu tố đó chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc.
- Nhân vật trữ tình: là hình tượng nhà thơ xây dựng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc

3. Cách đọc hiểu tác phẩm thơ

Câu hỏi ôn tập: Em cần lưu ý những điều gì khi đọc hiểu một bài thơ ?

Gợi ý trả lời

Khi đọc hiểu một tác phẩm thơ, ta cần tuân thủ những yêu cầu dưới đây:

- Cần biết rõ tên tác phẩm, tên tập thơ, tên tác giả, hoàn cảnh sáng tác bài thơ.
- Cần hiểu được bài thơ là lời của ai, nói về ai, về điều gì?
- Đọc kĩ bài thơ, cảm nhận ý thơ qua các yếu tố hình thức của bài thơ: nhan đề, dòng thơ, số khổ thơ, vần và nhịp, các hình ảnh đặc sắc, các biện pháp tu từ,.... Ý thơ ở đây là cảm xúc, suy nghĩ, tâm trạng, những sự việc, sự vật,... Đồng cảm với nhà thơ, dùng liên tưởng, tưởng tượng, phân tích khả năng biểu hiện của từng từ ngữ, chi tiết, vần điệu,... mới cảm nhận được ý thơ, thấu hiểu hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình
- Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết và tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc. Tài liệu của Nhung tây
- Từ những câu thơ đẹp, lời thơ lạ, ý thơ hay, từ hình tượng thơ, cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình, hãy lùi xa ra và nhìn lại để lí giải, đánh giá toàn bài thơ cả về nội dung và nghệ thuật. Cần chỉ ra được những nét độc đáo, sáng tạo trong hình thức biểu hiện; những đóng góp về nội dung tư tưởng.

VĂN BẢN 1: CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ LOÀI NGƯỜI

(Xuân Quỳnh)

I. Tìm hiểu chung về thơ

1. Khái niệm

- Thơ là một hình thức sáng tác văn học phản ánh cuộc sống với những cảm xúc chất chứa, cô đọng, những tâm trạng dạt dào, những tưởng tượng mạnh mẽ, trong ngôn ngữ hàm súc, giàu hình ảnh, và nhất là có nhịp điệu

2. Một số đặc điểm của thơ

- Mỗi bài thơ thường được sáng tác theo một thể thơ nhất định với những đặc điểm riêng về số tiếng trong mỗi dòng, số dòng trong mỗi bài,...
- Ngôn ngữ thơ cô đọng, giàu nhạc điệu và hình ảnh, sử dụng nhiều biện pháp tu từ (so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ, v.v...)

- Khi phân tích thơ, phải gắn nội dung với hình thức nghệ thuật, chú ý đến các đặc điểm như: vần, nhịp, thanh điệu, âm điệu, v.v... Tài liệu của Nhung tây

- Nội dung chủ yếu của thơ là tình cảm, cảm xúc của nhà thơ trước cuộc sống. Thơ có thể có yếu tố tự sự (kể lại một sự kiện, câu chuyện) và miêu tả (tái hiện những đặc điểm nổi bật của đối tượng) nhưng những yếu tố ấy chỉ là phương tiện để nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc. Tài liệu của Nhung tây

- *Vần* là phương tiện tạo tính nhạc và tính liên kết trong một dòng thơ và giữa các dòng thơ dựa trên sự lặp lại phần vần của tiếng ở những vị trí nhất định. Mỗi thể thơ sẽ có những quy định về vị trí đặt vần khác nhau tạo nên những quy tắc gieo vần khác nhau. Có hai loại vần:

- Vần chân (cước vận): được gieo cuối dòng thơ, có tác dụng đánh dấu sự kết thúc của dòng thơ và tạo nên mối liên kết giữa các dòng. Vần chân rất đa dạng: khi liên tiếp, khi gián cách, ... và là hình thức gieo vần phổ biến nhất trong thơ. (GV tự nêu ví dụ).

- Vần lưng (yêu vận): Vần được gieo ở giữa dòng thơ gọi là vần lưng. Đây được cho là một hiện tượng đặc biệt của vận luật Việt Nam. Vần lưng khiến dòng thơ giàu nhạc tính. (GV tự nêu ví dụ). Tài liệu của Nhung tây

- *Nhịp* là các chỗ ngừng ngắt trong một dòng thơ dựa trên sự lặp lại có tính chu kỳ số lượng các tiếng. Mỗi thể thơ có một nhịp điệu riêng. Nhà thơ sáng tác theo một thể thơ nhất định nhưng vẫn có thể tạo nên một nhịp điệu riêng cho mình để biểu đạt một ý nghĩa nào đó. Ví dụ: *Nửa chừng xuân/ thoát/ gãy cành thiên hương* (Truyện Kiều – Nguyễn Du) ngắt nhịp 3/1/4 khác với cách ngắt nhịp 4/4 của lục bát thông thường. Cách ngắt nhịp của Nguyễn Du khiến câu thơ như bị bẻ làm đôi làm ba, thể hiện số phận đầy đau khổ, phải chết giữa tuổi xuân đẹp đẽ như cành hoa gãy giữa lúc đương xuân của Đạm Tiên. Tài liệu của Nhung tây

- *Thanh điệu* là thanh tính của âm điệu. Tiếng Việt là ngôn ngữ phong phú về thanh điệu (6 thanh điệu). Trong khi đó, tiếng Trung cũng có thanh điệu, nhưng chỉ có 4 thanh. Thanh điệu tiếng Việt đối lập nhau ở hai cao độ cơ bản (đối lập về âm vực):

- Cao độ cao: thanh ngang/không, thanh sắc, thanh ngã;

- Cao độ thấp: thanh huyền, hỏi, nặng

- *Âm điệu* là đặc điểm chung của âm thanh trong bài thơ, được tạo nên từ vần, nhịp, thanh điệu và các yếu tố khác của âm thanh ngôn ngữ trong bài thơ.

II. Tác giả tác phẩm

1. Tác giả

- Họ tên đầy đủ: Nguyễn Thị Xuân Quỳnh;

- Năm sinh - năm mất: 1942 – 1988;

- Quê quán: La Khê - Hà Đông - Hà Tây, nay là Hà Nội.

- Bà là một trong những nhà thơ nữ xuất sắc của Việt Nam, được mệnh danh là nữ hoàng thơ tình yêu của Việt Nam. Tài liệu của Nhung tây

- Thơ của Xuân Quỳnh thường viết về những tình cảm gần gũi, bình dị, trong sáng của đời sống gia đình và cuộc sống hàng ngày, biểu lộ những rung cảm và khát vọng của một trái tim phụ nữ chân thành, tha thiết và đậm thắm. Tài liệu của Nhung tây

- Xuân Quỳnh được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật vào năm 2011.

- Một số tác phẩm tiêu biểu:

Các tập thơ: Chồi biếc (1963), Hoa dọc chiến hào (1968), Lời ru trên mặt đất (1978), Chờ trăng (1981), Tự hát (1984). Trong đó có một số bài thơ đặc biệt nổi tiếng: Thuyền và biển, Sóng, Tiếng gà trưa, Thơ tình cuối mùa thu...

Một số tác phẩm viết cho thiếu nhi: Mùa xuân trên cánh đồng (truyện thiếu nhi, 1981), Bầu trời trong quả trứng (thơ văn thiếu nhi, 1982)...

2. Tác phẩm

+ **Xuất xứ:** *Chuyện cổ tích về loài người* là bài thơ được rút ra từ tập thơ *Lời ru trên mặt đất*, NXB Tác phẩm mới, Hà Nội, 1978, tr. 49 - 52.

+ **Nhân vật:**

- Nhân vật: Trẻ con, mẹ, bà, bố, thầy giáo....

- Nhân vật chính: trẻ em;

+ **Sự việc:** Sự ra đời của trẻ con, sự ra đời của thiên nhiên, sự ra đời của gia đình, sự ra đời của xã hội

+ **Phương thức biểu đạt:** trữ tình kết hợp tự sự và miêu tả;

* **Bố cục:** 2 phần

+ Phần 1: Khổ 1: Thế giới trước khi trẻ con ra đời;

+ Phần 2: Thế giới sau khi trẻ con ra đời

- Khổ 2: Những thay đổi về thiên nhiên đầu tiên khi trẻ con sinh ra;

- Khổ 3: Sự xuất hiện của mẹ để cho trẻ tình yêu và lời ru

- Khổ 4: Sự xuất hiện của bà để kể cho trẻ nghe những câu chuyện cổ

- Khổ 5: Sự xuất hiện của bố và tình yêu thương của bố để cho trẻ có nhận thức về thế giới

- Khổ 6: Sự xuất hiện của trường lớp và thầy giáo để cho trẻ được đi học và có kiến thức.

III. Định hướng phân tích văn bản

1. Thế giới trước khi trẻ con ra đời và sự thay đổi sau khi trẻ con ra đời.

- Trời được sinh ra đầu tiên, lúc này thế giới chưa có gì, chưa có cây cối, ánh sáng, màu sắc, tất cả là màu đen. Tài liệu của Nhung tây

Hình ảnh Trái đất trước khi trẻ con được sinh ra?	Nêu sự thay đổi của trái đất sau khi trẻ con được sinh ra? Vì trẻ em mà thế giới đã thay đổi, điều đó nói lên ý nghĩa gì của trẻ em đối với thế giới?		
- Sinh ra trước nhất: chỉ toàn là trẻ con - Khung cảnh: + Không có ánh sáng, màu sắc + Không dáng cây ngọn cỏ + Không mặt trời + Chỉ toàn là màu đen.	Mặt trời	Giúp trẻ con nhìn rõ	+ Thế giới đã có sự thay đổi khi trẻ em xuất hiện. Từ tối tăm sang có ánh sáng. => Ý nghĩa to lớn của trẻ em đối với thế giới, trẻ em là trung tâm của thế giới, là tương lai của thế giới. => Mỗi sự thay đổi trên thế giới đều bắt nguồn từ sự sinh ra của trẻ con. Các sự vật, hiện tượng xuất hiện đều để nâng đỡ, nuôi dưỡng, góp phần giúp
	Cây, cỏ, hoa	Giúp trẻ con cảm nhận màu sắc	
	Tiếng chim, làn gió	Giúp trẻ con cảm nhận âm thanh	
	Sông	Giúp trẻ con có nước để tắm	
	Biển	ý nghĩ, cung cấp thực phẩm, phương tiện	
	Đám mây, con đường	Giúp trẻ con tập đi	

	Thầy giáo	Dạy dỗ cho trẻ em	trẻ con trưởng thành cả về vật chất và tâm hồn.
--	-----------	-------------------	---

2. Những món quà mà mẹ, bà, bố đem đến cho trẻ những món quà.

* Sự biến đổi:

- Thiên nhiên: Mặt trời bắt đầu nhô cao, ánh sáng xuất hiện bắt đầu có màu sắc và sự sống của muôn loài.
 - Màu sắc: màu xanh của cỏ cây, màu đỏ của hoa.
 - Loài vật: chim hót. Tài liệu của Nhung tây
 - Sự vật: gió, sông, biển, đám mây, con đường.
- => Tưởng tượng có nét tương đồng với các truyện kể nguồn gốc khác trên thế giới: Nữ oa sáng tạo con người. Truyện trong kinh thánh về jiho;
- Mọi sự thay đổi đều bắt đầu từ việc xuất hiện trẻ con. Các sự vật xuất hiện đều nâng đỡ cho trẻ em phát triển về vật chất và tâm hồn.

Mẹ, bà, bố đã đem đến cho trẻ món quà nào?			
Sự ra đời của gia đình	Mẹ	Mang đến tình yêu, lời ru, bế bồng, chăm sóc	<p>-Món quà tình cảm mà chỉ có mẹ mới đem đến được cho trẻ thơ chính là tình yêu của mẹ ước mong của mẹ dành cho trẻ thơ:</p> <p>+ Cái bóng cái bang vốn chỉ những em bé ngoan ngoãn, chăm chỉ trong bài ca dao:nhắc nhở các em hãy là những người con hiếu thảo, biết yêu thương, giúp đỡ cha mẹ</p> <p>+Cánh cò trắng biểu tượng cho người nông dân vất vả, một nắng hai sương kiếm ăn mà vẫn quanh năm thiếu thốn. Tuy hoàn cảnh sống lam lũ, cực nhọc nhưng họ vẫn giữ tâm lòng trong sạch.</p> <p>+ Vị gừng cay trong lời ru của mẹ nhắc nhở tình cảm yêu thương chân thành của con người sẽ càng trở nên mặn mà, đậm thấm qua thời gian, nhắc nhở sự chung thủy</p> <p>=>Lời nhắn nhủ ân cần về cách sống đẹp: biết yêu thương, chia sẻ, nhân ái, thủy chung,... Đó chính là dòng sữa mát lành nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ.</p>

	Bà	Mang đến những câu chuyện ngày xưa, ngày sau	<p>+ <i>Tám Cám, Thạch Sanh</i>: Ước mơ về lẽ công bằng, người ờ hiền sẽ gặp lành, ở ác sẽ bị quả báo;</p> <p>+ <i>Cóc kiện trời</i>: Đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh;</p> <p>+ <i>Nàng tiên ốc, Ba cô tiên</i>: Lạc quan, tin tưởng vào những điều tốt đẹp.</p> <p>=>Những câu chuyện cổ tích đó mang đến cho trẻ thơ những bài học về triết lí sống nhân hậu, ở hiền gặp lành; là suối nguồn trong trẻo nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn trẻ thơ.</p>
	Bố	Mang đến	- Truyền dạy những tri thức về thiên nhiên và cuộc sống.

	những hiểu biết, dạy con ngoan, biết nghĩ, có kiến thức	- Mẹ nuôi dưỡng cho trẻ trái tim ấm áp, yêu thương. Bố giúp trẻ trưởng thành về trí tuệ.
--	---	--

3. Vai trò của bố, mẹ, bà trong gia đình đối với trẻ em

- Món quà tình cảm chỉ có thể mẹ đem đến cho các em:
- + Những lời ru quen thuộc gắn liền với truyền thống văn hóa.
- + Lời ru mộc mạc dễ hiểu, dễ ăn sâu vào tâm hồn trẻ thơ.
- Bà thỏa mãn việc kể chuyện cho nghe:
- + Chuyện ngày xưa: chuyện cổ con cóc nàng tiên, cô Tấm và lí thông.
- + Chuyện ngày sau: Những chuyện trong trải nghiệm của bà, chuyện bà tiên đoán để dạy cháu...chuyện bà kể luôn mang tính đạo lí, có tính chất giáo dục, hướng các em đến những hành động tốt đẹp, lối sống đẹp.
- Bố đại diện cho lí trí, bố cho sự hiểu biết...Bố vừa nghiêm khắc lại vừa yêu thương.
- => Tất cả luôn yêu thương, quan tâm đến trẻ...

Người thầy cùng với những phương tiện dạy học mang đến cho trẻ những gì?			
Sự ra đời của xã hội	Chữ, bàn, ghế, lớp, trường, bảng, phấn	Mang đến hiểu biết, nền văn minh	=>Người thầy cùng với những phương tiện dạy học đơn sơ đã mang đến cho trẻ thơ những bài học về đạo đức, tri thức, nuôi dưỡng những ước mơ đẹp,... giúp trẻ thơ trưởng thành.
	Thầy giáo	Dạy dỗ cho trẻ em	

(6) Mỗi thành viên trong gia đình đều yêu thương, quan tâm đến trẻ. Nhưng mỗi người lại có cách thể hiện tình yêu và vai trò riêng đối với trẻ.

(7). Căn cứ để xác định đây là một bài thơ:

- Về nghệ thuật:
- + Phương thức: Biểu cảm (mượn phương thức tự sự để bộc lộ cảm xúc)
- + Số lượng tiếng: mỗi dòng thơ có năm tiếng, các dòng được sắp xếp theo khổ và không giới hạn số lượng dòng trong một bài.
- +Vần: Bài thơ sử dụng vần chân ở hầu hết các dòng thơ, ví dụ:

*Từ cánh cò rất trắng
 Từ vị gừng rất đắng
 Từ vết lấm chưa khô
 Từ đầu nguồn cơn mưa
 Từ bãi sông cát vắng...*

+Nhịp:Mỗi dòng thơ đều được ngắt nhịp 3/2 hoặc 2/3, tạo âm điệu nhịp nhàng. Ví dụ:

*Trời sinh ra/ trước nhất
 Chỉ toàn là/ trẻ con
 Màu xanh/ bắt đầu cỏ
 Màu xanh/ bắt đầu cây*

+ Biện pháp tu từ: Điệp cấu trúc (Màu xanh bắt đầu bằng...; Tiếng hót... song... biển...; Từ

chuyện... bố bảo....; rồi có...), liệt kê: (Trường từ vựng về thiên nhiên, trường từ vựng về những bài hát ru, câu chuyện cổ tích, về trường, lớp)

- Về nội dung: tình cảm yêu thương dành cho trẻ thơ.

(8) Bài thơ có nhan đề *Chuyện cổ tích về loài người*

- Giống:

+ Đề nói về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người của loài người

+ Đề có những yếu tố hoang đường, kỳ ảo

- Điểm khác biệt của nhà thơ Xuân Quỳnh:

+ Không phải người lớn mà là trẻ con được sinh ra trước nhất. Trẻ con chính là trung tâm của vũ trụ cần được nâng niu, hướng dẫn; vạn vật trên trái đất được sinh ra là vì trẻ em; những người thân như ông bà, bố mẹ được sinh ra là để che chở, yêu thương, nuôi dạy trẻ em khôn lớn thành người.

+ Cách kể mang nét độc đáo của lời tâm tình từ trái tim một người mẹ dành tình cảm yêu mến cho trẻ thơ, gần gũi với ca dao, tưởng phi lý nhưng lại rất đúng. *Sinh con rồi mới sinh cha/ Sinh cháu rồi mới sinh bà sinh ông.*

- Sự khác biệt ấy thể hiện thông điệp nhà thơ muốn nhắn gửi:

+ Tôi trẻ em: Hãy yêu thương những người thân trong gia đình bởi họ đã dành cho các em những tình cảm tốt đẹp nhất. Tình cảm cần được thể hiện qua những lời nói, hành động, việc làm cụ thể, giản dị hằng ngày.

+ Tôi các bậc làm cha mẹ: Hãy yêu thương, chăm sóc và dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất bởi các em chính là tương lai của gia đình, đất nước. Các em cần được sống trong môi trường tốt đẹp, được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ để khôn lớn, trưởng thành.

(9) Nhan đề *Chuyện cổ tích về loài người* là sự kết hợp giữa biểu cảm và tự sự gợi cho người đọc liên tưởng tới những câu chuyện tưởng tượng về sự xuất hiện của loài người trong vũ trụ dưới hình thức cổ tích suy nguyên, giải thích nguồn gốc của loài người mang màu sắc hoang đường, kì ảo. Tài liệu của Nhung tây

4. Tổng kết

+ **Nội dung bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người”**

“Chuyện cổ tích về loài người” – Xuân Quỳnh kể về sự xuất hiện của loài người rồi sự trưởng thành, phát triển, tiến đến xã hội văn minh. Bài thơ đã bộc lộ tình yêu mến đối với con người nhất là trẻ em. Trẻ em cần được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ. Mọi sự sinh ra trên đời này là vì trẻ em, vì cuộc sống hôm nay và mai sau của trẻ em.

+ **Nghệ thuật bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người”**

Thể thơ 5 chữ kết hợp với các yếu tố tự sự, miêu tả cùng các biện pháp tu từ như điệp ngữ.

BÀI VĂN THAM KHẢO

Xuân Quỳnh là nữ thi sĩ nổi tiếng với những vần thơ trong trẻo, dịu dàng mà chan chứa tình yêu thương con người, đặc biệt là thơ viết cho thiếu nhi. Trong rất nhiều bài thơ thi sĩ viết cho trẻ thơ, có lẽ “*Chuyện cổ tích về loài người*” là tiêu biểu nhất.

Bài thơ được in trong tập “*Lời ru trên mặt đất*” (1978), viết theo thể thơ năm chữ. Giọng thơ dịu dàng, tâm tình tha thiết, bài thơ vừa thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, vừa giúp ta cảm nhận nét đẹp của lòng nhân hậu, trong sáng trong thơ Xuân Quỳnh. Bằng trí tưởng

tượng phong phú, nhà thơ lí giải về nguồn gốc của loài người theo một cách rất thơ, để nhắc nhở mọi người cùng quan tâm chăm sóc cho trẻ.

Bài thơ giống như một câu chuyện kể lí giải về nguồn gốc của loài người bằng nhiều chi tiết hư cấu tưởng tượng. Nhờ yếu tố tự sự (kể về nguồn gốc loài người), miêu tả (về sự ra đời của vạn vật, con người), nhà thơ bộc lộ tình cảm, cảm xúc của mình. Đó là tình cảm yêu thương dành cho trẻ thơ. Cách gieo vần khá linh hoạt, ngắt nhịp 3/2/ hoặc 2/3, bài thơ vẽ ra cả một thế giới với biết bao sự sinh sôi, nảy nở diệu kì. Một thế giới trong trẻo, đẹp đẽ dành cho trẻ. Mở đầu là hình ảnh thế giới trước khi trẻ con được sinh ra. Rồi cứ thế, khi trẻ ra đời, cả thế giới bừng tỉnh với những đổi thay tuyệt diệu. Thiên nhiên, đến con người ra đời để dành cho trẻ những gì tốt đẹp nhất.

Đề lí giải về nguồn gốc của loài người cho trẻ em thật khóa. Nhưng Xuân Quỳnh lại có cách giải thích đầy khéo léo, mà hài hước. Ở khổ thơ đầu, nhà thơ đã lí giải sự ra đời của loài người:

*“Trời sinh ra trước nhất
Chỉ toàn là trẻ con
Trên trái đất trụi trần
Không đáng cây ngọn cỏ
Mặt trời cũng chưa có
Chỉ toàn là bóng đêm
Không khí chỉ màu đen
Chưa có màu sắc khác”*

Trái đất lúc này vẫn còn trụi trần, không có đáng cây hay ngọn cỏ. Ngay đến cả mặt trời để sưởi ấm muôn loài cũng chưa xuất hiện. Trái đất chỉ toàn một màu đen, không hề có bất cứ một sắc màu khác. Và mọi vật sinh ra trên đời đều vì trẻ em. Đôi mắt của trẻ em rất sáng nhưng chưa thể nhìn thấy gì, vì vậy mặt trời xuất hiện cho trẻ con nhìn rõ. Màu xanh của cây cỏ, màu đỏ bông hoa giúp trẻ con nhận biết màu sắc. Cây cối, lá cỏ đã giúp trẻ con cảm nhận về kích thước. Còn tiếng chim hót, tiếng gió thổi cho trẻ con cảm nhận âm thanh. Dòng sông ra đời giúp trẻ con có nước để tắm. Biển xuất hiện để trẻ con suy nghĩ, cung cấp thực phẩm và là nơi tìm hiểu, khám phá. Khi trẻ con bắt đầu chập chững những bước đi đầu tiên, cũng là lúc con đường xuất hiện.

Nhưng trẻ con vẫn còn cần có tình yêu thương, vì thế mà người mẹ đã xuất hiện:

*"Nhưng còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Cho nên mẹ sinh ra
Để bế bồng chăm sóc
Mẹ mang về tiếng hát
Từ cái bóng cái bang
Từ cái hoa rất thơm
Từ cánh cò rất trắng
Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng..."*

Đoạn thơ được mở đầu với sự có mặt của người mẹ trong thế giới. Lý do mẹ có mặt trên đời thật đơn giản nhưng vô cùng ý nghĩa. Trẻ con cần có bàn tay dịu dàng chăm sóc, lời hát ru ngọt ngào của người mẹ. Bởi vậy mà mẹ xuất hiện để đem đến tình yêu thương bao la. Những câu thơ được mở đầu bằng chữ “từ” nhằm khẳng định nguồn gốc ra đời của lời ru. Lời ru được sinh ra từ những thứ thật giản dị, dễ tìm và dễ thấy. “ Từ cái bóng, cái bang, từ bông hoa rất thơm, từ vị gừng rất đắng, từ vết lấm chưa khô, từ đầu nguồn cơn mưa, từ bãi sông cát vắng...”. Tất cả những điều đó đều ở xung quanh trẻ em, gần gũi và quen thuộc. Trong lời ru đó đã gửi gắm âm thanh, mùi vị, hương sắc, hình dáng... của thiên nhiên để con trẻ cảm nhận. Lời ru cũng như tình yêu của mẹ đều có nhiều sắc thái, cung bậc khác nhau, tự nhiên như trời đất vốn có. Tình yêu của mẹ cũng lớn lao, mênh mông như thế và được gửi gắm vào trong những lời hát ru.

Tiếp đến, Xuân Quỳnh đã lý giải sự xuất hiện của bà. Bà chính là người đem đến cho trẻ con:

*"Biết trẻ con khao khát
Chuyện ngày xưa, ngày sau
Không hiểu là từ đâu
Mà bà về ở đó
Kể cho bao chuyện cổ
Chuyện con cóc, nàng tiên
Chuyện cô Tấm ở hiền
Thằng Lý Thông ở ác...
Mái tóc bà thì bạc
Con mắt bà thì vui
Bà kể đến suốt đời
Cũng không sao hết chuyện"*

Chắc hẳn tuổi thơ của mỗi người đều sẽ in đậm hình ảnh người bà nhân hậu với những truyện cổ tích quen thuộc như: con cóc, nàng tiên; chuyện cô Tấm ở hiền; thằng Lý Thông ở ác... Qua những câu chuyện đó, điều mà bà muốn gửi gắm đó chính là cội nguồn và văn hóa của dân tộc, hướng đến cách sống hiền lành, lương thiện.

Có mẹ đem đến tình thương, có bà dạy dỗ đạo đức, trẻ em còn cần có bố. Bố đã dạy cho trẻ em những hiểu biết của loài người. Nhờ “bố bảo”, “bố dạy” mà trẻ em “biết ngoan”, “biết nghĩ”. Con người mở rộng tầm hiểu biết, ngày một khám phá mọi sự vật, mọi hiện tượng xung quanh:

*“Rộng lắm là mặt bể
Dài là con đường đi
Núi thì xanh và xa
Hình tròn là trái đất”*

Khi cuộc sống ngày càng phát triển, con người được học hành. Trường học được mở ra để dạy trẻ em học, thầy cô giáo chính là người cung cấp kiến thức, dạy dỗ trẻ em nên người. Lớp, trường, bàn, ghế, cái bảng, cục phấn, chữ viết, ông thầy.. là những biểu tượng thể hiện sự thay đổi kỳ diệu cuộc sống loài người trên trái đất ngày một văn minh. Dưới ánh sáng mặt trời, loài người được sống trong ánh sáng của khoa học, của giáo dục, ánh sáng của văn minh:

"Chữ bắt đầu có trước
Rồi có ghế có bàn
Rồi có lớp có trường
Và sinh ra thầy giáo"

Như vậy, bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người” đã đem đến một cách lý giải độc đáo về nguồn gốc của loài người. Qua đó, Xuân Quỳnh muốn bộc lộ lòng yêu thương trẻ em sâu sắc.

Trời sinh ra trước nhất
Chỉ toàn là trẻ con
Trên trái đất trụi trần
Không dáng cây ngọn cỏ
Mặt trời cũng chưa có
Chỉ toàn là bóng đêm
Không khí chỉ màu đen
Chưa có màu sắc khác

Lí giải về nguồn gốc loài người, kho tàng văn học dân gian có bao câu chuyện hấp dẫn như *Con rồng, cháu tiên* kể về Lạc Long Quân và Âu Cơ, *Bàn cổ khai thiên lập địa*, Nữ Oa sáng tạo ra con người (phương Đông), *Thần Pờ-rô-mê-tê* (thần thoại Hi Lạp)...Các truyện đó có điểm kì lạ là đều giải thích về nguồn gốc loài người do Trời sinh ra. Đó là cách giải thích mang màu sắc hoang đường, kì ảo. Còn với Xuân Quỳnh, một nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại, nhà thơ đã giải thích nguồn gốc của con người bằng một lối tư duy giàu hình tượng của thơ. Nhà thơ mượn lời tâm tình từ trái tim của người mẹ, để lí giải về nguồn gốc của loài người một cách rất độc đáo, rất thơ. Trẻ em được sinh ra đầu tiên trên Trái đất. Khi ấy cả trái đất trụi trần, không có gì hết, không có ánh sáng, cây cỏ, màu sắc...Tất cả bao trùm bởi màu đen.

Nhưng, khi trẻ em ra đời, điều kì diệu đã xảy ra, mà đầu tiên là **sự biến đổi của thiên nhiên.**

Mặt trời mới nhô cao
Cho trẻ con nhìn rõ
Màu xanh bắt đầu cỏ
Màu xanh bắt đầu cây
Cây cao bằng gang tay
Lá cỏ bằng sợi tóc
Cái hoa bằng cái cúc
Màu đỏ làm ra hoa
Chim bấy giờ sinh ra
Cho trẻ nghe tiếng hót
Tiếng hót trong bằng nước
Tiếng hót cao bằng mây
Những làn gió thơ ngây
Truyền âm thanh đi khắp

Mặt trời xuất hiện đầu tiên là món quà vô giá, mang ánh sáng và mọi sự sống được sinh sôi, nảy nở. Những màu sắc của cỏ cây, hoa lá cứ trỗi dậy, lớn dần. Rồi đến chim chóc được sinh ra, mang tiếng hót trong trẻo đến “*Màu xanh bắt đầu cỏ...truyền âm thanh đi khắp*”. Các sự vật, hình ảnh thiên nhiên được liệt kê ra thật phong phú, đáng yêu, gần gũi và trẻ đều rất yêu thích. Thế giới thiên nhiên cứ dần dần xuất hiện trước mắt trẻ thơ, từ sự vật nhỏ bé, gần gũi như “cỏ, cây, hoa, lá” đến những hình ảnh thiên nhiên lớn lao kì vĩ luôn có sức hấp dẫn vô ngần như dòng sông, biển cả, con đường, đám mây...Không chỉ là hình ảnh, mà thiên nhiên còn đẹp đẽ với biết bao sắc màu. Màu xanh của cái cây, màu đỏ của bông hoa. Lại cả những âm thanh trong trẻo vô ngần của tiếng chim, làn gió. Xuân Quỳnh dùng nhiều hình ảnh gần gũi, chân thực kết hợp với các biện pháp tu từ so sánh: “*Tiếng hót trong bằng nước/tiếng hót cao bằng mây*”; “*cây cao bằng gang tay/ Lá cỏ bằng sợi tóc...*”; nhân hóa “*Những làn gió thơ ngây*” làm cho lời thơ có sức cuốn hút kì lạ. Thế giới thiên nhiên hiện ra thật sinh động, gần gũi, hiền lành, là người bạn của trẻ thơ. Dưới trí tưởng tượng của nhà thơ, thiên nhiên dường như đang biến đổi, đem đến cho trẻ em không gian trong trẻo, ánh sáng dịu dàng, âm thanh du dương...Tất cả hướng đến nuôi dưỡng, chăm chút cho trẻ.

Bằng thể thơ 5 chữ, với giọng thơ tâm tình, thủ thỉ, yêu thương, dùng yếu tố tự sự kết hợp miêu tả trong tác phẩm trữ tình, bài thơ tạo sức hấp dẫn trong lòng bạn đọc, nhất là trẻ thơ. Cùng với ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, với trí tưởng tượng bay bổng, tác giả dùng yếu tố hoang đường, kì ảo tạo ra màu sắc cổ tích, suy nguyên tăng sức hấp dẫn cho bài thơ. Tác giả sử dụng nhiều phép tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc. Từ những lí giải về nguồn gốc loài người, nhà thơ nhắc nhở mọi người cần yêu thương, sự chăm sóc, chở che, nuôi dưỡng trẻ em cả về thể xác và tâm hồn. Bài thơ thể hiện tình yêu thương trẻ thơ, tấm lòng nhân hậu yêu thương con người của nhà thơ.

Bài thơ kể về nguồn gốc loài người mang yếu tố hoang đường kì lạ. Nhưng được kể theo cách riêng, trẻ con được sinh ra trước, là trung tâm vũ trụ. Vạn vật trên trái đất đều được sinh ra vì trẻ em. Những người thân như ông bà, bố mẹ, được sinh ra để nuôi dạy trẻ khôn lớn thành người. Bài thơ mang thông điệp sâu sắc. Mỗi trẻ em chúng ta cần yêu thương những người thân trong gia đình bởi vì họ đã dành cho trẻ em những tình cảm tốt đẹp nhất. Tình cảm cần được thể hiện qua hành động, lời nói, việc làm cụ thể giản dị hàng ngày. Bài thơ còn nhắc nhở mọi người hãy yêu thương chăm sóc và dành cho trẻ em những gì tốt đẹp nhất. Bởi vì trẻ em là tương lai của gia đình, đất nước. Các em cần được sống trong môi trường tốt đẹp, được yêu thương, chăm sóc, dạy dỗ khôn lớn, trưởng thành.

Thơ Xuân Quỳnh là vậy đó, tiếng thơ bình dị, trong trẻo mà vô cùng sâu lắng. Cùng nhiều bài thơ viết cho thiếu nhi như “*Tiếng gà trưa*”, “*Cô giáo của em*”, “*Trời xanh của mỗi người*”, “*Chuyện cổ tích về loài người*” là một trong những bài thơ giản dị, sâu sắc chan chứa tình yêu thương trẻ thơ của thi sĩ. Từ đó, thi sĩ nhắc nhở mọi người hãy yêu thương, chăm sóc trẻ thơ, để mỗi đứa trẻ cần được sống trong thiên nhiên trong lành, trong mái ấm gia đình yêu thương; tất cả các em cần được vui chơi, học hành, được bảo vệ, chở che!

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

1. Câu 1. Trong "chuyện cổ tích loài người", ai là người được sinh ra đầu tiên?

- A. Thầy giáo B. Trẻ con C. Cha D. Mẹ

Câu 2. Trẻ con sinh ra mắt sáng nhưng chưa nhìn thấy, bởi vậy mới sinh ra thứ gì?

- A. Mặt trăng B. Bóng đèn C. Vì sao D. Mặt trời

Câu 3. Trẻ con sinh ra vì sao cần có ngay người mẹ?

- A. Để trao tình yêu và lời ru cho bé.
B. Để dạy cho bé những kiến thức ở trường lớp, sách vở.
C. Để dạy bé ngoan và biết nghĩ.
D. Tất cả các ý trên

Câu 4. Bố sinh ra đã giúp trẻ em những gì?

- A. Khiến bé nhìn thấy rõ mặt trời.
B. Dạy cho trẻ những kiến thức ở trường lớp, sách vở.
C. Trao tình yêu, lời ru và chăm sóc bé ân cần.
D. Dạy cho trẻ hiểu biết: biết ngoan và biết nghĩ.

Câu 5. Trong khổ thơ 6, 7, thầy giáo dạy cho bé những điều gì?

- A. Dạy cho bé biết về con đường, trái đất và những ngọn núi
B. Cho bé biết mẹ yêu thương và chăm sóc bé bằng tình yêu vô bờ.
C. Dạy cho bé biết ngoan và biết nghĩ, nghe lời bố mẹ.
D. Dạy cho bé biết học hành và biết về lịch sử loài người.

Câu 6. Dòng nào dưới đây nói đúng và đủ nội dung của bài?

- A. Trẻ em mới là người được sinh ra đầu tiên trên trái đất, không phải cha mẹ hay thầy cô giáo. Tài liệu của Nhung tây
B. Trẻ em là sinh ra rất nhỏ bé và yếu đuối, cần được chăm sóc, dạy dỗ và che chở.
C. Mọi vật sinh ra trên trái đất đều là vì con người, vì trẻ em. Hãy dành cho trẻ em những điều tốt đẹp nhất.
D. Tất cả các ý trên

Đáp án và hướng dẫn giải Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	D	D	D	D

2. Dạng bài tập Đọc – Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Nhung còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Cho nên mẹ sinh ra
Để bé bỏng chăm sóc
Mẹ mang về tiếng hát
Từ cái bóng cái bang
Từ cái hoa rất thơm
Từ cánh cò rất trắng
Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng...*

(Trích Chuyện cổ tích về loài người, Xuân Quỳnh)

Câu 1: Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn thơ.

Câu 2: Trong lời ru của mẹ dành cho trẻ, những hình ảnh nào được gọi ra?

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ điệp ngữ trong đoạn thơ trên?

Câu 4: Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, người ta có thể dùng nôi điện, smartphone, mở đĩa ghi âm bài hát ru cho trẻ. Việc làm này sẽ thay thế cho lời ru của mẹ. Em có đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao? Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý làm bài

Câu 1: Các phương thức biểu đạt của đoạn thơ: Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả.

Câu 2: Trong lời ru của mẹ dành cho trẻ, những hình ảnh hiện ra: cái bóng cái bang, cái hoa, vị gừng, cơn mưa, bãi sông, vết lấm. Tài liệu của Nhung tây

Câu 3:

- Điệp ngữ trong đoạn thơ là các từ ngữ như: “*rất*”, “*Từ cái...*”, “*Từ...*” được lặp đi lặp lại

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh vẻ đẹp của những hình ảnh trong lời ru của mẹ.

+ Ca ngợi ý nghĩa của lời ru: Lời ru kết thành những giá trị cao quý nhất trong kho tàng văn hóa dân tộc; thấm đượm trong lời ru của mẹ là tình cảm thiết tha, là trí tuệ, tâm hồn người Việt. Vì vậy nó trở thành nguồn dinh dưỡng quý giá nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ.

+ Khẳng định tình yêu thương bao la của mẹ dành cho con.

+ Làm cho câu thơ hấp dẫn, giọng thơ tha thiết.

Câu 4: Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, người ta có thể dùng nôi điện, smartphone, mở đĩa ghi âm bài hát ru cho trẻ. Việc làm này có thể thay thế cho lời ru của mẹ. Tài liệu của Nhung tây

HS bày tỏ quan điểm **đồng ý** hoặc **không đồng ý** với quan điểm trên

Nếu đồng ý. HS phải lí giải được:

+ Tầm quan trọng của công nghệ thay thế con người, phục vụ cuộc sống. Việc ru con cũng vậy.

+ Nhiều người mẹ phải đi làm việc khi con còn bé, nên không thể trực tiếp ru con...

Nếu không đồng ý. HS phải lí giải được:

+ Không có một thiết bị nào có thể thay thế được lời ru của mẹ vì mẹ ru con là truyền cho con hơi ấm, tình thương, ước mơ, khát vọng của mẹ cho con.

+ Lời ru trở thành dòng sữa tinh thần để con khôn lớn, lời ru bồi đắp tâm hồn con.

+ Lời ru kết gắn tình mẹ con, giúp con cảm nhận được sự chở che, yêu thương của mẹ.

3. Dạng bài tập Đọc – Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

*Quê hương là một tiếng ve
Lời ru của mẹ trưa hè à ơi
Dòng sông con nước đầy vơi
Quê hương là một góc trời tuổi thơ
Quê hương ngày ấy như mơ
Tôi là cậu bé dại khờ đáng yêu*

{ ... }

*Quê hương ta đó là nơi
Chôn rau cắt rốn người ơi nhớ về.*

(Trích *Quê hương* - Nguyễn Đình Huân)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2: Chỉ ra biện pháp tu từ có trong đoạn thơ. Cho biết tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Câu 3: Nêu nội dung của đoạn thơ.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2: - BPTT: So sánh.

- Tác dụng: Gợi tả cụ thể, sinh động hình ảnh quê hương. Quê hương là tiếng ve, là lời ru của mẹ, là dòng sông, là tuổi thơ... gắn bó với mỗi con người.

Câu 3: Nội dung: Đoạn thơ gợi tả hình ảnh quê hương thân thương, gần gũi, với mỗi con người; thể hiện tình yêu, sự gắn bó với quê hương

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Quê hương mỗi người đều có
Vừa khi mở mắt chào đời
Quê hương là dòng sữa mẹ
Thơm thơm giọt xuống bên nôi*

*Quê hương mỗi người chỉ một
Nnhư là chỉ một mẹ thôi
Quê hương nếu ai không nhớ
Sẽ không lớn nổi thành người.*

(Bài học đầu cho con, Đỗ Trung Quân, Hoa cỏ cần gập, Nxb Văn học, 1991)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.

Câu 2. Xác định các danh từ có trong hai câu thơ:

*Quê hương mỗi người đều có
Vừa khi mở mắt chào đời.*

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu :

Quê hương là dòng sữa mẹ.

Câu 4. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

Gợi ý trả lời

Câu 1: PTBD: biểu cảm

Câu 2: Xác định các danh từ có trong hai câu thơ trên: *quê hương, người, khi, mắt, đời.*

Câu 3: Biện pháp tu từ : so sánh: *Quê hương là dòng sữa mẹ*

Tác dụng : Làm nổi bật vẻ đẹp, giá trị quý báu của quê hương đối với mỗi con người. Ở đó mỗi người được đón nhận những tình cảm ngọt ngào, gần gũi, máu thịt và thiêng liêng; được hun đúc những tình cảm tốt đẹp...

Câu 4: Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên: Quê hương gần gũi, máu thịt, thiêng liêng với mỗi người. Quê hương là mảnh đất ai cũng cần ghi nhớ, biết ơn.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

*Ru cho mềm ngọn gió thu
Ru cho tan đám sương mù lá cây
Ru cho cái khuyết tròn đầy
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.
Bàn tay mang phép nhiệm mầu
Chắt chiu từ những dải dầu đầy thôi.
Ru cho sóng lặng bãi bồi
Mưa không đột chỗ ngoại ngòi và khâu
Ru cho đời nín cái đau
À ơi... Mẹ chẳng một câu ru mình.*

(Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ?

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn thơ

Câu 3: Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:

*Ru cho cái khuyết tròn đầy
Cái thương cái nhớ nặng ngày xa nhau.*

Câu 4: Đọc đoạn thơ, em rút ra những thông điệp nào cho bản thân?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: Biểu cảm

Câu 2: Đoạn thơ ca ngợi ý nghĩa của lời ru và tấm lòng yêu thương, những hi sinh lớn lao của mẹ với con

Câu 3:

- Hình ảnh ẩn dụ: “Cái khuyết” chỉ người con bé bỏng, chưa phát triển toàn diện.
- Tác dụng:
 - + Làm hình ảnh thơ trở nên sinh động, hấp dẫn; cách diễn đạt thêm gợi hình, gợi cảm.
 - + Nhấn mạnh tình cảm yêu thương, nâng niu của mẹ dành cho con.
 - + Thể hiện tình yêu, biết ơn trân trọng của tác giả với người mẹ tần tảo; đồng thời tác giả ca ngợi, tình mẫu tử thiêng liêng.

Câu 4: Những thông điệp qua đoạn thơ HS có thể rút ra:

- Hãy yêu thương, kính trọng, biết ơn người mẹ vì mẹ đã hi sinh cả đời cho con.
- Cần lưu giữ lời ru, vì đó là trí tuệ, tâm hồn, vẻ đẹp của người Việt.
- Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, bất diệt

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Bàn tay mẹ chần mưa sa
Bàn tay mẹ chặn bão qua mùa màng.
Vẫn bàn tay mẹ dịu dàng
À ơi này cái trăng vàng ngủ ngon*

*À ơi này cái trăng tròn
À ơi này cái trăng còn nằm nôi...
Bàn tay mẹ thức một đời
À ơi này cái mặt trời bé con...
Mai sau bể cạn non mòn
À ơi tay mẹ vẫn còn hát ru.*

(Trích “À ơi tay mẹ” – Bình Nguyên)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên.

Câu 2: Trong đoạn trích, người con bé bỏng được gọi bằng những cụm từ nào?

Câu 3: Tìm và nêu tác dụng của hình ảnh ẩn dụ trong hai câu thơ sau:

*Bàn tay mẹ thức một đời
À ơi này cái mặt trời bé con...*

Câu 4: Qua đoạn thơ, em có cảm nhận gì về tình cảm của người mẹ dành cho con.

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2: Trong đoạn trích, người con bé bỏng được gọi bằng những cụm từ: *cái trăng vàng; cái trăng tròn; cái trăng còn nằm nôi; cái mặt trời bé con.*

Câu 3:

- Hình ảnh ẩn dụ: *cái mặt trời bé con* → Chỉ người con

- Tác dụng:

+ Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, hấp dẫn, giàu sức gợi hình, gợi cảm.

+ Nhấn mạnh sự quan trọng của người con đối với mẹ.

+ Thể hiện tình cảm yêu thương vô bờ của người mẹ với con: với mẹ, con là Mặt Trời, là điều quan trọng nhất. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4: Qua đoạn thơ, ta thấy được tình yêu thương lớn lao của mẹ dành cho con. Mẹ mạnh mẽ, kiên cường trước khó khăn, chông gai trong cuộc đời để bảo vệ con, cho con được hạnh phúc, bình yên. Song với con, lúc nào mẹ cũng dịu dàng, dành tình yêu thương cho con suốt một đời dù cho bất cứ điều gì xảy ra.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc các bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu:

- *Công cha như núi ngất trời,
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.
Núi cao biển rộng mênh mông,
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!*
- *Con người có cớ, có ông,
Như cây có cội, như sông có nguồn.*
- *Anh em nào phải người xa,*

*Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân.
Yêu nhau như thể tay chân,
Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của các văn bản trên.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong bài ca dao.

Câu 3. Vẻ đẹp tâm hồn người Việt được thể hiện như thế nào trong ba bài ca dao trên?

Câu 4. Từ những lời nhắn nhủ trong các bài ca dao, em hãy kể ra những việc làm của bản thân thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình. (Kể tối thiểu 02 việc làm của em)

Gợi ý làm bài

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

Câu 2.

- Biện pháp tu từ so sánh trong bài ca dao 1:

*Công cha như núi ngất trời,
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài Biển Đông.*

Hình ảnh so sánh cụ thể, phù hợp: lấy cái to lớn mênh mông, vô tận để so sánh với công lao cha mẹ.

- Tác dụng của biện pháp so sánh:

+ Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu ca dao.

+ Nhấn mạnh sự hi sinh, công lao to lớn của cha mẹ đối với con cái.

+ Nhấn mạnh hơn lời khuyên của tác giả dân gian đối với thế hệ con cháu muôn đời.

Câu 3. Vẻ đẹp tâm hồn người Việt được thể hiện qua 3 bài ca dao:

- Trân trọng, đề cao tình cảm gia đình: tình mẫu tử, tình anh em, hướng về cội nguồn,

- Sống ân nghĩa, thủy chung.

Câu 4. HS nêu được các việc làm của bản thân thể hiện tình cảm với người thân trong gia đình, vun đắp tình cảm gia đình.

Có thể như:

- Ngoan ngoãn, vâng lời dạy bảo của ông bà, cha mẹ.

- Phụ giúp ông bà, cha mẹ các việc nhỏ phù hợp với sức mình.

- Thường xuyên hỏi thăm tình hình sức khỏe ông bà, cha mẹ khi ở xa;

- Chăm sóc, phụng dưỡng khi ông bà, cha mẹ đau ốm,

Tranh thủ thời gian về đoàn tụ với gia đình vào các dịp

4. Dạng viết ngắn

Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) thể hiện cảm xúc của em về một đoạn thơ mà em yêu thích trong bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người”.

Gợi ý:

- Lựa chọn đoạn thơ yêu thích, xác định nội dung chính, những yếu tố nghệ thuật nổi bật và cảm xúc của em khi đọc đoạn thơ đó.

- Hướng dẫn viết:

+ Câu mở đầu cần giới thiệu được tên bài thơ, tên tác giả, nội dung đoạn thơ, cảm xúc chung của em về đoạn thơ.

+ Các câu tiếp theo thể hiện cảm xúc đối với các khía cạnh nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ. Tài liệu của Nhung tây

Đoạn văn tham khảo:

Lí giải về nguồn gốc của loài người cho trẻ em thật khó. Nhưng nữ sĩ Xuân Quỳnh đã có cách giải thích thật khéo léo, tinh tế và dễ hiểu với bài thơ “*Chuyện cổ tích về loài người*”. Và đây là một đoạn thơ đặc sắc:

“*Nhưng còn cần cho trẻ
Tình yêu và lời ru
Thế nên mẹ sinh ra
Để bế bồng, chăm sóc
Mẹ mang về tiếng hát
Từ cái bóng cái bang
Từ cái hoa rất thơm
Từ cánh cò rất trắng
Từ vị gừng rất đắng
Từ vết lấm chưa khô
Từ đầu nguồn cơn mưa
Từ bãi sông cát vắng...*”

Mở đầu đoạn thơ là sự xuất hiện của người mẹ trong thế giới. Khổ thơ như chia làm hai vế, vế đầu “*Nhưng còn cần cho trẻ. Tình yêu và lời ru*” là điều kiện cần, còn vế sau “*Thế nên mẹ sinh ra. Để bế bồng, chăm sóc*” là kết quả thỏa mãn điều kiện đó. Lúc đầu trời sinh ra chỉ toàn là trẻ con, rồi mọi thứ dần dần ra đời để nuôi dưỡng bé. Và lí do mẹ có mặt trên đời cũng thật giản dị và ý nghĩa, vì có bé ở trên đời. Bé cần rất nhiều thứ để lớn khôn như mặt trời, cây cỏ, chim muông, sông suối, cá tôm... nhưng có lẽ hơn hết thấy bé cần tình yêu và lời ru. Từ “*nhưng*” đặt đầu câu nhằm nhấn mạnh sự quan trọng của hai yếu tố đó và lí giải sự xuất hiện của mẹ là điều tất yếu. Bởi bé là niềm vui, là nguồn hạnh phúc của mẹ. Bé cần có bàn tay dịu dàng vuốt ve, cần lời hát ru để lớn, cần sự dạy bảo để thành người. Tài liệu của Nhung tây

ÔN TẬP VĂN BẢN : MÂY VÀ SÓNG

(*Rabindranath Tagore*)

I. TÁC GIẢ TÁC PHẨM:

1. Tác giả

- R. Ta-go (1861 -1941) tên đầy đủ là Ra-bin-đra-nát Ta-go (Tagore Rabindranath).
- Ông là nhà thơ hiện đại lớn nhất của Ấn Độ.
- Quê quán: sinh ở Can-cút-ta, bang Ben-ga, trong một gia đình quý tộc.
- Ông làm thơ từ rất sớm, tham gia vào các hoạt động chính trị, xã hội.
- Sự nghiệp sáng tác: để lại cho nhân loại gia tài văn hóa đồ sộ: 52 tập thơ, 42 vở kịch, 12 bộ tiểu thuyết, khoảng 100 truyện ngắn, trên 1500 bức họa và số lượng ca khúc cực lớn.
- Một số tác phẩm tiêu biểu: Tập thơ Người làm vườn, tập Trăng non, tập Thơ dâng...
- Phong cách sáng tác: Thơ của ông thể hiện tinh thần dân tộc và dân chủ sâu sắc, tinh thần nhân văn cao cả và chất trữ tình triết lí nồng đượm; sử dụng thành công những hình ảnh thiên nhiên mang ý nghĩa tượng trưng, hình thức so sánh, liên tưởng về thủ pháp trùng điệp.
- Năm 1913, Ta-go trở thành tác giả người châu Á đầu tiên nhận được giải thưởng Nô-ben về văn học.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Mây và sóng được viết bằng tiếng Ben-gan, in trong tập thơ Si-su (Trẻ thơ).
- Tác phẩm được xuất bản năm 1909 và được Ta-go dịch ra tiếng Anh, in trong tập Trăng non xuất bản năm 1915.
- Xuất xứ: *Mây và sóng* được in trong tập *Trăng non*.
- Người kể chuyện: em bé;
- Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả;
- Thể loại: thơ văn xuôi (thơ tự do);
- * Bố cục: 2 phần
- + Phần 1: Từ đầu... và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm: câu chuyện của em bé với những người “trên mây”;
- + Phần 2: Tiếp theo... hết: câu chuyện của em bé với những người “trong sóng”.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”

- Thế giới của những người sống “trên mây”, “trong sóng”:
- + Thế giới của những người sống “trên mây”: Rực rỡ, lung linh, huyền ảo (ánh sáng mặt trời vàng buổi bình minh, ánh sáng vàng trắng bạc khi đêm về);
- + Thế giới của những người sống “trong sóng”: Vui vẻ và hạnh phúc (chỉ có ca hát và rong chơi khắp chốn từ khi thức dậy cho đến chiều tà).
- Xa xôi, cao rộng, rực rỡ sắc màu, chứa đựng biết bao điều bí ẩn;
- Cách đến với họ:
- + Đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời;
- + Đến bờ biển cả, nhắm nghiền mắt lại.

Lời mời gọi của những người sống “trên mây”, “trong sóng” chính là tiếng gọi của thế giới diệu kỳ, lung linh huyền ảo đầy hấp dẫn. Tài liệu của Nhung tây

Gọi lên trong em bé những khát khao được khám phá, ngao du ở những xứ sở xa xôi.

2. Lời từ chối của em bé

- Sự lưỡng lự ở những câu hỏi đầu tiên:
- + Nhưng làm thế nào mình lên đó được?
- + Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?
- Em bé vừa có những khao khát khám phá thế giới bên ngoài, vừa muốn ở nhà với mẹ.
- Lời từ chối của em bé:
- + Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?
- + Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?

Sức níu giữ của tình mẫu tử. Tình yêu thương của mẹ đã thắng lời mời gọi đầy hấp dẫn của những người “trên mây” và “trong sóng”. Với em bé, được ở bên mẹ, làm mẹ vui và được mẹ yêu thương, che chở là niềm hạnh phúc không gì sánh được.

3. Trò chơi của em bé

- Con là mây, mẹ là trăng, con lấy hai tay trườn lên người mẹ;
- Con là sóng, mẹ là bờ biển, con sẽ lăn, lăn, lăn và vỗ vào gối mẹ.

Tình cảm mẹ con sâu sắc:

a. Tình cảm em bé dành cho mẹ

- Luôn muốn ở bên mẹ, vui chơi cùng mẹ;
- Sáng tạo ra những trò chơi thú vị để mẹ có thể chơi cùng;
- Trò chơi vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng tinh nghịch, bay cao, lan xa phiêu du khắp chốn; lại vừa được quán quýt bên mẹ - như mây quán quýt bên vầng trăng, như sóng vui đùa bên bờ biển.

b. Tình cảm mẹ dành cho em bé

- Mẹ luôn muốn ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về: mẹ mình đang đợi ở nhà, buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà;
- Mẹ giống như ánh trăng dịu hiền soi sáng từng bước con đi, bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về;
- Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào Tình mầu tử hòa quyện, lan tỏa, thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông.

Cả bài thơ là tương quan của tình mầu tử với thiên nhiên, vũ trụ Ca ngợi, tôn vinh tình mầu tử bao la, thiêng liêng và vĩnh cửu.

3. Tổng kết

+ Nghệ thuật

- Thơ văn xuôi, có lời kể xen đối thoại;
- Sử dụng phép lặp, nhưng có sự biến hóa và phát triển;
- Xây dựng hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng.

+ Nội dung

Bài thơ thể hiện tình yêu thiết tha của em bé đối với mẹ, ca ngợi tình mầu tử thiêng liêng, bất diệt. Qua đó, ta cũng thấy được tình cảm yêu mến thiết tha với trẻ em của nhà thơ, với thiên nhiên, cuộc đời bình dị.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Trong kho tàng văn học nhân loại, tình mầu tử là một đề tài tiêu biểu, có thật nhiều tác phẩm đặc sắc như “*À ơi tay mẹ*” của Bình Nguyên, “*Về thăm mẹ*” của Đinh Nam Khương... Và có lẽ không thể không nhắc đến bài thơ “*Mây và sóng*” của Ta-go, một bài thơ đặc sắc ca ngợi tình mầu tử thiêng liêng, bất diệt. Nhà thơ Ta –go mượn lời tâm tình của một em bé với mẹ, em kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện của em bé với mây và sóng. Mượn yếu tố tự sự, nhà thơ giải bày tình yêu mẹ tha thiết và những ước mơ kì diệu của tuổi thơ. Bài thơ cho ta cảm nhận được những giá trị nhân văn sâu sắc.

Ta-go là nhà thơ hiện đại lớn nhất Ấn Độ. Những tác phẩm của ông mang đến cho người đọc những cảm xúc sâu sắc mãnh liệt bởi một phần đã được trải nghiệm qua những trải nghiệm của chính cuộc đời nhà thơ. Ông có một sức sáng tạo phi thường minh chứng là ông đã để lại một khối lượng tác phẩm đồ sộ và có tầm ảnh hưởng khá lớn đối với thời đại. Ông là nhà văn Châu Á đầu tiên được nhận giải thưởng Nô ben về văn học. Đặc biệt khi mà viết về thơ thì ông lại luôn hướng đến khai thác tình mầu tử thiêng liêng và chính điều này đã mang đến cho ông những thành tựu sâu sắc, Trong số đó thì bài thơ mây và sóng cũng là một tác phẩm điển hình trong những tác phẩm viết về tình mầu tử của nhà thơ. Bài thơ in trong tập thơ non là một kiệt tác; là bài ca về tình nhân ái là ước mơ và hạnh phúc tự do của con người là tình mầu tử thiêng liêng.

Bài thơ là một câu chuyện về một cậu bé trước lời mời gọi của mây và sóng mẹ bé muốn đi chơi muốn được hòa mình vào biển vào sóng vào mây cùng các bạn cùng trang lứa để được

đi chơi nhưng trước tình cảm yêu thương của mẹ dành cho mình nên em bé đã nghĩ ra những trò chơi để có thể mãi mãi được ở bên cạnh mẹ và để quên đi sự cảm dỗ bên ngoài kia. Qua những trò chơi mà em bé nghĩ ra ta thấy được tình cảm mẫu tử thiêng liêng và cao cả. Bài thơ đây cho người đọc một triết lý sống cao đẹp và hướng con người đến một tình cảm thiêng liêng và hãy quý trọng nó đừng để đánh mất đi rồi hối tiếc. Mở đầu bài thơ là lời mách của em bé về những thứ thú vị trên trời đang mời gọi em bé và có lẽ em đang rất muốn đi theo lời mời gọi ấy.

*“Mẹ ơi những người trên mây đang gọi con
Bọn tớ chơi đùa từ khi thức dậy đến chiều tà
Bọn tớ chơi đùa với buổi sớm mai vàng
Bọn tớ chơi với vàng trắng bạc
Những con sóng kia cũng đang rủ rê em”
Những người sóng trong sóng nước gọi con:
“bọn tớ hát từ sớm mai đến tối,
bọn tớ hát từ sớm mai đến tối,
Bọn tớ ngao du khắp nơi này đến nơi nọ
mà không biết mình đã từng qua những nơi nào”.*

Qua lời miêu tả dễ thương của em bé ta có thể cảm nhận được những lời mời gọi rất cuốn hút và lôi cuốn đối với cả một người lớn cũng dễ bị thu hút còn đối với một đứa trẻ thì nó lại càng thu hút hơn khi mà các bé đang ở tuổi tò mò luôn thích khám phá mọi thứ xung quanh. Nào là đến với thế giới ấy sẽ được thỏa sức chơi cả ngày từ khi thức dậy đến lúc chiều tà nào là chơi với "buổi sớm mai vàng" nào là chơi với "vàng trắng bạc" nào là được hát từ sáng sớm đến tối được ngao du khắp thiên hạ thật là thích khi mà được đến với thế giới đó. Những câu thơ nhí nhảnh cho thấy trí tưởng tượng phong phú và thật là dễ thương của em bé. Chắc có lẽ lúc này em đang ngược lên bầu trời trong xanh và nhìn những đám mây trắng đang nhơn nhơn và suy nghĩ một cách hết sức trẻ con. Cuộc sống thật tự do và tự tại khi được chơi đùa với các bạn cả ngày mà không chán. Trên đó chắc hẳn sẽ có tất cả mọi thứ nhưng mà chắc chắn sẽ không có mẹ. Điều đó sẽ thật đáng sợ và chán biết bao nếu cuộc vui chơi lại không có mẹ. Dường như nhớ ra điều đó nên từ những lời mời gọi đầu tiên em bé đã nghĩ ngay đến mẹ và kể cho mẹ nghe những thứ xung quanh thật hấp dẫn đang mời gọi con và con cũng muốn đi với họ. Nhưng là sao mà lên đó được nên cậu bé do dự.

*“Con hỏi: nhưng làm thế nào mình lên đó được
Họ đáp: hãy đến nơi tận cùng của trái đất và đưa tay lên trời cậu sẽ
được nhắc bổng lên tận tầng mây
Con nói: “Mẹ tôi đang đợi ở nhà
Làm sao tôi có thể bỏ mẹ tôi mà đi được ?”
Thế là họ cười rồi bay đi
Còn với sóng thì em bé cũng trả lời tương tự như thế
Con hỏi: “Nhưng tôi làm sao gặp được các người?”
Họ bảo con: “Hãy đến chỗ gần sát biển
và đứng đó, nhắm nghiền mắt lại,
là em sẽ được đưa lên trên làn sóng
con hỏi “Làm sao tôi có thể bỏ mẹ tôi mà đi được*

Thế là họ mỉm cười rồi bay đi”

Những lời mời gọi thật là hút một cậu bé nhưng mà để đến được với nó kì thực cũng rất gian lao làm sao khi mà phải tìm đến tận cùng của trái đất mà đòi với một cậu bé thì biết đâu là tận cùng của trái đất hay biết bờ biển là ở đâu. Suy nghĩ một lúc cậu bé băn khoăn và đưa ra câu trả lời là mẹ em đang đợi ở nhà và mẹ luôn muốn em ở nhà với mẹ. Khi đó họ cũng cười rồi bay đi. Dường như những đám mây trong tưởng tượng của cậu bé cũng biết được câu trả lời của cậu mà cười rồi bay đi luôn chứ không nài nỉ hay níu kéo gì. Dường như những thử thách càng lớn thì lòng yêu mẹ của chú bé lại càng được chứng minh, được củng cố. Như vậy, việc nêu ra sự việc thứ hai (cũng là thử thách thứ hai) càng chứng tỏ tình yêu tha thiết của chú bé đối với mẹ. Trong trường hợp này, khổ thơ thứ hai có tác động trùng điệp, hô ứng, khẳng định những tình cảm đã được thể hiện trong thử thách thứ nhất.

Trong cả hai lần, khi những người bạn đến rủ rê, chú bé đều hỏi lại:

“Con hỏi: Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”.

“Con hỏi: Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?”.

Hỏi và được nghe trả lời, hướng dẫn chu đáo. Chi tiết này chứng tỏ tính xác thực, hấp dẫn của bài thơ. Trẻ con nào mà chẳng ham chơi. Khi nghe những lời mời gọi, lần nào chú bé cũng tỏ ra băn khoăn. Mặc dù vậy, tình yêu mẹ vẫn luôn chiến thắng. Chỉ cần nghĩ đến việc mẹ đang đợi ở nhà, mẹ không muốn chú đi chơi, chú bé đã nhất định từ chối những lời rủ rê dù những trò chơi ấy hấp dẫn đến đâu chẳng nữa.

Trước những lời mời gọi ấy cậu bé đã nghĩ đến mẹ và dứt khoát từ chối. Để quên đi những lời mời gọi ấy cậu bé đã nghĩ ra những trò chơi chỉ có mình và mẹ.

“Nhưng con biết một trò chơi thích hơn trò ấy, mẹ ơi.

Con sẽ là mây và mẹ sẽ là trăng.

Con sẽ lấy hai tay trùm lên người mẹ,

Và mái nhà sẽ là bầu trời xanh thẳm.”

Con đối với lời mời của biển thì em bé cũng có một trò chơi thú vị khác

“Nhưng con biết một trò chơi hay hơn trò ấy

Con sẽ là sóng, mẹ sẽ là một bờ biển lạ lùng.

Con sẽ lăn, lăn, và vỗ vào gối mẹ, cười vang.

Và không một ai trên cõi đời này biết nơi đâu mẹ con ta đang ở”

Vậy là con có thể tận hưởng niềm mê say vũ trụ khoáng đạt, bao la, kì thú ở trong chính tình mẫu tử quấn quýt, thân thương. Và nếu như những người sống trên mây mê mãi chẳng biết đâu là lúc dừng, những người sống trong sóng phiêu diêu không biết nơi nao là bến bờ thì con, trong niềm hân hoan của trò chơi tưởng tượng vẫn có mái nhà xanh thẳm để chở che, vẫn có bến bờ kì lạ để neo đậu, có lòng mẹ là chốn vĩnh hằng. Trò chơi tưởng tượng kia cũng mang đậm màu sắc tượng trưng, hay chính là tượng trưng của tượng trưng! Có lẽ những kì thú của tình người mới là vô cùng, vô tận.

Trong hưng phấn tột cùng của trò chơi tưởng tượng ấy "mẹ con ta" tới được chốn siêu nhiên, đạt được cái hàng tồn không hình hài: Và không ai trên thế gian này biết chốn nào là nơi của mẹ con ta. Cũng như không ai biết được lòng mẹ rộng nhường nào, và con đã tan vào lòng mẹ. Lòng mẹ, tình mẹ vô độ mênh mông. Đó là nơi trở về sau cuối, an nhiên. Cái hay của bài thơ Mây và sóng là cái hay của "trò chơi tưởng tượng", cái hay của sức gợi những suy ngẫm chiều sâu, cái hay của những khả năng ý nghĩa từ những câu chuyện trẻ thơ hồn nhiên, trong

suốt. Lối kết cấu song trùng, hệ thống hình ảnh tượng trưng trong mạch chảy liên tục của những dòng "thơ văn xuôi" cứ ánh lên theo khúc nhạc miên viễn của Mây và Sóng – sản phẩm tưởng tượng đặc sắc của Ta-go. Không có biển thì làm sao có sóng cũng như không có mẹ thì làm sao có con. Không có bến bờ thì sóng vỗ vào đâu cũng như không có mẹ thì cuộc đời con có ý nghĩa gì. Lòng mẹ bao dung như bến bờ luôn luôn rộng mở. Hình ảnh bến bờ rộng mở lần mãi rồi sẽ cười vỡ tan được ví như hình ảnh người mẹ luôn vỗ về con thơ. Mẹ mang đến hạnh phúc cho con và chỗ dựa cho cuộc đời con. Tình mẹ con trong bài thơ thật sâu đậm và đó cũng chính là vẻ đẹp vĩnh hằng của tình mẫu tử. Dù thế gian có như thế nào thì tình mẹ con vẫn mãi muôn đời vẫn tồn tại theo thời gian vẫn hiển hiện trong không gian rộng lớn và mãi mãi bất diệt. Đó chính là ý nghĩa chủ đạo của bài thơ

Với hình thức đối thoại và độc thoại độc lập của cậu bé đã cho ta thấy tình cảm thiêng liêng và sâu sắc của tình cảm mẹ con. Bài thơ còn cho ta nhiều suy ngẫm bởi trong cuộc sống con người thường gặp những cảm dỗ nhất là đối với một đứa trẻ và muốn khước từ chúng thì cần có một điểm tựa vững chắc và ở đây điểm tựa của em bé chính là mẹ đó chính là điểm tựa vững chắc nhất. Hạnh phúc không ở đâu xa không phải là điều gì bí ẩn mà đó ở ngay bên chúng ta và do chúng ta tạo nên.

II. LUYỆN TẬP:

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Nhận định nào là chính xác về nhà thơ Ta-go?

- A. Ta-go là nhà thơ cổ điển của nước Anh
- B. Ta-go là nhà thơ hiện đại của Anh
- C. Ta-go là nhà thơ cổ điển của Ấn Độ
- D. Ta-go là nhà thơ hiện đại của Ấn Độ**

Câu 2: Bài thơ Mây và sóng là lời của ai, nói với ai?

- A. Lời của người mẹ nói với đứa con
- B. Lời của đứa con nói với mẹ
- C. Lời của con nói với bạn bè
- D. Lời của con nói với mẹ về những người sống trên sóng, trên mây.**

Câu 3: Điểm giống và khác nhau giữa hai phần của bài thơ Mây và sóng là gì?

- A. Đều có số dòng thơ bằng nhau nhưng cách xây dựng hình ảnh khác nhau
- B. Đều có cách tổ chức lời thơ giống nhau nhưng trình tự tường thuật khác nhau**
- C. Có trình tự tường thuật khác nhau nhưng có cùng nội dung biểu đạt
- D. Có trình tự tường thuật giống nhau nhưng ý và lời không trùng lặp

Câu 5: Nhân vật trữ tình trong bài thơ trên là gì?

- A. Mây
- B. Sóng
- C. Người mẹ
- D. Em bé**

Câu 6: Nội dung chính của bài thơ là gì?

- A. Miêu tả những trò chơi của trẻ thơ
- B. Thể hiện mối quan hệ giữa thiên nhiên và tâm hồn trẻ thơ
- C. Ca ngợi hình ảnh người mẹ và tấm lòng bao la của mẹ
- D. Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt**

Câu 7: Câu thơ “Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào” được hiểu như thế nào?

- A. Có một không gian riêng của tình mẫu tử mà không ai ngoài mẹ con ta biết được

B. Tình mẫu tử có ở khắp nơi, chứ không riêng một nơi nào

C. Thế giới của tình mẫu tử là thế giới huyền bí mà không ai nhận biết hết biết

D. Tình mẫu tử là một thế giới thiêng liêng, vĩnh hằng, bất diệt, ai cũng biết nhưng chẳng thể biết hết được

Câu 8: Bài thơ gợi cho ta suy ngẫm về điều gì trong cuộc sống?

A. Thế giới thật bao la với vô vàn những điều hấp dẫn mà ta chẳng thể cảm nhận hết

B. Niềm vui, hạnh phúc chẳng phải điều gì bí ẩn, xa xôi mà ngay ở chính cõi đời này và do chính con người tạo nên

C. Để từ chối những cám dỗ trong cuộc đời cần có những điểm tựa vững chắc mà tình mẫu tử là một trong những điểm tựa ấy

D. Gồm 2 ý B và C

Câu 9: Dòng nào sau đây nhận định không đúng về nhân vật em bé trong bài Mây và sóng?

A. Yêu đuối, không thích các trò chơi

B. Ham chơi, tinh nghịch

C. Hóm hỉnh, sáng tạo

D. Hồn nhiên, yêu thương mẹ tha thiết

Câu 10: Những nét đặc sắc về nội dung của bài thơ trên là gì?

A. Tình mẫu tử thiêng liêng và triết lí sâu sắc về tình yêu cuộc sống

B. Tái hiện bức tranh cuộc sống sinh động, chân thực

C. Thể hiện ước mơ tự do, bay bổng, lãng mạn

D. Tái hiện bức tranh thiên nhiên đẹp, mơ mộng, kì ảo

Câu 11: Bài thơ thể hiện bằng ngôn ngữ nào?

A. Ngôn ngữ hồn nhiên, trong sáng của trẻ thơ

B. Ngôn ngữ thơ ca lãng mạn bay bổng

C. Ngôn ngữ truyện trầm ngâm, sâu lắng

D. Ngôn ngữ tưởng tượng, liên tưởng

Câu 12: Bài thơ được thể hiện bằng hình thức ngôn ngữ nào?

A. Đối thoại

B. Độc thoại

C. Độc thoại nội tâm

D. Đối thoại lồng trong độc thoại

2. Dạng Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Mẹ ơi, trên mây có người gọi con:

“Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà.

Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vầng trăng bạc”.

Con hỏi: “Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”

Họ đáp: “Hãy đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhấc bổng lên tận tầng mây”.

“Mẹ mình đang đợi ở nhà”- Con bảo- “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.

Thế là họ mỉm cười bay đi.

(Trích Mây và sóng, Ta- go)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ ?

Câu 2: Dấu ngoặc kép dùng trong đoạn thơ trên có tác dụng gì?

Câu 3: Trước lời rủ rê của mây, em bé đã từ đưa ra lí do từ chối là gì? Em hiểu gì về lời từ chối ấy?

Câu 4: Giả sử em bị bạn bè rủ đi chơi một trò chơi game, mà mẹ em không muốn cho em đi. Em sẽ làm gì để vượt qua cảm dỗ ấy?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên là: Biểu cảm.

Câu 2: Dấu ngoặc kép dùng trong đoạn thơ trên có tác dụng:

- Đánh dấu lời nói trực tiếp của các nhân vật:

+ Đánh dấu lời trực tiếp của mây:

“Bọn tớ chơi từ khi thức dậy cho đến lúc chiều tà.

Bọn tớ chơi với bình minh vàng, bọn tớ chơi với vàng trắng bạc”.

+ Đánh dấu lời trực tiếp của em bé : *“ Mẹ mình đang đợi ở nhà”, “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.*

Câu 3: Trước lời rủ rê của mây, em bé đã từ đưa ra lí do từ chối là *“ Mẹ mình đang đợi ở nhà”, “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”.*

- Em hiểu em bé rất yêu mẹ, em luôn nghĩ về mẹ, vì có mẹ đợi ở nhà, em sợ mẹ buồn nên em không thể đi chơi. Tình yêu mẹ khiến em chiến thắng ham muốn nhất thời là được đi chơi.

- Lí do từ chối lời mời gọi của mây còn giúp em hiểu tình yêu thương của mẹ dành cho em rất lớn lao, da diết. Tình yêu ấy trở thành nguồn sức mạnh to lớn giúp em vượt qua cảm dỗ.

Câu 4: Giả sử em bị bạn bè rủ đi chơi một trò chơi game, mà mẹ em không muốn cho em đi. Em sẽ làm những việc cụ thể để vượt qua cảm dỗ như:

- Sẵn sàng chối bạn, nói không với trò chơi gây nghiện như game...

- Cùng mẹ hoặc cùng người thân làm những việc dọn dẹp nhà cửa, tưới cây, trông em.

- Cùng các bạn tham gia các hoạt động xã hội hữu ích: chăm sóc nghĩa trang, dọn vệ sinh thôn xóm, ngõ phố, thu phế liệu để gây quỹ giúp những người gặp hoàn cảnh khó khăn, tham gia các câu lạc bộ thể thao...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“...Nhưng con biết trò chơi khác hay hơn.

Con là sóng, mẹ sẽ là bến bờ kì lạ.

Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ

Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”.

(Trích Mây và sóng, Ta- go)

Câu 1: Đoạn thơ trên là lời của ai nói với ai, nói về điều gì?

Câu 2: Chỉ ra phép tu từ so sánh và tác dụng của phép so sánh trong đoạn thơ trên?

Câu 3: Em hiểu câu thơ *“Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào”* như thế nào?

Câu 4: Đọc đoạn thơ, em rút ra cho mình những thông điệp nào?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Đoạn văn trên là lời em bé (người con) nói với mẹ về những trò chơi do em bé sáng tạo ra.

Câu 2:

- Phép tu từ so sánh: “Con” được so sánh với “sóng”, “mẹ” được ví như “bến bờ kì lạ” quan hệ “mẹ và con” được so sánh với quan hệ giữa “sóng và bến bờ”

- Tác dụng:

+ Làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.

+ Ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Hình ảnh người mẹ hiện lên trở thành nguồn vui ấm áp, liêng liêng vô cùng đối với em. Cách so sánh “mẹ là bến bờ kì lạ” để ca ngợi tình yêu thương bao la, tấm lòng bao dung, rộng mở của mẹ, mẹ là vành nôi ấm áp trở che cho con.

+ Quan hệ “mẹ-con” được nâng lên giống như quan hệ giữa “sóng- bến bờ” khẳng định, ngợi ca tình mẹ con là tình cảm tự nhiên, trường tồn, vĩnh hằng.

Câu 3: Em hiểu câu thơ “*Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta đang ở chốn nào*” nghĩa là tình mẹ con được nâng lên kích cỡ vũ trụ, lớn lao, bất diệt. Câu thơ khẳng định, nâng tình mẹ con lên tầng cao của vũ trụ, tình mẹ con xuất hiện ở khắp mọi nơi, không ai có thể chia tách được.

Câu 4: Đọc đoạn thơ, em rút ra cho mình những thông điệp

- Tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng, là cội nguồn sức mạnh giúp con người vượt qua mọi cám dỗ trong cuộc đời.

- Có mẹ là có cả thế giới.

- Cần trân trọng, biết ơn, yêu thương mẹ nhiều hơn, vì mẹ đã vất vả, hi sinh cuộc đời mình cho con.

3. Dạng Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

*Chum tương mẹ đã đầy rồi
Nón mê xưa đứng nay ngồi dầm mưa
Áo tôi qua buổi cày bừa
Giờ còn lủn củn hoác hờ người rơm.*

*Đàn gà mới nở vàng ươm
Vào ra quanh một cái nơm hồng vành
Bất ngờ rụng ở trên cành
Trái na cuối vụ mẹ dành phần con.*

*Nghẹn ngào thương mẹ nhiều hơn...
Rưng rưng từ chuyện giản đơn thường ngày.*

(Trích “Về thăm mẹ” - Đinh Nam Khương)

Câu 1. Nhận xét cách gieo vần lục bát trong hai câu thơ:

*“Áo tôi qua buổi cày bừa
Giờ còn lủn củn khoác hờ người rơm.”*

Câu 2. Cảnh vật quanh ngôi nhà của người mẹ hiện lên qua những hình ảnh nào? Những sự vật đó có đặc điểm chung nào? .

Câu 3. Chỉ ra các từ láy trong hai câu thơ cuối đoạn trích và nêu ý nghĩa tu từ của các từ láy đó.

Câu 4. Từ tình cảm của người con dành cho mẹ trong đoạn trích trên, em hãy rút ra thông điệp cho bản thân.

Gợi ý làm bài

Câu 1. Hai câu thơ gieo vần chưa chuẩn: Trong thơ lục bát, thông thường tiếng thứ 6 câu lục sẽ hiệp vần với tiếng thứ 6 câu bát, nhưng ở trong hai câu thơ thì chưa có sự hiệp vần.

Áo tôi qua buổi cây bừa

Giờ còn lủn cùn khoác hồ người rơm.

Câu 2: Cảnh vật của ngôi nhà được hiện lên qua những hình ảnh:

+ Chum tương đã đầy.

+ Áo tôi lủn cùn.

+ Nón mê ngồi dầm mưa.

+ Đàn gà, cái nơm hồng vành.

→ Tất cả các sự vật đều gần gũi, có vẻ cũ kĩ, xấu xí, không trợn vẹn.

Câu 3:

- Các từ láy: *ngheñ ngào, rung rung*

- Ý nghĩa: Diễn tả tình cảm xúc động, chan chứa yêu thương của người con xa nhà khi về thăm mẹ.

Câu 4:

- Tình cảm của người con: yêu thương, trân trọng, biết ơn khó nói ra hết thành lời. Đó là tình cảm mẫu tử thiêng liêng cao đẹp trong cuộc sống thường ngày mà con người thường không dễ nhận ra trong những vòng xoay hối hả của cuộc sống.

- Qua đoạn trích, em thấy bản thân mình cần phải biết quý trọng quãng thời gian được sống bên gia đình, bố mẹ. Bản thân em cũng sẽ cố gắng trở thành người con ngoan để bố mẹ vui lòng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc ngữ liệu sau rồi thực hiện các yêu cầu:

Mẹ ta không có yếm đào

Nón mê thay nón quai thao đội đầu

Rối ren tay bí tay bầu

Váy nhuộm bùn áo nhuộm nâu bốn mùa

Cái cò...sung çat đào chua...

Câu ca mẹ hát gió đưa về trời

Ta đi trọn kiếp con người

Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.

(“Ngôi buồn nhớ mẹ ta xưa” – Nguyễn Duy)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.

Câu 2. Hình ảnh người mẹ được khắc họa qua những từ ngữ, chi tiết nào?

Câu 3. Văn bản thể hiện tâm tư, tình cảm gì của tác giả đối với người mẹ?

Câu 4. Ngày nay, khi khoa học công nghệ phát triển, người ta có thể dùng nôi điện, smartphone, mở đĩa ghi âm bài hát ru cho trẻ. Việc làm này sẽ thay thế cho lời ru của mẹ. Em có đồng ý với quan điểm đó không? Vì sao?

Gợi ý Trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm

Câu 2: Hình ảnh người mẹ được khắc họa qua những từ ngữ, chi tiết: “ không có yếm đào”, “Nón mê thay nón quai thao đội đầu”, “Rối ren tay bí tay bầu” “váy nhuộm bùn”, “áo nhuộm nâu bốn mùa”.

Câu 3: Tâm tư, tình cảm của tác giả:

- + Nỗi nhớ về người mẹ hiền đã mất.
- + Lòng biết ơn và tình yêu thương to lớn của nhân vật trữ tình dành cho người mẹ

Câu 4: HS bày tỏ quan điểm **đồng ý** hoặc **không đồng ý** với quan điểm trên

Nếu đồng ý. HS phải lí giải được:

- + Tầm quan trọng của công nghệ thay thế con người, phục vụ cuộc sống. Việc ru con cũng vậy. Tài liệu của Phương Nhung
- + Nhiều người mẹ phải đi làm việc khi con còn bé, nên không thể trực tiếp ru con...

Nếu không đồng ý. HS phải lí giải được”

- + Không có một thiết bị nào có thể thay thế được lời ru của mẹ vì mẹ ru con là truyền cho con hơi ấm, tình thương, ước mơ, khát vọng của mẹ cho con.
- + Lời ru trở thành dòng sữa tinh thần để con khôn lớn, lời ru bồi đắp tâm hồn con.
- + Lời ru kết gắn tình mẹ con, giúp con cảm nhận được sự chở che, yêu thương của mẹ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc bài thơ “Mái ấm ngôi nhà” và trả lời các câu hỏi:

Nếu ngọn gió nào dẫn con đến phương trời xa thăm

Con đừng quên lối về nhà

Nơi thung sâu khơi nguồn ngọn gió...

Nếu cánh chim nào chở con lên thăm mặt trời cháy đỏ

Con đừng quên lối về nhà

Nơi sớm chiều vẫn nhen ngọn lửa

Nếu vạt mây nào đưa con lên chơi với ngôi sao xanh biếc

Con đừng quên lối về nhà

Suối trong con tắm mình thuở bé...?

(Trương Hữu Lợi, Bồi hát con kiến, NXB Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, 1998, tr. 60 - 61)

Câu 1. Bài thơ là lời nhắn nhủ của ai với ai?

Câu 2. Hãy tìm những dòng thơ nói về “nhà” trong bài thơ. Những dòng thơ này giúp em cảm nhận như thế nào về “nhà”?

Câu 3. Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong bài thơ? Việc sử dụng biện pháp

tu từ đó có tác dụng gì?

Câu 4. Những hình ảnh “phương trời xa thẳm” “mặt trời cháy đỏ” “ngôi sao xanh biếc” gọi cho em liên tưởng tới điều gì?

Câu 5. Lời nhắn nhủ trong bài thơ khơi gợi trong em những cảm xúc, suy nghĩ gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Bài thơ là lời nhắn nhủ của cha mẹ với những đứa con.

Câu 2.- Những dòng thơ nói về "nhà" trong bài thơ:

+ Nơi thung sâu khơi nguồn ngọn gió.

+ Nơi sớm chiều vẫn nhen ngọn lửa.

+ Suối trong con tắm mình thuở bé

- Những dòng thơ này khiến "nhà" hiện lên thật thân thương, gần gũi và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với mỗi người, Đó là nơi cuộc sống của mỗi người bắt đầu, là nơi mang lại cho con người hơi ấm của tình yêu thương, nuôi dưỡng những cảm xúc trong trẻo cho tâm hồn.

Câu 3. Biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong bài thơ khiến cho lời nhắn nhủ của cha mẹ với con cái trở nên tha thiết: hãy luôn nhớ về những người thân, gia đình, quê hương.

Câu 4. "Phương trời xa thẳm" "mặt trời cháy đỏ" "ngôi sao xanh biếc" là những hình ảnh ẩn dụ gọi liên tưởng tới những xứ sở xa xôi, đẹp đẽ, huyền bí, những điều mới mẻ hấp dẫn, vẫy gọi con người; những hình ảnh đó cũng có thể gọi liên tưởng đến những thành công mà mỗi con người đạt được.

Câu 5. Những lời nhắn nhủ trong bài thơ khơi gợi trong mỗi người tình cảm yêu thương, sự gắn bó tha thiết với gia đình, quê hương.

3. Dạng viết ngắn

Bài tập 1: Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về hai câu thơ sau:

*Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ
Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào*

Hướng dẫn làm bài

Đoạn văn cần thể hiện được các ý sau

- Em bé bày tỏ những trò chơi mà người tham gia chỉ là hai mẹ con.
- Điều này thể hiện tình yêu vô cùng sâu sắc, chân thành của chú bé dành cho mẹ.
- Tình yêu ấy vượt lên cả thú vui thường ngày, mãnh liệt tới mức muốn lăn át những thú lớn lao khác. Tài liệu của Phương Nhung

Đoạn văn tham khảo

Bài thơ Mây và sóng của tác giả Ta-go là lời một em bé thủ thỉ kể chuyện với mẹ về những lời mời gọi dẫn của những người trên mây và trong sóng. Lời mời gọi nào cũng rất hấp dẫn, quyến rũ và thiết tha, nhưng bằng tình yêu thương mẹ, em đã từ bỏ ham muốn được đi chơi cùng với những người trên mây và trong sóng để được ở nhà với mẹ, để được cùng mẹ:

*Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ
Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào*

Tình mẫu tử thật thiêng liêng, bất diệt như sóng biển vỗ vào bờ ngàn năm không nghỉ và lòng mẹ thật bao la khi luôn bao dung, mở rộng để được ôm ấp, được che chở cho con. So sánh tình mẹ con gắn với hình ảnh trên mây và trong sóng, tác giả đã nâng tình cảm đến mức không giới hạn. Đặc biệt, câu thơ: *Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào* hàm ý của câu thơ chính là *mẹ con ta* sẽ ở khắp mọi nơi, không ai có thể chia cắt được tình mẫu tử, vì tình mẫu tử thiêng liêng và bất diệt.

ÔN TẬP VĂN BẢN: BỨC TRANH CỦA EM GÁI TÔI

(Tạ Duy Anh)

I. TÁC GIẢ TÁC PHẨM

1. Tác giả

Tạ Duy Anh, tên khai sinh là Tạ Việt Đăng, sinh năm 1959, quê ở Hà Nội

- Là nhà văn trẻ trong thời kì đổi mới, có nhiều sáng tác viết cho thiếu nhi như: *Quả trứng vàng*, *Vó ngựa trở về*, *Bức tranh của em gái tôi*...

- Truyện viết cho thiếu nhi của ông trong sáng, đậm chất thơ, giàu ý nghĩa nhân văn.

2. Tác phẩm

+ **Xuất xứ:** “Bức tranh của em gái tôi” là truyện ngắn đoạt giải Nhì trong cuộc thi viết “Tương lai vẫy gọi” của báo Thiếu niên tiền phong 1998.

- Người kể chuyện là người anh trai

- Người kể chuyện xuất hiện ở ngôi thứ nhất, xưng tôi (khai thác được chiều sâu tâm lí bởi nhân vật tham gia vào tiến trình truyện kể).

+ **Tóm tắt** (nhân vật chính: người anh trai, em gái Kiều Phương-Mèo)

Kiều Phương là cô gái hay lục lọi đồ và thường bôi bẩn lên mặt. Cô bé có sở thích vẽ tranh nên thường bí mật pha chế màu và vẽ. Khi mọi người phát hiện ra Kiều Phương có tài năng hội họa thì người anh lúc này tỏ ra ghen tị và xa lánh em. Kiều Phương đạt giải nhất tại trại thi vẽ tranh quốc tế với bức vẽ “anh trai tôi”, lúc này người anh trai mới nhận ra tấm lòng nhân hậu của em và hối lỗi về bản thân mình.

3. Bố cục (3 phần)

- Phần 1: từ đầu đến “*phát huy tài năng*” Tài năng của em gái được mọi người phát hiện.

- Phần 2: tiếp đó đến “*anh cùng đi nhận giải*” Lòng ghen tị và mặc cảm của người anh.

- Phần 3 (còn lại): Tâm trạng, cảm xúc của người anh khi đứng trước bức tranh của em gái.

4. Đặc sắc nghệ thuật.

Miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.

Ngôi kể thứ nhất tạo điều kiện cho nhân vật bộc lộ diễn biến tâm lí tự nhiên, chân thực.

5. Nội dung ý nghĩa.

Truyện cho thấy tình cảm trong sáng, hồn nhiên, tấm lòng nhân hậu của em gái đã giúp người anh nhận ra sự hạn chế của chính mình.

Truyện có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, đặc biệt với lứa tuổi học sinh phải biết vượt lên sự hạn chế của bản thân để hướng tới điều hoàn thiện về nhân cách

Phân tích nội dung – nghệ thuật của văn bản theo luận điểm:

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Nhân vật người em gái.

* Ngoại hình, tính cách.

- Tên là Kiều Phương

- Anh đặt cho biệt hiệu là Mèo bởi vì khuôn mặt luôn bị chính nó bôi bẩn.
- Dùng tên Mèo để xưng hô với bạn thật vui vẻ
- Hay lục lọi các đồ vật

=> Hồn nhiên vô tư trong sáng, dễ thương.

* **Sở thích:** Yêu thích vẽ.

- Em tự chế thuốc vẽ bằng những vật liệu có sẵn trong nhà từ các xoong nồi, bí mật vẽ tranh.
- Mọi thứ trong nhà đều được đưa vào tranh: cái bát cá mớ sứt mẻ cũng trở nên ngộ nghĩnh; con mèo vằn vào tranh to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại rất dễ mến...
- Là cô bé chăm chỉ, say mê nghệ thuật, có năng khiếu hội họa, đáng khâm phục.

***Tình cảm dành cho gia đình, mọi người:**

Vui vẻ chấp nhận biệt hiệu “Mèo” anh tặng.

Đễ thân với bé Quỳnh, chú Tiến Lê (họa sĩ)

Bị anh mắng vô cớ cũng không khóc hay cãi lại.

Đi thi vẽ tranh - vẽ về anh trai với tất cả tình yêu thương anh.

Được giải, hồ hởi ôm cổ anh chia vui.

- Bức tranh đạt giải đã thể hiện tài năng hội họa vượt trội và tấm lòng nhân hậu, yêu thương anh của Kiều Phương. Tài liệu của Phương Nhung

- **Vui vẻ, cởi mở, nhân hậu.**

* Kiều Phương là cô bé hồn nhiên vô tư, đáng yêu, có tài năng hội họa, có tấm lòng trong sáng, khoan dung, độ lượng....

- Nghệ thuật miêu tả:

+ Quan sát tinh tế, lựa chọn hình ảnh tiêu biểu.

+ Sử dụng ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu.

- **Nội dung:** Tác giả đã vẽ lên bức chân dung người em là cô bé vô tư, hồn nhiên, trong sáng, có năng khiếu hội họa và có tấm lòng nhân hậu, vị tha.

2. Nhân vật người anh.

* Thái độ hành động của người anh trước khi xem bức chân dung em gái vẽ mình.

- Thái độ của mọi người:

+ Chú Tiến Lê: rặng rờ lắm.

+ Bố: không tin vào mắt mình.

+ Mẹ: không kìm được xúc động.

+ Bé Quỳnh: reo lên thích thú.

- Ngạc nhiên, sung sướng, vui mừng.

- Thái độ của người anh:

+ Gục đầu nước khóc.

+ Chẳng tìm thấy ở mình một năng khiếu gì cả.

+ Không thể thân với mèo như trước được nữa.

- Thái độ thất vọng, buồn chán, thiếu tự tin, mặc cảm.

- Hành động của người anh:

+ Lén xem tranh của em gái.

+ Trút ra một tiếng thở dài

+ Hay gắt gỏng với em, đẩy em ra...

NT : Miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế.

- Buồn bã, thất vọng và ghen tị.

+Cái mặt lem nhem như chọc tức tôi.

+Tôi thấy khó chịu

+Khi đạt giải, Kiều Phương ôm cổ- tôi đẩy nó ra.

- Xa lánh em, đổ kị với em.

* Thái độ hành động của người anh xem bức chân dung em gái vẽ mình

- Bức tranh :

+ Đóng khung, lồng kính

- Một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh.

- Mặt chú bé toả ra một thứ ánh sáng kỳ lạ

- Suy tư mơ mộng. Tài liệu của Phương Nhung

- Bức tranh đẹp, có hồn. Người anh nhận ra bức tranh là thông điệp về lòng yêu thương mà người em gái đã dành cho mình.

- Thái độ:

+ Giật sững người, bấm chặt vào mẹ

+ Ngỡ ngàng, hãnh diện rồi xấu hổ là những từ ngữ diễn tả các cấp độ của cảm xúc khác nhau, thậm chí trái ngược nhau nhằm bộc lộ sự bối rối trong tâm lý nhân vật người anh khi nhận ra tình cảm yêu thương mà em gái dành cho mình

Dòng cảm xúc của người anh được đẩy lên cao trào (nhìn như thôi miên vào bức tranh) và muốn khóc.

+ Giật sững: giật mình, sững sờ, ngạc nhiên.

+ Nhìn như thôi miên: nhìn thu hết tâm trí.

- Ngỡ ngàng trước tài năng và t/yêu của em đối với mình.

- Hãnh diện vì em vẽ mình rất đẹp

- Xấu hổ vì mình luôn nghĩ xấu về em, ghen tị với em.

NT: Miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế, ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

=> Xúc động, ngạc nhiên, không ngờ mình hoàn thiện đến thế. Đây là sự hối hận chân thành, tự nhận thức về bản thân.

Lần 1: Khóc vì mặc cảm tự ti.

Lần 2: Khóc vì xúc động, ăn năn, hối hận.

Do tấm lòng nhân ái, khoan dung, độ lượng của người em.

Vì bức tranh là nghệ thuật.

Cái gốc nghệ thuật là ở tấm lòng tốt đẹp của con người.

+ Nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế.

- Người anh có tính ghen ghét, đổ kị nhưng sớm đã nhận ra những sai lầm, biết ăn năn hối lỗi trước những việc làm của mình.

3. Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật.

Miêu tả tâm lý nhân vật đặc sắc, ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn.

Ngôi kể thứ nhất tạo điều kiện cho nhân vật bộc lộ diễn biến tâm lý tự nhiên, chân thực.

b. Nội dung.

- Truyện cho thấy tình cảm trong sáng, hồn nhiên, tấm lòng nhân hậu của em gái đã giúp người anh nhận ra sự hạn chế của chính mình.

- Truyện có ý nghĩa giáo dục sâu sắc, đặc biệt với lứa tuổi học sinh phải biết vượt lên sự hạn chế của bản thân để hướng tới điều hoàn thiện về nhân cách

- Trong cuộc sống, khi ta đứng trước thành công, niềm vui của người thân, của bạn bè, con người có những cảm xúc và cư xử khác nhau. Có người vui vẻ, chúc mừng, rồi học tập làm

theo; song cũng có những lúc ta lại bị những cảm xúc tiêu cực xâm chiếm tâm hồn. Đó là chút gì tự ti, đố kị, thấy mình kém cỏi. Và không phải ai cũng đủ bản lĩnh để đấu tranh với cảm xúc tiêu cực, để sống yêu thương và trân trọng. Truyện “*Bức tranh của em gái tôi*” là một câu chuyện cảm động ghi lại tình trạng thái tâm lý của con người trước thành công của người thân và gọi bao ý nghĩ nhân văn của cuộc sống. Tài liệu của Phương Nhung

BÀI MẪU THAM KHẢO

Nhà văn Tạ Duy Anh là một trong những cây bút trẻ, quen thuộc với nhiều sáng tác viết cho thiếu nhi như: “*Quả trứng vàng*”, “*Vó ngựa trở về*”. Với những trang viết trong sáng, đậm chất thơ, giàu ý nghĩa nhân văn, mỗi tác phẩm của nhà văn thấm đẫm những rung động tinh tế của tâm hồn trẻ thơ. “*Bức tranh của em gái tôi*” là một truyện ngắn đặc sắc truyện ngắn đoạt giải Nhì trong cuộc thi viết “*Tương lai vậy gọi*” của báo Thiếu niên tiền phong 1998. Câu chuyện xoay quanh hai anh em cô bé Kiều Phương và bức tranh đoạt giải nhất. Truyện cho thấy tình cảm trong sáng, hồn nhiên, tấm lòng nhân hậu của em gái đã giúp người anh nhận ra sự hạn chế của chính mình.

Nhà văn dẫn dắt người đọc vào thế giới tâm hồn trong sáng của trẻ thơ qua diễn biến tâm lý của nhân vật người anh, chính là người kể chuyện xuất hiện ở ngôi thứ nhất, xưng tôi. Người anh kể về cô em gái Kiều Phương là cô gái hay lục lọi đồ và thường bôi bẩn lên mặt. Cô bé có sở thích vẽ tranh nên thường bí mật pha chế màu và vẽ. Khi mọi người phát hiện ra Kiều Phương có tài năng hội họa thì người anh lúc này tỏ ra ghen tị và xa lánh em. Kiều Phương đạt giải nhất tại trại thi vẽ tranh quốc tế với bức vẽ “*anh trai tôi*”, lúc này người anh trai mới nhận ra tấm lòng nhân hậu của em và hối lỗi về bản thân mình. Truyện kể theo trình tự thời gian, từ lúc tài năng của em gái được mọi người phát hiện, đến lòng ghen tị và mặc cảm của người anh nảy sinh, kết thúc bằng tâm trạng, cảm xúc của người anh khi đứng trước bức tranh của em gái. Đọc tác phẩm, người đọc ấn tượng bởi nhân vật cô bé Kiều Phương. Kiều Phương hiện lên thật đẹp, cô bé mang vẻ đẹp hồn nhiên vô tư trong sáng, dễ thương. Từ ngoại hình, đến tính cách, sở thích, Kiều Phương đều vô cùng đáng yêu. Ở cô bé, người đọc dễ dàng nhận thấy nhiều phẩm chất đáng quý như chăm chỉ, say mê nghệ thuật, có năng khiếu hội họa, đáng khâm phục. Cô bé được anh trai đặt cho biệt hiệu là Mèo “*bởi vì khuôn mặt luôn bị chính nó bôi bẩn*”. Cô bé không giận mà còn tỏ vẻ thích thú, dùng tên Mèo để “*xung hô với bạn thật vui vẻ*”. Nét đẹp hồn nhiên vô tư trong sáng, dễ thương của cô bé được thể hiện ở thói quen “*Hay lục lọi các đồ vật*” vì sở thích vẽ. Em “*tự chế thuốc vẽ bằng những vật liệu có sẵn trong nhà từ các xoong nồi, bí mật vẽ tranh*”, “*mọi thứ trong nhà đều được đưa vào tranh: cái bát cám lợn sứt mẻ hương cũng trở nên ngộ nghĩnh; con mèo vằn vào tranh to hơn cả con hổ nhưng nét mặt lại rất dễ mến*”. Kiều Phương rất thích vẽ, cô bé vẽ tất cả mọi vật trong gia đình... nhưng tất cả các bức vẽ ấy đều được đưa vào vòng bí mật và nó chỉ thực sự bị phát hiện khi Mèo chia sẻ những bức tranh với bé Quỳnh – con gái của bạn bố Kiều Phương. Từ đây tài năng hội họa của Kiều Phương mới được cả nhà biết đến. Trước tài năng hội họa của con gái, bố mẹ cô bé đã vô cùng ngỡ ngàng, ngạc nhiên “*Con gái tôi vẽ đây ư?*”, “*Ôi, con đã cho bố một bất ngờ quá lớn*”.

Kiều Phương không chỉ là cô bé hồn nhiên vô tư, đáng yêu, có tài năng hội họa mà em còn có tấm lòng trong sáng, khoan dung, độ lượng. Điều đó thể hiện qua thái độ, cách cư xử của em dành cho gia đình, mọi người. Em vui vẻ chấp nhận biệt hiệu “*Mèo*” anh tặng, rồi thân với bé Quỳnh, chú Tiến Lê (họa sĩ). Ngay cả khi cô bé bị anh mắng vô

cớ cũng không khóc hay cãi lại. Đặc biệt, khi đi thi vẽ tranh, Kiều Phương đã vẽ về anh trai với tất cả tình yêu thương anh *“Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa”*. Khi em được giải, cô bé hồ hởi ôm cổ anh chia vui. Bức tranh đạt giải đã thể hiện tài năng hội họa vượt trội và tấm lòng nhân hậu, yêu thương anh của Kiều Phương.

Như vậy, với những quan sát tinh tế, lựa chọn hình ảnh tiêu biểu, sử dụng ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, nhà văn Tạ Duy Anh đã vẽ lên bức chân dung người em là cô bé vô tư, hồn nhiên, trong sáng, có năng khiếu hội họa và có tấm lòng nhân hậu, vị tha.

Đọc truyện, người đọc còn đến với nhân vật người anh, nhân vật trung tâm của tác phẩm, người đã nhận ra sự hạn chế của chính mình, đặc biệt biết vượt lên sự hạn chế của bản thân để hướng tới điều hoàn thiện về nhân cách. Với ngôi kể thứ nhất, nhà văn tạo điều kiện cho nhân vật người anh- người kể chuyện bộc lộ diễn biến tâm lý tự nhiên, chân thực. Khi tài năng của em gái được phát hiện cũng là lúc tình cảm của người anh trai với em rạn nứt, người anh sinh đố kỵ, ghen ghét và không còn yêu thương em như trước. Trong khi mọi người đều vô cùng sung sướng, hạnh phúc khi phát hiện ra tài năng của Kiều Phương. Ai cũng thực sự ngạc nhiên, sung sướng, vui mừng cho Kiều Phương, với chú Tiến Lê đó là nét mặt rạng rỡ lắm, còn với bố mẹ thì còn hạnh phúc nào hơn *“không tin vào mắt mình”, “không kìm được xúc động”,* hay ngay bé Quỳnh cũng *“reo lên thích thú”*. Trái lại với cảm xúc của mọi người, người anh lại thất vọng, buồn chán, thiếu tự tin, mặc cảm *“Gục đầu nước khóc”,* tự ti về bản thân *“ Chẳng tìm thấy ở mình một năng khiếu gì cả”, thậm chí xa lánh cả em mình “ Không thể thân với mèo như trước được nữa”*. Nhà văn khéo léo miêu tả hành động của nhân vật để miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế. *Hành động của người anh không dấu nổi buồn bã, thất vọng và ghen tị với em “lén xem tranh của em gái”,* nào là *“Trút ra một tiếng thở dài”,* rồi đến *“ gắt gỏng với em, đẩy em ra”*... Với cách chọn ngôi kể thứ nhất tạo điều kiện cho nhân vật bộc lộ diễn biến tâm lý tự nhiên, chân thực.

Đứng trước bức tranh vẽ chính mình người anh có tâm trạng và cảm xúc như thế nào? Chi tiết nhà văn khắc họa vẽ đẹp của bức tranh là chi tiết đắt giá nhất tác phẩm. Chi tiết ấy tạo ra bước ngoặt tâm lý nhân vật người anh, để người anh thay đổi chính mình, bức tranh còn tỏa sáng vẻ đẹp tâm hồn của Kiều Phương, lí giải nhan đề tác phẩm. Bức tranh đóng khung, lồng kính nổi bật *“ Một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ”,* nơi bầu trời trong xanh, *“mặt chú bé tỏa ra một thứ ánh sáng kỳ lạ”* với vẻ đẹp *“suy tư mơ mộng”*. Bằng nét bút miêu tả tinh tế, nhà văn không chỉ giúp người đọc cảm nhận bức tranh đẹp, có hồn mà nhà văn còn miêu tả chiều sâu tâm lý nhân vật. Người anh nhận ra bức tranh là thông điệp về lòng yêu thương mà người em gái đã dành cho mình. Điều đó lí giải cho thái độ của người anh *“giật sững người, bám chặt vào mẹ”* vì xúc động *“Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”*. Tại sao người anh có cảm xúc như vậy? Ngỡ ngàng, hãnh diện rồi xấu hổ là những từ ngữ diễn tả các cấp độ của cảm xúc khác nhau, thậm chí trái ngược nhau nhằm bộc lộ sự bối rối trong tâm lý nhân vật người anh khi nhận ra tình cảm yêu thương mà em gái dành cho mình. Dòng cảm xúc của người anh được đẩy lên cao trào *“nhìn như thôi miên vào bức tranh”* và muốn khóc. Người anh *“giật sững”* vì giật mình, sững sờ, ngạc nhiên; *“Nhìn như thôi miên”* (nhìn thu hết tâm trí).

Đó là sự ngỡ ngàng trước tài năng và tình yêu của em đối với mình; anh thấy hãnh diện vì em vẽ mình rất đẹp, em mình rất tài năng, còn xấu hổ vì mình luôn nghĩ xấu về em, ghen tị với em. Miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế, ngôn ngữ độc thoại nội tâm, nhà văn đã diễn tả tâm trạng người kể chuyện. Đó là niềm xúc động, ngạc nhiên, không ngờ mình hoàn thiện đến thế, là sự hối hận chân thành, tự nhận thức về bản thân. Người anh đã khóc, nhưng không phải khóc vì mặc cảm tự ti như trước, mà khóc vì xúc động, ăn năn, hối hận. Sự thay đổi cảm xúc ấy là do tấm lòng nhân ái, khoan dung, độ lượng của người em, vì bức tranh là nghệ thuật. Điều đó giúp người đọc nhận thức cái gốc nghệ thuật là ở tấm lòng tốt đẹp của con người. Tóm lại, bằng cách miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế, nhà văn đã khắc họa vẻ đẹp nhân vật người anh. Cậu bé dù có lúc ghen ghét, đố kỵ, nhưng sớm đã nhận ra những sai lầm, biết ăn năn hối lỗi trước những việc làm của mình.

Câu chuyện ngắn gọn được trần thuật theo dòng thời gian, với ngôi kể thứ nhất (người anh) đã bộc lộ được những cung bậc cảm xúc khác nhau, khiến cho câu chuyện không chỉ chân thực mà còn rất cảm động. Người anh đã tự kể về những thói ích kỷ, hẹp hòi tầm thường để tự thấy xấu hổ, muốn khóc vì tấm lòng trong sáng của người em. Bởi vậy câu chuyện có sức thuyết phục hơn, xúc động và hấp dẫn hơn. Không chỉ lựa chọn ngôi kể phù hợp, Tạ Duy Anh còn sử dụng ngôn ngữ kể chuyện ngắn gọn, hàm súc, các từ ngữ miêu tả tâm trạng sắc nét. Ngôn ngữ đối thoại cũng là một điểm nhấn trong truyện, nó phù hợp với tâm lý, lứa tuổi của từng nhân vật. Tài liệu của Phương Nhung

Câu chuyện khép lại, để lại nhiều dư âm trong lòng người đọc. Bằng nghệ thuật lựa chọn ngôi kể và miêu tả tâm lý nhân vật tinh tế, tác phẩm đã cho thấy tình cảm trong sáng, hồn nhiên, tấm lòng nhân hậu, vị tha của người em đã làm cho người anh nhận ra phần hạn chế trong tính cách và lỗi ứng xử của mình.

III. LUYỆN TẬP ĐỌC HIỂU

Dạng 1: Trắc nghiệm:

Câu 1. Nhân vật chính trong truyện Bức tranh của em gái tôi?

- A. Người em gái
- B. Người em gái, anh trai
- C. Bé Quỳnh
- D. Người anh trai

Đáp án B

Câu 2. Lý do nào cho thấy anh trai là nhân vật trung tâm trong truyện bức tranh của em gái tôi?

- A. Người anh trai là người kể lại câu chuyện
- B. Qua người anh để ca ngợi tài năng của cô em gái
- C. Truyện tập trung miêu tả quá trình nhận thức ra thiếu sót của người anh
- D. Truyện kể về người anh, cô em có tài hội họa

Đáp án: C

Câu 3. Truyện Bức tranh của em gái tôi, tác giả sử dụng chủ yếu phương thức biểu đạt gì?

- A. Miêu tả
- B. Tự sự
- C. Biểu cảm
- D. Tự sự kết hợp với miêu tả và biểu cảm

Đáp án D

Câu 4. Khi tài năng của cô em được phát hiện, người anh có thái độ ra sao?

- A. Chê bai, không thêm quan tâm tranh của em
- B. Ghét bỏ, luôn luôn mắng em vô cớ
- C. Buồn bã, khó chịu, gắt gỏng, không còn thân với em như trước
- D. Vui mừng vì em có tài

Đáp án: C

Câu 5. Vì sao người anh thấy xấu hổ khi nhìn thấy bức tranh em gái vẽ mình?

- A. Em gái mình vẽ không đẹp
- B. Em gái mình vẽ đẹp hơn bình thường
- C. Em gái vẽ sai về mình
- D. Em gái mình vẽ bằng tâm hồn trong sáng, nhân hậu

Đáp án: D

2. Đọc hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Trong tranh, một chú bé đang ngồi nhìn ra ngoài cửa sổ, nơi bầu trời trong xanh. Mặt chú bé như tỏa ra một thứ ánh sáng rất lạ. Toát lên từ cặp mắt, tư thế ngồi của chú không chỉ sự suy tư mà còn rất mơ mộng nữa. Mẹ hồi hộp thì thầm vào tai tôi:

- Con có nhận ra con không?

Tôi giật mình. Chẳng hiểu sao tôi phải bám chặt lấy tay mẹ. Thoạt tiên là sự ngỡ ngàng, rồi đến hãnh diện, sau đó là xấu hổ. Dưới mắt em tôi, tôi hoàn hảo đến thế kia ư? Tôi nhìn như thôi miên vào dòng chữ đề trên bức tranh: “Anh trai tôi”.

(Trích Bức tranh của em gái tôi, Tạ Duy Anh)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2. Tìm những từ ngữ miêu tả cảm xúc của nhân vật “tôi” khi đứng trước bức tranh em gái vẽ mình. Bằng hiểu biết về tác phẩm, em hãy lí giải cảm xúc đó của nhân vật “tôi”?

Câu 3. Xác định ngôi kể và tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể đó của văn bản?

Câu 4. Câu nói "Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân ái của em con đây". Cho em hiểu điều gì mà tác giả muốn gửi gắm?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

Câu 2.

- Những từ ngữ miêu tả cảm xúc của nhân vật “tôi” khi đứng trước bức tranh em gái vẽ mình: ngỡ ngàng, hãnh diện, xấu hổ.

- Lí giải về cảm xúc của nhân vật “tôi”:

+ Ngỡ ngàng, hãnh diện rồi xấu hổ là những từ ngữ diễn tả các cấp độ của cảm xúc khác nhau, thậm chí trái ngược nhau nhằm bộc lộ sự bối rối trong tâm lí nhân vật người anh khi nhận ra tình cảm yêu thương mà em gái dành cho mình.

+ Ngỡ ngàng trước tài năng và tình yêu của em đối với mình.

+ Hãnh diện vì em vẽ mình rất đẹp

+ Xấu hổ vì mình luôn nghĩ xấu về em, ghen tị với em.

Câu 3. Xác định ngôi kể thứ nhất: người anh kể, xưng “tôi”

- Tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể đó của văn bản

+ Khai thác được chiều sâu tâm lí bởi nhân vật tham gia vào tiến trình truyện kể).

+ Làm cho câu chuyện có sức thuyết phục hơn, xúc động và hấp dẫn, tin cậy.

Câu 4. Câu nói "Không phải con đâu. Đây là tâm hồn và lòng nhân ái của em con đây".

Cho em hiểu điều mà tác giả muốn gửi gắm:

+ Người anh trai vẫn còn những đức tính tốt đẹp: thẳng thắn nhận ra sai lầm của mình, tự nhận thấy mình không xứng đáng với tấm lòng nhân hậu của người em.

+ Tấm lòng nhân hậu và trong sáng của người khác sẽ giúp chúng ta nhận ra khuyết, sự đố kị, để chúng ta hoàn thiện nhân cách của mình.

+ Những tác phẩm nghệ thuật chân chính luôn hướng con người đến những giá trị tốt đẹp.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:

Tôi được tặng một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp nhân dịp sinh nhật của mình. Trong một lần tôi đạp xe ra công viên chơi, một cậu bé cứ quần quanh ngắm nhìn chiếc xe với vẻ thích thú và

ngưỡng mộ thực sự.

- Chiếc xe này của bạn đấy à? - Cậu bé hỏi.

- Anh mình đã tặng nhân dịp sinh nhật của mình đấy. - Tôi trả lời, không giấu vẻ tự hào và mãn nguyện.

- Ồ, ước gì tôi.. - Cậu bé ngáp ngừng.

Dĩ nhiên là tôi biết cậu bé đang nghĩ gì rồi. Chắc chắn cậu ấy ước ao có được một người anh như thế. Nhưng câu nói tiếp theo của cậu bé hoàn toàn nằm ngoài dự đoán của tôi.

- Ước gì tôi có thể trở thành một người anh như thế! - Cậu ấy nói chậm rãi và gương mặt lộ rõ vẻ quyết tâm. Sau đó, cậu đi về phía chiếc ghế đá sau lưng tôi, nơi một đứa em trai nhỏ tật nguyền đang ngồi và nói:

- Đến sinh nhật nào đó của em, anh sẽ mua tặng em chiếc xe lăn lắc tay nhé.

(Hạt giống tâm hồn - Nhiều tác giả. Quyển 4. NXB tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2010)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong văn bản trên.

Câu 2. Quà tặng nào của nhân vật tôi khiến cậu bé thích thú và ngưỡng mộ?

Câu 3. Cậu bé ước trở thành người anh thế nào?

Câu 4. Văn bản trên gửi đến chúng ta thông điệp gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự.

Câu 2. Quà tặng của nhân vật tôi khiến cậu bé thích thú và ngưỡng mộ: một chiếc xe đạp leo núi rất đẹp.

Câu 3. HS có thể trả lời 1 trong các cách sau:

+ Cậu bé ước trở thành người anh mang lại niềm vui, niềm tự hào, niềm hạnh phúc... cho người em.

+ Cậu bé ước trở thành người anh nhân hậu, được bù đắp, chia sẻ, yêu thương người em...

Câu 4. Đây là câu hỏi mở. Học sinh có thể rút ra một bài học của riêng mình miễn là hợp lý, có sức thuyết phục.

Chẳng hạn như: Sống phải biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau, nhất là với những người bất hạnh, tật nguyền để họ có được sự bình đẳng như mọi người...

3. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

Lỗi lầm và sự biết ơn

Hai người bạn cùng đi qua sa mạc. Trong chuyến đi, giữa hai người xảy ra cuộc tranh luận và một người nổi nóng, không kiềm chế được mình đã nặng lời miệt thị người kia. Cảm thấy bị xúc phạm, anh không nói gì, chỉ viết lên cát: “Hôm nay, người bạn tốt nhất đã làm khác đi những gì tôi nghĩ”.

Họ đi tiếp, tìm thấy một ốc đảo và quyết định bơi đến. Người bị miệt thị lúc này bây giờ bị đuối sức và chìm dần. Người bạn kia đã tìm cách cứu anh. Khi đã lên bờ, anh lấy một miếng kim loại khắc lên đá: “Hôm nay, người bạn tốt nhất của tôi đã cứu sống tôi”.

Người kia hỏi: “Tại sao khi tôi xúc phạm anh, anh viết lên cát còn bây giờ anh lại khắc lên đá?”

Anh ta trả lời: “Những điều viết lên cát sẽ nhanh chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người”.

Vậy, mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá.

(Hạt giống tâm hồn, tập 4, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Trong đoạn trích trên, yếu tố nghị luận thể hiện ở câu văn nào?

Câu 3. Em hiểu như thế nào về ý nghĩa của việc “viết lên cát” và “khắc lên đá” trong đoạn trích?

Câu 4. Từ văn bản trên em rút ra cho mình những thông điệp gì?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: tự sự

Câu 2. Trong đoạn trích trên, yếu tố nghị luận thể hiện ở câu văn:

- “Những điều viết lên cát sẽ mau chóng xóa nhòa theo thời gian, nhưng không ai có thể xóa được những điều tốt đẹp đã được ghi tạc trên đá, trong lòng người”

- “Vậy mỗi chúng ta hãy học cách viết những nỗi đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”.

Câu 3. - “viết lên cát”: Cát, vốn là một thứ nhỏ bé, mong manh, và dễ dàng xóa nhòa cũng có nghĩa là nó thể hiện một thái độ bao dung, không chấp nê, và một tâm hồn cao thượng. Viết thù hận và nỗi buồn lên cát, để cát sẽ dễ dàng xóa nhòa, để sự hận thù sẽ không còn mãi, để khi quay trở lại, ta sẽ cùng nhau sửa chữa những sai lầm.

- “khắc lên đá” đó là cách tôn trọng và luôn lưu giữ, trước sau như một và một thái độ sống luôn xem trọng người khác một cách đáng quý. Đá là một thứ cứng, khó bị phá vỡ do thời tiết, khó bị bay, thổi mất như cát, nên việc khắc ghi lên đá, cũng là cách ta luôn giữ sự tử tế của người khác trong trái tim mình. Điều đó, không chỉ khiến trái tim ta ấm áp, và tốt đẹp hơn, còn khiến mối quan hệ giữa người với người đều tốt đẹp lên.

Câu 4. Thông điệp HS có thể rút ra như

- Lòng khoan dung, vị tha.
- Sự biết ơn, khắc ghi ân nghĩa
- Tình bạn là sự yêu thương, sẵn sàng giúp đỡ nhau khi khó khăn

Dạng 4: Kết nối cả chủ đề

Từ văn bản *Chuyện cổ tích về loài người, Mây và sóng, Bức tranh của em gái tôi*, em nhận thấy điều quan trọng nhất có thể gắn kết các thành viên trong gia đình là :

- Mọi thành viên trong gia đình luôn yêu thương, chia sẻ, gắn kết với nhau.
- Sự gắn kết đó phải ở cả hai phía, trao đi và nhận lại.
- Tôn trọng sự khác biệt, biết gạt bỏ những cảm xúc ghen ghét, đố kỵ, trân trọng những điểm mạnh của các thành viên, động viên cổ vũ cho người thân để họ có điều kiện phát triển bản thân.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT CÁC BIỆN PHÁP TU TỪ: SO SÁNH, NHÂN HÓA, ĐIỆP NGỮ

I. Lí thuyết

1. So sánh

- So sánh là đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Ví dụ: Mặt trời xuống biển như hòn lửa

b. Cấu tạo của phép so sánh.

Mô hình cấu tạo đầy đủ của phép so sánh gồm:

- Vế A: Nêu tên sự vật, sự việc được so sánh.

- Vế B: Nêu sự vật, sự việc dùng để so sánh.

- Từ chỉ phương diện so sánh.

- Từ so sánh.

c. Các kiểu so sánh

- Có 2 kiểu so sánh cơ bản:

+ Ngang bằng: Như, tựa, ý như, như là bao nhiêu - bấy nhiêu, . . .

+ Không ngang bằng: Chẳng bằng, chưa bằng, hơn là. . .

Vd:

- Quê hương là chùm khế ngọt

- Chiếc áo này rách hơn là chiếc áo kia.

d. Tác dụng của phép so sánh.

- Tác dụng của phép tu từ so sánh: Vừa có tác dụng gợi hình giúp cho việc miêu tả sự vật, sự việc được cụ thể, sinh động, vừa có tác dụng biểu hiện tư tưởng, tình cảm sâu sắc.

2. Nhân hóa

a. **Khái niệm** là cách gọi, tả con vật, cây cối, đồ vật, hiện tượng thiên nhiên bằng những từ ngữ được dùng để gọi hoặc tả con người.

- Ví dụ: Sóng đã cài then đêm sập cửa

b. **Tác dụng:** làm cho đồ vật, cây cối thiên nhiên trở nên gần gũi với con người - diễn đạt sinh động cụ thể gợi cảm.

3. Các kiểu nhân hoá

+ Gọi vật bằng những từ vốn gọi người: Lão miêng, cô mắt. . .

+ Dùng những từ chỉ hoạt động tính chất của con người để chỉ hoạt động, tính chất của vật, của thiên nhiên; Sông gầy, đê choãi chân ra. . .

+ Trò chuyện xưng hô với vật như với người.

*Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất?
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai?*

3. Điệp ngữ

- *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu) để làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh.

- Điệp ngữ có 3 dạng:

+ Điệp ngữ nối tiếp: là các từ ngữ được điệp liên tiếp nhau, tạo ấn tượng mới mẻ, có tính chất tăng tiến.

+ Điệp ngữ cách quãng

+ Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

Ví dụ: Một bầy gà mà bơi trong bể

Chết ba con hỏi còn mấy con

4. Dấu ngoặc kép:

- **Dấu câu được dùng để đánh dấu lời dẫn trực tiếp là dấu ngoặc kép**

HS theo dõi lại VB “Mây và sóng” để phát hiện công dụng của dấu ngoặc kép.

5. Đại từ: (Bài này chỉ dừng lại ở đại từ xưng hô)

Đại từ xưng hô thể hiện ở 3 ngôi:

- Chỉ ngôi thứ nhất (chỉ người nói): tôi, ta, tớ, chúng tôi, chúng ta,...

- Chỉ ngôi thứ hai (chỉ người nghe): mày, cậu, các cậu, ...

- Chỉ ngôi thứ ba (người được 2 người ở ngôi thứ nhất và thứ 2 nói tới): họ, nó, hắn, bọn họ, chúng nó,...

II. Luyện tập:

Bài 1: Tìm những câu văn có sử dụng phép so sánh trong các bài *Bài học đường đời đầu tiên*. Cho biết tác dụng của việc sử dụng phép so sánh trong văn bản trên.

Hướng dẫn làm bài

- Những câu có sử dụng phép so sánh trong bài *Bài học đường đời đầu tiên*:

+ Những ngọn cỏ gãy rạp, y như có nhát dao vừa lia qua.

+ Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.

+ Cái chàng dế Choắt người gầy gò và dài lêu nghêu như một gã nghiện thuốc phiện.

+ Đã thanh niên rồi mà cánh chỉ ngắn cùn như người cởi trần mặc áo gi-lê.

+ Mỏ cốc như cái dùi sắt, chọc xuyên cả đất

- Tác dụng: Miêu tả một cách sinh động hình dáng, tính cách của thế giới loài vật.

Bài 2: Chỉ ra và cho biết tác dụng của phép tu từ so sánh trong những câu sau:

a.

“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã
Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang
Cánh buồm giương to như mảnh hồn làng
Rướn thân trắng bao la thâu góp gió”

(Quê hương, Tế Hanh)

b.

Cày đồng đang buổi ban trưa
Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày
(Ca dao)

Hướng dẫn làm bài

a.

- Phép so sánh:

+ *Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

+ *Cánh buồm* giương to như *mảnh hồn làng*

- Tác dụng: Khắc họa một cách sống động bức tranh lao động đầy hứng khởi và dạt dào sức sống với cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi căng tràn khí thế; thể hiện tình yêu quê hương thấm thiết, ca ngợi nhiệt tình lao động của những người dân chài lưới.

b.

- Phép so sánh: *Mồ hôi* thánh thót như *mưa* ruộng cày

- Tác dụng: diễn tả nỗi vất vả, cực nhọc của người nông dân cày ruộng lúc ban trưa. Đồng thời qua đó, tác giả dân gian muốn ca ngợi thành quả lao động của họ và nhắc nhở chúng ta phải biết quý trọng thành quả lao động đó.

Bài 3: Tìm 5 câu ca dao có sử dụng phép nhân hoá.

Hướng dẫn làm bài

1. *Trâu ơi* ta bảo trâu này,
Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.
2. Núi cao chi lắm *núi ơi*,
Núi che mặt trời chẳng thấy người thương.
3. Núi cao bởi có đất bồi,
Núi che đất thấp, *núi ngòi* ở đâu ?
4. Muôn dòng sông đổ biển sâu
Biển che sông nhỏ biển đâu nước còn.
5.
Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai
Khăn thương nhớ ai
Khăn chùi nước mắt...

Bài 4

Đặt hai câu, nội dung tùy chọn có sử dụng phép nhân hóa?

Hướng dẫn làm bài

- a. Trên cánh đồng, những *bác trâu* đang *thung thẳm* gặm cỏ.
- b. Bình minh vừa ló rạng, *các nàng sơn ca* đã cất cao tiếng *hát*.

Bài 5: Tìm điệp ngữ trong các đoạn trích dưới đây và cho biết đó là dạng điệp ngữ nào ?

a. *Mưa* rả rích đêm ngày. *Mưa* tối tăm mặt mũi. *Mưa* thổi đất, thổi cát. Trận này chưa qua, trận khác đã tới, hung tợn hơn.

b. Năm qua đi, tháng qua đi
Tre già măng mọc có gì lạ đâu

Mai sau,

Mai sau,

Mai sau,

Đất *xanh* tre mãi *xanh* màu tre *xanh*. -> Nối tiếp

c. Trèo lên cây bưởi *hái* hoa - > cách quãng

Bước xuống vườn cà *hái nụ tầm xuân* => Chuyển tiếp (vòng)

*Nụ tâm xuân nở ra xanh biếc
Em có chồng rồi anh tiếc lắm thay*

Hướng dẫn làm bài

- Điệp ngữ “mưa”: Điệp ngữ cách quãng.
- Điệp ngữ “mai sau”: Điệp ngữ nối tiếp
- Điệp ngữ “nụ tâm xuân”: Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng).

Bài 6:

Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ và hiệu quả diễn đạt của nó.

a. Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa.

(Cảnh khuya - Hồ Chí Minh)

- b. *“Cháu chiến đấu hôm nay
Vì lòng yêu Tổ quốc
Vì xóm làng thân thuộc
Bà ơi cũng vì bà
Vì tiếng gà cục tác
Ổ trứng hồng tuổi thơ”*

(Tiếng gà trưa – Xuân Quỳnh)

Hướng dẫn làm bài

- a. Điệp từ: Từ “lồng” được nhắc lại 2 lần trong một câu thơ: “*Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa*”.

- Giúp ta hình dung: ánh trăng lồng vào cổ thụ, bóng cổ thụ lồng vào những bông hoa hay ánh trăng lồng vào cổ thụ, bóng cổ thụ in hình xuống mặt đất như những bông hoa xinh xắn tạo nên bức tranh trắng lung linh, huyền ảo.

- Điệp từ “lồng” có tác dụng làm cho cảnh vật đan lồng vào nhau tạo nên bức tranh nhiều tầng lớp, đường nét, hình khối lung linh ánh sáng. Nét đậm là dáng hình cổ thụ trên cao lấp lánh ánh sáng, nét nhạt là bóng cây là lung linh xao động trên mặt đất.

- Điệp từ lồng còn có tác dụng, làm cho ba vật thể (Trăng, cổ thụ, hoa) vốn dĩ cách xa nhau đan cài quấn quýt, hoà quyện vào nhau, soi sáng cho nhau rất hữu tình.

- Qua đó cho thấy tâm hồn nhà thơ- tâm hồn thi sĩ nhạy cảm với cái đẹp và có tình yêu thiên nhiên say đắm.

- b. Biện pháp tu từ được sử dụng: điệp ngữ.

-Điệp từ “vì” được nhắc lại 4 lần chủ yếu là đầu mỗi dòng thơ.

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh những lí do cảm hứng của người chiến sĩ: rất lớn lao cao cả nhưng cũng rất bình thường, giản dị.

+ Làm nổi bật, khắc sâu mối quan hệ giữa các tình cảm đó, tình yêu Tổ quốc bắt nguồn từ những điều bình thường, giản dị: tình cảm dành cho người thân ruột thịt, những kỉ niệm bình dị của tuổi thơ. Những tình cảm đó là cội nguồn sâu xa của tình yêu tổ quốc, làm cho tình yêu tổ quốc nồng nàn hơn, tha thiết hơn trong trái tim người chiến sĩ.

+ Diễn tả tình yêu tổ quốc thiết tha, cháy bỏng, thôi thúc người chiến sĩ cầm chắc tay súng, chiến thắng kẻ thù. Tài liệu của Phương Nhung

+ Góp thêm một định nghĩa về tình yêu Tổ quốc đơn sơ, giản dị mà sâu sắc.

=> Mục đích chiến đấu cao cả của người chiến sĩ là lẽ sống cao đẹp của cả dân tộc ta thời đại đánh Mỹ anh hùng.

B. LUYỆN TẬP ẨN DỤ

Bài tập 1

Chỉ ra các ẩn dụ và nêu ý nghĩa ẩn dụ trong các câu ca dao, câu thơ sau:

a. *Trăm năm đành lỗi hẹn hò*

Cây đa bến cũ con đò khác đưa.

b. *“Ơi con chim chiền chiện*

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng. ”

Hướng dẫn làm bài

a. *Cây đa bến cũ*- những kỷ niệm đẹp

Con đò khác đưa- cô gái đã đi lấy người con trai khác làm chồng- đã thay đổi, xa nhau...

(Tác giả dân gian đã chọn được hình ảnh ẩn dụ đẹp, quen thuộc, gợi nhớ diễn đạt được một lời oán trách kín đáo).

b. *Giọt* (tiếng hót- chuyển đổi cảm giác)- ca ngợi cái đẹp của sáng xuân cũng là cái đẹp của cuộc đời, cuộc sống.

hứng (tiếng hót- chuyển đổi cảm giác)- sự thừa hưởng một cách trân trọng những thành quả cách mạng

Bài tập 2

Xác định phép tu từ ẩn dụ được sử dụng trong các câu dưới đây. Rút ra bài học được gửi gắm qua các hình ảnh ẩn dụ đó

a, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

b, Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng

Hướng dẫn làm bài

a, ăn quả nhớ kẻ trồng cây

ăn quả: tương đồng cách thức với sự hưởng thụ thành quả lao động

Kẻ trồng cây: Tương đồng phẩm chất với người lao động

→ Bài học: khuyên chúng ta khi hưởng thụ thành quả phải nhớ đến công lao người lao động đã vất vả tạo ra thành quả

b, Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng

- Mực đen có nét tương đồng về phẩm chất với cái xấu

- Đèn sáng có nét tương đồng về phẩm chất với cái tốt cái hay.

→ Bài học: Khuyên chúng ta nên biết lựa chọn môi trường sống, lựa chọn bạn bè để có thể học hỏi được những điều tốt, tránh xa điều xấu.

Bài tập 3:

Trong bài thơ “Thương vợ” nhà thơ Tú Xương có viết:

“Lặn lội thân cò khi quãng vắng

Eo sèo mặt nước buổi đò đông...”

Em hãy chỉ ra và phân tích tác dụng của phép ẩn dụ trong hai câu thơ trên.

Hướng dẫn làm bài

Trong câu thơ nhà thơ Tú Xương đã sử dụng phép ẩn dụ “thân cò” để nói về người vợ của mình - bà Tú. Mượn hình ảnh “con cò, cái cò” trong ca dao, nhà thơ đã cải hoá thành “thân cò” nói lên rất hay cuộc đời vất vả, đức tính chịu thương chịu khó của bà Tú với tất cả lòng khâm phục, biết ơn, đồng thời làm cho ngôn ngữ thơ đậm đà màu sắc ca dao, dân ca.

Bài tập 4:

Trong lời ăn tiếng nói hàng ngày, chúng ta thường nói:

- *Nói ngọt lọt đến xương.*

- *Nói nặng quá...*

Đây là ẩn dụ thuộc kiểu nào? Hãy tìm thêm một số ví dụ tương tự.

Hướng dẫn làm bài

Đây là những ẩn dụ chuyển đổi cảm giác – lấy những từ chỉ cảm giác của giác quan này để chỉ cảm giác của giác quan khác.

“ngọt” : vị giác => thính giác.

VD: - Giọng chua, giọng âm, giọng nhạt...

- nói nhẹ, nói sắc, nói đau...

- màu mát, màu nóng, màu lạnh, màu ẩm...

- thấy lạnh,...

Bài tập 5:

Thay thế các từ ngữ in đậm bằng những ẩn dụ thích hợp:

a. Trong ánh hoàng hôn, những nương sắn **với** màu nắng vàng lộng lẫy **có** trên khắp các sườn đồi.

b. Trong đôi mắt sâu thẳm của ông, tôi thấy **có** một niềm hi vọng.

Hướng dẫn làm bài

a. Từ “với” = “nhuộm màu nắng vàng”

Từ “có” = “nằm trải dài”

b. Từ “có” = sáng lên, ánh lên, loé lên...

Bài tập 6:

Viết đoạn văn ngắn (8-10 câu) miêu tả giờ ra chơi ở trường em. Trong đoạn văn có sử dụng phép tu từ ẩn dụ, gạch chân dưới câu văn có sử dụng phép ẩn dụ.

Hướng dẫn làm bài

HS có nhiều suy nghĩ, cách làm bài khác nhau. Cần đảm bảo đoạn văn đủ số lượng câu, có sử dụng BPTT ẩn dụ.

Đoạn văn tham khảo:

" Tùng tùng tùng. . . " Tiếng trống báo hiệu giờ ra chơi đã đến. Những cô cậu học trò ùa ra sân như đàn ong vỡ tổ. Nhóm các bạn nữ tụ tập dưới tán lá mát rượi của cù bàng; từng cặp từng cặp bạn nam chơi đá cầu với nhau, trên vai ai nấy đều *ướt đẫm ánh nắng*; một nhóm học sinh khác lại ùa đến căn-tin ăn quà vặt;... Cảnh vui tươi, nhộn nhịp đó khó có người học trò nào quên được. Bởi sau mỗi giờ ra chơi lại khiến chúng em thấy tinh thần sáng khoái để học tập tốt hơn.

- Phép ẩn dụ: "*ướt đẫm ánh nắng*" ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.

Viết đoạn văn về chủ đề tự chọn có sử dụng dấu ngoặc kép và đại từ nhân xưng.
GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu bài tập.
Gọi HS đọc bài.

ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:
(Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em
về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả)

I. LÝ THUYẾT

1. Kỹ năng viết viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

a. Đoạn văn là gì?

- Đoạn văn là bộ phận của văn bản, có chủ đề thống nhất, có kết cấu hoàn chỉnh được đánh dấu từ chỗ viết hoa lùi đầu dòng đến chỗ chấm xuống dòng.
- + *Về nội dung*: Đoạn văn thường diễn đạt một ý tưởng đối hoàn chỉnh. Các câu trong đoạn văn thường liên kết chặt chẽ với nhau để cùng làm rõ nội dung.
- + *Về hình thức*: Mỗi đoạn văn bao gồm một số câu văn có liên kết với nhau về mặt hình thức, thể hiện bằng các phép liên kết; mỗi đoạn văn được bắt đầu bằng chữ viết hoa lùi đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng. Tài liệu của Phương Nhung

b. Yêu cầu đối với viết đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

- Giới thiệu được nhan đề bài thơ và tên tác giả.
- Thể hiện được cảm xúc chung về bài thơ.
- Nêu được các chi tiết mang tính tự sự và miêu tả trong bài thơ, đánh giá được ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện tình cảm cảm xúc của nhà thơ.
- Chỉ ra được nét độc đáo trong cách tự sự và miêu tả của nhà thơ.

2. Hướng dẫn quy trình viết

a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.

Lựa chọn bài thơ

- + Xác định mục đích viết: ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố miêu tả và tự sự
- + Đối tượng: một bài thơ có yếu tố tự sự, miêu tả
- + Lựa chọn bài thơ: Đọc kĩ lại bài thơ để hiểu (đọc lại bài thơ 3,4 lần, vừa đọc vừa nghĩ đến hình ảnh, yếu tố tự sự, miêu tả, ngôn từ để hình dung, xác định được cảm xúc của bản thân)

b. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

* Tìm ý:

- Xác định cảm xúc mà bài thơ mang lại.
- Xác định chủ đề của bài thơ.
- **Xác định yếu tố tự sự, miêu tả có trong bài thơ**
- + Bài thơ gợi lên câu chuyện gì?
- + Đây là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật?
- + Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào?
- + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao?

*** Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của đoạn văn, gồm:**

1. Dàn ý đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có yếu tố tự sự và miêu tả

a. Mở đoạn:

- Giới thiệu tác giả và bài thơ
- Nêu khái quát ấn tượng, cảm xúc về bài thơ

b. Thân đoạn:

- Nêu ấn tượng, cảm xúc của em về câu chuyện được kể hoặc các chi tiết miêu tả có trong bài thơ
- Làm rõ nghệ thuật kể chuyện và miêu tả của tác giả
- Đánh giá tác dụng của việc kể lại câu chuyện kết hợp với các chi tiết miêu tả trong bài thơ

c. Kết đoạn:

- Nêu khái quát điều em tâm đắc về bài thơ (trong đó có nói tới đặc điểm nghệ thuật riêng của bài thơ đã được phân tích ở thân đoạn)

c. Bước 3: Viết

Khi viết bài, các em cần lưu ý:

- Bám sát dàn ý đề viết đoạn.
- Thể hiện được cảm xúc chân thành của em về nội dung và hình thức trữ tình độc đáo của bài thơ.
- Trình bày đúng hình thức của đoạn văn: viết lùi đầu dòng từ đầu tiên của đoạn văn và chữ cái đầu của từ đó phải viết hoa; kết thúc đoạn văn bằng một dấu chấm câu. Các câu trong đoạn cần tập trung vào chủ đề chung, giữa các câu có sự liên kết. Đoạn văn khoảng 7 - 10 câu.

d. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.
- Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

II. THỰC HÀNH VIẾT

Đề 1: Em hãy viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Mây và sóng” của nhà thơ Ta- go.

a. Bước 1: + Các định mục đích viết: ghi lại cảm xúc.

+ Lựa chọn bài thơ: bài thơ “Mây và sóng” của nhà thơ Ta- go.

Chuẩn bị trước khi viết.

b. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

*** Tìm ý:**

- Xác định cảm xúc mà bài thơ “Mây và sóng” mang lại: khơi dậy trong em niềm xúc động, biết ơn, tự hào về mẹ, tình yêu thiên nhiên, ước mơ của trẻ thơ.
- Xác định chủ đề của bài thơ: Tình yêu mẹ của trẻ thơ, ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt.
- **Xác định yếu tố tự sự, miêu tả có trong bài thơ**
- + Bài thơ gợi lên câu chuyện:
- + Đây là chi tiết tự sự và miêu tả nổi bật?
- + Các chi tiết ấy sống động, thú vị như thế nào?
- + Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn nói ra sao?

*** Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của đoạn văn, gồm:**

1. Mở đoạn :

+ Giới thiệu bài thơ “Mây và sóng”, tác giả Ta-go,
+ mượn yếu tố tự sự, miêu tả, nhà thơ giải bày tình yêu mẹ tha thiết và những ước mơ kì diệu của tuổi thơ.

2. Thân đoạn:

+ Yếu tố tự sự trong bài thơ vô cùng đặc sắc: Bài thơ gợi lên câu chuyện: lời tâm tình của một em bé với mẹ, em kể cho mẹ nghe về cuộc trò chuyện của em bé với mây và sóng. Mây và sóng rủ em đi chơi, dù muốn đi, nhưng em vẫn từ chối, vì mẹ đợi ở nhà, rồi em còn sáng tạo ra trò chơi có mẹ, có em, có cả mây, cả sóng.

+ Yếu tố miêu tả nổi bật: không gian bao la, lấp lánh sắc màu, âm thanh mà mây và sóng vẽ ra trước mắt em bé. Tài liệu của Phương Nhung

+ Các chi tiết ấy sống động, thú vị: thiên nhiên mang ý nghĩa ẩn dụ, cuộc đối thoại tạo giọng điệu tâm tình.

+ Ý nghĩa của yếu tố miêu tả, tự sự

- Hình ảnh thiên nhiên đẹp, giàu ý nghĩa, ẩn dụ, thủ pháp trùng điệp...

- Chúng đã góp phần thể hiện ấn tượng điều nhà thơ muốn: Trẻ thơ có ước mơ, có tình yêu thiên nhiên, nhưng tình mẹ con là tình cảm mãnh liệt nhất.

3. Kết đoạn: Khái quát cảm xúc chung của người viết về bài thơ trong hình thức kể chuyện độc đáo

“Mây và sóng” là một bài ca cảm động về tình mẹ con, giúp mỗi người cảm nhận được tình mẹ ngọt ngào và trân trọng hơn những giây phút hạnh phúc được ở bên mẹ.

*** Đoạn văn tham khảo:**

“Mây và sóng” là một trong những tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ Ta-go. Bài thơ đã gợi ra cho người đọc cảm nhận sâu sắc về tình mẫu tử thiêng liêng. Em bé trong bài thơ được mời gọi đến thế giới kỳ diệu ở “trên mây” và “trong sóng”. Với sự hiếu kỳ của một đứa trẻ, em đã cất tiếng hỏi: “Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”, “Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?”. Nhưng khi em bé nhớ đến mẹ vẫn luôn chờ đợi mình ở nhà, em đã từng chối đầy kiên quyết: “Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”, “Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?”. Chẳng có niềm hạnh phúc nào bằng được ở bên cạnh mẹ mặc dù thế giới ngoài kia nhiều hấp dẫn. Để rồi, em bé đã sáng tạo ra những trò chơi còn thú vị hơn của những người “trên mây” và “trong sóng”. Trong trò chơi đó, em sẽ là mây, là sóng tinh nghịch nô đùa; còn mẹ sẽ là vàng trăng, là bờ biển dịu hiền, ôm ấp và che chở con. Những câu thơ giàu tính tự sự và miêu tả nhưng lại góp phần bộc lộ cảm xúc của nhân vật trong bài thơ. Ta-go đã sử dụng trong bài thơ những lời thoại, chi tiết được kể tuần tự, vừa lặp lại vừa biến hóa kết hợp với hình ảnh giàu tính biểu tượng. Bài thơ chính là một câu chuyện cảm động về tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt. Tài liệu của Phương Nhung

Đề 2: Em hãy viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc của em về bài thơ “Chuyện cổ tích về loài người” của nhà thơ Xuân Quỳnh.

Lập dàn ý

- Mở đoạn:

+ Xuân Quỳnh là nhà thơ Hà Nội, khi viết về thiếu nhi thì tràn đầy yêu thương.

+ Bài thơ ***Chuyện cổ tích về loài người*** đã giải thích về nguồn gốc loài người mang màu sắc cổ tích.

- Thân đoạn:

+ Sự trần trụi, tối tăm bao trùm lấy toàn bộ trái đất khi trẻ em mới sinh ra.

+ Kể từ đó, mặt trời, cây cối, chim muông,... ra đời.

+ Hình sắc, âm thanh rực rỡ để em bé cảm nhận về cuộc đời.

+ Mọi người sinh ra để chăm sóc, nuôi dưỡng đứa trẻ.

+ Biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ, so sánh,... được tác giả sử dụng tối đa để mang đến những cảm nhận vô cùng trẻ thơ.

+ Tuy là kể thể nhưng bài thơ vẫn mang đến cảm xúc, lời nhắn nhủ từ tận đáy lòng tác giả là mọi người phải yêu thương nhau.

- Kết thúc:

+ Lí giải nguồn gốc ra đời của loài người dưới góc nhìn hoang đường, kì ảo.

+ Ta thấy rõ được tầm quan trọng của tình yêu thương trong gia đình.

Bài viết tham khảo

Xuân Quỳnh là nhà thơ Hà Nội, khi bà viết về thiếu nhi thì tràn đầy yêu thương. Bài thơ ***Chuyện cổ tích về loài người*** là một trong những tác phẩm xuất sắc giải thích về nguồn gốc loài người mang màu sắc cổ tích. Mở đầu bài thơ là sự trần trụi, tối tăm bao trùm lấy toàn bộ trái đất khi trẻ em mới sinh ra. Và sau đó, mặt trời, cây cối, chim muông,... ra đời đem đến một khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp. Đó là những hình sắc rực rỡ, âm thanh rộn ràng để em bé cảm nhận về cuộc đời, để trẻ em lớn lên. Mẹ là yêu thương qua lời ru, bà là những bài học qua những câu chuyện cổ. Còn bố đem lại cho bé những hiểu biết sâu rộng và nhà trường đem tới những bài học. Xuân Quỳnh sử dụng những biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ, so sánh, ... để mang đến những cảm nhận vô cùng trẻ thơ. Tuy là kể thể nhưng bài thơ vẫn mang đến cảm xúc, lời nhắn nhủ từ tận đáy lòng tác giả là mọi người phải yêu thương nhau. Tóm lại, qua cách lí giải nguồn gốc dưới góc nhìn hoang đường, kì ảo, ta thấy rõ được tầm quan trọng của tình yêu thương trong gia đình.

BÀI 3: YÊU THƯƠNG VÀ CHIA SẺ

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Giúp HS ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản truyện, người kể chuyện ngôi thứ ba, miêu tả nhân vật trong truyện kể. Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.

- Ôn tập đặc điểm, chức năng của cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ, biết cách sử dụng các loại cụm từ này để tạo câu..

- Biết cách viết một bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân, biết viết văn phải đảm bảo các bước.

- Biết cách nói- nghe lại một trải nghiệm đối với bản thân.

2. Năng lực.

+*Năng lực chung*: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo

+*Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

3. Phẩm chất:

- HS hiểu và trân trọng tình bạn
- Có ý thức ôn tập nghiêm túc

B. NỘI DUNG

ÔN TẬP VĂN BẢN: CÔ BÉ BÁN DIÊM

(An-Đéc-Xen)

A. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức

- Củng cố các kiến thức về văn bản “Cô bé bán diêm”: tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

2. Kỹ năng

- Rèn kĩ năng đọc – hiểu văn bản văn học nước ngoài.

3. Thái độ, phẩm chất

- Giáo dục ý thức học tập, bồi dưỡng lòng yêu thương con người, yêu văn học.

B. Nội dung

I. Đôi nét về tác giả An - đéc – xen

1. Tác giả

- Nhà văn An – đéc – xen (1805-1875).
- Tên đầy đủ: Hans Christian Andersen.
- Là nhà văn Đan Mạch nổi tiếng với những truyện viễn tưởng, truyện cổ tích viết cho tuổi thơ. Nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích, nhưng cũng có những truyện do ông hoàn toàn sáng tạo ra.
- Cuộc đời và sự nghiệp sáng tác:
 - + Ông là nhà văn nổi tiếng với thể loại truyện dành cho trẻ em, nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích nhưng có nhiều truyện là của ông.
 - + Năm 1835, ông bắt đầu sáng tác truyện kể nhan đề Chuyện kể cho trẻ em tại Ý
 - + Từ đó ông thường xuyên cho ra đời các âu truyện như Nàng tiên cá, Bộ quần áo mới của Hoàng đế, Chú vịt con xấu xí...
- Phong cách sáng tác:
 - + Phong cách giản dị đan xen giữa mộng tưởng và hiện thực, những câu truyện ông viết hầu hết dành cho trẻ em.

- Hoàn cảnh sáng tác

Truyện “Cô bé bán diêm” được An-đéc-xen viết vào năm 1845 khi tên tuổi ông lừng danh thế giới với trên 20 năm cầm bút.

2. Các sự việc chính – Trình tự tóm tắt

- Hoàn cảnh của cô bé bán diêm
- Hoàn cảnh quẹt diêm
- Các lần quẹt diêm của em bé
- Cái chết của em bé bán diêm.

Tóm tắt

Truyện kể về một em bé bán diêm trong đêm giao thừa rét buốt. Em có hoàn cảnh bất hạnh, bà nội và mẹ mất từ khi em còn nhỏ. Giờ đây, em phải sống cùng với người bố nát rượu, cộc cằn, thô lỗ ở một gác xép sát mái nhà. Cả ngày em chẳng bán được que diêm nào trong khi ngoài trời giá rét dữ dội, mọi nhà đều sáng rực ánh đèn và mùi thức ăn thơm phức. Em đánh liều quẹt lần lượt các que diêm, những mộng tưởng tươi sáng hiện ra như lò sưởi ấm áp, bàn ăn thịnh soạn, cây thông Nô-êm, bà nội hiện lên mỉm cười... Nhưng mỗi lần diêm tắt, thực tế lại là bức tường lạnh lẽo, rét mướt và một mình em cô đơn, tội nghiệp. Sáng hôm sau, em đã chết với đôi má vẫn hồng và đôi môi như đang mỉm cười trước sự thờ ơ, lạnh lùng của người qua đường. Tài liệu của Phương Nhung

II. Định hướng Phân tích văn bản

1. Hoàn cảnh của cô bé bán diêm

* Hình ảnh cô bé bán diêm trong đêm giao thừa giá rét

- Mẹ mất, bà nội cũng qua đời nên cô bé phải sống với bố
- Nhà em rất nghèo phải sống chui rúc tại một xó tối trên gác sát mái nhà
- Bố em khó tính, em luôn phải nghe những lời mắng nhiếc, chửi rủa và phải đi bán diêm để kiếm sống

⇒ Em có hoàn cảnh rất đáng thương, nghèo khổ, cô đơn và đói rét

- Thời gian bán diêm: Đêm giao thừa giá rét

- Không gian: Nơi đường phố, tuyết rơi rét buốt

+ Trời rét, tuyết rơi, giá lạnh thấu xương nhưng em chỉ mặc phong phanh với đôi chân trần

+ Những ngôi nhà xinh xắn có dây thường xuân bao quanh ở trên phố còn nhà em thì trong một xó tối tăm

⇒ Những hình ảnh tương phản làm nổi bật lên sự thiếu thốn khổ cực của em cả về mặt vật chất lẫn tinh thần. Qua đó lay động sự cảm thương nơi người đọc

2. Những lần quẹt diêm và mộng tưởng

Lần	Hình ảnh	Lí do
1	Lò sưởi	Em rét
2	Bàn ăn	Em đói
3	Cây thông	Em muốn được vui chơi
4	Bà nội	Em nhớ bà, muốn được sống cùng bà, được yêu thương
5	Bà	Em và bà về châu thượng đế

- Cô bé bán diêm có năm lần quẹt diêm trong đó có 4 lần quẹt một que và lần cuối cùng là quẹt hết những que diêm còn lại.

- Thực tế của em ở trong hoàn cảnh đau khổ nhưng mộng tưởng thì lại vô cùng tươi đẹp

+ Lần 1 quẹt diêm: Em mộng tưởng ra ngôi nhà có lò sưởi ⇒ thể hiện mong ước được sưởi ấm

- + Lần 2 quẹt diêm: Em mộng tưởng thấy căn phòng với bàn ăn, có ngỗng quay ⇒ mong ước được ăn trong ngôi nhà thân thuộc với đầy đủ mọi thứ
 - + Lần 3 quẹt diêm: Em mộng tưởng thấy cây thông Nô-en và nến sáng lung linh ⇒ Mong ước được vui đón tết trong ngôi nhà của mình
 - + Lần 4 quẹt diêm: Em thấy bà nội mỉm cười với em ⇒ mong được ở mãi bên bà
 - + Lần 5: Em quẹt hết những que diêm còn lại vì em muốn níu bà em lại, bà cầm tay em rồi hai bà cháu vụt bay- họ về châu thượng đế
- ⇒ Thực tại và mộng tưởng xen kẽ nối tiếp nhau lặp lại và có những biến đổi thể hiện sự mong ước nhưng vô vọng của cô bé. Nhưng ngay cả cái chết cũng được miêu tả một cách thật bay bổng và nhân văn.

3. Cái chết thương tâm của cô bé bán diêm

- Cô bé chết giữa đường phố, mọi người đi qua không một ai giúp đỡ em
- ⇒ Một xã hội lạnh lùng vô cảm, thờ ơ với nỗi bất hạnh của người nghèo
- ⇒ Tác giả đã dành cho em tất cả niềm cảm thương sâu sắc nhất thể hiện tính nhân văn của tác phẩm.

* Khái quát chung:

- Khái quát lại vài nét nội dung nghệ thuật và nội dung: Bằng ngòi bút đậm chất hiện thực và nhân văn tác giả đã đưa người đọc đến sự rung cảm nhất định là niềm cảm thông trước số phận bất hạnh của cô bé bán diêm cũng như thấy được sự thờ ơ của xã hội trước những số phận khó khăn. Tài liệu của Phương Nhung

3. Tổng kết

+ Giá trị nội dung

- Qua câu truyện nhà văn đã đưa đến chúng ta một thông điệp ý nghĩa: Lòng thương cảm trước số phận của trẻ thơ bất hạnh, hãy phấn đấu vì một tương lai cho tuổi thơ tốt đẹp tràn đầy hạnh phúc.

+ Giá trị nghệ thuật

- Với cách kể chuyện hấp dẫn chân thực, diễn biến tâm lí nhân vật sâu sắc, tác giả còn sử dụng thành công biện pháp tương phản nhằm tạo điểm nhấn về một số phận bất hạnh nhưng em luôn cháy lên khát vọng sống tốt đẹp và những ước mơ tươi sáng.

BÀI VĂN THAM KHẢO

An-đéc-xen nhà văn nổi tiếng với những câu chuyện dành cho thiếu nhi. Các tác phẩm của ông luôn để lại những ấn tượng sâu đậm, những bài học sâu sắc cho các bạn nhỏ. Khi nhắc đến kho tàng truyện của ông ta không thể không nhắc đến truyện Cô bé bán diêm, một câu chuyện giàu giá trị nhân văn, nhân bản.

Truyện kể về số phận bi thương, bất hạnh của cô bé bán diêm. Cô bé vốn cũng có một gia đình hết sức êm ấm, hạnh phúc, với người bà hiền hậu, trong “ngôi nhà xinh xắn có dây thường xuân bao quanh”, nhưng tất cả chỉ còn là quá khứ xa xôi. Người bà, người mẹ yêu thương em lần lượt đã qua đời, em sống với người bố trong cảnh nghèo khổ, túng quẫn trên một căn gác tồi tàn, em phải đi bán diêm để kiếm sống.

Sự khốn cùng của em được tác giả đậm tô hơn nữa trong đêm giao thừa. Trong đêm đông lạnh giá, từng cơn gió thấu xương vù vù thổi, cô bé đầu trần, chân đất, bụng đói đang mang những phong diêm đi bán. Em không dám về nhà vì người cha nghiện rượu sẵn sàng đánh em

nếu em chưa bán được gì. Em ngồi sát góc tường, mong mỗi mọi người rủ lòng thương mà mua cho mình.

An-đéc-xen đã xây dựng một loạt các hình ảnh tương phản, đối lập để làm nổi bật lên hoàn cảnh đáng thương của cô bé: ngôi nhà xinh xắn, ngập tình yêu thương chỉ còn trong quá khứ, hiện tại chỉ là tầng áp mái tồi tàn, với người cha luôn mắng chửi, đánh đập em; mọi người đang ngồi trong ngôi nhà sáng ánh đèn còn em một mình với bóng đêm, lạnh giá; trong mỗi căn nhà sực nức mùi ngỗng quay, mùi của gia đình hạnh phúc còn cô bé bụng đói cả ngày, cô đơn, buồn tủi.

Với nghệ thuật tương phản tác giả đã làm rõ hơn nỗi bất hạnh của em. Cô bé không chỉ thiếu thốn, khốn khổ về vật chất mà còn sống trong cảnh bị mọi người hờ hững, trong đó có cả bố - người đã sinh ra em. Tác giả có sự kết hợp hài hòa giữa hiện thực và mộng tưởng thông qua các lần quét diêm của cô bé.

Trong tác phẩm, cô bé quét diêm tất cả năm lần: lần một thấy chiếc lò sưởi, lần hai thấy ngỗng quay, lần thứ ba thấy cây thông, lần bốn thấy bà, lần năm em quét tất cả các que diêm còn lại để níu kéo người bà ở lại với mình. Trình tự quét diêm của em là hoàn toàn hợp lý, đi từ vật chất đến tinh thần: em muốn có lò sưởi, ngỗng quay bởi em đang phải chịu cái đói, cái lạnh; em thấy cây thông, người bà bởi nó gợi ra không khí gia đình ấm áp, tràn ngập tình yêu thương.

Sự đan cài giữa hiện thực và mộng tưởng đem đến cho người đọc niềm xót xa, cảm thông sâu sắc trước số phận em bé. Những mộng tưởng của em bé đều xuất phát từ thực tế khổ đau: em mơ lò sưởi, bữa tiệc, cây thông,... vì em phải sống trong cảnh thiếu thốn, nghèo khổ. Em mơ thấy bà vì khi bà mất, em luôn sống trong cảnh thiếu tình yêu thương. Sau mỗi lần que diêm tắt là thực tế khắc nghiệt đổ ập vào em, khiến cho số phận của cô bé càng trở nên bất hạnh.

Bởi vậy, em cố gắng quét những que diêm cuối cùng để níu kéo bà ở lại, để em được sống trong tình yêu thương. Nhưng cô bé cũng hiểu rằng, chỉ cần que diêm tắt đi thì hình ảnh bà cũng mất như tất cả những sự vật trước đó. Bởi vậy, em đã ước mình được đi cùng bà mãi mãi. Niềm mong ước của em vừa phản ánh khát khao được sống trong tình yêu thương, vừa thể hiện số phận bi kịch, bất hạnh của cô gái bé nhỏ, tội nghiệp.

Cái chết của cô bé cũng vô cùng thương tâm, gây ám ảnh với bạn đọc. Buổi sáng đầu tiên của năm mới, mọi người ai cũng vui vẻ, rạng rỡ nhưng em bé lại một mình chết ở xó tường, em chết vì lạnh, vì lòng người vô cảm không ai quan tâm, giúp đỡ em.

Nhưng khi chết trên mặt em đôi má vẫn hồng, đôi môi như đang mỉm cười, vì em đã thoát khỏi cuộc sống bất hạnh, được đến với người bà yêu quý của mình. Thực tế đây là một cái kết mang tính chất bi kịch. Hạnh phúc với mỗi con người là ở thực tại, ở trần thế này nhưng em phải đến thế giới khác mới được hưởng trọn vẹn niềm hạnh phúc ấy.

Tác phẩm được xây dựng một kết cấu phù hợp với diễn biến sự việc và tâm lí nhân vật. Nghệ thuật tương phản đối lập càng làm nổi bật hơn nỗi bất hạnh của em bé: mồ côi, trong đêm tối một mình lang thang bán diêm đối lập với đường phố rực rỡ ánh đèn, những người xung quanh vui vẻ, hạnh phúc. Sự đan xen hài hòa hợp lý giữa hiện thực và mộng tưởng vừa làm rõ số phận bi thương, vừa khắc họa khát khao hạnh phúc của cô bé bán diêm.

Truyện Cô bé bán diêm thể hiện tình yêu thương sâu sắc của nhà văn đối với những số phận bất hạnh. Truyện truyền tải đến người đọc thông điệp giàu ý nghĩa, thấm đẫm giá trị

nhân đạo: hãy yêu thương trẻ thơ và để cho chúng được sống một cuộc sống đủ đầy, hạnh phúc.

II. Luyện tập

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Nhà văn An-đéc-xen là người nước nào?

- A. Liên Xô B. Ấn Độ C. Hung-ga-ri **D. Đan Mạch**

Câu 2: Điều nào sau đây không đúng về gia cảnh của cô bé bán diêm?

- A. Gia đình sa sút, gia sản tiêu tan, phải rời khỏi chỗ ở đẹp đẽ, ấm cúng ngày trước.
B. Cô bé mồ côi mẹ, bà mất và chỉ ở với người cha

C. Người cha yêu thương cô bé hết lòng.

D. Cô phải đi bán diêm kiếm sống

Câu 3: Từ “lãnh đạm” trong đoạn văn trên có nghĩa là gì?

- A. Tỏ ra căm ghét và khinh thường
B. Không có tình cảm yêu mến, quý trọng
C. Không có cảm giác hứng thú khi nhìn thấy

D. Không biểu hiện tình cảm, tỏ ra không quan tâm đến

Câu 4: An-đéc-xen nổi tiếng với loại truyện viết cho đối tượng nào?

- A. Những thủy thủ. B. Dân nghèo thành thị.

C. Trẻ em.

D. Thị dân.

Câu 5: Qua các lần quét diêm (lò sưởi, bàn ăn, cây thông Nô-en, người bà, hai bà cháu bay đi) , em thấy điều nào thuần túy chỉ là mộng tưởng?

- A. Lần đầu tiên, em mơ thấy lò sưởi
B. Lần thứ hai, em mơ thấy bàn ăn
C. Lần thứ ba, em mơ thấy cây thông

D. Lần thứ tư và năm, em mơ thấy người bà và hai bà cháu bay đi

Câu 6: Giá trị nhân đạo của văn bản Cô bé bán diêm là:

- A. Phơi bày xã hội thiếu công bằng, chênh lệch giàu nghèo quá lớn
B. Phơi bày một hiện thực cay đắng về cái chết thương tâm cũng sự hành hạ phũ phàng của người lớn với trẻ em

C. Niềm cảm thương chân thành trước số phận của cô bé bán diêm

D. Phê phán sự bất công trong xã hội cũng như thái độ thờ ơ, tàn nhẫn của người đời

Câu 7: Dòng nào đã nói lên chủ đề của đoạn văn trên?

A. Thực tế đã thay thế cho mộng tưởng

B. Chỉ có phố xá vắng teo, lạnh buốt

C. Mấy người khách qua đường quần áo ấm áp vội vã đi đến những nơi hẹn hò, hoàn toàn lãnh đạm với cảnh nghèo khổ của em bé bán diêm.

D. Chẳng có bàn ăn thịnh soạn nào cả.

Câu 8: Trong lần quét diêm thứ mấy, cô bé đã thấy bà mỉm cười với em?

A. Lần thứ nhất

B. Lần thứ hai

C. Lần thứ ba

D. Lần thứ tư

Câu 9: Trong lần quét diêm thứ mấy, em thấy cảnh hai bà cháu dắt tay nhau bay lên trời, thoát mọi đói rét và đau buồn?

A. Lần thứ ba

B. Lần thứ hai

C. Lần thứ tư

D. Lần thứ năm

Câu 10: Nhận định nào nói đúng nhất về tính chất của truyện Cô bé bán diêm?

- A. Cô bé bán diêm là một truyện ngắn có hậu
B. Cô bé bán diêm là một truyện cổ tích có hậu

C. Cô bé bán diêm là một truyện ngắn có tính bi kịch

D. Cô bé bán diêm là một truyện cổ tích thần kì

Câu 11: Sự thông cảm, tình thương yêu của nhà văn dành cho cô bé bán diêm được thể hiện qua việc miêu tả những chi tiết nào trong tác phẩm Cô bé bán diêm?

- A. Miêu tả cảnh hai bà cháu cùng bay lên trời.
B. Miêu tả thi thể em bé với đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười.
C. Miêu tả các mộng tưởng ở mỗi lần quẹt diêm.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 12: Trong văn bản Cô bé bán diêm, các mộng tưởng của cô bé bán diêm mất đi khi nào?

- A. Khi bà nội em hiện ra.
B. Khi trời sắp sáng.
C. Khi em bé nghĩ đến việc sẽ bị người cha mắng.

D. Khi các que diêm tắt.

2. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1****Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

“Sáng hôm sau, tuyết vẫn phủ kín mặt đất, nhưng mặt trời lên, trong sáng, chói chang trên bầu trời xanh nhợt. Mọi người vui vẻ ra khỏi nhà.

Trong buổi sáng lạnh lẽo ấy, ở một xó tường, người ta thấy một em gái có đôi má hồng và đôi môi đang mỉm cười. Em đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa...”

(Ngữ văn 6 - Tập 1)

Câu 1: : Đoạn văn trên trích trong văn bản nào? Ai là tác giả? Xác định thể loại văn bản.**Câu 2:** Chỉ ra PTBD của văn bản chứa đoạn văn trên.**Câu 3:** Tìm các từ thuộc trường từ vựng “thiên nhiên” trong đoạn văn.**Câu 4:** Tìm câu ghép trong đoạn văn trên. Phân tích và xác định quan hệ ý nghĩa giữa các vế câu trong câu ghép đó.**Câu 5:** Viết đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cái chết của người “em gái”.

Tài liệu của Phương Nhung

*** Gợi ý trả lời****Câu 1:**

- Trích từ văn bản: “Cô bé bán diêm”
- Tác giả: An-đéc-xen
- Thể loại: truyện ngắn.

Câu 2:

Phương thức biểu đạt của văn bản: Tự sự kết hợp miêu tả và biểu cảm.

Câu 3:

Trường từ vựng thiên nhiên: tuyết, mặt trời, mặt đất, bầu trời.

Câu 4:

- Câu ghép: Sáng hôm sau (TN1),/ tuyết (CN1) /vẫn phủ kín mặt đất (VN1)//, nhưng mặt trời (CN2) lên, trong sáng, chói chang (VN2)// trên bầu trời xanh nhợt. (TN2)

- Quan hệ: Tương phản.

Câu 5:

Đoạn văn trình bày cảm nhận của em về cái chết của người “em gái”: (Tham khảo):

Kết thúc truyện “Cô bé bán diêm”, người “em gái” bất hạnh đáng thương ấy “đã chết vì giá rét trong đêm giao thừa...”. Dưới ngòi bút đầy chất thơ của An-đéc-xen, em ra đi mà đôi má vẫn hồng và đôi môi đang mỉm cười. Hình ảnh cái chết ấy thật đẹp đã thể hiện sự hạnh phúc, mãn nguyện của cô bé. Có lẽ em đã thanh thản, toại nguyện vì chỉ mình em được sống trong những điều huy hoàng, kì diệu. Cái chết của em bé bán diêm thể hiện tấm lòng nhân hậu của nhà văn dành cho số phận trẻ thơ, đó là sự cảm thông, yêu thương và trân trọng thế giới tâm hồn trẻ thơ. Thực tế em bé đã chết rất tội nghiệp, đó là cái chết bi thảm, làm nhức nhối trong lòng người đọc, em đã chết trong đêm giao thừa rét mướt, em nằm ngoài đường sáng mừng một đầu năm trong khi mọi người vui vẻ ra khỏi nhà, kẻ qua người lại mà không hề quan tâm đến em, em đã chết vì lạnh, vì đói ở một xó tường. Đó là cái chết đau đớn nhưng chắc chắn sẽ thanh thản về tâm hồn. Như vậy, bằng ngòi bút nhân ái, lãng mạn, qua cái chết em bé bán diêm, tác giả muốn tố cáo, phê phán xã hội thờ ơ lạnh lùng với nỗi bất hạnh của những người nghèo khổ, đặc biệt đối với trẻ thơ. Đồng thời, ông còn muốn gửi gắm thông điệp tới người đọc, đó là hãy biết san sẻ yêu thương, đừng phũ phàng hoặc vô tình trước những khổ đau bất hạnh, cay đắng của trẻ thơ. Cái chết của em sẽ mãi ám ảnh trong lòng người đọc, khơi dậy về tình yêu thương con người trong cuộc đời này.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơi ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đánh liều một que. Diêm bén lửa thật là nhạy. Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt.

Em hơi đôi tay trên que diêm sáng rực như than hồng. Chà! Ánh sáng kì dị làm sao! Em tưởng chừng như đang ngồi trước một lò sưởi bằng sắt có những hình nổi bằng đồng bóng nhoáng. Trong lò, lửa cháy nom đến vui mắt và tỏa ra hơi nóng dịu dàng.

(Trang 62, sách Ngữ văn 6, Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, NXBGD.VN)

Câu 1. Đoạn văn trên được trích trong tác phẩm nào, của ai?

Câu 2. Xác định ngôi kể của đoạn văn.

Câu 3. Tìm chi tiết miêu tả ngọn lửa diêm. Ý nghĩa hình ảnh ngọn lửa diêm trong câu chuyện? Tài liệu của Phương Nhung

Câu 4. Em cần làm gì để giúp đỡ những người bạn học sinh nghèo trong trường mình?

Gợi ý:

Câu 1. Đoạn văn trên được trích trong

- Tác phẩm: “Cô bé bán diêm”

- Tác giả: An-đéc- xen

Câu 2. Xác định ngôi kể: thứ ba

Câu 3.

- Chi tiết miêu tả ngọn lửa diêm “Ngọn lửa lúc đầu xanh lam, dần dần biến đi, trắng ra, rực hồng lên quanh que gỗ, sáng chói trông đến vui mắt”; “que diêm sáng rực như than hồng”; “Ánh sáng kì dị làm sao!”

- Ý nghĩa hình ảnh ngọn lửa diêm trong câu chuyện:

+ Ánh sáng ấy xua tan cái lạnh lẽo, tăm tối, đem lại hơi ấm, niềm vui giản dị cho cô bé bán diêm.

+ Ánh sáng lửa diêm đã thắp lên những ước mơ giản dị, đẹp đẽ, mãnh liệt của tuổi thơ, giúp cô bé vươn tới những ước mơ cao đẹp.

+ Thể hiện tình yêu thương, đồng cảm của tác giả với số phận bất hạnh của cô bé bán diêm.

Câu 4. Để giúp đỡ những người bạn học sinh nghèo trong trường mình, em sẽ làm những việc cụ thể:

+ Tặng các bạn những món quà cần thiết cho học tập và cuộc sống (trong điều kiện cho phép): sách vở, bút mực, cặp sách...

+ Giúp đỡ các bạn trong học tập, chia sẻ những khó khăn với bạn.

+ Kêu gọi, vận động bạn bè, người thân cùng gây quỹ giúp đỡ các bạn.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

" Thế là em quẹt tắt cả que diêm còn lại trong bao . Em muốn níu bà em lại ! Diêm nói nhau chiếu sáng như giữa ban ngày . Chưa bao giờ em thấy bà em to lớn và đẹp lão như thế này . Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đôi rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa . Họ đã bay về châu Thượng đế .

(Trích Cô bé bán diêm, An- đéc-xen)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.

Câu 2: Tại sao em bé lại quẹt tắt cả những que diêm trong bao?

Câu 3: Chi tiết “*Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đôi rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa*” gợi cho em những cảm xúc gì?

Câu 4: Từ đoạn văn, em nhận thấy sự sẻ chia có ý nghĩa gì trong cuộc sống?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên: Tự sự

Câu 2: Em bé lại quẹt tắt cả những que diêm trong bao: Vì em muốn níu bà em lại, muốn ở bên bà, em đang khao khát tình yêu thương của bà.

Câu 3: Chi tiết “*Bà cụ nắm lấy tay em rồi hai bà cháu bay vút lên cao, cao mãi, chẳng còn đôi rét , đau buồn nào đe dọa họ nữa*” gợi cho em những cảm xúc:

- Em thấy xót xa, thương cho số phận bất hạnh đau khổ của cô bé bán diêm, cô bé chỉ tìm được niềm vui, hạnh phúc ở thế giới bên kia.

- Em đồng cảm với cô bé vì cô bé có ước mơ đẹp, đó là ước mơ được sống trong tình thương của bà, của người thân.

Câu 4: Từ đoạn văn, em nhận thấy sự sẻ chia có ý nghĩa trong cuộc sống:

- Giúp con người có thêm nghị lực vượt qua khó khăn, giúp họ vươn lên trong cuộc sống.

- Đem lại niềm vui, niềm hạnh phúc cho mọi người.

- Kết gắn mọi người, đem lại phép màu cho cuộc sống.

3. Dạng ngữ liệu Đọc hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4

Mỗi người đều có một ước mơ riêng cho mình. Có những ước mơ nhỏ nhoi như của cô bé bán diêm trong truyện cổ An-đéc-xen: một mái nhà trong đêm đông giá buốt. Cũng có những ước mơ lớn lao làm thay đổi cả thế giới như của tỷ phú Bill Gates. Mơ ước khiến chúng ta trở nên năng động một cách sáng tạo. Nhưng chỉ mơ thôi thì chưa đủ. Ước mơ chỉ trở thành hiện thực khi đi kèm với hành động và nỗ lực thực hiện ước mơ... Tất cả chúng ta đều phải hành động nhằm biến ước mơ của mình thành hiện thực. [...] Ngày bạn thôi mơ mộng là ngày cuộc đời bạn mất hết ý nghĩa. Những người biết ước mơ là những người đang sống cuộc sống của các thiên thần. Ngay cả khi giấc mơ của bạn không bao giờ trọn vẹn, bạn cũng sẽ không phải hối tiếc vì nó. Như Đôn Ki-hô-tê đã nói: “Việc mơ những giấc mơ diệu kỳ là điều tốt nhất một người có thể làm”.

Tôi vẫn tin vào những câu chuyện cổ tích - nơi mà lòng kiên nhẫn, ý chí bền bỉ sẽ được đền đáp. Hãy tự tin tiến bước trên con đường mơ ước của bạn.

(Quà tặng cuộc sống - Thu Quỳnh và Hạnh Nguyên dịch, NXB Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2016, tr.56-57)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Đoạn văn gợi nhớ đến văn bản nào trong chương trình Ngữ văn 8? Nêu tên tác giả?

Câu 3. Việc tác giả dẫn ra ước mơ của cô bé bán diêm trong truyện cổ tích An-đéc-xen và ước mơ của tỷ phú Bill Gates trong đoạn trích có tác dụng gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: - Phương thức biểu đạt chính là nghị luận.

Câu 2: - Văn bản: Cô bé bán diêm - An-đéc-xen

Câu 3: - Việc tác giả dẫn ra ước mơ của cô bé bán diêm trong truyện cổ tích An-đéc-xen: "ước mơ có một mái nhà trong đêm đông giá buốt" và ước mơ của tỷ phú Bill Gates: "làm thay đổi cả thế giới" nhấn mạnh mỗi người đều có những ước mơ của riêng mình, bất kể là lớn lao hay nhỏ bé thì đều là những ước mơ đáng quý, đáng trân trọng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

"Một người ăn xin đã già. Đôi mắt ông đỏ hoe, nước mắt ông giàn giụa, đôi môi tái nhợt, áo quần tả tơi. Ông chìa tay xin tôi. Tôi lục hết túi nọ đến cả khăn túi kia, không có lấy một xu, không có cả khăn tay, chẳng có gì hết. Ông vẫn đợi tôi. Tôi chẳng biết làm thế nào. Bàn tay tôi run run nắm chặt lấy bàn tay run rẩy của ông:

- Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.

Ông nhìn tôi chăm chăm, đôi môi nở nụ cười:

- Cháu ơi, cảm ơn cháu! Như vậy là cháu đã cho lão rồi.

Khi ấy tôi chợt hiểu ra: cả tôi nữa, tôi cũng vừa nhận được một cái gì đó của ông".

(Theo Tước-ghê-nhép)

Câu 1: Câu chuyện được kể ở ngôi thứ mấy? Ai là người kể chuyện?

Câu 2: Khi nhận được hành động chia tay xin của ông xin của ông lão ăn xin về phía mình, cậu bé đã cư xử với ông lão như thế nào?

Câu 3: Em hiểu câu nói của ông lão đã nói với cậu bé: “*Như vậy là cháu đã cho lão rồi.*” nghĩa là gì? Cậu bé nhận được điều gì từ ông lão ăn xin?

Câu 4: Em rút ra bài học gì qua câu chuyện trên?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Câu chuyện được kể ở ngôi thứ nhất, nhân vật “tôi”- cậu bé kể chuyện.

Câu 2: Khi nhận được hành động chia tay xin của ông xin của ông lão ăn xin về phía mình, cậu bé đã cư xử với ông lão bằng lời nói, hành động cụ thể:

- Hành động: *lục hết túi nọ đến cả khăn túi kia*, rất muốn cho ông lão một cái gì đó, nhưng không có tài sản gì đành phải *nắm chặt lấy tay ông lão*.

- Lời nói: “*Xin ông đừng giận cháu! Cháu không có gì cho ông cả.*”

(HS có thể trả lời cụ thể: Hành động lời nói đó chứng tỏ cậu bé rất xót thương cho ông lão, và chân thành muốn giúp đỡ ông) Tài liệu của Phương Nhung

Câu 3:

- Em hiểu câu nói của ông lão đã nói với cậu bé: “*Như vậy là cháu đã cho lão rồi.*” nghĩa là: cậu bé đã cho ông lão sự sẻ chia, cảm thông, sự chân thành và lòng kính trọng.

- Cậu bé nhận được sự biết ơn, thấu hiểu, đồng cảm từ ông lão ăn xin.

Câu 4: Em rút ra bài học gì qua câu chuyện trên:

- Bài học về sự sẻ chia, yêu thương, chân thành.

- Bài học về lòng biết ơn.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và thực hiện những yêu cầu:

“*Tôi vẫn còn nhớ mẹ thường hay nói với tôi, khi một ai đó buồn, họ cần rất nhiều người để chia sẻ. Nỗi buồn chỉ vơi đi bằng tình thương chứ không có một phương thuốc nào hết. Khi chia sẻ một nỗi buồn, chúng ta sẽ không buồn hơn, nhưng người khác lại vui hơn. Và đừng bao giờ quay lưng lại với một con người như vậy. Họ cần những khuôn mặt hơn là những viên thuốc. Họ cần những bàn tay, những tô cháo, những quả ổi hái để đầu giường. Họ cần mỗi buổi tối ghé ngồi lại với họ trong im lặng. Họ cần chúng ta dẫn họ lên đồi cuối một mảnh vườn và thỉnh thoảng hỏi có thích ăn bắp rang không...*”

(Trích *Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ*, Nguyễn Ngọc Thuần)

Câu 1. Đoạn trích trên được viết theo ngôi kể nào?

Câu 2. Theo tác giả, vì sao “*đừng bao giờ quay lưng lại*” với một người khi họ gặp nỗi buồn?

Câu 3. Nghĩa của từ “*chia sẻ*” được dùng trong đoạn văn là gì?

Câu 4. Em có đồng tình với quan điểm của tác giả: “*Nỗi buồn chỉ vơi đi bằng tình thương chứ không có một phương thuốc nào hết*” không? Vì sao?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Ngôi kể thứ nhất.

Câu 2: Theo tác giả, “*đừng bao giờ quay lưng lại*” với một người khi họ gặp nỗi buồn, bởi vì:

- + Họ cần những khuôn mặt;
- + Cần những bàn tay, những tô cháo, những quả ổi hái để đầu giường;
- + Cần mỗi buổi tối ghé ngồi lại với họ trong im lặng;
- + Chúng ta dẫn họ lên đồi cuộc một mảnh vườn và thỉnh thoảng hỏi có thích ăn bắp rang không.

Câu 3: Nghĩa của từ *chia sẻ* trong đoạn văn là:

Chia sẻ: là yêu thương, quan tâm, hỏi han, lắng nghe, thấu hiểu...

Câu 4:

Học sinh có thể đồng tình/không đồng tình/hoặc chỉ đồng tình một phần, miễn là có những lí giải thuyết phục. Sau đây chỉ là gợi ý:

- Nếu đồng tình: Tình thương xuất phát từ tự nguyện, chân tình sẽ tạo niềm tin, động lực để con người vượt qua nỗi buồn. Tài liệu của Phương Nhung
- Nếu không đồng tình: Trong xã hội hiện đại, con người có nhiều cách để vượt qua nỗi buồn như dựa vào chính nghị lực của bản thân (mà đôi khi không cần đến cả tình thương của người khác)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 7

Đọc văn bản và trả lời các câu hỏi bên dưới:

ĐÔI TAI CỦA TÂM HỒN

Một cô bé vừa gầy vừa thấp bị thầy giáo loại khỏi dàn đồng ca. Cũng chỉ tại cô bé ấy lúc nào cũng chỉ mặc mỗi bộ quần áo vừa bẩn, vừa cũ lại vừa rộng nữa. Cô bé buồn tủi ngồi khóc một mình trong công viên. Cô bé nghĩ: Tại sao mình lại không được hát? Chẳng lẽ mình hát tồi đến thế sao? Cô bé nghĩ mãi rồi cô cất giọng hát khe khẽ. Cô bé cứ hát hết bài này đến bài khác cho đến khi mệt lả mới thôi.

- Cháu hát hay quá, một giọng nói vang lên: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ, cháu đã cho ta cả một buổi chiều thật vui vẻ”. Cô bé ngẩn người. Người vừa khen cô bé là một ông cụ tóc bạc trắng. Ông cụ nói xong liền chậm rãi bước đi.

Hôm sau, khi cô bé tới công viên đã thấy ông già ngồi ở chiếc ghế đá hôm trước. Khuôn mặt hiền từ mỉm cười chào cô bé. Cô lại hát, cụ già vẫn chăm chú lắng nghe. Ông vỗ tay lớn: “Cảm ơn cháu, cháu gái bé nhỏ của ta, cháu hát hay quá!” Nói xong cụ già lại một mình chậm rãi bước đi. Như vậy, nhiều năm trôi qua, cô bé giờ đây đã trở thành một ca sĩ nổi tiếng. Cô gái vẫn không quên cụ già ngồi tựa lưng vào thành ghế đá trong công viên nghe cô hát. Một buổi chiều mùa đông, cô đến công viên tìm cụ nhưng ở đó chỉ còn lại chiếc ghế đá trống không. Cô hỏi mọi người trong công viên về ông cụ:

- Ông cụ bị điếc ấy ư? Ông ấy đã qua đời rồi, một người trong công viên nói với cô.

Cô gái sững người, bật khóc. Hóa ra, bao nhiêu năm nay, tiếng hát của cô luôn được khích lệ bởi một đôi tai đặc biệt: đôi tai của tâm hồn.

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

Câu 2. Truyện được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 3. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện là sự việc nào?

Câu 4. Ý nghĩa mà câu chuyện gửi tới chúng ta là gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự:

Câu 2. Ngôi kể: Thứ ba. Tác dụng: làm cho câu chuyện khách quan, hay hơn

Câu 3. Tình huống bất ngờ trong câu chuyện: Cô gái sững người khi nhận ra người bấy lâu nay luôn khích lệ, động viên cho giọng hát của cô lại là một ông cụ bị điếc

Câu 4. Ý nghĩa câu chuyện gửi tới người đọc:

- Trước khó khăn, thử thách, con người cần có niềm tin, nghị lực vượt lên hoàn cảnh để chiến thắng hoàn cảnh.

- Truyện còn đề cao sức mạnh của tình yêu thương con người.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 8

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

CÂU CHUYỆN VỀ HAI CHIẾC BÌNH

Có một người nông dân thường xuyên phải gánh nước từ suối về nhà. Suốt hai năm ông dùng hai chiếc bình gánh nước, trong đó có một chiếc bị nứt. Từ vết nứt của nó, nước cứ bị rỉ ra. Vì thế, cuối đoạn đường dài, từ con suối về nhà, một chiếc bình luôn đầy nước; chiếc kia thì chỉ mang về một nửa bình nước.

Dĩ nhiên, cái bình nguyên vẹn rất tự hào về thành tích của nó và cũng không bỏ lỡ cơ hội nào để tỏ ý coi thường, chê trách chiếc bình nứt. Còn chiếc bình nứt luôn buồn tủi, xấu hổ về khuyết điểm của mình. Nó khổ sở vì chỉ hoàn tất được một nửa công việc phải làm. Trong hai năm, nó phải chịu đựng sự giày vò, đau khổ với ý nghĩ mình là kẻ thất bại và vô tích sự.

Một ngày nọ, chiếc bình nứt bèn lên tiếng bày tỏ với người gánh nước:

– Con rất xấu hổ về bản thân và muốn nói lời xin lỗi ông về thời gian đã qua.

Người gánh nước hỏi lại cái bình:

– Sao con phải xin lỗi? Mà con xin lỗi về chuyện gì?

Cái bình nứt đáp lại:

– Suốt hai năm qua, do vết nứt của con mà nước đã bị rò rỉ trên đường về nhà. Ông đã phải làm việc chăm chỉ nhưng kết quả mang lại không hoàn toàn như ông mong đợi.

Người gánh nước mỉm cười:

– Không phải vậy đâu! Ngày mai, trên đường ra suối con hãy quan sát kỹ hai bên đường rồi nói ta xem có gì khác lạ nhé.

Hôm sau, chiếc bình nứt nhìn con đường từ nhà ra suối và thấy hai bên đường quang cảnh khác hẳn nhau. Một bên, cỏ mọc xanh mát và có rất nhiều bông hoa đồng nội đủ màu đang khoe sắc. Bên kia chỉ toàn là đất cát và vài khóm cỏ dại héo khô. Không đợi nó cất tiếng hỏi, người gánh nước đã nói:

– Con có thấy rằng những bông hoa kia chỉ nở một bên ven đường, chỉ ở phía bên con mang nước về nhà không? Nước từ vết nứt của con đã tưới cho đất, nuôi dưỡng cỏ hoa. Vợ và con gái ta đã rất vui vẻ, hạnh phúc khi hái những bông hoa kia mang về tô điểm cho căn bếp, cho ngôi nhà của chúng ta. Ngắm những bình hoa ấy, ta quên nỗi mệt nhọc sau một ngày dài vất vả. Không có vết nứt của con, gia đình ta sẽ không có được những niềm vui ấm áp đó.

Chiếc bình nứt bưng tình. Nó biết rằng, từ hôm nay, mỗi ngày mới trên con đường này sẽ luôn đến cùng niềm vui và hạnh phúc.

(Theo Quà tặng cuộc sống)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. Nội dung cơ bản của văn bản trên là gì?

Câu 3. Nêu nhận xét về cách ứng xử của người gánh nước với chiếc bình nứt.

Câu 4. Viết một đoạn văn ngắn khoảng 3-5 câu trình bày suy nghĩ của em về bài học rút ra được từ câu chuyện trên.

Gợi ý làm bài

Câu 1: PTBD chính: Tự sự

Câu 2: Nội dung cơ bản của văn bản trên: Từ câu chuyện về chiếc bình nứt, nhằm mục đích nói về cách ứng xử của con người trong cuộc sống: cần biết tôn trọng những giá trị của mỗi người.

Câu 3: Cách ứng xử của người gánh nước vừa bao dung, nhân hậu, vừa từng trải sâu sắc. Ông đã biến vết nứt của chiếc bình - vốn là một khiếm khuyết, hạn chế thành thứ hữu dụng.

Câu 4: Học sinh viết đoạn văn nêu lên suy nghĩ của mình về bài học rút ra từ câu chuyện:

- Về hình thức: đảm bảo dung lượng số dòng, không được gạch đầu dòng, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp. Hành văn trong sáng, cảm xúc chân thành;

- Về nội dung:

+ Bài học về cách ứng xử như thế nào đối với những người kém may mắn: biết tôn trọng, không nên giễu cợt, coi thường những người kém may mắn.

- Bài học về cách ứng xử khi đối diện với những hạn chế của bản thân: không nên tự ti về khiếm khuyết của bản thân, hãy coi đó là điều khác biệt làm nên giá trị của riêng mình để từ đó biến điểm yếu thành điểm mạnh.

- Cách ứng xử của người gánh nước với chiếc bình đó cho chúng ta bài học gì? (Ví dụ: cần cảm thông và nâng đỡ, tạo điều kiện cho những người kém may mắn tự tin vào bản thân, giúp họ biến những hạn chế, khiếm khuyết thành điểm mạnh...)

4. Dạng viết ngắn

Viết đoạn văn: Viết đoạn văn (5-7 câu) với nhan đề: Gửi tác giả truyện “Cô bé bán diêm”

Gợi ý

Để viết đoạn văn 5-7 câu sao cho đúng và đủ ý, các em cần lưu ý các nội dung có thể nêu trong đoạn văn:

- Chia sẻ với nhà văn tình cảm xót thương dành cho cô bé bán diêm.
- Nỗi buồn đau trước sự thờ ơ, vô cảm của con người.
- Cùng nhà văn viết một đoạn kết khác cho câu chuyện.
- Kể với nhà văn về một điều tốt đẹp mà câu chuyện mang tới cho em.

Đoạn văn gửi tác giả truyện Cô bé bán diêm

Thân gửi tác giả truyện Cô bé bán diêm - nhà văn An-đéc-xen. Một trong những truyện cổ tích yêu thích nhất của cháu chính là truyện Cô bé bán diêm do ông sáng tác. Dưới ngòi bút nhân văn của tác giả, truyện đã mang đến cho mỗi người đọc bài học sâu sắc về ý nghĩa về

cuộc sống. Giữa đêm giao thừa rét mướt, khi mọi người trong khu phố được ở trong nhà quây quần bên gia đình hạnh phúc thì một cô bé nghèo phải lang thang để bán diêm. Những người đi ngoài đường không hề đoái hoài đến cô bé đáng thương đang run rẩy với chiếc áo rách, đôi chân trần và mái tóc bết lại. Khi đọc đến những đoạn văn miêu tả hình ảnh cô bé, cháu đã cảm thấy thật xót xa. Đặc biệt nhất, trong câu chuyện của mình, nhà văn còn thỏa mãn ước mơ của cô bé bằng những mộng tưởng quá đổi giản dị. Cái kết của truyện khiến cho cháu cảm thấy ám ảnh nhất. Hình ảnh cô bé chết đi nhưng đôi vẫn má hồng, còn đôi môi đang mỉm cười đã giúp người đọc có thêm hy vọng về một cuộc sống hạnh phúc ở nơi thiên đường cho cô bé tội nghiệp. Tác phẩm Cô bé bán diêm quả là giàu giá trị nhân văn cao đẹp và mang cho người đọc nhiều cảm xúc đáng quý.

THAM KHẢO THƯ GỬI NHÀ VĂN ANDERSEN

Xứ sở Tình Thương, ngày 15 tháng 02 năm 2015.

Nhà văn Andersen kính mến!

Ông còn nhớ cháu chứ? Cháu là “Cô bé bán diêm” trong truyện ngắn cùng tên của ông đây ạ! Cô bé nghèo khổ phải dò dẫm lê bước trên tuyết giữa mùa đông lạnh giá và từ già cuộc sống trong một đêm Giáng Sinh - đêm mà ai cũng đều cầu chúc những điều tốt lành.

Nếu được gặp ông trước đêm ông đặt bút viết nên câu chuyện kể về cháu, cháu đã xin ông đừng tạo nên một nhân vật đáng thương đến vậy. Cháu muốn được lớn lên trong một thế giới đẹp đẽ hơn, sống một cuộc sống yên bình, hạnh phúc, nhưng ngặt nỗi số phận và chính ông đã chẳng cho cháu có quyền được lựa chọn. Cháu đã phải sống trong cảnh mồ côi mẹ, không lâu sau đó người bà thân thương nhất cũng qua đời; gia sản tiêu tán bởi người cha nghiện ngập, suốt ngày đánh đập, hành hạ con gái, nhất là khi cả ngày cháu chẳng bán được bao diêm nào.

Không chỉ nuôi ước mơ về một gia đình hạnh phúc, cháu còn muốn được đi học, được vui chơi như biết bao bạn bè cùng trang lứa, không phải mang bên mình chiếc túi đầy những bao diêm và canh cánh nỗi lo rằng sẽ không bán hết, bị mắng, bị chửi, bị đánh đập... Cháu buồn và tủi thân lắm ông ạ! Giá như năm ấy ông tặng cho cháu một mái ấm trọn vẹn, một cuộc sống đầy đủ để cháu được học, được đến trường cùng bạn bè thì hay biết mấy.

Thực lòng, thế giới cháu luôn mơ về trong những đêm say giấc không hẳn là một thế giới hiện đại, văn minh bậc nhất. Cháu chỉ cần một cuộc sống mà ở đó con người chẳng bao giờ phải đối mặt với chiến tranh, hận thù, bệnh tật, đói nghèo, tệ nạn xã hội... Chính người bà mà cháu yêu quý đã rời xa cháu vĩnh viễn chỉ vì bệnh tật và nghèo khổ đấy ạ. Những cánh chim bồ câu trắng khẽ bay lượn trên bầu trời trong lành, thoáng đãng, chẳng chút bụi bặm, ô nhiễm, bên dưới là mái nhà có dây thừng xua bao quanh, có tiếng mẹ, tiếng cha ầm ập, dịu dàng... Đó mới là một cuộc sống mà cháu hằng mong ước, ông có biết?

Điều mà cháu tiếc nhất ở câu chuyện của ông đó là giữa những con người còn có một khoảng cách vô hình tồn tại, ngăn cản sự chan hòa của tình thương. Ông cũng biết đấy, trông thấy một bé gái nhỏ lạnh co vì rét giữa đêm giá buốt chào diêm mà chẳng ai dừng lại mua giúp lấy một bao. Để rồi khi cô bé ấy “nắm tay bà bay lên”, bay về một thế giới khác, người ta cũng chẳng buồn quan tâm, họa chăng chỉ là đôi lời bàn tán để thỏa mãn cho sự hiếu kỳ của họ.

Ông ơi! trước khi chết vì cái đói, cái rét, cô bé kia đã chết vì chính sự lạnh lùng vô cảm, tàn nhẫn và ích kỷ của người đời. Càng ngẫm nghĩ, cháu lại càng thấm thía câu nói, tuy đơn giản ngắn gọn nhưng lại vô cùng ý nghĩa của Loilla Cather: “Nơi nào có tình thương yêu thì nơi đó luôn có những điều kỳ diệu”. Giá như con người biết quan tâm đến nhau nhiều hơn thì có lẽ điều kỳ diệu đã xảy ra và cháu đã chẳng về với Thượng đế. Tình thương, sự sẻ chia, giúp đỡ đồng loại, chỉ mơ ước nhỏ bé ấy thôi mà chẳng ai giúp cháu, giúp những em bé có hoàn cảnh như cháu thực hiện được ông nhỉ?

Ông ơi! Chắc hẳn ông ngạc nhiên lắm! Cô bé của ông ngoan ngoãn ngày nào nay lại viết thư đề phỉ trách ông với lý do ông chưa cho nó được một cuộc sống như nó vốn mơ ước. Không đâu ông, cháu hiểu vì nỗi lòng trăn trở lo lắng cho những số phận trẻ em bất hạnh trên khắp thế giới nên ông mới viết nên một câu chuyện buồn như thế. Ông viết nó bằng cả tâm huyết của mình với hi vọng có thể thức tỉnh được trái tim vô cảm của một số con người, để chúng cháu có một cuộc sống tốt đẹp hơn.

Phải rồi ông ơi, từ ngày “Cô bé bán diêm” được xuất bản và phát hành ở nhiều nước trên thế giới, có rất nhiều fan hâm mộ viết thư cho cháu. Bức thư gần nhất mà cháu nhận được là những dòng tâm sự đầy cảm xúc của một cậu bé giấu tên đến từ Việt Nam. Trong thư, cậu có nhắc đến một cuộc thi với chủ đề rất hay: “Hãy viết một bức thư nói về thế giới bạn muốn được lớn lên trong đó”. Vậy là cháu quyết định viết và gửi thư cho ông với mong muốn qua những chuyến xe bưu chính UPU, lá thư này sẽ đến được tay ông, giúp ông hiểu được nhiều hơn những ước mơ, hoài bão của cháu cũng như bao trái tim bé bỏng khác về một thế giới mà mọi đứa trẻ đều muốn lớn lên và phát triển ở đó.

Ông ơi! Hi vọng ông sẽ nhớ về cháu, về truyện ngắn mang tên đứa bé này hơn 166 năm về trước. Luôn ấp ủ một niềm tin là ông vẫn khỏe mạnh, luôn ấp ủ một tình yêu đối với Andersen của cháu! Chúc ông một buổi tối thật nhiều niềm vui!
Cô bé bán diêm".

(Nguồn Internet)

ÔN TẬP VĂN BẢN: GIÓ LẠNH ĐẦU MÙA (Thạch Lam)

I. TÁC GIẢ TÁC PHẨM

1. Tác giả

- Tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh (1910 - 1942).
- Sinh ra ở Hà Nội, lúc nhỏ sống ở quê ngoại - phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.
- Sáng tác ở nhiều thể loại (tiểu thuyết, truyện ngắn, tùy bút,...) song thành công nhất vẫn là truyện ngắn. Truyện ngắn của Thạch Lam giàu cảm xúc, lời văn bình dị và đậm chất thơ. Nhân vật chính thường là những con người bé nhỏ, cuộc sống nhiều vất vả, cơ cực mà tâm hồn vẫn tinh tế, đôn hậu. Tác phẩm của Thạch Lam ẩn chứa niềm yêu thương, trân trọng đối với thiên nhiên, con người, cuộc sống.

2. Tác phẩm

- Các truyện ngắn tiêu biểu của Thạch Lam: *Gió đầu mùa, Nắng trong vườn, Sợi tóc*,...
- *Gió lạnh đầu mùa* là một trong những truyện ngắn xuất sắc viết về đề tài trẻ em của Thạch Lam.

3. Truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*

- Người kể chuyện: Ngôi thứ ba.
- Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả.
- Thể loại: Truyện ngắn.
- **Bố cục:**
 - + Phần 1: Từ đầu đến: “*mẹ hơi rơm rớm nước mắt*”: Cảm xúc của Sơn về thiên nhiên, cảnh vật vào buổi sáng khi gió lạnh tràn về.
 - + Phần 2: Tiếp theo đến “*ấm áp, vui vui*”: Thái độ, cảm xúc của chị em Sơn với các bạn nhỏ, và quyết định của chị em Sơn.
 - + Phần 3 (còn lại): Hành động và cách cư xử của những người mẹ trước việc làm của các con.
- Nhan đề: gọi lên cái lạnh giá của thời tiết mùa đông, là nổi bật tình yêu thương ấm áp của tình người, đặc biệt là tình yêu thương trong sáng hồn nhiên của những đứa trẻ.
- **Kể, tóm tắt**
 - + Mùa đông giá lạnh đã đến, hai chị em Sơn được mặc quần áo đẹp dễ và ấm áp.
 - + Hai chị em Sơn ra xóm chợ chơi và thấy những người bạn nghèo mặc những bộ quần áo bạc màu, nhiều chỗ vá. Đặc biệt là em Hiền chỉ có mang áo rách tả tơi, co ro chịu rét.
 - + Chị Lan hăm hở về lấy áo cho Hiền, Sơn cảm thấy trong lòng ấm áp, vui vui.
 - + Chuyện cho áo đến tai người thân, lo sợ bị mẹ mắng, hai chị em đi tìm Hiền đòi áo.
 - + Mẹ Hiền sang nhà Sơn trả lại áo bông.
 - + Biết hoàn cảnh của gia đình Hiền, mẹ Sơn cho mẹ Hiền mượn tiền may áo mới cho con.

II. Định hướng phân tích văn bản

1. Nhân vật Sơn và Lan

a. Gia cảnh

- Gia cảnh: sung túc
 - + Có vú già.
 - + Trang phục: áo dạ đỏ lẫn áo vệ sinh, áo vải thâm bên ngoài.
- Sơn cảm nhận được sự biến đổi của thiên nhiên, cảnh vật khi bước vào mùa đông. Sơn còn cảm nhận được không khí ấm áp, tình yêu thương của mẹ, của vú già
- **Cảm xúc của Sơn khi vú nhắc đến chuyện chiếc áo bông**
 - + Mẹ Sơn nhắc đến em Duyên, người em, đã mất nhớ em, Sơn cảm động và thương em quá. Sơn thấy mẹ rơm rớm nước mắt. Tài liệu của Phương Nhung
- Sơn là cậu bé ngoan ngoãn, sống giàu tình cảm, tinh tế biết quan sát và cảm nhận được tâm trạng cảm xúc của người thân.

b. Khi ra ngoài chơi với các bạn nhỏ nghèo ở chợ

- Thái độ: Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khinh như các em họ của Sơn
- Khi thấy Hiền đứng nép một chỗ không ra chơi cùng:
- + Gọi ra chơi.
- Quan tâm thật lòng. Câu hỏi có sự phát triển theo câu trả lời của Hiền
- + Hỏi: “Áo lạnh đâu không mặc?”; “Sao không bảo u may may cho?”
- + Quyết định đem cho Hiền chiếc áo: chợt nhớ ra mẹ cái Hiền rất nghèo, thấy động lòng thương, một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong tâm trí.

tình cảm trong sáng của trẻ thơ, tâm hồn nhân hậu của chị em Sơn.

c. Chiều tối khi trở về nhà

- Ngây thơ, sợ hãi, đi tìm Hiên để đòi áo

Lúc đó mới hiểu mẹ rất quý chiếc áo bông ấy; vẫn có sự trẻ con: đã cho bạn rồi còn đòi lại.

Lối miêu tả chân thực, tự nhiên của Thạch Lam khi khắc họa nhân vật trẻ em.

2. Nhân vật Hiên và những đứa trẻ nghèo

a. Không gian/ khung cảnh

+ Chợ vắng không, mấy cái quán chợ vơ lộng gió, rác bẩn rải rác lẫn với lá rụng của cây đề

+ Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên tanh tách dưới nhịp guốc của hai chị em

Nghèo, lại thêm mùa đông càng khắc họa sâu về tình cảnh khốn khó. Yên ả, vắng lặng

b. Dáng vẻ

+ Mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo màu nâu bạc đã vá nhiều chỗ;

+ Môi tím lại, qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi;

+ Mỗi cơn gió đến, run lên, hàm răng đập vào nhau.

c. Thái độ

+ Đương đời Sơn ở cuối chợ để chơi đánh khăng, đánh đáo

+ Điều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy;

+ Giương đôi mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn

có sự chú ý đặc biệt “giương”: ngược lên và mở to

“ngắm”: nhìn một cách tập trung, có sự yêu thích, ước mong

Càng khắc họa đậm hơn sự nghèo khó Một bộ quần áo mới mà được chú ý đặc biệt và ước mong

d. Nhân vật Hiên

- Từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, co ro đứng bên cột quán Từ nãy: thời gian dài, co ro Vừa lạnh, phải chịu trong thời gian dài, lại còn có thêm mặc cảm: đứng ần nấp “dựa vào cột quán”, lạnh phải khúm người lại

- Gọi không lại

- Chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay

- Khi được hỏi bị xịu mặt cảm, có sự tủi thân, như sắp vỡ òa. trả lời: mặt xị xuống, thường đi kèm những lời có ý buồn tủi

e. So sánh Hiên với cô bé bán diêm

- Giống:

+ Đều là những bé gái ở trong hoàn cảnh đáng thương;

+ Đều thiếu thốn vật chất, và ở trong mùa đông khắc nghiệt

- Khác:

	Hiên	Cô bé bán diêm
Tên	Có tên	Không tên
Không gian	Việt Nam đầu thế kỷ: đa phần nghèo	Đan Mạch/Châu Âu: tác giả khắc họa rõ nét sự đối lập giàu nghèo

Thời gian	Đầu mùa đông Cái lạnh mới bắt đầu	Chính đông, khoảnh khắc giao thừa, chuyển giao giữa năm cũ và năm mới Cô bé bán diêm đã phải chịu giá rét trong thời gian dài, đặc biệt tâm trạng sẽ buồn hơn Hiên vì đây là lúc mọi người quây quần bên gia đình đầm ấm đón chào năm mới.
Tình thương	- Hiên có nhận được tình thương của mọi người xung quanh: mẹ, bạn bè, v.v...	Cô bé bán diêm không nhận được tình yêu thương: bị bố đánh đập, mắng chửi, bị người qua lại lãnh đạm, thờ ơ
Cái kết	Cái kết có hậu, Hiên có áo ấm	Cái kết vừa có hậu vừa mang tính bi kịch, cô bé bán diêm đã chết

3. Hai người mẹ: mẹ của Sơn và mẹ của Hiên

a. Mẹ của Hiên

- không đủ tiền để may áo cho con - Nghề: chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc
- Thái độ và hành động của mẹ Hiên khi biết Sơn cho Hiên chiếc áo:
Cách xưng hô có sự tôn trọng, như người dưới với người trên: Tôi – cậu – mẹ;
- + Khép nép, nói tránh: “Tôi biết cậu ở đây đùa, nên tôi phải vội vàng đem lại đây trả mẹ”
- + Tự trọng: Sau khi trả xong, không xin xỏ gì mà đi về luôn.
- Thái độ: khép nép, nhưng cư xử đúng đắn, tự trọng của một người mẹ nghèo khổ

b. Mẹ của Sơn

- Cách cư xử nhân hậu, tế nhị của một người mẹ có điều kiện sống khá giả hơn.
không nên tự tiện lấy áo đem cho nhưng mẹ vui vì các con biết chia sẻ, giúp đỡ người khác...
- Với các con, cách cư xử vừa nghiêm khắc, vừa yêu thương

4. Tổng kết

a. Nghệ thuật

- Cách kể chuyện nhẹ nhàng, tinh tế, theo dòng cảm xúc của nhân vật.
- Nhân vật được xây dựng qua nhiều phương diện như hành động, lời nói nhưng chủ yếu qua từng cảm xúc, tâm trạng về chuyển biến của thiên nhiên, cảnh vật, sự việc...
- Kết hợp kể và miêu tả cảnh thiên nhiên đặc sắc.
- Tình huống đặc sắc, có những chi tiết truyện giàu ý nghĩa.

b. Nội dung

- Ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, trong trẻo của con người với con người, đặc biệt tình yêu thương vô tư của trẻ thơ.
- Ẩn chứa niềm tin yêu, trân trọng của tác giả đối với con người.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Thạch Lam là một trong những nhà văn tiêu biểu của khuynh hướng văn học lãng mạn. Những tác phẩm của ông chủ yếu là khai thác thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc mong manh, mơ hồ trong cuộc sống thường ngày. Một trong những tác phẩm tiêu biểu là truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*.

Thạch Lam đã mở đầu chuyện bằng khung cảnh buổi sáng mùa đông. Chỉ sau một đêm mưa rào, trời bắt đầu nổi gió bắc. Nhân vật Sơn ngủ dậy thấy mọi người trong nhà, mẹ và chị... đều “đã mặc áo rét cả rồi”. Ngoài sân “Gió vi vu làm bốc lên những màn bụi nhỏ, thổi lẫn những cái lá khô lạo xạo. Bầu trời không u ám, toàn một màu trắng đục”. Những cây lan trong chậu “lá rung động và hình như sắp lại vì rét”.

Thế rồi khung cảnh sinh hoạt của gia đình Sơn được Thạch Lam khắc họa thật giản dị. Mẹ Sơn bảo chị Sơn bê thúng quần áo ra. Nhìn chiếc áo bông cánh xanh đã cũ nhưng còn lành, mẹ Sơn nói: “Đây là cái áo của cô Duyên đấy”. Người vú già đã “vớ lấy cái áo lật đi lật lại ngắm nghía, tay mân mê các đường chỉ”. Khi nghe mẹ nói, Sơn cũng “nhớ em, cảm động và thương em quá”. Cậu xúc động khi thấy mẹ “hơi rơm rớm nước mắt”. Cái áo bông chính là kỉ vật gợi lên tình cảm mẫu tử thiêng liêng, tình anh em sâu đậm và tình thương của vú già nhân hậu.

Gia đình Sơn khá giả, chị em Sơn được mẹ chăm sóc, lo toan. Sơn được mặc cái áo dạ chỉ đỏ lẫn áo vệ sinh, ngoài lại mặc phủ cái áo vải thâm. Cách ăn mặc ấy đối với những đứa trẻ em nghèo ngày xưa là cả một niềm mơ ước. Thằng Cúc, thằng Xuân, con Tí, con Túc vẫn mặc những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ. Mỗi chúng nó “tím lại”, chỗ áo quần rách “da thịt thâm đi”. Gió lạnh thổi đến, chúng nó lại “run lên, hai hàm răng đập vào nhau”. Khi nhìn thấy Sơn và Lan, lũ trẻ con xóm chợ đều lộ vẻ “vui mừng”. Hai chị em Sơn tỏ ra thân thiết với chúng chứ không khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

Đặc biệt nhất là khi chị Lan nhìn thấy Hiên đang đứng “co ro” bên cột quán, trong gió lạnh chỉ mặc có manh áo “rách tả tơi”, “hở cả lưng và tay”. Sơn đã “động lòng thương” và chợt nhớ ra mẹ cái Hiên rất nghèo, nhớ đến em Duyên ngày trước vẫn cùng chơi với Hiên ở vườn nhà. Chị Lan và Sơn đã bàn với nhau cho cái Hiên chiếc áo bông cũ. Sau đó, Lan đã “hăm hở” chạy về nhà lấy áo. Sơn yên lặng đợi chờ, trong lòng tự nhiên thấy “ấm áp vui vui”. Cái áo cũ mà chị em Sơn đem cho cái Hiên chứa đựng biết bao tình người, thể hiện tình cảm san sẻ của một đứa trẻ có một trái tim giàu tình yêu thương. Hành động của chị em Sơn tuy nhỏ bé nhưng lại thật cao cả, đáng quý.

Nhưng truyện không dừng lại ở đó. Phần cuối truyện, mẹ Hiên đã đem cái áo bông đến trả mẹ của Sơn. Hành động này thể cho thấy có những con người trong xã hội xưa, dù sống khó khăn, khổ cực nhưng vẫn giữ vững phẩm chất tốt đẹp: “Đói cho sạch, rách cho thơm”. Mẹ Sơn sau khi nghe rõ việc, đã cho mẹ Hiên mượn năm hào về may áo ấm cho con. Còn với hai chị em Sơn, bà chẳng những không tức giận mà còn “vẫy hai con lại gần, rồi âu yếm”. Điều đó cho thấy mẹ Sơn cũng là một người phụ nữ nhân hậu, giàu lòng vị tha và yêu thương.

Sức hấp dẫn của truyện “Gió lạnh đầu mùa” là ở cách kể chuyện nhẹ nhàng, tinh tế, theo dòng cảm xúc của nhân vật. Nhân vật được xây dựng qua nhiều phương diện như hành động, lời nói nhưng chủ yếu qua từng cảm xúc, tâm trạng về chuyển biến của thiên nhiên, cảnh vật, sự việc... Đặc biệt truyện ngắn đã kết hợp kể và miêu tả cảnh thiên nhiên đặc sắc, có tình huống đặc sắc, có những chi tiết truyện giàu ý nghĩa. Qua đó Thạch Lam đã ca ngợi tình yêu thương chia sẻ ấm áp, trong trẻo của con người với con người, đặc biệt tình yêu thương vô tư của trẻ thơ. Tác phẩm còn ẩn chứa niềm tin yêu, trân trọng của tác giả đối với con người.

“Gió lạnh đầu mùa” là một câu chuyện nhẹ nhàng, nhưng lại chan chứa tình yêu thương. Ông đã dành cho tuổi thơ những trang văn đậm đà, trong sáng. Và ta càng thấy rõ

tình nhân đạo thấm đẫm làm nên chất thơ trong truyện ngắn Thạch Lam. Truyện đã đem đến những bài học vô cùng quý giá cho mỗi người đọc.

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Ai là người đã nói cho vú già biết Sơn và Lan đã cho Hiên cái áo bông?

A. Hiên B. Thăng Cúc, thăng Xuân

C. Con Sinh

D. Con Tý, con Túc

Câu 2: Mẹ của Hiên làm nghề gì?

A. Bán cháo B. Bán hàng ngoài chợ

C. Vú em D. Mò cua bắt ốc

Câu 3: Ai là tác giả của văn bản Gió lạnh đầu mùa?

A. Thạch Lam

B. Nguyễn Nhật Ánh

C. Thái Bá Dũng

D. Ô Hen-ri

Câu 4: Khi chị Lan chạy về nhà lấy áo, Sơn có tâm trạng ra sao?

A. Sơn háo hức chờ đợi

B. Trong lòng Sơn tự nhiên thấy ấm áp, vui vui

C. Sơn thấy tự hào vì mình đã làm được một việc tốt

D. Chị Lan về lấy áo, Sơn lại thấy hơi lo vì chưa xin phép mẹ

Câu 5: Từ bịu xịu trong văn bản Gió lạnh đầu mùa có nghĩa là gì?

A. Từ gọi tả dáng điệu của người tỏ ra hài lòng trong bộ quần áo đẹp

B. Vẻ mặt làm nũng, đáng yêu

C. Từ gọi tả vẻ mặt trông như sệ xuống, nặng ra lúc hờn dỗi hay lúc có gì đó thất vọng, buồn

D. Tỏ thái độ ôn hòa sau khi có thái độ gay gắt

Câu 6: Khi ý nghĩ cho áo bông thoáng qua trong trí, Sơn đã làm gì?

A. Lập tức về nhà lấy áo cho Hiên

B. Lưỡng lự suy nghĩ thật kĩ rồi về lấy áo

C. Bảo chị Lan về nhà lấy áo

D. Rủ chị Lan về lấy áo cho Hiên

Câu 7: Việc Sơn đi đòi lại áo từ Hiên có phải là biểu hiện của sự vô tâm không?

A. Có. Vì Sơn đã đòi lại niềm hạnh phúc của Hiên.

B. Có. Vì Sơn đã thay đổi quyết định, đùa cợt Hiên.

C. Không. Vì đây là tâm lí thường tình của trẻ con.

D. Không. Vì áo của Sơn, Sơn có quyền đòi lại.

Câu 8: Văn bản Gió lạnh đầu mùa thuộc thể loại nào?

A. Truyện ngắn

B. Truyện vừa

C. Truyện dài

D. Tiểu thuyết

Câu 9: Tại sao Sơn lại nghĩ đến việc đem chiếc áo bông của em Duyên cho Hiên?

A. Hiên và Duyên là bạn chơi với nhau

B. Hiên trạc tuổi Duyên nên chắc sẽ mặc vừa áo Duyên

C. Vì Duyên đã mất không cần dùng áo nữa

D. Vì Hiên mặc áo rách, bị rét, Sơn rất thương

Câu 10: Cảm nhận của em về Sơn sau khi đọc xong tác phẩm này?

A. Sơn sống trong gia đình có điều kiện nên rất hào phóng

B. Sơn là một cậu bé có tâm hồn đa cảm và giàu lòng trắc ẩn

- C. Sơn là một cậu bé con nhà giàu nhưng không kênh kiêu
D. Sơn đem cho cái áo cũ để mẹ không còn nhớ đến em Duyên nữa

Câu 11: Cách kết thúc truyện của Thạch Lam là...

- A. Là một kết thúc bất ngờ mà trọn vẹn
B. Là một kết thúc mở, khiến người đọc phải suy đoán nhiều
C. Là một kết thúc trọn vẹn, hoàn hảo
D. Là một kết thúc đột ngột khi sự việc chưa được giải quyết

Câu 12: Biểu hiện nào sau đây không cho thấy mẹ Sơn là một người có tấm lòng yêu thương?

- A. Yêu thương, chăm sóc Sơn và chị Lan
B. Rơm rớm nước mắt khi nhớ về Duyên
C. Cho mẹ Hiền vay tiền mua áo mới

D. Đi ăn tiệc chưa phát hiện ra việc Sơn cho Hiền áo ấm

2. Dạng Đọc - Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“...Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa vớ, chứ không kiêu kỳ và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, con Xuân, con Tý, con Túc sán gần giương đôi mắt ngấm bộ quần áo mới của Sơn. Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách và nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại, và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng lại run lên, hàm răng đập vào nhau.

Thằng Xuân đến mó vào chiếc áo của Sơn, nó chưa thấy cái áo như thế bao giờ. Sơn lật vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. Một đứa tắc lưỡi, nói:

- Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ.

Đứa khác nói:

- Ngày trước thầy tao cũng có một cái áo như thế, về sau bán cho ông lý mất.

Con Túc ngây ngô giương đôi mắt lên hỏi Sơn:

- Cái này cậu mua tận Hà Nội phải không?

Sơn ưỡn ngực đáp:

- Ở Hà Nội, chứ ở đây làm gì có. Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo len nhiều tiền hơn nữa kia.

Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

- Sao không lại đây, Hiền? Lại đây chơi với tôi.

Hiền là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

- Sao áo của mày rách thế Hiền, áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu nói:

- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

- Sao không bảo u may may cho?

Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

- Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui”...

(Trích Gió lạnh đầu mùa, Thạch Lam)

Câu 1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2: Xác định phó từ trong câu sau: “Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà.”

Câu 3: Qua đoạn trích, em cảm nhận được nhân vật Sơn và chị Lan là người như thế nào?

Câu 4. Em đã gặp tình huống tương tự Sơn và chị Lan chưa. Nếu là em, trong hoàn cảnh đó em sẽ làm gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Đoạn trích được kể theo ngôi thứ 3

Câu 2: Xác định phó từ trong câu sau: “Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở vườn nhà.” Phó từ là: cũng

Câu 3: Qua đoạn trích, em cảm nhận được nhân vật Sơn và chị Lan là những người tốt bụng, trong sáng và giàu tình yêu thương.

Câu 4. HS trả lời theo trải nghiệm và suy nghĩ của bản thân.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“...Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

- Sao áo của mày rách thế Hiên, áo lành đâu không mặc?

Con bé bịu xịu nói:

- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

- Sao không bảo u may may cho?

Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiên đùa nghịch ở

vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

- Ừ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui”...

(Trích Gió lạnh đầu mùa, Thạch Lam)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.

Câu 2: Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên. Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận điều gì ở nhân vật ?

Câu 3: Tại sao khi chị Lan về lấy áo cho Hiên, Sơn lại thấy lòng ấm áp, vui vui?

Câu 4: Em đã bao giờ giúp đỡ người khác chưa, em có thể kể 2 việc làm cụ thể của mình ?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên: Tự sự

Câu 2:

- Chỉ ra các câu văn miêu tả ý nghĩ của Sơn khi Sơn nhớ ra cuộc sống nghèo khổ của mẹ con Hiên: Nghe cái Hiên “*bịu xiu*” nói với chị Lan là “*hết áo rồi, chỉ còn cái áo này*”, bấy giờ Sơn mới chợt nhớ ra “*mẹ cái Hiên rất nghèo, chỉ có nghề mò cua bắt ốc thì lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa*”.

- Những suy nghĩ, cảm xúc ấy giúp em cảm nhận ở nhân vật: Sơn (và chị) đều là những đứa trẻ sống giàu tình thương, tốt bụng, trong sáng, đáng yêu, giàu lòng trắc ẩn.

Câu 3: Khi chị Lan về lấy áo cho Hiên, Sơn lại thấy lòng ấm áp, vui vui:

- Sơn thương Hiên vì thấy bạn đang rất rét. Khi chị về lấy áo ấm cho bạn, Sơn cảm thấy hạnh phúc vì đã giúp đỡ bạn, yên tâm vì bạn mình sẽ đỡ lạnh khi có áo ấm.

Câu 4: HS kể 2 việc làm cụ thể của mình đã giúp đỡ người khác:

Chấp nhận nhiều đáp án khác nhau, miễn là HS biết kể những hành động việc làm cụ thể để giúp đỡ người khác.

3. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

Trong cuộc đời mỗi người, kỉ niệm trong sáng của tuổi học trò, nhất là buổi tựu trường đầu tiên, thường được ghi nhớ mãi mãi Để diễn tả dòng cảm nghĩ này, một nhà văn

viết : "Hàng năm cứ vào cuối thu, là ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm mơn man của buổi tựu trường. Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng ... Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi không biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè núp dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng tôi lại tưng bừng rộn rã. Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học..."

(Trích Ngữ văn 8, tập một - NXB Giáo dục, 2016)

Câu 1: Văn bản được viết theo thể loại nào? Nêu chủ đề của văn bản?

Câu 2. Câu: "Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng." sử dụng biện pháp tu từ nào? Nếu hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ đó trong việc biểu đạt nội dung.

Câu 3: Theo tác giả, buổi học đầu tiên có ý nghĩa như thế nào đối với bản thân mỗi con người?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Thể loại: Truyện ngắn

- Chủ đề: Những kỉ niệm trong sáng của nhân vật tôi trong buổi tựu trường đầu tiên

Câu 2: - Phép so sánh: Hình ảnh cành hoa tươi biểu trưng cho cái đẹp, cái tinh hoa tinh túy, cái đáng yêu, đáng nâng nui của tạo hoá ban cho con người. Dùng hình ảnh cành hoa tươi tác giả nhằm diễn tả những cảm giác, những rung động trong buổi đầu tiên thật đẹp đẽ, đáng yêu, đáng nâng niu vô cùng.

- Phép nhân hoá: Hoa mỉm cười diễn tả niềm vui, niềm hạnh phúc tràn ngập rạo rực và cả một tương lai đẹp đẽ đang chờ phía trước. Rõ ràng những cảm giác, cảm nhận đầu tiên ấy sống mãi trong lòng "tôi" với bao tràn ngập hy vọng về tương lai.

Câu 3: Đối với câu hỏi này, học sinh cần dựa vào nội dung của văn bản đưa ra để trình bày cảm nhận của mình, diễn đạt lại theo ý hiểu của bản thân về ý nghĩa của ngày đầu tiên đi học. Việc cảm nhận vừa mang tính khách quan là những điều mà tác giả kể lại, vừa mang tính chủ quan là những tình cảm, cảm xúc thực tế của học sinh.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

"Thằng Tý hay đem cho bố tôi những trái ổi. Nó trèo cây giỏi lắm, nhà nó có một vườn ổi. Những trái ổi to được nó lựa chọn để dành cho bố đều có bịch ni lông bọc lại đàng hoàng. Những trái ổi như thế bao giờ cũng vừa to vừa mềm, cắn vào rất đã. Bố tôi ít khi nào ăn ổi, nhưng vì nó, bố ăn:

Tôi hỏi:

- Sao bố kính trọng nó quá vậy?

Bố cười xoa:

- Không phải đâu, bố không cưỡng lại được trước món quà. Một món quà bao giờ cũng đẹp.

Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó.

(Trích Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ, Nguyễn Ngọc Thuần)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên.

Câu 2. Nhân vật Tý trong đoạn trích đã đem cho bố của nhân vật “tôi” những quả ổi như thế nào? Điều đó cho thấy tình cảm gì của Tý?

Câu 3. Em hiểu như thế nào về câu nói: “Một món quà bao giờ cũng đẹp. Khi ta nhận hay cho một món quà, ta cũng đẹp lây vì món quà đó”?

Câu 4. Qua đoạn trích, em hãy rút ra bài học về cách ứng xử trong cuộc sống và lí giải.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Tự sự

Câu 2 :

- Nhân vật Tý trong đoạn trích đã đem cho bố của nhân vật “tôi” những quả ổi to đều có bịch ni lông bọc lại đàng hoàng. Những trái ổi vừa to vừa mềm, cắn vào rất đã.

- Qua món quà giản dị mà Tý dành tặng bố của nhân vật “tôi”, có thể thấy Tý là chú bé đáng yêu, biết quan tâm yêu thương người khác, biết trân trọng nâng niu những món quà mà đem tặng người khác.

Câu 3 : Câu nói của nhân vật bố có thể hiểu: món quà chính là tình cảm, tấm lòng của người tặng đã gửi gắm vào đó nên món quà dù lớn hay nhỏ đều đẹp. Cách chúng ta nhận, trân trọng món quà của người tặng cũng thể hiện nét đẹp của chính mình.

Câu 4 : HS rút ra bài học của bản thân. Có thể nêu:

- Khi tặng ai món quà gì, ta cần đặt tâm huyết vào món quà. Dù món quà không có giá trị vật chất cao nhưng nếu ta tặng bằng cả tấm lòng thì món quà đó vẫn là món quà có ý nghĩa thực sự.

- Cần trân trọng, biết ơn tình cảm, tấm lòng của người khác dành cho mình, dù thích hay không thích món quà, chúng ta cũng không nên từ chối hay khước từ người tặng bởi đó là tình cảm, tâm huyết mà họ đã dành cho chúng ta.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu

Quà tặng cuộc sống

“Anh dừng lại mua hoa để gửi hoa tặng mẹ qua đường bưu điện nhân ngày 8/3. Mẹ anh sống cách chỗ anh ở khoảng 300km. Khi bước ra khỏi xe, anh thấy một bé gái đang đứng khóc bên vỉa hè. Anh đến và hỏi nó sao lại khóc.

– Cháu muốn mua một bông hoa hồng để tặng mẹ cháu – nó nức nở – nhưng cháu chỉ có 75 xu trong khi giá bán hoa hồng đến 20 dola.

Anh mỉm cười và nói với nó:

– Đến đây chú sẽ mua cho cháu.

Anh liền mua cho cô bé và đặt một bó hồng gửi cho mẹ anh. Xong xuôi, anh hỏi cô bé có cần đi nhờ xe về nhà không. Nó vui mừng nhìn anh trả lời:

– Dạ, chú cho cháu đi nhờ đến nhà mẹ cháu.

Nó chỉ đường cho anh lái xe đến một nghĩa trang, nơi có phần mộ vừa mới đắp. Nó chỉ vào ngôi mộ và nói:

– Đây là nhà của mẹ cháu.

Nói xong, nó ân cần đặt bông hoa hồng lên mộ. Tức thì anh quay lại tiệm bán hoa hủy bỏ dịch vụ gửi hoa và mua một bó hoa hồng thật đẹp. Suốt đêm đó anh đã lái xe một mạch 300km về nhà để trao tận tay mẹ bó hoa.”

(Quà tặng cuộc sống)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản

Câu 2. Theo em hai nhân vật: em bé và anh thanh niên, ai là người con hiếu thảo? Vì sao?

Câu 3. Tại sao người thanh niên lại hủy điện hoa để cả đêm lái xe về trao tận tay mẹ bó hoa?

Câu 4. Thông điệp mà văn bản muốn gửi lại cho chúng ta là gì?

Câu 5. Đọc xong văn bản trên, anh/chị nghĩ đến câu tục ngữ hay ca dao nào? Hãy ghi lại câu tục ngữ hay ca dao đó.

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Tự sự

Câu 2. Trong câu chuyện trên, cả cô bé và anh thanh niên đều là những người con hiếu thảo. Vì cả hai người đều nhớ đến mẹ, đều biết cách thể hiện lòng cảm ơn đến mẹ. Tuy nhiên hành động cảm ơn của hai người lại bộc lộ theo hai cách khác nhau. Mẹ cô bé đã mất, cô vẫn muốn tự tay đặt bó hoa hồng lên mộ mẹ. Anh thanh niên cũng muốn tặng mẹ hoa nhưng vì xa xôi nên muốn dùng dịch vụ gửi quà. Nhưng sau khi chứng kiến tình cảm của cô bé dành cho mẹ anh đã nhận ra được ý nghĩa thực sự của món quà.

Câu 3. Người thanh niên hủy điện hoa vì anh được đánh thức bởi hành động cảm động của cô bé. Vì anh hiểu ra rằng, bó hoa kia không mang lại hạnh phúc và niềm vui bằng việc anh xuất hiện cùng với tình cảm chân thành của mình dành cho mẹ. Và điều mẹ cần ở anh là thấy anh mạnh khỏe, an toàn. Đó là món quà ý nghĩa nhất với mẹ.

Câu 4. Thông điệp mà văn bản muốn gửi lại cho chúng ta là: cần yêu thương trân trọng đáng sinh thành, nhất là người mẹ đã chịu nhiều vất vả, hi sinh. Trao và tặng là cần thiết nhưng trao và tặng như thế nào mới là ý nghĩa là điều mà không phải ai cũng làm được.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Hà lân la đến làm quen với ông họa sĩ.

- Ông ơi! Sông quê cháu nước trong ông nhỉ?

Trong, đẹp lắm cháu ạ, cháu lại đây trông ông vẽ có giống không?

- Ôi! Giống quá, mà ông... ông còn cho nó chờ bao nhiêu là thứ, ông có vẽ được hoa này không?

Từ nãy đến giờ đến bên ông. Hà cầm sẵn một cành hoa mận trong tay màu trắng tinh ngất ở trước sân nhà. Hà giờ lên cho ông họa sĩ:

- Ông vẽ nó vào đi ông, ông vẽ nữa, cháu ngắt cho ông. Hay cháu dẫn ông đi, quê cháu nhiều hoa đẹp lắm cơ ông ạ.

Họa sĩ một mình lặng lẽ ngồi vẽ từ sáng, giờ có cô bạn nhỏ đến, ông thấy vui hơn. Hai ông cháu dắt nhau ra dọc bờ sông tìm các loại hoa. Hoa nào Hà cũng có một câu chuyện riêng về nó để kể cho ông nghe.

- Hoa cải vùng này ông ạ, cháu thích lắm nhưng mẹ cháu không cho hái, mẹ nói để nó đậu quả mà làm giống. Làm giống làm gì ông nhỉ? Cháu thì cháu thích nó vàng tươi để ông đến hút mật thích lắm cơ. Ông đã thấy ông đậu hoa cải bao giờ chưa?

- Ông đậu trên các loại hoa, công việc của nó cũng giống như cháu quét nhà trông em cho mẹ ấy.

- Ông có biết hoa bèo này không ông? Cháu thích màu tím bồng bồng trên nước lã, cơ mà mẹ cháu lại chúa ghét.

- Vì sao?

- Vì ra hoa là bèo già rồi phải không ông – mẹ bảo bèo già lợn ăn không ngon, lợn nhai mãi răng lãm...

Cứ thế hai ông cháu hết đi lại ngồi.

Một lần họa sĩ giăng tám bản vẽ bồi giấy trắng ra. Hà như bị thu hút vào đấy hết.

- Ông ơi! Cháu ước có chiếc áo hoa như thế này thì đẹp lắm ông nhỉ.

- Thì cháu chả đang mặc áo hoa đấy là gì!

- Ôi! Cái này thì chán lắm.

- Sao lại chán, thế cháu có biết hoa này tên gọi là hoa gì không?

- Cháu chịu, hoa ấy ở tận nước nào xa xăm lãm, có cả hoa ở chỗ bác Thọ hay đi họp nữa đấy, anh cháu bảo thế. Anh bảo quê cháu không có thứ hoa này. Mặc áo hoa mà chẳng biết hoa ấy ở đâu thì chán ông nhỉ. Cháu ước có một chiếc áo hoa toàn thứ hoa ở quê cháu. Có cành này, lá này, có các loài vật nữa cháu càng thích.

Họa sĩ gật đầu. Ông hiểu ý của Hà nhiều hơn bé nói. Ông nhớ lại đã bao nhiêu lần ông đặt giá vẽ lên bãi sông này. Và ông đã gặp bao nhiêu cô, chú bé. Có điều là mỗi cô, chú bé đến với ông bằng một cách. Và mỗi đứa cũng rủ rủ với ông bằng một chuyện khác nhau. Thường thì các chú bé thích được ông cho cầm bút vẽ lên giấy. Riêng bé Hà không thế. Bé dẫn chuyện và kể với ông những điều làm ông thích thú đến tò mò. Cô bé có đôi mắt sáng và đôi môi chúm lại vừa kín đáo vừa ngây thơ.

(Trích Người họa sĩ già với chiếc áo hoa - Thúy Bắc)

Câu 1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

Câu 2. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích.

Câu 3: Tìm Phó từ trong câu “Và ông đã gặp bao nhiêu cô, chú bé.”

Câu 4. Theo em, đề tài rõ nhất được nói đến trong đoạn trích là đề tài gì?

Câu 5. Trong đoạn trích, ước mơ của bé Hà là gì. Em có suy nghĩ gì về ước mơ này?

Câu 6. Nhân vật bé Hà có điểm gì giống với em? Câu chuyện của bé Hà mang đến điều gì mà em thích nhất?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Ngôi kể thứ ba

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên là: Tự sự

Câu 3: Phó từ đã

Câu 4: Đề tài về tình cảm của con người với phong cảnh quê hương.

Câu 5: Trong đoạn trích, ước mơ của bé Hà là: ước có một chiếc áo hoa toàn thứ hoa ở quê của bé Hà. Chiếc áo có cành, lá và các loài vật.

Suy nghĩ của em về ước mơ này: ước mơ giản dị, nhỏ bé nhưng thể hiện tình cảm của bé Hà dành cho thiên nhiên, cho quê hương.

Câu 6. Nhân vật bé Hà có điểm gì giống với em? Câu chuyện của bé Hà mang đến điều gì mà em thích nhất? (Hs tự trình bày theo suy nghĩ của mình).

4. Dạng viết ngắn

Đề bài: Viết đoạn văn ngắn cảm nhận về một nhân vật yêu thích trong tác phẩm.

1. Nhân vật Lan

Nhân vật Lan - chị gái của Sơn đã để lại ấn tượng sâu sắc cho tôi khi đọc truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*. Chị Lan được khắc họa trong truyện là một cô bé đảm đang, tháo vát. Hình ảnh Lan dậy từ sớm cùng mẹ ngồi quạt hỏa lò để pha nước chè uống, giúp mẹ lấy thúng áo ra cho em mặc... đã khiến người đọc thấy được điều đó. Nhưng cảm động hơn cả, Lan còn có một trái tim nhân hậu. Đối với em trai, chị luôn hết mực yêu thương. Chị Lan là người gắn bó với Sơn nhất trong gia đình. Với trẻ con trong xóm chợ, Lan luôn hòa đồng và thân thiết. Chính chị Lan cũng là người phát hiện ra Hiên đang đứng ở xa mà không đến chơi cùng mọi người. Chị Lan đã gọi Hiên lại, hỏi thăm rất chân thành. Khi nghe em trai đề nghị đem chiếc áo bông cho Hiên, Lan cũng đồng ý và còn hăm hở chạy về nhà lấy. Ở nhân vật chị Lan vừa có nét ngây thơ hồn nhiên của một đứa trẻ, vừa có nét đảm đang tháo vát của một cô gái mới lớn.

2. Nhân vật Sơn

Trong truyện ngắn *Gió lạnh đầu mùa*, nhân vật Sơn đã để lại nhiều ấn tượng trong lòng người đọc. Sơn là một cậu bé thân thiện, tốt bụng và giàu tình cảm. Điều đó được nhà văn khắc họa qua nhiều chi tiết. Khi mẹ và người vú nhắc đến đứa em gái đã mất, Sơn cảm thấy thương em và nhớ em. Nếu mấy đứa em họ của Sơn đều “kiêu kì và khinh khỉnh” với bọn trẻ con ở khu chợ thì Sơn vẫn tỏ ra dễ gần, thân thiện với chúng. Đặc biệt nhất, khi thấy Hiên - một cô bạn có gia cảnh nghèo khó làm cậu nhớ đến em gái. Sơn đã động lòng thương, nghĩ đến việc sẽ đem chiếc áo bông cũ của em cho Hiên. Điều đó thể hiện Sơn là một cậu bé biết quan tâm, chia sẻ với bạn bè. Nhân vật Sơn tuy chỉ là một đứa trẻ nhưng đã đem đến một bài học về tấm lòng nhân ái

ÔN TẬP VĂN BẢN: CON CHÀO MÀO

(Mai Văn Phan)

I. TÁC GIẢ TÁC PHẨM

1. Tác giả

- Tên: Mai Văn Phan
- Năm sinh: 1955
- Quê quán: Ninh Bình
- Ông sáng tác thơ và viết tiểu luận phê bình. Thơ Mai Văn Phan rất phong phú về đề tài; có những cách tân về nội dung và nghệ thuật; một số bài thơ được dịch ra nhiều thứ tiếng.

Nhà thơ Mai Văn Phan là tác giả Việt thứ 2 giành giải Cikada. Đây là một giải thưởng uy tín, nhiều nhà thơ từng nhận giải Cikada cũng đã được đề cử giải Nobel văn học. Ông được người yêu thơ biết đến với các tập thơ tiêu biểu như: *Hoa giấu mặt* (2012), *Bầu trời không mái che* (2010), *Và đột nhiên gió thổi* (2009), *Hôm sau* (2009), *Người cùng thời* (1999), *Gọi nắng* (1992). Các tác phẩm thơ của ông đã đạt nhiều giải văn học trong nước và quốc tế, được dịch ra 24 ngôn ngữ khác nhau và được chọn in trong nhiều tuyển tập thơ quốc tế. Thơ Mai Văn Phan đa dạng phong cách với nhiều thử nghiệm phong phú. Ông viết nhanh, chớp bắt được những biến đổi của màu sắc đời sống bằng cảm xúc đột khởi mạnh mẽ. Với đặc trưng mang tính truyện, giọng điệu tự sự, khám phá những điều tưởng chừng bông lơn, mang tính trào lộng, châm biếm, nhưng cũng có lúc lại biểu đạt sự huyền bí, thơ mộng. Ông chia sẻ

chân tình về thơ của mình trước người yêu thơ : “*Bài thơ viết ra thì không còn là của mình nữa, mà nó thành một người bạn, người thầy của mình để dạy cho mình biết sống tử tế, khoan hòa hơn. Chính thơ tôi đã thanh lọc tôi*”.

2. Tác phẩm

Xuất xứ: Trích trong tập thơ : “*Bầu trời không mái che*” (2010). Bài thơ được dịch ra tiếng Anh, tiếng Pháp.

- Thể thơ: tự do
- Phương thức biểu đạt: biểu cảm.

Nhân vật trữ tình: Nhân vật “tôi”- nhà thơ

Bố cục: 3 phần

- Phần 1 (3 câu thơ đầu): Hình ảnh con chim chào mào và tiếng hót.
- Phần 2 (10 câu tiếp) Những cảm xúc, ý nghĩ của nhà thơ khi “*vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ*”
- Phần 3: (Còn lại): Hình ảnh và tiếng chim chào mào trong tâm hồn nhà thơ.

II. Phân tích nội dung – nghệ thuật của văn bản theo luận điểm:

a. Khổ 1: Hình ảnh con chim chào mào và tiếng hót

*Con chào mào đốm trắng mũ đỏ
Hót trên cây cao chót vót
triu... uýt... huýt... tu hìu...*

- Hình ảnh chú chim chào mào với những *chiếc lông có đốm trắng, cái mào màu đỏ rực* đang say sưa hót líu lo trên cành cao.
- Tác giả đồng thời đặt định vị trí “*Hót trên cây cao chót vót*” của “nhân vật” này. Ba câu thơ đã mở ra một khung cảnh thanh bình, có thể đó là ban mai trong suốt hoặc hoàng hôn ráng vàng, thanh tịnh. Nó mang đến cho bạn đọc cảm giác yên bình về một khoảng không thiên nhiên thanh sạch, tươi xanh. Đến câu thơ thứ ba của khổ thơ này là một bản ký xướng âm giọng chim đầy thú vị: “triu... uýt... huýt... tu hìu...”.

- Nghệ thuật: hình ảnh thơ chân thực, sống động, ngôn từ cô đọng, hàm súc (bút pháp tả thực)

b. Phần 2 (10 câu): Những cảm xúc, ý nghĩ của nhà thơ khi “*vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ*”

*Tôi vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ
Sợ chim bay đi*

Những ý nghĩ, cảm xúc của nhân vật “tôi” khi nhìn thấy con chim chào mào: khi “*vội vẽ chiếc lồng trong ý nghĩ*”: Nhà thơ đã nghĩ phải nhanh chóng vẽ chiếc lồng cho con chào mào, muôm “độc chiếm”, muốn sở hữu cái đẹp của thiên nhiên.

*Vừa vẽ xong nó cất cánh
Tôi ôm khung nắng, khung gió
Nhành cây xanh hỡi hã đuôi theo*

- Khi “*hỡi hã đuôi theo*” nhân vật “tôi” mang theo cả không gian đầy nắng gió, cây xanh mong nín giữ con chim chào mào và tiếng hót.
- Các hình ảnh “*khung nắng, khung gió*” và cả “*nhành cây xanh*” kia chính là chiếc lồng mà nhà thơ đã vẽ ra trong ý nghĩ. Hành động “*đuổi theo*” con chim lúc này cho thấy vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ được cất cánh, thăng hoa.

*Trong vô tâm tích tôi ngh
Lát nữa chào mào sẽ mổ những con sâu*

*Trái cây chín đỏ
Từng giọt nước
Thanh sạch của tôi*

- Khi không còn thấy tăm tích con chim chào mào, nhân vật “tôi” đã hình dung ra con chim chào mào đang mổ những “con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch” của tôi – những gì mà chim thường ăn. Đó chính là một cách “chuộc lỗi” khi con người hiểu ra rằng con chim chào mào mình yêu quý sẽ chỉ hạnh phúc trong cuộc sống tự do, tự nhiên giữa thiên nhiên,... Từ đó, nhà thơ bộc lộ tình yêu thiên nhiên thực sự và trọn vẹn của mình.

3. Phần 3 (3 câu cuối): hình ảnh và tiếng chim chào mào trong tâm hồn nhà thơ.

triu... uýt... huyết... tu hùi...

*Chẳng cần chim lại bay về
Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ.*

- Hai câu thơ kết khẳng định sự thay đổi trong ý nghĩ, cảm xúc, trong tình yêu thiên nhiên của nhà thơ. Chẳng cần con chào mào bay về nữa, tiếng hót du dương của nó vẫn vang vọng trong tâm hồn ông. Bởi vì nhân vật “tôi” biết ứng xử với thiên nhiên bằng sự tôn trọng và tình yêu chứ không phải bằng mong muốn “độc chiếm”, ích kỉ, hẹp hòi. Tình yêu khiến cho tâm hồn người ta rộng mở, phong phú, tràn đầy niềm vui và sức sống...

- Dòng thơ “triu... uýt... huyết... tu hùi...” được lặp lại 2 lần trong bài thơ. Tác giả đã cho những thanh âm của thiên nhiên điệp khúc, vang lên lần nữa ở cuối bài thơ. Chuỗi âm thanh được nhắc lại trọn vẹn như từng cất lên lần đầu, nhưng bạn đọc lại cảm nhận “con chào mào” đã đi qua một hành trình, từ đơn lẻ tới hòa nhập, từ âm vực có phần lạnh lốt, chói gắt đến phối bè, vang vọng.

3. Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật

- Thể thơ tự do, có những câu thơ lặp lại hoàn toàn gợi âm thanh thiên nhiên với nhiều âm vực ngân vang
- Hình ảnh thơ chân thực, giàu sức gợi.
- Cấu tứ bài thơ lạ, kết thúc mở tạo nhiều dư âm trong lòng người đọc

a. Nội dung

- Bức tranh thiên nhiên trong sáng, khoáng đạt, thanh bình qua vẻ đẹp của con chim chào mào và tiếng chim trong trẻo.
- Tình yêu thiên nhiên của tác giả được thể hiện qua thái độ tôn trọng, qua cách ứng xử của con người với thiên nhiên.

BÀI VĂN THAM KHẢO

Nhắc đến Mai Văn Phấn là nhắc đến một nhà thơ có duyên với thiên nhiên, hòa đồng, đắm sâu trong thiên nhiên. Ông còn được coi là nhà thơ của sinh thái, giàu sắc màu vũ trụ. Bài thơ “Con chào mào” là một trong những tác phẩm tiêu biểu của Mai Văn Phấn thể hiện đầy đủ tinh thần này. Với thể thơ tự do, cấu tứ thơ lạ, xây dựng hình tượng con chào mào là trung tâm của bài thơ, tác giả giúp người đọc cảm nhận bức tranh thiên nhiên trong sáng, khoáng đạt, thanh bình qua vẻ đẹp của con chim chào mào và tiếng chim trong trẻo. Từ đó, bài thơ mở ra một quan niệm mới mẻ về tình yêu thiên nhiên, đó là thái độ tôn trọng, qua cách ứng xử của con người với thiên nhiên.

Mở đầu bài thơ, thi sĩ khắc họa hình tượng con chim chào mào với lời đặc tả gần, khá kĩ:

Con chào mào đốm trắng mũ đỏ
Hót trên cây cao chót vót
triu... uýt... huýt... tu hìu...

Chỉ bằng vài nét vẽ, hình ảnh chú chim chào mào hiện lên vô cùng chân thực, người đọc như đang được nhìn ngắm hình tượng của nó trong một cự li gần nhất. Trước mắt người đọc là hình ảnh chú chim chào mào với những *chiếc lông có đốm trắng, cái mào màu đỏ rực* đang say sưa hót líu lo trên cành cao. Tác giả đồng thời đặt định vị trí “*Hót trên cây cao chót vót*” của “nhân vật” này. Hai câu thơ đã mở ra một khung cảnh thanh bình, có thể đó là ban mai trong suốt hoặc hoàng hôn rắng vàng, thanh tịnh. Nó mang đến cho bạn đọc cảm giác yên bình về một khoảng không thiên nhiên thanh sạch, mát mẻ.

Câu thơ thứ ba của khổ thơ này vang lên như một bản ký xướng âm giọng chim đầy thú vị: “*triu... uýt... huýt... tu hìu...*”. Mỗi lần đọc câu thơ ta như nghe được trực tiếp chuỗi tiếng hót của con chim. Ở đây, tác giả đã ghi lại từng nốt nhạc để sắp đặt trọn vẹn một câu thơ mang giọng chim. Mỗi “nốt nhạc” đều tạo nên giai điệu có độ rung vang khác thường: “*triu... uýt... huýt... tu hìu...*”. Đây không chỉ đơn thuần là tiếng hót huyền diệu của con chào mào, mà là tiếng vọng của thiên nhiên trong khoảng không kì vĩ, bí ẩn. Sự vang vọng của câu thơ thứ ba này được phát ra từ hình ảnh “*đốm trắng mũ đỏ*” và “*cây cao chót vót*” ở trên. Ba câu thơ đầu tạo một bức tranh tràn đầy âm thanh, ánh sáng. Với hình ảnh thơ chân thực, sống động, ngôn từ cô đọng, hàm súc (bút pháp tả thực), nhà thơ phác họa hình tượng chào mào tuyệt đẹp, là biểu tượng của thiên nhiên trong trẻo, sống động đến vô cùng.

Khi nhìn thấy hình ảnh con chim chào mào, nhà thơ có cảm xúc và suy nghĩ ra sao? Từ khổ thơ thứ hai mở ra những suy nghĩ của nhà thơ trong không gian tâm tưởng:

*Tôi vội vẽ chiếc lông trong ý nghĩ
Sợ chim bay đi
Vừa vẽ xong nó cất cánh
Tôi ôm khung nắng, khung gió
Nhàn cây xanh hối hả đuổi theo*

Bất chợt, khi nhìn thấy con chim, cũng là lúc trong tâm hồn thơ Mai Văn Phan có những khoảnh khắc ý nghĩ rất đời thường mà cũng rất thơ: “*Tôi vội vẽ chiếc lông trong ý nghĩ/ Sợ chim bay đi*”. Nhà thơ đã nghĩ phải nhanh chóng vẽ chiếc lông cho con chào mào. Có người đặt ra vấn đề “chiếc lông” của ông được đan bện bằng tưởng tượng với mục đích kìm giữ, nhốt “con chào mào” kia chăng? Không! Chiếc lông của nhà thơ tượng trưng cho khát vọng sở hữu thiên nhiên, phô bày cái đẹp của riêng ông. Và nỗi “*sợ chim bay đi*” chính là nỗi lo cái đẹp biến/ vượt mất. Câu thơ này cho thấy, tác giả khao khát mở rộng “chiếc lông” của ông thành không gian bất tận, muốn để tâm hồn mình bao trùm cả thiên nhiên rộng lớn cho con chào mào khoe sắc và cất tiếng tự do.

Và trong khoảnh khắc “*Vừa vẽ xong nó cất cánh*” thì dường như nhà thơ và con chào mào hóa thân vào nhau. “*Tôi ôm khung nắng, khung gió/ Nhàn cây xanh hối hả đuổi theo*”. Đây là cuộc đuổi bắt ngoạn mục làm hiện lộ vẻ đẹp của con chim và tâm thế của tác giả. Cái “*khung nắng, khung gió*” và cả “*nhàn cây xanh*” kia chính là chiếc lông mà nhà thơ đã vẽ

ra trong ý nghĩ ở khổ thơ thứ hai. Hành động “đuổi theo” con chim lúc này cho thấy vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ được cất cánh, thăng hoa.

*Trong vô tâm tích tôi nghĩ
Lát nữa chào mào sẽ mổ những con sâu
Trái cây chín đỏ
Từng giọt nước
Thanh sạch của tôi*

Khi không còn thấy tấm tích con chim chào mào, nhân vật “tôi” đã hình dung ra con chim chào mào đang mổ những “con sâu, trái cây chín, giọt nước thanh sạch” của tôi. Khổ thơ này khắc họa khá đầy đủ đời sống sinh động của con chào mào. Nó thường ăn những con sâu, trái cây chín, uống nước... Đó chính là một cách “chuộc lỗi” khi con người hiểu ra rằng con chim chào mào mình yêu quý sẽ chỉ hạnh phúc trong cuộc sống tự do, tự nhiên giữa thiên nhiên,... Từ đó, nhà thơ bộc lộ tình yêu thiên nhiên thực sự và trọn vẹn của mình.

triu... uyết... huyết... tu hùu...

Dòng thơ “triu... uyết... huyết... tu hùu...” được lặp lại 2 lần trong bài thơ. Nhà thơ nhấn mạnh điệp khúc những thanh âm của thiên nhiên, tiếng hót trong trẻo của con chào mào lại vang lên lần nữa ở cuối bài thơ. Chuỗi âm thanh được nhắc lại trọn vẹn như từng cất lên lần đầu, nhưng bạn đọc lại cảm nhận “con chào mào” đã đi qua một hành trình, từ đơn lẻ tới hòa nhập, từ âm vực có phần lạnh lốt, chói gắt đến phổi bè, vang vọng.

*Chẳng cần chim lại bay về
Tiếng hót ấy giờ tôi nghe rất rõ.*

Hai câu thơ kết khẳng định sự thay đổi trong ý nghĩ, cảm xúc, trong tình yêu thiên nhiên của nhà thơ. Chẳng cần con chào mào bay về nữa, tiếng hót du dương của nó vẫn vang vọng trong tâm hồn ông. Bởi vì nhân vật “tôi” biết ứng xử với thiên nhiên bằng sự tôn trọng và tình yêu chứ không phải bằng mong muốn “độc chiếm”, ích kỉ, hẹp hòi. Tình yêu khiến cho tâm hồn người ta rộng mở, phong phú, tràn đầy niềm vui và sức sống...

Tóm lại, bài thơ “Con chào mào” là một bài thơ đặc sắc. Về nghệ thuật, bài thơ thành công với thể thơ tự do, có những câu thơ lặp lại hoàn toàn gọi âm thanh thiên nhiên với nhiều âm vực ngân vang, hình ảnh thơ chân thực, giàu sức gợi, cấu tứ bài thơ lạ, kết thúc mở tạo nhiều dư âm trong lòng người đọc. Qua đó, Mai Văn Phấn giúp người đọc cảm nhận được bức tranh thiên nhiên trong sáng, khoáng đạt, thanh bình qua vẻ đẹp của con chim chào mào và tiếng chim trong trẻo. Tình yêu thiên nhiên của tác giả được thể hiện qua thái độ tôn trọng, qua cách ứng xử của con người với thiên nhiên. Bài thơ bồi đắp cho ta tình yêu thiên nhiên và mỗi chúng ta cần suy ngẫm về thái độ ứng xử với thiên nhiên.

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Tác phẩm Con chào mào của tác giả nào?

- A. Thạch Lam
- C. Bùi Mạnh Nhị

- B. Mai Văn Phấn
- D. Xuân Quỳnh

Câu 2: Tác phẩm Con chào mào in trong tác phẩm nào?

- A. Gió lạnh đầu mùa
- C. Ra sân nhặt nắng

- B. Lời ru trên mặt đất
- D. Bầu trời không mái che

Câu 3: Tác phẩm Con chào mào của Mai Văn Phan thuộc thể loại nào?

- A. Tiểu thuyết
B. Thơ
C. Truyện ngắn
D. Truyện đồng thoại

Câu 4: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong bài thơ Con chào mào là phương thức biểu đạt nào?

- A. Tự sự
B. Miêu tả
C. Biểu cảm
D. Nghị luận

Câu 5: Bài thơ Con chào mào của Mai Văn Phan thể hiện điều gì?

- A. Tiếng lòng yêu thiên nhiên cùng sự khao khát tự do của tác giả
B. Niềm tự hào trước vẻ đẹp của quê hương, đất nước
C. Lòng ham sống mãnh liệt, thiết tha
D. Tất cả các đáp án trên

Câu 6: Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ Con chào mào của Mai Văn Phan là:

- A. Thể thơ tự do
B. Bút pháp miêu tả linh hoạt
C. Các biện pháp nghệ thuật ẩn dụ, điệp ngữ... được sử dụng đặc sắc.
D. Tất cả các đáp án trên

Câu 7: Dòng dưới đây miêu tả loài chim nào?

“Loài chim đầu có chòm lông nhọn, tiếng hót trong, cao”

- A. Chim chích bông
B. Chim chào mào
C. Chim vàng anh
D. Chim sâu

2. Dạng đề Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Con chào mào đốm trắng mũ đỏ
Hót trên cây cao chót vót
triu... uýt... huýt... tu hùu...*

*Tôi vội vẽ chiếc lông trong ý nghĩ
Sợ chim bay đi*

*Vừa vẽ xong nó cất cánh
Tôi ôm khung nắng, khung gió
Nhàn cây xanh hối hả đuôi theo*

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên.

Câu 2: Hình ảnh con chào mào được nhà thơ khắc họa ở ba câu thơ đầu như thế nào?

Câu 3: Dòng thơ nào trong đoạn thơ trên “triu... uýt... huýt... tu hùu .. » có tác dụng gì?

Câu 4: Qua đoạn thơ, em thấy mình cần có thái độ ứng xử như thế nào với thiên nhiên?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên: Biểu cảm.

Câu 2: Hình ảnh con chào mào được nhà thơ khắc họa ở ba câu thơ đầu:

- Vị trí: khung cảnh thiên nhiên thoáng đãng, bình yên trên cây cao chót vót
- Màu sắc rực rỡ : đỏm trắng, mũ màu đỏ.
- Âm thanh: hót triu... ụt... huýt... tu hù... Tiếng hót dài, trong trẻo. Đây không chỉ là âm thanh của tiếng chim hót mà còn là âm thanh vang vọng của thiên nhiên

Câu 3:

- Câu thơ “triu... ụt... huýt... tu hù...”,
- Tác dụng: Câu thơ này vang lên như một bản ký xướng âm giọng chim đầy thú vị: “triu... ụt... huýt... tu hù...”. Mỗi lần đọc câu thơ ta như nghe được trực tiếp chuỗi tiếng hót của con chim. Ở đây, tác giả đã ghi lại từng nốt nhạc để sắp đặt trọn vẹn một câu thơ mang giọng chim. Từ đó, nhà thơ đặc tả âm thanh vang vọng của tiếng chim chào mào.

Câu 4: Qua đoạn thơ, em thấy mình cần có thái độ ứng xử như thế nào với thiên nhiên. Tài liệu của Phương Nhung 0794862058

- Tình yêu thiên nhiên không phải bằng những mong muốn ích kỉ, hẹp hòi, mà thể hiện bằng thái độ tôn trọng thiên nhiên.

3. Đọc hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Sớm. Chúng tôi tụ hội ở góc sân. Toàn chuyện trẻ em. Râm ran.

Các... Các... Các...

Một con bồ các^[2] kêu vẳng lên. Cái con này bao giờ cũng vừa bay vừa kêu cứ như bị ai đuổi đánh.

Chị Diệp nhanh nhẩu:

- Bồ các là bác chim ri. Chim ri là dì sáo sậu^[3]. Sáo sậu là cậu sáo đen. Sáo đen là em tu hú. Tu hú lại là chú bồ các,...

Thế thì ra đây mơ, rê má thế nào mà chúng đều có họ với nhau. Họ của chúng đều hiền cả.

Chúng đều mang vui đến cho giới đất. Sáo sậu, sáo đen hót, đậu cả lên lưng trâu mà hót mừng được mùa. Nhà bác Vui có con sáo đen to toẹ học nói. Nó bay đi ăn, chiều chiều lại về với chủ. Con tu hú to nhất họ, nó kêu “tu hú” là mùa tu hú chín; không sai một tẹo nào. Cả làng có mỗi cây tu hú ở vườn ông Tấn. Tu hú đỗ ngọn cây tu hú mà kêu. Quả chín đỏ, đầy ụ như mâm xôi gấc. Tiếng tu hú hiêm ho; quả hết, nó bay đi đâu biệt.

Một đàn chim ngói sạt qua rồi vội vã kéo nhau về hướng mặt trời lặn.

Nhạn tha hồ vùng vẫy tí mây xanh “chéc chéc”.

(Trích Lao xao ngày hè, Duy Khán)

Câu 1: Xác định các phương thức biểu đạt có trong đoạn văn trên?

Câu 2: Theo đoạn trích, vì sao các loài bồ các, chim sáo, chim tu hú được coi là chim hiền? Chúng được miêu tả về những đặc điểm nào?

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn sau:

“Quả chín đỏ, đầy ụ như mâm xôi gấc.”

Câu 4: Em hãy chia sẻ về một hình ảnh hoặc âm thanh thiên nhiên ngày hè mà em ấn tượng.

Gợi ý làm bài

Câu 1: Các phương thức biểu đạt có trong đoạn văn trên: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Câu 2:

- Các loài bồ các, chim sáo, chim tu hú được coi là chim hiền vì chúng đều đem vui đến cho giới đất.
- Để miêu tả các loài chim hiền, tác giả tập trung miêu tả bằng tiếng kêu và tiếng hót”
- + Chim bồ các kêu "váng" lên
- + Cậu sáo sậu, sáo đen đậu lên cả lưng trâu mà hót mừng được mùa.
- + con sáo đen to toệ học nói
- + Con tu hú to nhất họ, nó kêu “tu hú” là mùa tu hú chín

Câu 3:

- Biện pháp tu từ so sánh:
- Cây tu hú (cây vải) khi chín đỏ cây, tán tròn đầy được so sánh với mâm xôi gấc.
- Tác dụng:
 - + Nhấn mạnh vẻ đẹp dễ, đầy sức sống của cây vải khi đến mùa quả chín mỗi khi chim tu hú kêu, từ đó nhấn mạnh thêm vẻ đẹp của bức tranh làng quê khi vào hè.
 - + Cho thấy tình yêu thiên nhiên của nhà văn.
 - + Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm hơn.

Câu 4: HS chia sẻ về hình ảnh, âm thanh thiên nhiên ngày hè ấn tượng. Có thể nêu: ấn tượng về các hình ảnh như hoa phượng đỏ/ cánh đồng hoa sen/cánh đồng lúa chín ngày hè/ cây vải chín đỏ quả,... hoặc âm thanh tiếng chim tu hú/tiếng ve...

- Các loài chim cùng tạo nên bản giao hưởng, bản hoà ca của thiên nhiên, làm cho tâm hồn của con người thoải mái, thêm yêu cuộc sống, vui bất tận mùa hè.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Cả nhà ngồi ăn cơm trong hương lúa đầu mùa từ đồng Chỗ thoáng về, trong tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; trong dàn nhạc ve, trong tiếng chó thũng thảng sủa giăng...

Chúng tôi no nê, rủ nhau giải chiếu ở hiên nhà ngủ cho mát.

Ôi cái mùa hè hiếm hoi. Ngày lao xao, đêm cũng lao xao. Cả làng xóm hình như không ai được ngủ, cùng thức với giới, với đất. Tôi khát khao thắm ước: Mùa hè nào cũng được như mùa hè này!”

(Trích Lao xao ngày hè, Duy Khán)

Câu 1. Xác định và chỉ ra tác dụng của ngôi kể trong đoạn trích trên.

Câu 2. Nhân vật “tôi” đã cảm nhận vẻ đẹp của buổi đêm nơi làng quê bằng những giác quan nào và cảm nhận được những điều gì?

Câu 3. Theo em, tác giả đoạn trích đã thể hiện những cảm xúc gì khi kể về những ngày hè đã qua?

Câu 4. Theo em, vì sao học sinh thường yêu thích và trông đợi mùa hè? Hãy chia sẻ ngắn gọn về một vài việc làm cụ thể của em trong mùa hè vừa qua.

Gợi ý trả lời:

Câu 1.

- Ngôi kể của được sử dụng ở đoạn văn là: Ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “Tôi” (chúng tôi).
- Tác dụng của việc sử dụng ngôi kể thứ nhất của đoạn văn:

+ Tác giả để một nhân vật trong chuyện (là hình bóng của tuổi thơ tác giả) kể lại câu chuyện khiến câu chuyện trở nên chân thực, khách quan, nhân vật có thể bộc lộ rõ nhất tâm trạng, cảm xúc.

+ Việc lựa chọn phù hợp với thể loại hồi kí.

Câu 2. Nhân vật “tôi” đã cảm nhận vẻ đẹp của buổi đêm nơi làng quê bằng thính giác, thị giác và khứu giác:

+ Bằng thính giác để nghe thấy âm thanh của *tiếng sáo diều cao vút của chú Chàng; tiếng ve thành bản nhạc; tiếng chó thủng thủng sủa giăng...*

+ *Thị giác để ngắm thấy ông giăng*

+ *Khứu giác để cảm nhận được hương lúa non từ đồng thoảng vào.*

Câu 3.

Tác giả đã thể hiện cảm xúc vui sướng, hạnh phúc khi được trải qua những mùa hè êm đềm, bình yên ở quê hương

Câu 4.

- Học sinh thường yêu thích mùa hè và trông đợi mùa hè vì đó là khoảng thời gian sẽ được nghỉ ngơi sau một năm học. Mùa hè đến, HS sẽ có nhiều dự định kế hoạch cho kì nghỉ hè ý nghĩa như đi du lịch cùng gia đình; tham gia những trò chơi cùng bạn bè,...

- HS chia sẻ ngắn gọn một vài việc làm của bản thân trong kì nghỉ hè vừa qua: Đi thăm ông bà ở xa; cũng câu cá với bố buổi chiều; thả diều với các bạn,...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Một lần, ở nhà một mình tôi thấy ông trại mà không thể làm gì được. Tôi cũng ném đất vụn lên không nhưng không ăn thua gì. Ông vù vù lên cao, bay mau và mất hút trong chóc lát. Tôi nhìn theo, buồn không nói được. Cái buồn của đứa bé rộng lớn đến bao nhiêu, các thi sĩ, văn nhân đã ai nói đến chưa? Nhìn ông trại đi, tưởng như một mảnh hồn của tôi đã san đi nơi khác. Nơi xa xôi nào đó đã nhận một phần cốt tủy của linh hồn nhà tôi với bấy ông trại? Một thi sĩ phương Tây ngày trước đã nói đúng lắm: những vật vô tri vô giác đều có một linh hồn nó vương vấn với hồn ta và khiến ta yêu mến. Cái tổ ong sau thêm nhà, cái giá đặt đồ ong, từng chậu nước con con ở chân giá xanh lè vì rêu bám: bao nhiêu vật nhỏ nhỏ, vụn vặt mà đã gom góp cho tôi những cảm giác đầu tiên, những cái nhìn ngó đầu tiên vào ý nghĩa cuộc đời và vũ trụ. Và ý thơ cuộc đời, ý thơ vũ trụ, cái xa xôi vắng vẻ sau này ám ảnh tôi, ngày thơ bé tôi đã nghe rồi, mỗi lần ông trại. Linh hồn của đất đá, có phải là một điều bí ẩn của bọn thi nhân đâu.”.

(Thương nhớ bấy ông, trích Hồi kí Song đôi, Huy Cận)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn trích.

Câu 2. Nhân vật “tôi” đã mấy lần dùng từ “linh hồn” trong đoạn trích trên? Cách dùng từ “linh hồn” ở đây có gì khác thường?

Câu 3. Em có nhận xét gì về tình cảm mà nhân vật “tôi” dành cho bấy ông?

Câu 4. Thông điệp ý nghĩa mà em rút ra từ đoạn trích trên. Lí giải.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Câu 2: Tác giả đã sử dụng 3 lần từ “linh hồn”. Từ linh hồn được hiểu là phần tinh thần sâu kín thiêng liêng nhất mang ại sức sống cho con người, sự vật. Thế nhưng trong cảm nhận của

nhân vật “tôi” thì những vật vô tri vô giác, nhỏ nhẹ, vụn vặt như cái tổ ong sau nhà, cái giá đặt đồ ong, chậu nước con ở chân giá... đều có linh hồn khiến cho con người phải nhớ nhung, yêu mến. Ở đây người viết đã sử dụng biện pháp nhân hoá.

Câu 3:

Nhân vật “tôi” có tình cảm yêu mến, gắn bó đặc biệt với bầy ong, khi chúng rời xa, cậu cảm thấy buồn bã, trống trải như mất đi một phần mảnh hồn của mình.

Câu 4: Thông điệp ý nghĩa với bản thân: Những vật vô tri vô giác quanh ta đều có một linh hồn, nó vương vấn với hồn ta và khiến ta yêu mến. Hãy yêu quý và trân trọng thiên nhiên quanh ta.

Vì những điều xung quanh ta tuy gần gũi, quen thuộc nhưng đôi lúc ta không trân trọng. Những điều đó tuy bình dị nhưng đã gắn bó, góp phần nuôi dưỡng tâm hồn ta từ thơ ấu, do đó cần phải trân trọng và biết ơn, luôn hướng về.

4. Dạng Viết ngắn

Đề bài : Viết đoạn văn nêu suy nghĩ về nhân vật tôi trong bài thơ "Con chào mào"

Con chào mào là một bài thơ ngắn gọn mà đặc sắc của tác giả Mai Văn Phan khi viết về thiên nhiên. Cả bài thơ nổi bật với hình ảnh đẹp đẽ của chú chim chào mào trong tự nhiên. Hình ảnh chú chim chào mào với những chiếc lông có đốm trắng, cái mào màu đỏ rực đang say sưa hót líu lo trên cành cao. Tác giả đồng thời đặt định vị trí “Hót trên cây cao chót vót” của “nhân vật” này. Ba câu thơ đã mở ra một khung cảnh thanh bình, có thể đó là ban mai trong suốt hoặc hoàng hôn rắng vàng, thanh tịnh. Nó mang đến cho bạn đọc cảm giác yên bình về một khoảng không thiên nhiên thanh sạch, mát mẻ. Đến câu thơ thứ ba của khổ thơ này là một bản ký xướng âm giọng chim đầy thú vị: “triu... ụt... huýt... tu hìu...”. Đây không chỉ đơn thuần là tiếng hót huyền diệu của con chào mào, mà là tiếng vọng của thiên nhiên trong khoảng không kỳ vĩ, bí ẩn. Sự vang vọng của câu thơ thứ ba này được phát ra từ hình ảnh “đốm trắng mũ đỏ” và “cây cao chót vót” ở trên. Viết những dòng thơ này, hẳn tác giả đã hóa thân vào thiên nhiên để yêu mến và miêu tả thế giới tự nhiên một cách sinh động.

Đề bài: Con chim chào mào đã bay đi rồi, nhưng nhân vật tôi có thể nghe rất rõ tiếng chim hót. Em hãy viết một đoạn văn (5-7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp mà em lưu giữ trong kí ức.

1. Tìm ý:

- Dạng bài: miêu tả cảnh thiên nhiên.
- Lựa chọn đối tượng miêu tả: là cảnh gì? ở đâu? Như thế nào? Cảnh đó có gì nổi bật mà em nhớ mãi.
- Ghi nhanh ra giấy những hình ảnh đang hiện lên kí ức.

Gợi ý đoạn văn: Miêu tả cảnh buổi sáng mùa xuân trên quê hương em.

Buổi sáng mùa xuân trên làng quê tôi mới đẹp làm sao!(1) Khi mặt trời hé khuôn mặt tròn trĩnh chào ngày mới, cả làng quê hiện ra trước mắt tôi tựa như một bức tranh huyền diệu(2) . Sương tan dần, chân trời rộng mở, cánh đồng lúa đang bén hơi xuân biêng biếc một màu xanh, màu xanh ấy vươn mình, trời dậy, trái rộng đến tận chân trời (3). Chị Cò chăm chỉ vẫn khoác tấm áo trắng phau, bì bõm bắt mồi cho đàn con thơ(4). Đâu đó, tiếng chim chào mào, chích chòe ríu ra ríu rít như đang thảo luận nhóm xem “hôm nay bay đến phương trời nào?”(5) . Kệ, gió mơn man đưa vài khóm hoa bưởi đang lên hương trong vườn nhà bác Minh(6) . Hương bưởi thơm như mời mọc ai đó tỉnh dậy mau kéo mùa xuân đi qua mắt!(7)

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT:

Mở rộng thành phần chính bằng cụm từ: Cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.

I. LÝ THUYẾT

1. Vai trò của việc mở rộng thành phần chính bằng cụm từ.

- Thành phần chính của câu có thể là một từ, hoặc một cụm từ.
- Dùng cụm từ làm thành phần chính của câu cung cấp được nhiều thông tin hơn cho người đọc, người nghe.

2. Các loại cụm từ:

a. Cụm danh từ

- Cụm danh từ là tổ hợp từ do danh từ kết hợp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.
- Cấu tạo của cụm danh từ có đầy đủ 3 bộ phận:
- + Các từ đứng trước danh từ trung tâm thường thể hiện số lượng sự vật mà danh từ trung tâm thể hiện: Ví dụ: *các, những, một, tất cả...*
- + Phần trung tâm: danh từ chính.
- + Các phụ ngữ ở phần sau nêu đặc điểm của sự vật mà danh từ biểu thị hoặc xác định vị trí của sự vật ấy trong không gian hay thời gian.

Ví dụ: *tất cả những/ bài hát/ về mẹ ấy*

+ *tất cả những*: PT

+ *bài hát*: PTT

+ *về mẹ ấy*: PS

b. Cụm động từ

- Cụm động từ là loại tổ hợp từ do động từ kết hợp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.
- Cấu tạo của cụm động từ có đầy đủ 3 bộ phận:
- + Các phụ ngữ ở phần trước bổ sung cho động từ các ý nghĩa về quan hệ thời gian, sự tiếp diễn tương tự, khẳng định, phủ định,...
- + Phần trung tâm: động từ chính.
- + Các phụ ngữ ở phần sau bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, cách thức, nguyên nhân, phương tiện,...

Ví dụ: *đang/đùa nghịch /ở sau nhà*

+ *Đang*: PT

+ *đùa nghịch*: PTT

+ *ở sau nhà*: PS

c. Cụm tính từ

- Cụm tính từ là loại tổ hợp từ do tính từ kết hợp với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.
- Cấu tạo của cụm tính từ có đầy đủ 3 bộ phận:
- + Các phụ ngữ phần trước có thể biểu thị sự tiếp diễn tương tự; sự khẳng định hoặc phủ định hành động; mức độ của đặc điểm, tính chất;...
- + Phần trung tâm: tính từ chính.
- + Các phụ ngữ ở phần sau có thể biểu thị vị trí; sự so sánh; mức độ, phạm vi hay nguyên nhân của đặc điểm, tính chất;..

Ví dụ: *vẫn đang/trẻ /như một thanh niên*

+ *Vẫn đang*: PT

+ *trẻ*: PTT

+ *như một thanh niên*: PS

d. Lưu ý:

- Không phải lúc nào các cụm danh từ, cụm tính từ, cụm động từ cũng có cấu tạo đầy đủ như trên. Có thể các cụm từ này chỉ bao gồm: Phụ ngữ trước và phần trung tâm hoặc phần trung tâm và phụ ngữ sau.

Ví dụ: + *rộng/ mệnh mông* cụm tính từ có cấu tạo gồm hai bộ phận: PTT (*rộng*) và PS (*mệnh mông*).

+ *đạp vào các ngọn cỏ* cụm động từ có cấu tạo gồm hai bộ phận: PTT (*đạp*) và PS (*vào các ngọn cỏ*).

+ những cánh đồng cụm danh từ có cấu tạo gồm hai bộ phận: PT (*những*) và PTT (*cánh đồng*). Tài liệu của Phương Nhung 0794862058

– Các cụm danh từ, cụm tính từ, cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn, nhưng hoạt động trong câu như những từ loại chính.

II. LUYỆN TẬP

Dạng 1: Trắc nghiệm: Em hãy lựa chọn một đáp án đúng nhất.

Câu 1. Cụm danh từ là gì?

- A. Còn được gọi là ngữ danh từ, nhóm danh từ, danh ngữ
- B. Là một tập hợp do danh từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành
- C. Cụm danh từ có ý nghĩa cụ thể, chi tiết hơn, có cấu tạo phức tạp hơn danh từ
- D. Cả 3 đáp án trên

Đáp án D

Câu 2. Cụm danh từ gồm mấy phần

- A. 2 phần
- B. 3 phần
- C. 4 phần
- D. 5 phần

Đáp án B

→ Cụm danh từ gồm phần phụ trước, trung tâm và phần phụ sau

Câu 3. Dòng nào dưới đây nêu đúng mô hình cấu trúc của cụm danh từ?

- A. Cụm danh từ có mô hình cấu trúc phức tạp
- B. Cụm danh từ là loại tổ hợp danh từ có mô hình gồm 2 phần: phần phụ trước và phần trung tâm
- C. Cụm danh từ là loại tổ hợp danh từ có 2 phần: phần trung tâm và phần phụ sau
- D. Cụm danh từ là loại tổ hợp danh từ có mô hình cấu trúc gồm 3 phần: phần trước, phần trung tâm, phần sau

Đáp án D

Câu 4. Tìm cụm danh từ, cụm nào đủ cấu trúc ba phần

- A. Một em học sinh lớp 6
- B. Tất cả lớp
- C. Con trâu
- D. Cô gái

Đáp án A

→ Cấu trúc cụm danh từ trên: Một / em / học sinh / lớp 6

Câu 5. Có bao nhiêu cụm danh từ trong đoạn văn sau:

Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng.

A. Hai B. Ba C. Bốn D. Năm

Đáp án C

→ Các cụm từ là: thuyền chúng tôi, kênh Bọ Mắt, con sông Cửa Lớn, sông Năm Căn mênh mông, những đầu sóng trắng, người bơi ếch, hàng đàn đen trũi.

Câu 6. *Cả ba cô con gái* là cụm từ có mấy thành phần?

A. 2 B. 3 C. 4 D. Không xác định được

Đáp án B

→ Cụm từ trên gồm 3 thành phần *Cả/ ba* : thành phần phụ trước; *cô* (thành phần trung tâm); *con gái* (thành phần phụ sau)

Câu 7. Dòng nào sau đây nêu sai đặc điểm của động từ?

A. Thường làm vị ngữ trong câu
B. Có khả năng kết hợp với đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, chớ
C. Khi làm chủ ngữ mất khả năng kết hợp với đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, chớ
D. Thường làm thành phần phụ trong câu

Đáp án: D

Câu 8. Động từ là những từ không trả lời cho câu hỏi nào sau đây?

A. Cái gì? B. Làm gì? C. Thế nào? D. Làm sao?

Đáp án A

→ Danh từ trả lời cho câu hỏi: Cái gì?

Câu 9. Cụm động từ có cấu tạo gồm mấy phần?

A. Gồm 2 phần B. Gồm 3 phần
C. Có thể gồm 2 phần hoặc 3 phần D. Trên 4 phần

Đáp án: C

→ Cụm động từ có thể có 2 phần hoặc 3 phần. Cụm động từ gồm 3 phần: phụ trước, trung tâm, phụ sau. Có thể lược bỏ phần phụ trước, hoặc phụ sau.

Câu 10. Thành phần trung tâm của cụm động từ “còn đang nô đùa trên bãi biển” là gì?

A. Còn đang B. Nô đùa C. Trên D. Bãi biển

Đáp án: B

Câu 11. Trong cụm động từ, các phụ ngữ ở phần phụ trước không có tác dụng bổ sung cho động từ các ý nghĩa nào?

A. Quan hệ thời gian
B. Sự tiếp diễn tương tự
C. Sự khẳng định hoặc phủ định hành động
D. Chỉ cách thức hành động

Đáp án: D

Câu 12. Cho đoạn văn sau: “Lúc đi bách bộ thì cả người tôi rung rinh một màu nâu bóng mỡ soi gương được rất ưa nhìn. Đầu tôi to và nổi lên từng tảng, rất bướng. Hai cái răng đen nhánh lúc nào cũng nhai ngoàm ngoạp như hai lưỡi liềm máy làm việc.”

Có mấy tính từ trong đoạn trích trên?

A. 4 B. 5 C. 6 D. 7

Đáp án: B

→ Tính từ: bóng mờ, ưa nhìn, to, bướng, đen nhánh

Câu 13. Đoạn văn trên có mấy cụm tính từ

- A. 2 B. 3 C. 4 D. 5

Đáp án A

→ Cụm tính từ: rất ưa nhìn, rất bướng

Câu 14. Cụm tính từ gồm mấy thành phần?

- A. Một tập hợp từ gồm tính từ chính, từ ngữ phụ thuộc đứng trước và đứng sau
B. Tập hợp một số từ, có các từ chỉ mức độ (rất, hơi, khi...) chỉ sự phủ định (không, chưa, chẳng...)
C. Gồm 3 phần, phụ ngữ trước, tính từ chính, phụ ngữ sau
D. Cả 3 đáp án trên

Đáp án C

→ Cụm tính từ đầy đủ gồm ba phần: phụ trước, trung tâm, phụ sau. Đôi khi bị lược bớt thành phần phụ sau, hoặc phụ trước.

Câu 15. Tìm cụm tính từ có đầy đủ cấu trúc ba phần?

- A. Khỏe mạnh lắm B. Rất chăm chỉ làm việc
C. Còn trẻ khỏe D. Đang vui

Đáp án: B

→ Cấu trúc của cụm tính từ Rất chăm chỉ làm việc: Rất (phụ trước) / chăm chỉ (trung tâm) / làm việc (phụ sau)

Câu 16. Từ nào dưới đây không phải là tính từ?

- A. Tươi tốt B. Làm việc C. Cần mẫn D. Dũng cảm

Đáp án: B

→ Làm việc là động từ

Câu 17. Tính từ có thể kết hợp với các từ rất, hơi, lắm, quá... để tạo thành cụm tính từ, đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

Đáp án: A

→ Các từ rất, hơi, lắm, quá... kết hợp với tính từ tạo thành cụm tính từ

2. Bài tập tự luận

Bài 1. Đọc kĩ đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu ở dưới:

... Một hôm có hai chàng trai đến cầu hôn. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. Người ta gọi chàng là Sơn Tinh. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về. Người ta gọi chàng là Thủy Tinh...

(Sơn Tinh, Thủy Tinh)

- Hãy giải nghĩa từ tay và cho biết từ tay trong đoạn văn trên được dùng với nghĩa nào.
- Đặt câu có từ tay được dùng với nghĩa chuyên.
- Hãy phát triển từ tay thành một cụm danh từ có đầy đủ các thành phần, chỉ ra các thành phần ấy.
- Cụm từ: vẫy tay về phía đông thuộc loại cụm từ gì?

Bài 2. Cho đoạn văn sau:

Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, Ngọc Hoàng sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

(Thạch Sanh)

Tìm cụm danh từ, cụm động từ và phân tích cấu tạo của các cụm từ.

Bài 3. Cho đoạn văn sau:

... Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chồng bánh của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mộng gặp thần ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế Trời, Đất cùng Tiên vương...

(Bánh chưng, bánh giầy)

a. Tìm cụm động từ, cụm tính từ và phân tích cấu tạo của các cụm từ đó.

b. Xác định từ loại của từ vừa ý. Phát triển từ đó thành cụm từ.

Bài 4. Với từ tính toán, hãy phát triển thành: cụm động từ, cụm tính từ, cụm danh từ.

Bài 5. Viết đoạn văn (tối đa 15 dòng) tả lại một trò chơi dân gian mà em đã tham gia hoặc chứng kiến. Sau đó chỉ ra trong đoạn văn vừa viết một cụm danh từ, một cụm động từ, một cụm tính từ... Tài liệu của Phương Nhung 0794862058

Gợi ý trả lời

Bài 1. a. Giải nghĩa từ tay: là một bộ phận của cơ thể dùng để cầm nắm. Từ tay trong đoạn văn được dùng với nghĩa gốc.

b. Đặt câu có từ tay được dùng với nghĩa chuyển.

Ví dụ: Cô ấy có tay nghề rất giỏi.

c. Phát triển từ tay thành một cụm danh từ có đầy đủ các thành phần:

Ví dụ: Tất cả những/ cánh tay/ mạnh mẽ ấy

+ Tất cả những: PT

+ cánh tay: PTT

+ mạnh mẽ ấy: PS

d. Cụm từ vẫy tay về phía đông thuộc loại cụm động từ.

Bài 2. a. Ví dụ một số cụm danh từ, HS tự tìm và phân tích cấu tạo các cụm danh từ còn lại.

- một/ túp lều/ cũ

+ một: PT

+ túp lều: PTT

+ cũ: PS

Ví dụ một số cụm động từ, HS tự tìm và phân tích cấu tạo các cụm động từ còn lại.

- vừa/khôn lớn

+ vừa: PT

+ khôn lớn: PTT

- sống/ lủi thủi

+ sống: PT

+ lủi thủi: PS

Bài 3. a. Tham khảo phần gợi ý 2.a).

b. Từ loại của từ vừa ý: tính từ.

Phát triển từ vừa ý thành cụm từ, ví dụ: rất vừa ý.

Bài 4. Với từ tính toán

- Phát triển thành cụm động từ: đã tính toán kĩ.
- Phát triển thành cụm tính từ: rất tính toán.
- Phát triển thành cụm danh từ: những tính toán ấy.

Bài tập về nhà: Tìm cụm danh từ trong các câu sau :

a. *Ngày xưa, ở đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân.*

(Con Rồng cháu Tiên)

b. *Bấy giờ ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần.*

(Con Rồng cháu Tiên)

c. *Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong lẫm liệt.*

(Thánh Gióng)

d. *Chẳng bao lâu, tôi đã trở thành một chàng rể thanh niên cường tráng.*

(Tô Hoài)

2. Cho đoạn trích sau đây :

a. "Một hôm, Mã Lương vẽ con cò trắng không mắt. Vì một chút sơ ý, em đánh rơi một giọt mực xuống bức tranh. Giọt mực rơi đúng chỗ mắt cò. Thế là cò mở mắt, xoè cánh, bay đi. Chuyện làm chấn động cả thị trấn. Mấy kẻ mách lẻo đến tố giác với nhà vua. Vua phải triệu thần đến đón Mã Lương về kinh đô. Mã Lương không muốn đi, nhưng bọn họ tìm đủ cách dụ dỗ, dọa nạt để bắt em về hoàng cung". Tài liệu của Phương Nhung 0794862058

(Cây bút thần)

b. "Vua có công chúa vừa đến tuổi lấy chồng. Hoàng tử nhiều nước sai sứ đến hỏi công chúa làm vợ nhưng không ai vừa ý nàng. Nhà vua phải mở một hội lớn cho hoàng tử các nước và con trai trong thiên hạ tới dự, để công chúa trên lầu cao ném quả cầu may : hễ quả cầu rơi trúng người nào, công chúa sẽ lấy người ấy làm chồng. Khi công chúa sắp sửa ném quả cầu, bỗng nàng bị một con đại bàng khổng lồ cắp đi. Đại bàng bay qua túp lều của Thạch Sanh. Trông thấy nó, Thạch Sanh liền dùng cung tên vàng bắn theo".

(Thạch Sanh)

- Tìm các danh từ trong đoạn trích.
- Điền các cụm danh từ đã tìm được vào mô hình cụm danh từ. Các cụm danh từ em vừa tìm được có đầy đủ các phần không ?

4. Có hai tiếng *anh, em* ghép với nhau.

a. Các trường hợp sau, trường hợp nào *anh em* là từ, trường hợp nào *anh em* là cụm từ ? Vì sao ?

- Hai anh em đi đâu mà bây giờ mới về ?
- Anh em ở nhà hay cùng mẹ đi chơi ?
- Anh em đi vắng, chốc nữa sẽ về anh ạ.
- Người đội mũ đỏ là anh em.
- Anh em bộ đội đang sinh hoạt.

b. Thay hoặc thêm các từ thích hợp vào tổ hợp *anh em* trong các câu trên.

5. A. Đặt các cụm danh từ có trung tâm là những danh từ sau đây : *nhân dân, mèo, đồng bào,*

xe, nước, bàn ghế.

b. Thử nhận xét các phụ ngữ trước và sau các danh từ đã cho.

ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT: Viết bài văn kể về một trải nghiệm của em

I. LÝ THUYẾT

1. Yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm

- Được kể từ ngôi thứ nhất
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
- Sắp xếp các sự việc, chi tiết theo một trình tự hợp lý.
- Sử dụng các chi tiết miêu tả cụ thể về thời gian, không gian, nhân vật và diễn biến câu chuyện,
- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể, **rút ra được ý nghĩa, sự quan trọng của trải nghiệm đối với người viết. (yêu cầu này cao hơn ở bài 1)**

2. Hướng dẫn quy trình viết

a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.

* Chọn lựa đề tài

Chọn đề tài mà câu chuyện hướng đến: tình bạn, tình mẹ con, tình yêu quê hương, tình thầy trò,...

Để xác định được đề tài, em có thể hồi tưởng lại những kỉ niệm đáng nhớ. Ví dụ:

- Một kỉ niệm sâu sắc với gia đình, bạn bè.
- Một lỗi lầm của bản thân.
- Khám phá một vùng đất hoặc quyển sách mới.
- Khi chuyển đến một ngôi trường mới, làm quen với bạn mới...

* Thu thập tư liệu

Em hãy tìm tư liệu cho bài viết bằng một số cách sau:

- Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em kỉ niệm sâu sắc.
- Đọc lại câu chuyện *Bài học đường đời đầu tiên*, Nếu cậu muốn có một người bạn và bài văn ở mục tham khảo...để học cách các tác giả kể trải nghiệm của họ.
- Tìm lại những hình ảnh đã lưu giữ có liên quan đến câu chuyện.

b. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

* Tìm ý

- Sự việc chính:

- + Đó là chuyện gì? (tên sự việc được kể)
- + Xảy ra ở đâu ? (nghĩ đến không gian, địa điểm diễn ra câu chuyện định kể)
- + khi nào? (nghĩ đến thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...)

- Nhân vật

+ Những ai đã tham gia vào câu chuyện? (nhân vật ông, bà, bố mẹ, cô giáo, bạnTrừ người thân, các nhân vật cần có tên riêng, lai lịch...)

+ Họ như thế nào? (trang phục, nét ngoại hình nổi bật như vọc dáng, làn da, mái tóc, đôi mắt, nụ cười, giọng nói...)

+ Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì? (nhân vật và em nói chuyện gì, lời nói cụ thể, cử chỉ, hành động của người ấy ra sao...)

- **Cốt truyện:**

+ Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào?

(sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)

- Ý nghĩa: Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy? (Trải nghiệm cho em nhận thức được kiến thức gì, bài học nào sâu sắc).

- Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại? (biểu cảm trực tiếp hoặc gián tiếp)

* **Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**

+ **Mở bài:** Dùng ngôi thứ nhất để kể, giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.

Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc.

+ **Thân bài:** Kể lại diễn biến của câu chuyện theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

+ **Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về câu chuyện vừa kể.

c. Bước 3: Viết

Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về trải nghiệm của mình.

d. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.

- Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

II. THỰC HÀNH VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI TRẢI NGHIỆM

Đề 1: Em hãy kể lại một trải nghiệm sâu sắc về người bạn thân khiến em xúc động và nhớ mãi.

a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.

- Đọc và xác định yêu cầu đề bài, lựa chọn trải nghiệm mà em có ấn tượng sâu sắc về một người bạn.

- Người bạn đó là bạn như thế nào (quen lâu chưa, hay mới quen, điểm nổi bật về bạn mà em ấn tượng: về ngoại hình, sở thích, tính cách...)

- Nhớ lại các chi tiết về trải nghiệm: trải nghiệm gì? Diễn ra ở đâu, khi nào? Diễn ra như thế nào? Đây là cao trào, đỉnh điểm của câu chuyện?

- Cảm xúc, suy nghĩ của em qua trải nghiệm,

- Tìm các tư liệu, tranh, ảnh liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết).

b. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

* **Tìm ý**

- **Sự việc chính:**

+ Đó là sự việc: Bạn tặng em quyển truyện em mơ ước và nói lời từ biệt để cùng gia đình lên thành phố sinh sống

+ không gian, địa điểm diễn ra: sân trường ở buổi tổng kết cuối năm học lớp 5, ghế đá, hàng cây, hoa phượng, cái im lặng của buổi cuối cùng trong năm học, trong khoảng khắc chỉ còn lại mấy học sinh cuối cùng ra về...

+ thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...

- **Nhân vật**

+ Hình ảnh người bạn em hiện lên như thế nào trong em (vóc dáng, trang phục, mái tóc, ...thân quen ra sao?)

+ Em và bạn đã có lời nói, hành động, cử chỉ việc làm của bạn làm em xúc động, nhớ mãi?

- **Cốt truyện:**

+ Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào?

(sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)

- Ý nghĩa: Trải nghiệm về bạn giúp cho em nhận ra ý nghĩa của tình bạn,

- Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại: xúc động, hạnh phúc, sung sướng...

* **Lập dàn ý**

- **Mở bài:** Giới thiệu nhân vật và trải nghiệm: Người bạn thân tên là gì, bạn thân từ bé hay mới quen biết; trải nghiệm gì sâu sắc về tình bạn: về món quà bạn tặng và lời nói chia tay bất ngờ

- **Thân bài:**

Ý 1: Kể khái quát những đặc điểm, ngoại hình, tính cách của bạn

Ý 2: Kể lại kỉ niệm về người bạn thân khiến em xúc động, nhớ mãi: diễn biến của câu chuyện theo trình tự nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)

+ Kỉ niệm gì? (chọn bất kì một kỉ niệm sâu sắc như được bạn giúp đỡ, mắc lỗi với bạn, hiểu lầm, hoặc được bạn tặng món quà ấp ủ từ lâu...

+ Kỉ niệm diễn ra theo trình tự thời gian: trong buổi tổng kết năm học lớp 5, lúc nhặt cánh phượng làm trò chơi, lúc bạn tặng truyện, chia tay...

+ Không gian: sân trường, ghế đá, hoa phượng rơi....

+ Kỉ niệm ấy diễn ra như thế nào? (em rơi vào hoàn cảnh nào? Bạn đã làm gì cho em hoặc ngược lại, để em cảm nhận được tình bạn. Biết bộ lộ cảm xúc của mình về trước, trong, sau khi sự việc diễn ra. Từ tâm trạng vui sướng cùng nhau nhặt hoa phượng làm trò chơi, đến xúc động nhận được quà từ bạn. Rồi đến sự hẫng hụt chơi vui khi biết bạn sắp chuyển đi nơi khác. Chấp nhận xa cách để tình bạn vượt lên hoàn cảnh sống, biến khó khăn cách trở thành động lực vươn lên trong tương lai.

+ Bài học sâu sắc cháu nhận ra: Ý nghĩa của tình bạn là yêu thương, chia sẻ, chấp nhận sự khắc nghiệt của hoàn cảnh, biết ước mơ hướng tới tương lai tốt đẹp

- **Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về người bạn thân và kỉ niệm.

Bài viết tham khảo:

Tôi và Hoa là đôi bạn thân, ai cũng bảo thế vì chúng tôi lớn lên bên nhau, luôn yêu thương và giúp đỡ nhau. Giữa chúng tôi có muôn vàn kỉ niệm, nhưng kỉ niệm làm tôi nhớ

nhất đó à tôi nhận được món quà Hoa tặng và lời nói chia tay bất ngờ của Hoa để Hoa cùng gia đình đi làm ăn xa.

Nhắc đến Hoa của tôi, tôi tự hào về nó lắm. Nó không những học giỏi mà còn rất đáng yêu. Hoa luôn được các bạn mệnh danh là “cây Toán” của cả lớp. Điều đó cũng dễ hiểu vì Hoa luôn là người có ý tưởng hay nhất, ngắn nhất cho những bài toán hóc búa của cô giáo. Còn tôi, lại nghiêng về văn và được các bạn ưu ái gọi là “nàng thơ”. Không phải tôi biết làm thơ mà tôi hay được cô giáo gọi đọc bài cho cả lớp nghe và thỉnh thoảng bài văn của tôi được cô khen ngợi. Nhưng môn toán của tôi thì tệ lắm, nên Hoa luôn sẵn lòng giảng giải cho tôi từng ly từng tí. Những lúc nhìn nó giảng bài mà tôi nghĩ thầm đến việc mai sau “Chắc cậu sẽ là cô giáo dạy toán giỏi nhất đấy!”. Những lúc giảng bài cho tôi, nó thường nở nụ cười hiền hậu hỏi “Hiểu chưa đồng chí?” và khi nào tôi “gật” “gật” lia lịa nó mới chịu đi chơi. Lúc chơi trò chơi, Hoa luôn sáng tạo, khi thì nó làm bà bán hoa xinh đẹp, có cái khăn mùi xoa buộc chéo trên trán trông rất đáng yêu. Khi thì nó biến thành cảnh sát truy lùng “tên trộm” lẫn trốn là tôi. Mà lạ thay! Tôi trốn ở đâu Hoa cũng tìm ra. Lúc tìm ra nhau, chúng tôi phá lên cười ròn rã, tựa như người ta vừa xem một vở hài kịch. Thỉnh thoảng, chúng tôi đi thả diều trên đồi khi chiều về, có lúc lại cùng hay tập nhảy hip-hop để chuẩn bị cho cuộc thi nào đó trên lớp. Chao ôi! Nhiều kỉ niệm lắm!

Tình bạn giữa chúng tôi cứ lớn dần theo năm tháng trong êm đềm. Cho đến một hôm, đó là buổi tổng kết cuối năm học lớp 5. Một buổi tổng kết đầy ý nghĩa và xúc động, khi cả hai chúng tôi cùng nắm tay nhau lên bục nhận giấy khen trong ánh mắt ngưỡng mộ của các bạn trong lớp. Với tôi, đây là lần đầu tiên, mà tất cả là nhờ “cô giáo Hoa” của tôi đã giúp tôi tiến bộ từng ngày. Buổi tổng kết năm học kết thúc, tôi và Hoa ở lại nhận nhiệm vụ vệ sinh lớp học lần cuối nên tôi và nó nán lại ở sân trường. Và tôi cũng có “âm mưu”. Tôi cho Hoa một bất ngờ. Đó là tôi lén nhặt đến chục cánh hoa phượng đỏ thắm, rồi ép vào vở, tự nhủ sẽ tặng Hoa vào hôm kết thúc năm học. Tôi và Hoa ngồi xuống ghế đá, hít hà thật sâu để cảm nhận cái tĩnh lặng hiếm có của sân trường. Tôi khẽ mở cặp sách và “bật mí” cho Hoa về món quà tự tay làm. Mấy bông hoa phượng, hoa phi điệp, cỏ dại tôi dán thành một tấm thiệp xinh xắn.

- Tặng Hoa này, tớ tự làm đấy. Cậu có thích không?
- Ôa! Đẹp thế! Minh khéo tay thế!

Hoa vừa ngắm nghía tấm thiệp, vừa mỉm cười rất tươi, đưa ánh mắt đen láy nhìn tôi. Hoa thì thầm hỏi:

- Sao cậu biết tớ thích hoa phượng?

Tôi nhặt cánh phượng rơi từ sân trường lên, khẽ xoay tròn, cánh phượng quay tít tạo ra những vòng xoay nom vui mắt, tôi trả lời Hoa:

- Hoa phượng là hoa của học trò, màu đỏ của nó raatts đẹp đúng không? Minh cũng rất thích!

Hoa nhìn tôi có vẻ nghĩ ngợi. Rồi bất ngờ, nó rúi vào tay tôi một quyển truyện mới cóng của Nguyễn Nhật Ánh “Tôi là Bê- Tô”. Cái quyển truyện mà tôi mơ ước nhưng tôi chưa dám xin mẹ tôi, vì tôi biết, mẹ tôi vất vả kiếm tiền nuôi bốn miệng ăn đã mệt rồi. Hoa thì thầm:

- Tặng cậu!

Ôi , ở đâu tiền mà mua cho tớ thế? Không, tớ không dám lấy đâu. Tuy nói vậy tôi nhưng lòng tôi đã thấy tung bừng vì những trang văn của Nguyễn Nhật Ánh. Chưa trả lời tôi, Hoa điểm thêm vài câu làm tôi điếng cả người:

- Minh à, nhà tớ sẽ chuyển vào Nam nay mai thôi. Bố tớ đang về đón...

Tôi không thể tin vào điều đó. Tại sao chúng tôi phải xa nhau. Hoa đi rồi, tôi sẽ đi học cùng ai, chơi với ai. Sau giây phút xúc động vì được cầm quyển truyện mơ ước, tim tôi thấy nhói đau. Thảo nào, mấy hôm nay, Hoa có cái gì khác, nó không vui vẻ, mà đôi lúc rất trầm tư. Tôi hoang mang quá, nhưng sợ nó buồn nên trấn tĩnh bảo:

- Ủ. Bọn mình cần ở với bố mẹ.

Hoa nắm tay tôi. Cả hai im lặng, mấy chú ve được cất tiếng hát da diết. “Ủ, phải đi cùng bố mẹ! Cuộc sống sẽ tốt đẹp hơn ở vùng quê nghèo này!” Tôi thì thầm như thế, và tự an ủi lòng. Rồi đến tuần sau, nhà Hoa chuyển đi Nam thật. Hoa đi, tôi không dám tiễn.

Từ đấy, chúng tôi chia tay nhau. Thỉnh thoảng bọn tôi viết thư tay, hoặc lên lấy điện thoại của mẹ để nhắn tin cho nhau. Vẫn là những câu chuyện về bạn bè, về trò chơi, bài toán khó. Trong xa cách, tôi càng mạnh mẽ và tin tưởng vào tình bạn với Hoa. Dù ở xa nhau, nhưng chỉ cần tin tưởng, vui vẻ, hài lòng về nhau là chúng tôi cùng cảm thấy hạnh phúc!

Kể lại kỉ niệm về Hoa cũng làm lòng tôi ấm lại. Chúng tôi hứa cùng nhau học thật chăm để gặp nhau ở giảng đường đại học. Hoa hứa, đến hè, gia đình cậu ấy sẽ về thăm quê, lúc đó chúng tôi lại đi thả diều, hái hoa dại, chơi bán hàng...

ÔN TẬP NÓI VÀ NGHE:

Kể lại một trải nghiệm của bản thân

1. Yêu cầu đối với bài văn kể một trải nghiệm

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất.
- Giới thiệu được trải nghiệm đáng nhớ.
- Tập trung vào sự việc đã xảy ra.
- Sắp xếp sự việc theo một trình tự hợp lí
- Thể hiện được cảm xúc của người viết trước sự việc được kể.

2. Hướng dẫn quy trình viết:

a. Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.

*** Chọn lựa đề tài**

Chọn đề tài mà câu chuyện hướng đến: tình bạn, tình mẹ con, tình yêu quê hương, tình thầy trò,...

Để xác định được đề tài, em có thể hồi tưởng lại những kỉ niệm đáng nhớ. Ví dụ:

- Một kỉ niệm sâu sắc với gia đình, bạn bè.
- Một lỗi lầm của bản thân.
- Khám phá một vùng đất hoặc quyển sách mới.
- Khi chuyển đến một ngôi trường mới, làm quen với bạn mới...

*** Thu thập tư liệu**

Em hãy tìm tư liệu cho bài viết bằng một số cách sau:

- Nhớ lại những sự việc, trải nghiệm đã để lại cho em kỉ niệm sâu sắc.
- Đọc lại câu chuyện Bài học đường đời đầu tiên, Nếu cậu muốn có một người bạn và bài văn ở mục **Phân tích bài tham khảo: Người bạn nhỏ** để học cách các tác giả kể trải nghiệm của họ.
- Tìm lại những hình ảnh đã lưu giữ có liên quan đến câu chuyện.

b. Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

*** Tìm ý**

- Sự việc chính:

- + Đó là chuyện gì? (tên sự việc được kể)
- + Xảy ra ở đâu ? (nghĩ đến không gian, địa điểm diễn ra câu chuyện định kể)
- + khi nào? (nghĩ đến thời gian cụ thể: kì nghỉ hè, buổi chiều...)

- Nhân vật

- + Những ai đã tham gia vào câu chuyện? (nhân vật ông, bà, bố mẹ, cô giáo, bạnTrừ người thân, các nhân vật cần có tên riêng, lai lịch...)
- + Họ như thế nào? (trang phục, nét ngoại hình nổi bật như vọc dáng, làn da, mái tóc, đôi mắt, nụ cười, giọng nói...)
- + Họ đã có lời nói, hành động, cử chỉ gì? (nhân vật và em nói chuyện gì, lời nói cụ thể, cử chỉ, hành động của người ấy ra sao...)

- Cốt truyện:

- + Diễn biến của câu chuyện: Điều gì đã xảy ra? Theo thứ tự như thế nào? (sự việc mở đầu, sự việc phát triển, sự việc kết thúc)
- Ý nghĩa: Vì sao câu chuyện lại xảy ra như vậy? (Trải nghiệm cho em nhận thức được kiến thức gì, bài học nào sâu sắc).
- Cảm xúc của người kể: Cảm xúc của em như thế nào khi câu chuyện diễn ra và khi kể lại? (biểu cảm trực tiếp hoặc gián tiếp)

*** Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:**

- + **Mở bài:** Dùng ngôi thứ nhất để kể, giới thiệu sơ lược về trải nghiệm.
Dẫn dắt chuyện ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc.
- + **Thân bài:** **Kể lại diễn biến của câu chuyện** theo trình nhất định (tự thời gian, không gian, các sự việc đã sắp xếp theo trình tự hợp lí chưa, làm nổi bật nhân vật, sự việc chính)
- + **Kết bài:** Nêu cảm nghĩ về câu chuyện vừa kể.

c. Bước 3: Viết

Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn kể về trải nghiệm của mình.

d. Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

- Đọc kĩ bài viết của mình và khoanh tròn những lỗi chính tả, lỗi sử dụng từ ngữ (nếu có). Sau đó sửa lại các lỗi đó.
- Gạch chân những câu sai ngữ pháp bằng cách phân tích cấu trúc ngữ pháp và sửa lại cho đúng (nếu có).

***Các bước thực hành nói và nghe: Kể lại một trải nghiệm của bản thân.**

Bước 1: Chuẩn bị

- Đọc và xác định yêu cầu đề bài, lựa chọn trải nghiệm mà em có ấn tượng sâu sắc về một người thân (cha, mẹ, ông, bà,...).
- Ví dụ: Kể về một lần em bị ốm, mẹ chăm sóc em như thế nào.
- Nhớ lại các chi tiết về trải nghiệm và cảm xúc, suy nghĩ của em qua trải nghiệm,
- Tìm các tư liệu, tranh, ảnh liên quan để minh họa cho trải nghiệm (nếu thấy cần thiết).

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý.

- **Tìm ý** cho bài kể theo gợi dẫn:
- + Nêu sự việc, hành động, tình huống của người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em.
- + Phát triển các ý bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi: Sự việc, tình huống đó diễn ra vào thời

gian nào, ở đâu? Sự việc, tình huống đó cụ thể như thế nào? Em có cảm xúc, tâm trạng, suy nghĩ gì khi chứng kiến sự việc đó? Em rút ra bài học gì từ sự việc, tình huống đó?...

- **Lập dàn ý** cho bài kể (có thể bằng sơ đồ tư duy):

+ **Mở đầu**: Chào hỏi, giới thiệu người thân và sự việc, tình huống người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em.

Gợi ý: Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là....., học lớp....., trường.....

Sau đây tôi xin kể lại một trải nghiệm đáng nhớ trong đời của mình. Trước khi bắt đầu bài nói của mình, tôi có một câu hỏi "Các bạn học sinh đã bao giờ dầm mưa rồi cảm lạnh chưa ạ?" (Có thể giao lưu với 1 bạn hỏi lí do, sự việc của buổi cảm lạnh ấy). Bản thân tôi cũng đã từ trải nghiệm cảm giác không mấy dễ chịu ấy. Chuyện là..... (Lời dẫn vào bài nói).

+ **Nội dung chính**: Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được theo một trình tự hợp lí.

Ví dụ: Với bài viết kể về trải nghiệm mẹ chăm sóc khi em ốm có thể triển khai theo gợi ý như sau:

- Nêu lí do xuất hiện trải nghiệm: Em bị mưa ướt, người sốt,...

- Trình bày diễn biến trải nghiệm.

+ **Kết thúc**:

- Phát biểu suy nghĩ của mình về tấm lòng người mẹ đối với những người con.

- Bày tỏ mong muốn nhận được sự chia sẻ từ người nghe về trải nghiệm.

Bước 3: Thực hành nói và nghe

- Dựa vào dàn ý và thực hiện việc kể lại trải nghiệm đáng nhớ của mình trước tổ hoặc lớp.

- Chú ý bảo đảm nội dung và cách kể để câu chuyện trở nên hấp dẫn.

- Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ...kết hợp với ngôn ngữ hình thể để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn.

Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa:

Đề 2: Kể về một trải nghiệm bản thân

1. Chào hỏi giới thiệu

Kính chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là.....học sinh.....trường..... Sau đây tôi xin kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân mình. Cuộc sống hiện đại cuốn chúng ta vào guồng quay cùng sự phát triển nhộn nhịp khiến ta đôi khi buông lơ những mối quan hệ tưởng chừng như rất quan trọng trong một khoảng thời gian nào đó. Chỉ đến khi gặp lại họ, một cách tình cờ, ta mới thấy bản thân đã mất đi những gì.

2. Nội dung bài nói

Chuyến đi ấy là phần thưởng mà bố mẹ dành cho tôi sau một năm dài nỗ lực học tập khi thành công đỗ vào một trường cấp 2 trọng điểm của tỉnh với điểm số khá cao. Chuyến đi được diễn ra vào giữa tháng 7, gia đình tôi quyết định trốn ánh nắng chói chang của mùa hè đất Bắc để đến với không khí trong trẻo, mát mẻ của Đà Lạt. Trước khi ghé Đà Lạt, cả gia đình tôi bay đến Nha Trang để thăm một vài người bạn của bố. Đây cũng là lần đầu tiên tôi được trải nghiệm cảm giác đi máy bay. Nhìn từ cửa sổ, những đám mây trắng trẻo, bông bênh chưa bao giờ gần tôi đến thế. Cứ ngỡ như có thể vươn tay ra mà chạm vào chúng, mà cảm nhận chúng một cách trọn vẹn nhất. Bay đến Nha Trang, chúng tôi được thiết đãi rất nhiều thứ đặc sản miền Trung như bánh canh, hải sản, bánh xèo,... Nha Trang cũng là một vùng đất mới lạ nhưng nó vẫn đem đến cho tôi cảm giác thân thuộc bởi tôi cũng được sinh ra ở vùng biển. Những thứ như hải sản, cát trắng, biển xanh,... đều khá quen thuộc đối với tôi.

Vậy nên điều tôi háo hức nhất vẫn là chuyến đi đến Đà Lạt sau 2 ngày lưu lại nơi này. Tôi sẽ dẫn ra một vài bức ảnh trải nghiệm ở Nha Trang.

Nhà tôi thuê một chiếc taxi để trải nghiệm đường rừng từ Nha Trang đến Đà Lạt. Đường rừng chưa được cải thiện nhiều, đường rất gồ ghề khó đi. Nhưng bỏ qua những trở ngại ấy, tôi đắm chìm vào những cánh rừng bạt ngạt, xanh muốt. Gần đến Đà Lạt rừng càng dày đặc, không khí cũng dễ chịu hơn. Tôi còn nghe thấy cả tiếng chim lành lút hót vang khu rừng đem lại cảm giác bình yên chưa từng có. Ở thành phố bây giờ rất khó kiếm tiếng chim hót vì chúng bị chiếm hết những ngôi nhà xanh để xây dựng đô thị, nhà cao tầng, chung cư... Tôi thích Đà Lạt cũng vì cái lẽ đó. Tôi thích khung cảnh bình yên và nhẹ nhàng.

Trước khi đến với những kỉ niệm ở Đà Lạt, tôi sẽ giới thiệu qua một vài bức ảnh lưu kỉ niệm của bản thân ở Đà Lạt. Cả nhà tôi dành 3 ngày để ở lại Đà Lạt và trải nghiệm thành phố của tình yêu này. Chúng tôi đi thăm vườn hoa, trải nghiệm chợ đêm Đà Lạt và thử đi ngựa rồi đi xe đạp quanh thành phố. Đà Lạt yên bình và nhẹ nhàng lắm. Ở Đà Lạt, chúng tôi được trải nghiệm cái mà người ta gọi là “một ngày bốn mùa”. Sáng như mùa xuân, trưa như mùa hè, chiều mang hơi thở mùa thu và tối lạnh như chớm đông. Tối nào tôi cũng đi dạo đến chợ đêm vì tôi yêu thích trải nghiệm ẩm thực nơi đây với sữa chua dâu, sữa đậu, bánh canh, bánh tráng nướng,...

Nhưng có một trải nghiệm mà tôi không thể quên, đó là gặp được bạn cũ của mình ở đó. Ánh là người bạn thân thời cấp 2 của tôi. Chúng tôi đã trải qua 4 năm cấp 2 với biết bao trải nghiệm cùng nhau từ vui đến buồn. Chúng tôi đã từng hứa sẽ trở thành bạn thân cho đến mãi về sau. Vậy mà cuối cùng, Ánh lại không đỗ vào ngôi trường mơ ước của chúng tôi. Còn tôi, khi vào môi trường mới và có chút áp lực về việc phải giữ vững phong độ học tập, vô tình đã quên mất người bạn ấu thơ này. Cho đến khi bất ngờ gặp Ánh tại hội chợ, cô bạn cũng đi du lịch ở đây vào dịp này, tôi chợt sững người lại. Chúng tôi nhìn nhau rất lâu trước khi có thể mở lời chào nhau. Mọi thứ trở nên gượng gạo, ngượng ngùng cứ như thể những con người mới quen nhau lần đầu. Cuối cùng, bọn tôi xin phép bố mẹ để cùng đi với nhau một lúc. Chúng tôi ngồi lại, kể cho nhau nghe về cuộc sống trong thời gian vừa rồi. Ánh có nói một câu khiến tôi rất đau lòng “Tớ thấy cậu vui vẻ với những người bạn mới quá nên tớ ngại làm phiền cậu”. Ôi chữ “phiền”! Tôi đâu có ngờ được sự vô tâm của mình đã khiến bạn mình đau lòng như thế. Tôi ân hận vô cùng vì sự việc ấy. Chúng tôi đã ngồi bên nhau rất lâu, nói với nhau những điều giấu trong lòng và quyết định làm hòa. Kết thúc chuyến đi, chúng tôi về cùng nhau và từ đó vẫn giữ mối quan hệ thân thiết đến bây giờ.

Chuyến đi vừa rồi đã mang lại cho tôi nhiều điều. Nó mang lại những giây phút giải trí thoải mái sau quãng thời gian học tập căng thẳng. Nó mang lại những kiến thức về văn hóa, địa lí, ... về vùng đất mới. Nhưng đặc biệt, nó tìm lại cho tôi một tình bạn đẹp. Tôi nhận ra rằng: Không có điều gì có thể phá vỡ tình bạn ngoài sự vô tâm của bản thân. Tôi mong muốn có được nhiều thời gian hơn với Ánh, có thể là trong một chuyến đi mới, để có thể lưu giữ tình bạn này. Mong rằng tất cả mọi người hãy quan tâm hơn đến những người xung quanh mình để không phải hối hận như tôi đã từng.

3. Kết thúc bài nói

Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Tôi rất vinh hạnh nếu được nghe chia sẻ của thầy cô và các bạn về kỉ niệm của mọi người.

BÀI 4: ÔN TẬP QUÊ HƯƠNG YÊU DẤU

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức: Giúp HS:

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản thơ lục bát: tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản: cảm nhận được nội dung và giá trị nghệ thuật của các bài ca dao ca ngợi vẻ đẹp quê hương; những nét chính về nội dung và nghệ thuật của bài thơ *Chuyện cổ nước mình*; cảm nhận được nội dung, ý nghĩa và những nét độc đáo trong cảm xúc của tác giả Thép Mới ở văn bản *Cây tre Việt Nam*.
- Ôn tập khắc sâu kiến thức về hiện tượng từ đồng âm và từ đa nghĩa, biện pháp tu từ hoán dụ
- HS hiểu được cách làm thơ lục bát, vận dụng kiến thức lí thuyết đã học để tự sáng tác một bài thơ lục bát
- Biết cách viết một đoạn văn thể hiện cảm xúc về một bài thơ lục bát.

2. Năng lực:

- *Năng lực chung*: Tự chủ và tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo
- *Năng lực chuyên môn*: Năng lực ngôn ngữ (đọc – viết – nói và nghe); năng lực văn học.

3. Phẩm chất:

- Tự hào về truyền thống lịch sử dân tộc, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, trách nhiệm bảo vệ đất nước.
- Bồi dưỡng vẻ đẹp tâm hồn qua tìm hiểu các lễ hội truyền thống dân tộc.
- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

B. NỘI DUNG

ÔN TẬP VĂN BẢN: CHÙM CA DAO VỀ QUÊ HƯƠNG ĐẤT NƯỚC

I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ CA DAO

1. Khái niệm về ca dao

Ca dao là thơ trữ tình dân gian, nội dung biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân. Ngôn ngữ ca dao giản dị, trong sáng, gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động.

2 Nội dung của chùm ca dao: Ca ngợi vẻ đẹp quê hương, đất nước.

Thể loại: Thơ lục bát

* Thơ lục bát.

- Thơ lục bát (6 - 8) là thể thơ mà các dòng thơ được sắp xếp thành từng cặp, một dòng sáu tiếng và một dòng tám tiếng.

- *Vần trong lục bát*: Tiếng cuối của dòng sáu vần với tiếng thứ sáu của dòng tám; tiếng cuối của dòng tám lại vần với tiếng cuối của dòng sáu tiếp theo.

- *Thanh điệu trong thơ lục bát*: Trong dòng sáu và dòng tám, các tiếng thứ sáu, thứ tám là thanh bằng, còn tiếng thứ tư là thanh trắc. Riêng trong dòng tám, mặc dù tiếng thứ sáu và thứ tám đều là thanh bằng nhưng nếu tiếng thứ sáu là thanh huyền thì tiếng thứ tám là

thanh ngang và ngược lại;

- *Nhịp thơ lục bát*: Thơ lục bát thường ngắt nhịp chẵn (2/2/2, 2/4, 4/4, ...).

* *Lục bát biến thể*.

- Lục bát biến thể không hoàn toàn tuân theo luật thơ của lục bát thông thường, có sự biến đổi số tiếng trong các dòng, biến đổi cách gieo vần, cách phối thanh, cách ngắt nhịp,...

+ Thể thơ: Lục bát

+ Chủ đề: Tình cảm yêu quê hương đất nước

3. Nghệ thuật.

- Thể thơ lục bát, lục bát biến thể với cách gieo vần hài hòa, tạo âm hưởng thiết tha .

- Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, giàu sức gợi

- Sử dụng nhiều phép tu từ , nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc.

4. Nội dung.

- Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống lao động bình dị trên mọi miền của đất nước.

- Tác giả gửi gắm lòng tự hào, tình yêu tha thiết của mình với quê hương đất nước, con người.

- Gợi nhắc mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Bài ca dao số 1

- Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng;

- Cách gieo vần: đà – gà, xương – sương – gương;...

Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo;

- Ngắt nhịp:

+ Gió đưa/ cành trúc/ la đà

Tiếng chuông Trấn Võ/ canh gà Thọ Xương

nhịp chẵn: 2/2/2; 2/4; 4/4;

- Biện pháp tu từ:

+ Ẩn dụ : mặt gương Tây Hồ về đẹp của Tây Hồ, nước trong vào buổi sớm như sương (ẩn dụ

- so sánh ngầm) . Vẻ đẹp nên thơ vào sáng sớm.

2. Bài ca dao số 2

- Thể lục bát, 4 dòng. Các dòng 6 có 6 tiếng, các dòng 8 có 8 tiếng

- Cách gieo vần: xa – ba, trông – sông

Tiếng cuối của dòng 6 ở trên vần với tiếng thứ sáu của dòng 8 ở dưới, tiếng cuối của dòng 8 lại vần với tiếng cuối của dòng 6 tiếp theo;

- Ngắt nhịp:

+ Ai ơi/ đứng lại mà trông

Kìa thành núi Lạng/ kìa sông Tam Cờ

nhịp chẵn: 2/4; 4/4

- Lời nhắn gửi: Ai ơi, đứng lại mà trông Lời gọi, nhắn gửi tha thiết hãy dừng lại mà xem vẻ đẹp của xứ Lạng.

3. Bài ca dao số 3

- Lục bát biến thể:

+ Tính chất lục bát: hai câu sau vẫn tuân theo quy luật của lục bát thông thường;

+ Tính chất biến thể: hai dòng đầu:

- Cả hai dòng đều có 8 tiếng (không phải lục bát, một dòng 6 tiếng, một dòng 8 tiếng).
- Về thanh, tiếng thứ tám của dòng đầu tiên (đá) và tiếng thứ sáu của dòng thứ hai (ngã) không phải thanh bằng như quy luật mà là thanh trắc.
- Vẻ đẹp nên thơ nhưng trầm buồn của xứ Huế - Huế đẹp với sông nước mênh mang, với những điệu hò mái nhì mái đẩy thiết tha, lay động lòng người.

4. Đánh giá vấn đề

***Khái quát đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của chùm ca dao**

a. Nghệ thuật.

- Thể thơ lục bát, lục bát biến thể với cách gieo vần hài hòa, tạo âm hưởng thiết tha.
- Ngôn ngữ, hình ảnh thơ thân thuộc, bình dị, giàu sức gợi
- Sử dụng nhiều phép tu từ, nhân hóa, điệp ngữ đặc sắc.

b. Nội dung.

- Ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống lao động bình dị trên mọi miền của đất nước.
- Tác giả gửi gắm lòng tự hào, tình yêu tha thiết của mình với quê hương đất nước, con người.
- Gợi nhắc mọi người hãy trân trọng, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước, con người.

***Bày tỏ thái độ của bản thân:** Thêm hiểu về con người Việt Nam xưa, yêu và trân trọng những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc qua các bài ca dao ấy.

BÀI VĂN THAM KHẢO

Ca dao là thể loại trữ tình diễn tả tâm trạng, cảm xúc của con người, gắn với các hình thức sinh hoạt văn hóa dân gian. Ca dao về **tình yêu quê hương đất nước** là bộ phận phong phú trong kho tàng ca dao trữ tình Việt Nam. Từ những câu hát ca ngợi vẻ đẹp của đất nước quê hương, nhân dân ta gửi gắm tình yêu, niềm tự hào về truyền thống của quê hương, đất nước.

Đến với bài ca dao thứ nhất, chúng ta đến với vẻ đẹp của kinh thành Thăng Long thuở xa xưa

*Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Vũ canh gà Thọ Xương.
Mịt mờ khói toả ngàn sương,
Nhịp chày Yên Thái, mặt gương Tây Hồ.*

Đọc bài ca dao, bức tranh thiên nhiên thơ mộng, yên bình của kinh thành Thăng Long mở ra trước mắt người đọc. Trong không gian của buổi sáng mùa thu, khung cảnh Thăng Long được miêu tả bằng vài nét chấm phá. Hình ảnh: “*gió đưa cành trúc*” gợi tả không gian buổi sáng mùa thu, gió rất nhẹ, gió không thổi mà chỉ đưa nhẹ nhàng làm đưa những cành trúc la đà sát mặt đất. Cành trúc được làn gió thu trong trẻo, mát lành vuốt ve êm dịu, cùng với gió cành trúc khẽ lay động bay cùng chiều gió. Cảnh sắc gợi ra cái êm đềm, trong trẻo của khí thu mát mẻ trong lành. Câu thơ có màu xanh của trúc, cử động khe khẽ của gió, và đương nhiên khí thu, tiết thu, bầu trời khoáng đạt cũng hiện ra thật rõ nét. Bức tranh không chỉ được cảm nhận bằng thị giác, mà còn cả thính giác. Đó là âm thanh quen thuộc của cuộc sống đời thường. Âm thanh rất bình dị: “*Tiếng chuông Trấn Vũ, canh gà Thọ Xương*”. Xa xa văng vẳng tiếng chuông Trấn Vũ, tiếng gà gáy tàn canh ở huyện Thọ Xương vọng tới, báo hiệu một ngày mới bắt đầu. Tiếng chuông ngân vang hoà cùng tiếng gà gáy tạo ra âm thanh như tan ra hoà cùng đất trời sương khói mùa thu. Khói toả mịt mù được đảo lại “*mịt mù khói*

toả”. Thủ pháp nghệ thuật đảo ngữ làm tăng sự huyền ảo lung linh của cảnh vật, của cuộc sống. Mặt đất một màu trắng mờ, do màn sương bao phủ. Đây cũng là cách miêu tả lấy động tả tĩnh, tả cảnh theo trình tự từ gần đến xa, tác giả vẽ ra một bức tranh tuyệt đẹp về cảnh mùa thu vào buổi sáng sớm nơi kinh thành Thăng Long. Không gian buổi sáng sớm tinh mơ, cả kinh thành ẩn hiện trong màn sương mờ màng.

Trong không gian ấy, cuộc sống lao động của nhân dân bắt đầu “*nhịp chày Yên Thái*” ngân vang rộn rã, khẩn trương. Nhịp chày chính là nhịp đập của cuộc sống, sức sống mạnh mẽ nơi kinh đô. Vẻ đẹp nên thơ, huyền ảo của Hồ Tây được miêu tả qua hình ảnh ẩn dụ đặc sắc “*mặt gương Tây Hồ*”. Hồ Tây tựa như một chiếc gương khổng lồ phản chiếu những sắc màu và nhịp sống vừa rộn rã vừa yên bình của Thăng Long.

Bài thơ tả cảnh kinh thành Thăng Long mang vẻ đẹp cổ kính, thơ mộng, yên bình. Thông qua miêu tả cảnh, ẩn chứa tình cảm tự hào, tình yêu, sự gắn bó của tác giả với Thăng Long và cũng là với quê hương đất nước.

Khác với bài ca dao thứ nhất, bài ca dao thứ hai lại có một hình thức rất đặc biệt, đó là hình thức lời mời, lời gọi thiết tha, đây là hình thức sinh hoạt phổ biến trong ca dao. Tác giả dân gian giới thiệu vẻ đẹp của xứ Lạng, nơi địa đầu tổ quốc, nơi có thiên nhiên hùng vĩ, hữu tình:

Đường lên xứ Lạng bao xa?

Cách một quả núi với ba quãng đồng.

Ai ơi, đứng lại mà trông,

Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ.

Hai câu đầu bài ca dao giới thiệu con đường lên xứ Lạng: “bao xa” “*một trái núi*”, “*ba quãng đồng*”; tác giả cách dùng câu hỏi, và những cách tính độ dài đường đi cụ thể, vừa mộc mạc, dân dã đo đường *bằng cánh đồng, trái núi*. Qua đó, tác giả muốn thiết tha mời gọi mọi người đến với xứ Lạng, đó là con đường gần gũi, thơ mộng, không có gì cách trở. Hai câu sau là lời mời gọi thiết tha đến với mảnh đất Lạng Sơn hùng vĩ. “Ai” ở đây là đại từ, không chỉ một đối tượng cụ thể, đó là mọi người, ai yêu mến, quan tâm đến vùng đất nơi đây. Ca dao thường dùng “ai” để bộc lộ, dãi bày suy nghĩ, tâm tư, tình cảm sâu kín trong lòng người như “Ai ơi bưng bát cơm đầy...”, “Ai làm cho bể kia đầy?...”. Hai chữ “*ai ơi*” ở đây chính là tiếng gọi, lời mời, hướng tới ai đó, đồng thời tạo nên giọng thơ tâm tình, tha thiết. Cụm động từ “*đứng lại mà trông*” lời đề nghị tha thiết, lời nhắn nhủ mộc mạc, ân tình, nhẹ nhàng mà không kém phần duyên dáng. Ông cha ta muốn nhắc nhở về sự ghi nhớ cội nguồn, về mảnh đất mà cha ông đã tranh đấu, giữ gìn cho tổ quốc trước bao cuộc chiến tranh xâm chiếm lãnh thổ của kẻ thù. Hẳn những câu ca dao như thế đã bồi đắp cho chúng ta tình yêu đối với quê hương đất nước.

Vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng như thế nào. Câu cuối bài ca dao tác giả liệt kê những gì tiêu biểu nhất, đáng tự hào vô cùng của Lạng Sơn. Đó chính là vẻ đẹp của cảnh sắc núi sông: “*Núi thành Lạng*”, “*sông Tam Cờ*”. Đây là tên ngọn núi, tên sông rất nổi tiếng của Lạng Sơn. Từ “*Kìa*” hai lần lặp lại trong một câu thơ, tạo ta phép điệp từ, mở ra liên tiếp khung cảnh kì vĩ của thiên nhiên xứ Lạng, đồng thời diễn tả niềm tự hào, ngỡ ngàng trước bức tranh thiên nhiên khoáng đạt, mênh mông của mảnh đất Lạng Sơn. Thiên nhiên ban tặng cho xứ Lạng một vẻ đẹp hùng vĩ, khoáng đạt, mênh mông của núi của sông. Bài ca cho ta hình dung chủ thể trữ tình đang đứng trước núi non hùng vĩ, đang đưa mắt ngắm nhìn bao quát cảnh núi sông mà lòng dâng lên niềm tự hào, yêu mến thiết tha với quê hương xứ sở.

Ca dao về tình yêu quê hương đất nước luôn là dòng chảy thiết tha trong tâm hồn người Việt. Và không gian sinh hoạt của văn hóa dân gian không chỉ ở sân đình, ở trên cánh đồng, ruộng lúa...Mà đôi với con người miền Trung, câu hát dân ca vang lên trên sông nước mênh mông, trong điệu hò, điệu lí mênh mang. Bài ca dao sau là một ví dụ:

Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,

Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngã ba Sinh.

Lờ đờ bóng ngả trăng chênh,

Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.

Vẻ đẹp của xứ Huế được khắc họa vô cùng đặc sắc. Những chuyến đò nối liền các địa danh nổi tiếng mở ra một miền sông nước mênh mông, thơ mộng, trữ tình của Huế. Tác giả dùng phép liệt kê các địa danh nổi tiếng bên dòng sông Hương như chợ Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ, Ngã Ba Sinh. Hai câu thơ đầu kéo dài 8 tiếng, ngắt nhịp 4/4, cách phối thanh điệu đặc biệt ở các tiếng thứ sáu và tiếng thứ tám: "qua", "Sinh", "chênh". "tình" là thanh bằng; tiếng "Dạ", "ngã", "vọng" là thanh trắc, tuy nhiên tiếng "Ba" lại là thanh ngang. Câu thơ lục bát biến thể tạo ra âm điệu rất riêng như chính con người Huế, và cùng chính câu thơ kéo dài bất thường như mở ra trước mắt người đọc những chuyến đò xuôi ngược trên dòng sông Hương. Đây là nhịp sống, là hơi thở của cuộc sống yên ả, thanh bình của vùng đất Huế thơ mộng. Trên những chuyến đò dài ấy, con người như cảm nhận được tất cả vẻ đẹp của thiên nhiên. Không phải là gió, là mây, là sương, là cảnh trúc, mà đó là bóng trăng chênh. Hình ảnh bóng trăng "Lờ đờ" từ láy đảo ngữ đặt đầu câu thơ "Lờ đờ bóng ngả trăng chênh" khiến dòng sông Hương trở nên huyền ảo thơ mộng, trữ tình. Đêm về khuya, cả dòng sông Hương đắm chìm ánh trăng thơ mộng. Thiên nhiên hòa nhịp với cuộc sống của người dân lao động.

Bức tranh lao động được tô điểm bằng âm thanh của điệu hò sông nước. Âm thanh tiếng hò trên sông: "Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non" gợi cho ta liên tưởng làn điệu dân ca Huế tha thiết, ngọt ngào, vang vọng, lan tỏa trên mênh mang sông nước; tiếng hò chan chứa tình yêu đất nước. Lây âm thanh tiếng hò khép lại bài ca cao, tác giả đã làm nổi bật một bức tranh lao động bình dị, chăm chỉ, con người xứ Huế cần cù, yêu đời, có tâm hồn lãng mạn, dù vất vả nhưng vẫn yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, yêu quê hương tha thiết.

Tóm lại bài ca dao thứ 3 với hình thức lục bát biến thể, bài ca dao đã ca ngợi vẻ đẹp của xứ Huế thơ mộng, trầm mặc, với sông nước mênh mang, với điệu hò thiết tha lay động lòng người. Bài ca dao chứa chất tình yêu, niềm tự hào của tác giả đối với xứ Huế.

Tóm lại, các bài ca dao sử dụng thể thơ lục bát với âm điệu thiết tha, phù hợp để bộc lộ tình cảm; ngôn ngữ giàu hình ảnh, gợi cảm; sử dụng linh hoạt các biện pháp tu từ, đa dạng trong cách thức thể hiện: mời gọi, bày tỏ cảm xúc kín đáo. Những bài ca dao trên đã cất lên tiếng hát chan chứa tình yêu, niềm tự hào về vẻ đẹp của mọi miền quê hương đất nước. Vẻ đẹp về một đất nước được thiên nhiên ban tặng vẻ đẹp núi sông, có truyền thống văn hóa lịch sử lâu đời phong phú, đậm đà bản sắc. Các bài ca dao đã ca ngợi vẻ đẹp của mọi miền quê hương, từ Bắc tới Nam..., từ đó bộc lộ tình yêu quê hương, đất nước. Đọc ca dao về vẻ đẹp quê hương giúp mỗi người hiểu được trách nhiệm xây dựng quê hương, đất nước ngày một giàu đẹp, thêm hiểu về con người Việt Nam xưa, yêu và trân trọng những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân

III. LUYỆN ĐỀ

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Nghĩa của từ "canh gà" trong bài ca dao số 1 là gì?

- A. Chỉ đặc sản bát canh gà. B. Chỉ một hành động trông coi.
C. Chỉ ban đêm. D. Chỉ tiếng gà báo canh.

Đáp án: D

Câu 2: Bài ca dao thứ hai nói đến thiên nhiên vùng đất nào?

- A. Thăng Long. B. Ninh Bình.
C. Huế. D. Lạng Sơn.

Đáp án: D

Câu 3: Nghệ thuật nổi bật nhất trong bài ca dao số 3 là gì?

- A. So sánh. B. Hoán dụ.
C. Điệp từ, cấu trúc. D. Ẩn dụ.

Đáp án: C

Câu 4: Nội dung của văn bản Chùm ca dao về quê hương đất nước biểu hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người bình dân.

Nhận xét trên đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

Đáp án: A

Câu 5: Loài cây nào được nhắc đến trong câu thơ đầu của văn bản Chùm ca dao về quê hương đất nước?

- A. Tre B. Trúc C. Mai D. Đào

Đáp án: B

Câu 6: Các địa danh Yên Thái, Tây Hồ trong Chùm ca dao về quê hương, đất nước thuộc tỉnh nào của nước ta?

- A. Hà Nội B. Huế C. Đà Nẵng D. Hải Dương

Đáp án: A

Câu 7: Những âm thanh nào được nhắc tới trong bài ca dao số 1?

- A. Tiếng trống, tiếng chuông B. Tiếng mõ, tiếng trống
C. Tiếng kèn, tiếng trống D. Tiếng chuông, nhịp chày

Đáp án: D

Câu 8: Bài ca dao số 1 trong Chùm ca dao về quê hương, đất nước vẽ nên bức tranh của mùa hạ.

Nhận xét trên đúng hay sai?

- A. Đúng B. Sai

Đáp án B

2. Dạng đề Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Đò từ Đông Ba, đò qua Đập Đá,
Đò về Vĩ Dạ, thẳng ngả ba Sinh.
Lờ đờ bóng ngả trăng chênh,
Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.
(Ca dao)*

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của bài ca dao trên?

Câu 2. Bài ca dao sử dụng từ ngữ, hình ảnh nào để miêu tả thiên nhiên xứ Huế?

Câu 3. Hãy giải thích nghĩa của từ “**nặng**” trong câu “*Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non*”. Lấy ví dụ về từ “**nặng**” nhưng mang nghĩa khác với nghĩa từ “**nặng**” trong câu thơ trên.

Câu 4. Suu tầm 2 bài ca dao viết về quê hương em.

Câu 5: Điểm chung của các bài ca dao về quê hương đất nước ở điểm nào. Chỉ ra vài đặc điểm tiêu biểu để em nhận biết chủ đề ấy?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của bài ca dao trên: Biểu cảm

Câu 2. Bài ca dao sử dụng từ ngữ, hình ảnh để miêu tả thiên nhiên xứ Huế là:

- Các từ ngữ chỉ địa danh nổi tiếng bên dòng sông Hương được liệt kê: chợ Đông Ba, Đập Đá, thôn Vĩ Dạ, Ngã Ba Sinh.

- Hình ảnh: những chuyến đò trên sông, ánh trăng “*Lò đò*” từ lấy đặt đầu câu thơ “*Lò đò bóng ngả trăng chênh*”, âm thanh tiếng hò thấm đẫm tình yêu quê hương đất nước

Câu 3.

Nghĩa của từ “**nặng**” trong câu ca dao: “*Tiếng hò xa vọng, **nặng** tình nước non*” là: tình cảm yêu thương đong đầy, sâu nặng, chất chứa từ lâu.

- Một số ví dụ có từ “**nặng**” được dùng với nghĩa khác:

+ Túi hoa quả này nặng quá ;

+ Em rất buồn vì bà nội bị ốm nặng.

Câu 4. Suu tầm 2 bài ca dao viết về quê hương em.

(HS tự sưu tầm. Gửi lên zalo cho giáo viên hoặc một phen mền quy định của lớp)

Câu 5: Điểm chung của các bài ca dao về quê hương đất nước ở điểm nào. Chỉ ra vài đặc điểm tiêu biểu để em nhận biết chủ đề ấy?

- Điểm chung của các bài ca dao về quê hương đất nước: Bộc lộ tình yêu mến tự hào về vẻ đẹp thiên nhiên, về cuộc sống lao động của con người.

- Đặc điểm tiêu biểu để em nhận biết chủ đề

+ Có từ ngữ là tên địa danh nổi tiếng của một vùng đất: tên sông, tên núi, tên địa danh...

+ Có hình ảnh thiên nhiên nổi bật của vùng quê được nói tới (tùy theo đặc điểm địa hình)

+ Dùng kết hợp tự sự và miêu tả để bộc lộ tình yêu mến tự hào của tác giả.

+ Hay xuất hiện lời gọi, lời mời ...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Đường lên xứ Lạng bao xa?

Cách ba quả núi với ba quăng đồng.

Ai ơi đứng lại mà trông,

Kìa núi thành Lạng, kìa sông Tam Cờ.

(Ca dao)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên. Văn bản trên do ai sáng tác?

Câu 2. Bài ca dao giới thiệu vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng Sơn qua những hình ảnh nào?

Câu 3. Cụm từ “Ai ơi” trong bài ca hướng đến ai và để làm gì?

Câu 4. Thông điệp nào có ý nghĩa với em nhất khi học những bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước? Lí giải tại sao?

Gợi ý làm bài

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên: Biểu cảm

Tác giả: nhân dân lao động.

Câu 2. Bài ca dao giới thiệu vẻ đẹp mảnh đất xứ Lạng Sơn qua những hình ảnh :Vẻ đẹp của cảnh sắc núi sông: “*Núi thành Lạng*”, “*sông Tam Cờ*”. Đây là tên ngọn núi, tên sông rất nổi tiếng của Lạng Sơn

Câu 3.

+ Hai chữ “*ai ơi*” hướng tới ai đó, nó không cụ thể, là tất cả những con người Việt Nam ta.

+ Hai chữ “*ai ơi*” là tiếng gọi, lời mời thiết tha, chân thành của tác giả.

Câu 4. Thông điệp có ý nghĩa với em nhất khi học những bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước là:

+ Mỗi người cần có trách nhiệm với quê hương đất nước, có ý thức bảo vệ, giữ gìn vẻ đẹp của đất nước.

+ Tình yêu quê hương, đất nước là tình cảm vô cùng cao đẹp, rộng lớn và rất quan trọng với mỗi người.

+ Bài học về việc gìn giữ những giá trị lịch sử, văn hóa truyền thống của dân tộc

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc bài ca dao sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

*Bình Định có núi Vọng Phu,
Có đầm Thị Nại, có cù lao xanh.
Em về Bình Định cùng anh,
Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa.*

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. Hãy chọn và nêu tác dụng của biện pháp tu từ điệp ngữ được sử dụng trong một bài ca dao trên.

Câu 3. Viết theo trí nhớ 2 bài ca dao cùng chủ đề với bài ca dao trên.

Câu 4. Nếu được giới thiệu về vẻ đẹp của quê hương em cho một người bạn ở nơi khác, em sẽ giới thiệu một vẻ đẹp của quê hương mà em tự hào nhất.

Gợi ý làm bài

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: biểu cảm

Câu 2.

- Biện pháp tu từ điệp từ “*có*” trong câu lục bát “*Bình Định có núi Vọng Phu/ Có đầm Thị Nại, có cù lao Xanh*”

- **Tác dụng của biện pháp điệp từ (điệp ngữ)**

+ Tăng sức gợi hình gợi cảm cho câu ca dao.

+ Điệp từ này đã góp phần nhấn mạnh sự phong phú về các danh lam thắng cảnh, những nét đặc sắc về văn hóa vùng miền của mảnh đất thượng võ Bình Định. Qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của quê hương Bình Định yêu dấu.

+ Làm cho bài ca dao có âm hưởng nhịp nhàng, du dương, trầm bổng, tạo sự liên kết giữa các câu thơ trong bài.

Câu 3. HS có viết ra 2 bài ca dao về vẻ đẹp quê hương đất nước trong hoặc ngoài sách giáo khoa.

Câu 4: Chùa Keo, một khu chùa cổ tuyệt vời, một tác phẩm tiêu biểu, đặc sắc của nghệ thuật kiến trúc Việt Nam. Chùa Keo tên chữ là chùa Thần Quang, nằm ở Vũ Thư, Thái Bình.

Toàn bộ khu chùa là một quần thể kiến trúc lớn, gồm cột cờ, sân lát đá, tam quan ngoài, ao trước chùa, tam quan trong, sân đất, chùa Hộ, chùa Phật, sân gạch, tòa Giá Roi, tòa Thiên Hương, tòa Phục quốc, tòa Thượng Điện, gác chuông, nhà Tổ... Ngoài ra, là hai dãy hành lang dài hai bên, từ chùa Hộ trở vào.

Tổ chức không gian kiến trúc ở đây thật tài tình, phức tạp một cách trật tự, theo kiểu “tiền Phật hậu Thần”. Khu chùa phía trước và khu đền thờ Không Lộ thiền sư phía sau. Đứng xa trông như 200 cánh tay Phật Bà Quan Âm từ mái tầng hai, tầng ba vươn ra vẫy chào khách thập phương!

Những người khách nước ngoài dừng lại hàng giờ trước tòa gác chuông ba tầng này, sửng sốt và ngấm ngấm mãi tầng tầng lớp lớp mái cong cổ kính và hàng ngàn bộ phận chạm trổ tinh vi, mà ngay đến những người thợ lành nghề nhất được mời đến trùng tu cũng không biết hết tên gọi!

Trong gác chuông có treo hai quả chuông niên đại: Hoàng Triều Cảnh Thịnh Tứ Niên, một di tích quý về sự nghiệp “văn trị” của triều Tây Sơn trên đất Thái Bình. Quai đỉnh chuông đúc từ thời Tây Sơn rất đẹp, chạm hình hai con rồng nối đuôi nhau. Ở gác một chùa Keo có một khánh đá rất to, không biết đục từ bao giờ, tiếng khánh âm vang.

Hầu như bất cứ bộ phận kiến trúc nào của chùa Keo cũng thấy dấu vết của những bàn tay chạm khắc khéo léo. Ngay ở tam quan nội, một công trình tưởng như nhỏ, nhưng hai cánh cửa trung gian cũng được chạm khắc rất công phu. Cánh cửa cao 2,4m, mỗi cánh rộng 1,2m, được chạm một đôi rồng châu bán nguyệt. Rồng ở đây to, khỏe. Con lớn vươn cổ lên, miệng ngậm hạt châu, râu bờm uốn sóng, rồi choái ra thành những hình lưỡi mác, ngực rồng uốn về phía trước, đuôi vắt lên đỉnh tấm cửa.

Hàng trăm đám mây lửa ngàn ngút bốc lên. Rồng như bay lượn trong biển lửa. Có lẽ những người thợ tài ba muốn ký thác những dấu vết của lịch sử trong bức chạm gỗ này. Khép hai cánh cửa lại, chúng ta nhìn thấy một bức tranh hoàn chỉnh: rồng châu nguyệt. Cái khéo của bức chạm này là trên cùng một mặt phẳng, người thợ đã chạm những vết nổi, nét chìm, con rồng to, rồng nhỏ, gần xa, như cả một bầy rồng bay thông dong trong mây.

Hàng năm, “xuân thu nhị kỳ” vào ngày 4 tháng giêng và trung tuần tháng 9 âm lịch, khách thập phương cuồn cuộn đổ về dự hội chùa. Từ xa, trên đê sông Hồng, mọi người đã nhìn thấy lá cờ thần to bằng gian nhà, bay trên đỉnh cột cờ cao 21m. Cột cờ lớn chót vào bệ đá sâu hàng mét, vậy mà cờ bay còn rung cả cột!

Dù cho cha đánh, mẹ treo

Cũng không bỏ hội chùa Keo hôm rằm...

Chưa đến chùa Keo, xin mời bạn hãy đến một lần...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

- Em đổ anh từ Nam chí Bắc,
Sông nào là sông sâu nhất?
Núi nào là núi cao nhất nước ta?
Anh mà giảng được cho ra,
Thì em kết nghĩa giao hoà cùng anh.
- Sâu nhất là sông Bạch Đằng,
Ba lần giặc đến, ba lần giặc tan.
Cao nhất là núi Lam Sơn,
Có ông Lê Lợi trong ngàn bước ra.
(Ca dao)

Câu 1. Bài ca dao có hình thức đối đáp giữa ai với ai?

Câu 2. Chỉ ra các danh từ riêng được nhắc tới trong lời đối đáp này?

Câu 3. Lời hỏi đáp của các nhân vật trong bài ca dao có ý nghĩa gì?

Câu 4. Hình thức hỏi đáp, thường gặp trong ca dao trữ tình dao duyên cổ truyền Việt Nam. Em hãy chép theo trí nhớ một bài ca dao khác có hình thức hỏi đáp tương tự.

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Bài ca dao có hình thức đối đáp giữa cô gái và chàng trai. Cụ thể: lời người hỏi (cô gái), lời người đáp (chàng trai)

Câu 2. Các danh từ riêng được nhắc tới trong lời đối đáp này là: núi Lam Sơn, sông Bạch Đằng, Lê Lợi.

Câu 3. Ý nghĩa của lời hỏi đáp trong bài ca dao:

- Đây là một hình thức để trai gái thử tài nhau, đo độ hiểu biết về kiến thức địa lí, lịch sử, văn hoá... trong những cuộc hát đối đáp.
- Người hỏi biết chọn những nét tiêu biểu của từng địa danh để hỏi, người đáp hiểu rất rõ và trả lời ý của người hỏi. Từ đó thể hiện chia sẻ, vui chơi, giao lưu tình cảm.
- Thể hiện sự yêu quý, tự hào về quê hương, đất nước.

Câu 4. HS chọn một bài ca dao có hình thức đối đáp khác và chép theo trí nhớ

ÔN TẬP VĂN BẢN: CHUYỆN CỔ NƯỚC MÌNH

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

I. TÁC GIẢ TÁC PHẨM

1. Tác giả

Lâm Thị Mỹ Dạ sinh năm 1949.

- Quê ở Quảng Bình.
- Một số tác phẩm: Trái tim sinh nở (thơ, 1974), Danh ca của đất (truyện thiếu nhi, 1984), Hái tuổi em đầy tay (thơ, 1989), Đề tặng một giấc mơ (thơ, 1998)...
- Bà được tặng Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2007.

2. Tác phẩm

- Rút từ *Tuyển tập*, NXB Hội nhà văn, Hà Nội, 2011, tr.203.
- Thể loại: thơ lục bát.
- PTBD: tự sự kết hợp biểu cảm.

- + Gieo vần: “ta- xa”, “hiền- tiên”...
- + Ngắt nhịp câu sáu: 2/2/2; câu tám: 4/4

Bố cục: 2 phần

- Phần 1: Vẽ đẹp chuyện cổ nước mình.
- Phần 2: Ý nghĩa chuyện cổ nước mình.

II. Định hướng phân tích văn bản

1. Những câu chuyện cổ được gọi ra từ bài thơ

- Chuyện cổ nước mình giàu lòng nhân ái: đó là tình thương giữa con người với con người.
- Chuyện cổ nước mình gửi gắm những phẩm chất quý báu của cha ông như lễ công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng....
- Tấm Cám (*Thị thom thì giầu người thom/ Chăm làm thì được áo com cửa nhà*).
- Đẽo cày giữa đường (*Đẽo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì*).
- Sự tích trầu cau (*Đậm đà cái tích trầu cau/ Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người*).
- Chuyện cổ nước mình phản ánh ý nghĩa cuộc sống một cách sâu xa, kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa.
- Chuyện cổ nước mình là một kho tàng chuyện phong phú, đa dạng.

2. Ý nghĩa của những câu chuyện cổ đối với tác giả

a. Hành trang tinh thần

- Chuyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần: sức mạnh để vượt qua mọi thử thách, đi tới mọi miền quê xa xôi...
- *Mang theo chuyện cổ tôi đi*
Nghe trong cuộc sống thâm thì tiếng xưa.
Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa.
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.

b. Phương tiện kết nối quá khứ và hiện tại

- Đọc chuyện cổ nước mình như được gặp lại ông cha, khám phá được bao phẩm chất tốt đẹp của tổ tiên mình.
- Giúp thế hệ đời sau tiếp nhận được những phẩm chất quý báu của cha ông như lễ công bằng, sự thông minh, lòng độ lượng tình nhân ái bao la...
- Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa*
Thương mình rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
- Truyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ: *đời cha ông với đời tôi*
- Vì truyện cổ dân gian kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của người xưa (*người thom: người có phẩm chất tốt đẹp*)
- Chứa đựng bài học ông cha dạy con cháu cần sống nhân hậu, độ lượng, công bằng, chăm chỉ.
- Hai câu cuối nhấn mạnh lời răn dạy của ông cha ta về lễ sống, về tình thương, về nhân cách, về đức độ, sự cần cù, lòng nhân ái,...
- Đó là bài học quý giá cho con cháu đời sau.

3. Suy ngẫm về sức sống lâu bền của chuyện cổ (04 câu cuối)

“Sẽ đi qua cuộc đời tôi
Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi.

*Nhưng bao chuyện cổ trên đời
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”*

Dù thời gian có chuyển dời thì giá trị của chuyện cổ vẫn vẹn nguyên với các thế hệ mai sau

a. Những vẻ đẹp tình người

Tôi yêu chuyện cổ nước tôi vì

- Lòng nhân hậu, sự vị tha, độ lượng, bao dung,... *vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa, vì rất công bằng, rất thông minh, vừa độ lượng lại đa tình, đa mang.*

b. Sự tiếp nối, lưu truyền truyền thống, lời căn dặn từ ông cha đến con cháu

- “Chỉ còn chuyện cổ thiết tha

Cho tôi nhận mặt ông cha của mình”

Là cái còn lại, còn mãi dấu ông cha có đi xa, dấu Chuyện cổ là nhân chứng, sự lưu giữ những lời căn dặn, những suy nghĩ của ông cha *đời ông cha với đời tôi/ Như con sông với chân trời đã xa.* (Chân trời đã xa: khó để nắm bắt được nữa, con sông: dòng chảy, sự tiếp nối)

Tình yêu chuyện cổ không những là tình yêu sự nhân văn, bao dung, nhân hậu, mà còn là yêu quê hương, tổ tiên, đất nước, yêu những giá trị tinh thần truyền thống.

- “Tôi nghe chuyện cổ thâm thì

Lời ông cha dạy cũng vì đời sau”

“chuyện cổ thâm thì”: mạch nguồn âm ỉ, bền bỉ;

+ “thâm thì”: thủ thi, tâm tình, nói nhỏ nhưng bền bỉ
sự yêu thương của thế hệ trước dành cho thế hệ sau.

+ “Lời ông cha dạy cũng vì đời sau”

- Những câu chuyện cổ “vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”: những câu chuyện cổ không bao giờ cũ, là viên ngọc vẫn tiếp tục tỏa sáng trong cuộc sống hiện tại. Những bài học từ những câu chuyện cổ vẫn luôn đúng và vẹn nguyên giá trị.

4. TỔNG KẾT

a. Nghệ thuật

- Dùng thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc để nói về những giá trị truyền thống, nhân văn.

- Giọng thơ nhẹ nhàng, tâm tình, thể hiện tình yêu quê hương tha thiết, đậm sâu, nhưng đầy tự hào.

b. Nội dung

- Bài thơ thể hiện tình yêu quê hương, đất nước, niềm tự hào của nhà thơ về những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc được thể hiện qua tình yêu đối với những câu chuyện cổ.

BÀI VĂN THAM KHẢO

Mỗi con người, ngay khi cất tiếng khóc chào đời ai cũng được lớn lên trong lời ru ngọt ngào của mẹ, trong lời kể chuyện thủ thi của bà. Chuyện cổ đã nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người, làm hành trang cho chúng ta trong cuộc đời dài rộng. Bằng tình yêu đối với những câu chuyện cổ của dân tộc, tác giả Lâm Thị Mỹ Dạ đã viết nên bài thơ “**Chuyện cổ nước mình**”. Với thể thơ lục bát, âm điệu nhẹ nhàng, mang màu sắc ca dao, dân ca, qua bài thơ, Lâm Thị

Mỹ Dạ đã ca ngợi vẻ đẹp và ý nghĩa sâu xa của kho tàng chuyện cổ nước mình – nơi chứa đựng bao bài học quý báu của ông cha truyền lại cho con cháu đời sau.

Bài thơ được viết theo thể lục bát giản dị, cách gieo vần linh hoạt cùng với thanh điệu vô cùng hài hòa. Bài thơ có thể chia thành 3 phần: 06 câu đầu là vẻ đẹp của chuyện cổ nước mình; 20 câu tiếp là ý nghĩa của những câu chuyện cổ và 04 câu cuối là suy ngẫm của nhà thơ về sức sống của chuyện cổ. Bằng ngôn ngữ bình dị, sử dụng sáng tạo chất liệu văn hoá dân gian, tác giả đã ca ngợi vẻ đẹp cũng như ý nghĩa của những câu chuyện cổ, khẳng định sức sống của văn hoá truyền thống dân gian để từ đó khơi dậy trong lòng người đọc về niềm tự hào về những giá trị văn hoá tinh thần của cha ông. Tác giả vừa kể, gọi câu chuyện cổ, vừa bộc lộ cảm xúc, suy ngẫm về giá trị của chuyện cổ với mình. Việc kể, gọi nhắc làm cơ sở để bộc lộ suy ngẫm. Mạch tự sự và mạch cảm xúc đan xen, nâng đỡ trong suốt bài thơ, tạo ra chiều sâu triết lí cho bài thơ.

"Chuyện cổ" là những câu chuyện xa xưa do nhân dân ta sáng tạo ra qua hàng ngàn năm lịch sử, thể hiện tâm hồn Việt Nam, bản sắc nền văn hóa Việt Nam.

Mở đầu bài thơ, nhân vật trữ tình đã khái quát tình cảm của mình với vẻ đẹp của chuyện cổ nước mình:

*"Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa"*

Tình cảm của nhân vật trữ tình được bộc lộ trực tiếp qua từ "yêu". Tình cảm đó cho thấy sự trân trọng, gắn bó, say mê của "tôi" đối với kho tàng chuyện cổ dân tộc. Lí do mà "tôi" lại yêu chuyện cổ nước mình vì chính vẻ đẹp của nó. Nhà thơ sử dụng các tính từ để khái quát vẻ đẹp của chuyện cổ: "nhân hậu" – "tuyệt vời" – "sâu xa". Chỉ cần ba tính từ đã đủ để khẳng định những giá trị cốt lõi của chuyện cổ.

Những vẻ đẹp của chuyện cổ được cụ thể hoá qua những đạo lí được cha ông gửi gắm:

*Thương người rồi mới thương ta
Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
Ở hiền thì lại gặp hiền*

Người ngay thì gặp người tiên độ trì

Vẻ đẹp nhân hậu, tuyệt vời, sâu xa hay cũng chính là vẻ đẹp của tâm hồn, trí tuệ cha ông đúc kết. Đó là bài học về lối sống giàu lòng nhân ái, chan chứa tình thương giữa con người với con người "Thương người rồi mới thương ta"; ân nghĩa, thủy chung trong tình yêu "Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm"; cũng như niềm tin về lẽ công bằng trong xã hội "Ở hiền thì lại gặp hiền". Điều thú vị là những dẫn chứng về vẻ đẹp của chuyện cổ lại được tác giả khéo léo gọi nên qua những chất liệu văn hoá dân gian – vốn là sản phẩm tinh thần của cha ông. Đó là những câu tục ngữ, ca dao được tác giả gọi lên qua một số từ hoặc cụm từ như câu ca dao "Yêu nhau mấy núi cũng leo- Mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua" hay qua câu tục ngữ "Thương người như thể thương thân", "Ở hiền gặp lành" hay . Triết lí bao quát hầu hết trong các chuyện cổ là triết lí "Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo", thể hiện niềm tin của nhân dân ta gửi gắm trong chuyện cổ. Câu thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ gợi nhớ trong lòng ta bao chuyện cổ, bao hình ảnh, bao nhân vật. Anh trai cày hiền lành được Phật trao cho câu thần chú: "Khắc nhập! Khắc xuất" mà lấy được vợ đẹp con nhà giàu (Truyện "Cây tre trăm đốt"). Người em cần cù, trung hậu được con chim phượng hoàng đền đáp "ăn một quả trà cục vàng" mà trở nên giàu có hạnh phúc; trái lại người anh tham lam mà chết chìm xuống đáy biển (Truyện

"Cây khế". Thạch Sanh được Tiên "độ trì" mà trở nên võ nghệ cao cường, có lắm phép thần thông biến hóa, đã giết chết Trăn tinh, bắn chết Đại Bàng, có đàn thần để lui giặc, được làm phò mã, rồi được làm vua; trái lại Lý Thông gian tham, độc ác, quỷ quyệt bị sét đánh rồi hóa thành bọ hung... Như vậy khẳng định, chuyện cổ nước mình đã phản ánh cuộc sống một cách sâu sắc, kết tinh những vẻ đẹp tinh cảm, tư tưởng của người xưa, đặc biệt là tình người rộng lớn.

Kết tinh những giá trị tinh thần, về đẹp tâm hồn, trí tuệ của người xưa nên chuyện cổ có ý nghĩa vô cùng lớn lao với muôn đời.

Chuyện cổ nước mình đã trở thành hành trang tinh thần, đem đến cho nhân vật trữ tình sức mạnh để vượt qua mọi thử thách "nắng mưa" trong cuộc đời, để đi tới mọi miền quê, mọi chân trời xa xôi đẹp đẽ:

*"Mang theo truyện cổ tôi đi
Nghe trong cuộc sông thăm thì tiếng xưa.
Vàng con nắng, trắng con mưa
Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi".*

Nhân vật trữ tình trong bài thơ lớn lên từ những câu chuyện cổ qua lời kể của bà, của mẹ. Trên hành trình vô tận của cuộc sống, "tôi" có được những câu chuyện cổ là hành trang để khám phá cuộc sống. Chuyện cổ trở thành hành trang tinh thần, là điểm tựa cho "tôi" trong cuộc đời. Biện pháp nhân hóa kết hợp với đảo ngữ "*thì thăm tiếng xưa*" để khẳng định giá trị của chuyện cổ của cha ông với cuộc sống hôm nay. "Tiếng xưa" là ẩn dụ chỉ tiếng nói, lời răn dạy của cha ông gửi gắm trong những câu chuyện. Giá trị tinh thần, triết lý nhân sinh, truyền thống văn hóa của cha ông có sức sống mãnh liệt, bồi đắp tâm hồn nhà thơ, làm hành trang trong cuộc đời "tôi". Không chỉ bồi đắp tâm hồn, "tôi" còn trở nên vững vàng, tự tin trong cuộc đời dài rộng "*Vàng con nắng, trắng con mưa*". Dẫu cuộc đời sau này có lắm "*nắng*", "*mưa*" thử thách nhưng nhờ có hành trang chuyện cổ - những giá trị tinh thần, lời dạy của cha ông soi sáng, dẫn lối thì mỗi người sẽ an nhiên trước cuộc đời, giống như dòng sông kia vẫn luôn yên bình chảy trôi soi bóng hàng dừa, ta sẽ luôn cảm nhận được vẻ đẹp của cuộc sống từ những điều bình dị nhất.

Không chỉ làm hành trang mang theo của mỗi người, chuyện cổ còn là phương tiện kết nối quá khứ và hiện tại, là sợi dây kết nối giữa ông cha với con cháu:

*Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn truyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

Trong dòng chảy miên viễn của thời gian, có bao giá trị bị quên lãng, chôn vùi. Những lời dạy của cha ông, những thế hệ đi trước liệu thế hệ cháu con có biết đến? Bằng giọng thơ mang nặng suy ngẫm, triết lý, nhà thơ đã bày tỏ lòng biết ơn đối với những chuyện cổ, nhờ đó mà thế hệ nhà thơ mới biết được bộ mặt tinh thần của cha ông. Mối liên hệ giữa "đời cha ông"- thế hệ đi trước với "đời tôi" – thế hệ sau được so sánh với mối liên hệ giữa con sông với chân trời đã xa. Như dòng sông bắt đầu từ phía chân trời, cứ chảy mãi miết theo dòng thời gian, ngày càng xa điểm khởi thủy. Cuộc đời con người cũng vậy, các thế hệ đi trước rồi sẽ dần rơi vào chiều sâu quá khứ, thế hệ sau gánh vác trách nhiệm lịch sử của thế hệ trước, tiếp tục làm dày thêm truyền thống văn hoá. Khoảng cách thời gian giữa các thế hệ được ví

với khoảng cách không gian địa lí con sông – chân trời. Điệp từ “với” nhấn mạnh quan hệ gắn kết giữa các thế hệ, tạo sợi dây liên tưởng. Có bao giá trị, bao lời dạy mà cha ông muốn gửi gắm đến con cháu đời sau, chỉ có một phương tiện có thể làm cầu nối – đó chính là những câu chuyện cổ. Chính những câu “*chuyện cổ thiết tha*” đã giúp tác giả “*nhận mặt cha ông*” tức là nhận ra, thấu hiểu được thế giới tinh thần, tâm hồn, lối sống, phong tục, tập quán, ... được ghi dấu trong những câu chuyện từ ngàn xưa. Lời thơ thể hiện tình cảm yêu mến sâu nặng của tác giả với thế giới chuyện cổ nói riêng và những giá trị văn hoá dân tộc nói chung.

*“Rất công bằng, rất thông minh
Vừa độ lượng lại vừa đa tình, đa mang”*

Nhà thơ khẳng định, đánh giá vẻ đẹp nhân văn của chuyện cổ bằng từ ngữ vô cùng ý nghĩa: *công bằng, thông minh, độ lượng, đa tình, đa mang*. Đó là những phẩm chất, đức tính quan trọng để hình thành nhân cách của con người.

Có biết bao chuyện cổ đã sáng ngời những vẻ đẹp đáng quý đó:

*Thị thơm thì giấu người thơm
Chăm làm thì được áo com cửa nhà
Đẽo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì
Tôi nghe truyện cổ thăm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau.
Đậm đà cái tích trầu cau
Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người.*

Những câu chuyện cổ được gợi ra trong kí ức của tác giả là những câu chuyện đã in dấu ấn trong đời sống, phong tục, tập quán xưa, những quan niệm của người xưa. Đó là câu chuyện Tấm Cám được gợi lên qua qua câu thơ: “*Thị thơm thì giấu người thơm*”. Hình ảnh ẩn dụ đặc sắc “*người thơm*” khiến người đọc liên tưởng đến cô Tấm ngoan hiền, trong sáng, hay làm hay làm. Chuyện cổ “Tấm Cám” cùng hình ảnh cô Tấm gửi gắm triết lí về đức tính chăm chỉ của con người trong cuộc sống “*Chăm làm thì được áo com, cửa nhà*”. Đó còn là bài học cần có chính kiến, chủ động trong cuộc sống, không nên chỉ làm theo lời người khác được cha ông khéo léo cài vào câu chuyện “Đẽo cày giữa đường”. Hay bài học về tình nghĩa anh em, vợ chồng sâu đậm được gửi gắm qua câu chuyện “Sự tích trầu cau” được gợi nhắc đến trong câu thơ “*Đậm đà cái tích trầu cau - Miếng trầu đỏ thắm nặng sâu tình người*”.... Nhà thơ không kể tên tác phẩm chuyện cụ thể, cũng không tóm tắt, liệt kê sự việc mà tác giả chỉ khéo léo gợi lên tác phẩm chuyện cổ qua một vài hình ảnh, ý nghĩa của chuyện cổ. Cả thế giới chuyện cổ như sống dậy trong trang thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ. Lời thơ nối tiếp nhau vẽ ra cả một thế giới chuyện cổ sống động, nơi đó đã kết tinh bao vẻ đẹp tâm hồn, trí tuệ cùng bao lời dạy sâu xa mà cha ông gửi gắm đời sau. Đọc mỗi câu chuyện cổ và suy ngẫm, trong tim mỗi người như thăm thì lời nói cha ông. Nhờ có những câu chuyện cổ mà thế hệ hôm nay và mai sau biết được gương mặt tâm hồn của cha ông mình và biết sống sao cho đúng với những lời dạy quý báu mà cha ông gửi gắm.

Bốn câu thơ cuối bài là những suy ngẫm của nhân vật trữ tình về sức sống lâu bền của chuyện cổ nước mình:

“Sẽ đi qua cuộc đời tôi
Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi.
Nhưng bao chuyện cổ trên đời
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm”

Bằng nghệ thuật đối lập ý thơ ở hai câu trên với hai câu dưới, nhân vật trữ khẳng định một điều chắc chắn: dù thời gian có “chuyển dời”, dù có trải qua bao thế hệ về sau thì giá trị của những câu chuyện cổ của cha ông vẫn luôn “mới mẻ”, toả sáng, đủ sức soi đường cho các lớp lớp cháu con. Chuyện cổ không chỉ có giá trị to lớn với thế hệ hôm nay – thế hệ mà “tôi” đang sống mà sẽ còn nguyên vẹn giá trị với các thế hệ tương lai mai sau. Dù thời gian có khắc nghiệt đến đâu thì cũng không thể làm hư hao, mất mát, mờ đi vẻ đẹp quý báu của những chuyện cổ. Thế giới chuyện cổ sẽ không bao giờ cũ đi, thậm chí còn luôn “mới mẻ” vẫn vẹn nguyên giá trị tinh thần, giống như một viên ngọc toả sáng mãi cùng thời gian để mỗi thế hệ người đọc sẽ tìm thấy ở đó những giá trị chân thiện mỹ, để mỗi lần đọc sẽ thấy những lời dạy của cha ông vẫn nguyên giá trị hiện sinh, làm tâm hồn con người thêm trong lành, hướng thiện hơn.

"Chuyện cổ nước mình" của Lâm Thị Mỹ Dạ là bài thơ thành công cả về phương diện nội dung và nghệ thuật. Điểm thành công của bài thơ trước hết ở việc đề cập vấn đề triết lí sâu sắc nhưng bằng giọng thơ nhỏ nhẹ, tâm tình khiến lời thơ dễ đi sâu vào tâm hồn người đọc. Nhà thơ đã viết nên những vần thơ dịu dàng tha thiết, mang vẻ đẹp văn hóa, chở cả tình yêu thương, lấp lánh vẻ đẹp của nghệ thuật bởi trái tim chân thành, nhân hậu, dịu dàng. Bằng thể thơ lục bát dễ đọc, dễ nhớ; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; sử dụng sáng tạo chất liệu văn hoá dân kết hợp với các biện pháp tu từ như nhân hóa, so sánh, liệt kê,..., bài thơ của nữ nhà thơ gốc Quảng Bình đã ngợi ca vẻ đẹp, truyền thống văn hoá của dân tộc ta qua những câu chuyện cổ. Qua bài thơ, nhà thơ gián tiếp khẳng định kho tàng chuyện cổ nước nhà có giá trị vô cùng to lớn và sẽ tồn tại mãi muôn đời sau. Lâm Thị Mỹ Dạ cũng thể hiện sự am hiểu chuyện cổ và vốn văn hoá dân gian; đồng thời nhà thơ bày tỏ tình yêu và niềm tự hào với truyền thống văn hoá nói chung và chuyện cổ nói riêng. Với Lâm Thị Mỹ Dạ, đất nước không chỉ đẹp bởi núi sông biển cả hùng vĩ, phong cảnh nên thơ mà làm nên chiều sâu vẻ đẹp đất nước còn bởi những truyền thống văn hoá, giá trị tinh thần – những điều cốt lõi đã làm nên gương mặt tâm hồn người dân Việt Nam. Nhà thơ cũng gián tiếp gửi tới mọi người thông điệp cần trân trọng và giữ gìn văn hoá dân gian cũng những giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc.

Bài thơ đã giúp mỗi tuổi thơ chúng ta yêu thêm chuyện cổ của đất nước mình, dân tộc mình. Đọc bài thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ, chúng ta mới hiểu rõ vì sao nhân dân ta từ người trẻ đến người già, ai cũng yêu, cũng thích chuyện cổ nước mình.

III. LUYỆN ĐỀ

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Bài thơ Chuyện cổ nước mình có thể thơ là...

A. Lục bát

B. Tự do

C. 5 chữ

D. 7 chữ

Câu 2: Câu thơ Thị thơm thị giầu người thơm nhắc đến truyện cổ tích nào?

A. Sọ Dừa

B. Tấm Cám

C. Em bé thông minh

D. Bông hoa cúc trắng

Câu 3: Từ nào sau đây là từ láy?

A. Thì thầm

B. Thiết tha

C. Đậm đà

D. Tất cả đều đúng

Câu 4: Hai câu thơ Đèo cày theo ý người ta/ Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì nhắc đến truyện cổ tích nào?

A. Đèo cày giữa đường

B. Trí khôn của ta đây

C. Con hổ có nghĩa

D. Cây tre trăm đốt

Câu 5: Bài thơ Chuyện cổ nước mình của tác giả nào?

A. Trần Đăng Khoa

B. Xuân Quỳnh

C. Lâm Thị Mỹ Dạ

D. Phan Thị Thanh Nhàn

Câu 6: Câu thơ sau gọi cho em nhớ tới câu tục ngữ nào?

Ở hiền thì lại gặp hiền

Người ngay thì được phạt, tiên độ trì

A. Ở hiền gặp lành

B. Trâu buộc ghét trâu ăn

C. Lá lành đùm lá rách

D. Gàn mực thì đen, gàn đèn thì rạng

Câu 7: Đâu không phải là lí do tác giả lại yêu truyện cổ nước nhà?

A. Vì truyện cổ giúp ta nhận ra những truyền thống quý báu của cha ông: công bằng, nhân ái, độ lượng,...

B. Vì truyện cổ giúp tác giả ru trẻ ngủ ngon.

C. Vì truyện cổ nước nhà rất nhân hậu, ý nghĩa sâu xa.

D. Vì truyện cổ lưu lại những bài học quý báu của cha ông: chăm chỉ, đùm bọc, ở hiền...

Câu 8: Nội dung của bài thơ Chuyện cổ nước mình là gì?

A. Truyện cổ nước ta chứa đựng nhiều bài học răn dạy của cha ông

B. Ca ngợi truyện cổ nước ta nhân hậu

C. Truyện cổ nước ta chứa đựng kinh nghiệm quý báu của cha ông

D. Ca ngợi truyện cổ nước ta vừa nhân hậu, vừa chứa đựng kinh nghiệm quý báu của cha ông

Câu 9: Từ nào không cùng nhóm với nhóm từ sau: đất nước, nước nhà, giang sơn, sông núi.

A. Tổ quốc

B. Tổ tiên

C. Nước non

D. Non nước

Câu 10: Hai câu thơ cuối bài có ý nghĩa gì?

Tôi nghe truyện cổ thăm thì

Lời cha ông dạy cũng vì đời sau

A. Nhắc nhở con cháu phải biết ơn cha ông đời trước

B. Tác giả nghe thấy tiếng nói của cha ông qua truyện cổ

C. Các bạn thiếu nhi rất yêu thích các câu chuyện cổ

D. Là lời dạy của cha ông với con cháu đời sau: Phải biết sống nhân hậu, độ lượng, công bằng,...

Câu 11: Hai từ “vàng” trong hai câu sau là hai từ đồng âm, đây là nhận xét đúng hay sai?

- Vàng cơn nắng trắng cơn mưa.

- Cô ấy đeo rất nhiều vàng

A. Đúng

B. Sai

Câu 12: Từ nào không cùng nhóm với nhóm từ sau: quê quán, quê cha đất tổ, quê hương bản quán.

A. Quê hương xứ sở

B. Nơi chôn rau cắt rốn

C. Quê mùa

D. Quê hương

Câu 13: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành câu sau đây:

Dòng sông chảy rất (...) giữa hai bờ xanh mượt lúa ngô.

A. Hiền hòa

B. Hiền lành

C. Hiền từ

D. Hiền hậu

Câu 14: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành câu sau đây:

Trên sân trường, mấy cây phượng vĩ nở hoa (...)

A. Đỏ ửng

B. Đỏ chói

C. Đỏ au

D. Đỏ tía

Câu 15: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống để hoàn thành câu sau đây:

Câu văn cần được (...) cho trong sáng và súc tích.

A. dẽo

B. gọt

C. giữa

D. gọt giữa

2. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Tôi yêu chuyện cổ nước tôi
 Vừa nhân hậu lại tuyệt vời sâu xa
 Thương người rồi mới thương ta
 Yêu nhau dù mấy cách xa cũng tìm
 Ở hiền thì lại gặp hiền
 Người ngay thì được phạt, tiên độ trì.
 Mang theo truyện cổ tôi đi
 Nghe trong cuộc sống thâm thì tiếng xưa
 Vàng cơn nắng, trắng cơn mưa
 Con sông chảy có rặng dừa nghiêng soi.
 Đời cha ông với đời tôi
 Như con sông với chân trời đã xa
 Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
 Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

(Trích *Chuyện cổ nước mình*, Lâm Thị Mỹ Dạ – SGK Ngữ văn 6, Chân trời sáng tạo, tập 1, trang 49)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ trên.

Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn thơ.

Câu 3. Hãy liệt kê ít nhất hai câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong đoạn thơ.

Câu 4. Em có đồng tình với quan niệm của tác giả trong hai câu thơ: “Chỉ còn chuyện cổ thiết tha/Cho tôi nhận mặt ông cha của mình” không? Vì sao ?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: biểu cảm

Câu 2 : Nội dung chính của đoạn thơ: Tình cảm yêu mến của tác giả đối với truyện cổ dân gian, cảm nhận thấm thía về bài học làm người ẩn chứa trong những truyện cổ dân gian mà cha ông ta đã đúc rút, răn dạy.

Câu 3 : Các câu tục ngữ, ca dao được gợi ra trong đoạn thơ:

- Ở hiền gặp lành

- Thương người như thể thương thân

- Yêu nhau mấy núi cũng trèo- mấy sông cũng lội mấy đèo cũng qua.

Câu 4 : Hướng HS theo quan niệm **đồng tình** vì:

- + Giữa thế hệ cha ông và con cháu thời nay cách nhau rất xa về thời gian, do đó để hiểu được đời sống tâm hồn, lời dạy của cha ông thì phải tìm hiểu qua những giá trị tinh thần mà cha ông để lại.
- + Chuyện cổ dân gian kết tinh những vẻ đẹp tình cảm, tư tưởng của cha ông xưa, là những lời dạy mà cha ông gửi gắm lại.
- + Chuyện cổ dân gian chính là nhịp cầu nối liền bao thế hệ, nối quá khứ và hiện tại để thế hệ sau noi theo những đạo lý từ người xưa đúc kết.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi

*Thị thom thì giầu người thom
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà
Đẽo cày theo ý người ta
Sẽ thành khúc gỗ chẳng ra việc gì
Tôi nghe chuyện cổ thăm thì
Lời cha ông dạy cũng vì đời sau
Đậm đà cái tích trâu cau
Miếng trâu đồ thắm nặng sâu tình người
Sẽ đi qua cuộc đời tôi
Bấy nhiêu thời nữa chuyển dời xa xôi
Nhưng bao chuyện cổ trên đời
Vẫn luôn mới mẻ rạng ngời lương tâm.*

(Chuyện cổ nước mình - Lâm Thị Mỹ Dạ, Thơ Tình Việt Nam chọn lọc, NXB Văn học, 2014, tr36-37)

Câu 1. Xác định thể thơ của đoạn trích trên.

Câu 2. Những truyện cổ nào được gọi ra trong đoạn trích trên?

Câu 3. “Người thom” được tác giả nhắc đến là ai trong các dòng thơ?

*Thị thom thì giầu người thom
Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà*

Câu 4. Rút ra bài học ý nghĩa nhất với em qua đoạn trích trên. Li giải lựa chọn.

Gợi ý làm bài

Câu 1: Thể thơ lục bát.

Câu 2: Những truyện cổ được gọi ra từ đoạn trích:

- + Tấm Cám
- + Đẽo cày giữa đường
- + Sự tích trâu cau

Mỗi ý trả lời đúng được

Câu 3:

“Người thom” được nhắc đến trong các dòng thơ là nhân vật cô Tấm trong truyện cổ tích “Tấm Cám”

Câu 4: HS lựa chọn một bài học ý nghĩa cho bản thân và lí giải.

Có thể nêu:

- Phải chăm chỉ, siêng năng làm việc. Vì nhưng người chăm chỉ, siêng năng mới tạo ra nhiều giá trị của cuộc đời, được mọi người yêu quý, kính trọng,...
- Hoặc trong cuộc sống, cần phải có chính kiến riêng của bản thân, không nên chỉ làm theo ý người khác vì chỉ bản thân ta mới hiểu rõ mình mong muốn gì nhất và lựa chọn nào phù hợp với mình nhất. Nếu bị động nghe theo lời người khác thì cuối cùng không làm nên việc gì.
- Hoặc cần tôn trọng những bài học ông cha gửi gắm trong những câu chuyện cổ vì đó là những bài học được đúc kết ngàn đời, luôn mới mẻ, không bao giờ cũ mòn.

3. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Việt Nam đất nấng chan hoà
 Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh
 Mắt đen cô gái long lanh
 Yêu ai yêu trợn tấm tình thủy chung
 Đất trăm nghề của trăm vùng
 Khách phương xa tới lạ lòng tìm xem
 Tay người như có phép tiên
 Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*

(Trích *Bài thơ Hắc Hải* – Nguyễn Đình Thi)

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra 02 hình ảnh về con người Việt Nam trong đoạn thơ trên.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ “*Tay người như có phép tiên – Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ*”.

Câu 4. Từ đoạn thơ trên, em cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam?

Hướng dẫn Trả lời :

Câu 1. Thể thơ lục bát

Câu 2. HS chỉ ra 02 hình ảnh về con người Việt Nam trong các hình ảnh sau: *mắt đen cô gái long lanh; yêu ai yêu trợn tấm tình thủy chung; tay người như có phép tiên; trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*

(Lưu ý HS có thể diễn đạt cách khác nhưng phải hợp lý)

Câu 3. Biện pháp so sánh: *Tay người như có phép tiên*

Tác dụng : *gợi ra niềm tự hào về vẻ đẹp tài hoa của con người Việt Nam trong lao động; làm cho câu thơ sinh động, giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm...*

Câu 4. HS có thể nêu cảm nhận về hai đặc điểm sau: *đất nước Việt Nam tươi đẹp, trù phú; con người Việt Nam thủy chung, tình nghĩa, khéo léo, tài hoa...*

4. Dạng viết ngắn:

Đề bài: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*Đời cha ông với đời tôi
 Như con sông với chân trời đã xa*

*Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

Yêu cầu:

- Nội dung đoạn văn: trình bày suy nghĩ về nội dung, nghệ thuật của đoạn thơ.
- Đoạn văn phải sử dụng 5-7 câu

Tìm ý, dàn ý:

Mở đoạn: Giới thiệu đoạn thơ trích trong tác phẩm nào, của ai, đoạn thơ nói về điều gì?

Thân đoạn:

- Trong hai dòng thơ đầu, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Biện pháp tu từ đó đã đem lại đã đem lại hiệu quả gì trong việc thể hiện tư tưởng tình cảm của tác giả?
- Vì sao tác giả khẳng định những câu chuyện cổ giúp chúng ta gặp lại cha ông, thấy được diện mạo tinh thần của những thế hệ đi trước. “Nhận mặt ông cha” là cảm nhận, thấu hiểu, trân trọng, kết thừa truyền thống, phong tục, tinh thần của dân tộc
- Em có cảm nhận gì về giọng điệu của đoạn thơ? (Tâm tình, nhấn nhủ)
- Đoạn thơ đã khơi gợi cho em những tình cảm gì đối với những câu chuyện cổ? (yêu mến, tự hào, biết ơn cha ông; trân trọng giữ gìn chuyện cổ, và nét đẹp truyền thống của văn hóa dân tộc)

Đoạn văn tham khảo:

*Đời cha ông với đời tôi
Như con sông với chân trời đã xa
Chỉ còn chuyện cổ thiết tha
Cho tôi nhận mặt ông cha của mình*

Những câu thơ trên trích trong bài thơ “Chuyện cổ nước mình” của nhà thơ Lâm Thị Mỹ Dạ; chỉ với bốn câu thơ nhưng tác giả đã khái quát giá trị tinh thần, ý nghĩa nhân sinh sâu sắc của kho tàng chuyện cổ dân tộc với con người (1). Bằng giọng thơ vừa tâm tình vừa bày tỏ suy ngẫm, triết lí, nhà thơ đã bày tỏ lòng biết ơn, lòng yêu mến đối với những chuyện cổ, nhờ đó mà thế hệ nhà thơ mới biết được bộ mặt tinh thần của cha ông (2). Hai câu thơ đầu sử dụng phép so sánh đặc sắc, tác giả so sánh mối liên hệ giữa “đời cha ông”- thế hệ đi trước với “đời tôi” – thế hệ sau giống như mối liên hệ giữa con sông với chân trời đã xa(3). Như dòng sông bắt đầu từ phía chân trời, cứ chảy mãi miết theo dòng thời gian, ngày càng xa điểm khởi thủy, cuộc đời con người cũng vậy, các thế hệ đi trước rồi sẽ dần rơi vào chiều sâu quá khứ, thế hệ sau gánh vác trách nhiệm lịch sử của thế hệ trước, tiếp tục làm dày thêm truyền thống văn hoá (4). Khoảng cách thời gian giữa các thế hệ được ví với khoảng cách không gian địa lí con sông – chân trời; “Chỉ còn chuyện cổ thiết tha” câu thơ mộc mạc khẳng định giá trị của chuyện cổ, đây là sợi dây liên kết vô hình giữa cha ông ta với con cháu muôn đời sau(5). Đọc chuyện cổ chính là chúng ta “*nhận mặt cha ông*”, (một hình ảnh hoán dụ đặc sắc) của mình, tức là nhận ra, thấu hiểu được thế giới tinh thần, tâm hồn, lối sống, phong tục, tập quán, quan niệm nhân sinh... được ghi dấu trong những câu chuyện từ ngàn xưa (6). Lời thơ thể hiện tình cảm yêu mến sâu nặng, tự hào, biết ơn của tác giả với thế giới chuyện cổ nói riêng và những giá trị văn hoá dân tộc nói chung (7). Lời thơ như nhắc nhở mọi người hãy trân trọng, yêu mến, tự hào về vẻ đẹp tâm hồn, về truyền thống văn hóa dân tộc trong chuyện cổ, đó là cách con người bày tỏ tình yêu và trách nhiệm của mình với quê hương đất nước (8).

Đề bài: Các văn bản đã học ở chủ đề “*Quê hương yêu dấu*” có nhiều hình ảnh thiên nhiên thật đẹp. Hãy sử dụng kiến thức học được và tưởng tượng để lưu giữ trong tâm hồn một hình ảnh, một khoảng khắc của thiên nhiên thực tế mà em đã quan sát và yêu thích. Em hãy viết một đoạn văn (5-7 câu) miêu tả một hình ảnh thiên nhiên tươi đẹp mà em lưu giữ trong kí ức.

Gợi ý đoạn văn: Miêu tả cảnh buổi sáng mùa xuân trên quê hương em.

Buổi sáng mùa xuân trên làng quê tôi mới đẹp làm sao!(1) Khi mặt trời hé khuôn mặt tròn trĩnh chào ngày mới, cả làng quê hiện ra trước mắt tôi tựa như một bức tranh huyền diệu(2). Sương tan dần, chân trời rộng mở, cánh đồng lúa đang bén hơi xuân biếc biếc một màu xanh, màu xanh ấy vươn mình, trời dậy, trái rộng đến tận chân trời (3). Chị Cò chăm chỉ vẫn khoác tấm áo trắng phau, bì bõm bắt mồi cho đàn con thơ(4). Đâu đó, tiếng chim chào mào, chích chòe ríu ra ríu rít như đang thảo luận nhóm xem “hôm nay bay đến phương trời nào?”(5). Kê, gió mơn man đưa vài khóm hoa bưởi đang lên hương trong vườn nhà bác Minh(6). Hương bưởi thơm như mời mọc ai đó tỉnh dậy mau kéo mùa xuân đi qua mất!(7)

ÔN TẬP VĂN BẢN: CÂY TRE VIỆT NAM

(Thép Mới)

I. TÁC GIẢ - TÁC PHẨM

- Thép Mới (1925 - 1991) tên khai sinh là Hà Văn Lộc.
- Quê ở quận Tây Hồ, Hà Nội, sinh ra tại Nam Định.
- Là một nhà báo, nhà văn nổi tiếng. Tác phẩm của ông giàu chất trữ tình, cảm hứng nổi bật là ca ngợi tình thần yêu nước của nhân dân ta.
- Một số tác phẩm như: *Cây tre Việt Nam*, *Hiên ngang Cu-ba*, *Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin*, *Điện Biên Phủ - một danh từ Việt Nam...*

II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Xuất xứ:

Sáng tác năm 1955, sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta.

bài *Cây tre Việt Nam* là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan. Thông qua hình ảnh cây tre, bộ phim thể hiện vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam, ca ngợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của dân tộc ta.

2. Phương thức biểu đạt: : bút ký chính luận trữ tình

Phương thức biểu đạt: Biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự, thuyết minh

3. Bố cục: Gồm 4 phần:

- Phần 1. Từ đầu đến “*chí khí như người*”: Cây tre có mặt ở mọi nơi trên đất nước ta và có những phẩm chất đáng quý.
- Phần 2. Tiếp theo đến “*chung thủy*”: Tre gắn bó với con người trong cuộc sống hàng ngày và trong lao động.
- Phần 3. Tiếp theo đến “*Tre, anh hùng chiến đấu*”: Tre sát cánh trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc.
- Phần 4. Còn lại: Tre là người bạn của dân tộc ta.

4. Nội dung

- Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam, cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam.

- Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn về đẹp của thiên nhiên, con người Việt Nam và truyền thống văn hóa dân tộc

5. Nghệ thuật

- Lời văn giàu hình ảnh, nhạc điệu thấm đẫm chất trữ tình.
- Cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...
- Nhiều chi tiết hình ảnh chọn lọc, giàu sức gợi.

1. Giới thiệu về vẻ đẹp của cây tre

* Hình ảnh cây tre được khắc họa chân thực:

- Hình dáng:
 - + *Mọc thẳng, xanh tốt ở mọi nơi*
 - + *Dáng vươn mọc mạc và thanh cao*
 - + *Mầm măng non mọc thẳng*
 - + *Màu xanh của tre tươi, nhũn nhặn.*
- Phẩm chất:
 - + *Tre cứng cáp, dẻo dai, vững chắc*
 - + *Luôn gắn bó, làm bạn với con người trong mọi hoàn cảnh*
 - + *Thẳng thắn, bất khuất, cùng con người chiến đấu, giữ làng, giữ nước.*
- Nghệ thuật thể hiện:
 - Từ ngữ miêu tả đặc sắc, gợi hình gợi cảm: *xanh tốt, thẳng, tươi, cứng cáp, dẻo dai...*
 - Nhân hóa cây tre: *giản dị, thanh cao, nhũn nhặn, ngay thẳng, thủy chung, bất khuất...*
 - Cảm xúc của tác giả:
 - + Ca ngợi vẻ đẹp của cây tre từ hình dáng đến đặc tính của loài cây thân thuộc nhưng lại gợi đến tính cách, phẩm chất của con người của con người Việt Nam.
 - + Bộc lộ niềm tự hào, tình yêu mãnh liệt của mình với cây tre, và con người Việt Nam

2. Tre gắn bó với con người Việt Nam

a. Trong lao động và cuộc sống hàng ngày.

- Tre trùm lên âu yếm bản làng, xóm, thôn.
- Dưới bóng tre, toàn bộ đời sống của con người được hiện ra:
 - + những mái đình, mái chùa cổ kính
 - + người dân cày Việt Nam *dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang...*
 - + Tre thành nôi ru êm những giấc ngủ trưa hè, là nguồn vui tuổi thơ: *chiếc thuyền lá tre, que chèo que chắt.*
 - + tre là nhịp bắc cho tình yêu đôi lứa
 - + với tuổi già hút thuốc làm vui thì có chiếc diều cày...
 - + Sự gắn bó suốt đời: *từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay*
- Nghệ thuật :
 - + Hình ảnh gần gũi: mái đình, mái chùa, cối xay tre, giang lạt, nôi tre, giường tre...
 - + Câu văn nhịp nhàng kết hợp với biện pháp liệt kê, nhân hóa, so sánh.
- Ý nghĩa:
 - + Khẳng định mối quan hệ gắn bó của cây tre với cuộc sống của con người Việt Nam.
 - + Ca ngợi nét đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc đậm đà bản sắc với thái độ tự hào, trân trọng.

b. Trong cuộc chiến đấu bảo vệ tổ quốc

- **Hoàn cảnh:** Khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến chống giặc: *Buổi đầu, không một tác sắt trong tay*

- **Vai trò, sức mạnh:** *tre là tất cả, tre là vũ khí:*

+ Vị thế của tre: *vũ khí, đồng chí chiến đấu, cái chông tre sông Hồng*

+ Hành động dũng cảm quên mình của tre: *chống lại sắt thép quân thù; tre xung phong vào xe tăng; tre hi sinh để bảo vệ con người;*

+ Đánh giá vẻ đẹp: *anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu.*

- Nghệ thuật :

+ So sánh: *tre* vật liệu tự nhiên, thô sơ với *sắt thép* những vật liệu để làm vũ khí cao cấp hơn)

+ Câu văn giàu nhịp điệu, điệp ngữ, liệt kê...tạo nên nhịp điệu; nhân hóa, ẩn dụ

+ Sử dụng các từ ngữ giàu tính biểu cảm: “tất cả”. “Tất cả”

- Ý nghĩa: Tình yêu, biết ơn của con người với tre; bày tỏ tình yêu nước, niềm tự hào về sức mạnh dân tộc trong kháng chiến vĩ đại.

c. Trong tương lai

- Khẳng định: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nữa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, bởi: *Tre vẫn là bóng mát, Tre vẫn mang khúc tâm tình...*

+ Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ. Hình ảnh của tre là thân thuộc. Hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau. Tin tưởng vào truyền thống văn hóa: *uống nước nhớ nguồn.*

+ Tre có sức sống mãnh liệt, ở đâu cũng có thể sống được;

+ Tre mang những đức tính của người hiền là tượng trưng cao quý của dân tộc Việt Nam

Đánh giá

a. Nghệ thuật.

- Với thể kí, bài văn giàu hình ảnh, nhạc điệu, thấm đẫm chất trữ tình.

- Cách sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ,...

- Nhiều chi tiết hình ảnh chọn lọc, giàu sức gợi

b. Nội dung

- Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam

- Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam.

- Tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn về đẹp của thiên nhiên, con người Việt Nam và truyền thống văn hóa dân tộc

BÀI VĂN THAM KHẢO

Thép Mới là cây bút nổi tiếng, có nhiều đóng góp cho văn học Việt Nam với nhiều tác phẩm bút kí, những bài thuyết minh cho phim, cũng như những tác phẩm thơ...Nhưng có lẽ, tên tuổi của nhà văn đã gắn liền với bài văn “Cây tre Việt Nam”. Đây là văn bản viết theo thể kí, vốn là bài thuyết minh cho một bộ phim của điện ảnh Ba Lan, ca ngợi cuộc kháng chiến chống Pháp vĩ đại của dân tộc ta năm 1955. Từ đó đến nay, đã trải qua nhiều thập kỉ, đất nước đã bước sang giai đoạn mới, nhưng mỗi lần đọc “Cây tre Việt Nam” mỗi người lại thêm yêu mến, tự hào về vẻ đẹp quê hương. Với giọng văn giàu nhạc điệu, thấm đẫm chất thơ, văn bản cho ta cảm nhận về vẻ đẹp, sự gắn bó, vai trò của cây tre trong đời sống của người dân Việt Nam theo suốt chiều dài lịch sử của dân tộc.

Năm 1954, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc ta bằng một dấu son chói lọi: chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” (Tố Hữu), thế giới phải nghiêng mình nể phục nhân dân Việt nam. Năm 1955, một đoàn làm phim Ba Lan đã sang Việt Nam làm một bộ phim tài liệu về con người và đất nước Việt nam, về cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, nhà văn Thép Mới được tham gia cùng làm bộ phim, và văn bản “*Cây tre Việt Nam*” được dùng làm lời bình của bộ phim.

Mở đầu bài kí, tác giả đã giới thiệu về cây tre với một mối quan hệ đặc biệt “*là người bạn thân của nông dân Việt Nam, bạn thân của nhân dân Việt Nam*”. Đó là mối quan hệ thân thiết, gắn bó không thể tách rời. Tre thân thuộc và có mặt ở khắp mọi nơi “*tre Đồng Nai, nửa Việt Bắc, tre ngút ngàn Điện Biên Phủ...*” cho đến “*lũy tre thân mật làng tôi*”, từ đó nhà văn đã khẳng định tre có mặt từ đồng bằng cho đến vùng núi cao. Không chỉ giới thiệu về sự có mặt của tre ở mọi miền tổ quốc, mà nhà văn còn giới thiệu về sức sống mãnh liệt của tre “*vào đâu tre cũng sống*”, “*ở đâu tre cũng xanh tốt*”.

Đặc biệt, tác giả giới thiệu nhiều phẩm chất đáng quý của cây tre “*Mọc thẳng, xanh tốt ở mọi nơi, dáng vươn mọc mạc và thanh cao, mầm măng non mọc thẳng, màu xanh của tre tươi, nhũn nhặn*”. Với các tính từ miêu tả đặc sắc, gợi hình gợi cảm: *xanh tốt, thẳng, tươi, cứng cáp, dẻo dai* nhà văn đã thổi hồn cho cây tre, giúp người đọc hình dung ra đặc điểm của cây tre. Tác giả đã nhân hóa cây tre, cây tre không phải là vật vô tri mà mang phẩm chất và đức tính của con người Việt Nam. Nhà văn không dấu được niềm tự hào, tình yêu mãnh liệt của mình với cây tre, và con người Việt Nam. Cây tre lại còn được Thép Mới so sánh “*trông thanh cao giản dị chí khí như người*”, liệt kê ra nhiều vẻ đẹp, nơi sống của tre, cùng các tính từ chỉ đặc điểm phẩm chất của cây tre. Điều đó đủ khẳng định, thể hiện tình yêu, sự gắn bó, cũng như những hiểu biết rất sâu sắc của mình với loài cây tre, tạo ấn tượng cho người đọc về loài tre.

Nhà văn đã giới thiệu tre là người bạn thân của người nông dân, của nhân dân Việt Nam ở đâu văn bản. Tại sao vậy? Phần tiếp theo nhà văn khẳng định vai trò của tre. Tre đã gắn bó với con người Việt Nam trên nhiều phương diện: trong đời sống và trong lao động, trong chiến đấu, trong đời sống tinh thần và trong tương lai. Mỗi chặng đường của lịch sử, mỗi phương diện của đời sống, nhà văn đã khẳng định những gắn bó của cây tre với con người như thế nào?

Trong lao động và cuộc sống hàng ngày, nhà văn đã mượn một câu thơ của Tố Hữu để giới thiệu mối khăng khít, gắn bó của tre với con người “*Bóng tre trùm mát rượi*” câu thơ tạo một nốt nhấn cho bài ca của tình người tình tre. Quả thật, cây tre gần gũi và thân thuộc với con người từ bao đời nay: “*trùm lên âu yếm, ăn ở với con người, giúp người, vất vả với con người...*” nhà văn nhân hóa cây tre như người bạn đồng hành, sát cánh với con người Việt Nam. Điệp ngữ “*Dưới bóng tre xanh*” 3 lần gọi lên trước mắt người đọc bóng tre xanh bao trùm lên làng quê. Các từ “*lâu đời, đời đời, kiếp kiếp, từ nghìn đời nay...*” đứng đầu các câu văn nhấn mạnh sự đồng hành của tre với con người trong lao động sản xuất từ xưa đến nay. Giọng văn đến đây như lắng xuống, tác giả như đang gọi nhắc lại những thời kì lịch sử đau thương của dân tộc, chúng ta đã trải qua một nghìn năm đô hộ của phong kiến phương Bắc, gần một trăm năm áp bức của thực dân Pháp, trong suốt thời gian ấy tre vẫn kề vai sát cánh cùng con người “*cối xay tre vẫn nặng nề quay tuest ngàn đời nay, xay thúng thóc*” tre vẫn cùng con người cần cù, nhằn nặn cùng con người. Chính vì vậy tre được ví là “*Tre là cánh tay*

của người nông dân” hình ảnh so sánh rất giản dị đã khẳng định, ngợi ca những ân tình của tre với người nông dân trong lao động sản xuất từ bao đời. Viết về tre, nhưng Thép Mới lại giúp người đọc cảm nhận về không gian văn hóa truyền thống của người Việt Nam. Đó là không gian của mái đình cổ kính, của cuộc sống lao động lam lũ, của con người bền bỉ, nhẫn nại vươn lên bất chấp mọi khắc nghiệt của cuộc sống. Mỗi câu văn thấm đẫm chất thơ, chất nhạc, như bồi đắp thêm cho ta tình yêu và niềm tự hào về quê hương xứ sở!

Trong đời sống hàng ngày, tác giả đã khẳng định sự gắn bó giữa tre với người rất khăng khít, sự gắn bó là suốt đời. *Theo hành trình của đời người (Từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm)* tre có vai trò như thế nào? Tác giả khẳng định tre là nguồn vui tuổi thơ “*chiếc thuyền lá tre, que chuyền que chắt*” nghĩa là tre góp phần làm cho tuổi thơ được sống hồn nhiên, hạnh phúc, vui tươi với bao kỉ niệm về trò chơi con trẻ nhưng vô cùng thích thú. Đến tuổi thanh xuân, tre là nhịp cầu bắc cho tình yêu đôi lứa “*Những mối tình quê thương nỉ non dưới bóng tre nứa*” nghĩa là tre là minh chứng cho bao tâm tình của tuổi trẻ, rồi tre kết tình lứa đôi như ca dao từng viết: “*Lạt này gói bánh chưng xanh, cho mai lấy trúc cho anh lấy nàng*”. Còn đến lúc con người ta xế bóng, tre làm chiếc gối cày để hút thuốc làm vui. Thậm chí, đến khi “*nhắm mắt xuôi tay*”, người ta vẫn gắn bó với tre “*nằm trên chiếc giường tre*”. Đó là sự gắn bó không phải ngày một ngày hai mà là sự gắn bó suốt cả cuộc đời. Từ khi cất tiếng khóc chào đời, cả tuổi ấu thơ, tuổi thanh xuân thậm chí đến khi già yếu, qua đời. Sự đồng hành của con người từ khi ra đời đến khi nhắm mắt xuôi tay, tre với người sống có nhau, chết có nhau, chung thủy, son sắt. Thép Mới dùng hình ảnh gần gũi như “*mái đình*”, “*mái chùa*”, “*cối xay tre*”, “*giang lạt*”, “*nôi tre*”, “*giường tre*”...; câu văn nhịp nhàng kết hợp với biện pháp liệt kê những chặng đường khác nhau trong cuộc đời con người; nhân hóa, so sánh đặc sắc; từ đó khẳng định những ân tình của con người với tre. Mối quan hệ của cây tre với cuộc sống của con người Việt Nam là quan hệ gắn bó, thủy chung, không thể tách rời. Cũng từ đó, tác giả ca ngợi nét đẹp của truyền thống văn hóa dân tộc đậm đà bản sắc với thái độ tự hào, trân trọng.

Tre không chỉ gắn bó với con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong cuộc sống đời thường mà tre còn gắn bó với con người trong chiến đấu. Đến đây, giọng văn trở nên rắn rỏi, mạnh mẽ, sôi nổi, chứa đựng niềm tự hào của tác giả. Nhà văn đặt vào hoàn cảnh cụ thể. Đó là lúc khó khăn, gian khổ của cuộc kháng chiến chống giặc “*Buổi đầu, không một tác sắt trong tay*”, tre có vai trò, sức mạnh đặc biệt “*tre là tất cả, tre là vũ khí*”. Vị thế của tre được tôn vinh “*vũ khí, đồng chí chiến đấu đồng cam cộng khổ, cái chông tre sông Hồng*”. Từ những buổi đầu dựng nước, biểu tượng của lòng yêu nước quyết tâm đánh giặc cứu nước đã được kết tinh qua vẻ đẹp của Thánh Gióng. Cũng từ hình tượng Gióng chúng ta còn thấy được sự gắn kết của tre với người khi Gióng đánh giặc roi sắt gãy, liền nhổ tre bên đường quật vào lũ giặc, xác giặc như ngã dạ. Trở lại thực tế lúc đó, trong năm tháng kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, “*tre xung phong vào xe tăng đại bác*”. Hành động dũng cảm quên mình của tre: “*chống lại sắt thép quân thù; tre xung phong vào xe tăng; hi sinh để bảo vệ con người*”. Bằng những vũ khí thô sơ, tre cùng người đã làm nên những chiến công oanh liệt, những dấu son chói lọi. Con người được so sánh: “*như tre mọc thẳng con người không chịu khuất phục*”, tre được nhân hóa: “*tre là đồng chí chiến đấu, cùng ta làm ăn, vì ta mà cùng ta đánh giặc...hi sinh để bảo vệ con người*”. Điệp ngữ “*tre*”, “*giữ*” trong câu văn “*tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín*” tác giả đã nhấn mạnh vai trò của cây tre. Giọng văn không còn bùi

ngủi trầm lắng như ở đoạn trước mà trở nên sôi nổi, mạnh mẽ, hào hùng hơn, thấm đẫm niềm tự hào của một dân tộc vừa chiến thắng kẻ thù xâm lược. Tác giả kết hợp với các động từ mạnh như “*chống lại*”, “*xung phong*”, “*giữ*”,...nhấn mạnh sự dũng cảm gan dạ của cây tre kiên cường trong chiến tranh. Nhà văn khẳng định vai trò của tre, vị thế của tre bằng câu văn trắc nịch “*anh hùng lao động, anh hùng chiến đấu*”. Tre được phong tặng danh hiệu cao quý “*Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!*” Sự lặp lại cấu trúc câu văn khiến giọng văn trở nên mạnh mẽ, khẳng định trong chiến đấu, tre là một người chiến sĩ quả cảm, anh hùng, cùng con người xông pha nơi trận mạc. Vẻ đẹp anh hùng, kiên cường, quả cảm, hi sinh quên mình của tre đã cho thấy được vai trò to lớn của cây tre đối với nhân dân, đất nước. Hình ảnh cây tre trở thành biểu tượng cho dân tộc Việt Nam.

Từ những đóng góp to lớn ấy, tre đã đi vào đời sống tinh thần của dân tộc. Lời văn bay bổng tựa như lời thơ, nhà văn đã khéo léo kết hợp câu văn có vần có nhịp, đậm chất thơ

Điều bay, điều lá tre bay lưng trời...

Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời...

Gió đưa tiếng sáo, gió nâng cánh điều.

Tre trở thành nhạc cụ dân dã như làm sáo, làm điều, làm sạp để múa trong hội vui mừng chiến thắng...Âm thanh du dương của nhạc cụ dân dã ấy có sự đóng góp của tre; để từ đây tác giả đã giới thiệu cả một đời sống tinh thần vừa phong phú, vừa sôi nổi, tình yêu cuộc sống của người dân Việt Nam dưới bóng tre xanh. Cái hòa quyện của tình người, tình tre trong chất thơ bay bổng, giàu nhạc điệu của bài kí.

Viết về tre, nhà văn không chỉ nhìn vào lịch sử, vào thức tại, mà ông còn hướng ngòi bút cầu mình đến tương lai với không ít trăn trở. Trong tương lai, khi sắt thép xi măng thay thế tre nứa, nhà văn Thép Mới không khỏi lo lắng, băn khoăn, tre sẽ ở đâu? Trên đường tới tương lai “*măng mọc trên phù hiệu ở ngực thiếu nhi Việt Nam*” tre trở thành biểu tượng cho sự nối tiếp của các thế hệ con người. Dù cho tương lai: “sắt thép có thể nhiều hơn tre nứa”, nhưng tre vẫn là một hình ảnh vô cùng thân thuộc, hiện hữu trong đời sống của con người Việt Nam. Âm thanh của tiếng sáo vút cao trong trẻo sẽ không có một thứ vật liệu nào thay thế cho tre; bởi: *Tre vẫn là bóng mát, Tre vẫn mang khúc tâm tình*, tre sẽ tươi những công chào thắng lợi, những chiếc đu tre vẫn rướn lên bay bổng, tiếng sáo điều tre vút mãi... Tre đã gắn với con người Việt Nam qua rất nhiều thế hệ. Hình ảnh của tre là thân thuộc. Hình ảnh có sự kế tiếp, từ đời này sang đời khác truyền cho nhau. Tin tưởng vào truyền thống văn hóa: *uống nước nhớ nguồn*.

Hình ảnh cây tre đã trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều tác phẩm thơ ca như , *Quê hương* của Tế Hanh, *Tre Việt Nam* của Nguyễn Duy...Nhưng “Cây tre Việt Nam” của Thép Mới mang dấu ấn riêng trên diễn đàn văn học. Nhà văn thành công với thể bút kí, bài văn giàu hình ảnh, nhạc điệu, thấm đẫm chất trữ tình. Sử dụng các biện pháp tu từ như điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ, nhiều chi tiết hình ảnh chọn lọc, giàu sức gợi, ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, bài văn đã tôn vinh, ca ngợi cây Việt Nam. Tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam, mang nhiều vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu, trở thành biểu tượng của đất nước, dân tộc Việt Nam. Bài viết còn gửi gắm tình yêu quê hương, đất nước và niềm tự hào của nhà văn về vẻ đẹp của thiên nhiên, con người Việt Nam và truyền thống văn hóa dân tộc.

III. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Bài cây tre Việt Nam được viết theo thể loại nào?

- A. Truyện B. Kí C. Tiểu thuyết D. Thơ

Câu 2: Câu nào dưới đây nói về văn bản Cây tre Việt Nam?

- A. Là truyện ngắn đạt giải nhất trong cuộc thi viết về làng quê và con người Việt Nam.
B. Là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan.
 C. Là kí sự của tác giả viết về cây tre Việt Nam.
 D. Là tác phẩm đạt giải nhì trong cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi.

Câu 3: Trong bài văn, tác giả không miêu tả phẩm chất nào của cây tre?

- A. Vẻ đẹp thẳng thắn, bất khuất.
 B. Vẻ đẹp thanh thoát, dẻo dai.
 C. Vẻ đẹp thủy chung, gắn bó với con người.
D. Vẻ đẹp mềm dẻo, linh hoạt của tre

Câu 4: Để miêu tả phẩm chất của tre, tác giả sử dụng chủ yếu biện pháp tu từ nào?

- A. Hoán dụ B. So sánh C. Ẩn dụ **D. Nhân hóa**

Câu 5: Từ nào không thể thay thế cho từ “nhũn nhặn” trong câu “Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn” ?

- A. Bình thường** B. Khiêm nhường C. Bình dị D. Giản dị

Câu 6: Đoạn văn: “Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thủy” nói lên điều gì?

- A. Sự gắn bó thủy chung của tre với con người trong suốt cả cuộc đời.**
 B. Sự tận tình của tre trong việc phục vụ con người.
 C. Những phẩm chất cao quý của tre đối với con người.
 D. Những đóng góp của tre cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Câu 7: Trong câu "Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre", hình ảnh sông Hồng được dùng theo lối:

- A. Ẩn dụ** B. Hoán dụ C. So sánh D. Nhân hóa

Câu 8: "Thành đồng Tổ Quốc" là chỉ danh hiệu miền đất nào?

- A. Bắc Bộ B. Trung Bộ C. Nam Bộ **D. Tây Nguyên**

Em hãy tìm những câu tục ngữ dân gian, câu ca dao, câu chuyện, bài thơ có nói tới hình ảnh cây tre?

GV chia lớp thành 4 nhóm, cho HS thi cuộc thi NHANH NHƯ CHỚP- thời gian 3 phút;

Nhóm nào tìm được nhiều, nhóm đó chiến thắng

1. Tre già, măng mọc; Lạt mềm buộc chặt (*tục ngữ*)
2. - Lạt này gói bánh chưng xanh
 Cho mai lấy trúc cho anh lấy nàng
 - Khi đi trúc chữa mọc măng

Khi về trúc đã cao bằng ngọn tre.

(*Ca dao*)

3. Cây tre trăm đốt (truyện dân gian)
4. Tre Việt Nam (Nguyễn Duy);

“Quê hương tôi có con sông xanh biếc

Nước gương trong soi tóc những hàng tre”

(*Quê hương*, Tế Hanh)

2. Đọc hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau đây và trả lời câu hỏi

“...Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình, mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hóa lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang. Tre ăn ở với người đời đời, kiếp kiếp. Tre, nứa, vầu giúp người hàng nghìn công việc khác nhau. Tre là cánh tay của người nông dân”.

(*Trích Cây tre Việt Nam, Thép Mới*)

Câu 1. Đoạn văn trích trong văn bản nào, của ai? Thể loại của văn bản?

Câu 2. Nội dung chính của đoạn văn.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa trong đoạn văn?

Câu 4.

a. Hãy kể tên 2 trải nghiệm chứng tỏ cây tre vẫn gắn bó với em và gia đình trong cuộc sống hàng ngày?

b. Theo em, là học sinh đang tuổi đến trường, em thấy mình cần làm gì để lưu giữ giá trị của văn hóa dân tộc? (*dành cho HS giỏi*)

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Đoạn trích trên được trích từ văn bản "Cây tre Việt Nam" của tác giả Thép Mới, thuộc thể loại kí

Câu 2. Nội dung chính: Đoạn văn trên nói về sự gắn bó, thủy chung của cây tre với con người trong cuộc sống đời thường. Với bao phẩm chất cao quý, tre luôn là biểu tượng của quê hương, đất nước và dân tộc Việt Nam.

Câu 3. Đoạn trích trên sử dụng biện pháp nghệ thuật là nhân hóa.

- "Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn"

- "Tre ăn ở với người, đời đời kiếp kiếp"

Tác dụng:

+ Khẳng định sự gắn bó, khăng khít của tre với con người và cuộc sống của nhân dân Việt Nam

+ Bài tỏ tình yêu mến tự hào của tác giả với cây tre nói riêng, với truyền thống văn hóa dân tộc Việt nói chung

+ Làm cho hình ảnh cây tre trở nên gần gũi, sinh động, gợi hình gợi cảm.

Câu 4.

a. Hai trải nghiệm chứng tỏ cây tre vẫn gắn bó với em và gia đình trong cuộc sống hàng ngày:

- em cùng chị chơi chuyền bằng que tre, ông thổi sáo tre

- vật dùng trong nhà em đang dùng là tre: rổ, rá, tấm tre,...

- Hàng ngày em vẫn chơi với bạn bè dưới khóm tre làng...

b. Theo em, là học sinh đang tuổi đến trường, em thấy mình cần làm gì để lưu giữ giá trị của văn hóa dân tộc

Những việc cần làm của học sinh để giữ gìn truyền thống văn hóa dân tộc:

- Tích cực tham gia các hoạt động giữ gìn văn hóa dân tộc: như tham gia chơi các trò chơi dân gian;...
- Học tập nghiêm túc bộ môn khoa học xã hội, đặc biệt môn lịch sử.
- Biết tìm hiểu, giữ gìn lễ hội truyền thống, những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc, của quê hương...
- Tuyên truyền đến người thân, bạn bè cùng có hành động cụ thể để bảo tồn văn hóa dân tộc, lên án những hành vi hủy hoại văn hóa dân tộc.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau đây và trả lời câu hỏi

"Như tre mọc thẳng, con người không chịu khuất phục. Người xưa có câu: "Trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng". Tre là thẳng thắn, bất khuất! Ta kháng chiến, tre lại là đồng chí chiến đấu cùng ta. Tre vốn cùng ta làm ăn, lại vì ta mà cùng đánh giặc.

Buổi đầu đàn giặc không có một tác sắt trong tay, tre là tất cả, tre là vũ khí. Muôn đời biết ơn gậy tầm vông đã dựng nên Thành đồng Tổ quốc. Và sông Hồng bất khuất có cái chông tre.

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!"

(Trích Cây tre Việt Nam, Thép Mới)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt có trong đoạn văn trên?

Câu 2. Chỉ ra về nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn “Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!”

Câu 3. Trong đoạn văn, tác giả ca ngợi vẻ đẹp nào của cây tre:

- Vẻ đẹp anh hùng, kiên cường, quả cảm, hi sinh quên mình của cây tre trong các cuộc kháng chiến bảo vệ tổ quốc.

Câu 4. Những thông điệp mà em rút ra sau khi đọc văn bản có đoạn văn.

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Phương thức biểu đạt có trong đoạn văn trên: Biểu cảm, miêu tả, tự sự

Câu 2.

* Chỉ ra

- Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn “Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu!” nhân hóa cây tre có những phẩm chất như con người: “anh hùng” trong lao động và chiến đấu.

- Điệp ngữ: “Tre, anh hùng ...! Tre, anh hùng ...!” (Hai câu văn có cấu trúc hoàn toàn giống nhau)

* Tác dụng

- Sự lặp lại cấu trúc câu văn khiến giọng văn trở nên mạnh mẽ, sôi nổi...;

- Làm cho câu văn sinh động, gợi hình, gợi cảm.
 - Khẳng định trong chiến đấu, tre là một người chiến sĩ quả cảm, anh hùng, cùng con người xông pha nơi trận mạc. Tác giả ca ngợi vẻ đẹp anh hùng, kiên cường, quả cảm, hi sinh quên mình của tre, khẳng định vai trò to lớn của cây tre đối với nhân dân, đất nước. Hình ảnh cây tre trở thành biểu tượng cho dân tộc Việt Nam.
 - Thể hiện tình yêu, tự hào của nhà văn về cây tre, về con người dân tộc Việt Nam.
- Câu 3.** Trong đoạn văn, tác giả ca ngợi vẻ đẹp của cây tre: Tác giả ca ngợi vẻ đẹp anh hùng, kiên cường, quả cảm, hi sinh quên mình của tre; đó cũng là vẻ đẹp của con người Việt Nam.
- Câu 4.** Những thông điệp mà em rút ra sau khi đọc văn bản có đoạn văn là:
- Bài học về “uống nước nhớ nguồn” biết ơn bao thế hệ cha ông đã cống hiến xây dựng đất nước.
 - Biết yêu thiên nhiên, yêu cây tre loài cây là biểu tượng cho dân tộc, yêu quê hương đất nước.
 - Tìm hiểu, trân trọng, giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống văn hóa dân tộc.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Có gì đâu, có gì đâu
Mỡ màu ít chắt dồn lâu hoá nhiều
Rễ siêng không ngại đất nghèo
Tre bao nhiêu rễ bấy nhiêu cần cù
Vươn mình trong gió tre đu
Cây kham khổ vẫn hát ru lá cành
Yêu nhiều nắng nỏ trời xanh
Tre xanh không đứng khuất mình bóng râm
Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm.*

(Trích *Tre Việt Nam* - Nguyễn Duy)

- Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính và nội dung chính trong đoạn thơ trên.
- Câu 2.** Chỉ ra các từ láy trong đoạn thơ trên.
- Câu 3.** Nêu tác dụng của 01 biện pháp tu từ đặc sắc được sử dụng trong hai câu thơ:
"Bão bùng thân bọc lấy thân/ Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm"
- Câu 4.** Theo em, hình ảnh cây tre đã gợi lên những phẩm chất cao quý nào của dân tộc Việt Nam?

GỢI Ý ĐÁP ÁN

- Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên: Biểu cảm
- ND chính: Đoạn thơ ca ngợi tinh thần, phẩm chất tốt đẹp của cây tre cũng như con người VN
- Câu 2.** Các từ láy: mỡ màu, cần cù, kham khổ, nắng nỏ, bão bùng
- Câu 3.** Biện pháp tu từ nhân hóa.
- Tác dụng: gợi cảm xúc và nhấn mạnh về tinh thần, phẩm chất tốt đẹp của cây tre cũng chính là của con người VN (sự đoàn kết đùm bọc che chở nhau, sự cố gắng bền bỉ vươn lên trong hoàn cảnh khó khăn thử thách)

Câu 4. Theo em, hình ảnh cây tre đã gợi lên những phẩm chất cao quý nào của dân tộc Việt Nam: Sự cố gắng bền bỉ vươn lên trong hoàn cảnh khó khăn thử thách, sự đoàn kết đùm bọc che chở lẫn nhau.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*Có cây hồng trĩu cành sai
Trưa yên ả rừng một vài tiếng chim
Có con mắt lá lim dim
Cánh diều ai thả nổi chìm trên mây
Bến quê nước đục sông gầy
Có con thuyền giấy chở đầy mộng mơ
Cánh bèo con nhện giăng tơ
Cào cào tránh nắng đậu nhờ tàn sen
Có ri ri tiếng dế mèn
Có bầy đom đóm thấp đèn đêm thâu
Có con cuốc ở bờ lau
Kêu dài ngày hạn, kêu nhàu ngày mưa.
(Trích Hoa bìm- Nguyễn Đức Mậu)*

Câu 1: Xác định các phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên.

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn thơ?

Câu 3: Em thích hình ảnh thiên nhiên nào nhất trong đoạn thơ? Lí giải tại sao em thích?

Câu 4: Với em, tuổi thơ được gắn bó với những cảnh vật thiên nhiên. Hãy chia sẻ về một hình ảnh thiên nhiên đẹp trong kí ức của em bằng một câu văn có sử dụng từ láy. (Chỉ rõ từ láy đó)

Gợi ý trả lời

Câu 1. Biểu cảm, miêu tả

Câu 2. Nội dung chính của đoạn thơ: Đoạn thơ khắc họa bức tranh thiên nhiên tươi đẹp của tuổi thơ của tác giả gắn với hình ảnh hoa bìm, từ đó nhà thơ bộc lộ nỗi nhớ và tình yêu quê hương tha thiết.

Câu 3. HS nêu bất kì một hình ảnh thiên nhiên nào có trong đoạn thơ.

Lí giải: lí do yêu thích

Câu 4. HS có thể chia sẻ một hình ảnh thiên nhiên yêu thích của mình: cây cối, hoa lá, chim muông ...

HS biết dùng một từ láy thích hợp để miêu tả hình ảnh thiên nhiên đó phù hợp

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn thơ sau đây và trả lời câu hỏi

*Bão bùng thân bọc lấy thân
Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm
Thương nhau tre không ở riêng*

Lũy thành từ đó mà nên hỡi người
 Chẳng may thân gãy cành rơi
 Vẫn nguyên cái gốc truyền đời cho măng
 Nòi tre đâu chịu mọc cong
 Chưa lên đã nhọn như chông lạ thường
 Lưng trần phơi nắng phơi sương
 Có manh áo cộc tre nhường cho con
 (Trích *Tre Việt Nam* – Nguyễn Duy)

Câu 1. Hãy xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên?

Câu 2. Nội dung chính của đoạn thơ trên.

Câu 3. Nêu 2 biện pháp tu từ tác giả sử dụng chủ yếu trong đoạn thơ trên.

Câu 4. Hai dòng thơ: “Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con” biểu đạt vấn đề gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: phương thức biểu cảm.

Câu 2. Nội dung chính của đoạn thơ: Qua chuyện cây tre, tác giả ngợi ca phẩm chất của con người Việt Nam: luôn vượt qua khó khăn, gian khổ bằng sức sống bền bỉ, bằng tình yêu thương, tinh thần đoàn kết gắn bó lẫn nhau.

Câu 3. Trong đoạn thơ, tác giả sử dụng phép tu từ:

+ Ẩn dụ (cây tre ẩn dụ cho con người Việt Nam);
 + Nhân hóa (trong các câu: Bao bọc thân bọc lấy thân/ Tay ôm tay níu tre gần nhau thêm/ Thương nhau tre không ở riêng/ Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con).

- Tác dụng:

+ Giúp câu thơ thêm sinh động, gợi hình, gợi tả, gợi cảm
 + Sự vật trở nên có hồn hơn, mang sắc thái, dáng vóc của con người.
 + Qua việc khắc họa hình ảnh cây tre, tác giả đã bộc lộ, đặc tả những phẩm chất vốn có của con người Việt Nam.

Câu 4. Hai dòng thơ: Lưng trần phơi nắng phơi sương/ Có manh áo cộc tre nhường cho con biểu đạt tinh thần chịu thương chịu khó, hi sinh bản thân vì con của cây tre, cũng tức là của con người Việt Nam.

Hình tượng cây tre trong hai câu thơ đã thể hiện, khắc họa hình ảnh người mẹ tần tảo, chịu thương chịu khó vì con. Đây cũng chính là điểm độc đáo đồng thời cũng chính là sự sáng tạo của nhà thơ. Mượn hình ảnh cây tre cùng thủ pháp nhân hóa, tác giả không chỉ khiến cây tre trở nên có hồn hơn, mang sắc thái như con người vừa ẩn hiện lấp ló đằng sau hình ảnh cây tre ấy chính là hình ảnh người mẹ lam lũ, chịu thương chịu khó, dãi dầm mưa nắng. Không quản ngại khó khăn để kiếm miếng cơm manh áo nuôi con. Qua đó, tác giả cũng thể hiện tình yêu bao la đối với những người mẹ Việt Nam anh hùng.

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT:

Từ đồng âm, Từ đa nghĩa, biện pháp tu từ hoán dụ

I. LÝ THUYẾT

1. Từ đa nghĩa:

- Từ đa nghĩa là từ có hai hay nhiều hơn hai nghĩa, các nghĩa này có liên quan với nhau.

Ví dụ: Từ "ăn" có hơn 10 nghĩa, trong đó có các nghĩa như: a) *đưa thức ăn vào cơ thể qua miệng (ăn cơm); b) ăn uống nhân dịp gì đó (ăn Tết); c) máy móc phương tiện giao thông tiếp nhận nhiên liệu (tàu ăn than);...*

2. Từ đồng âm:

- Từ đồng âm là những từ có âm giống nhau nhưng nghĩa khác nhau, không có mối liên hệ nào với nhau.

Ví dụ: đường với nghĩa *chất kết tinh có vị ngọt (ngọt như đường)* đồng âm với đường có nghĩa *lối đi được tạo ra để nối các nơi (đường đến trường)*.

Trong câu mỗi từ thường chỉ được dùng với một nghĩa. Để hiểu đúng nghĩa của từ trong câu, cần dựa vào các từ ngữ xung quanh nó. Tuy nhiên, trong một số trường hợp, người nói, người viết có thể cố ý dùng một từ theo hai nghĩa như một cách chơi chữ.

Ví dụ: Trong bài ca dao sau, tác giả đã cố ý dùng từ *lợi* theo hai nghĩa: "Bà già đi chợ Cầu Đông/ Bói xem một quẻ lấy chồng *lợi* chăng/ Thầy bói gieo quẻ nói rằng/ *Lợi* thì có *lợi* nhưng răng chẳng còn".

- **Phân biệt từ đồng âm và từ đa nghĩa:**

***Giống nhau:** đều có hình thức âm thanh giống nhau (đọc và viết).

***Khác nhau:**

- Từ đồng âm là từ cùng âm thanh những nghĩa khác nhau.

Ví dụ:

Cô ấy được điểm **chín** (chín: chỉ một con số).

Cánh đồng bát ngát lúa **chín** (chín: lúa đến lúc thu hoạch).

- Từ nhiều nghĩa là từ một nghĩa gốc có thể tạo thành nhiều nghĩa chuyển.

Ví dụ:

Cánh đồng bát ngát lúa **chín** (nghĩa gốc).

Hãy nghĩ cho **chín** rồi mới nói (chín: suy nghĩ kĩ càng, chắc chắn).

GV lưu ý:

Từ đồng âm: bản chất là những từ khác nhau, có vỏ âm thanh giống nhau, do đó nghĩa của chúng khác xa nhau, chẳng có mối liên hệ nào.

Từ đa nghĩa: bản chất là một từ, có nhiều nghĩa, các nghĩa có mối liên quan, nghĩa chuyển bao giờ cũng sinh ra trên cơ sở nghĩa gốc.

3. Biện pháp tu từ hoán dụ

Hoán dụ là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Có 4 kiểu hoán dụ thường gặp:

- + Lấy một bộ phận để gọi toàn thể;
- + Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng;
- + Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật;
- + Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng

a. Suốt một đời người, từ thuở lọt lòng trong chiếc nôi tre, đến khi **nhắm mắt xuôi tay**, nằm trên chiếc giường tre, tre với mình sống có nhau, chết có nhau, chung thủy.

Hình ảnh hoán dụ: Nhắm mắt xuôi tay: nói đến cái chết.

b. Tre giữ làng giữ nước, giữ **mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín**.

Hình ảnh hoán dụ: Mái nhà tranh, đồng lúa chín: thay thế cho quê hương, làng mạc, ruộng đồng nói chung.

c. Thị thơm thì giấu người thơm/Chăm làm thì được áo cơm cửa nhà

Hình ảnh hoán dụ: Áo cơm cửa nhà: nói đến của cải vật chất, những thứ tốt đẹp mà người tốt, hiền lành xứng đáng được hưởng.

4. Thành ngữ:

- Khái niệm: Thành ngữ là cụm từ cố định, biểu thị một ý tương đối hoàn chỉnh.

- Muốn giải nghĩa của thành ngữ cần căn cứ vào ngữ cảnh sử dụng.

- Công dụng: Việc sử dụng thành ngữ giúp cho lời ăn tiếng nói sinh động, có tính biểu cảm cao

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

1. Bài tập về từ đồng âm

Bài 1. Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm trong các cụm từ sau:

a. Cánh đồng – tượng đồng – một nghìn đồng.

b. Hòn đá – đá bóng.

c. Ba và má – ba tuổi.

Gợi ý trả lời

a. Cánh đồng – tượng đồng – một nghìn đồng.

- Cánh đồng: đồng là khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy và trồng trọt.

- Tượng đồng: đồng là kim loại màu đỏ, dễ dát mỏng và kéo sợi, thường dùng làm dây điện.

- Một nghìn đồng: đồng là đơn vị tiền tệ của Việt Nam..

b. Hòn đá – đá bóng.

- Hòn đá: đá là chất rắn cấu tạo nên vỏ trái đất, kết thành từng hòn, từng tảng.

- Đá bóng: đá là hành động đưa nhanh chân và hất mạnh bóng cho ra xa hoặc đưa bóng vào khung thành đối phương.

c. Ba và má – ba tuổi.

- Ba và má: ba là bố (thầy, tía) người sinh ra và nuôi dưỡng mình.

- Ba tuổi: ba là số tiếp theo sau số 2 trong dãy số tự nhiên.

Bài 2: Đặt câu để phân biệt các từ đồng âm bàn, cờ, nước.

- Bàn (bàn: đồ dùng bằng gỗ có mặt phẳng và chân đứng; bàn: trao đổi ý kiến).

- Cờ (cờ: vật làm bằng vải lụa, có kích cỡ, màu sắc nhất định, tượng trưng cho một quốc gia hay một tổ chức nào đó; cờ: trò chơi thể thao, đi các quân theo những kẻ ô nhất định).

- Nước (nước: chất lỏng, không màu, không mùi, không vị; nước: vùng đất có nhiều người hay nhiều dân tộc cùng sinh sống).

Gợi ý trả lời

- Bàn (bàn: đồ dùng bằng gỗ có mặt phẳng và chân đứng; bàn: trao đổi ý kiến).

+ Hôm qua, bố em mua một bộ bàn ghế rất đẹp.

+ Tổ em đang bàn về việc giúp bạn Lan học tốt môn Toán.

- Cờ (cờ: vật làm bằng vải lụa, có kích cỡ, màu sắc nhất định, tượng trưng cho một quốc gia hay một tổ chức nào đó; cờ: trò chơi thể thao, đi các quân theo những kẻ ô nhất định).

+ Ngoài phố, cờ được treo đỏ đường.

+ Chị Lan giành được giải Nhất môn cờ vua thành phố.

- Nước (nước: chất lỏng, không màu, không mùi, không vị; nước: vùng đất có nhiều người hay nhiều dân tộc cùng sinh sống).

+ Nước là nguồn tài nguyên vô cùng quý giá.

+ Nước ta đang trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Bài 3: Trong các trường hợp sau (đối với các từ in đậm), trường hợp nào thuộc hiện tượng đồng âm, trường hợp nào thuộc hiện tượng nhiều nghĩa? Tại sao?

a. - Mỗi bữa nó ăn 3 bát cơm.

- Xe này ăn xăng quá.

b. Con kiến bò đĩa thịt bò.

c. Con ruồi đậu mâm xôi đậu.

d. - Câu cá

- Câu thơ

d. Chạy từ nhà đến trường.

- Chạy tiền.

Gợi ý trả lời

Hiện tượng nhiều nghĩa và đồng âm phân biệt nhau như sau:

	Hiện tượng nhiều nghĩa	Hiện tượng đồng âm
Giống nhau	<i>Một hình thức âm thanh biểu thị nhiều nghĩa</i>	
Khác nhau	<i>Đó là các nghĩa của một từ. Các nghĩa đó có mối liên hệ với nhau.</i>	<i>Đó là các nghĩa của các từ khác nhau. Các nghĩa đó không có mối liên hệ gì với nhau.</i>

Dựa vào sự phân biệt đó, xác định các từ đồng âm, các từ nhiều nghĩa trong các câu đã cho ở bài tập.

a. nhiều nghĩa b. đồng âm c. đồng âm d. đồng âm đ. nhiều nghĩa.

Bài 4:

Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm trong các cụm từ sau:

a. Đậu tương - Đất lành chim đậu - Thi đậu.

b. Bò kéo xe - 2 bò gạo - cua bò.

c. Sợi chỉ - chiếu chỉ - chỉ đường - chỉ vàng.

Gợi ý trả lời

a. Đậu tương: đậu chỉ tên 1 loại đậu

- Đất lành chim đậu: đậu chỉ hành động đứng trên mặt đất của loài chim

- Thi đậu: đậu chỉ việc thi đỗ vào nguyện vọng mong muốn

b. bò kéo xe: bò chỉ con bò

2 bò gạo: bò chỉ đơn vị đo lường (đấu, long, năm...)

cua bò: bò chỉ hành động di chuyển trên mặt đất bằng chân

c.

- Sợi chỉ: chỉ là đồ vật dạng sợi dài, mảnh để may vá
- Chiếu chỉ: chỉ là thông báo của nhà vua viết trên giấy
- Chỉ đường: chỉ là hành động hướng dẫn, cung cấp thông tin cho người khác
- Chỉ vàng: chỉ là đơn vị đo lường khối lượng vàng

Bài 5

1. Trong ba trường hợp sau, ta có một từ **bóng** đa nghĩa hay có các từ **bóng** đồng âm với nhau? Giải thích nghĩa của từ đó trong từng trường hợp.

a. *Lờ đờ **bóng** ngả trăng chênh*

Tiếng hò xa vọng, nặng tình nước non.

b. ***Bóng** đã lặn ra khỏi đường biên dọc.*

c. *Mặt bàn được đánh véc-ni thật **bóng**.*

2. Phân biệt nghĩa của các từ in đậm trong những trường hợp sau. Theo em, đó có phải là những từ đồng âm hay không? Vì sao?

a.- ***Đường** lên xứ Lạng bao xa?*

*- Những cây mía óng ả này chính là nguyên liệu để làm **đường**.*

b. *- Đứng bên ni đồng, ngó bên tê **đồng**, mênh mông bát ngát.*

Đứng bên tê đồng, ngó bên ni đồng, cũng bát ngát mênh mông. (Ca dao)

*- Tôi mua cái bút này với giá hai mươi nghìn **đồng**.*

3. Nghĩa của từ **trái** trong những trường hợp dưới đây có liên quan với nhau không? Vì sao?

a. *Cây xoài trước sân nhà em có rất nhiều **trái**.*

b. *Bố vừa mua cho em một **trái** bóng.*

c. *Cách một **trái** núi với ba quãng đồng.*

4. Xác định từ **cổ** đa nghĩa và từ **cổ** đồng âm với từ đa nghĩa đó trong ba câu sau:

a. *Con cò có cái **cổ** cao.*

b. *Con quạ tìm cách uống nước trong một chiếc bình cao **cổ**.*

c. *Phố **cổ** tạo nên vẻ đẹp riêng của Hà Nội.*

Bài 6

Với mỗi từ, hãy đặt 2 câu để phân biệt các từ đồng âm: chiếu, kén, mọc.

Gợi ý trả lời

Học sinh tham khảo các câu sau:

- chiếu:

- Bố em đang lắp chiếc máy chiếu trước sân cho cả nhà cùng xem phim.

- Mẹ em đang lựa chọn một chiếc chiếu thật đẹp để trải trước sân.

- kén:

- Bà nội cẩn thận xếp từng chiếc kén tằm vào rổ.

- Di Tuyết là người rất kén chọn, mãi mà vẫn chưa mua được chiếc váy ưng ý.

- mọc:

- Mấy hạt giống bà vừa gieo hôm qua, nay đã mọc mầm lên rồi.

- Thấy chú Ba nhiệt tình mời mọc mãi, bà Tư cũng đồng ý sang chơi.

Bài 7: Trong Tiếng Việt, có một số từ chỉ bộ phận của cây cối được chuyển nghĩa để cấu tạo từ chỉ bộ phận cơ thể người. Hãy kể ra những trường hợp chuyển nghĩa đó.

Gợi ý trả lời

Lá phổi, lá gan, trái tim, cuống họng.

Bài 8: Xác định nghĩa của từ **chín** trong các câu sau:

- Vườn cam **chín** đỏ.
- Trước khi quyết định phải suy nghĩ cho **chín**.
- Ngượng **chín** cả mặt.
- Cơm sắp **chín**, có thể dọn cơm được rồi

Gợi ý trả lời

- Chín: trạng thái quả, hạt) ở vào giai đoạn phát triển đầy đủ nhất, thường có màu đỏ hoặc vàng, có hương thơm, vị ngon; trái với *xanh*.
- Chín: sự suy nghĩ) ở mức đầy đủ để có được hiệu quả
- Chín: (màu da mặt) đỏ ửng lên
- Chín: (thức ăn) được nấu nướng đến mức ăn được; trái với sống

Bài 9: Tìm từ đa nghĩa, từ đồng âm trong những câu dưới đây:

a. Chạy

- Ô tô chạy theo hướng Hà Nội - Hải Phòng.
- Trong mùa dịch Covid 19, nhiều gia đình phải chạy ăn từng bữa.

b. bàn

- Mẹ em mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.
- Chúng em bàn nhau đi lao động ngày chủ nhật để giúp đỡ gia đình.
- Nam là cây làm bàn của đội bóng đá lớp tôi.

Gợi ý trả lời

- Ô tô chạy theo hướng Hà Nội - Hải Phòng.
- chạy: di chuyển từ điểm này đến điểm khác.
- Trong mùa dịch Covid 19, nhiều gia đình phải chạy ăn từng bữa.
- chạy: xoay sở, lo toan trong hoàn cảnh khó khăn.
- Mẹ em mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.
bàn: vật dụng có mặt phẳng, dùng để đặt, để đồ đạc, thức ăn,...
- Chúng em bàn nhau đi lao động ngày chủ nhật để giúp đỡ gia đình.
- bàn: hoạt động thảo luận trong một nhóm người để đi đến kết quả cuối cùng
- Nam là cây làm bàn của đội bóng đá lớp tôi.
- bàn: điểm số, bàn thắng ghi được trong trận bóng

Bài 10: Phân biệt nghĩa của những từ đồng âm trong các cụm từ sau:

- Cánh đồng - tượng đồng - một nghìn đồng.
- Hòn đá – đá bóng.
- Ba và má – ba tuổi.

Gợi ý trả lời:

- Cánh đồng: khoảng đất rộng và bằng phẳng, dùng để cày cấy, trồng trọt.

- Tượng đồng: làm bằng kim loại có màu đỏ, dễ dát mỏng và kéo sợi, thường dùng làm dây điện và chế hợp kim.

- Một nghìn đồng: đơn vị tiền Việt Nam.

b. - Hòn đá: Khoáng vật có thể đặc, rắn, giòn, thường kết thành tảng lớn, hợp phần của vỏ trái đất, dùng lát đường, vật liệu xây dựng nhà cửa, công trình kiến trúc.

- Đá bóng: đưa nhanh chân và hất mạnh bóng cho xa ra hoặc đưa bóng vào khung thành đối phương.

c. - Ba và má: bố, cha, thầy, mẹ, u, bà... - một trong những cách xưng hô đối với người sinh thành ra mình.

- Ba tuổi: biểu thị số năm sinh sống trên đời là 3.

2. Bài tập về Biện pháp tu từ hoán dụ

1. Cho đoạn thơ sau :

*Áo nâu liền với áo xanh
Nông thôn cùng với thị thành đứng lên.*

(Tố Hữu)

a. Trong đoạn thơ trên, tác giả đã sử dụng những từ ngữ nào để làm phép hoán dụ ?

b. Phép hoán dụ ở đây nhằm chỉ đối tượng nào ?

c. Tác dụng của các phép hoán dụ trong đoạn thơ.

Gợi ý trả lời

a. Hình ảnh hoán dụ: “áo xanh” để chỉ công nhân, “Áo nâu” chỉ nông dân (Lấy dấu hiệu để chỉ vật có dấu hiệu)

- Hình ảnh hoán dụ “ nông thôn” và “thị thành” cũng đều người nông dân, người công nhân (Lấy vật chứa để chỉ vật bị chứa)

b. Tác giả muốn tránh lặp lại, đồng thời thay đổi nhiều tên gọi khác nhau làm cho câu thơ, đoạn thơ sinh động, uyển chuyển.

Bài 2. Cho các câu sau đây

*-Tay ta tay búa, tay cày
Tay gươm, tay bút dựng xây nước mình.*

(Tố Hữu)

*Đứng lên, thân cỏ, thân rơm
Búa liềm không sợ súng gươm bạo tàn*

(Tố Hữu)

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước
Chỉ cần trong xe có một trái tim*

(Phạm Tiến Duật)

a. Đó là những hoán dụ kiểu gì ?

b. Cách sử dụng hoán dụ như vậy có tác dụng gì ?

Gợi ý trả lời

a. Học sinh trả lời câu hỏi sau đây để tìm lời giải.

- Các từ tay thay thế cho những ai ? Quan hệ giữa tên gọi (tay) và đối tượng cần biểu thị là quan hệ gì ? Đây có phải lấy bộ phận để chỉ toàn thể không ?

- Búa liềm thay cho ai ? Súng gươm thay cho kẻ nào ? Đây có phải là lấy vật dụng để chỉ người không ? Theo đó học sinh tự giải bài tập này.

b. Hoán dụ:

- búa liềm: chỉ giai cấp nông dân và công nhân (nhân dân Việt Nam)
- súng gươm bạo tàn: chỉ lũ giặc tàn ác.

c. Hoán dụ: Trái tim: tình yêu nước, ý chí quyết tâm, nhiệt huyết cách mạng của người lính lái xe Trường Sơn trong kháng chiến chống Mỹ.

3. Bài tập về Thành ngữ

Bài 1: Tìm và giải thích thành ngữ trong các câu sau:

a. Hai bên ý hợp tâm đầu

Khi than chẳng lọ là cầu mới thân.

b. Pha kẻ đầu đuôi cái tai bay vạ gió mà mình vừa bị cho anh rể nghe.

Gợi ý trả lời

a. **Ý hợp tâm đầu:** chỉ sự hòa hợp, đồng lòng trong tính cách, suy nghĩ của hai người, thường nói về tình cảm trai gái

b. **Tai bay vạ gió:** chỉ điều không may xảy đến bất ngờ mà nguyên nhân không do mình trực tiếp gây ra.

Bài 2: Tìm những thành ngữ có cấu trúc đối xứng trong các thành ngữ sau đây:

Một nắng hai sương, dai như đĩa xôi, mèo mả gà đồng, miệng hùm gan sứa, ruột để ngoài da, xanh vỏ đỏ lòng, vào sông ra chết, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi, quyền rom vạ đá, đàn gảy tai trâu.

Gợi ý trả lời

Thành ngữ có cấu trúc đối xứng được in đậm:

*Một nắng hai sương, dai như đĩa xôi, mèo mả gà đồng, **miệng hùm gan sứa, ruột để ngoài da, xanh vỏ đỏ lòng, vào sông ra chết, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi, quyền rom vạ đá, đàn gảy tai trâu.***

Bài 3: Em hãy thêm các yếu tố để các thành ngữ sau được hoàn chỉnh.

Đem con...; nồi da....; rán sành...; hồn xiêu....; một mắt....; chó cắn....; tiến thoái....; thất lưng....;

Gợi ý trả lời

Đem con bỏ chợ; nồi da nấu thịt.; rán sành ra mỡ; hồn xiêu phách lạc; một mắt một còn; chó cắn áo rách ;tiến thoái lưỡng nan; thất lưng buộc bụng;

Bài 4: Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

a. Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì âm lo thành ra ruột nóng nhý cào.

(Nguyễn Công Hoan)

b. Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.

(Báo Văn nghệ)

c. Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.

(Chu Văn)

Gợi ý trả lời

a. **Ruột nóng như cào :** rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.

b. **Ruột để ngoài da :** (có tính) dễ dàng, hay quên, vô tâm không tính toán nhiều.

c. **Nhắm mắt làm ngơ :** cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên lụy, phiền phức.

Bài 5:

Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu : *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*

Tim thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

Gợi ý trả lời

*Đặt câu với thành ngữ:

- *Thà rằng có điều không vừa ư nhau cứ nói toạc móng heo ợn dễ chịu hơn là để bụng rồi **mặt nặng mày nhẹ**.* (Trung Đông)

- *Rõ ràng người **mặt hoa da phấn**, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)

- *Trông lên **mặt sắt đen sì** / Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)

* Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim...*

Bài 6: Tìm và nêu ý nghĩa của các thành ngữ trong những câu sau đây:

- Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào gió vào nhà trống.
- Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bươu.
- Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn gan vàng dạ sắt không khai nửa lời.

Gợi ý trả lời

- Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào **gió vào nhà trống**.
- Năm Thọ vốn là một thằng **đầu bò đầu bươu**.
- Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn **gan vàng dạ sắt** không khai nửa lời.

=> Ý nghĩa

- Chỉ sự tốn công vô ích
- Chỉ những đối tượng có tính giang hồ, hay gây gổ.
- Chỉ sự sắc son, vững chí của con người.

Bài 7. Hoàn thành những câu thành ngữ sau và giải thích ý nghĩa:

- Nam.....nữ tú
- Trao tài gái.....
- Cầu được ước
- Ước củamùa
- Đứng núi này.....núi nọ.
- Non xanh nước
- Kề vaicánh.
- Muôn người như.....
- Đồng cam.....khổ
- Bốn biển một.....

Gợi ý trả lời

- Nam thanh nữ tú
- Trao tài gái sắc
- Cầu được ước thấy
- Ước của trái mùa

5. Đứng núi này trông núi nọ.
6. Non xanh nước biếc
7. Kề vai sát cánh.
8. Muôn người như một
9. Đồng cam cộng khổ
10. Bốn biển một nhà

Bài 8. Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

- a. Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.
- b. Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.

(Báo Văn nghệ)

- c. Thật không muốn có chuyện lòi thoi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.

(Chu Văn)

Gợi ý trả lời

Các thành ngữ trong các câu đã cho như sau :

- a. *Ruột nóng như cào* : rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.
- b. *Ruột để ngoài da* : (có tính) dễ dàng, hay quên, vô tâm vô tính.
- c. *Nhắm mắt làm ngơ* : cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên lụy, phiền phức.

Bài 9. Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu : *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*

Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

Gợi ý trả lời

- *Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi mặt nặng mày nhẹ.* (Trung Đông)
- *Rõ ràng người mặt hoa da phấn, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)
- *Trông lên mặt sắt đen sì / Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)

Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim...*

ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT: LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC VỀ MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

A. LÀM MỘT BÀI THƠ LỤC BÁT

I. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

- Đảm bảo yêu cầu về hình thức của đoạn văn.
 - Trình bày cảm xúc về một bài thơ lục bát.
 - Sử dụng ngôi thứ nhất để chia sẻ cảm xúc.
 - Cấu trúc gồm có ba phần:
- + Mở đoạn: Giới thiệu nhan đề, tác giả và cảm xúc chung về bài thơ (câu chủ đề).

- + Thân đoạn: Trình bày cảm xúc của người đọc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ. Làm rõ cảm xúc bằng những hình ảnh, từ ngữ được trích từ bài thơ.
- + Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của nó đối với bản thân.

II. Quy trình viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Bước 1: Chuẩn bị trước khi viết.

* Xác định đề tài:

- Đề bài yêu cầu ghi lại cảm xúc của em về một bài thơ lục bát.
- Độ dài của đoạn văn từ 150 - 200 chữ.

* **Thu thập tư liệu:** Em có thể tìm và chọn một bài thơ lục bát mà em yêu thích hoặc có cảm xúc đặc biệt để viết. Ví dụ bài ca dao “Công cha như núi Thái Sơn”.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

* Tìm ý:

- Âm thanh, vần, nhịp điệu của bài thơ và những cảm xúc mà bài thơ đã gợi cho em.
- Ý nghĩa của những từ ngữ, hình ảnh độc đáo, những biện pháp tu từ mà tác giả bài thơ sử dụng.
- Lí giải vì sao em có cảm xúc đặc biệt với bài thơ.

* Lập dàn ý:

- Mở đoạn: Giới thiệu tên bài thơ, tên tác giả và nêu cảm xúc chung về bài thơ.
- Thân bài: Trình bày chi tiết cảm xúc của bản thân về bài thơ lục bát kèm theo dẫn chứng trích dẫn từ bài thơ.
- Kết đoạn: Khẳng định lại cảm xúc về bài thơ và ý nghĩa của bài thơ đối với bản thân.

Bước 3: Viết đoạn.

Dựa vào dàn ý, viết một đoạn văn hoàn chỉnh. Khi viết, cần đảm bảo các yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát.

Bước 4: Xem lại và chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

Sau khi viết xong, em có thể tự chỉnh sửa đoạn văn của mình dựa vào bảng kiểm dưới đây:

Các phần của đoạn văn	Nội dung kiểm tra
Mở đoạn	<ul style="list-style-type: none"> - Mở đoạn bằng chữ viết hoa lùi vào đầu dòng. - Dùng ngôi thứ nhất để ghi lại cảm xúc của mình về bài thơ. - Có câu chủ đề nêu tên bài thơ, tên tác giả (nếu có) và cảm xúc khái quát về bài thơ.
Thân đoạn	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày cảm xúc về bài thơ theo một trình tự hợp lí bằng một số câu. - Trích một số từ ngữ, hình ảnh gợi cảm xúc trong bài thơ.
Kết đoạn	<ul style="list-style-type: none"> - Khẳng định lại cảm xúc và ý nghĩa của bài thơ với bản thân. - Kết đoạn bằng dấu câu dùng để ngắt đoạn.

III. Thực hành viết

Đề 1: Viết một đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát nói về tình cảm gia đình

Từ xa xưa cha ông ta đã hiểu rõ về vai trò và tình cảm yêu thương, gắn bó của những người

con cùng sống với nhau dưới một mái nhà. Bên cạnh tình mẫu tử vô cùng thiêng liêng, cao đẹp thì tình nghĩa anh em cũng được xem là tình cảm thấm thiết, sâu sắc và là nguồn cảm hứng vô tận trong âm nhạc và thi ca:

*Anh em như thể tay chân
Rách lành đùm bọc đỡ hay đỡ đần*

Tình nghĩa anh em trong gia đình là gì? Đó là một hình ảnh, khái niệm quen thuộc trong cuộc sống nhưng lại ít ai quan tâm đề cập đến. Tình cảm anh em là tình cảm giữa những người con cùng một huyết thống, cùng máu thịt, cùng sống chung một mái nhà và cùng được nuôi dưỡng bằng một nguồn suối yêu thương có những tình cảm thiêng liêng, gắn bó và giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Tình cảm anh em còn được hiểu như khi không còn cha mẹ, người thân thì anh em phải biết thương yêu, che chở, đùm bọc cho nhau trước những khó khăn, hoạn nạn. Từ thuở bé, ta vẫn thường được đọc hay nghe kể những câu chuyện cổ tích cảm động về tình cảm anh em như “Hoa dâm bụt”, “Sự tích trầu cau”.... Tuy mỗi câu chuyện đều mang một nội dung và sắc thái khác nhau nhưng cùng chung một điểm nổi bật mà người xưa muốn gửi gắm, đó là tô đậm tình yêu thương giữa những người anh em trong một nhà. Bên cạnh đó cũng có rất nhiều truyện phê phán anh em không biết yêu thương mà tranh giành, ghen tị với em mình như “Ăn khế trả vàng”, “Hà rằm hà bạc”... Như vậy, chúng ta đã cùng nhau đi tìm câu trả lời cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát. Trước hết, cần phải tìm hiểu các yêu cầu và quy trình; sau đó chúng ta bắt đầu viết đoạn văn. Hi vọng, bài viết này đem lại nhiều giá trị hữu ích cho các bạn. Cảm ơn các bạn đã theo dõi bài viết.

Đề 2: Viết đoạn văn mẫu ghi lại cảm xúc về bài thơ lục bát

Gợi ý

Một trong những bài thơ lục bát mà em thích nhất chính là bài thơ *Việt Nam quê hương* của nhà thơ Nguyễn Đình Thi. Bài thơ được viết bằng thể lục bát, âm điệu nhẹ nhàng, bay bổng nhưng cũng không kém phần sôi nổi, trầm hùng. Câu thơ mở đầu như câu hát ca ngợi da diết để lại cho em ấn tượng sâu sắc: “Việt Nam đất nước ta ơi..... sớm chiều”. Nhà thơ đã tinh tế vẽ nên một bức tranh màu sắc hài hòa, tươi đẹp, rất đặc trưng của làng quê Việt. Giữa nền xanh biếc “biển lúa” là hình ảnh đàn cò trắng chao nghiêng rập rờn. Cánh cò ấy không cao vút tầng không mà “bay lả” giữa cánh đồng, dưới những đám mây mờ bị che phủ bởi đỉnh núi, mở ra khung cảnh về một đất nước thanh bình. Đánh đổi cho sự thanh bình ấy chính là máu, là nước mắt của biết bao những người con anh dũng kiên cường chiến đấu hết mình bảo vệ đất nước. Chỉ bằng 4 dòng thơ đầu thôi, cũng đủ khơi gợi cho chúng ta niềm tự hào về thiên nhiên, về mảnh đất Việt Nam yêu dấu.

Đề 3: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát về tình cảm gia đình

*Công cha như núi ngất trời
Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông
Núi cao biển rộng mênh mông
Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi!*

Bài ca dao này đã làm xúc động lòng người bởi đã gọi nên công ơn trời bể của cha mẹ đối với những người con thân yêu của mình. Tác giả dân gian nhắc đến “công cha”, “nghĩa mẹ”, đó là công sinh thành, dưỡng dục; đó là ơn nghĩa mang nặng đẻ đau và những yêu thương mẹ dành cả cho con. Ví “công cha”, “nghĩa mẹ” như núi ngất trời, như nước ở ngoài biển Đông là lấy cái trù tượng của tình phụ tử, tình mẫu tử so sánh với cái mênh mông, vĩnh hằng, vô hạn của trời đất, thiên nhiên. Ví công cha với núi ngất trời là khẳng định sự lớn lao, ví nghĩa mẹ như nước biển Đông là để khẳng định chiều sâu, chiều rộng và sự dạt dào. Đây cũng là một nét riêng trong tâm thức của người Việt. Hình ảnh người cha thì rắn rỏi, mạnh mẽ, cha như cột trụ trong gia đình. Hình ảnh mẹ không lớn lao, kì vĩ nhưng sâu xa, rộng mở và dạt dào cảm xúc hơn. Bởi vậy, nghĩ đến công ơn cha mẹ, bài ca dao thiết tha nhắn nhủ những người con “ghi lòng con ơi!” những công ơn trời bể ấy. Và hơn thế là định hướng về cách sống, cách bày tỏ lòng biết ơn dành cho cha cho mẹ.

Đề 4: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

Dân tộc Việt Nam có phẩm chất tốt đẹp, điều đó đã được thể hiện qua bài ca dao:

*Trong đầm gì đẹp bằng sen,
Lá xanh bông trắng lại chen nhụy vàng.
Nhụy vàng bông trắng lá xanh,
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn.*

Bài ca dao đã mượn hình ảnh hoa sen để ẩn dụ cho phẩm chất của con người. Mở đầu là một câu hỏi tu từ “Trong đầm gì đẹp bằng sen?” như một lời khẳng định rằng trong đầm có nhiều loài hoa rực rỡ, nhưng không có bất cứ loài hoa nào có thể sánh được với hoa sen. Hai câu ca dao tiếp theo vẽ nên vẻ đẹp rất đối bình dị mà thanh cao của chúng: lá xanh, bông trắng, nhị vàng. Cách sử dụng điệp ngữ “nhị vàng”, “bông trắng” và “lá xanh” nhằm gợi ra hình ảnh tả thực những cánh hoa xếp tầng tầng lớp lớp tạo nên những bông hoa. Câu thơ cuối cùng “Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”, hoa sen vốn sinh trưởng trong môi trường đầm lầy – một nơi có rất nhiều bùn. Mà đặc tính của bùn là có mùi hôi tanh, rất khó chịu. Mặc dù sống trong môi trường như vậy, nhưng hoa sen vẫn có mùi thơm ngát dịu dàng. Cũng giống như con người Việt Nam có lối sống giản dị, mộc mạc. Nhưng họ lại có phẩm chất tốt đẹp, cao quý. Sống trong hoàn cảnh khó khăn nhưng vẫn giữ được tâm hồn thanh cao. Chỉ một bài ca dao ngắn gọn nhưng đã thể hiện được những vẻ đẹp của con người Việt Nam.

Đề 5: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

*Anh em nào phải người xa
Cùng chung bác mẹ, một nhà cùng thân
Yêu nhau như thể tay chân
Anh em hòa thuận, hai thân vui vầy.*

Những câu thơ trên đã được người dân ta truyền tai nhau qua bao đời như một câu hát dân gian. Trong câu thơ, điệp từ “cùng” được lặp lại hai lần, đã khẳng định sự gắn bó khăng khít giữa những người anh em. Đặc biệt, tác giả dân gian đã rất tinh tế khi dùng hình ảnh anh em để so sánh với tay chân. Tay và chân là hai bộ phận cơ thể tách rời, nhưng luôn phối hợp nhịp nhàng với nhau để lao động, chống đỡ cơ thể. Anh em cũng vậy, là hai con người khác nhau, nhưng sẽ luôn ở cạnh, cùng nhau sinh sống, giúp đỡ, chia sẻ cho nhau. Đó chính là tình cảm ruột thịt vô cùng thiêng liêng, đáng quý. Với nhịp điệu nhẹ nhàng, tình cảm của thể thơ lục bát, bài thơ là lời nhắn nhủ nhẹ nhàng, thấm thiết của mẹ cha với các con của mình về tình

cảm anh em thương mến. Giúp người đọc thêm hiểu và trân trọng những người anh chị em của mình.

Đề 6: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ lục bát

*Nước non lận đận một mình,
Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay.
Ai làm cho bể kia đầy,
Cho ao kia cạn, cho gầy cò con?*

Bài thơ trên là những lời than thân của người nông dân tội nghiệp lam lũ trong xã hội xưa. Họ được ví như những con cò trắng, với cuộc đời lận đận, bấp bênh, cơ cực. Chẳng ngày nào mà họ được ngơi nghỉ, bình yên hưởng thụ cả. Thân cò mảnh mai, yếu ớt, nhưng lại làm những việc nặng nhọc, vất vả. Như người nông dân ốm yếu, thiếu thốn lại ngày ngày nai lưng ra làm việc, bán mặt cho đất bán lưng cho trời. Thật đáng thương đáng cay làm sao. Biết là đau khổ, vất vả, khôn khó như vậy, nhưng những người nông dân ấy cũng không biết phải làm sao. Bởi với thân phận thấp cổ bé họng như vậy thì làm sao có thể chống lại những kẻ xấu xa, độc ác, tham lam vô độ ngoài kia chứ. Đến cả chỉ đích danh những kẻ đó, họ còn không thể, chỉ dám dùng đại từ phiếm chỉ “ai” để gọi mà thôi. Hình ảnh “cò con” ở cuối bài thơ, càng khiến người đọc thêm ám ảnh, về số phận tội nghiệp của những thế hệ mai sau. Bài thơ với nhịp điệu nhịp nhàng của một lời ru, với nhiều điệp từ gọi lên cảm thức yêu thương, xót xa cho thân phận tội nghiệp của người nông dân. Hình ảnh “con cò” xuyên suốt cả bài thơ in sâu vào tâm trí người đọc về nỗi thương cảm với những số phận bất hạnh, tội nghiệp ấy.

ÔN TẬP NÓI VÀ NGHE:

Trình bày suy nghĩ về tình cảm của con người với quê hương

I. LÝ THUYẾT

***Các bước thảo luận nhóm về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.**

1. Bước 1: Chuẩn bị

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.

- Bài nói nhằm mục đích gì?
- Người nghe là ai?
- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?
- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?

2. Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói

- **Xác định đề tài:**

- **Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**

+ Nêu vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người)

+ *Các biểu hiện cụ thể của tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (tình cảm đối với những gì thân thiết, với phong cảnh, với phong tục tập quán, với những món ăn gần gũi đậm đà hương vị quê hương...)

+ Ý nghĩa của tình yêu quê hương với mỗi người (giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...)

Bước 3. Luyện tập

- Tự mình tập luyện, tự trình bày (có thể đứng trước gương, ghi âm lại để tự rút kinh nghiệm).
- Trình bày trước một bạn hoặc một nhóm để nhờ họ góp ý.

Bước 4: Trao đổi, đánh giá.

- Mình nói (trình bày) cho người khác nghe thì tiếp thu những góp ý từ phía người nghe để tự rút kinh nghiệm.
- Nếu trong vai trò người nghe, hãy đưa ra những ưu điểm trong cách trình bày và chỉ ra những hạn chế cần khắc phục.
- Sử dụng bảng đánh giá để tự đánh giá và điều chỉnh bài nói của mình

II. THỰC HÀNH NÓI VÀ NGHE

Đề bài 1: Quê em có nhiều cảnh đẹp, có lũy tre xanh, cây đa, mái đình, cánh đồng lúa...Em hãy trình bày suy nghĩ của em về cảnh làng quê, nơi em gắn bó.

1. Bước 1: Chuẩn bị

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.

- Bài nói nhằm mục đích gì? (suy nghĩ của em về cảnh làng quê, nơi em gắn bó)
- Người nghe là ai? (thầy/cô, các bạn)
- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)? (trên lớp)
- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? (7 phút)

Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói

***Tiến hành thảo luận nhóm nhỏ theo kỹ thuật "bể cá"(5 phút)**

(GV chia lớp làm 2 nhóm, 1 nhóm thảo luận ngồi giữa lớp và thảo luận với nhau, còn những HS khác trong lớp ngồi xung quanh ở vòng ngoài theo dõi cuộc thảo luận đó và sau khi kết thúc cuộc thảo luận thì đưa ra những nhận xét về cách ứng xử của những HS thảo luận (là một kỹ thuật dùng cho thảo luận nhóm)

Trong nhóm thảo luận có thể có một vị trí không có người ngồi. HS tham gia nhóm quan sát có thể ngồi vào chỗ đó và đóng góp ý kiến vào cuộc thảo luận, ví dụ đưa ra một câu hỏi đối với nhóm thảo luận hoặc phát biểu ý kiến khi cuộc thảo luận bị chững lại trong nhóm. Bảng câu hỏi dành cho những người quan sát

- Người nói có nhìn vào những người đang nói với mình không?
- Họ có nói một cách dễ hiểu không?
- Họ có để những người khác nói hay không?
- Họ có đưa ra được những luận điểm đáng thuyết phục hay không?
- Họ có đề cập đến luận điểm của người nói trước mình không?
- Họ có lệch hướng khỏi đề tài hay không?

Họ có tôn trọng những quan điểm khác hay không?)

Nội dung thảo luận là tìm ý cho đề bài (em sẽ trình bày những ý chính nào để đáp ứng đề bài trên)

Sau khi thảo luận. Nhóm ở giữa lớp đứng lên trình bày ý, còn các bạn khác bổ sung thêm ý kiến

- **Xác định đề tài: Cảnh làng quê nơi em gắn bó gợi cho em những suy nghĩ gì ?**
- **Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**

+ Nêu vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người). Trong đó, cảnh vật quê hương vốn là những thứ thân quen, là dấu hiệu làng quê, nơi mỗi con người gắn bó, yêu thương.

+ *Các biểu hiện cụ thể của tình cảm gắn bó của con người với cảnh vật quê hương:*

+ + Cảnh thiên nhiên làng quê em: Vị trí em sinh ra và lớn lên ở vùng đồng bằng Bắc Bộ, nên em đã gắn bó với cảnh vật quen thuộc của quê hương: Cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay, cây đa đầu làng vươn mình che bóng mát, mái đình làng cổ kính rêu phong, con sông quê êm đềm ôm ấp lấy từng thôn xóm, lũy tre xanh rì rào...

+ *Biểu hiện cụ thể của tình cảm gắn bó của con người với cảnh vật quê hương*

- *Với bản thân em: có nhiều hoạt động gắn bó như vui chơi cùng bạn bè dưới gốc đa đầu làng, thả diều trên cánh đồng mỗi khi chiều về, cùng cha mẹ lên đình đầu năm...*

- *Với gia đình em: mưu sinh trên cánh đồng vất vả quanh năm, cùng bà con tham gia nhiều hoạt động dưới lũy tre,...*

- *Với mọi người ở làng: ai cũng gắn bó sinh hoạt, làm ăn...*

- *Với người xa quê: cảnh làng luôn trong nỗi nhớ, khao khát trở về sum họp cùng gia đình.*

+ Ý nghĩa của sự gắn bó với cảnh vật thiên nhiên quê hương: bồi đắp tình yêu quê hương với mỗi người, giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...

+ Kết thúc vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với cảnh vật quê hương.*

Bài nói tham khảo:

1. Phần đầu bài nói

Chào hỏi và nêu vấn đề:

Xin chào thầy cô và các bạn. Tôi tên là....., học lớp....., trường..... Sau đây tôi xin trình bày vấn đề: trình bày suy nghĩ của em về cảnh làng quê, nơi em gắn bó

-**Trình bày vấn đề:** (*Giọng tâm tình, vừa phải, tự tin*) Có một nhà thơ từng viết:

“Quê hương là gì hả mẹ

Mà cô dạy phải yêu thương”

Tình yêu quê hương là tình cảm thiêng liêng, sâu đậm trong tâm hồn mỗi con người. Với tôi, tình yêu ấy gắn với khung cảnh thiên nhiên làng quê tôi. Sinh ra ở vùng quê đồng bằng sông Hồng, làng quê tôi có những cảnh vật mà tôi gắn bó yêu thương, nào là lũy tre xanh rì rào, nào là cây đa đầu làng vươn bóng mát, là mái đình cổ kính rêu phong, và đặc biệt là cánh đồng lúa cò bay thẳng cánh quen thuộc.

2. Nội dung bài nói

Có thể nói, mỗi miền quê đều có những cảnh sắc đặc trưng riêng. Quê tôi không có những rặng dừa nghiêng mình soi bóng, không có những thảo nguyên mênh mông, quê tôi là làng quê Bắc Bộ cả mấy trăm năm tuổi. Ở làng tôi, ai đi đâu xa về gần tới làng, họ sẽ hướng mắt xem cây đa đầu làng đâu? Cây đa vươn cánh tay lớn như đang chào đón mỗi người dân quê trở về làng, bao giờ cũng đi xuyên qua những cánh đồng lúa thẳng cánh cò bay. Những thửa ruộng bằng phẳng mênh mông là nơi dân làng quanh năm chân lấm tay bùn gắn bó. Và chắc chắn, về làng, là về với lũy tre xanh ôm ấp lấy con đường, những ngôi nhà trong xóm. Rồi về làng, ai cũng nhớ lên đình làng, thăm lại mái ngói rêu phong như đang chờ đợi mọi người xa quê trở về.

Tình yêu và sự gắn bó của con người với cảnh vật quê hương là một tình cảm thiêng liêng. Với đám trẻ con chưa có dịp đi xa khỏi làng như tôi, tình yêu làng không phải là nỗi nhớ còn cào, mà đó là niềm vui được chơi cùng bạn bè dưới gốc đa đầu làng, thả diều trên cánh đồng mỗi khi chiều về. Đó còn là phút giây trống ngực đập thình thịch khi vào phút giao thừa, tôi được cùng cha mẹ lên đình xin lộc đầu xuân... Còn với bà con làng xóm, gốc đa đầu làng để mọi người cùng nghỉ chân khi đi làm đồng về, những câu chuyện tếu táo của mấy bác nông dân cũng đủ vang cả một vùng trời. Ai đi xa làng cũng thêm nhìn thấy gốc đa, nhìn thấy gốc đa là thấy cả tuổi thơ ở đó. Từ gốc đa, cánh đồng lúa quê nhà, bao trai gái trong làng đã trưởng thành khôn lớn. Với bao gia đình làm nghề nông trong làng, tình cảm gắn bó với quê hương còn là bao ngày cày mướn sớm hôm trên đồng lúa. Cánh đồng làng nơi chứa đựng bao tình yêu và hi sinh của ông bà cha mẹ cho con cháu được no ấm, được học hành.

Cảnh vật thiên nhiên nơi làng quê không chỉ đem lại cho mỗi con người cảm giác được chở che, bao bọc bởi tình yêu thương của mảnh đất nơi mình sinh ra. Mỗi khi nhìn cảnh vật thân thuộc ấy, chúng ta thấy thêm gắn bó với cảnh vật thiên nhiên quê hương. Mỗi chúng ta tự bồi đắp cho mình tình yêu quê hương. Để khi bước chân trên đường đời mỗi người sẽ muốn sống tốt hơn, luôn phấn đấu để hoàn thiện bản thân. Quê hương còn là động lực để con người phấn đấu trưởng thành. Gắn bó với cảnh thiên nhiên nơi quê nhà để nhắc mỗi chúng ta không quên cội nguồn.

Vậy còn các bạn, tình cảm của các bạn đối với quê hương là gì? Tình cảm ấy đôi khi được thể hiện bằng hành động, việc làm hàng ngày. Mỗi ngày chúng ta chăm chỉ học hành, siêng năng lao động, sống cởi mở, chan hòa... Đó là những gì đơn giản nhất để chúng ta làm đẹp quê hương mình đấy!

3. Kết thúc bài nói:

Cám ơn cô và các bạn đã lắng nghe chia sẻ của tôi! Tôi rất mong được nghe chia sẻ của các bạn!

Đề bài 2: Đất nước ta có nhiều danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử nổi tiếng. Em hãy trình bày suy nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nổi tiếng ở quê hương em.

1. Bước 1: Chuẩn bị

Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian, thời gian nói.

- Bài nói nhằm mục đích gì? (suy nghĩ của em về một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nổi tiếng ở quê hương em). Đối tượng chọn: Ví dụ ở Nam Định HS có thể chọn khu di tích lịch sử Đền Trần Hưng Hà Thái Bình
- Người nghe là ai? (thầy/cô, các bạn)
- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)? (trên lớp)
- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút? (7- 8 phút)

Bước 2: Chuẩn bị nội dung nói

***Tiến hành thảo luận nhóm nhỏ theo kĩ thuật khăn trải bàn**

Nội dung thảo luận là tìm ý cho đề bài (em sẽ trình bày những ý chính nào để đáp ứng đề bài trên)

Sau khi thảo luận. Nhóm ở giữa lớp đứng lên trình bày ý, còn các bạn khác bổ sung thêm ý kiến

- Xác định đề tài: chọn một danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nổi tiếng ở quê hương em. Danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử đó gợi cho em những suy nghĩ gì ? (HS bày tỏ suy nghĩ: tự hào, biết ơn, trân trọng, phải có ý thức bảo vệ, giữ gìn...)
- **Các ý cần phải nói và sắp xếp theo trình tự phù hợp:**
 - + Nêu vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về tình cảm gắn bó của con người với quê hương* (đó là tình cảm thiêng liêng của mỗi người). Trong đó, danh lam thắng cảnh hoặc di tích lịch sử nổi tiếng ở quê hương em là giá trị văn hóa cao quý cần được mọi người có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị. Ở Thái Bình Hưng Hà quê em, Đền Trần là một di tích lịch sử cấp quốc gia, là niềm tự hào của người dân quê em.
 - + *Các biểu hiện cụ thể của tình cảm gắn bó của con người với di tích lịch sử đền Trần*
 - + Giới thiệu khái quát về Đền Trần, về những giá trị lịch sử của dân tộc ở di tích Đền Trần
 - + Biểu hiện cụ thể của tình cảm của nhân dân hướng về Đền Trần
- Với bản thân em: được học tập lịch sử để tăng thêm hiểu biết về Đền Trần, được cùng các bạn và thầy cô đến tham quan, học tập trải nghiệm ở Đền Trần
- Với gia đình em: Mọi người trong gia đình tích cực tìm hiểu về lễ hội Đền Trần, đến dâng hương ở đó vào dịp đầu xuân
- Với mọi người dân: Họ trải hội Đền Trần, tham gia nhiều hoạt động văn hóa đa dạng, phong phú
- + Ý nghĩa của sự gắn bó, trân trọng, tìm hiểu về Đền Trần nói riêng và các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh trên đất nước nói chung
- + bồi đắp tình yêu quê hương với mỗi người
- + Giáo dục truyền thống văn hóa dân tộc, giữ gìn những bản sắc văn hóa.
- + Cần nâng cao ý thức trách nhiệm bảo vệ, tôn tạo, giữ gìn, phát huy những giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc. Giáo dục lòng biết ơn, trân trọng, tự hào về cha ông; giúp con người sống tốt, là động lực để con người phấn đấu hoàn thiện bản thân, không quên cội nguồn,...
- + Kết thúc vấn đề: *Khái quát suy nghĩ của em về di tích lịch sử nổi tiếng ở quê hương em là giá trị văn hóa cao quý cần được mọi người có ý thức giữ gìn và phát huy giá trị.*
- + Biết cảnh giác và không tiếp tay cho hành động mê tín, dị đoan chuộc lợi đôi lúc còn xuất hiện ở nhiều di tích lịch sử

BÀI 5: ÔN TẬP NHỮNG NỎ ĐƯỜNG XỨ SỞ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Nhận biết được hình thức ghi chép, cách kể sự việc, người kể chuyện ngôi thứ nhất trong đoạn trích *Cô Tô*. Nhận ra cách kể theo trình tự thời gian của đoạn trích (từ ngày thứ tư đến ngày thứ năm, thứ sáu trên đảo; miêu tả Cô Tô trong trận bão và sau bão); xác định được người kể chuyện ngôi thứ nhất xưng “tôi”; nhận biết được các biện pháp tu từ, các chi tiết miêu tả đặc sắc;
- Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh và người Cô Tô. Vẻ đẹp của cảnh Cô Tô: tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt; vẻ đẹp của con người Cô Tô: sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt

của thiên nhiên, bền bỉ và lặng lẽ bám biển để lao động sản xuất và giữ gìn biển đảo quê hương;

- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản, cụ thể: cách dùng biện pháp tu từ, lối miêu tả và xây dựng hình ảnh...
- HS nhận diện được biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh; chỉ ra được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;
- HS biết sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

2. Năng lực

a. Năng lực chung

- Năng lực giải quyết vấn đề, tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, trình bày, thuyết trình, tương tác, hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Cô Tô*;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Cô Tô*;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về đặc sắc nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của văn bản với các văn bản có cùng chủ đề.
- Năng lực nhận diện và phân tích các biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong ngữ cảnh;
- Năng lực sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh trong việc viết câu văn, đoạn văn.

3. Phẩm chất:

- Yêu mến và tự hào về vẻ đẹp của quê hương, xứ sở.
- Có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

II. NỘI DUNG

I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ THỂ LOẠI

a. Kí

- Kí là loại tác phẩm văn học chú trọng ghi chép sự thực.
- Trong kí có kể sự việc, tả người, tả cảnh, cung cấp thông tin và thể hiện cảm xúc, suy nghĩ của người viết. Có những tác phẩm nghiêng về kể sự việc, có những tác phẩm nghiêng về thể hiện cảm xúc.
- Với một số thể loại kí, tác giả thường là người trực tiếp tham gia hoặc chứng kiến sự việc. Sự việc thường được kể theo trình tự thời gian. Tác giả có thể xưng “tôi”, có vai trò như người kể chuyện. Khi kể, tác giả kết hợp trình bày suy nghĩ, cảm xúc, sự quan sát, liên tưởng, tưởng tượng của mình về sự việc.

Du kí

Du kí là thể loại kí ghi chép về những chuyến đi tới các vùng đất, các xứ sở nào đó. Người viết kể lại hoặc miêu tả những điều mắt thấy tai nghe trên hành trình của mình.

ÔN TẬP VĂN BẢN: CÔ TÔ

(Nguyễn Tuân)

I. TÁC GIẢ, TÁC PHẨM:

1. Tác giả:

- Nguyễn Tuân (1910-1987), quê ở Hà Nội.

- Từ những năm 30 của thế kỉ XX, Nguyễn Tuân bắt đầu viết văn và làm báo, chủ yếu đăng trên các báo, tạp chí.
- Ông là nhà văn nổi tiếng, có sở trường về thể tùy bút và kí
- Ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học, nghệ thuật năm 1996
- Phong cách sáng tác: tác phẩm của ông luôn thể hiện phong cách độc đáo, tài hoa, sự hiểu biết phong phú về nhiều mặt và vốn ngôn ngữ giàu có, điêu luyện
- Những tác phẩm đã xuất bản: *Ngọn đèn dầu lạc (phóng sự, 1939)*; *Vang bóng một thời (truyện ngắn, 1940)*; *Chiếc lư đồng mắt cua (tùy bút, 1941)*; *Tóc chị Hoài (tùy bút, 1943)*; *Tùy bút II (tùy bút, 1943)*, ...

2. Tác phẩm:

a. **Thể loại:** Thể kí

b. **Xuất xứ:**

Bài văn “Cô Tô” là phần cuối của bài kí Cô Tô – tác phẩm ghi lại những ấn tượng về thiên nhiên, con người lao động ở vùng đảo Cô Tô mà nhà văn thu nhận được trong chuyến ra thăm đảo

- PTBD: Tự sự kết hợp miêu tả.

3. **Bố cục:** 4 phần chính

+ Phần 1: Từ đầu đến “*quỷ khóc thần linh*”: **Cơn bão biển Cô Tô**;

+ Phần 2: “*Ngày thứ Năm trên đảo Cô Tô... lớn lên theo mùa sóng ở đây*”: **Cảnh Cô Tô một ngày sau bão** (điểm nhìn: trên nóc đồn biên phòng Cô Tô);

+ Phần 3: “*Mặt trời... nhịp cánh*”: **Cảnh mặt trời lên trên biển Cô Tô** (điểm nhìn: nơi đầu mũi đảo);

+ Phần 4: Còn lại: **Buổi sớm trên đảo Thanh Luân** (điểm nhìn: cái giếng nước ngọt ở rìa đảo).

Cô Tô được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn. Bài kí được in trong tập *Kí*, xuất bản lần đầu năm 1976.

II. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

1. Sự dữ dội của trận bão

- Thủ pháp tăng tiến miêu tả sức mạnh và hành động của cơn gió, làm cho hình ảnh sống động như thật.

diễn tả sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão

- Sử dụng các từ ngữ gây ấn tượng mạnh, tập hợp các từ ngữ trong trường nghĩa chiến trận
Cái nhìn độc đáo của tác giả về trận bão biển. Miêu tả cơn bão như trận chiến dữ dội, để cho thấy sự đe dọa và sức mạnh hủy diệt của cơn bão.

Phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân.

2. Cảnh Cô Tô yên ả, tinh khôi sau cơn bão

- Hình ảnh giàu màu sắc, gọi không khí yên ả và vẻ đẹp tinh khôi (khác với cách miêu tả trận bão biển: từ ngữ tạo cảm giác mạnh, kịch tính).

- Cảm xúc của tác giả: cách dùng từ gần gũi với dân chài: *động bão, mẻ cá già đôi, mùa sóng*.

Kể bằng hình ảnh trong kí có tác động lớn đến cảm nhận của người đọc.

3. Cảnh mặt trời mọc trên biển, đảo Cô Tô

- Hình ảnh so sánh độc đáo, mới lạ:

- + Mặt trời - tấm kính
- + Mặt trời - lòng trứng đỏ thiên nhiên
- + Bầu trời - mâm bạc

Tài quan sát, tưởng tượng Hình ảnh so sánh độc đáo mới lạ
Bức tranh cực kỳ rực rỡ, lồng lẩy về cảnh mặt trời mọc trên biển.

Cách đón nhận công phu và trang trọng

- Dậy từ canh tư, ra tận mũi đảo ngồi rình mặt trời lên
- Thể hiện tình yêu của tác giả đối với thiên nhiên.

4. Cảnh sinh hoạt của con người trên đảo Cô Tô

- Cái giếng nước ngọt giữa đảo.
- Rất đông người: tắm, múc, gánh nước, bao nhiêu là thùng gỗ, cong, ang, gôm, các thuyền chờ mở nắp sập chờ đổ nước ngọt để ra khơi đánh cá.

Nước ngọt rất quý

- Nước ngọt chỉ để uống, vo gạo thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt
- Nguồn nước ngọt sinh hoạt chính của người dân Cô Tô.

Chi tiết không thể thiếu khi miêu tả Cô Tô.

- Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn đợi con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:
- Biển cả - người mẹ hiền
- Biển cho tôm cá - mẹ mớm thức ăn cho con
- Người dân trên đảo - lũ con lành của biển

Kết thúc bằng tình yêu của tác giả với biển đảo quê hương và sự tôn vinh những người lao động trên đảo.

III. TỔNG KẾT

+ Giá trị nội dung:

Cảnh thiên nhiên và sinh hoạt của con người trên vùng đảo Cô Tô hiện lên thật trong sáng và tươi đẹp. Bài văn cho ta hiểu biết và yêu mến một vùng đất của Tổ quốc – quần đảo Cô Tô.

+ Giá trị nghệ thuật:

- Ngôn ngữ điêu luyện, độc đáo
- Miêu tả tinh tế, chính xác, giàu hình ảnh và cảm xúc
- Sử dụng nghệ thuật so sánh, nhân hóa, ẩn dụ,...

BÀI MẪU THAM KHẢO

Trên diễn đàn văn học, Nguyễn Tuân được biết đến là nhà văn có phong cách độc đáo, lối viết tài hoa, cách dùng từ ngữ vô cùng đặc sắc, tinh tế. Ông có sở trường với thể loại truyện ngắn và kí. Tác phẩm kí của Nguyễn Tuân cho thấy tác giả có vốn kiến thức sâu rộng về nhiều lĩnh vực đời sống. Văn bản “Cô Tô” là một bài kí đặc sắc, được viết nhân một chuyến ra thăm đảo của nhà văn, xuất bản lần đầu năm 1976. Với lối viết tinh tế, tài hoa, cảnh Cô Tô hiện lên trong bài kí mang vẻ đẹp tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt. Cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, vẻ đẹp của những người lao động trên đảo nổi bật với sự bền bỉ mà lặng lẽ, họ bám biển để lao động sản xuất để giữ gìn biển đảo thiêng liêng của tổ quốc.

Văn bản mang đặc trưng rõ nét của thể kí, với lối quan sát thực tế và ghi chép những gì nhà văn tận mắt nhìn thấy nhân chuyển đến Cô Tô. Sự kết hợp tự sự với miêu tả, biểu cảm, nhà văn dẫn người đọc đến khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên và con người trên đảo Cô Tô, thuộc vịnh Bắc Bộ. Ở ngôi kể thứ nhất, nhà văn quan sát cảnh Cô Tô ở nhiều vị trí khác nhau như lúc ở trên nóc đồn khố xanh, có lúc từ đầu mũi đảo. Trong bài kí vận động, dịch chuyển về thời gian theo trình tự ngày (thứ tư, thứ năm, thứ sáu), lúc trước, trong, sau cơn bão biển; thiên nhiên được quan sát theo từng chuyển động của mặt trời từ lúc mặt trời chưa mọc, đến lúc từ từ mọc, đến lúc cao bằng con sào... Ở mỗi thời khắc khác nhau, Cô Tô mang những vẻ đẹp riêng biệt, từ cảnh Cô Tô trong cơn bão biển dữ dội, đến sự yên bình khi cơn bão đi qua, rồi đến vẻ đẹp thơ mộng, hùng vĩ khi mặt trời lên trên biển, và cảnh rộn ràng vào buổi sớm trên đảo Thanh Luân.

Dưới ngòi bút tài hoa của nhà văn Nguyễn Tuân, thiên nhiên Cô Tô mang vẻ đẹp tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt. Mở đầu văn bản, nhà văn khắc họa trận bão biển ở Cô Tô vô cùng khủng khiếp. Nguyễn Tuân có cái nhìn độc đáo về trận bão biển, miêu tả trận bão bằng ngôn ngữ của trận chiến, trận bão chẳng khác nào trận chiến thực sự giữa thiên nhiên với con người. Điều đó cho thấy trí tưởng phong phú, ngòi bút tài hoa của tác giả. Trong trận bão biển, thiên nhiên thật dữ dội, có sức mạnh hủy diệt, đe dọa con người. Mỗi sự vật được miêu tả mang một sức mạnh khủng khiếp. Gió lúc thì ghê gớm, được nhân hóa “lọt vào trận địa cánh cung bãi cát”, rồi “tăng thêm hỏa lực”; lúc khác thì gió ngừng được ví “đạn thay băng”, rồi lại “liên thanh lia lịa”... Tiếng gió thổi ghê rợn ví như “quỷ khóc thần linh”. Còn cát được miêu tả với sức mạnh “viên cát bắn vào má vào gáy buốt như một viên đạn mũi kim”. Thiên nhiên trong bão còn là sự chuyển động với vận tốc của sóng rất dữ dội “thúc lẫn nhau vào bờ âm ầm rền rền như vua thủy cho các loài thủy tộc rung thêm trống trận”. Tác giả dùng từ ngữ miêu tả độc đáo khi là các danh từ “trận địa, hỏa lực, băng”, động từ mạnh: buốt, rát, bắn, thúc, âm ầm rền rền, vỡ tung, rít, rú... Đó là những từ ngữ vốn tả trận chiến, nay nhà văn dùng để tả cảnh bão biển. Từ đó làm sống dậy hình ảnh cũng như sức tàn phá, khắc nghiệt của thiên nhiên trên biển trong cơn bão. Với nhiều hình ảnh so sánh độc đáo kết hợp sử dụng từ Hán Việt làm tăng thêm màu sắc kì quái cho cơn bão. Cảnh tượng trên gác đảo uy bị gió “vây, dòn, bung hết” mới thấy sự hủy diệt của thiên nhiên trong cơn thịnh nộ. Nguyễn Tuân quả là cây bút luôn có cách nhìn độc đáo, dường như nhà văn khám phá được mọi sự vật cùng một lúc, để khắc họa chân thực nhất nhu nó vốn có. Phải có một trí tưởng phong phú, và ngòi bút tinh tế, tài hoa, tác giả khắc họa trận bão biển dữ dội, có sức mạnh hủy diệt, đe dọa con người đến như vậy.

Trái với vẻ dữ dội trong cơn bão, Cô Tô vào ngày hôm sau khoác lên mình một vẻ đẹp tinh khôi và mới mẻ, bình yên. Cơn bão đi qua, Cô Tô hiện ra trong không gian trong không gian rộng lớn từ bầu trời, nước biển, cây trên núi đảo, đến bãi cát. Mỗi hình ảnh thiên nhiên mang một sức sống mới, tràn đầy màu sắc của ánh sáng. Nguyễn Tuân bắt đầu điểm nhìn của mình từ bầu trời, đó là một ngày “trong trẻo, sáng sủa” khi mây đen và bụi bẩn đã bị xua tan hết. Điểm nhìn tiếp tục di chuyển xuống hàng cây, mặt nước và xa hơn là cả trong lòng biển mênh mông, rộng lớn: “Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt”, “nước biển lại lam biếc đậm đà hơn” “cát lại vàng giòn hơn nữa”, “Lưới nặng mẻ cá già dôi”. Ngôn ngữ miêu tả màu sắc, ánh sáng là những tính từ “trong trẻo, xanh mượt, lam biếc, vàng giòn”. Đó là ngôn từ chọn lựa tinh tế, gợi cảm, chau chuốt làm chi tiết miêu tả chân thực, sống động. Cách dùng từ gần

gửi với dân chài: “động bão, mẻ cá giã đôi, mùa sóng” tác giả gửi gắm cái nhìn triu mến, tâm trạng say sưa trước vẻ đẹp của Cô Tô và cuộc sống nơi đây. Đồng thời, với cách kể chuyện bằng hình ảnh đặc sắc, vẻ đẹp của Cô Tô hiện lên bình yên, trong trẻo, khoáng đạt, tinh khôi và mới mẻ.

Đến với Cô Tô, tác giả luôn tìm tòi, khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên kì vĩ của biển Cô Tô. Ngòi bút tài hoa của nhà văn đã khắc họa cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô thật đẹp. Cách tác giả cảm nhận cảnh cũng đặc biệt, chứa đầy thái độ trân trọng nâng niu, khao khát muốn khám phá, nhà văn dậy sớm không chỉ là đợi mặt trời mọc mà là “Dậy từ canh tư, ra tận mũi đảo ngồi rình mặt trời lên”. Từ “rình” mới lột tả hết cách đón nhận công phu và trang trọng của Nguyễn Tuân. Đáp lại tình yêu và khao khát ngắm nhìn biển vào khoảnh khắc mặt trời mọc, thiên nhiên hiện ra kì vĩ, tráng lệ, huy hoàng rực rỡ trong tâm trạng hân hoan của nhà văn. Nhà văn đã miêu tả cảnh mặt trời mọc theo sự chuyển động của thời gian, sự biến đổi của sắc màu trong không gian. Cả bầu trời được miêu tả qua hình ảnh so sánh “Chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây bụi” khoảnh khắc mặt trời từ từ xuất hiện thật tráng lệ. Bằng trí tưởng tượng phong phú, Nguyễn Tuân đã ghi lại khoảnh khắc mặt trời mọc thật huy hoàng, rực rỡ mặt trời “Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn”, quả trứng ấy chính là lễ vật mà thiên nhiên ban tặng và được đặt trên một chiếc mâm mà đường kính của mâm bằng cả cái chân trời màu ngọc trai ửng hồng. Mâm lễ vật này thiên nhiên ban tặng cho sự trường thọ của những người dân chài lưới. Với việc sử dụng hàng loạt biện pháp so sánh, Nguyễn Tuân đã vẽ nên khung cảnh mặt trời mọc vô cùng hùng vĩ, tráng lệ. Tô điểm cho bức tranh là “vài chiếc thuyền mùa thu chao đi chao lại” khiến người đọc hình dung cánh thuyền như những chiếc thoi đưa trên mặt biển với tốc độ di chuyển nhanh, khiến bức tranh càng trở nên sống động và thơ mộng hơn. Tác giả sử dụng từ ngữ chính xác, tinh tế, quan sát các hình ảnh vận động theo trình tự thời gian, lối so sánh thật rực rỡ, tráng lệ. Hình ảnh mặt trời trên biển huy hoàng, rực rỡ với tài quan sát tinh tế, cảnh mặt trời mọc ở Cô Tô được thể hiện trong sự giao thoa hân hoan giữa con người với thế giới thiên nhiên.

Vẻ đẹp của con người Cô Tô đã làm cho bức tranh Cô Tô trở nên gần gũi, ấm áp. Cảnh người dân sinh hoạt và lao động trên đảo được miêu tả qua các chi tiết, hình ảnh của cuộc sống. Sự xuất hiện của hình ảnh giếng nước ngọt giữa đảo Cô Tô là dấu hiệu sự sống của con người đảo. Nó vừa là nguồn sống của con người trên đảo, vừa ghi dấu sự sống của con người nơi đây. Rồi đến những chiếc lá cam, lá quýt vương lại trong lòng giếng sau bão cho thấy họ đã bám trụ trên đảo nhiều năm, đã trồng những cây lâu năm. Hoạt động của con người hồi hã lấy nước sinh hoạt, dự trữ nước cho tàu thuyền chỗ bãi đá bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sập. Không khí ở giếng nước “vui như một cái bến và đậm đà mát nhẹ hơn mọi cái chợ trong đất liền” là một hình ảnh so sánh thú vị, mở ra cảnh lao động của người dân trên đảo khẩn trương, sôi động, tấp nập, yên bình trên đảo. Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn được nhà văn cảm nhận “Trông chị Châu Hòa Mãn dịu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh của biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con hiền lành”. Câu văn có hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc, giàu ý nghĩa. Tác giả đã ca ngợi, tôn vinh vẻ đẹp của con người lao động Cô Tô, chính họ là những người lao động mới đang từng ngày cống hiến cho đất nước, tạo cho người đọc ấn tượng sâu sắc khó quên về khung cảnh, tiềm năng của biển Cô Tô. Tình yêu thiên nhiên và con người của tác giả được hòa quyện, đan dệt.

Văn bản “Cô Tô” của nhà văn Nguyễn Tuân hấp dẫn bởi lối ghi chép, cách kể sự việc theo trình tự thời gian; ghi chép bằng hình ảnh để tạo ấn tượng, ngôi kể thứ nhất. Ngôn ngữ miêu tả chính xác, giàu sức gợi, mang dấu ấn riêng; tác giả sử dụng phép nhân hóa, so sánh với trí tưởng tượng bay bổng, tạo ra hình ảnh vừa kì vĩ, vừa gần gũi. Đọc văn bản, chúng ta được khám phá vẻ đẹp của thiên nhiên Cô Tô tinh khôi mà dữ dội, đa dạng mà khác biệt. kì vĩ và nên thơ. Từ đó, tác giả ca ngợi vẻ đẹp của con người Cô Tô sống cùng sự kì vĩ mà khắc nghiệt của thiên nhiên, bền bỉ mà lạng lẽ bám biển để lao động sản xuất để giữ gìn biển đảo quê hương.

Tóm lại, qua văn bản “Cô Tô”, mỗi chúng ta thêm yêu quý, tự hào về sự giàu đẹp của thiên nhiên biển đảo Cô Tô, thêm trân trọng vẻ đẹp của người dân lao động trên đảo. Từ đó, mỗi người càng gắn bó hơn vẻ đẹp của thiên nhiên, quê hương đất nước, con người.

II. LUYỆN ĐỀ

Dạng 1: Trắc nghiệm

Câu 1. Cô Tô là quần đảo thuộc địa phương nào?

- A. Vũng Tàu B. Nghệ An C. Hải Phòng D. Quảng Ninh

Đáp án D

Câu 2. Văn bản Cô Tô được viết theo thể nào?

- A. Thể kí B. Thể tùy bút C. Thể hịch D. Thể truyện ngắn

Đáp án A

Câu 3. Trong đoạn đầu của văn bản Cô Tô, điểm quan sát của tác giả ở đâu?

- A. Nóc đồn Cô Tô B. Trên dốc cao
C. Bên giếng nước ngọt ở rìa một hòn đảo D. Đầu mũi đảo

Đáp án A

Câu 4. Tính từ chỉ màu sắc nào không được sử dụng trong đoạn đầu bài kí?

- A. Hồng tươi B. Xanh mượt C. Lam biếc D. Vàng giòn

Đáp án: A

2. Dạng Đề đọc hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

" [...] Mặt trời lại rọi lên ngày thứ sáu của tôi trên đảo Thanh Luân một cách thật quá là đầy đủ. Tôi dậy từ canh tư. Còn tối lắm, cố đi mãi trên đá đầu su, ra thầu đầu mũi đảo. Và ngồi đó nhìn mặt trời lên. Điều tôi dự đoán, thật là không sai. Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi. Mặt trời nhú lên dần dần, rồi lên cho kì hết. Tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng. Y như một mâm lễ phẩm tiến ra từ trong bình minh để mừng cho sự trường thọ của tất cả những người chài lưới trên muôn thủa biển Đông. Vài chiếc nhạn mùa thu chao đi chao lại trên mâm bệ sáng dần lên cái chất bạc nén. Một con hải âu bay ngang, là là nhịp cánh... ”.

(Trích Cô Tô, Nguyễn Tuân)

Câu 1. Nêu các phương thức biểu đạt và thể loại của đoạn trích trên.

Câu 2. Trong đoạn trích, để nhận ra vẻ đẹp của Cô Tô, nhà văn đã quan sát cảnh thiên nhiên và hoạt động của con người trên đảo ở những thời điểm nào và từ vị trí nào?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép tu từ trong câu văn sau:

“Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.”

Câu 4. Từ đoạn văn trên, em thấy mình cần làm gì để bảo vệ thiên nhiên?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Các phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả và biểu cảm.

Thể loại: Kí

Câu 2.

- + Vị trí quan sát của người kể: trên những hòn đá đầu sù, từ đầu mũi đảo.
- + Thời điểm: Sau cơn bão; từ lúc mặt trời chưa mọc đến lúc mặt trời mọc.

Câu 3.

Câu văn “Sau trận bão, chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây hết bụi.”

* Phép tu từ so sánh: “chân trời, ngấn bể” sau bão sạch sẽ được so sánh với “tấm kính lau hết mây bụi”

* Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh:

- Làm cho câu văn trở nên sinh động, hấp dẫn.
- Nhấn mạnh sự trong lành, thoáng đãng của chân trời, ngấn bể sau khi cơn bão đã đi qua.
- Cho thấy ngòi bút tài hoa, trí tưởng tượng bay bổng, tình yêu thiên nhiên, yêu biển đảo quê hương của nhà văn Nguyễn Tuân.

Câu 4

- Chúng ta có thể làm rất nhiều việc để góp phần bảo vệ thiên nhiên:
- + Trồng cây xanh và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn.
- + Không xả rác, đốt rác bừa bãi ra môi trường, tổ chức các chiến dịch dọn sạch rác ở sông, hồ, bãi biển,...
- + Tuyên truyền cho mọi người về tầm quan trọng của thiên nhiên,... để góp phần vào công cuộc bảo vệ thiên nhiên.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“ [...] Cái giếng nước ngọt đảo Thanh Luân sớm nay có không biết bao nhiêu người đến gánh và múc. Múc nước giếng vào thùng gỗ, vào những cong, những ang gốm màu da lươn. Lòng giếng vẫn còn rớt lại vài cái lá cam lá quýt của trận bão vừa rồi đi qua quăng vào. Chỗ bãi đá nuôi sáu mươi vạn con hải sâm ngoài kia, bao nhiêu là thuyền của hợp tác xã đang mở nắp sạp đổ nước ngọt vào. Sau trận bão, hôm nay, hợp tác xã Bắc Loan Đầu cho 18 thuyền lớn nhỏ cùng ra khơi đánh cá hồng. Anh hùng Châu Hòa Mãn cùng bốn bạn xã viên đi chung một thuyền. Anh quấy 15 gánh cho thuyền anh: “Đi ra khơi, xa lắm mà. Có khi mười ngày mới về. Nước ngọt cho vào sạp chỉ để uống. Vo gạo, thổi cơm cũng không được lấy nước ngọt. Vo bằng nước biển thôi.”

Từ đoàn thuyền sắp ra khơi đến cái giếng ngọt, thùng và cong và gánh nối tiếp đi đi về về. Trông chị Châu Hòa Mãn dịu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh của biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con hiền lành.”

(Trích Cô Tô, Nguyễn Tuân)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính được dùng trong đoạn văn trên.**Câu 2.** Chỉ ra hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc trong câu văn sau và nêu tác dụng của phép tu từ so sánh đó.

“Trông chị Châu Hòa Mãn dịu con, thấy nó dịu dàng yên tâm như cái hình ảnh của biển cả là mẹ hiền mớm cá cho lũ con hiền lành”

Câu 3. Đặt nhan đề cho đoạn văn.**Câu 4.** Thông điệp ý nghĩa nhất với em qua đoạn trích trên là gì? Lí giải lí do.**Gợi ý trả lời:****Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính được dùng trong đoạn văn trên: Tự sự**Câu 2.**

Hình ảnh chị Châu Hòa Mãn dịu con: hình ảnh so sánh nhiều tầng bậc với các cặp so sánh:

+ Biển cả – người mẹ hiền

+ Biển cho tôm cá – mẹ mớm thức ăn cho con

+ Người dân trên đảo – lũ con lành của biển

Tác dụng:

+ Ca ngợi, tôn vinh vẻ đẹp của con người lao động Cô Tô, chính họ là những người lao động mới đang từng ngày cống hiến cho đất nước.

+ Tạo cho người đọc ấn tượng sâu sắc khó quên về khung cảnh, tiềm năng của biển Cô Tô.

+ Tình yêu thiên nhiên và con người của tác giả được hòa quyện, đan dệt.

Câu 3. Đặt nhan đề cho đoạn văn: HS có thể có nhiều cách đặt, miễn là hợp lí là được:

Ví dụ: - Cô Tô- nơi con người lao động bám biển, vươn khơi.

- Cuộc sống nhộn nhịp trên đảo Cô Tô.

- Vẻ đẹp của con người nơi Cô Tô.

Câu 4. HS rút ra thông điệp ý nghĩa với bản thân mình và lí giải.

Có thể nêu: Thông điệp có ý nghĩa nhất với em: Hãy yêu và quan tâm giữ gìn biển đảo quê hương. Vì :

+ Biển đảo là một phần lãnh thổ thiêng liêng của đất nước.

+ Biển và đảo có vai trò quan trọng đối với đất nước.

+ Bao thế hệ cha ông đã dày công giữ gìn, xây dựng, bám biển, làm giàu cho đất nước.

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3****Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

“Tôi sinh năm 1906 tại làng Kô- mi-ô (Kômyo), nay là thành Ten-ri-u (Tenryu), thuộc thành phố Ha-ma-mát-su (Hamamatsu), tỉnh Si-dư-ô-ca (Shizuoka). Cha tôi là Ghi-hai (Gihei), làm nghề thợ rèn và tôi đã lớn lên trong tiếng phì phò của ống thổi lò, với âm thanh chan chát của tiếng đe, tiếng búa. Nhà tôi rất nghèo, đời ông tôi là nghề nông, đến đời cha tôi mới bắt đầu theo nghề rèn. Là trưởng nam trong gia đình, hằng ngày tôi phải công em gái tôi đến trường và giúp cha đập ống thổi lửa. Tuy còn nhỏ, chưa hiểu việc rèn những miếng vụn làm gì nhưng tôi rất thích thú với công việc đập búa “chúm cheng”, sửa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông.

Chưa được đi học, nhưng tôi rất thích chơi đùa với máy móc và động cơ. Cách nhà tôi khoảng 4 ki-lô-mét có một tiệm xay lúa. Vào thời đó, một tiệm xay có máy nổ hoạt động như vậy là hiếm lắm. Tôi thường được ông tôi cõng đến tiệm này chơi và bị lôi cuốn bởi âm thanh “bùm chát, bùm chát” của máy nổ và luồng khói xanh của mùi dầu cháy rất khó tả. Cách đó không xa có một tiệm xẻ gỗ, ở đó có tiếng máy nổ, “bùm bùm” và bánh răng quay tít, tôi vẫn lân la sang ngắm nhìn và thích thú vô cùng. Chỉ cần nhìn máy móc chuyển động, tôi cũng sung sướng không diễn tả được”.

(Thời thơ ấu của Honda - Hon-da-sô-i-chi-ro (Soichiro Honda))

Câu 1. Xác định ngôi kể và thể loại của đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, nhân vật “tôi” (Honda) có xuất thân như thế nào?

Câu 3. Tình cảm của nhân vật “tôi” với máy móc như thế nào? Chỉ ra một số câu văn thể hiện điều đó.

Câu 4. Em hãy chia sẻ về sở thích từ thời thơ ấu của mình. Sở thích đó được biểu hiện qua những hành động nào của em?

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Ngôi kể thứ nhất
- Thể loại: Hồi kí

Câu 2: Theo đoạn trích, xuất thân của nhân vật “tôi” (Honda): Sinh tại làng Kô-mi-ô (Kômyo), nay là thành Ten-ri-u (Tenryu), thuộc thành phố Ha-ma-mát-su (Hamamatsu), tỉnh Si-dư-ô-ca (Shizuoka) trong một gia đình rất nghèo, đời ông làm nghề nông, đời cha bắt đầu làm nghề thợ rèn.

Câu 3:

- Tình cảm của nhân vật “tôi” với máy móc: rất yêu thích, có niềm say mê khám phá máy móc.
- Một số câu văn cho thấy niềm yêu thích của nhân vật “tôi” với máy móc trong đoạn trích:
 - + “Tuy còn nhỏ, chưa hiểu việc rèn những miếng vụn làm gì nhưng tôi rất thích thú với công việc đập búa “chúm cheng”, sửa chữa đồ dùng và làm ra công cụ làm nông”.
 - + “Chưa được đi học, nhưng tôi rất thích chơi đùa với máy móc và động cơ”.
 - + “Tôi thường được ông tôi cõng đến tiệm này chơi và bị lôi cuốn bởi âm thanh “bùm chát, bùm chát” của máy nổ và luồng khói xanh của mùi dầu cháy rất khó tả.”
 - + “Cách đó không xa có một tiệm xẻ gỗ, ở đó có tiếng máy nổ, “bùm bùm” và bánh răng quay tít, tôi vẫn lân la sang ngắm nhìn và thích thú vô cùng. Chỉ cần nhìn máy móc chuyển động, tôi cũng sung sướng không diễn tả được”.

Câu 4: HS chia sẻ về sở thích từ thời thơ ấu của mình.

Ví dụ: Em có sở thích đọc sách.

- + Mỗi ngày em dành khoảng 2 giờ để đọc sách.
- + Em tiết kiệm tiền để mua truyện tranh, cuốn sách em yêu thích.
- + Em thích được ở 1 mình trong phòng mình, yên tĩnh làm bạn với những cuốn sách.
- + Em tập sáng tạo những câu chuyện ngắn hoặc vẽ tranh về những nhân vật trong những cuốn sách em đã đọc.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

“Nói đến Đồng Tháp Mười là phải nói đến lũ. Lũ chính là nguồn sống của cả cư dân miệt sông nước này. Nó mang phù sa mùa màng về, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng. Năm ngoái chúng tôi lại xuống Long An, giữa mùa lũ mà đồng nứt nẻ, dân ngơ ngác hoang mang đợi lũ. Bởi nếu không có lũ, nước kiệt đi thì toàn bộ vùng này thiếu nước ngọt nghiêm trọng, phèn nổi lên rất nhiều và đậm, nước chỉ còn đọng ở các lung, trấp, đìa, bàu... không dùng được, cây cỏ khô rụi, di chuyển chủ yếu là đi bộ hoặc xe trâu, toàn bộ đời sống sẽ ngưng trệ. Lũ tồn tại song song với người miền Tây như con lộ nào cũng song song một con kinh bên cạnh, làm nên một đặc trưng đồng bằng Nam Bộ. Người ta đào kênh (kinh) để thông thương, để lấy nước, chỉ huy nước, lấy đất淤 đắp đường (lộ), cứ chằng chịt như thế, những con kinh huyết mạch nối những cù lao, những giồng... thành một đồng bằng rộng lớn và đầy bản sắc.

(Đồng Tháp Mười mùa nước nổi – Văn Công Hùng)

Câu 1. Xác định thể loại và ngôi kể của đoạn trích trên.

Câu 2. Theo đoạn trích, lũ có vai trò như thế nào đối với Đồng Tháp?

Câu 3. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về vẻ đẹp của thiên nhiên và cảnh quan Đồng Tháp Mười?

Câu 4. Theo em, cần phải làm gì để bảo vệ sự đa dạng của thiên nhiên ở miền Tây? Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý trả lời**Câu 1:**

- Thể loại : Du kí
- Ngôi kể thứ nhất.

Câu 2: Vai trò của lũ với Đồng Tháp Mười:

- Lũ mang phù sa mùa màng, mang tôm cá về, làm nên một nền văn hóa đồng bằng.
- Cung cấp nước ngọt cho người dân sinh hoạt, duy trì sự sống cho cây cỏ thiên nhiên, giúp giao thông thuận lợi bằng đường thủy.

Câu 3:

Thiên nhiên và cảnh quan Đồng Tháp Mười đa dạng, tươi đẹp và hài hoà với cuộc sống con người.

Câu 4: HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Để bảo vệ sự đa dạng của thiên nhiên cần:

- Khai thác nguồn tài nguyên một cách hợp lí.
- Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia,...
- Chống ô nhiễm môi trường sông nước; có biện pháp phòng chống cháy rừng.
- Tuyên truyền người dân nâng cao ý thức trong khai thác đi liền với bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.
- Hợp tác với các nước nỗ lực trong việc chống biến đổi khí hậu

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5**4. Dạng Viết ngắn:**

Từ văn bản, em viết đoạn văn (khoảng 7-10 dòng) nêu cảm nhận về vẻ đẹp của cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô.

- a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn
- b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn: cảm nhận về vẻ đẹp của cảnh mặt trời mọc trên biển Cô Tô
- c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách. Sau đây là một số gợi ý:
 - Tác giả thể hiện qua từ ngữ chỉ hình dáng, màu sắc và hình ảnh so sánh: chân trời, ngấn bể sạch như tấm kính lau hết mây bụi, mặt trời nhú lên dần dần tròn trĩnh, phúc hậu như một quả trứng thiên nhiên đầy đặn; quả trứng hồng hào... nước biển ửng hồng Y như một mâm lễ phẩm
 - Tác giả sử dụng từ ngữ chính xác, tinh tế, quan sát các hình ảnh vận động theo trình tự thời gian, lối so sánh thật rực rỡ, tráng lệ.
 - Hình ảnh mặt trời trên biển huy hoàng, rực rỡ với tài quan sát tinh tế, cảnh mặt trời mọc ở Cô Tô được thể hiện trong sự giao thoa hân hoan giữa con người với thế giới.

Ví dụ:

Trong đoạn trích của bài kí Cô Tô, đoạn văn tả cảnh mặt trời mọc đã đem đến nhiều ấn tượng sâu sắc. Nhà văn Nguyễn Tuân đã sử dụng hình ảnh so sánh hết sức độc đáo: “Mặt trời tròn trĩnh phúc hậu như lòng đỏ một quả trứng thiên nhiên đầy đặn. Quả trứng hồng hào thăm thẳm và đường bệ đặt lên như một mâm bạc đường kính mâm rộng bằng cả một cái chân trời màu ngọc trai nước biển ửng hồng”. Việc sử dụng hình ảnh so sánh khiến cho thiên nhiên trở nên rực rỡ, tráng lệ. Đồng thời, người đọc cũng thấy được sự tinh tế, sáng tạo của nhà văn Nguyễn Tuân. Nhà văn gián tiếp bày tỏ tình yêu thiên nhiên của mình qua miêu tả cảnh vật.

ÔN TẬP VĂN BẢN: HANG ÉN

I. KIẾN THỨC CHUNG:

1. Thông tin về văn bản

- Trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình; truy cập: 14/10/2020

- Tác giả: Hà My.

2. Đọc, kể tóm tắt

a. Thể loại: Kí

b. Phương thức biểu đạt: Tự sự kết hợp miêu tả, biểu cảm

c. Bố cục: 2 phần chính:

+ Phần 1: Từ đầu... *lòng hang chính*: Hành trình đi đến hang Én

+ Phần 2: Còn lại: Khám phá vẻ đẹp bên trong hang Én

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Hành trình đến hang Én

- “Phải xuyên qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lội khoảng ba mươi quãng suối và sông”

Đến được hang Én là một thách thức, đòi hỏi con người có nghị lực, sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục

- Chỉ có cách đi bộ cách duy nhất để đến được hang Én có thời gian để khám phá và hòa mình vào thiên nhiên:

+ Thách thức, nguy hiểm: dốc cao gập ghềnh; đường mòn, trơn; cây cổ thụ chắn ngang, vòm dây leo giăng kín; lối sông, trèo ngược vách đá cao hiểm trở;

+ Vẻ đẹp:

+ Một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai;

+ Cây cổ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc;

+ Con đường, thăm cổ (cách dùng từ “thăm”, không phải “bãi), tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quần quýt cả vào chân người.

+ Các từ, cụm từ chỉ cảm xúc: thích nhất, yêu vô cùng, ngỡ mình đang đi trong một giấc mộng đẹp;

Các từ ngữ miêu tả thiên nhiên có độ gợi cảm cao, thể hiện thái độ, tình cảm yêu mến của người viết.

2. Vẻ đẹp bên trong hang Én

a. Kích thước

- Số đo: rộng nhất là 110m², cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lõi qua hang ngầm khoảng 4 km;

- Cách so sánh để cụ thể hóa, dễ hình dung: có thể chứa được hàng trăm người, tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng.

Cụ thể hóa hang Én cho người đọc: Hang Én rất cao, rộng, dài Con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn

b. Vẻ đẹp trong hang Én

- Sự kiến tạo của tự nhiên:

+ Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường;

+ “Bờ sông cát mịn, nước mát lạnh, trong veo, đáy toàn sỏi đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo”;

+ Dải hóa thạch sò, ốc, san hô; nhũ đá, măng đá, ngọc động tuyệt đẹp, trăm triệu năm bào mòn hay bồi đắp mới nên

Những vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất.

Chiều sâu của lịch sử, cội nguồn của sự sống trên hành tinh.

- Sinh vật tự nhiên sống trong hang Én: chim én

+ Tính từ: “dày đặc”

+ Nhân hóa, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc:

- Én bố mẹ, én anh chị, én ra ràng, bạn én thiếu niên

- Ngủ nướng; say giấc.

- “Nếu đặt lên vai, bạn sẽ rúc vào tóc hoặc đậu trên đầu mình để... ngủ tiếp!” dấu ba chấm để thể hiện sự bất ngờ ở phía sau: bạn én thiếu niên ham ngủ lối viết giàu cảm xúc, tình cảm; không may mắn để ý đến sự hiện diện của nhóm du khách; ung dung mổ côm trong lòng bàn tay

- Khung cảnh trong hang Én thay đổi theo thời gian:

+ Tối:

- Bóng tối trùm trong hang, khoảng trời trên cửa hang vẫn sáng rất lâu;
- Đàn én bay về hang; tứ bề tiếng chim líu ríu, chiu chít, tiếng phân chim rơi lộp độp trên mái lều;
- Tiếng nước chảy âm âm.

+ Sáng:

- Năm giờ: luồng nắng ban mai rực rỡ sáng bừng cả lòng hang, tương bật điện từ tối sang sáng, con người chưa kịp thích nghi;
- Khói mờ lãng đãng trên mặt nước do nắng và hơi nước mỏng cộng lại vẻ đẹp thơ mộng, bình yên, trong trẻo của buổi sáng. Cách dùng từ đảo ngữ: không phải “khói mờ lãng đãng” mà là “lãng đãng khói mờ”;
- Không khí mát lành, tinh khiết.

c. Sự hòa mình của con người với tự nhiên

- Cách con người tương tác với tự nhiên:

+ Cách gọi hang Én: cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng. “Cái tổ” gọi cảm giác nguyên thủy, ấm áp, gần gũi. “Mẹ Thiên Nhiên”: gọi thiên nhiên là “Mẹ”, viết hoa các tiếng thái độ ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên;

+ Thời xa xưa, tộc người A-rem đã sống trong hang Én, có bàn chân mỏng, ngón dẹt – dấu tích của bao thế hệ leo vách đá con người sống giữa thiên nhiên, hòa hợp và thích ứng với thiên nhiên;

+ Tộc người A-rem khi ra ngoài sinh sống: vẫn giữ lễ hội “ăn én”;

+ Cư xử với đàn bướm: thái độ yêu thích, bước đi cùng đàn bướm, ngắm cánh hồ điệp monh manh thái độ trân trọng, nâng niu vẻ đẹp mong manh;

+ Cư xử với chim én: đặt lên vai, cho ăn trong lòng bàn tay sự gần gũi, thân thiện;

+ Sống trong hang:

- Ngồi bệt trên cát, chân trần trực tiếp tiếp xúc với thiên nhiên, không cần vật bảo hộ, ngăn, kê, lót.

- Tối: Ngắm sông, ngắm trời;

- Sáng: ngoài người ra khỏi lều

Tâm trạng, thái độ: yêu thích, cảm phục, ngưỡng vọng, kết giao với tự nhiên, cảm thấy được sống an nhiên trong cái “tổ” của “Mẹ Thiên Nhiên”.

3. Tổng kết

+ **Nghệ thuật**

- Sử dụng các từ ngữ giàu hình ảnh, cảm xúc tăng khả năng liên tưởng, tưởng tượng và khơi lên tình cảm trong lòng người đọc;

- Lối kể tuyến tính phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc

+ **Nội dung**

VB cho thấy vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của hang Én và thái độ của con người trước vẻ đẹp của tự nhiên.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Văn bản “Hang Én” của Hà My được trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020 là một văn bản đặc sắc. Với lối ghi chép chân thực, sinh động, ngôi kể thứ nhất của thể kí, tác giả dẫn người đọc khám phá vẻ đẹp thiên nhiên của Hang Én, một trong những hang động lớn nằm trong quần thể vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng của tỉnh Quảng Bình. Vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng, đặc biệt là vẻ đẹp của hang Én khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục. Vẻ đẹp đó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.

Bài kí “Hang Én” được kết hợp nhiều phương thức, tác giả kể lại hành trình khám phá hang Én của mình. Bài văn có nhiều chi tiết miêu tả, biểu cảm đặc sắc, kể theo trình tự không gian và thời gian. Tác giả kể lại hành trình của mình, khởi đầu từ con dốc Ba Giàn, đến thung lũng Rào Thương để đến với Hang Én. Thời gian di chuyển từ sáng khi hành trình bắt đầu, đến khi bóng tối chầm xuống Hang Én, đến sáng hôm sau. Từ nhan đề của văn bản, người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của hang Én qua việc ghi chép lại hành trình tìm hiểu, khám phá hang Én một địa danh du lịch khám phá nổi tiếng, đây là hang động lớn thứ ba thế giới tại Quảng Bình. Từ đó, tác giả bộc lộ cảm xúc, tâm trạng của mình.

Trước hết, tác giả đưa người đọc đến với hành trình đến hang Én. Cách thức di chuyển vào hang Én *“Phải xuyên qua rừng nguyên sinh, vượt qua nhiều đoạn dốc cao, ngoằn ngoèo, lối khoảng ba mươi quãng suối và sông”*. Đây là một thách thức, đòi hỏi con người có nghị lực, sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục. Trên hành trình ấy, cảnh thiên nhiên của rừng nguyên sinh mở ra trước mắt chúng ta. Đó là *“một cuộc “ngược dòng” tìm về thuở sơ khai”*. Bởi thế giới thiên nhiên nơi đây còn nguyên sơ, và vô cùng trong trẻo, tạo sức cuốn hút kì lạ. Tác giả khéo léo dùng những chi tiết miêu tả đặc sắc, hấp dẫn, cảnh rừng nguyên sinh hiện lên sống động: *“cây cổ thụ tán cao vút, hoa phong lan nở, nhiều côn trùng, chim chóc”*; *“con đường, thảm cỏ, tiếng chim, đàn cá bơi, đàn bướm quần quýt cả vào chân người”*. Hàng loạt các phép tu từ: liệt kê, so sánh được tác giả sử dụng mở ra một thế giới thiên nhiên sống động, có sức cuốn hút đến mê hoặc. Hình ảnh đàn bướm đậu được so sánh như *“đám hoa ai ngẫu hứng xếp trên mặt đất”* chứa đựng cảm xúc háo hức, mê say, ngạc nhiên, bất ngờ của người lần đầu đặt chân tới nơi đây. Tác giả chọn lựa từ ngữ miêu tả gợi cảm: *“róc rách, rậm rậm, liêu xiêu, ...”* tạo ra các chi tiết miêu tả đặc sắc, hấp dẫn. Thiên nhiên mang vẻ đẹp hoang sơ, hiểm trở, đầy thách thức, mà cũng gần gũi, bao dung và mê hoặc. Bài kí mở ra hành trình khám phá hang Én với xúc cảm háo hức, mê say trước vẻ đẹp của thiên nhiên hoang sơ, bí ẩn, và cũng đầy thách thức con người.

Bài kí giúp chúng ta khám phá vẻ đẹp của hang Én. Trước hết, hang Én là sự kiến tạo kì thú của thiên nhiên. Tác giả Hà My dùng cách ghi chép sự thật một cách khách quan, thông qua các số liệu cụ thể của hang Én như nơi rộng nhất là 110m², cao nhất là 120m, sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km. Với cách so sánh để cụ thể hóa, dễ hình dung như *“có thể chứa được hàng trăm người, tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng”*. Hang Én bề thế bởi độ cao, chiều rộng, chiều dài (thứ 3 thế giới). Đứng trước hang Én, con người trở nên nhỏ bé trước thiên nhiên rộng lớn.

Vẻ đẹp của hang Én chính là ở sự “sống” của đá: *“Hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ”, “nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang...”* và *“mỗi xen-ti-mét đá kia phải qua cả trăm triệu năm bào mòn hay*

bồi đắp nên” . Từ những cảm nhận của tác giả, mỗi chúng ta nhận thấy đá vốn là vật vô tri nhưng đều có sự sống, sinh thành, biến hóa qua chiều dài của lịch sử địa chất . Qua cách miêu tả về sự “sống” của đá, thiên nhiên trở nên có hồn, thân thiết, gần gũi với con người, giúp con người hiểu được chiều sâu của lịch sử, cội nguồn của sự sống trên hành tinh.

Khám phá hang Én, con người còn được khám phá cuộc sống của loài én chưa biết sợ con người. Trong hang, đàn én *“hồn nhiên cư ngụ và chưa biết sợ con người”*. Mỗi chi tiết miêu tả, quan sát đều vô cùng cụ thể, sống động. *“Bốn bên dày đặc én”* , từ *“dày đặc”* miêu tả sự đông đúc của loài én ở nơi đây, lí giải tên của hang. Hình ảnh những con chim én được nhân hóa thật gần gũi, sinh động với cuộc sống tự do *“Én bố mẹ tấp nập đi, về, mãi mớm mồi cho con; én anh chị rập rờn bay đôi; én con chấp chới vỗ cánh; én thiếu niên ngủ nướng”*. Én xuống kiếm ăn” *“ung dung mổ cơm trong tay con người, thản nhiên đi quanh lều...”*. Những hình ảnh nhân hóa, cách dùng từ, viết câu thể hiện tình cảm, cảm xúc: *Én bố mẹ, én anh chị, én ra ràng, ...* Loài én ở đây còn nguyên sự nguyên sơ, so với những nơi khác đã bị con người không có ý thức tàn phá. Cách tác giả miêu tả cho thấy sự hòa nhập của con người với tự nhiên. Bằng tất cả tình yêu, niềm xúc động đến ngỡ ngàng trước vẻ đẹp của hang Én, tác giả gọi hang Én là *“ cái tổ được Mẹ Thiên Nhiên ban tặng”*. Chính cách gọi đó đã chứa bao cảm xúc ngưỡng vọng, biết ơn, trân trọng sự dồi dào, phong phú, vẻ đẹp của thiên nhiên.

Đến với hang Én, con người không chỉ được khám phá vẻ đẹp kì thú, hoang sơ của thiên nhiên, mà chúng ta còn được tìm hiểu về lịch sử, sự gắn bó của con người với hang Én. Trong lịch sử, người A-rem (một dân tộc thiểu số) ngày trước ở hang Én, trứng chim là nguồn thực phẩm của họ. Khi ra ngoài họ vẫn giữ hội “ăn én”, dấu tích của một thể hệ leo vách đá, trần hang: bàn chân mỏng, ngón dẹt. Còn đối với đoàn người hiện tại, hành trình khám phá hang Én là một hành trình đầy thú vị, đặc biệt đối với nhân vật “tôi”, người kể chuyện, ghi chép lại hành trình của mình. Mỗi câu văn chứa đựng bao cảm xúc, tâm trạng của tác giả trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Từ sự tương tác với động vật: đàn bướm, chú én ngủ nướng, chú én bị gãy cánh....đủ thấy tình yêu và niềm vui sướng ngỡ ngàng của con người trước thiên nhiên. Rồi cách con người cảm nhận từng phút giây trong hang Én lúc sáng sớm, khi vừa tỉnh dậy ai nấy nhào khỏi lều, chân trần chạy quanh sông rồi ngồi ngay bên bờ cát vực nước rửa mặt, hít căng lồng ngực không khí tinh khiết. Điều đó cho thấy sự hòa hợp, gắn bó của con người đối với thiên nhiên.

Tóm lại, văn bản “Hang Én” của Hà My tạo được sự cuốn hút bởi đặc trưng của thể kí thông qua lối ghi chép chân thực, sinh động; cách kể sự việc, ngôi kể thứ nhất phù hợp với thể kí giúp câu chuyện trở nên gần gũi, sống động, chân thực với người đọc. Văn bản có nhiều chi tiết miêu tả sinh động, sử dụng phép tu từ gợi hình, gợi cảm. Qua đó, tác giả giúp người đọc khám phá, cảm nhận vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng. Vẻ đẹp của thiên nhiên nơi đây khiến con người phải ngỡ ngàng, thán phục, nó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người.

Như vậy, văn bản “Hang Én” là một áng văn viết theo thể du kí đặc sắc. Tác giả miêu tả chân thực, sắc nét cuộc sống nguyên thủy, hoang dã cho thấy vẻ đẹp hùng vĩ, vừa hoang sơ, vừa bí ẩn của thiên nhiên, khiến người đọc càng muốn khám phá, chinh phục hơn bao giờ hết.

III. LUYỆN TẬP

1. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Trước khi đến hang Én, đoàn tò-réc-king phải đi qua những địa điểm nào?

- A. Dốc Ba Dàn, thung lũng Rào Thương.
- B. Dốc Ba Đèo, thung lũng Rào Thương.
- C. Dốc Ba Giàn, thung lũng Rào Phương.
- D. Dốc Ba Giàn, thung lũng Rào Thương.

Đáp án: C

Câu 3: Địa danh “Hang Én” thuộc địa phương nào?

- A. Quảng Trị
- B. Nghệ An
- C. Quảng Bình
- D. Quảng Ninh

Đáp án: C **Câu 4.** Văn bản “Hang Én” được viết theo thể nào?

- A. Hồi kí
- B. Du kí Phóng sự
- C. Nhật kí
- D. Du kí

Đáp án: D

Câu 5: Người dân tộc thiểu số nào sống trong hang sâu tại khu vực Phong Nha- Kẻ Bàng?

- A. Người Mông
- B. Người A- rem
- B. Người Thái
- D. Người Khơ- me

Đáp án: B

2. Đọc- hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi

“Lòng hang Én phía trước, nơi rộng nhất khoảng 110m², có thể chứa được hàng trăm người (1). Trần hang đẹp như mái vòm của một thánh đường, nơi cao nhất tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng (120m)(2). Cửa hang thứ hai thông lên mặt đất như cái giếng trời khổng lồ đón lấy khí trời và ánh sáng (3). Quãng sông ngầm đổ lại êm đềm trước thềm hang chính, len lỏi qua các hang phụ chừng 4km, rồi đổ ra cửa sau hang (4). Ở hang chính, bờ sông cát mịn thoải dần, nước mát lạnh, trong veo, toàn đá sỏi, đá đã bào nhẵn tạo thành một bãi tắm thiên nhiên hoàn hảo (5). Nghe nói thời xa xưa, tộc người A- rem đã sống trong hang Én (6). Trứng chim từng là một nguồn thực phẩm của họ (7). Giờ họ đã rời ra ngoài sống thành bản nhưng vẫn còn giữ lễ hội “ăn én”(8). Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dẫu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)”.

(Trích Hang Én- Hà My)

Câu 1: Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu nào?

Câu 2: Dấu gạch ngang trong câu văn “Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dẫu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trần hang cao hàng trăm mét(9)” dùng để làm gì?

Câu 3: Có ý kiến cho rằng hành trình khám phá hang Én thích hợp với những người ưa mạo hiểm. Theo em, hành trình này còn đánh thức ở con người điều gì ?

Câu 4: Theo em, chúng ta cần có biện pháp nào để bảo vệ thực vật, động vật hoang dã.

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Kích thước của hang Én được thể hiện qua các số liệu:

- Nơi rộng nhất khoảng 110m², có thể chứa được hàng trăm người;
- Nơi cao nhất tương đương với tòa nhà bốn mươi tầng (120m);
- sông ở hang chính len lỏi qua hang ngầm khoảng 4 km;

Câu 2: Dấu gạch ngang trong câu văn “*Cũng nghe kể rằng, trong bản người A-rem vẫn còn một vài người có bàn chân mỏng, ngón dẹt- dấu tích của bao nhiêu thế hệ leo vách đá, trèo hang cao hàng trăm mét(9)*”

- Dấu gạch ngang: đánh dấu thành phần phụ chú cho thành phần đứng trước nó là “bàn chân mỏng, ngón dẹt”

Câu 3:

- Hành trình về với tự nhiên vừa cho con người mở rộng tầm mắt, vừa là thử thách đối với sức khỏe, kĩ năng sinh tồn của con người
- Hành trình này đánh thức ở con người ý thức về việc bảo vệ môi trường thiên nhiên, cũng như các loài thực vật, động vật hoang dã.

Câu 4: Theo em, chúng ta cần có biện pháp để bảo vệ thực vật, động vật hoang dã là:

- Tuyên truyền cho mọi người hiểu và tôn trọng, nâng cao ý thức bảo vệ thực vật, động vật hoang dã. Không sử dụng những sản phẩm từ động, thực vật hoang dã như mật gấu, áo lông thú...
- Xử phạt thật nặng những người săn bắt, buôn bán, sử dụng thực vật, động vật hoang dã.
- Sống gần gũi với thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường, trồng và chăm sóc cây xanh.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“[...] Đã đến đêm hai mươi bốn tháng chạp tây rồi. Em gái tôi vẫn nhởn nhơ chơi đùa. Nó hí hửng sẵn đón tụi bạn học cũ để hỏi tiền chúng ăn quà chịu của nó và mua thêm ít hoa quả như bưởi, khế, hột sắn để sáng mai ra cổng trường bà Sờ ngay bên cạnh nhà bán tranh với tụi hàng quà. Cô tôi đi đánh chần vắng. Bà tôi ở nhà nhưng không thèm hỏi gọi đến tôi. Mười giờ hơn, tôi lẳng lặng ra đi, vận áo chùng thâm, đầu trần, chân không. [...] Mặc có bộ quần áo chùng thâm mỏng và chiếc áo chùng thâm đã toạc vai, tôi thấy khí lạnh thấm vào da thịt càng tê buốt, và mỗi lần gió đông như ngọn roi quét nhanh qua mặt, tôi tưởng như hai gò má bị một lưỡi dao sắc cứa dài. Đi lại mãi, hơn mười vòng chung quanh nhà thờ rồi, và len lỏi bao nhiêu lượt vào các đám đông, hai ống chân tôi đã mỏi ròi.

(Trích chương 5-Đêm Noen, Những ngày thơ ấu, Nguyễn Hồng)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt trong đoạn trích.

Câu 2. Tìm những chi tiết miêu tả ngoại hình của nhân vật “tôi” trong đêm Noen.

Câu 3. Em hiểu gì về tâm trạng của nhân vật tôi trong đêm Noen đó?

Câu 4. Theo em, ở tuổi đi học, trẻ em cần những gì ?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Các phương thức biểu đạt: Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

Câu 2: Những chi tiết miêu tả ngoại hình của nhân vật “tôi” trong đêm Noen:

+ *Vận áo chùng thâm, đầu trần, chân không*

+ *Mặc có bộ quần áo chùng thâm mỏng và chiếc áo chùng thâm đã toạc vai, khí lạnh thấm vào da thịt càng tê buốt, và mỗi lần gió đông như ngọn roi quét nhanh qua mặt, hai gò má như bị một lưỡi dao sắc cứa dài.*

Câu 3: Tâm trạng của nhân vật “tôi” trong đêm Noen: thấy lạc lõng, cô đơn trong bầu không khí đông đúc, giàu sang của bào người dự lễ; cảm thấy tủi hổ, cay đắng về thân phận của mình.

Câu 4: HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được.

Có thể nêu: Ở tuổi cấp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần được:

- Sống trong tình yêu thương, chăm sóc, che chở của người thân, cần một gia đình đúng nghĩa.
- Cần được vui chơi, nô đùa, được đến trường học hành.
- Cần được quan tâm chăm sóc về vật chất và tinh thần.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Mùa thu năm 1914, khi đang học lớp 2, tôi nghe nói có cuộc biểu diễn máy bay ở Liên đội Bộ binh Ha-ma-mát-su, cách nhà tôi khoảng 20 ki-lô-mét. Từ trước tới giờ, tôi chỉ được xem máy bay qua hình vẽ chứ chưa bao giờ được thấy tận mắt. Biết là có nài xin, cha tôi cũng không cho phép, nên trước đó vài ngày, chọn lúc cả nhà không để ý, tôi lén lấy 2 xu để làm tiền lộ phí.

Rồi ngày đó đã đến, tôi giả bộ binh thân lén lấy xe đạp của cha đạp một mạch đến Ha-ma-mát-su. Tất nhiên là tôi trốn học. Với một cậu học sinh lớp 2 thì xe đạp của người lớn là quá to, không thể ngồi lên yên xe được, nên tôi phải thông một chân qua khung xe hình tam giác rồi liên tục đạp không nghỉ. Đến khi nhìn thấy doanh trại Liên đội ở phía trước thì tự nhiên tim tôi đập liên hồi không sao ngừng được.

Nhưng sự vui mừng đó chỉ đến trong chốc lát. Bãi huấn luyện quân đội được rào kín, vé vào cửa là 10 xu mà trong túi tôi chỉ có 2 xu, không lẽ lại ôm xe đạp mà nhìn. Đã bỏ công đến đây thì phải xem bằng được. Nghĩ thế, tôi ngược lên nhìn thấy cây thông lớn và lập tức leo phóc lên. Sợ có người nhìn thấy, tôi bẻ cành để ngụy trang phía dưới.

Và tôi đã thoả được ước nguyện của mình. Ở trên cây, tuy tầm nhìn có hơi xa một chút nhưng lần đầu tiên tôi được thấy máy bay thật và vô cùng cảm kích khi thấy chiếc Nin Xmit (Neil Smith) bay lên. Trên đường về, việc thông chân qua khung xe để đạp xe, tôi thấy thật nhẹ nhàng, không còn biết mệt là gì. Hình ảnh người phi công của chiếc máy bay Nin Xmit với vành mũ lật ngược ra phía sau, đeo kính bay trông thật hùng dũng. Ấn tượng này giải thích lí do tại sao sau này tôi vẫn thường đội ngược cái mũ học trò.”

(Thời thơ ấu của Honda- Hon-đa-sô-i-chi-ro)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra những từ mượn có trong đoạn trích.

Câu 3. Cậu bé Honda đã làm những gì để được xem biểu diễn máy bay? Qua những việc làm đó, em thấy cậu bé Honda là người như thế nào?

Câu 4. Theo em, cần làm gì để biến ước mơ thời thơ ấu trở thành hiện thực?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: tự sự

Câu 2: Những từ mượn có trong đoạn trích: **ki-lô-mét** (từ mượn tiếng Anh: kilometer); **xu** (từ mượn tiếng Anh: cent)

Câu 3:

- Để được xem biểu diễn bằng máy bay, cậu bé Honda đã làm rất nhiều việc:
 - + Biết rằng bố mẹ không cho đi nên đã lén lấy 2 xu để làm tiền lộ phí, trốn học để đi xem.
 - + Tự mình vượt quãng đường 20 ki –lô-mét bằng xe đạp của người lớn đến nơi xem biểu diễn mặc cho việc đạp xe đạp rất khó khăn khi phải thông chân qua khung hình tam giác.
 - + Khi đến nơi, không đủ tiền mua vé vào xem, cậu bé Honda đã trèo lên ngọn cây thông để có thể quan sát máy bay cất cánh.
- Qua những việc làm trên, ta có thể thấy chú bé Honda là một cậu bé có niềm say mê mãnh liệt với máy móc, có ước mơ, có nỗ lực và không chịu khuất phục hoàn cảnh để thực hiện bằng được khát khao của mình. Ngoài ra, Honda cũng là cậu bé tự lập và rất nhanh trí.

Câu 4: HS bày tỏ suy nghĩ của mình.

Có thể nêu: Để biến ước mơ thời thơ ấu thành hiện thực, ta cần:

- Có niềm tin vào ước mơ của bản thân sẽ có thể trở thành hiện thực.
- Lên kế hoạch cụ thể để chinh phục ước mơ theo từng giai đoạn.
- Kiên định, nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, cũng như những trở ngại, phản đối của những người xung quanh.
- Bắt đầu thực hiện ước mơ từ những việc làm nhỏ nhất ngay từ hôm nay và cố gắng từng ngày.

3. Dạng 3: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) nêu cảm nghĩ của em về hang Én.

- a. Đảm bảo thể thức, dung lượng yêu cầu của một đoạn văn (5-7 câu)
- b. Xác định đúng nội dung chủ yếu đoạn văn: cảm nghĩ của em về hang Én.
- c. Triển khai hợp lý nội dung đoạn văn: HS có thể trình bày đoạn văn theo nhiều cách. Sau đây là một số gợi ý:
 - + Giới thiệu khái quát về hang Én (những giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học địa lí của hang Én)
 - + Biểu hiện cụ thể của mối quan tâm, tình cảm của con người đối với hang Én
 - + Ý nghĩa của sự gắn bó, trân trọng, tìm hiểu về hang Én giúp con người bồi đắp tình yêu thiên nhiên, có ý thức tôn trọng và bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên, biết sống hòa mình vào thiên nhiên.

Đoạn văn tham khảo:

Hang Én là một trong những hang động lớn nằm trong quần thể vườn quốc gia Phong Nha-Kẻ Bàng của tỉnh Quảng Bình (1). Hành trình đến hang Én là một thách thức đối với con người, đòi hỏi con người có nghị lực, sự quyết tâm, kiên trì và khát vọng chinh phục (2). Chúng ta sẽ khởi đầu từ con dốc Ba Giàn, đến thung lũng Rào Thương để đến với Hang Én (3). Con người sẽ ngỡ ngàng, say mê, thán phục trước vẻ đẹp hoang dã, nguyên sơ của thiên nhiên vùng lõi Vườn quốc gia Phong Nha- Kẻ Bàng, đặc biệt là vẻ đẹp của hang Én (4). Khám phá hang Én sẽ cảm nhận vẻ đẹp kì thú của thiên nhiên với hàng trăm dải đá san hô uốn lượn thành bao nhiêu tầng, bậc lớn nhỏ, nhũ đá, măng đá, ngọc động giăng đầy bên những vách núi, sàn hang...(5) Đồng thời con người còn được khám phá cuộc sống của loài én chưa biết sợ con người (6). **Đến với hang Én, chúng ta còn được tìm hiểu về lịch sử, sự gắn bó của con người với hang Én (7).** Vẻ đẹp đó đánh thức bản tính tự nhiên, khát vọng hòa đồng với tự nhiên của con người, giúp con người bồi đắp tình yêu thiên nhiên, có ý thức tôn trọng và bảo vệ vẻ đẹp thiên nhiên, biết sống hòa mình vào thiên nhiên (8).

ÔN TẬP VĂN BẢN: CỬU LONG GIANG TA ƠI!

I. TÁC GIẢ TÁC PHẨM:

1. Tác giả

- Tên: Nguyễn Hồng;
- Năm sinh – năm mất: 1918 – 1982;
- Quê quán: sinh ra ở Nam Định và sống chủ yếu ở thành phố cảng Hải Phòng;
- Nguyễn Hồng sáng tác ở nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ, v.v... Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống.
- Các tác phẩm chính: *Những ngày thơ ấu* (hồi kí), *Bỉ vỏ* (tiểu thuyết), *Trời xanh* (thơ), *Cửa biển* (tiểu thuyết), *Bước đường viết văn* (hồi kí), v.v...

2. Tác phẩm

a. Xuất xứ:

- VB *Cửa Long Giang* ta ơi được trích trong *Trời xanh*, NXB Văn học, Hà Nội, 1960, tr. 5 – 9.

b. Phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

c. Bố cục:

- + Phần 1: Từ đầu đến... hai ngàn cây số mệnh mông”: Hình ảnh sông Mê Kông trong những ngày đi học;
- + Phần 2: Tiếp đến “... không bao giờ chia cắt”: Hình ảnh sông Mê Kông gắn liền với những sinh hoạt lao động;
- + Phần 3: Còn lại: Chủ thể trữ tình nhìn sự đổi thay hiện tại và nhớ lại kỷ niệm xưa.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Nhân vật/chủ thể trữ tình

- “Ngày xưa ta đi học”:
- + “Tấm bản đồ rực rỡ”: tấm bản đồ trong bài giảng của thầy giáo trở nên đẹp đẽ lạ thường, không chỉ là hình ảnh sông Mê Kông mà còn tượng trưng cho Tổ quốc thiêng liêng.
- => Tấm bản đồ trong cảm nhận của cậu học trò mười tuổi như mở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê say.
- Hình ảnh người thầy trở nên kỳ diệu, như có phép lạ: “gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ”;
- “Ta đi... bản đồ không nhìn nữa”: câu thơ mang tính chất tự sự, ngầm bên trong là trữ tình
- So sánh với ngày mười tuổi, nhân vật trữ tình không còn nhìn vào bản đồ mê say; thay vào đó là bắt tay vào lao động, gây dựng đất nước, Tổ quốc, tiếp nối truyền thống ông cha:

“Những mặt đất

Cha ông ta nhắm mắt

Truyền cháu con không bao giờ chia cắt”

- Ý thức được truyền thống, trân trọng những giá trị, sự tiếp nối các thế hệ trên mảnh đất quê hương.
- Sự thay đổi của nhân vật trữ tình gắn với sự thay đổi trong hành động: từ nhỏ tuổi sang lớn lên, từ ngồi học sang bước đi, từ nhìn bản đồ mê say đến không nhìn nữa. Nhưng tình cảm đối với quê hương, Tổ quốc càng ngày càng lớn dần, đậm sâu.
- “Ta đã lớn”:

+ “Thầy giáo già đã khuất”: câu thơ tự sự, vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa nói lên sự đổi thay của thời gian, và hình ảnh thầy giáo không còn là hình ảnh to lớn như đạo sĩ trước kia. Nhưng hình ảnh thầy lại đọng lại là một kỷ niệm của cậu bé năm mười tuổi. Câu thơ có sự suy niệm, hồi tưởng;

+ “Thuốc bẻ to nay thành cán cò sao”: hình ảnh mang ý nghĩa hình tượng: những điều thầy dạy đã được các học trò tiếp thu và thực hành, tiếp tục xây dựng quê hương, Tổ quốc. Nhịp thơ 3/5: về sau dài hơn về trước tạo giọng điệu kể, thủ thỉ, tạo nên sự xúc động.

+ “Những tên làm man mác tuổi thơ xưa

Đã thấm máu của bao hồn bất tử”

- Tiếp tục mạch cảm xúc của khổ cuối bài thơ, khẳng định giá trị vĩnh cửu (“bất tử”) của những người đã cống hiến vì Tổ quốc.

- Tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông:

+ *Mê Kông chảy, Mê Kông cũng hát*

+ *Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi vầng*

Ruộng bãi Mê Kông trông không hết lúa

Bến nước Mê Kông tôm cá ngộp thuyền

+ *Mê Kông quận đê*: quận đê đau đớn, nhưng cố gắng vô cùng vì tương lai.

+ Đọc lên nước mắt đều muốn ứa

- Hình ảnh dòng sông Mê Kông đối với tác giả có sự gần gũi, thân thiết, gắn bó sâu sắc như tình cảm với những người thân ruột thịt. Dòng sông Mê Kông chảy cùng với những sinh hoạt của người dân, bồi đắp và tạo nên sản vật trù phú cho người dân, cùng người dân trải qua những lao động vất vả.

- Tình yêu, sự trân trọng, đồng cảm của tác giả đối với dòng Mê Kông và những người nông dân Tình yêu đối với quê hương, đất nước.

2. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông

- Trong dòng chảy của nó, sông Mê Kông hiện lên với nhiều vẻ đẹp khác nhau;

- Khi chảy vào vùng đất Nam Bộ - Việt Nam (đoạn này gọi là sông Cửu Long) được đặc tả ở vẻ trù phú – gắn liền với tính chất của người mẹ:

+ Trúc đào tươi chim khuyên rìa cánh sương đọng long lanh;

+ *Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi vầng*

Ruộng bãi Mê Kông trông không hết lúa

Bến nước Mê Kông tôm cá ngộp thuyền

- Chín nhánh Mê Kông – cách nói khác ám chỉ sông Cửu Long, nhưng đồng thời còn cho thấy số lượng của những nhánh Mê Kông nhiều, màu mỡ, đầy phù sa. Từ *nổi vầng* ở cuối, kết thúc bằng thanh T, giúp để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc;

- Thủ pháp liệt kê kết hợp với điệp ngữ: Chín nhánh Mê Kông; Ruộng bãi Mê Kông, Bến nước Mê Kông. Nhấn mạnh, tạo cảm giác nhiều, và khơi lên cảm xúc.

+ Sầu riêng thơm dậy, suối mát dội trong lòng dừa trầu quả, v.v...

+ *Mê Kông quận đê*: quận đê

3. Hình ảnh người nông dân Nam Bộ

- Cuộc sống của người nông dân Nam Bộ gắn với ruộng đồng vùng lưu vực sông Cửu Long: *Nông dân Nam Bộ gởi đất nằm sương... Truyền cháu con không bao giờ chia cắt.*

4. Tổng kết

+ Nghệ thuật

- Sử dụng các hình ảnh mang tính hình tượng;
- Lối viết tự sự kết hợp biểu cảm tạo nên cảm xúc trong lòng người đọc;
- Sử dụng các từ ngữ đắt giá, có tính biểu cảm cao;
- Các biện pháp tu từ: nhân hóa, so sánh, điệp ngữ, v.v...

+ Nội dung

Bài thơ thể hiện tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông, rộng ra là tình yêu với quê hương, đất nước.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Nguyễn Hồng là cây bút xuất sắc của văn học Việt Nam, ông sáng tác ở nhiều thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kí, thơ, v.v... Những trang viết của ông tràn đầy cảm xúc chân thành, mãnh liệt với con người và cuộc sống. Bài thơ “*Cửu Long Giang ta ơi!*” được nhà thơ sáng tác 1960, in trong tập thơ “Trời xanh”. Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông Mê Công và con người Nam Bộ, thể hiện tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ với dòng sông Mê Công chảy qua Nam Bộ, và cũng là tình yêu quê hương đất nước.

Mở đầu bài thơ là dòng hồi tưởng của tác giả về hình ảnh sông Mê Kông trong kí ức của mình, lúc còn cậu học trò:

*Ngày xưa ta đi học
Mười tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu
Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ
Như đồng hoa bông gặp một đêm mơ.*

*Bản đồ mới tường vôi cũng mới
Thầy giáo lớn sao, thước kẻ cũng lớn sao
Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ
Đưa ta đi sông núi tuyết vời.*

Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công được khơi nguồn từ tuổi ấu thơ. Khi ấy, nhà thơ là một học sinh, 10 tuổi, trong không gian lớp học vào buổi sáng mùa thu. Ấn tượng của cậu học trò về hình ảnh tấm bản đồ với hình ảnh dòng sông Mê Công trên “*tấm bản đồ rực rỡ*” được so sánh với “*đồng hoa bông gặp một đêm mơ*”. Hình ảnh “*Tấm bản đồ rực rỡ*” gợi nhiều ý nghĩa. Tấm bản đồ hiện lên trong lời giảng của thầy đẹp để lạ thường, bởi nó tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng. Hình ảnh thomở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê say, mong muốn được khám phá của học trò. Hình ảnh thầy giáo hiện lên trong cảm nhận của cậu học trò thật lớn lao, vĩ đại “*lớn sao*”, như có phép lạ “*Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ*”. Người thầy đóng vai trò quan trọng, là người nâng cánh ước mơ cho học trò “*Đưa ta đi sông núi tuyết vời*”. Hình ảnh dòng sông Mê Công rộng lớn “*Mê Công sông dài hơn hai ngàn cây số mệnh mông*” trở thành ấn tượng trong cậu học trò:

*Tim đập mạnh hồn ngây không sao hiểu
Mê Kông sông dài hơn hai ngàn cây số mông mênh*

Hai câu thơ diễn tả cảm xúc choáng ngợp, háo hức muốn tìm hiểu, khám phá của cậu học trò trước hình ảnh dòng sông Mê Công. Tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Công được bắt đầu ở giờ học, trên tấm bản đồ và lời giảng của người thầy. Và theo năm tháng, cậu bé ấy giờ

đã lớn, đã bước ra và trải nghiệm thực tế với sông núi tuyệt vời của tổ quốc. Vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông được cảm nhận thật đẹp. Giọng thơ hào hùng, sôi nổi, tự hào, giấc mơ của cậu học trò năm xưa nay đã trở thành hiện thực.

*Mê Kông chảy
Cây lao đá đổ
Lan hoang dừa mật thông nhựa lên hương
Những trưa hè hun hút nắng Trường Sơn
Ngẫm nghĩ voi đi
Thác Khôn cười trắng xóa*

Câu thơ “*Ta cỡi áo lội dòng sông ta hát*” thể hiện tâm trạng vui sướng hân hoan, hăm hở của chàng trai khi được hoà mình vào dòng sông mơ ước, vào đất trời tổ quốc. Trong những trưa hè hun hút, hòa mình vào dòng sông, tác giả cảm nhận hết vẻ đẹp hoang sơ và bí hiểm, dữ dội của nó ở vùng thượng nguồn. Cảnh vật quanh sông là “*cây lao đá đổ*”, bao bọc bởi các loại cây như “*lan hoang, dừa mật, thông nhựa*”. Dòng chảy mạnh mẽ và dữ dội để vượt qua địa hình hiểm trở, về chảy qua dãy Trường Sơn, thác Khôn.

*Ta đi... bản đồ không còn nhìn nữa
Sáng trời thu lại còn bướm với trời xanh
Trúc đào tươi chim khuyên rĩa cánh sương đọng long lanh
Ta cỡi áo lội dòng sông ta hát
Mê Kông chảy Mê Kông cũng hát
Rừng núi lùi xa
Đất phẳng thở chan hòa
Sóng tỏa chân trời buồm trắng
Nam Bộ
Nam Bộ*

Rồi có giây phút, tác giả lại đắm chìm trong vẻ đẹp êm đềm, trù phú, tràn trề nhựa sống của chín nhánh Mê Công. Vào sáng mùa thu, dòng sông tràn trề nhựa sống tô điểm cho sức sống của dòng sông. Vẻ đẹp thiên nhiên trên sông được liệt kê “*bướm với trời xanh, chim khuyên rĩa cánh, sương đọng long lanh...*”, nhà thơ đã vẽ ra một bức tranh đầy màu sắc của trời xanh, của trúc đào tươi, của những giọt sương long lanh, và sóng tỏa, buồm trắng, tất cả lại hòa trong âm thanh rộn rã tươi vui của cuộc sống mới. Đoạn thơ sử dụng thành công nghệ thuật nhân hoá “*Mê Kông cũng hát/ núi rừng lùi xa/ đất thở chan hòa*” khiến cho dòng Mê Kông như mang tâm trạng của con người, vui sướng, hứng khởi khi được hoà mình với cuộc sống của con người. Giọng thơ sôi nổi, hào hứng say sưa:

*Chín nhánh Mê Kông phù sa nổi vầng...
Ruộng bãi Mê Kông trồng không hết lúa
Bến nước Mê Kông tôm cá ngập thuyền
Sầu riêng thơm dậy đất Thủ Biên
Suối mát dội trong lòng dừa trầu quả*

Theo dòng chảy của sông Mê Công, mảnh đất Nam Bộ với vẻ đẹp trù phú của vùng đồng bằng sông Cửu Long hiện lên. Nhà thơ liệt kê hàng loạt hình ảnh “*phù sa nổi vầng*”, “*ruộng bãi...không hết lúa*”, “*bến nước tôm cá ngập thuyền*”, “*sầu siêng thơm dậy, dừa trầu quả...*”. Điệp ngữ “*Mê Kông*” lặp đi lặp lại nhấn mạnh vai trò của dòng sông đối với vùng đất Nam

Bộ. Các từ “*nổi vảng*”, “*ngợp thuyền*”, “*dậy mùi*” giàu sức gợi, dòng sông Mê Công hiền hòa, trù phú, giàu có, đã hào phóng đã ban tặng cho vùng đất Nam Bộ biết bao sản vật “*Sầu riêng thơm dậy đất Thủ Biên*”, “*Suối mát dội trong lòng dừa trầu quả*”

Vẻ đẹp của dòng sông được cảm nhận qua cảm xúc của chủ thể trữ tình, nhân vật “ta.” Đường như, mỗi câu thơ đều chứa chất tâm trạng của tác giả, giọng thơ hào hứng, say sưa thể hiện tình yêu tha thiết, niềm tự hào, trái tim nhiệt thành dành cho quê hương đất nước hòa nhập tưởng tượng với cuộc sống thật. Khám phá dòng sông “*Ta cỡi áo lội dòng sông ta hát*” nghĩa là được giao hòa với thiên nhiên, trong hứng thú, say mê. Đoạn thơ là những trải nghiệm phong phú của nhân vật trữ tình về địa hình, thiên nhiên gắn với dòng sông Mê Công, ẩn chứa tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ trước vẻ đẹp của dòng sông Mê Công, tình yêu quê hương đất nước tha thiết.

Mê Kông quặn đẽ...
Chín nhánh sông vàng
Nông dân Nam bộ gói đất nằm sương
Mồ hôi vã bãi lau thành đồng lúa
Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa
Những Hà Tiên, Gia Định, Long Châu
Những Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau
Những mặt đất
Cha ông ta nhắm mắt
Truyền cháu con không bao giờ chia cắt

Viết về vẻ đẹp của dòng sông Mê Kông, nhà thơ xúc động khi nghĩ đến người nông dân Nam Bộ. Họ chính là những con người làm nên vẻ đẹp, sức sống cho vùng đất nơi đây. Giọng thơ xúc động bồi ngùi, ngôn ngữ thơ mộc mạc, hình ảnh con người Nam Bộ cực nhọc cùng bần để xây dựng quê hương. Mỗi câu chữ chất chứa tình yêu, sự cảm phục, biết ơn của nhà thơ với người nông dân nơi đây. Họ đã bươn trải với bao nhọc nhằn để xây dựng quê hương giàu đẹp. Nhà thơ dùng thành ngữ *gói đất nằm sương*, cùng cách diễn tả “*mồ hôi và bãi lầy thành đồng lúa*” để ngợi ca những nỗ lực, sự gắn bó của con người với từng mảnh đất “*Thành những tên đọc lên nước mắt đều muốn ứa...*”. Nhà thơ liệt kê hàng loạt các danh từ quen thuộc của Nam Bộ “*Những Hà Tiên, Gia Định, Long Châu/ Những Gò Công, Gò Vấp, Đồng Tháp, Cà Mau*”, đó là những tên gọi thiêng liêng, xúc động lòng người. Tác giả bộc lộ niềm yêu mến, tự hào, cảm phục của mình với con người Nam Bộ. Con người Nam Bộ cần cù, giàu đức hi sinh, yêu quê hương, luôn đoàn kết giữ gìn đất đai sông núi. Bao thế hệ ông cha đã hi sinh để giữ đất, giữ nước cho con cháu “*Cha ông ta nhắm mắt/ Truyền cháu con không bao giờ chia cắt*”. Tóm lại, sông Mê Kông đã gắn bó, đóng góp to lớn cho cuộc sống của con người, cho đất nước. Bài thơ thể hiện những hiểu biết phong phú của nhà thơ về cuộc sống con người gắn với dòng sông Mê Công.

Ta đã lớn
Thầy giáo già đã khuất
Thước bản to nay thành cán cờ sao
Những tên làm man mác tuổi thơ xưa
Đã thấm máu của bao hồn bất tử.

Bài thơ khép lại bằng những suy tư của nhân vật “ta”. Sự thay đổi về thời gian được diễn tả qua hình ảnh: “*ta đã lớn*”, còn “*Người thầy đã khuất*” tình cảm đối với quê hương, Tổ quốc càng ngày càng lớn dần, đậm sâu. Câu thơ dội lên nỗi nhớ, nỗi buồn man mác, thấm sâu. Nhận thức, tình cảm của tác giả lớn dần theo tháng năm “*thước bằng to nay thành cán cò sao*”. Những hình ảnh ẩn dụ gợi ra bao suy ngẫm. Những điều thầy dạy đã được các học trò tiếp thu và thực hành, tiếp tục xây dựng quê hương, Tổ quốc, là sự hy sinh cho nền độc lập của dân tộc; khẳng định giá trị vĩnh cửu (“bất tử”) của những người đã cống hiến vì Tổ quốc. Tình yêu của tác giả đối với dòng Mê Kông trong tác giả lớn dần theo tháng năm, càng ngày càng đậm sâu, tha thiết.

Tóm lại bài thơ “*Cửu Long Giang ta ơi!*” là một áng thơ đặc sắc, khẳng định những đóng góp to lớn của Nguyên Hồng trong thơ ca. Bài thơ có thể thơ tự do, hình ảnh thơ sinh động, giàu sức gợi, giọng thơ tha thiết xúc động, sử dụng nhiều phép tu từ nhân hóa, so sánh, liệt kê, ẩn dụ, kết hợp yếu tố miêu tả, tự sự để bộc lộ cảm xúc. Bài thơ đã ca ngợi vẻ đẹp của dòng sông Mê Công và con người Nam Bộ. Đồng thời mỗi câu chữ trong bài đều lấp lánh hiện tình yêu, niềm tự hào của nhà thơ với dòng sông Mê Công chảy qua Nam Bộ. Đó cũng là tình yêu quê hương đất nước. Tài liệu của Nhung tây

Đọc bài thơ, chúng ta không chỉ cảm nhận được vẻ đẹp trù phú của thiên nhiên đất nước, cảm nhận tình yêu tổ quốc quê hương của con người Việt Nam mà bài thơ còn khiến chúng ta nhận thức được giá trị của cuộc sống hôm nay. Để từ đó, mỗi người cần biết sống sao cho xứng đáng với bao cống hiến của cha ông. Thơ Nguyên Hồng giản dị, sâu sắc, chan chứa tình yêu con người, cuộc đời. Tài liệu của Nhung tây

III. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Thể thơ trong bài *Cửu Long giang ta ơi* là gì?

- A. 5 chữ.
- B. Song thất lục bát.
- C. Lục bát.
- D. Tự do.

Đáp án: D

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính của bài *Cửu Long giang ta ơi* là gì?

- A. Biểu cảm
- B. Tự sự
- C. Miêu tả
- D. Nghị luận

Đáp án: A

Câu 3: Nghệ thuật nào được sử dụng trong khổ thơ đầu tiên?

- A. Điệp ngữ.
- B. Hoán dụ.
- C. So sánh.
- D. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.

Đáp án: C

Câu 4: Đất nước nào được nhắc đến trong khổ thơ thứ 3 của bài?

- A. Lào.
- B. Campuchia
- C. Thái Lan.
- D. Trung Quốc.

Câu 5: Đâu không phải vai trò của dòng sông Mê Kông với người dân?

- A. Cung cấp phù sa trồng lúa.
- B. Cung cấp nguồn nước sinh hoạt.
- C. Cung cấp đất phù sa trồng cây ăn quả.
- D. Cung cấp lượng thủy sản.

Đáp án: B

Câu 6: Theo em, nhan đề bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* như một tiếng khắc khoải, một tiếng gọi, một tiếng hát, tình yêu, niềm tự hào về dòng sông Cửu Long, ở đó còn có những con

người Nam Bộ của tác giả từ ngày tuổi thơ cho đến khi đã lớn. Ý kiến trên về nhan đề bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* là đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Đáp án: A

Câu 7: Cửu Long Giang được hiểu là?

A. Tên một vị anh hùng

B. Tên một miền đất

C. Tên một môn học

D. Tên một dòng sông

Đáp án: D

Câu 8: Sông Cửu Long thuộc khu vực nào nước ta?

A. Tây Bắc

B. Đồng bằng sông Cửu Long

C. Nam Trung Bộ

D. Đông Nam Bộ

Đáp án: B

Câu 9: Nghệ thuật được sử dụng trong câu “Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ/ Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ” là?

A. Hoán dụ

B. Điệp ngữ

C. Câu hỏi tu từ

D. So sánh

Đáp án: D

Câu 10: Bài thơ *Cửu Long Giang ta ơi* được viết theo trình tự thời gian từ hiện tại đến quá khứ. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Đáp án: B

2. Đọc hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

*Ngày xưa ta đi học
Mười tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu
Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ
Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ.*

*Bản đồ mới tường vôi cũng mới
Thầy giáo lớn sao, thước kẻ cũng lớn sao
Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ
Đưa ta đi sông núi tuyết vời.*

(Trích *Cửu Long Giang ta ơi!* - Nguyễn Hồng)

Câu 1: Xác định thể thơ của bài thơ có đoạn thơ trên.

Câu 2: Hình ảnh thầy giáo trong đoạn thơ hiện lên trong mắt cậu học trò như thế nào?

Câu 3: Chỉ ra phép tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong câu thơ: “Mắt ngẩng lên trông bản đồ rực rỡ/ Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ”?

Câu 4: Theo em, người thầy có vai trò gì trong việc khơi dậy mơ ước cho học trò?

Câu 5. Em hãy lấy một ví dụ về một tác phẩm văn học em đã được học mà em tâm đắc. Nói rõ lí do em thích thú, ấn tượng về tác phẩm đó?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Thể thơ: tự do

Câu 2: Hình ảnh thầy giáo trong đoạn thơ hiện lên trong mắt cậu học trò:

- + lớn lao, vĩ đại “lớn sao”,
- + như có phép lạ “*Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ*”
- + nâng cánh ước mơ cho học trò. “*Đưa ta đi sông núi tuyết vờ*

Câu 3: biện pháp tu từ so sánh: “hình ảnh tấm bản đồ rực rỡ” trong bài giảng của thầy giống như *cánh đồng hoa trong giấc mơ của cậu học trò*.

Tác dụng:

- + Tấm bản đồ hiện lên trong lời giảng của thầy đẹp đẽ lạ thường, bởi nó tượng trưng cho tổ quốc thiêng liêng.
- + Mở ra một không gian mới, gợi niềm háo hức, mê say, mong muốn được khám phá của học trò. Tài liệu của Nhung tây
- + Nhấn mạnh tình yêu của tác giả với dòng sông Mê Kông được khơi nguồn từ tiết học địa lý của thầy giáo.

Câu 4:

- Theo em, người thầy có vai trò trong việc khơi dậy mơ ước cho học trò:
- Thầy cô là người nâng cánh ước mơ cho học trò.
- Mỗi giờ học, thầy cô truyền cảm hứng học tập, và khao khát khám phá, học hỏi tri thức về thiên nhiên, đất nước, con người...

Câu 5. - HS lấy một ví dụ cụ thể về một tác phẩm văn học em đã được học mà em tâm đắc.

- HS nói rõ lí do em thích thú, ấn tượng về tác phẩm đó:
- + Lí do bắt nguồn từ tác phẩm nội dung, hình thức nghệ thuật, hoặc đề tài, ...mà học sinh thích thú
- + Lí do cá nhân: riêng tư của học sinh như hoàn cảnh sống, một lần được đọc, xem phim...
- +Lí do mà thầy (cô) khơi được nguồn cảm hứng, hoặc tình yêu thiên nhiên, đất nước...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

*Việt Nam đất nắng chan hoà
 Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh
 Mắt đen cô gái long lanh
 Yêu ai yêu trộm tấm tình thuỷ chung
 Đất trăm nghề của trăm vùng
 Khách phương xa tới lạ lòng tìm xem
 Tay người như có phép tiên
 Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ.*

(Trích Bài thơ Hắc Hải – Nguyễn Đình Thi)

Câu 1. Đoạn thơ được viết theo thể thơ nào?

Câu 2. Chỉ ra 02 hình ảnh về con người Việt Nam trong đoạn thơ trên.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ “*Tay người như có phép tiên – Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ*”.

Câu 4. Từ đoạn thơ trên, em cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của đất nước và con người Việt Nam? Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý trả lời:

Câu 1. thể thơ lục bát

Câu 2. HS chỉ ra 02 hình ảnh về con người Việt Nam trong các hình ảnh sau: *mắt đen cô gái long lanh; yêu ai yêu trọn tấm tình thủy chung; tay người như có phép tiên; trên tre lá cũng dẹt nghìn bài thơ.* Tài liệu của Nhung tây

(Lưu ý HS có thể diễn đạt cách khác nhưng phải hợp lý)

Câu 3. Biện pháp so sánh: *Tay người như có phép tiên*

Tác dụng : *gợi ra niềm tự hào về vẻ đẹp tài hoa của con người Việt Nam trong lao động; làm cho câu thơ sinh động, giàu hình ảnh, giàu tính biểu cảm...*

Câu 4. HS có thể nêu cảm nhận về hai đặc điểm sau: *đất nước Việt Nam tươi đẹp, trù phú; con người Việt Nam thủy chung, tình nghĩa, khéo léo, tài hoa...*

3. Ngữ liệu Đọc hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Một hôm, cô tôi gọi tôi đến bên, cười hỏi:

- Hồng! Mày có muốn vào Thanh Hóa chơi với mợ mày không?

Tưởng đến vẻ mặt rầu rầu và sự hiền từ của mẹ tôi, và nghĩ đến cảnh thiếu thốn một tình thương yêu ấp ủ từng phen làm tôi rớt nước mắt, tôi toan trả lời có. Nhưng, nhận ra những ý nghĩ cay độc trong giọng nói và trên nét mặt khi cười rất kịch của cô tôi kia, tôi cúi đầu không đáp. Vì tôi biết rõ, nhắc đến mẹ tôi, cô tôi chỉ có ý gieo rắc vào đầu óc tôi những hoài nghi để tôi khinh miệt và ruồng rẫy mẹ tôi, một người đàn bà đã bị cái tội là góa chồng, nợ nần cùng túng quá, phải bỏ con cái đi tha hương cầu thực. Nhưng đời nào tình thương yêu và lòng kính mến mẹ tôi lại bị những rắp tâm tanh bẩn xâm phạm đến... Mặc dầu non một năm ròng mẹ tôi không gửi cho tôi lấy một lá thư, nhắn người thăm tôi lấy một lời và gửi cho tôi lấy một đồng quà. Tài liệu của Nhung tây

Tôi cũng đã cười đáp lại cô tôi:

- Không! Cháu không muốn vào. Cuối năm thế nào mợ cháu cũng về. [...]

Tỏ sự ngậm ngùi thương xót thầy tôi, cô tôi chập chùng nói tiếp:

- Mấy lại rằm tháng tám là giỗ đầu cậu mày, mợ mày về dù sao cũng đỡ tủi cho cậu mày, và mày cũng phải có họ, có hàng, người ta hỏi đến chứ?.”

(Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Theo đoạn trích, mục đích của người cô khi nhắc với bé Hồng về người mẹ của bé là gì?

Câu 3. Qua cuộc đối thoại giữa Hồng với bà cô, em thấy chú bé Hồng là người như thế nào?

Câu 4. Theo em, người thân trong một gia đình nên có cách đối xử với nhau như thế nào?

Câu 5. Ở tuổi cấp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần những gì?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Các phương thức biểu đạt trong đoạn trích: miêu tả, tự sự và biểu cảm.

Câu 2: Theo đoạn trích, mục đích của người cô khi nhắc với bé Hồng về người mẹ của bé là gieo rắc vào đầu óc cậu những hoài nghi để cậu khinh miệt và ruồng rẫy mẹ mình.

Câu 3: Qua cuộc đối thoại giữa Hồng với bà cô, có thể thấy bé Hồng là chú bé nhạy cảm và có tình yêu thương mẹ mãnh liệt, biết cảm thông và có niềm tin không dễ lay chuyển về người mẹ đáng thương của mình. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4: HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được.

Có thể nêu:

- Người thân trong một gia đình cần đối xử thật lòng, yêu thương thật lòng và dành những điều tốt đẹp nhất cho nhau. Tài liệu của Nhung tây

- Các thành viên phải biết quan tâm, chia sẻ, bồi đắp tình cảm.

Câu 5: HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được.

Có thể nêu: Ở tuổi cấp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần được:

- Sống trong tình yêu thương, chăm sóc, che chở của người thân, cần một gia đình đúng nghĩa.

- Cần được vui chơi, nô đùa, được đến trường học hành.

- Cần được quan tâm chăm sóc về vật chất và tinh thần.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

Chiều hôm đó, tan buổi học ở trường ra, tôi chợt thoáng thấy một bóng người ngồi trên xe kéo giống giống mẹ tôi. Tôi liền đuổi theo, gọi bối rối:

- Mẹ ơi! Mẹ ơi! Mẹ ơi!...

Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi chúng nó khua guốc inh ỏi và nô đùa âm ỉ trên hè. Và cái lầm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc.

Xe chạy chậm chậm... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi, vài giây sau, tôi đuổi kịp. Tôi thở hồng hộc, trán đẫm mồ hôi, và, khi trèo lên xe, tôi ríu cả chân lại. Mẹ tôi vừa kéo tay tôi, xoa đầu tôi hỏi, thì tôi òa lên khóc rồi cứ thế nức nở. Mẹ tôi cũng sụt sùi theo:

- Con nín đi! Mẹ đã về với các con rồi mà. Tài liệu của Nhung tây

Mẹ tôi lấy vạt áo nâu thấm nước mắt cho tôi rồi xốc nách tôi lên xe. Đến bây giờ tôi mới kịp nhận ra mẹ tôi không còn côi xơ quá như cô tôi nhắc lại lời người họ nội của tôi nói. Gương mặt mẹ tôi vẫn tươi sáng với đôi mắt trong, và nước da mịn làm nổi bật màu hồng của hai gò má. Hay tại sự sung sướng bỗng được trông nhìn và ôm ấp cái hình hài máu mủ của mình mà mẹ tôi lại tươi đẹp như thuở còn sung túc? Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi, tôi thấy những cảm giác ấm áp đã bao lâu mất đi bỗng lại mơn man khắp da thịt. Hơi quần áo mẹ tôi và những hơi thở ở khuôn miệng xinh xắn nhai trầu phả ra lúc đó thơm tho lạ thường.

(Trong lòng mẹ - Nguyên Hồng)

Câu 1. Chỉ ra ngôi kể được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong đoạn văn sau:

“Nếu người quay lại ấy là người khác thì thật là một trò cười tức bụng cho lũ bạn tôi chúng

nó khua guốc inh ỏi và nó đùa ẩm ỉ trên hè. Và cái làm đó không những làm tôi thẹn mà còn tủi cực nữa, khác gì cái ảo ảnh của một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm đã hiện ra trước con mắt gần rạn nứt của người bộ hành ngã gục giữa sa mạc”

Câu 4. Từ những cảm xúc của Hồng khi gặp lại mẹ, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của tình mẫu tử với mỗi người? Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý làm bài

Câu 1: Ngôi kể thứ nhất, người kể xưng “tôi”.

Câu 2: Nội dung chính của đoạn trích: Diễn biến tâm trạng của chú bé Hồng khi gặp lại mẹ sau thời gian dài xa cách. Tài liệu của Nhung tây

Câu 3:

- Biện pháp so sánh: So sánh niềm khao khát, mong chờ mẹ trong lòng Hồng cũng giống như khát khao của người khách bộ hành giữa sa mạc về một dòng nước trong suốt chảy dưới bóng râm.

- Tác dụng:

+ Nhấn mạnh niềm khao khát, thương nhớ mẹ của chú bé Hồng.

+ Giúp người đọc càng cảm nhận rõ hơn tình yêu mẹ tha thiết trong lòng chú bé.

+ Làm cho lời văn thêm giàu cảm xúc, giàu hình ảnh hơn.

Câu 4: HS nêu suy nghĩ của bản thân. Tài liệu của Nhung tây

Có thể nêu: Ý nghĩa của tình mẫu tử đối với mỗi người trong cuộc sống:

- Giúp đời sống tinh thần của ta thêm đầy đủ, phong phú và ý nghĩa.

- Là điểm tựa tinh thần, tiếp thêm cho ta sức mạnh trước mỗi khó khăn.

- Giúp ta tránh khỏi những cám dỗ trong cuộc sống.

- Là niềm tin, là động lực và là mục đích cho sự nỗ lực và khát khao sống của cá nhân.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Mùa này cá linh và bông điên điển đều bắt đầu hiếm. Bông điên điển chỉ còn lác đác, nhưng nể bạn, Hữu Nhân đã lòng vòng xe để kiếm cho tôi thưởng thức. Kết quả, buổi trưa ở một quán tại huyện Tam Nông thì tôi được xơi món bông điên điển xào tôm, còn buổi chiều tại quán khác ở huyện Cao Lãnh thì chứng kiến món cá linh kho ngót. Bằng nỗi khát khao và trân trọng của mình, tôi đã miệt mài ăn hai món quốc hồn quốc túy đồng bằng ấy. Lúc này sự ăn nó không còn là vật chất thông thường, của sự ăn lấy no, mà nó là hương hoa, là miên cảm của con người trước thời trân của đất trời, dầu nó là món thời trân vô cùng dân dã, nó gắn với miên man sông nước, với cái giản dị, tiện lợi của sản vật và con người vùng đất phương Nam. [...]

Từ thành phố Cao Lãnh, Hữu Nhân chở tôi bằng xe máy gần buổi sáng thì đến khu di tích này. Đây là khu gò rộng khoảng 5000 mét vuông và cao hơn khoảng 5 mét so với mực nước biển Hà Tiên, nằm giữa rốn Đồng Tháp Mười sạt lở nước nên nó trở thành của hiếm. Nơi đây người ta vừa khai quật được một di tích nền gạch cổ và được xác định đây là nền tòa tháp từ thời vương quốc Phù Nam có cách đây khoảng 1.500 năm và đã được công

nhận di tích quốc gia. Đây cũng là đại bản doanh của cụ Thiên Hộ Dương và Đốc Binh Kiều, hai vị anh hùng chống Pháp, và cũng là căn cứ địa chống Mỹ của cách mạng Việt Nam. Tháp Sen được chọn để xây dựng ở đây như một cách để tôn vinh sen Đồng Tháp Mười...[...]"

(Đồng Tháp Mười mùa nước nổi – Văn Công Hùng)

Câu 1. Đoạn trích trên đã giới thiệu những vẻ đẹp nào của Đồng Tháp Mười?

Câu 2. Theo em, việc sử dụng ngôi kể thứ nhất trong bài du kí có tác dụng gì?

Câu 3. Tình cảm của tác giả thể hiện như thế nào khi viết về Đồng Tháp Mười?

Câu 4. Nếu được đi thăm Đồng Tháp Mười, em sẽ đến nơi nào nêu trong bài du kí? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1:

Đoạn trích đã giới thiệu vẻ đẹp văn hoá của Đồng Tháp Mười:

- Món ăn nơi Đồng Tháp: cá linh và bông điên điển.
- Khu du lịch Gò Tháp.

Câu 2: Việc sử dụng ngôi kể thứ nhất có tác dụng:

- Giúp cho bài du kí trở nên chân thực, độ tin cậy cao hơn.
- Giúp tác giả dễ dàng bộc lộ tình cảm, cảm xúc hơn.
- Giúp cho người đọc hiểu rõ hơn về tình cảm của tác giả.

Câu 3:

- Tình cảm của tác giả khi viết về Đồng Tháp Mười là thứ tình cảm yêu mến, trân trọng và khát khao muốn khám phá. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4: HS lựa chọn nơi đến thăm và đưa ra lí do.

ÔN TẬP TIẾNG VIỆT: Công dụng của dấu ngoặc kép

I. LÝ THUYẾT

1. Dấu ngoặc kép và tác dụng của dấu ngoặc kép

Dấu ngoặc kép viết là : " "

- Dấu ngoặc kép thường được dùng để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật hoặc của người nào đó.

Nếu lời nói trực tiếp là một câu trọn vẹn hay một đoạn văn thì trước dấu ngoặc kép ta phải thêm dấu hai chấm.

VD: Bác nói : " Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. "

- **Dấu ngoặc kép** còn được dùng để đánh dấu những từ ngữ được dùng với ý nghĩa đặc biệt.

VD : Có bạn tặc kè hoa

Xây " lâu " trên cây đa

Rét, chơi trò đi trốn

Đợi ẩm trời mới ra.

- Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu các từ ngữ có hàm ý mỉa mai.

- Dấu ngoặc kép được dùng để đánh dấu tên của các vở kịch, tác phẩm văn học, tờ báo, tập san... dẫn trong câu văn.

2. Công dụng thích hợp của dấu ngoặc kép:

- Đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật.

VD: *Người xưa có câu: “Trúc đầu cháy, đốt ngay vẫn thẳng”.*

- Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

VD *Cộng đồng loài én thoải mái sống “cuộc đời” của chúng, không mấy may nghĩ đến sự hiện diện của nhóm du khách.*

- Đánh dấu tên tác phẩm, văn bản, quyển sách, chương trình.

VD: *Văn bản “Hang Én” trích dẫn văn bản viết giới thiệu về hang Én trên trang thông tin điện tử Sở Du lịch Quảng Bình, 14/10/2020.*

b. Dấu phẩy (GV nhắc lại kiến thức đã học ở tiểu học)

- Ngăn cách thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ.

- Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu.

- Ngăn cách một từ ngữ với bộ phận chú thích của nó.

- Ngăn cách các vế của một câu ghép. Tài liệu của Nhung tây

2. Biện pháp tu từ:

a. Khái niệm: Biện pháp tu từ là việc sử dụng ngôn ngữ theo một cách đặc biệt (về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, văn bản) làm cho lời văn hay hơn, đẹp hơn, nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm trong diễn đạt và tạo ấn tượng với người đọc.

b. Các biện pháp tu từ đã học: so sánh, nhân hoá, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ, ...

Phân biệt ẩn dụ và hoán dụ:

	Ẩn dụ	Hoán dụ
Định nghĩa	Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác.	Gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác.
Cơ chế hoạt động	Dựa trên nét tương đồng với nó	Dựa trên quan hệ gần gũi với nó
Tác dụng	Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt	Làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài 1: Giải thích công dụng của dấu ngoặc kép trong những đoạn trích

a. Nó cứ làm in như nó trách tôi; nó kêu ư ử, như muốn bảo tôi rằng: “A! Lão già tệ lắm! Tôi ăn ở với lão như thế nào mà lão xử với tôi như thế này vậy?”

b. Kết cục, anh chàng “hầu cận ông lý” yếu hơn chị chàng con mọn, hấn bị chị này túm tóc lẳng cho một cái, ngã nhào ra thềm.

. “Những ngày thơ ấu” (Nguyên Hồng) chủ yếu là những kỉ niệm đau buồn, tủi cực của một đứa trẻ sinh ra trong một gia đình bất hòa .

c. "Trước năm 1914, họ chỉ những tên da đen bản thủ, những tên "An-nam- mít" bản thủ, giỏi lắm thì cũng chỉ biết kéo xe tay và ăn đòn của các quan cai trị nhà ta. Ấy thế mà cuộc chiến tranh vui chơi vừa bùng nổ, thì lập tức họ biến thành những đứa "con yêu", những người bạn hiền của các quan cai trị phụ mẫu nhân hậu, thậm chí của cả các quan toàn quyền

lớn, toàn quyền bé nữa. Dùng một cái, họ (những người bản xứ) được phong cái danh hiệu tối cao là "chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do"

d. Nguyễn Du đã thuật lại cảnh Hồ Tôn Hiến nghe đàn:

*Nghe càng đắm, ngắm càng say
Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình*

Chỉ cái thứ "mặt sắt" mà "ngây vì tình" ấy quả không lấy gì làm đẹp.

Gợi ý trả lời

a. Dấu ngoặc kép đánh dấu đoạn dẫn trực tiếp lời nói của nhân vật.

- Lão Hạc tưởng tượng ra lời của con chó nói với mình.

b.- Dấu ngoặc kép đánh dấu ngữ có hàm ý mỉa mai.

- Một anh chàng được coi là "hậu cận ông lí" mà bị người đàn bà có con mọn túm lấy lẳng nhào ra thêm.

c. Dấu ngoặc kép dùng đánh dấu những ngữ có ý mỉa mai: An- nam-mít, con yêu, bạn hiền, chiến sĩ bảo vệ công lí và tự do.

- Mía mai sự bịp bợm xảo trá của thực dân Pháp.

d. - Dấu ngoặc kép dùng để đánh dấu từ dẫn trực tiếp có hàm ý mỉa mai: mặt sắt, ngây vì tình. Nhằm mỉa mai bộ mặt đều cang của Hồ Tôn Hiến

Bài 2: Dấu ngoặc kép trong trường hợp sau có công dụng gì?

a. Thánh Găng-đi có một phương châm: “Chinh phục được mọi người ai cũng cho là khó, nhưng tạo được tình thương, lòng nhân đạo, sự thông cảm giữa con người với con người lại càng khó hơn”.

(Theo Lâm Ngữ Đường, Tinh hoa xử thế)

b. Nhìn từ xa, cầu Long Biên như một dải lụa uốn lượn vắt ngang sông Hồng, nhưng thực ra “dải lụa” ấy nặng tới 17 nghìn tấn!

(Thúy Lan, Cầu Long Biên – chứng nhân lịch sử)

c. Tre với người như thế đã mấy nghìn năm. Một thế kỉ “văn minh”, “khai hóa” của thực dân cũng không làm ra được một tác sắt. Tre vẫn phải còn vất vả mãi với người.

(Thép mới, Cây tre Việt Nam)

d. Hàng loạt vở kịch như “Tay người đàn bà”, “Giác ngộ”. “Bên kia sông Đuống”,... ra đời.

Gợi ý trả lời:

a. Lời dẫn trực tiếp (một câu nói của thánh Găng-đi).

b. Từ ngữ được hiểu theo một nghĩa đặc biệt: dùng từ ngữ “dải lụa” để chỉ chiếc cầu (ẩn dụ)

c. Từ ngữ có hàm ý mỉa mai. Dùng lại chính những từ ngữ mà thực dân Pháp thường dùng khi nói về sự cai trị của chúng đối với nước ta: khai hóa văn minh cho một dân tộc lạc hậu với hàm ý mỉa mai. Ở đây cũng có xem dấu ngoặc kép trong đoạn trích được dùng để đánh dấu từ ngữ dẫn trực tiếp.

d. Tên của các vở kịch.

Bài 3. Hãy đặt dấu phẩy vào vị trí thích hợp trong những câu dưới đây:

a. Từ xưa đến nay Thánh Gióng luôn là hình ảnh rực rỡ về lòng yêu nước sức mạnh phi thường và tinh thần sẵn sàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam ta.

Dấu phẩy được đặt vào vị trí

(1): Ngăn cách thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ.

(2): Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu (các vị ngữ với nhau)

Từ xưa đến nay, (1) **Thánh Gióng** luôn là hình ảnh rực rỡ về **lòng yêu nước**, (2) sức mạnh phi thường và tinh thần sẵn sàng chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam ta.

b. Buổi sáng, sương muối phủ trắng cảnh cây bãi cỏ. Gió bắc hun hút thổi. Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù. Mây bò trên mặt đất tràn vào trong nhà, quần lũy người đi đường.

Dấu phẩy được đặt vào vị trí

(1): Ngăn cách thành phần phụ của câu với chủ ngữ và vị ngữ.

(2), (3): Ngăn cách các từ ngữ có cùng chức vụ trong câu (các chủ ngữ với nhau)

Buổi sáng, (1) sương muối phủ trắng cảnh cây bãi cỏ. Gió bắc hun hút thổi. Núi đồi, (2) thung lũng, (3) làng bản chìm trong biển mây mù. Mây bò trên mặt đất tràn vào trong nhà, quần lũy người đi đường.

2. Các biện pháp tu từ

Bài 4: Tìm hiểu ý nghĩa của từ *Miền Nam* trong các câu thơ sau. Chỉ rõ trường hợp nào là hoán dụ và thuộc kiểu hoán dụ nào ?

a. Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát.

(Viễn Phương)

b. Gửi miền Bắc long miền Nam chung thủy

Đang xông lên chống Mỹ tuyến đầu.

(Lê Anh Xuân)

Gợi ý

- Miền Nam (a) : Là tên gọi địa lý, chỉ một vùng.

- Miền Nam (b) : chỉ những người sống ở vùng đó- Trường hợp này là hoán dụ (Quan hệ giữa vật chứa đựng và vật bị chứa đựng) Tài liệu của Nhung tây

Bài 5. Từ “mặt trời” nào trong hai câu thơ sau là ẩn dụ? Phân tích giá trị biểu đạt của hình ảnh ẩn dụ đó.

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”

(Viễn Phương)

Gợi ý trả lời

Mặt trời (câu 1): chỉ mặt trời của tự nhiên

Mặt trời (câu 2) là ẩn dụ cho Bác Hồ. Tài liệu của Nhung tây

Giá trị biểu đạt:

+ Dùng hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” để viết về Bác, Viễn Phương đã ca ngợi sự vĩ đại của Bác, công lao của Bác đối với non sông đất nước.

+ Đồng thời, hình ảnh ẩn dụ “mặt trời trong lăng” cũng thể hiện sự tôn kính, lòng biết ơn của nhân dân với Bác, niềm tin Bác sống mãi với non sông đất nước ta.

Bài 6: Chỉ ra các phép hoán dụ trong những câu sau :

a. Họ là hai chục tay sào, tay chèo, làm ruộng cũng giỏi mà làm thuyền cũng giỏi.

b. Tự nhiên, Xa Phủ rút cây sáo. Tiếng sáo thoát ra từ ống trúc, véo von... Tiếng sáo theo chân hai người tới lối rẽ.

- c. *Chồng ta áo rách ta thương*
Chồng người áo gấm xông hương mặc người.
 (Ca dao)
- d. *Sen tàn cúc lại nở hoa*
Sầu dài ngày ngắn đông đà sang xuân
 (Nguyễn Du)
- e. *Một viên gạch hồng, Bác chống lại cả một mùa băng giá...*
 (Chế Lan Viên)

Gợi ý trả lời

- a. *Tay sào, tay chèo* : Kiểu hoán dụ có quan hệ dấu hiệu của sự vật với sự vật có dấu hiệu đó.
- b. *Chân* : Kiểu hoán dụ có quan hệ bộ phận và toàn thể.
- c. *áo rách*: là hoán dụ lấy quần áo (áo rách) để thay cho con người (người nghèo khổ).
áo gấm: cũng là hoán dụ lấy quần áo (áo gấm) để thay cho con người (người giàu sang, quyền quý). Tài liệu của Nhung tây
- d. *Sen*: là hoán dụ lấy loài hoa đặc trưng (hoa sen) để chỉ mùa (mùa hạ).
Cúc: là hoán dụ lấy loài hoa đặc trưng (hoa cúc) để chỉ mùa (mùa thu).
 Chỉ với hai câu thơ nhưng Nguyễn Du đã diễn đạt được bốn mùa chuyển tiếp trong một năm, mùa hạ đi qua mùa thu lại đến rồi mùa thu kết thúc, đông bước sang, đông tàn, xuân lại ngự trị.
- e. *Viên gạch hồng*: là hoán dụ lấy đồ vật (viên gạch hồng) để biểu trưng cho nghị lực thép, ý chí thép của con người. (Bác Hồ vĩ đại).
 - *Băng giá*: là hoán dụ lấy hiện tượng tiêu biểu (cái lạnh ở Pa-ri) để gọi thay cho mùa (mùa đông)

Bài 7: Trong câu ca dao :

Nhớ ai bồi hồi bồi hồi
Như đứng đống lửa như ngồi đống than

- a. Từ *bồi hồi bồi hồi* là từ gì?
- b. Giải nghĩa từ *bồi hồi bồi hồi*
- c. Phân tích cái hay của câu thơ do phép so sánh đem lại.

Gợi ý trả lời:

- a. Đây là từ láy chỉ mức độ cao.
- b. Giải nghĩa *bồi hồi bồi hồi* : trạng thái có những cảm xúc, ý nghĩ cứ trở đi trở lại trong cơ thể con người. Tài liệu của Phương Nhung 0794862058
- c. Trạng thái mơ hồ, trừu tượng chỉ được bộc lộ bằng cách đưa ra hình ảnh cụ thể: đứng đống lửa, ngồi đống than để người khác hiểu được cái mình muốn nói một cách dễ dàng - tâm trạng nhớ nhung người yêu. Hình ảnh so sánh có tính chất phóng đại nên rất gợi cảm. Tài liệu của Nhung tây

Bài 8. Chỉ ra các biện pháp tu từ trong các câu sau:

- a) *Trâu ơi ta bảo trâu này*
Trâu ăn no cỏ trâu cày với ta
 (Ca dao)

- b) *Quê hương là chùm khế ngọt*
Cho con chèo hái mỗi ngày
 (Đỗ Trung Quân)
- c) *Nói ngọt lọt đến xương.*
- d) *Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ*
Mặt trời chân lý chói qua tim
Hồn tôi là một vườn hoa lá
Rất đậm hương và rộn tiếng chim
 (Tố Hữu)

Gợi ý trả lời

- a) Nhân hoá: “Trâu” biết được suy nghĩ, tình cảm như con người.
- b) So sánh: Quê hương – (như) là – chùm khế ngọt.
- c) Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác qua từ “ngọt”: âm thanh tiếng nói được cảm nhận bằng vị giác, thay vì bằng thính giác
- d) Ẩn dụ: “mặt trời chân lý” chỉ ánh sáng cách mạng
 So sánh: Hồn tôi – vườn hoa lá ngát hương, rộn tiếng chim.

LUYỆN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN TẢ CẢNH SINH HOẠT

I. Yêu cầu đối với bài văn tả cảnh sinh hoạt

- Giới thiệu khái quát cảnh sinh hoạt;
- Tả bao quát quanh cảnh (không gian, thời gian)
- Tả hoạt động cụ thể của con người;
- Nêu được cảm nghĩ về cảnh sinh hoạt được tả.

Lưu ý: Khi tả sử dụng từ ngữ phù hợp để tả làm cho quang cảnh, hoạt động của con người hiện lên một cách rõ nét, sinh động;

III. Thực hành viết theo các bước

1. Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài:

Cảnh thu hoạch mùa màng

b. Tìm ý:

- Đề bài: Miêu tả cảnh thu hoạch mùa màng
- + Cảnh diễn ra ở làng quê Việt Nam vào khoảng tháng 6, (tháng 12)
- Khung cảnh đang diễn ra tấp nập, khẩn trương và sôi động.
- Tiếng gọi nhau ý ới, âm thanh của máy tuốt lúa vang khắp cả vùng trời
- Con người cần mẫn gom từng bó lúa cho vào máy tuốt, thu lúa vào bao, vận chuyển về nhà...
- Báo hiệu một mùa bội thu, cuộc sống người dân được ấm no, đầy đủ.

c. Lập dàn ý:

* Mở bài:

Giới thiệu khái quát cảnh thu hoạch lúa trên quê hương em

* Thân bài: Miêu tả cảnh thu hoạch

(các ý trong phần tìm ý)

* **Kết bài:** Suy nghĩ của em về cảnh thu hoạch mùa màng.

Lưu ý: - Khi viết có sử dụng các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa

- Sử dụng từ ngữ thể hiện chân thực, tình cảm, suy nghĩ của bản thân.

2. Viết bài

- Viết đoạn văn phần mở bài

- Viết các đoạn văn phần thân bài

- Viết đoạn văn kết bài

3. Chỉnh sửa bài viết

LUYỆN TẬP:

Đề bài: Tả lại cảnh sum họp của gia đình em.

Dàn ý

1. Mở bài

- Thời gian: vào buổi tối cuối tuần.

- Không gian: ngôi nhà của em.

- Nhân vật: Những người thân trong gia đình.

2. Thân bài

- Cách bài trí trong nhà, dưới bếp. (Chú ý các chi tiết, hình ảnh có liên quan đến Tết)

- Không khí chuẩn bị ra sao? (Mọi người trong gia đình cùng nhau chuẩn bị...)

- Bàn ăn (hay mâm cơm) có những món gì?

- Bữa ăn diễn ra đầm ấm, vui vẻ như thế nào?

- Sau bữa ăn, mọi người làm gì? (uống nước, chuyện trò tâm sự...)

3. Kết bài

- Cảm động và thích thú.

- Mong có nhiều dịp được sum họp đầy đủ với người thân.

- Nhận ra rằng gia đình quả là một tổ ấm không thể thiếu đối với mỗi con người.

BÀI VIẾT THAM KHẢO SỐ 1:

Thật khó để có thể nói hết được ý nghĩa của mái ấm gia đình. Em luôn cảm thấy may mắn vì gia đình của em là một gia đình hạnh phúc. Dù ban ngày mỗi người một công việc ở những nơi khác nhau nhưng đến tối là tất cả đều tụ họp đông đủ sum vầy bên nhau.

Gia đình em gồm bốn thành viên: bố, mẹ, chị gái và em. Sau một ngày làm việc và học tập vất vả thì cũng là lúc mọi người trở về nhà. Mỗi người một công việc khác nhau. Bố thì tưới cây, chị thì quét sân, còn em phụ mẹ nấu cơm. Bữa cơm buổi tối luôn thịnh soạn nhất. Mẹ đã nấu rất nhiều món ngon mà ai cũng thích. Nhà em thường ăn cơm lúc bảy giờ tối, cả gia đình bên chiếc bàn tròn nhỏ ở giữa nhà bếp, mọi người ăn rất ngon miệng và vui vẻ. Sau khi ăn và dọn dẹp bát đĩa xong mọi người lại quây quần ở phòng khách. Em cùng chị gọt hoa quả mời bố mẹ ăn, vừa ăn vừa chuyện trò rất vui vẻ. Bố hỏi em và chị ngày hôm nay đi học như thế nào, dù có điểm thưởng hay không bố vẫn khen và tặng em một cái thơm. Công việc của bố mẹ tuy rất mệt và căng thẳng nhưng khi về nhà bố mẹ lại là những người vui nhất, không hề than vãn dù nửa lời, chỉ lắng nghe lời kêu của con cái rồi mỉm cười động viên. Tài liệu của Phương Nhung 0794862058

Em nhận ra dù chỉ là khoảnh khắc gia đình sinh hoạt ngắn ngủi buổi tối nhưng đó chính là thứ keo tốt nhất gắn kết tình cảm gia đình.

BÀI VIẾT THAM KHẢO SỐ 2:

Gia đình em gồm có bốn thành viên là bố, mẹ, anh trai và em. Bố mẹ em là viên chức nhà nước còn hai anh em đều đang đi học. Khi bắt đầu một ngày mới là lúc mọi người rời khỏi nhà để đi học đi làm. Chỉ đến tối, cả gia đình mới được sum họp bên nhau.

Giờ sinh hoạt gia đình vào buổi tối của nhà em bắt đầu bằng bữa cơm tối. Mẹ là người đầu bếp tài ba của gia đình. Tài nấu nướng của mẹ là số một. Ba bố con chị dọn dẹp rồi đi tắm xong là đã có một bàn ăn thịnh soạn. Mẹ em nói dù có mệt mỏi hay bận rộn đến đâu thì bữa cơm gia đình vẫn phải chu toàn, tươm tất, phải

thực sự ngon miệng mới xua tan được những mệt mỏi, muộn phiền sau một ngày dài.

Bố em là người vui tính, trong bữa cơm bố thường trêu đùa khiến ai cũng bật cười sáng khoái. Mẹ em thì không quên gấp thức ăn cho mọi người, nhắc nhở mọi người ăn thật nhiều. Ăn cơm xong em phụ mẹ dọn dẹp, rửa bát. Anh trai em pha trà, gọt hoa quả chờ mọi người xong việc cùng ngồi ăn tráng miệng. Gia đình em thường cùng nhau xem chương trình thời sự sau khi ăn cơm xong, vừa xem vừa trò chuyện với nhau, chia sẻ những điều thú vị trong cuộc sống. Cảm giác được chia sẻ, giải tỏa cùng những người thân yêu sau một ngày thật thoải mái, dễ chịu, khung cảnh gia đình thật ấm cúng, tràn ngập yêu thương.

Đối với em gia đình là điều quan trọng nhất không có gì có thể thay thế được, em luôn trân trọng những bữa cơm sinh hoạt gia đình, những giây phút quây quần bên người thân yêu.

BÀI VIẾT THAM KHẢO SỐ 3:

Ba tôi công tác xa nhà mấy chục cây số, một tuần mới về một lần. Cho nên tối thứ bảy là tối gia đình tôi sum họp đông vui nhất.

Cơm nước xong xuôi, mọi người mới quây quần trong gian phòng khách nhỏ bé và ấm cúng. Ánh đèn nê-ông tỏa ánh sáng xanh dịu. Mấy lẵng hoa bằng nhựa sáng rực lên trông y như hoa thật. Chiếc tủ li bằng gỗ cẩm lai được đánh véc-ni lóng lánh như mặt gương soi, nổi bật những đường vân như những nét hoa văn kỳ ảo. Phía trên, là chiếc tivi màu mười chín inch được phủ bằng một tấm lụa xanh rêu. Đồ đạc trong phòng được xếp đặt thật gọn gàng, ngăn nắp. Tài liệu của Phương Nhung 0794862058

Ba tôi bồng bế Thảo Ngọc vào lòng âu yếm hôn lên tóc, lên má bé. Ngọc ôm lấy cổ ba nũng nịu: “Ba! Ba có nhớ con không?”. Ba cầm bàn tay nhỏ bé của bé áp lên má mình vuốt vuốt rồi nhò nhẹ với bé: “Ba nhớ con nhiều nhất đấy!”. Rồi ba hỏi lại bé: “Thế Ngọc có thương ba không?”. Thảo Ngọc cười nhe hàm răng nhỏ xíu trông thật dễ thương. Bàn tay vào chiếc cằm vừa mới cạo của ba và nói lớn: “Con thương ba nhất nhà này! Thương mẹ nhất nhà này! Và cả chị hai nữa! Con thương cả nhà như nhau! Bằng thế này này!”. Bé đưa ba ngón tay lên, đưa qua đưa lại như chứng tỏ điều mình nói là đúng, là sự thật. Lúc này, mẹ đang đọc báo, tôi đang chơi đàn. Cả tôi và mẹ đều phải phì cười vì vẻ đáng yêu của bé.

Đúng tám giờ, tôi bật vô tuyến để xem tiết mục “Ngôi nhà tuổi thơ”. Tối nay có chương trình văn nghệ của các trường mẫu giáo rất hay. Bé Ngọc vừa xem vừa vỗ tay hát theo. Ba khen hát hay, bé cười tít mắt. Càng hát, bé càng rướn giọng to lên, đầu lắc qua lắc lại theo nhịp đàn. Đôi bím tóc thắt nơ hồng ngoe nguẩy như đuôi chú cún con trông thật ngộ, thật dễ thương. Ba hỏi tôi: “Tuần này được mấy điểm mười hả con? Môn nào nhiều điểm mười hơn cả?” Tôi sung sướng khoe: “Hơn tuần trước bốn điểm mười ba ạ! Nhiều nhất là môn Toán, sau đến là môn Tiếng Việt. Riêng môn Mĩ thuật con cố gắng lắm chỉ được điểm tám thôi!”. Ba xoa đầu tôi rồi động viên: “Con đạt được như thế là tốt lắm. Với đà này ba tin cuối năm con sẽ là một học sinh xuất sắc. Cố gắng lên nữa nghe con! Tuần sau, ba sẽ thưởng cho con cái đồng hồ có nhạc báo thức!” Tôi thầm cảm ơn ba rất nhiều. Chính những lời động viên của ba mỗi tuần đã làm cho tôi thêm ý chí và nghị lực phấn đấu trong học tập. Cứ mỗi lần về thăm nhà, ba thường hướng dẫn thêm cho tôi phương pháp giải các bài toán và cách thức viết những câu văn hay, có hình ảnh. Tài liệu của Phương Nhung 0794862058

Mẹ bung ra một đĩa bánh kẹo, quả của ba mang về hồi chiều. Bé Thảo Ngọc thích quá vỗ tay reo: “A, kẹo ngon quá! Mẹ cho con nhiều nghe mẹ!”. Ba tôi cười tùm tùm rồi nhắc hai đứa chúng tôi: “Ăn kẹo xong, chị em nhớ đánh răng súc miệng

kêu sâu răng đấy!”. Rồi ba quay sang mẹ hỏi han về tình hình công việc nhà trong tuần qua. Mẹ tôi cười nhìn ba tôi đáp: “Hai đứa nó ngoan cả. Tuần này, cơ quan em hơi nhiều việc nên cũng lu bu nhưng anh cứ yên tâm, đầu rồi vào đấy cả!”. Biết mẹ ở nhà vất vả, vừa phải hoàn thành nhiệm vụ ở cơ quan vừa phải lo việc nhà nên mỗi tuần được nghỉ hai ngày thứ bảy và chủ nhật, ba tôi thường tranh thủ về sớm để giúp đỡ mẹ. Ba quay sang tôi nói nhỏ: “Con ráng đỡ dần thêm công việc giúp mẹ. Mẹ mà ốm ra thì ba con mình vất vả đấy con ạ! Ba trông cậy vào con gái lớn của ba đấy!”. Tôi chạy đến bên mẹ rồi nói như để ba tôi cùng nghe: “Mẹ khỏe lắm. Chẳng có bệnh tật nào làm mẹ ốm đau phải không mẹ? Nhưng ba phải thường xuyên về thăm nhà đấy. Mẹ có trông ba về không mẹ?” Mẹ tôi cười, mắng yêu tôi: “Mẹ chả chồng, chỉ có các con thôi!”

Tối thứ bảy tuần nào cũng thế, gia đình tôi luôn có được những giờ phút sum họp thật vui vẻ và đầm ấm. Hai chị em tôi thật sự hạnh phúc trong mái ấm gia đình, trong vòng tay ấm áp của ba mẹ tôi.

(Bài làm của học sinh)

ÔN TẬP HỌC KÌ I LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP

Đề số 1:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn	3	0	5	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. - Nhận ra được từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy) Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện. - Nêu được chủ đề của văn bản. - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. - Hiểu và lí phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, nêu được tác dụng của BPTT. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra.	3 TN	5TN	2TL	
2	Viết	Viết bài văn tả cảnh sinh hoạt	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn tả cảnh sinh hoạt. Sử dụng PTBD chính là miêu tả, tái hiện được chân thực, sinh động khung cảnh và nêu được những				1TL*

		thông tin về ý nghĩa của cảnh sinh hoạt				
Tổng			3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %			20	40	30	10
Tỉ lệ chung			60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn Ngữ văn lớp 6

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi

CON VỆT NGHÈO

Hằng năm, mỗi khi mùa xuân về, các giống chim và thú vật lại rủ nhau tới rừng mở hội. Nào Voi, Gấu, Hổ, Lợn Lòi... trở tài thi khéo. Nào Khi, Vượn, Sóc... đua nhau leo trèo. Còn các giống chim khác thì thi giọng hát.

Trong bầy chim muôn hình ngàn vẻ kia, có chú Vẹt áo đen. Chú ta cũng khắp khởi đi thi. Gặp ai, nó cũng khoe mình có rất nhiều giọng hát. Nhìn thấy Vượn, nó hú tiếng Vượn. Nhắc thấyẾch bì bộp nhảy ra, nó cũng hé mở "ộp ộp" luôn. Trên đường đi, gặp Họa Mi đang cố luyện giọng, Vẹt tỏ vẻ thương hại. Nó nghĩ: "Việc gì mà phải hát lên hát xuống mãi thế?". Gặp Sáo lú lo khúc hát đồng quê, Vẹt không thèm lắng nghe. Cậy mình biết hát nhiều giọng còn tuyệt vời hơn thế, nên nó huênh hoang lắm. Gặp ai, nó cũng khoe trước:

- Kì thi này, tôi chiếm giải nhất cho mà xem!

Vào cuộc thi, tất cả đều rất vui và cũng rất lo. Sẽ có và đang có ở đây biết bao nhiêu tài năng, chưa thể rõ ai xuất sắc nhất. Bởi thế, loài chim nào cũng yên lặng đợi chờ. Chỉ có Vẹt là cứ lảng xảng, chạy chỗ nọ chỗ kia, làm như mình sắp đoạt giải đến nơi.

Đã tới giờ thi tài. Giám khảo Chim Khuyên vàẾch mời các bạn trong rừng hãy hăng hái ghi tên biểu diễn. Trong lúc chờ đợi xem ai ra trước, Vẹt nhấp nhóm nhưng chưa dám xung phong. Bỗng nghe "quạc quạc", Vẹt quay lại. A, Vịt à? Vịt ra trước à? Thấy vậy, Vẹt ta liền nhảy vào hát lên một chuỗi âm thanh lú rú. Chim Khuyên nhắc bút định chấm cho Vẹt tám điểm, thì Liễu Diều kêu:

- Đây là tiếng hát của tôi!

Ban giám khảo bảo Vẹt hát lại. Vẹt liền đập cánh, vươn cổ gáy một hơi dài. Gà Trống lên tiếng:

- Đây là tiếng hát của tôi!

Vẹt tức mình, huyết một hồi lạnh lạnh. Chích Choè đứng bên cạnh nhận ngay đây là giọng hát của Chích Choè.

Giám khảoẾch liền bảo Vẹt hãy hát lên tiếng hát của chính mình. Vẹt nhướn cổ, hú rõ to. Ngay lúc đó, Vượn nhào tới túm lấy Vẹt:

- Sao lại hú tiếng của tớ?

Vẹt hoảng hốt bay lên. Nó không làm sao nghĩ ra cho được tiếng hát của mình nữa. Nó ngượng ngịu nhìn các bạn. Từ xưa đến nay, Vẹt chỉ biết bắt chước, hát theo tiếng hát của

người khác mà thôi. Nó hót đấy mà nó không hiểu gì cả. Tới lúc này, nó mới biết là nó rất nghèo. Nó không có tiếng hót riêng...

(Theo Phong Thu, NXB Kim Đồng, 2018, tr.149-151)

I. TRẮC NGHIỆM (6,0 ĐIỂM)

Câu 1: Văn bản Con Vẹt nghèo thuộc thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích B. Truyện đồng thoại C. Truyền thuyết D. Truyện thần thoại.

Câu 2: Văn bản được kể bằng lời của ai?

- A. Lời của chú Vẹt B. Lời của người kể chuyện
C. Lời của chú Éch C. Lời của chim Khuyên.

Câu 3: Tìm từ láy trong câu sau: Chỉ có Vẹt là cứ lẳng xẵng, chạy chỗ nọ chỗ kia, làm như mình sắp đoạt giải đến nơi.

- A. Đến nơi B. Đoạt giải C. Lẳng xẵng D. Chỗ nọ.

Câu 4: Vì sao Vẹt không nghĩ ra tiếng nói của riêng mình?

- A. Vẹt luôn chủ quan, kiêu ngạo.
B. Vẹt thường bắt chước tiếng hót của muôn loài.
C. Vẹt luôn cho mình là đúng.
D. Vì Vẹt có tính chủ quan, kiêu ngạo, không chú tâm học hỏi.

Câu 5: Nhận xét nào sau đây đúng với chủ đề truyện Con Vẹt nghèo?

- A. Ca ngợi tính cách tự tin, tự lập trong cuộc sống.
B. Giải thích các tiếng kêu đặc trưng riêng biệt của loài vật.
C. Phê phán những kẻ chủ quan, kiêu ngạo, không tìm tòi, sáng tạo.
D. Khẳng định tài năng bắt chước các giọng hót khác nhau của chú Vẹt.

Câu 6: Sắp xếp sự thay đổi về cảm xúc của con Vẹt theo trình tự thời gian thích hợp:

- A. Vẹt hoảng hốt vì không nghĩ ra tiếng hót của mình.
B. Vẹt ngượng nghịu vì nghèo tiếng hót.
C. Vẹt háo hức, huênh hoang về giọng hót của mình và tự tin như sắp đoạt giải.
D. Vẹt nhấp nhồm không dám thi và rồi bắt chước tiếng hót của muôn loài.
1..... 2..... 3..... 4.....

Câu 7: Văn bản Con Vẹt nghèo giúp em liên tưởng đến câu thành ngữ nào sau đây?

- A. Éch ngồi đáy giếng
B. Thuộc như cháo
C. Hót như khướu.
D. Học tài thi phận

Câu 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống:

Văn bản Con Vẹt nghèo sử dụng biện pháp tu từ chính là (1)... để hình ảnh các con vật có những hành động, lời nói như con người. Từ đó văn bản trở nên (2)....., gần gũi với đối tượng trẻ em hơn, bộc lộ được ý nghĩa mà văn bản hướng tới.

Câu 9: Em có đồng tình với hành động “bắt chước” của Vẹt hay không? Vì sao?

Câu 10: Bài học trong cuộc sống mà em rút ra từ văn bản Con Vẹt nghèo là gì?

II. TỰ LUẬN (4,0 ĐIỂM)

Tại ngôi trường em đang học tập, hằng ngày có rất nhiều cảnh sinh hoạt diễn ra dưới sân trường đầy thú vị. Em hãy tả lại một trong những cảnh sinh hoạt ấy.

(Gợi ý: Giờ ra chơi, chào cờ, múa hát sân trường,...)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	D	0,5
	5	C	0,5
	6	1-C, 2-D, 3-A, 4-B	0,5
	7	A	0,5
	8	(1) Nhân hóa , (2) Sinh động (Sống động) <i>*Lưu ý: GV linh động theo cách diễn đạt của học sinh</i>	0,5
	9	- Nêu được ý kiến: Đồng tình một phần/Không đồng tình - Lí giải được lí do lựa chọn của bản thân Gợi ý:- HS lý giải theo ý kiến đồng tình một phần vì hành động bất chước có thể làm ở một số trường hợp như: Bất chước làm việc tốt, bất chước thái độ sống đúng đắn. - HS lý giải không đồng tình vì bất chước sẽ khiến bản thân không có sự sáng tạo, không có lập trường, bản lĩnh của mình. <i>*Lưu ý: GV linh động theo cách hiểu, diễn đạt của học sinh</i>	1,0
	10	- Nêu được cụ thể bài học, ý nghĩa của bài học - Lí giải tại sao nêu ra bài học ấy	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn miêu tả	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Tả về cảnh sinh hoạt	0,25
		c. Tả cảnh sinh hoạt dưới sân trường em HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
		- Sử dụng ngôi kể thứ nhất. MB: - Giới thiệu khung cảnh sinh hoạt được tả - Thời gian, địa điểm TB: - Tả cảnh sinh hoạt chung bằng cái nhìn bao quát - Tả một số hình ảnh cụ thể, nổi bật ở cự li gần - Tả sự thay đổi của sự vật, của bức tranh sinh hoạt trong thời gian, không gian. KB: Phát biểu cảm nghĩ hoặc nêu ấn tượng chung về cảnh sinh hoạt	2.5
		d. Chính tả, ngữ pháp	0,5

	Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo. *Lưu ý: GV linh động theo cách diễn đạt của học sinh	0,5

Đề số 2:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng điểm, %
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại	3 (Câu 1,2,3)	0	5 (Câu 4,5,6,7,8)	0	0	2 (Câu 9,10)	0		6,0đ
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân	0	1*	0	1*	0	1*	0	1* (....)	4,0đ
Tổng điểm			1,5 đ	0,5 đ	2,5đ	1,5 đ	0	3,0đ	0	1,0đ	10 đ
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		100%
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chur ơng/ Chủ đề	Nội dung /Đơn vị	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụn	Vận dụng

		kiến				g	cao
1	Đọc hiểu	1. Truyện đồng thoại, truyện ngắn.	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chủ đề của văn bản. - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện thể hiện qua ngôn ngữ, giọng điệu. - Hiểu và phân tích được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể, cách kể chuyện. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Giải thích được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; nêu được tác dụng của các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản. Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. - Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. 	3 TN (Câu 1, 2, 3)	5TN (Câu 4, 5, 6, 7, 8)	2TL (Câu 9, 10)	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	1*	1*	1*	1TL
Tổng				3 TN	5TN	1 TL	1 TL

Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề

Câu 3: Từ “ào ào” trong câu “*Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng*” là

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		Đọc hiểu	6.0
	1	B	0.5
	2	A	0.5
	3	A	0.5
	4	C	0.5
	5	D	0.5
	6	D	0.5
	7	B	0.5
	8	C	0.5
	9	HS nêu được thông điệp.	0.5
	10	HS nêu được suy nghĩ về tình bạn trong cuộc sống.	1.5
II		VIẾT	
	a.	Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự	0,25
	b.	Xác định đúng yêu cầu của đề Kể lại đúng trải nghiệm của bản thân	0,25
	c.	Kể lại trải nghiệm HS có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng đúng ngôi kể: Ngôi thứ nhất. - Giới thiệu câu chuyện. - Kể lại diễn biến câu chuyện: + Giới thiệu thời gian, không gian, hoàn cảnh xảy ra câu chuyện và những nhân vật có liên quan. + Trình bày các sự việc theo trình tự rõ ràng, hợp lí. - Kết thúc câu chuyện và cảm xúc của người viết.	2,5
	d.	Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt	0,5
	e.	Sáng tạo: Lời kể sinh động, sáng tạo	0,5

Đề số 3:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị	Mức độ nhận thức				Tổng %
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng	

		kiến thức							cao		điểm
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

T T	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhậ n biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại, truyện ngắn	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> Nêu được ấn tượng chung về văn bản. Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. Nhận ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> Tóm tắt được cốt truyện. Nêu được chủ đề của văn bản. Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản. Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra. Chỉ ra được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản. 	3 TN	5TN	2TL	

2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.				1TL*
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

NĂM HỌC 2022 - 2023

ĐỀ CHÍNH THỨC

Đề gồm: 02 trang

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian giao đề)

Ngày kiểm tra:

Phần I. Đọc-hiểu (6.0 điểm)**Đọc kĩ đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

“Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút. Thỏ đuổi theo. Tấm vải rơi tròng trành trên ao nước. Thỏ vừa đặt chân xuống nước đã vội co lên. Thỏ cố khều nhưng đưa chân không tới. Một chú Nhím vừa đi đến. Thỏ thấy Nhím liền nói:

- Tôi đánh rơi tấm vải khoác!

- Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được.

Nhím nhặt chiếc que khều... Tấm vải dạt vào bờ, Nhím nhặt lên, giữ nước, quấn lên người Thỏ:

- Phải may thành một chiếc áo, có thể mới kín được.

- Tôi đã hỏi rồi. Ở đây chẳng có ai may vá gì được.

Nhím ra dáng nghĩ:

- Ủ! Muốn may áo phải có kim. Tôi thiếu gì kim.

Nói xong, Nhím xù lông. Quả nhiên vô số những chiếc kim trên mình Nhím dựng lên nhọn hoắt. Nhím rút một chiếc lông nhọn, cõi tấm vải trên mình Thỏ để may.

(Trích “Những chiếc áo ấm”, Võ Quảng)

Hãy chọn chữ cái đứng trước đáp án đúng để trả lời cho các câu hỏi từ câu 1 đến câu 8. (Mỗi câu đúng được 0.5 điểm).

Câu 1: Thể loại của đoạn trích trên là:

A. Truyện cổ tích

B. Truyện đồng thoại

C. Truyện truyền thuyết

D. Truyện ngắn

Câu 2: Đoạn trích trên được kể bằng lời của ai?

A. Lời của người kể chuyện

B. Lời của nhân vật Nhím

C. Lời của nhân vật Thỏ

D. Lời của Nhím và Thỏ

Câu 3: Nhận xét nào nêu lên đặc điểm của nhân vật trong văn bản trên?

A. Nhân vật là loài vật, sự vật được nhân cách hóa như con người.

- B. Nhân vật là loài vật, sự vật có liên quan đến lịch sử.
 C. Nhân vật là loài vật, sự vật có những đặc điểm kì lạ.
 D. Nhân vật là loài vật, sự vật gắn bó thân thiết với con người như bạn.

Câu 4: Em hiểu nghĩa của từ “tròng trành” trong câu “Tắm vải rơi tròng trành trên ao nước.” là gì?

- A. quay tròn, không giữ được thăng bằng.
 B. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại.
 C. ở trạng thái nghiêng qua nghiêng lại, không giữ được thăng bằng.
 D. ở trạng thái quay tròn, nghiêng qua nghiêng lại.

Câu 5: Thỏ đã gặp sự cố gì trong đoạn trích trên?

- A. Bị ngã khi cố với một chiếc khăn.
 B. Tắm vải của Thỏ bị gió cuốn đi, rơi trên ao nước.
 C. Bị thương khi cố khều tắm vải mắc trên cây.
 D. Đi lạc vào một nơi đáng sợ.

Câu 6: Có bao nhiêu từ láy trong đoạn văn sau?

“Gió bắc thổi ào ào qua khu rừng vắng. Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật. Mưa phùn lất phất... Bên gốc đa, một chú Thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong. Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút.”

- A. Bốn từ B. Năm từ C. Sáu từ D. Bảy từ

Câu 7: Từ ghép trong câu văn “Nhím rút một chiếc lông nhọn, cời tấm vải trên mình Thỏ để may” là những từ nào?

- A. Nhím rút, tấm vải B. Một chiếc, để may
 C. Chiếc lông, tấm vải D. Lông nhọn, trên mình

Câu 8: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong lời nhận xét sau để thể hiện đúng nhất thái độ của Nhím đối với Thỏ qua câu nói “Thế thì gay go đấy! Trời rét, không có áo khoác thì chịu sao được?”

Nhím.....cho Thỏ.

- A. Lo sợ B. Lo lắng C. Lo âu D. Lo ngại

Câu 9 (1.0 điểm): Hãy chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong câu văn sau “Những cành cây khẳng khiu chốc chốc run lên bần bật”.

Câu 10 (2.0 điểm): Từ hành động của các nhân vật trong đoạn trích, em rút ra được những bài học đáng quý nào?

Phần II. Làm văn (4.0 điểm)

Viết bài văn (khoảng 1,5 trang giấy) kể lại trải nghiệm một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh.

HƯỚNG DẪN CHẤM – GỢI Ý LÀM BÀI

Phần	Nội dung								Điểm
<u>Phần I. Đọc – hiểu</u>									4.0
Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6	Câu 7	Câu 8		

		B	A	A	C	B	C	C	D	
Mỗi câu đúng được 0.5 điểm										
Câu 9	- Biện pháp tu từ nhân hóa: <i>run lên bần bật</i> .									0.5
	- Tác dụng: + Biện pháp nhân hóa đã làm cho hình ảnh cây cối trở nên sinh động, giống như con người, cũng cảm nhận được cái rét của gió bắc. + Gợi tả khung cảnh mùa đông giá rét									0.5
Câu 2	- HS nêu được những bài học phù hợp: + Có lòng nhân ái, yêu thương mọi người + Cần biết cảm thông, thấu hiểu, giúp đỡ người khác khi họ khó khăn. + Nhanh nhẹn, linh hoạt khi gặp khó khăn,...									1.0
	(HS rút ra 1 thông điệp hợp lí thì chấm ½ số điểm; HS rút ra từ 2-3 thông điệp có diễn giải hợp lí thì chấm điểm tối đa).									
Phần II. Làm văn (4.0 điểm)										
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự Đủ 3 phần mở bài, thân bài, kết bài; các ý được sắp xếp theo một trình tự hợp lí.									0.25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh									0.25
	c. Kể về một lần em giúp đỡ người khác hoặc nhận được sự giúp đỡ từ những người xung quanh HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm. - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc. - Những ý nghĩa của trải nghiệm với bản thân.									2.5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.									0.5
	e. Sáng tạo: Bố cục rõ ràng, lời văn giàu hình ảnh, cảm xúc									0.5

ĐỀ SỐ 3:

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	- Thơ và thơ lục bát; - Thực hành tiếng Việt.	5	0	3	0	0	2	0	0	60
2	Viết	Kể lại một trải									

		nghiệm của bản thân	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
--	--	---------------------------	---	----	---	----	---	----	---	----	----

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN NGỮ VĂN 6

(Thời gian: 90 phút)

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức												Tổng			% T ôn g đ i ể m
			Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			Vận dụng cao						
			TN K Q	TL	Th ời gia n	TN K Q	TL	Th ời gia n	TN K Q	T L	Thờ i gian	T N K Q	T L	T h ờ i gia n	T N	T L	T h ờ i g i a n	
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích)./Truy ện đồng thoại, truyện ngắn	4	0		4	0		0	2		0			8	2		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân./ Kể lại một truyền thuyết hoặc truyện cổ tích.	0	1*		0	1*		0	1 *		0	1*			1		40
Tổng			20	5		20	15		0	3 0		0	10		8	3		
Tỉ lệ %			25%			35%			30%			10%						10 0 %
Tỉ lệ chung			60%						40%									

II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA:

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị KT	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thôn g hiếu	Vận dụng	VD cao
1	Đọc hiểu	Truyện dân gian (truyện thuyết, cổ tích)..	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại, phương thức biểu đạt, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được ngôi kể. Thông hiểu: - Hiểu được nghĩa của từ, cụm từ. - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nêu được chủ đề của văn bản. Vận dụng: - Trình bày được các chi tiết kì ảo trong văn bản và nêu ý nghĩa của chi tiết kì ảo đó. - Trình bày được bài học vận dụng cho bản thân từ nội dung của văn bản.	4TN	4TN	2TL	
		Truyện đồng thoại, truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại, phương thức biểu đạt, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được ngôi kể. Thông hiểu: - Hiểu được nghĩa của từ, nghĩa của thành ngữ, công dụng của dấu câu. - Hiểu được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật. - Nêu được chủ đề của văn bản. Vận dụng: - Trình bày được các chi tiết kì ảo trong văn bản và nêu ý nghĩa của chi tiết kì ảo đó. - Trình bày được bài học vận dụng cho bản thân từ nội dung của văn bản.				
2	Viết	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân bằng ngôi kể phù hợp. Sử dụng ngôi kể thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc của bản thân về trải nghiệm đó.				1TL *
Tổng				3 TN	5TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

III. ĐỀ KIỂM TRA

PHẦN I: ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

“Ngày xưa có một người tên là Yết Kiêu ở làng Hạ Bì làm nghề đánh cá. Một hôm, ông ta đi dọc theo bờ biển về làng bỗng thấy trên bãi có hai con trâu đang ghì sừng húc nhau dưới bóng trăng khuya. Sẵn đòn ổng, ông cầm xông lại phang mạnh mấy cái vào mình chúng nó. Tự dưng hai con trâu chạy xuống biển rồi biến mất. Ông rất kinh ngạc đoán biết là trâu thần. Khi nhìn lại đòn ổng thì thấy có mấy cái lông trâu dính vào đấy. Ông mừng quá bỏ vào miệng nuốt đi.

Từ đó sức khỏe của Yết Kiêu vượt hẳn mọi người, không một ai dám đương địch. Đặc biệt là có tài lội nước. Mỗi lần ông lặn xuống biển bắt cá, người ta cứ tưởng như ông đi trên đất liền. Nhiều khi ông sống ở dưới nước luôn sáu bảy ngày mới lên.

Hồi ấy có quân giặc ở nước ngoài sang cướp nước ta. Chúng cho một trăm chiếc tàu lớn tiến vào cửa biển Vạn Ninh vây bọc, bắt tất cả thuyền bè, đốt phá chài lưới. Đi đến đâu, chúng cướp của giết người gây tang tóc khắp mọi vùng duyên hải. Chiến thuyền nhà vua ra đối địch bị giặc đánh đắm mất cả. Nhà vua rất lo sợ, sai rao trong thiên hạ ai có cách gì lui được giặc dữ sẽ phong cho quyền cao chức trọng.

Yết Kiêu bèn tìm đến tâu vua rằng: “Tôi tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ chúng nó vào bụng cá”. Vua hỏi: “Nhà ngươi cần bao nhiêu người? bao nhiêu thuyền bè?”. “Tâu bệ hạ” - ông đáp - “Chỉ một mình tôi cũng có thể đương được với chúng nó”. Nhà vua mừng lắm, liền phong cho ông làm Đô thống cầm thủy quân đánh giặc”.

(Nguồn: <https://truyen-dan-gian/yet-kieu.html>)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn trích trên thuộc thể loại gì?

- A. Truyện đồng thoại
- B. Truyện cổ tích
- C. Truyện truyền thuyết
- D. Truyện ngụ ngôn

Câu 2. Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên là:

- A. Miêu tả
- B. Tự sự
- C. Biểu cảm
- D. Nghị luận

Câu 3. Câu chuyện trong đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ ba
- C. Ngôi thứ hai
- D. Ngôi thứ nhất số nhiều

Câu 4. Đoạn trích trên đã kể về sự việc nào?

- A. Hoàn cảnh xuất hiện và thân thế của Yết Kiêu
- B. Chiến công phi thường của Yết Kiêu
- C. Công trạng đánh giặc của Yết Kiêu
- D. Tài năng xuất chúng của Yết Kiêu

Câu 5. Cụm từ “*quyền cao chức trọng*” có nghĩa là gì?

- A. Người có của ăn, của để và luôn được mọi người kính nể
- B. Người có chức sắc cao, quyền thế lớn, có địa vị cao trong xã hội cũ
- C. Người giàu có nhưng không có chức quyền, vị thế, không được lòng người
- D. Người có uy tín trước mọi người, được mọi người tôn vinh.

Câu 6. Nghĩa của từ “*lo sợ*” là:

- A. Lo lắng và có phần sợ hãi.
- B. Không lo lắng
- C. Không sợ hãi
- D. Vui vẻ.

Câu 7. Điền vào chỗ chấm (...):

Chi tiết “*cầm xông lại phang mạnh mấy cái vào mình chúng nó*” của Yết Kiêu đã thể hiện tâm lòng.....

Câu 8. Dòng nào nêu chính xác nhất về nhân vật Yết Kiêu được gọi lên qua đoạn trích trên.

- A. Yết Kiêu là người có sức khỏe và tài năng hơn người, thích thể hiện năng lực bản thân trước mọi người.
- B. Yết Kiêu là người giỏi bơi lội, nhiều khi ông sống ở dưới nước luôn sáu bảy ngày mới lên.

C. Yết Kiêu là người không một ai dám đương địch, nhưng không thích thể hiện tài năng bản thân trước mọi người.

D. Yết Kiêu là người có sức khỏe và tài năng hơn người, có tinh thần yêu nước chống giặc ngoại xâm.

Câu 9. Chỉ ra ít nhất một chi tiết kì ảo có trong đoạn trích trên liên quan đến nhân vật Yết Kiêu. Theo em chi tiết đó có ý nghĩa như thế nào?

Câu 10. Từ câu nói của Yết Kiêu “*Tôi tuy tài hèn sức yếu nhưng cũng quyết cho lũ chúng nó vào bụng cá*”, em hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) trả lời câu hỏi: Để cống hiến, giúp ích cho cộng đồng em thấy bản thân mình cần phải rèn luyện những phẩm chất, năng lực gì ?

PHẦN II: VIẾT VĂN (4,0 điểm)

Hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ bên cạnh người thân hoặc gia đình em.

IV. HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA:

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I. ĐỌC HIỂU		
1	C	0,5
2	B	0,5
3	B	0,5
4	A	0,5
5	B	0,5
6	A	0,5
7	Dũng cảm	0,5
8	D	0,5
9	<ul style="list-style-type: none"> - Hs chỉ cần chỉ ra một chi tiết kì ảo: + Nhờ nhặt được và nuốt mấy cái lông trâu mà sức khỏe của Yết Kiêu vượt hẳn mọi người, không một ai dám đương địch. + Mỗi lần ông lặn xuống biển bắt cá, người ta cứ tưởng như ông đi trên đất liền. Nhiều khi ông sống ở dưới nước luôn sáu bảy ngày mới lên. - Ý nghĩa: + Làm cho câu chuyện thêm lung linh, kì ảo; thể hiện trí tưởng tượng bay bổng của người xưa. + Các chi tiết này nhằm “thần thánh hóa” năng lực chiến đấu tài giỏi của người anh hùng; tăng sự tôn kính, ngưỡng vọng với người đã được phong thần hóa thánh. 	1,0
10	<p>Để cống hiến, giúp ích cho cộng đồng em thấy bản thân mình cần phải rèn luyện những phẩm chất, năng lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết tự hào về lịch sử và truyền thống yêu nước của dân tộc. - Có ước mơ, khát vọng cao đẹp. - Cần phải rèn luyện phẩm chất: Dũng cảm, dám đấu tranh bảo vệ lẽ phải. - Chăm chỉ, tự chủ, sáng tạo trong học tập... 1,0 	1,0
PHẦN II. VIẾT VĂN		
Yêu cầu về nội dung	<p>a. Mở bài: Giới thiệu về người thân và sự việc, tình huống người thân để lại ấn tượng sâu sắc trong em.</p> <p>b. Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Lý do xuất hiện trải nghiệm. – Diễn biến của trải nghiệm: + Thời gian, địa điểm diễn ra trải nghiệm. + Ngoại hình, tâm trạng: khuôn mặt, ánh mắt, nụ cười... 	<p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>2,5</p>

	<p>+ Hành động, cử chỉ: trò chuyện, giúp đỡ...</p> <p>+ Tình cảm, cảm xúc: yêu quý, trân trọng, biết ơn...</p> <p>c. Kết bài:</p> <p>– Bài học nhận ra sau trải nghiệm.</p> <p>– Thái độ, tình cảm đối với người thân sau trải nghiệm.</p>					0,5
Tiêu chí và mức độ đánh giá	Mức độ					
	Mức 5 (Xuất sắc)	Mức 4 (Giỏi)	Mức 3 (Khá)	Mức 2 (Trung bình)	Mức 1 (Yếu)	
Chọn được trải nghiệm để kể	Lựa chọn được trải nghiệm sâu sắc	Lựa chọn được trải nghiệm có ý nghĩa	Lựa chọn được trải nghiệm để kể	Lựa chọn được trải nghiệm để kể nhưng chưa rõ ràng	Chưa có trải nghiệm để kể	
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ	
Nội dung của trải nghiệm	Nội dung trải nghiệm phong phú, hấp dẫn, sự kiện, chi tiết rõ ràng, thuyết phục.	Nội dung trải nghiệm phong phú; các sự kiện chi tiết, rõ ràng.	Nội dung trải nghiệm tương đối đầy đủ; sự kiện, chi tiết khá rõ ràng.	Nội dung trải nghiệm còn sơ sài; các sự kiện, chi tiết chưa rõ ràng, hay vụn vặt.	Chưa rõ nội dung trải viết tản mạn, vụn vặt; chưa có sự kiện hay chi tiết rõ ràng, cụ thể.	
1,25 điểm	1,25đ	1đ	0,75đ	0,5đ	0,25đ	
Bố cục, tính liên kết của văn bản	Trình bày rõ bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic, thuyết phục.	Trình bày rõ bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic.	Trình bày được bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết thể hiện được mối liên kết nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ.	Chưa thể hiện được bố cục của bài văn Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ, xuyên suốt.	Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết rõ ràng.	
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ	
Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm để kể	Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể một cách thuyết phục bằng các từ ngữ phong phú, sinh động.	Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng các từ ngữ phong phú, phù hợp.	Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng một số từ ngữ rõ ràng.	Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng một số từ ngữ chưa rõ ràng.	Chưa thể hiện được cảm xúc trước trải nghiệm được kể.	
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ	

Thông nhất về ngôi kể	Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện.	Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện.	Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng đôi chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện.	Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng nhiều chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện.	Chưa biết dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất.
0,25 điểm	0,25đ	0,2đ	0,15đ	0,1đ	0đ
Diễn đạt	Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp	Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ	Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng.	Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt.	Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ
Trình bày	Trình bày đúng quy cách VB; sạch đẹp, không gạch xoá	Trình bày đúng quy cách VB; rõ ràng, không gạch xoá.	Trình bày đúng quy cách VB; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xoá.	Trình bày quy cách VB còn đôi chỗ sai sót; chữ viết khoa học, có một vài chỗ gạch xoá.	Chưa trình bày đúng quy cách của VB; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xoá
0,25 điểm	0,25đ	0,2đ	0,15đ	0,1đ	0đ
Sáng tạo	Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo.	Bài viết có ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo.	Bài viết chưa thể hiện rõ ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo.	Bài viết không có ý tưởng và cách cách diễn đạt sáng tạo.	Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo.
0,25 điểm	0,25đ	0,2đ	0,1đ	0đ	0đ

Lưu ý: Tùy theo nội dung, cách trình bày của học sinh mà giáo viên chấm bài cần linh hoạt khi cho điểm.

ĐỀ SỐ 4:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN: NGỮ VĂN, LỚP 6

TT	Kĩ nă ng	Nội dung/đ ơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức											Tổng			%Tổn g điểm	
			Nhận biết			Thông hiểu			Vận dụng			Vận dụng cao						
			T N K Q	T L	T h ờ i g i a n	T N K Q	T L	T h ờ i g i a n	T N K Q	TL	T	T N K Q	T L	Thời gian	T N	TL	Thời gian	
1	Độ	1. Thơ	3	0		4	0		0	2		0			7	2		

	c hiể u	lục bát 2. Thực hành Tiếng Việt: Biện pháp tu từ, nghĩa của từ.														30	60	
2	Vi ết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1 *		0	1 *		0	1*		0	1*			1	60	40
Tổng			2 0	5		2 0	1 5		0	30		0	10		7	3	90	
Tỉ lệ %			25%			35%			30%			10%						100%
Tỉ lệ chung			60%						40%									

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơ n vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

1	Đọc hiểu	Thơ lục bát	Nhận biết: - Nhận biết được phương thức biểu đạt của bài thơ - Nhận biết được thể thơ - Nhận biết được từ ngữ/hình ảnh trong câu thơ Thông hiểu: - Hiểu được bài thơ là lời bày tỏ cảm xúc của ai. - Xác định được biện pháp tu từ - Hiểu được nội dung chính của bài thơ - Hiểu được nghĩa của từ Vận dụng: - Trình bày được tình cảm, cảm xúc sau khi đọc bài thơ - Trình bày được thông điệp ý nghĩa nhất sau khi đọc bài thơ	3 TN	4TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm với người thân	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm với người thân trong gia đình; dùng ngôi kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.				1TL*
Tổng				3 TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ BÀI

PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)

Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:

Cánh cò cồng năng qua sông

Chở luôn nước mắt cay nồng của cha

Cha là một dải ngân hà

Con là giọt nước sinh ra từ nguồn

Quê nghèo mưa nắng trào tuôn

Câu thơ cha dệt từ muôn thăng trầm

Thương con cha rắng sức ngâm

Khổ đau hạnh phúc nảy mầm thành hoa.

Lúa xanh xanh mướt đồng xa

Dáng quê hoà với dáng cha hao gầy

Cán h điều con lướt trời mây

Chở câu lục bát hao gầy tình cha.

(Lục bát về cha, Thích Nhuận Hạnh, Nguồn <https://sites.google.com/nhung-bai-tho-ve-gia-dinh>)

Thực hiện các yêu cầu

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của bài thơ trên?

- A. Tự sự. B. Nghị luận.
C. Biểu cảm. D. Miêu tả.

Câu 2: Bài thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ ngũ ngôn B. Thơ lục bát
C. Thơ tự do D. Thơ tám chữ

Câu 3: Bài thơ là lời bày tỏ cảm xúc của người con đối với cha, đúng hay sai?

- A. Đúng. B. Sai

Câu 4: Từ ngữ/hình ảnh nào trong hai câu thơ đầu khắc họa hình ảnh của người cha?

- A. Cánh cò. B. Cồng nằng.
C. Qua sông. D. Nước mắt cay nồng.

Câu 5: Biện pháp tu từ nào được sử dụng trong hai câu thơ: “Cha là một dải ngân hà/ Con là giọt nước sinh ra từ nguồn.”?

- A. Hoán dụ. B. Nhân hoá.
C. Ẩn dụ. D. So sánh.

Câu 6: Điền từ thích hợp vào chỗ trống trong câu sau để nêu lên được nội dung chính của bài thơ?

Bài thơ thể hiện công lao, sự vất vả của..... để cho con được hạnh phúc.

- A. Người cha B. Người con
C. Người mẹ D. Người bà

Câu 7: Nghĩa của từ “hao gầy” trong bài thơ là gì? (Điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô tương ứng)

A. Miêu tả hình ảnh người cha gầy gò, từ đó thể hiện đức hy sinh của cha	
B. Miêu tả hình ảnh quê hương nghèo khổ, từ đó thể hiện tình yêu quê hương của cha	

Câu 8: Bài thơ gợi cho em tình cảm, cảm xúc gì?

Câu 9: Nêu thông điệp ý nghĩa nhất em nhận ra được sau khi đọc xong bài thơ.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Em đã từng trải qua rất nhiều trải nghiệm, mỗi trải nghiệm đều mang lại cho em nhiều ấn tượng không bao giờ quên được. Hãy kể lại một trải nghiệm của em với người thân trong gia đình (ông ,bà ,cha ,mẹ ,anh ,chị ...)

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

I. PHẦN ĐỌC HIỂU

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I. PHẦN ĐỌC HIỂU	1	C	0,5
	2	B	0,5
	3	A	0,5
	4	D	0,5
	5	D	0,5
	6	A	0,5
	7	A – D	0,5
		B - S	0,5
	8	HS nêu ra được những tình cảm, cảm xúc của mình sau khi đọc xong bài thơ.	1,0
	9	- HS nêu được thông điệp có ý nghĩa nhất - Lý giải được thông điệp một cách hợp lý	1,0

II. PHẦN VIẾT

Tiêu chí đánh giá	Mức độ				
	Mức 5 (Xuất sắc)	Mức 4 (Giỏi)	Mức 3 (Khá)	Mức 2 (Trung bình)	Mức 1 (Yếu)
Chọn được trải nghiệm để kể	Lựa chọn được trải nghiệm sâu sắc	Lựa chọn được trải nghiệm có ý nghĩa	Lựa chọn được trải nghiệm để kể	Lựa chọn được trải nghiệm để kể nhưng chưa rõ ràng	Chưa có trải nghiệm để kể
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ
Nội dung của trải nghiệm	Nội dung trải nghiệm phong phú, hấp dẫn, sự kiện, chi tiết rõ ràng, thuyết phục.	Nội dung trải nghiệm phong phú; các sự kiện chi tiết, rõ ràng.	Nội dung trải nghiệm tương đối đầy đủ; sự kiện, chi tiết khá rõ ràng.	Nội dung trải nghiệm còn sơ sài; các sự kiện, chi tiết chưa rõ ràng, hay vụn vặt.	Chưa rõ nội dung trải nghiệm viết tản mạn, vụn vặt; chưa có sự kiện hay chi tiết rõ ràng, cụ thể.
1,25 điểm	1,25đ	1đ	0,75đ	0,5đ	0,25đ
Bố cục, tính liên kết của văn bản	Trình bày rõ bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic, thuyết phục.	Trình bày rõ bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết được liên kết chặt chẽ, logic.	Trình bày được bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết thể hiện được mối liên kết nhưng đôi chỗ chưa chặt chẽ.	Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết chặt chẽ, xuyên suốt.	Chưa thể hiện được bố cục của bài văn; Các sự kiện, chi tiết chưa thể hiện được mối liên kết rõ ràng.
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ

Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm để kể	Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể một cách thuyết phục bằng các từ ngữ phong phú, sinh động.	Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng các từ ngữ phong phú, phù hợp.	Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng một số từ ngữ rõ ràng.	Thể hiện cảm xúc trước trải nghiệm được kể bằng một số từ ngữ chưa rõ ràng.	Chưa thể hiện được cảm xúc trước trải nghiệm được kể.
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ
Thông nhất về ngôi kể	Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện.	Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất, nhất quán trong toàn bộ câu chuyện.	Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng đôi chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện.	Dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất nhưng nhiều chỗ chưa nhất quán trong toàn bộ câu chuyện.	Chưa biết dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất.
0,25 điểm	0,25đ	0,2đ	0,15đ	0,1đ	0đ
Diễn đạt	Hầu như không mắc lỗi về chính tả, từ ngữ, ngữ pháp	Mắc rất ít lỗi diễn đạt nhỏ	Bài viết còn mắc một số lỗi diễn đạt nhưng không trầm trọng.	Bài viết còn mắc khá nhiều lỗi diễn đạt.	Bài viết còn mắc rất nhiều lỗi diễn đạt
0,5 điểm	0,5đ	0,4đ	0,3đ	0,2đ	0,1đ
Trình bày	Trình bày đúng quy cách VB; sạch đẹp, không gạch xóa	Trình bày đúng quy cách VB; rõ ràng, không gạch xóa.	Trình bày đúng quy cách VB; chữ viết rõ ràng, có ít chỗ gạch xóa.	Trình bày quy cách VB còn đôi chỗ sai sót; chữ viết khoa học, có một vài chỗ gạch xóa.	Chưa trình bày đúng quy cách của VB; chữ viết khó đọc, có nhiều chỗ gạch xóa
0,25 điểm	0,25đ	0,2đ	0,15đ	0,1đ	0đ
Sáng tạo	Bài viết có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo.	Bài viết có ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo.	Bài viết chưa thể hiện rõ ý tưởng hoặc cách diễn đạt sáng tạo.	Bài viết không có ý tưởng và cách cách diễn đạt sáng tạo.	Bài viết không có ý tưởng và cách diễn đạt sáng tạo.
0,25 điểm	0,25đ	0,2đ	0,1đ	0đ	0đ

ĐỀ SỐ 5:

A. MA TRẬN

	Kĩ	Nội dung/đơn vị	Mức độ nhận thức	Tổng
--	-----------	------------------------	-------------------------	-------------

T T	nă g	kiến thức	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		% điểm
			TNK Q	T L	TNK Q	T L	TNK Q	TL	TNK Q	TL	
1	Đ o c h i e u	Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích).	3	0	5	0	0	2	0		60
2	V i e t	Viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
		.									
T o n g			3TN		5 TN			2 TL			100
T ỉ l ệ %			20%		40%		30%		10%		
T ỉ l ê c h u n g			60%				40%				

B. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

T T	Ch o n g / C h ủ đ ề	N ội d u n g/ Đ ơn v ị k iến th ức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nh ậ n b i ế t	Th o n g h i e u	V ậ n d ụ n g	V ậ n d ụ n g c a o
1	Đ o c h i e u	1. Truyện dân gian (truyền thuyết, cổ tích).	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, đề tài, cốt truyện, lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba. - Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu trong văn bản. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt được cốt truyện. - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua ngoại hình, cử 	3 TN	5TN	2TL	

			<p>chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.</p> <p>- Nêu được chủ đề của văn bản.</p> <p>- Xác định được nghĩa thành ngữ thông dụng, yếu tố Hán Việt thông dụng; các biện pháp tu từ (ẩn dụ, hoán dụ), công dụng của dấu chấm phẩy, dấu ngoặc kép được sử dụng trong văn bản.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử từ văn bản gợi ra.</p> <p>- Trình bày được điểm giống nhau và khác nhau giữa hai nhân vật trong hai văn bản.</p>				
2	Viết	. Viết bài văn kể lại một truyện truyền thuyết hoặc cổ tích	<p>Nhận biết: Viết được bài văn kể lại một truyền thuyết hoặc cổ tích.</p> <p>Thông hiểu: Trình bày theo trình tự nhất định. Có thể sử dụng ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba, kể bằng ngôn ngữ của mình trên cơ sở tôn trọng cốt truyện của dân gian.</p> <p>Vận dụng: Biết vận dụng ngôn ngữ, kĩ năng kể bài thể hiện cảm xúc trước câu chuyện được kể.</p> <p>Vận dụng cao: Có sáng tạo, có cảm xúc sâu sắc</p>	1TL*	1TL*	1TL*	1TL*
Tổng				3 TN 1TL*	5 TN 1TL*	2 TL 1TL*	1TL*
Tỉ lệ %				20%	40%	30%	10%
Tỉ lệ chung				60%		40%	

Ghi chú: Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

C. ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

|Con Rồng cháu Tiên

Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lên sống trên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ.

Thần giúp nhân dân diệt trừ Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh là những loài yêu quái bấy lâu làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần, thần mới hiện lên.

Bấy giờ, ở vùng núi cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần, nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu thương, rồi trở thành vợ chồng, cùng nhau chung sống trên cạn ở điện Long Tráng.

Ít lâu sau, Âu Cơ có mang đến kì sinh nở. Chuyện thật lạ, nàng sinh ra một cái bọc trăm trứng nở ra một trăm con trai, con nào con ấy hồng hào, đẹp đẽ lạ thường. Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần.

Thế rồi một hôm, Lạc Long Quân vốn quen ở nước, cảm thấy mình không thể sống mãi trên cạn được, đành từ biệt Âu Cơ và đàn con để trở về thủy cung với mẹ. Âu Cơ ở lại một mình nuôi đàn con, tháng ngày chờ mong, buồn tủi. Cuối cùng nàng gọi chồng lên và than thở.

– Sao chàng bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi đàn con nhỏ?

Lạc Long Quân nói:

– Ta vốn nòi rồng ở miền nước thẳm, nàng là giòng tiên ở chốn non cao. Kẻ ở cạn, người ở nước, tính tình tập quán khác nhau, khó mà ăn ở cùng nhau một nơi lâu dài được. Nay ta đưa năm mươi con xuống biển, nàng đưa năm mươi con lên núi, chia nhau cai quản các phương. Kẻ miền núi, người miền biển, khi có việc gì thì giúp đỡ lẫn nhau, đừng quên lời hẹn.

Âu Cơ và trăm con nghe theo, rồi cùng nhau chia tay nhau lên đường.

Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là con Rồng cháu Tiên.

(Theo Nguyễn Đồng Chi In trong sách ngữ văn 6 tập một NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

Lựa chọn đáp án đúng nhất:

Câu 1. Truyện *Con rồng cháu tiên* thuộc thể loại nào?

A. Truyện cổ tích

B. Truyện đồng thoại

C. Truyện thuyết

D. Thần thoại

Câu 2. Câu chuyện trên được kể theo ngôi thứ mấy?

A. Ngôi thứ nhất

B. Ngôi thứ ba.

C. Ngôi thứ hai

D. Cả ngôi thứ nhất và ngôi thứ ba

Câu 3: Ý nghĩa nào sau đây **không đúng** với truyện *Con Rồng cháu Tiên*?

A. Giải thích, suy tôn nguồn gốc của dân tộc Việt Nam.

B. Thể hiện niềm tự hào dân tộc về giồng nòi cao quý

C. Thể hiện ý thức đánh giặc ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền dân tộc

D. Thể hiện ước nguyện đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau của cộng đồng người Việt

Câu 4: Khái niệm chính xác nhất về truyện truyền thuyết?

A. Loại truyện dân gian, kể về nhân vật, sự kiện liên quan tới lịch sử dân tộc, sử dụng các yếu tố hoang đường kì ảo.

B. Những câu chuyện hoang đường, li kì

C. Những câu chuyện kể hiện thực thông qua hình tượng nghệ thuật

D. Những câu chuyện có thật

Câu 5: “Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long nữ, tên là Lạc Long Quân.” . . Từ in đậm trong câu văn thuộc loại trạng ngữ nào?

A. Trạng ngữ chỉ mục đích

B. Trạng ngữ chỉ nơi chốn

C. Trạng ngữ chỉ nguyên nhân

D. Trạng ngữ chỉ thời gian

Câu 6: Hai nhân vật chính được đề cập đến trong truyện Con Rồng cháu Tiên là ai?

A. Thần Nông và Thần Long Nữ.

B. Vua Hùng và Lạc Long Quân.

C. Một trăm người con của Lạc Long Quân và Âu Cơ.

D. Lạc Long Quân và Âu Cơ

Câu 7: Lạc Long Quân là ai?

A. Con trai thần Long Nữ, thuộc giống rồng, sinh sống ở dưới nước.

B. Người có sức khỏe vô địch và có nhiều phép lạ.

C. Người thường xuyên giúp đỡ nhân dân diệt trừ yêu quái; dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở.

D. Tất cả đều đúng.

Câu 8 : Trong câu văn “Đàn con không cần bú mớm mà tự lớn lên như thổi, mặt mũi khôi ngô, khỏe mạnh như thần, từ ghép khôi ngô có nghĩa là gì?:

A. Đầu óc sáng sủa thông minh

B. Vẻ mặt sáng sủa thông minh

C. Vóc dáng to khỏe béo tốt

D. Trí tuệ minh mẫn

Thực hiện yêu cầu:

Câu 9: Nêu một số câu ca dao, tục ngữ nói về ý nguyện mà ông cha ta muốn nhắn nhủ trong truyện Con Rồng cháu Tiên .

Câu 10: Sau khi đọc câu chuyện “Con Rồng cháu Tiên” em thấy mình cần có những việc làm cụ thể nào để thể hiện tinh thần đoàn kết.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Hãy kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	B	0,5
	3	C	0,5
	4	A	0,5
	5	D	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	B	0,5
	9	- HS nêu được ít nhất 2 câu thành ngữ họa tục ngữ nói về tinh thần đoàn kết .	1,0
	10	. HS nêu được ít nhất 2 việc làm cụ thể biểu hiện tinh thần đoàn kết.	1,0

II	VIẾT	4,0
	a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự	0,25
	b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em.	0,25
	c. Kể lại một truyện cổ tích bằng lời văn của em. HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể phù hợp. - Giới thiệu được câu chuyện cổ tích định kể. - Giới thiệu được nhân vật chính, các sự kiện chính trong câu chuyện: bắt đầu - diễn biến - kết thúc. - Bài học của truyện cổ tích.	2.5
	d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ SỐ 6:**MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ MINH HỌA
MÔN NGỮ VĂN****MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 6- THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện đồng thoại,	Nhận biết: - Nhận biết được chi tiết tiêu biểu, nhân vật, thể loại. (1) - Nhận biết được người kể chuyện ngôi thứ nhất và người kể chuyện ngôi thứ ba (2) Thông hiểu: - Hiểu được công dụng của trạng ngữ. (3) - Phân tích được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hình dáng, cử chỉ, hành động, ngôn ngữ, ý nghĩ của nhân vật.(4) - Hiểu được nghĩa của từ ghép trong văn bản. (5) Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ, cách ứng xử do văn bản gợi ra. (6) - Trình bày ý kiến về hành động của nhân vật.(7)	4 TN	4TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ	1*	1*	1*	1TL*

			nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.				
Tổng				4 TN	4T N	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung				60			40

ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I**Môn Ngữ văn lớp 6***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề***I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

Đọc ngữ liệu sau và trả lời câu hỏi:

CÂU CHUYỆN VỀ CHIM ÉN VÀ DẾ MÈN

Mùa xuân, đất trời đẹp. Dế Mèn thơ thẩn ở cửa hang, hai con Chim Én thấy tội nghiệp bèn rủ Dế Mèn dạo chơi trên trời. Mèn hốt hoảng. Nhưng sáng kiến của Chim Én rất giản dị: Hai Chim Én ngậm hai đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa. Thế là cả ba cùng bay lên. Mây nồng nàn, đất trời gợi cảm, cỏ hoa vui tươi.

Dế Mèn say sưa. Sau một hồi lâu miên man Mèn ta chợt nghĩ bụng: “Ồ hay, việc gì ta phải gánh hai con én này trên vai cho mệt nhỉ. Sao ta không quăng gánh nợ này đi để dạo chơi một mình có sướng hơn không?”. Nghĩ là làm. Nó bèn há mồm ra và nó rơi vèo xuống đất như một chiếc lá lìa cành.

(Theo Đoàn Công Lê Huy trong mục “Trò chuyện đầu tuần” của báo Hoa học trò số 1056. 21/4/2014)

Lựa chọn đáp án đúng:**Câu 1.** Từ “Mùa xuân” trong câu “Mùa xuân, đất trời đẹp.” là trạng ngữ chỉ gì?

- A. Thời gian. B. Nơi chốn.
C. Cách thức. D. Phương tiện.

Câu 2. Từ ghép “Giản dị” có nghĩa là: “đơn sơ không cầu kì, kiểu cách” đúng hay sai?(3)

- A. Đúng
B. Sai

Câu 3. “Câu chuyện về Chim Én và Dế Mèn” được viết theo thể loại nào?(1)

- A. Truyện cổ tích. B. Truyện đồng thoại.
C. Truyền thuyết. D. Thần thoại.

Câu 4. Xác định ngôi kể trong câu chuyện trên. (2)

- A. Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ ba.
C. Ngôi thứ hai. D. Không có ngôi kể.

Câu 5. Chim Én giúp Dế Mèn đi chơi bằng cách nào? (1)

- A. Chim Én cõng Dế Mèn trên lưng cùng bay đi.
B. Dế Mèn đi một mình, còn Chim Én bay trên cao chỉ đường.
C. Hai Chim Én ngậm 2 đầu của một cọng cỏ khô. Mèn ngậm vào giữa.
D. Hai Chim Én ngậm một cọng cỏ khô. Dế Mèn leo lên lưng Chim Én.

Câu 6. Hành động của hai Chim Én khi giúp Dế Mèn thể hiện phẩm chất gì? (4)

- A. Đoàn kết. B. Kiên trì
C. Nhân ái. D. Dũng cảm.

Câu 7 Nhân vật chính trong câu chuyện trên là ai? (1)

- A. Chim Én, Dế Mèn. B. Dế Mèn.
C. Chim Én. D. Dế Choắt.

Câu 8. Tại sao Chim Én muốn đưa Dế Mèn cùng đi chơi?(4)

- A. Vì yêu thương bạn
 B. Vì muốn chia sẻ niềm vui.
 C. Vì Dế Mèn đang buồn.
 D. Vì Dế Mèn nhờ giúp đỡ.

Câu 9 Em có đồng ý với cử chỉ và hành động của Dế Mèn trong câu chuyện không? Vì sao?
 (7)

Câu 10 Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc văn bản “Câu chuyện về Chim én và Dế Mèn”.(6)

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	A	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	C	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	HS tự nêu ý kiến của mình và giải thích ý kiến của mình.	1,0
	10	- HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học mà bản thân tâm đắc nhất. - Lí giải được lý do nêu bài học ấy.	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Kể lại một trải nghiệm	0,25
		c. Kể lại trải nghiệm của bản thân HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể thứ nhất. - Giới thiệu được trải nghiệm của bản thân. - Các sự kiện chính trong trải nghiệm: bắt đầu – diễn biến – kết thúc.	3,0

		- Cảm xúc sau trải nghiệm đó.	
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.	0,25

BÀI 6: ÔN TẬP TRUYỆN KỂ VỀ NHỮNG NGƯỜI ANH HÙNG

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:**

- Xác định được người kể chuyện ngôi thứ ba; nắm được cốt truyện; nhận biết và phân tích được một số chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, suy nghĩ,... của nhân vật Sơn. Từ đó hiểu đặc điểm nhân vật và nội dung của truyện;
- Nêu được một số điểm giống nhau và khác nhau của hai nhân vật: cô bé bán diêm và bé Hiên;

2. Năng lực**a. Năng lực chung**

Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác...

b. Năng lực riêng biệt:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Gió lạnh đầu mùa; Con chào mào.*
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Gió lạnh đầu mùa; Con chào mào.*
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của truyện với các truyện có cùng chủ đề;

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: tích cực học tập, chuẩn bị bài ở nhà làm bài tập đầy đủ trên lớp
- Trung thực: làm bài tập nghiêm túc, báo cáo đúng kết quả học tập
- Trách nhiệm: có trách nhiệm trong đảm nhận và hoàn thành nhiệm vụ của nhóm.
- Nhân ái: Nhận thức được ý nghĩa của tình yêu thương; biết quan tâm, chia sẻ với mọi người.

II. NỘI DUNG**ÔN TẬP VĂN BẢN: THÁNH GIÓNG****I. Khái niệm**

- Truyện truyền thuyết là loại truyện dân gian, có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về các sự việc và nhân vật liên quan đến lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc phong tục, cảnh vật địa phương theo quan niệm của nhân dân.

- Phân loại truyền thuyết

+ Truyền thuyết thời Hùng Vương - thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Đặc điểm: gắn với việc giải thích nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời đại vua Hùng.

+ Truyền thuyết của các triều đại phong kiến. Đặc điểm: bám sát lịch sử hơn, và sử dụng ít yếu tố hoang đường, kì ảo hơn các truyền thuyết thời Hùng Vương.

1. Tìm hiểu chung

- **Thể loại:** Truyện truyền thuyết.
- **Phương thức biểu đạt chính:** Tự sự.
- **Bố cục văn bản:** Văn bản chia làm 4 phần
- Phần 1: Từ đầu đến "...đặt đâu nằm đấy" (Sự ra đời của Thánh Gióng)
- Phần 2: Tiếp đến "...cứu nước" (Sự lớn lên của Thánh Gióng)
- Phần 3: Tiếp đến "...bay lên trời" (Thánh Gióng đánh giặc và về trời)
- Phần 4: Còn lại (các dấu tích còn lại)

2. Các sự việc chính

- Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng
- Thánh Gióng biết nói nhận nhiệm vụ đi đánh giặc
- Thánh Gióng lớn nhanh như thổi
- Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ cưỡi ngựa sắt đi đánh giặc và đánh tan giặc.
- Thánh Gióng bay về trời
- Vua phong Gióng là Phù Đổng thiên vương, những dấu tích còn lại

3. Tóm tắt

Vào đời Hùng Vương thứ 6 có hai vợ chồng ăn ở phúc đức nhưng mãi không có con. Một hôm bà vợ ra đồng thấy vết chân to và lạ bà ước thử về nhà bà thụ thai 12 tháng sau sinh ra một cậu bé khôi ngô tuấn tú, nhưng lên ba tuổi không biết nói, không biết cười. Mãi tới khi sứ giả loan tin tìm người đánh giặc, gióng cất tiếng nói đòi đi đánh giặc, Cậu bé lớn nhanh như thổi, cậu bé vươn vai trở thành một tráng sĩ người cao hơn trượng cưỡi ngựa sắt, cầm roi sắt đi giết giặc, roi sắt gãy Gióng nhổ cụm tre bên đường để đánh giặc. Giặc tan Thánh Gióng một mình một ngựa từ từ bay lên trời, nhân dân hàng năm lập đền thờ để tưởng nhớ. Các ao hồ, những bụi tre đằng ngà đều vàng óng là những dấu tích còn lại của Gióng.

Tài liệu của Nhung

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Thánh Gióng ra đời kì lạ

- Truyền thuyết Thánh Gióng có nhiều nhân vật (bố mẹ, dân làng, vua, sứ giả...) nhưng nhân vật chính là Thánh Gióng. Nhân vật này được xây dựng bằng rất nhiều chi tiết tưởng tượng có tính chất kì ảo: sinh ra khác thường (bà mẹ chỉ ước vào vết chân lạ mà thụ thai); thụ thai đến mười hai tháng; ba tuổi mà chẳng biết đi đứng, nói cười; khi giặc đến thì bỗng dưng biết nói và lớn nhanh như thổi, sức khỏe vô địch; đánh tan giặc lại bay về trời.

* *Tiếng nói đầu tiên của cậu bé lên ba là tiếng nói đòi đi đánh giặc.*

- Ca ngợi tinh thần yêu nước của dân tộc VN. Đề cao ý thức trách nhiệm của mỗi người dân đối với đất nước. Tài liệu của Nhung
- Truyền thống dân tộc, dòng máu yêu nước, ý chí quyết tâm của một dân tộc không bao giờ chịu khuất phục trước kẻ thù. Tài liệu của Nhung
- Hình ảnh cậu bé làng Gióng là h/a của nhân dân lao động VN cần cù, lam lũ. Họ lặng lẽ làm ăn, nhưng khi có giặc ngoại xâm thì họ đứng cảm đứng lên, trở thành anh hùng.

=> Tiếng nói đầu tiên của Gióng là tiếng nói đòi đi đánh giặc. Chi tiết này chứng tỏ nhân dân ta luôn có ý thức chống giặc ngoại xâm. Khi có giặc, từ người già đến trẻ con đều sẵn sàng

đánh giặc cứu nước. Đây là một chi tiết thần kì: chưa hề biết nói, biết cười, ngay lần nói đầu tiên, chú bé đã nói rất rõ ràng về một việc hệ trọng của đất nước. Thứ hai, Gióng đòi ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt để đánh giặc. Gióng không đòi đồ chơi như những đứa trẻ khác mà đòi vũ khí, những vật dụng để đánh giặc. Đây cũng là một chi tiết thần kì. Gióng sinh ra đã là một anh hùng và điều quan tâm duy nhất của vị anh hùng đó là đánh giặc.

** Bà con dân làng vui lòng góp gạo nuôi Gióng.*

- Gióng sinh ra từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng, sức mạnh của Gióng là sức mạnh của nhân dân => kết tinh sức mạnh yêu nước, đoàn kết, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước của nhân dân. Tài liệu của Nhung tây

=> Niềm tin đánh thắng giặc.

** Gióng lớn nhanh như thổi, vươn vai thành tráng sĩ.*

- Hình ảnh kì vĩ, đẹp đẽ, phi thường của Gióng đã thể hiện sức bật mạnh mẽ của nhân dân. Khi vận mệnh dân tộc bị đe dọa, con người VN vươn lên với một tầm vóc phi thường.

- Quan niệm của cha ông về người anh hùng: khổng lồ về thể xác, oai phong lẫm liệt, mạnh mẽ về tài trí, phi thường về nhân cách.

** Roi sắt gãy, Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc.*

- Vũ khí của người anh hùng làng Gióng không chỉ là roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt hiện đại mà còn là vũ khí thô sơ, vốn rất quen thuộc với nhân dân như tre ngà. Với lòng yêu nước, những gì có thể giết giặc đều được biến thành vũ khí.

- Ngợi ca sức mạnh của Gióng. Tài liệu của Phương Nhung 0794862058

** Đánh giặc xong, Gióng cởi áo giáp sắt để lại, rồi bay thẳng về trời.*

=> Hình ảnh - khung cảnh đẹp, nên thơ, là sự thăng hoa trong trí tưởng của người xưa.

- Gióng là người anh hùng không đòi hỏi công danh, lợi lộc. Chàng đã hoàn thành sứ mệnh dẹp giặc và ra đi => nâng cao vẻ đẹp của người anh hùng, đó cũng là phẩm chất chung vĩ đại của người anh hùng.

- Trong quan niệm dân gian, những cái gì tốt đẹp, cao quý thì không mất đi mà trở thành bất tử. Gióng bay về trời là về với nguồn gốc cao đẹp của mình và chỉ nơi đó mới xứng đáng với người anh hùng.

- Nhân dân ngưỡng mộ, trân trọng: sống mãi với non sông.

2. Ý nghĩa của hình tượng Thánh Gióng:

- Thánh Gióng là hình tượng tiêu biểu của người anh hùng chống giặc ngoại xâm.

- Gióng được sinh ra từ nhân dân, do nhân dân nuôi dưỡng. Gióng đã chiến đấu bằng tất cả tinh thần yêu nước, lòng căm thù giặc của nhân dân. Sức mạnh của Gióng không chỉ tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân, đó còn là sức mạnh của sự kết hợp giữa con người và thiên nhiên, bằng cả vũ khí thô sơ và hiện đại.

- Từ truyền thống đánh giặc cứu nước, nhân dân ta đã thần thánh hoá những vị anh hùng trở thành những nhân vật huyền thoại, tượng trưng cho lòng yêu nước, sức mạnh quật khởi của dân tộc. Tài liệu của Nhung tây

3. Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật:

- Hình tượng *Thánh Gióng* là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường của dân tộc. Truyền thuyết thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc.

- Truyện “Thánh Gióng” sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để lí tưởng hoá người anh hùng lịch sử; thể hiện quan niệm, cách đánh giá của nhân dân về người anh hùng.

BÀI VĂN THAM KHẢO

Trong kho tàng truyền thuyết Việt Nam, chủ đề đánh giặc ngoại xâm bảo vệ đất nước là chủ đề phổ biến. Một trong những truyền thuyết thuộc chủ đề trên không thể không nhắc đến “Thánh Gióng”.

Truyện nằm trong hệ thống truyền thuyết về thời đại Hùng Vương dựng nước. Qua câu chuyện này ta thấy ngay từ buổi đầu dựng nước, dân tộc ta đã phải đối mặt với nạn giặc xâm lược, công cuộc dựng nước luôn gắn liền với công cuộc giữ nước, đồng thời thấy được tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí quyết tâm chống giặc ngoại xâm của ông cha.

Hình tượng Thánh Gióng là biểu tượng cho tinh thần yêu nước, sức chiến đấu kiên cường, quật khởi của dân tộc ta. Thánh Gióng được sinh ra một cách thần kì, bà mẹ đi ra đồng ướm chân vào một bàn chân lớn, về nhà bà thụ thai, mười hai tháng sau sinh ra Thánh Gióng – một cậu bé khôi ngô tuấn tú, nhưng lên ba vẫn chưa biết nói, biết cười, đặt đâu nằm đấy. Và cậu bé ấy chỉ cất tiếng nói khi nghe sứ giả tìm người đi đánh giặc. Lời nói đầu tiên của cậu chính là lời xin đi đánh giặc cứu nước, điều đó cho thấy ý thức công dân của con người phi thường này.

Kể từ hôm gặp sứ giả, Thánh Gióng cơm ăn không biết no, áo mặc mấy cũng không vừa. Điều đó khiến cho bố mẹ Gióng phải nhờ đến dân làng giúp sức, mang gạo sang nuôi Gióng. Chi tiết này cho thấy rõ lòng yêu nước và sức mạnh tình đoàn kết của dân tộc ta. Khi có giặc đến dân ta đồng lòng, giúp sức để đánh đuổi giặc xâm lược, hơn thế nữa sự trưởng thành của người anh hùng Thánh Gióng còn cho thấy, sự lớn mạnh của Gióng xuất phát từ nhân dân, được nhân dân nuôi dưỡng mà lớn lên. Gióng lớn nhanh như thổi. Khi giặc đến chân núi Trâu cậu bé ba tuổi vươn vai trở thành một tráng sĩ, oai phong và lẫm liệt. Sự lớn lên của Gióng càng đậm tô hơn mối quan hệ giữa sự nghiệp cứu nước và người anh hùng. Để đáp ứng yêu cầu lịch sử, Gióng phải lớn nhanh để phù hợp với hoàn cảnh của đất nước, Gióng phải khổng lồ về vóc dáng, ý chí thì mới có thể đảm đương được trọng trách lúc bấy giờ.

Bằng sức mạnh phi thường, Gióng đánh tan hết lớp giặc này đến lớp giặc khác. Khi roi sắt gãy, Thánh Gióng không hề nao núng, nhổ những bụi tre ven đường để tiếp tục chiến đấu với kẻ thù cho đến khi chúng hoàn toàn bị tiêu diệt. Để làm nên những chiến công thần kỳ, không chỉ có những thứ vũ khí hiện đại (roi sắt, áo giáp sắt) mà còn là cả những vũ khí thô sơ nhất (bụi tre). Sau khi đánh tan giặc xâm lược, Gióng đến chân núi Sóc rồi bỏ lại áo giáp một mình một ngựa bay về trời. Người anh hùng sau khi hoàn thành nhiệm vụ cứu nước không màng danh lợi, phần thưởng, trở về tiên giới. Gióng đến trần gian chỉ với một mục đích duy nhất đó là dẹp quân xâm lược để mang lại bình yên cho nhân dân, cho đất nước. Điều đó càng đậm tô hơn nữa phẩm chất anh hùng của Thánh Gióng. Đồng thời chi tiết này cũng thể hiện sự bất tử của Gióng trong lòng nhân dân. Gióng về trời cũng là về cõi vô biên, bất tử mãi mãi trường tồn cùng đất nước, dân tộc.

Tác phẩm là sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố thần kì (sinh nở thần kì, lớn nhanh như thổi, bay về trời) với hình tượng người anh hùng. Thánh Gióng là một hình ảnh đẹp để biểu tượng cho lòng yêu nước và sức mạnh quật khởi của dân tộc ta trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm xâm lược.

III. LUYỆN TẬP

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Tác phẩm *Thánh Gióng* thuộc thể loại truyện dân gian nào?

- A. Cổ tích. B. Thần thoại.
C. Truyền thuyết. D. Ngụ ngôn.

Câu 2: Phát biểu nào sau đây nói đúng nhất về nhân vật Thánh Gióng trong truyền thuyết *Thánh Gióng*?

- A. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng từ hình ảnh những người anh hùng có thật thời xưa.
B. Thánh Gióng là nhân vật được xây dựng dựa trên truyền thống tuổi trẻ anh hùng trong lịch sử và từ trí tưởng tượng bắt nguồn từ tinh thần yêu nước của nhân dân.
C. Thánh Gióng là một cậu bé kì lạ chỉ có trong thời kì đầu dựng nước.
D. Thánh Gióng là nhân vật do nhân dân tưởng tượng hư cấu nên để thể hiện khát vọng chinh phục thiên nhiên.

Câu 3: Đề ghi nhớ công ơn của Thánh Gióng, vua Hùng đã phong cho Thánh Gióng danh hiệu gì?

- A. Phù Đổng Thiên Vương B. Lưỡng quốc Trạng nguyên.
C. Bô Cái Đại Vương D. Đức Thánh Tản Viên

Câu 4: Ý nghĩa hình tượng Thánh Gióng là gì?

- A. Tượng trưng cho sức mạnh của tinh thần đoàn kết toàn dân
B. Biểu tượng về lòng yêu nước, sức mạnh chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta.
C. Ước mơ của nhân dân ta về hình mẫu lí tưởng của người anh hùng chống giặc ngoại xâm thời kì đầu dựng nước.
D. Tất cả đều đúng

Câu 5: Trong truyện *Thánh Gióng*, cậu bé Gióng cất tiếng nói đầu tiên khi nào?

- A. Khi Gióng được sáu tuổi và đòi đi chăn trâu.
B. Khi cha mẹ Gióng bị bệnh và qua đời.
C. Khi nghe sứ giả của nhà vua thông báo công chúa kén phò mã.
D. Khi nghe sứ giả của nhà vua đi loan truyền tìm người tài giỏi cứu nước, phá giặc Ân.

2. Luyện đề Đọc – Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Bấy giờ có giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta. Thế giặc mạnh, nhà vua lo sợ, bèn sai sứ giả đi khắp nơi rao tìm người tài giỏi cứu nước. Đứa bé nghe tiếng rao, bỗng đứng cất tiếng nói: “ Mẹ ra mời sứ giả vào đây”. Sứ giả vào, đứa bé bảo: “ Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này”. Sứ giả vừa kinh ngạc, vừa mừng rỡ, vội vàng về tâu vua. Nhà vua truyền cho thợ ngày đêm làm gấp những vật chú bé dặn

Càng lạ hơn nữa, từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi. Cơm ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc xong đã căng đứt chỉ. Hai vợ chồng làm ra bao nhiêu cũng không đủ nuôi con, đành phải chạy nhờ bà con, làng xóm. Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước”.

(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều, tập 1- trang 16)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn. Nhân vật chính trong truyện là

ai?

Câu 2: Câu nói đầu tiên của nhân vật chú bé là gì? Chú bé nói câu nói đó trong hoàn cảnh nào?

Câu 3: Cho biết ý nghĩa của chi tiết: “*Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước*”.

Câu 4: Hãy lí giải vì sao hội thi thể thao trong nhà trường thường mang tên “Hội khoẻ Phù Đổng”? Tài liệu của Nhung tây 0794862058

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

Nhân vật chính trong truyện là Thánh Gióng.

Câu 2:

- Câu nói đầu tiên của nhân vật chú bé: “*Ông về tâu với vua sắm cho ta một con ngựa sắt, một cái roi sắt và một tấm áo giáp sắt, ta sẽ phá tan lũ giặc này*”.

- **Hoàn cảnh của câu nói:** Khi giặc Ân đến xâm phạm bờ cõi nước ta; thế giặc mạnh, đất nước cần người tài giỏi cứu nước.

Câu 3:

- Ý nghĩa của chi tiết: “*Bà con đều vui lòng gom góp gạo nuôi chú bé, vì ai cũng mong chú giết giặc, cứu nước*” :

+ Sức mạnh của Gióng được nuôi dưỡng bằng cái bình thường, giản dị.

+ Đồng thời còn nói lên truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết của dân tộc thuở xưa.

=> Gióng đâu chỉ là con của một bà mẹ mà là con của cả làng, của nhân dân. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của toàn dân.

Câu 4:

- Hội khoẻ Phù Đổng là hội thi dành cho lứa tuổi thiếu niên, lứa tuổi Thánh Gióng trong thời đại mới.

- Hình ảnh Thánh Gióng là hình ảnh của sức mạnh, của tinh thần chiến thắng rất phù hợp với ý nghĩa của một hội thi thể thao.

- Mục đích của hội thi là rèn luyện thể lực, sức khoẻ để học tập, lao động, góp phần bảo vệ và xây dựng Tổ quốc sau này.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Giặc đã đến chân núi Trâu¹ Thế nước rất nguy, người người hoảng hốt. Vừa lúc đó, sứ giả đem ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt đến. Chú bé vùng dậy, vươn vai một cái bỗng biến thành một tráng sĩ mình cao hơn trượng, oai phong, lẫm liệt. Tráng sĩ bước lên vỗ vào hông ngựa. Ngựa hí dài mấy tiếng vang dội. Tráng sĩ mặc áo giáp, cầm roi, nhảy lên mình ngựa. Ngựa phun lửa, tráng sĩ thúc ngựa phi thẳng đến nơi có giặc, đón đầu chúng đánh giết hết lớp này đến lớp khác, giặc chết như rạ. Bỗng roi sắt gãy, Tráng sĩ bèn nhổ những cụm tre cạnh đường quật vào giặc. Giặc tan vỡ. Đám tàn quân giẫm đạp lên nhau chạy trốn, tráng sĩ đuổi đến chân núi Sóc (Sóc Sơn). Đến đấy, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời.

(SGK Ngữ văn 6 Cánh diều tập 1, trang 17)

Câu 1: Tóm tắt sự việc nêu trong đoạn văn bằng một câu văn.

Câu 2: Giải thích nghĩa của từ “tráng sĩ”. Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ” có ý nghĩa gì?

Câu 3: Chi tiết: “ *Đến đây, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*” có ý nghĩa gì?

Câu 4. Theo em, việc lập đền thờ Thánh Gióng ở làng Phù Đổng và hàng năm mở hội Gióng có ý nghĩa gì?

Câu 5. Sau khi đọc truyện *Thánh Gióng*, em có suy nghĩ gì về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta?

Câu 6. Truyện muốn ca ngợi điều gì? Từ điều đó, em hãy rút ra bài học cho bản thân em. (GV có thể chọn 1 trong ba câu).

Gợi ý làm bài

Câu 1: Tóm tắt: Giặc đến chân núi Trâu, Gióng vươn vai biến thành tráng sĩ nhảy lên mình ngựa xông ra chiến trường đánh thắng giặc và bay về trời.

Câu 2:

- Từ “tráng sĩ” dùng để chỉ người đàn ông có sức lực cường tráng và chí khí mạnh mẽ
- Từ “chú bé” được thay bằng “tráng sĩ” cho thấy sự lớn lên của Gióng để đáp ứng được yêu cầu và nhiệm vụ cứu nước. Qua đó thể hiện quan niệm của nhân dân ta về mong ước có một người anh hùng đủ sức mạnh để đáp ứng nhiệm vụ dân tộc đặt ra trong hoàn cảnh cấp thiết.

Câu 3: Chi tiết: “ *Đến đây, một mình một ngựa, tráng sĩ lên đỉnh núi, cởi áo giáp sắt bỏ lại, rồi cả người lẫn ngựa từ từ bay lên trời*”.

=> Ý nghĩa của chi tiết trên:

- Áo giáp sắt của nhân dân làm cho để Gióng đánh giặc, nay đánh giặc xong trả lại cho nhân dân, vô tư không chút bụi trần.
- Thánh gióng bay về trời, không nhận bổng lộc của nhà vua, từ chối mọi phần thưởng, chiến công để lại cho nhân dân,
- Gióng sinh ra cũng phi thường khi ra đi cũng phi thường (bay lên trời).
- Gióng bắt tử cùng sông núi, bắt tử trong lòng nhân dân.

Câu 4. HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể như: Ý nghĩa của việc lập đền thờ và hàng năm mở hội Gióng:

- Thể hiện tấm lòng tri ân người anh hùng bắt tử, hướng về cội nguồn.
- Giáo dục thế hệ sau về truyền thống yêu nước, chống ngoại xâm của dân tộc; bồi đắp lòng yêu nước, tự hào về truyền thống văn hoá dân tộc.

Câu 5. HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể như: Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm là truyền thống quý báu của dân tộc ta. Trong truyện *Thánh Gióng*, lòng yêu nước, tinh thần chống giặc ngoại xâm được thể hiện qua tiếng nói đánh giặc của cậu bé Gióng, qua việc nhân dân đoàn kết góp gạo nuôi Gióng. Điều đó thể hiện ý thức trách nhiệm của mỗi người dân trước vận mệnh dân tộc, thể hiện tinh thần đoàn kết, sự đồng lòng của cả dân tộc trong công cuộc chống giặc ngoại xâm. Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của ông cha ta khiến em vô cùng khâm phục, tự hào và nguyện sẽ phát huy trong hiện tại.

Câu 6.

- Truyện *Thánh Gióng* muốn ca ngợi công cuộc chống ngoại xâm, truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết làm nên sức mạnh của cả cộng đồng, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc.
- Từ đó, truyện để lại cho em bài học về giữ gìn, xây dựng và bảo vệ đất nước.

3. Luyện đề Đọc hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão là rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên trên một biển nước.

Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lũ dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị Thần Nước đánh mỗi một, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.”

(Trích Sơn Tinh, Thủy Tinh)

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

Câu 2: Vì sao văn bản được xếp theo thể loại truyền thuyết?

Câu 3: Lời kể trùng điệp (nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...) gây được ấn tượng gì ?

Câu 4: Để phòng chống thiệt hại do lũ lụt gây ra, theo em chúng ta cần làm gì?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Tác phẩm: “Sơn Tinh, Thủy Tinh”

Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Tự sự

Câu 2:

- Vì có liên quan đến nhân vật và sự kiện lịch sử:

+ Nhân vật: Vua Hùng, Mị Nương

+ Sự kiện: chống lại thiên tai, bão lũ, đắp đê trị thủy của nhân dân ta ở vùng đồng bằng sông Hồng thời xa xưa.

- Lời kể có chi tiết hư cấu, kì ảo: Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh; Sơn Tinh bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi.

Câu 3: Lời kể trùng điệp (nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...) gây được ấn tượng gì cho người đọc

- Lời kể trùng điệp tạo cảm giác tăng dần mức độ của hành động, dồn dập cảm xúc, gây ấn tượng mạnh, dữ dội về kết quả của hành động trả thù của Thủy Tinh, theo đúng mạch truyện. Tài liệu của Nhung tây

Câu 4:

Để phòng chống thiệt hại do lũ lụt gây ra, theo em chúng ta cần:

- Chủ động, có ý thức chuẩn bị khi thiên tai xảy ra.

- Trồng thêm nhiều cây xanh, bảo vệ rừng đầu nguồn.
- Tuyên truyền để mọi người cùng có ý thức bảo vệ môi trường sống.
- Kiên quyết xử lý những hành vi gây tổn hại môi trường.
- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường ở nơi sinh sống.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lại lên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần thần mới hiện lên.

Bấy giờ ở vùng đất cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống ở trên cạn ở cung điện Long Trang. Tài liệu của Nhung tây

[...]

Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ^[5] ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là con Rồng cháu Tiên.”

(Trích truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2: Lạc Long Quân đã có những hành động nào để giúp dân?

Câu 3: Lời kể nào trong đoạn truyện có hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?

Câu 4: Em thấy mình có trách nhiệm gì trong cuộc sống để bảo vệ và phát huy nguồn gốc cao quý của dân tộc? Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2: Lạc Long Quân đã có những hành động để giúp dân:

- Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành.
- Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở.

Câu 3:

- Lời kể trong đoạn truyện có hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ: Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ^[5] ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.

=> Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó:

+ Tạo niềm tin, làm tăng tính xác thực cho câu chuyện kể về nguồn gốc của người Việt Nam
+ Chúng ta tự hào về nguồn gốc cao quý, ra sức mạnh, tinh thần đoàn kết, yêu thương cho dân tộc.

+ Làm tăng thêm vẻ đẹp kì lạ thiêng liêng cho lịch sử dựng nước (nhà nước Văn Lang, các triều đại vua Hùng), địa danh (Phong Châu)

Câu 4: Em thấy mình có trách nhiệm gì trong cuộc sống để bảo vệ và phát huy nguồn gốc cao quý của dân tộc ?

Theo em, mỗi chúng ta cần làm gì để gìn giữ và phát huy nguồn gốc cao quý của người Việt trong thời đại ngày nay ?

- Cần rèn luyện những phẩm chất cao đẹp của người Việt như: nhân ái, đoàn kết, tự lực tự cường... Tài liệu của Nhung tây

- Cần chăm chỉ học tập để trau dồi kiến thức để làm chủ cuộc sống, góp phần đất nước giàu đẹp. Tài liệu của Nhung tây

- Cần rèn luyện sức khỏe, kĩ năng, thói quen tốt để đáp ứng mọi yêu cầu trong thời kì mới.

ÔN TẬP VĂN BẢN SƠN TINH THỦY TINH

I. TÌM HIỂU CHUNG

- Giới thiệu về truyền thuyết “*Sơn Tinh, Thủy Tinh*”: Truyền thuyết “*Sơn Tinh, Thủy Tinh*” là một câu chuyện như thế. Qua câu chuyện về *Sơn Tinh* và *Thủy Tinh*, các tác giả đã lí giải về hiện tượng lũ lụt, cũng như qua đó thể hiện được sức mạnh cũng như khát vọng của người dân trong cuộc chiến với thiên nhiên. Tài liệu của Nhung tây

- *Sơn Tinh – Thủy Tinh* vốn là thần thoại cổ được lịch sử hóa, được gắn với thời đại Hùng Vương, thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Ôn tập tác phẩm và giải thích hiện tượng lũ lụt và thể hiện ước mong chế ngự thiên tai của người Việt Nam xưa đồng thời thể hiện trí tưởng tượng phong phú của nhân dân ta.

Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

- Truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh* kể về các nhân vật ở thời đại Vua Hùng.

- Ngôi kể: ngôi thứ ba

- PTBD: tự sự

- **Nhân vật** chính: *Sơn Tinh, Thủy Tinh*

1. Các sự việc chính

- Vua Hùng kén rể.

- *Sơn Tinh, Thủy Tinh* đến cầu hôn, vua Hùng ra điều kiện chọn rể.

- Sính lễ của vua Hùng

- *Sơn Tinh* đến sớm rước *Mị Nương* về núi.

- *Thủy Tinh* đến sau nổi giận đem quân đuổi đánh *Sơn Tinh*

- Hai bên giao chiến

- Nạn lũ lụt ở đồng bằng sông Hồng.

2. Tóm tắt

Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là *Mị Nương*, người đẹp như hoa, tính nết hiền dịu. Vua Hùng muốn kén cho nàng một người chồng xứng đáng. Đến cầu hôn có hai vị thần tài giỏi ngang nhau, đều xứng làm rể Vua Hùng. Một người là *Sơn Tinh* – chúa

vùng non cao. Một người là Thủy Tinh – chúa vùng nước thủy. Để lựa chọn được chàng rể xứng đáng, Vua Hùng bèn đặt ra điều kiện: “Ngày mai ai mang lễ vật gồm: Một trăm ván cơm nếp, một trăm nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, mỗi thứ một đôi đến trước thì ta sẽ gả con gái cho”. Hôm sau, Sơn Tinh mang lễ vật đến trước, cưới được Mị Nương. Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nỗi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa gọi gió, dâng nước sông lên cuồn cuộn làm cho thành Phong Châu ngập chìm trong nước. Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, đắp thành dựng lũy, ngăn chặn dòng lũ. Hai bên đánh nhau kịch liệt. Cuối cùng Thủy Tinh đuối sức phải chịu thua. Từ đó, oán nặng thù sâu, hàng năm Thủy Tinh vẫn làm mưa gió, bão lụt, dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng năm nào cũng mang thất bại trở về. Tài liệu của Nhung tây

3. Tìm hiểu truyện

* Bố cục:

Sơn Tinh, Thủy Tinh có thể chia thành ba đoạn.

- Phần 1: (từ đầu đến “mỗi thứ một đôi”): Vua Hùng thứ mười tám ra điều kiện kén rể.
- Phần 2: (tiếp theo đến “thần Nước đành rút quân”): Cuộc giao tranh cầu hôn giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh, kết quả Sơn Tinh thắng.
- Phần 3: (phần còn lại): Cuộc trả thù hàng năm với Sơn Tinh và những thất bại của Thủy Tinh.

II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Vua Hùng kén rể:

Sự xuất hiện của Sơn Tinh và Thủy Tinh gắn liền với một sự kiện, đó là lễ kén rể của vua Hùng “Hùng Vương thứ mười tám có một người con gái tên là Mị Nương, người đẹp như hoa, tính nết dịu hiền... muốn kén cho một người chồng thật xứng đáng”

Đây là mô típ quen thuộc thường thấy trong truyện dân gian, tạo sức hấp dẫn, niềm tin nơi người đọc. Đặc trưng về văn hóa của dân tộc ta dưới thời các vua Hùng, đó là tục thách cưới. Điều này được đan cài vào câu chuyện, cho câu chuyện một sự hấp dẫn đến lạ kì. Phong tục văn hóa và truyền thống chinh phục tự nhiên của người Việt được thể hiện một cách tài tình. Ngay sau đó là sự xuất hiện của hai nhân vật chính Sơn Tinh, Thủy Tinh.

2. Cuộc so tài của Sơn Tinh, Thủy Tinh.

a. Sự xuất hiện và tài năng của Sơn Tinh, Thủy Tinh.

- Sơn Tinh: ở vùng núi Tản Viên có tài lạ “vẫy tay về phía đông phía đông nổi cồn bãi, vẫy tay về phía tây phía tây mọc lên từng dãy núi đồi”.
- Thủy Tinh: ở miền biển, tài “gọi gió gọi đến, hô mưa mưa về”.

=> Những chi tiết kì ảo cho thấy:

- + cả hai đều ngang tài ngang sức. Họ đều tài năng phi thường, thần kì, đều xứng đáng; Tạo sức hấp dẫn cho truyện.
- + Tài năng của Sơn Tinh mang tính phát triển, tài năng của Thủy Tinh mang sự hủy diệt (bão, lũ lụt).

b. Cuộc thi tài

- Thi tài dâng lễ vật sớm: chỉ trong 1 ngày ai dâng lễ vật trước sẽ được chọn
- Lễ vật : “100 ván cơm nếp , 100 nệp bánh chưng, voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao”.

- Lễ vật có lợi cho Sơn Tinh. Vì đó là các sản vật nơi rừng núi thuộc Sơn Tinh cai quản. Vua Hùng nghiêng về phía Sơn Tinh vì nhận ra sức tàn phá của Thủy Tinh. Đồng thời ngài tin vào sức mạnh của Sơn Tinh có thể chiến thắng Thủy tinh, bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân

c. Kết quả: Sơn Tinh mang lễ đến trước, lấy được Mị Nương làm vợ, Thủy tinh đến sau nên thua cuộc.

2. Ý nghĩa

a. Hình tượng người anh hùng Sơn Tinh trong cuộc giao tranh

- Nguyên nhân: Thủy Tinh không lấy được vợ nên trả thù => Hai nhân vật giao tranh vì lí do cá nhân.

- Cuộc giao tranh quyết liệt:

+ Sức mạnh của Thủy Tinh **tạo ra thảm họa thiên tai, sức mạnh hủy diệt mọi sự sống:** hô mưa, gọi gió, dông bão, rung chuyển cả đất trời; nước ngập ruộng đồng, nhà cửa, Thành Phong Châu như nổi lên trên một biển nước;

+ Chông trả của Sơn Tinh: Bình tĩnh, quả cảm, nghị lực "không hề nao núng"; bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy, ngăn nước" Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh không vì mình mà vì nhân dân, bảo vệ sinh mệnh của cộng đồng trước thiên tai.

- Kết quả: Sơn Tinh chiến thắng, Thủy Tinh chịu thua, phải rút quân

b. Ý nghĩa

- **Hai nhân vật đều là tượng trưng, hư cấu, mang ý nghĩa biểu trưng:**

+ Thủy Tinh là biểu trưng cho sức mạnh của nước, lũ lụt được hình tượng hóa.

+ Sơn Tinh biểu trưng cho đất, cho núi, là sức mạnh, khả năng, ước mơ của nhân dân được hình tượng hóa. Tài liệu của Nhung tây

+ Chiến thắng của Sơn Tinh là chiến thắng của cộng đồng, của nhân dân.

+ Khẳng định, ngợi ca quyết tâm, sức mạnh, ước mơ của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân

+ Sơn Tinh là người anh hùng của nhân dân.

3. Chi tiết hoang đường kì ảo:

* Chi tiết hoang đường kì ảo:

- Chi tiết kể về tài năng của Sơn Tinh, Thủy Tinh.

+ Sơn Tinh: "Vẫy tay về phía đông...mọc lên từng dãy núi đồi".

+ Thủy Tinh: "hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão".

- Chi tiết về lễ vật thách cưới của vua Hùng.

- Chi tiết chông trả của Sơn Tinh: "Bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi"; "Nước cao lên bao nhiêu thì đồi núi cao lên bấy nhiêu"

* Ý nghĩa:

- Nhấn mạnh tài năng của hai vị thần. Đặc biệt, ca ngợi tài năng, sức mạnh, ý chí của người anh hùng Sơn Tinh trong việc chống lũ lụt. Tài liệu của Nhung tây

- Thể hiện ước mơ của nhân dân trong việc chế ngự thiên tai, bảo vệ cuộc sống

4. Các chi tiết liên quan đến sự thật

a. Bối cảnh câu chuyện

- Thời gian: thời Hùng Vương thứ mười tám.

- Địa danh cụ thể, xác định: được nhắc đến Thành Phong Châu xưa nơi vua Hùng đóng đô; Sơn Tinh chính là thần núi Tản Viên (Ba Vì) địa bàn sinh sống của người Việt cổ.
- Nhân dân ta từ xưa có nghề trồng lúa nước, thường xuyên phải chống lũ lụt vào tháng 7,8
=>Làm cho câu chuyện được kể tăng thêm tính xác thực, tạo niềm tin thiêng liêng cho mọi người

b. Giải thích hiện tượng thiên nhiên

- Do oán nặng thù sâu mà hàng năm Thủy Tinh dâng nước đánh Sơn Tinh, khiến cho nước ngập khắp mọi nơi, gây ra lũ lụt.

Nghệ thuật: Lấy chuyện có thật (hiện tượng lũ lụt vào tháng 7,8) để lồng trong lời kể.

=>Tô đậm tính xác thực, đưa người đọc từ thế giới hư cấu mơ hồ trở về đời sống thực, nhắc nhở về những hiện tượng thường diễn ra, để trân quý công lao của cha ông.

3. Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- Các sự việc được kết nối với nhau bằng chuỗi quan hệ nguyên nhân- kết quả.
- Có nhiều chi tiết hoang đường kì ảo, xây dựng bằng trí tưởng tượng.

b. Nội dung, ý nghĩa:

- Khẳng định, ngợi ca quyết tâm, sức mạnh, ước mơ của nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân
- Giải thích hiện tượng thiên nhiên thời tiết mưa gió vào tháng 7,8 hàng năm.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Sơn Tinh, Thủy Tinh là thần thoại cổ đã được lịch sử hoá trở thành một truyền thuyết tiêu biểu trong chuỗi truyền thuyết về thời đại các vua Hùng. Đó là câu chuyện tưởng tượng hoang đường nhưng có cơ sở thực tế. Truyện rất giàu giá trị về nội dung và nghệ thuật. Một số nhà thơ đã lấy cảm hứng hình tượng từ tác phẩm để sáng tác thơ ca.

Nhân vật chính của truyện là Sơn Tinh, Thủy Tinh. Hai vị thần này là biểu tượng của thiên nhiên, sông núi cả hai cùng đến kén rể, đều xuất hiện ở mọi sự việc và đi suốt diễn biến câu chuyện. Truyện bắt nguồn từ thần thoại cổ được lịch sử hóa. Gắn với các thời đại vua Hùng, truyện đã gắn công cuộc trị thủy với thời đại mở nước, dựng nước đầu tiên của người Việt cổ.

Chuyện xảy ra vào thời Hùng Vương thứ 18. Đây là thời gian ước lệ để nói về các thời đại vua Hùng, thời đại có nhiều đời vua kế tiếp nhau, thời gian trong truyền thuyết là thời gian thiêng liêng. Lúc ấy, con gái của nhà vua là Mị Nương xinh đẹp, nét na đã đến tuổi lấy chồng. Vì vậy, nhà vua muốn chọn cho Mị Nương người chồng xứng đáng. Sơn Tinh và Thủy Tinh, một người ở miền sơn cước, một người ở miền biển, hai chàng đều tài năng, xứng đáng làm rể của Vua Hùng.

Tình thế bắt buộc nhà vua phải thách cưới bằng lễ vật khó kiếm và kì lạ: *Voi chín ngà...* nhưng đều là những vật có ở trên cạn. Đó là sản vật trên cạn nhưng hiếm, không có thực. Thái độ của vua Hùng cũng chính là thái độ của nhân dân ta đối với nhân vật. Người Việt thời cổ cư trú ở vùng ven núi chủ yếu sống bằng nghề trồng lúa nước. Núi và đất là nơi họ xây dựng bản làng và gieo trồng, là quê hương, là ích lợi, là bè bạn. Sông cho ruộng đồng chất phù sa cùng nước để cây lúa phát triển nếu nhiều nước quá thì sông nhấn chìm hoa màu, ruộng đồng, làng xóm. Điều đó đã trở thành nỗi ám ảnh đối với tổ tiên người Việt.

Cuối cùng vì mang được lễ vật đến sớm hơn Sơn Tinh được chọn làm rể Vua. Thủy Tinh đến sau, không cưới được Mị Nương nên dùng đòn nôi giận. Từ đó chiến tranh giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh nổ ra. Nếu Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành giông bão... dâng nước cuộn cuộn ngập nhà cửa, ruộng vườn... thì Sơn Tinh lại bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi dựng lũy ngăn chặn nước lũ. Hai thần giao tranh quyết liệt.

Sơn Tinh và Thủy Tinh không phải là nhân vật có thật, là những nhân vật tưởng tượng, hoang đường. Thủy Tinh đại diện cho cái ác, cho hiện tượng thiên tai lũ lụt. Sơn Tinh đại diện cho chính nghĩa, cho sức mạnh của nhân dân chống thiên tai. Chi tiết *nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi dâng lên bấy nhiêu* miêu tả đúng tính chất ác liệt của cuộc đấu tranh chống thiên tai gay go, bền bỉ của nhân dân ta. Kết quả cuộc giao tranh ác liệt ấy là Sơn Tinh thắng Thủy Tinh.

Chiến Thắng của Sơn Tinh là biểu tượng cho ước mơ chiến thắng lũ lụt của nhân dân ta. Tầm vóc vũ trụ, tài năng và khí phách của Sơn Tinh là biểu tượng sinh động cho chiến công của người Việt cổ trong cuộc đấu tranh chống bão lụt ở vùng lưu vực sông Đà và sông Hồng. Đây cũng là kì tích dựng nước của thời đại các vua Hùng và kì tích ấy tiếp tục được phát huy mạnh mẽ về sau này.

II. LUYỆN TẬP

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Chi tiết nào sau đây nói lên sự ra đời khác thường của chàng Thạch Sanh?

- A. Do Ngọc Hoàng sai Thái tử xuống đầu thai làm con.
- B. Thạch Sanh sớm mồ côi, phải sống trong túp lều cũ dưới gốc đa làm nghề đồn củi.
- C. Thạch Sanh được thiên thần dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.

D. Tất cả đều đúng

Câu 2: Truyện Thạch Sanh thể hiện ước mơ gì của nhân dân lao động ?

- A. Sức mạnh của nhân dân
- B. Công bằng xã hội
- C. Cái thiện chiến thắng các ác
- D. Tất cả đều đúng

Câu 3: Người mẹ mang thai Thạch Sanh trong hoàn cảnh nào?

- A. Cha mẹ Thạch Sanh nghèo nhưng tốt bụng, được Ngọc Hoàng thương tình sai thái tử xuống đầu thai làm con.
- B. Người mẹ hái củi trong rừng vào một hôm nắng to, bà khát nước và uống nước trong một cái máng, từ đó bà mang thai.
- C. Người mẹ ra đồng thấy một bàn chân to liền ướm thử và mang thai.
- D. Người mẹ nằm mộng thấy một vị tiên gõ đôi đũa thần vào người, khi tỉnh dậy thì phát hiện mình có thai.

Câu 4: Trước khi được kết hôn với công chúa, Thạch Sanh phải trải qua mấy thử thách?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 5: Câu nào dưới đây không nói về hoàn cảnh của Thạch Sanh khi chàng lớn lên?

- A. Mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống lủi thủi trong một túp lều dựng dưới gốc đa.

B. Được vợ chồng bá hộ thương tình nhận làm con nuôi.

C. Cuộc sống rất nghèo khổ, gia tài chỉ có một lưỡi búa do cha để lại.

D. Được Ngọc Hoàng sai người xuống dạy võ nghệ.

Câu 6: Trong truyện Thạch Sanh, vì sao Lí Thông muốn làm bạn với Thạch Sanh?

- A. Vì thương cảm cho số phận mồ côi của Thạch Sanh.
- B. Vì muốn được che chở cho Thạch Sanh.

C. Vì thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, có Thạch Sanh ở cùng sẽ đem lại nhiều lợi ích.

D. Vì Lí Thông cũng có hoàn tương tự như Thạch Sanh.

Câu 7: Trong truyện Thạch Sanh, chi tiết nào sau đây không mang tính tưởng tượng?

A. Thạch Sanh được sinh ra là do Ngọc Hoàng sai thái tử xuống đầu thai.

B. Người mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra Thạch Sanh,

C. Khi Thạch Sanh lớn lên, các vị tiên trên trời xuống dạy võ nghệ và các phép biến hóa.

D. Thạch Sanh mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống trong một túp lều tranh cạnh cốc đa.

Câu 8: Chi tiết tiếng đàn và niêu cơm đãi quân sĩ mười tám nước chư hầu đã thể hiện điều gì ở nhân dân?

A. Tấm lòng nhân đạo, yêu chuộng hòa bình và hóa giải hận thù bằng lẽ phải, chính nghĩa

B. Thể hiện lòng tự hào dân tộc

C. Thể hiện lòng nhân ái, nhân đạo của dân tộc

D. Tư tưởng cầu hòa, mong muốn chấm dứt chiến tranh bằng sự thua nhường quân giặc.

Câu 9: Thạch Sanh đã nhận được báu vật gì sau khi giết chết chằn tinh?

A. Một cây đàn thần.

B. Một bộ cung tên bằng vàng,

C. Một cái niêu cơm thần.

D. Một cây búa thần.

Câu 10: Trong truyện Thạch Sanh, hồn của các con vật bị Thạch Sanh tiêu diệt đã bày ra âm mưu gì để hại chàng?

A. Ăn trộm của cải của vua mang giấu ở gốc đa rồi đổ tội cho Thạch Sanh.

B. Vu khống cho Thạch Sanh tội giết người.

C. Đốt nhà của Thạch Sanh.

D. Bắt cóc con gái của vua để đổ tội cho Thạch Sanh.

Câu 11: Chi tiết nào dưới đây không phải là việc làm của Thạch Sanh trong truyện?

A. Giết chằn tinh để giải cứu cho dân chúng.

B. Giết đại bàng để giải cứu cho công chúa và con trai vua Thủy tề.

C. Giết hổ thành tinh để giải thoát cho những người bị nó bắt.

D. Đánh bại quân mười tám nước chư hầu.

Câu 12: Chủ đề của truyện Thạch Sanh là gì?

A. Đấu tranh xã hội

B. Đấu tranh chống xâm lược

C. Đấu tranh chinh phục thiên nhiên

D. Đấu tranh chống cái ác.

Câu 13: Việc Thạch Sanh dùng tiếng đàn để cảm hóa quân mười tám nước chư hầu và thết đãi họ bằng niêu cơm thần có ý nghĩa gì?

A. Thể hiện tinh thần yêu nước, yêu hòa bình và tấm lòng nhân đạo của nhân dân ta.

B. Cho quân các nước chư hầu thấy được sức mạnh và sự giàu có của nhân dân ta.

C. Thể hiện sự tài giỏi của Thạch Sanh.

D. Thể hiện ước mơ công lí: những người đi xâm lược nhất định sẽ thất bại, những người yêu chuộng hòa bình sẽ thắng lợi.

Câu 14: Hình ảnh niêu cơm ăn hết lại đầy trong truyện Thạch Sanh không thể hiện ý nghĩa nào?

A. Khát vọng chung sống hòa bình và tình bác ái, khoan dung của dân tộc ta.

B. Thể hiện mơ ước về một quốc gia giàu mạnh, quân đội hùng cường để có thể tự bảo vệ đất nước trước lũ giặc ngoại xâm hung bạo.

C. Thể hiện tài năng phi thường của Thạch Sanh, không chỉ khiến quân giặc quy hàng mà còn "tâm phục, khẩu phục".

D. Ước mơ về cuộc sống đầy đủ, no ấm, sung túc của nhân dân.

2. Dạng Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão là rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh bênh trên một biển nước.

Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lũ dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị Thần Nước đánh mỗi một, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.”

(Trích Sơn Tinh, Thủy Tinh)

Câu 1: Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn là gì?

Câu 2: Vì sao văn bản được xếp theo thể loại truyền thuyết?

Câu 3: Lời kể trùng điệp (nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...) gây được ấn tượng gì cho

Câu 4: Để phòng chống thiệt hại do lũ lụt gây ra, theo em chúng ta cần làm gì?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Tác phẩm: “Sơn Tinh, Thủy Tinh”

Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Tự sự

Câu 2:

- Vì có liên quan đến nhân vật và sự kiện lịch sử:

+ Nhân vật: Vua Hùng, Mị Nương

+ Sự kiện: chống lại thiên tai, bão lũ, đắp đê trị thủy của nhân dân ta ở vùng đồng bằng sông Hồng thời xa xưa.

- Lời kể có chi tiết hư cấu, kì ảo: Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão, dâng nước đánh Sơn Tinh; Sơn Tinh bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi.

Câu 3: Lời kể trùng điệp (nước ngập..., nước ngập..., nước dâng...) gây được ấn tượng gì cho người đọc. Tài liệu của Nhung tây

- Lời kể trùng điệp tạo cảm giác tăng dần mức độ của hành động, dồn dập cảm xúc, gây ấn tượng mạnh, dữ dội về kết quả của hành động trả thù của Thủy Tinh, theo đúng mạch truyện.

Câu 4: Để phòng chống thiệt hại do lũ lụt gây ra, theo em chúng ta cần:

- Chủ động, có ý thức chuẩn bị khi thiên tai xảy ra.

- Trồng thêm nhiều cây xanh, bảo vệ rừng đầu nguồn.

- Tuyên truyền để mọi người cùng có ý thức bảo vệ môi trường sống.

- Kiên quyết xử lí những hành vi gây tổn hại môi trường.
- Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường ở nơi sinh sống.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão là rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuộn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên trên một biển nước.

Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lũ dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, vị Thần Nước đánh mỗi một, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.”

(Trích Sơn Tinh, Thủy Tinh)

Câu 1: Liệt kê chi tiết hoang đường kì ảo trong đoạn văn ?

Câu 2: Ý nghĩa của hình tượng Sơn Tinh, Thủy Tinh.

Câu 3: Hình ảnh Sơn Tinh “không hề nao núng, bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi” em có liên tưởng đến những hình ảnh nào trong thực tế cuộc sống ?

Câu 4: Nêu một số tác hại của hiện tượng thiên nhiên cực đoan ở nơi em sống?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Chi tiết hoang đường kì ảo trong đoạn văn:

- Thủy Tinh: hô mưa, gọi gió, làm thành dông bão là rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuộn cuộn đánh Sơn Tinh.

- Sơn Tinh: dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu.

Câu 2: Ý nghĩa của hình tượng Sơn Tinh, Thủy Tinh.

- Thủy Tinh là biểu trưng cho sức mạnh của nước, lũ lụt, thiên tai được hình tượng hóa.

- Sơn Tinh biểu trưng cho đất, cho núi, là sức mạnh, khả năng, ước mơ của nhân dân được hình tượng hóa. Sơn Tinh là biểu trưng cho nhân dân ta trong việc đắp đê ngăn lũ ở lưu vực sông Đà, sông Hồng để bảo vệ sinh mệnh, nguồn sống của nhân dân

Câu 3: Hình ảnh Sơn Tinh “không hề nao núng, bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi” em có liên tưởng đến những hình ảnh trong thực tế cuộc sống ngày nay:

- Hình ảnh con người chống trời lại mưa lũ, hạn hán, bão lũ: xây nhà chống lũ, di chuyển khi có thiên tai, cứu trợ giúp đỡ đồng bào khi họ gặp khó khăn trong mùa mưa lũ, hạn hán.

- Những chiếc thuyền cứu trợ đồng bào khi mắc kẹt trong lũ của các anh bộ đội, các bác cán bộ...

- Những máy xúc máy ủi làm việc ngày đêm để ngăn chặn dòng nước lũ.

- Những héc ta rừng được trồng mới để hạn chế mưa lũ...

Câu 4: Một số tác hại của hiện tượng thiên nhiên cực đoan ở nơi em sống:

- Hiện tượng bão gió mạnh, liên tiếp trong tháng 7,8 âm lịch gây hậu quả nặng nề cho hoa màu, nuôi trồng thủy sản, thậm chí cả tính mạng người dân.

- Hiện tượng nắng hạn kéo dài, mưa đá, giông lốc bất thường hoặc dài gây hại cho cây trồng và con người.

- Hiện tượng mưa rét kéo dài, nhiệt độ xuống thấp kỉ lục khiến sinh hoạt và sản xuất của nhân dân bị ảnh hưởng lớn.

3. Đọc hiểu ngoài SGK:

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đề số 3 Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Ngày xưa, ở miền đất Lạc Việt, cứ như bây giờ là Bắc Bộ nước ta, có một vị thần thuộc nòi rồng, con trai thần Long Nữ, tên là Lạc Long Quân. Thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng lại lên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành. Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở. Xong việc, thần thường về thủy cung với mẹ, khi có việc cần thần mới hiện lên.

Bấy giờ ở vùng đất cao phương Bắc, có nàng Âu Cơ thuộc dòng họ Thần Nông, xinh đẹp tuyệt trần. Nghe tiếng vùng đất Lạc có nhiều hoa thơm cỏ lạ, nàng bèn tìm đến thăm. Âu Cơ và Lạc Long Quân gặp nhau, đem lòng yêu nhau rồi trở thành vợ chồng, cùng chung sống ở trên cạn ở cung điện Long Trang.

[...]

Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ^[5] ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi.

Cũng bởi sự tích này mà về sau, người Việt Nam ta con cháu vua Hùng, thường nhắc đến nguồn gốc của mình là con Rồng cháu Tiên.”

(Trích truyền thuyết Con Rồng, cháu Tiên)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2: Lạc Long Quân đã có những hành động nào để giúp dân?

Câu 3: Lời kể nào trong đoạn truyện có hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ? Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó?

Câu 4: Em thấy mình có trách nhiệm gì trong cuộc sống để bảo vệ và phát huy nguồn gốc cao quý của dân tộc?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2: Lạc Long Quân đã có những hành động để giúp dân:

- Thần giúp dân diệt trừ Ngư Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh những loài yêu quái làm hại dân lành.
- - Thần dạy dân cách trồng trọt, chăn nuôi và cách ăn ở.

Câu 3:

- Lời kể nào trong đoạn truyện có hàm ý rằng câu chuyện đã thực sự xảy ra trong quá khứ: Người con trưởng được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đóng đô ^[5] ở đất Phong Châu, đặt tên nước là Văn Lang. Triều đình có tướng văn, tướng võ, con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, khi cha chết thì được truyền ngôi cho con trưởng, mười mấy đời truyền nối ngôi vua đều lấy danh hiệu Hùng Vương, không hề thay đổi

Nhận xét về ý nghĩa của lời kể đó:

- + Tạo niềm tin, làm tăng tính xác thực cho câu chuyện kể về nguồn gốc của người Việt Nam
- + Chúng ta tự hào về nguồn gốc cao quý, ra sức mạnh, tinh thần đoàn kết, yêu thương cho dân tộc.

+ Làm tăng thêm vẻ đẹp kì lạ thiêng liêng cho lịch sử dựng nước (nhà nước Văn Lang, các triều đại vua Hùng), địa danh (Phong Châu)

Câu 4: Em thấy mình có trách nhiệm gì trong cuộc sống để bảo vệ và phát huy nguồn gốc cao quý của dân tộc ?

Theo em, mỗi chúng ta cần làm gì để gìn giữ và phát huy nguồn gốc cao quý của người Việt trong thời đại ngày nay ?

- Cần rèn luyện những phẩm chất cao đẹp của người Việt như: nhân ái, đoàn kết, tự lực tự cường...

- Cần chăm chỉ học tập để trau dồi kiến thức để làm chủ cuộc sống, góp phần đất nước giàu đẹp.

- Cần rèn luyện sức khỏe, kĩ năng, thói quen tốt để đáp ứng mọi yêu cầu trong thời kì mới.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“...Về phần Vua Hùng, từ ngày đầy cả gia đình An Tiêm ra đảo hoang, vua luôn nghĩ rằng An Tiêm đã chết rồi, đôi khi nghĩ tới vua cũng buồn thương xót. Cho đến một ngày, được thị thần dâng lên quả dưa lạ, vua ăn thấy rất ngon miệng bèn hỏi xem ai đã trồng ra giống dưa này. Biết được An Tiêm trồng, vua rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà. An Tiêm rất mừng rỡ, thu lượm hết những quả dưa chín đem về tặng cho bà con lối xóm. Còn một số quả An Tiêm giữ lại lấy hạt để gieo trồng. Đó chính là nguồn gốc giống dưa hấu mà chúng ta vẫn ăn ngày nay.

Về sau khắp nước ta đều có giống dưa hấu. Nhưng người ta nói chỉ có huyện Nga Sơn là trồng được những quả ngon hơn cả, vì nơi ấy xa là hòn đảo An Tiêm ở, trải qua mấy nghìn năm nước cạn, cát bồi nay đã liền vào với đất.”

(Trích truyền thuyết Mai An Tiêm)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của văn bản trên?

Câu 2: Truyền thuyết giải thích nguồn gốc quả dưa hấu gắn với nhân vật và địa danh nào?

Câu 3: Vì sao vua Hùng “rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà” sau khi đã đầy họ ra đảo ?

Câu 4: Hãy thử tưởng tượng, nếu rơi vào hoàn cảnh khó khăn, bế tắc, em sẽ làm gì?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt của đoạn văn bản trên: Tự sự

Câu 2: Truyền thuyết giải thích nguồn gốc quả dưa hấu gắn với người anh hùng Mai An Tiêm và địa danh huyện Nga Sơn (Thanh Hóa).

Câu 3: Việc vua Hùng “rất vui mừng cho quan lính đem thuyền ra đón cả gia đình An Tiêm trở về nhà” sau khi đã đầy họ ra đảo vì:

+ Khi vua được thị thần dâng lên quả dưa lạ, vua ăn thấy rất ngon miệng bèn hỏi xem ai đã trồng ra giống dưa này. Biết được An Tiêm trồng.

+ Nhà vua nhận ra sai lầm của mình, đồng thời vua trân trọng, khâm phục giá trị của tinh thần tự lực, tự cường, biết vượt lên hoàn cảnh, chăm chỉ lao động của Mai An Tiêm.

Câu 4: HS biết đặt mình vào hoàn cảnh khó khăn, bế tắc và chia sẻ hướng giải quyết.

HS đưa ra cách giải quyết khó khăn nếu thuyết phục là cho điểm. GV cần linh hoạt để đánh giá kĩ năng giải quyết vấn đề của HS:

Gợi ý: Nếu chẳng may rơi vào hoàn cảnh khó khăn, em cần bình tĩnh, không được hoang mang sợ hãi. Tìm cách giải quyết khó khăn như tìm người giúp, chủ động, tập suy nghĩ theo hướng tích cực, tập thích nghi với khó khăn, tuyệt đối không được bi quan...

4. Dạng viết ngắn

Câu 1. Đọc đoạn thơ của Nguyễn Nhược Pháp (SGK Tr 13 và những thông tin về các nhân vật trong truyện, hãy tưởng tượng về ngoại hình Sơn Tinh, Thủy Tinh. Viết đoạn văn (từ 5 - 7 câu) ghi lại tưởng tượng của em? (có thể cho về nhà)

Gợi ý: Viết đoạn văn:

* Nội dung đoạn văn

- Xác định tưởng tượng về ngoại hình Sơn Tinh, Thủy Tinh.
- Miêu tả kết hợp tự sự, biểu cảm: Khuôn mặt, vóc dáng, của chỉ, trang phục, ... của mỗi nhân vật theo trí tưởng tượng của HS. Cần hướng tới ngoại hình khác biệt giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh. Sơn Tinh mang vẻ uy nghi, thiện lành. Thủy Tinh hùng dũng nhưng vẫn tạo cảm giác gian ác...

* Hình thức đoạn văn.

Đoạn văn tham khảo:

Trong cơn mưa giông lớn, những trận mưa như trút, sấm sét đùng đòng, trước mắt tôi Thủy Tinh cao lớn đang gào thét. Khuôn mặt thần đỏ ngầu, đôi mắt quắc lên, râu xanh quăn rì. Thủy Tinh người ngồi trên lưng một con sóng khổng lồ. Còn Sơn Tinh mắt sáng rực, vóc dáng thanh cao, khuôn mặt chữ điền, thần vừa cười hồ phi đến. Từ đằng xa, Sơn Tinh dáng đứng uy nghi, vững vàng, thần trở tay bốc từng quả đồi để dân có chỗ đứng. Tay ngài cầm ngọn giáo lớn, rẽ nước cứu dân. Ngài đưa từng đoàn người lên đỉnh núi cao tránh lũ.

Câu 2. Cảm nhận của em về một chi tiết mà em ấn tượng nhất trong truyền thuyết Sơn Tinh, Thủy Tinh.

VD: HS chọn chi tiết: “Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu”

MD: HS giới thiệu chi tiết ấn tượng.

TD:

+ Nêu vị trí, hoàn cảnh xuất hiện chi tiết.

+ Lí giải sức hấp dẫn của chi tiết : nghệ thuật đặc sắc ở chi tiết đó, tác dụng, ý nghĩa của chi tiết đối với câu chuyện được kể? Cảm xúc của bản thân?

KB: Cảm nghĩ về chi tiết với ý nghĩa của câu chuyện.

Đoạn văn tham khảo:

Truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh” là một truyền thuyết hấp dẫn tái hiện công cuộc đắp đê, trị thủy, bảo vệ mùa màng của người Việt cổ, trong đó, ấn tượng nhất là chi tiết: “Nước sông dâng lên cao bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu”. Chi tiết tái hiện sinh động cuộc chiến đấu của Sơn Tinh chống lại Thủy Tinh khi Thủy Tinh tạo ra thiên tai, lũ lụt để đòi cướp Mị Nương. Từ cuộc giao đấu để cướp dâu, chúng ta nhận thấy sức mạnh ghê gớm, dữ dội của thiên nhiên, thiên nhiên khi hung dữ đã có sức mạnh hủy diệt. Đồng thời cũng ở chi tiết ấy, ta cảm nhận được ý chí quyết tâm, tinh thần đoàn kết, lòng quả cảm của con người trong công cuộc chống chọi với thiên tai, bảo vệ cuộc sống. Đây là chi tiết hoang đường kì ảo, kể bằng

trí tưởng tượng của tác giả dân gian. Hình tượng Sơn Tinh vững vàng, cam đảm, bình tĩnh dâng cao núi đồi là tượng trưng cho chính sức mạnh của con người. Chi tiết này kể rất cô đọng nhưng chứa đựng niềm cảm phục, tự hào của tác giả dân gian về khả năng chế ngự thiên nhiên của cha ông. Chi tiết giúp chúng ta hiểu sâu sắc ý nghĩa của câu chuyện, hiểu được ước mơ, khát vọng của con người trong công cuộc phòng chống thiên tai, xây dựng cuộc sống.

ÔN TẬP VĂN BẢN AI OI MỪNG 9 THÁNG 4

I. TÌM HIỂU CHUNG

- Xuất xứ: Tác giả: Anh Thư
- Theo Báo điện tử Hà Nội mới, ngày 07/4/2004
- Phương thức biểu đạt: Thuyết minh
- Sự kiện được thuật lại: Lễ hội Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng.
- Các yếu tố nhận biết:
 - + Cung cấp thông tin chính xác về thời gian, địa điểm, diễn biến của hội, ý nghĩa của hội Gióng.
 - + Trình bày sự việc theo trình tự thời gian.
- Ngôi tường thuật: thứ ba
- + **Bố cục:** 3 phần:
 - + Phần 1: Từ đầu đến “*đồng bằng Bắc Bộ*”: Giới thiệu chung về lễ hội Gióng – một trong những lễ hội lớn nhất khu vực đồng bằng Bắc Bộ.
 - + Phần 2: Tiếp theo đến “*với trời đất*”: Tiến trình diễn ra hội Gióng.
 - + Phần 3: Đoạn còn lại: Ý nghĩa, giá trị của hội Gióng.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Giới thiệu về Đền thờ Thánh Gióng (Khu di tích Đền Gióng)

- Tên gọi: Lễ hội Gióng, hay còn gọi là hội làng Phù Đổng là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ.
- Địa điểm:
 - + Cổ Viên - giữa đồng thông Đồng Viên - Vườn tương cà của mẹ Gióng, nơi bà giẫm phải vết chân ông Đổng, tảng đá có dấu chân kì lạ cũng ở đây.
 - + Miếu Ban - thôn Phù Dực - tên cũ là rừng Trại Nòn - Nơi Thánh được sinh ra. Đằng sau còn 1 ao nhỏ, giữa ao có gò, trên gò có bể con bằng đá tượng trưng cho bồn tắm và một chiếc liềm bằng đá là dụng cụ cắt rốn cho người anh hùng.
 - + Đền Mẫu (đền Hạ) - nơi thờ mẹ Gióng - xây ở ngoài đê.
 - + Đền Thượng - nơi thờ phụng Thánh - xây cất từ vị trí ngôi miếu tương truyền có từ thời Hùng Vương thứ sáu, trên nền nhà cũ của mẹ Thánh - có tượng Thánh, 6 tượng quan văn, quan võ châu hai bên cùng 2 phỗng quý và 4 viên hầu cận.
- Lưu ý: Thời điểm Hội Gióng bắt đầu mùa mưa đông.

2. Các hoạt động chính của Hội Gióng:

- a. Hát thờ
 - Địa điểm: Trước thủy đình ở đền Thượng.
 - Loại hình chủ yếu: Hát dân ca.

b. Hội trận

- Địa điểm: Một cánh đồng rộng lớn.
- Mô phỏng lại cảnh Thánh Gióng đánh giặc:
 - + 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp, tượng trưng 28 đạo quân thù.
 - + 80 phù giá lưng đeo túi dết, chân quần xà cạp là quân ta.
 - + Đi đầu đám rước là đám ba bé trai cầm roi rồng, mặc áo đỏ dọn đường, tượng trưng đạo quân mục đồng.
 - + Theo sau là ông Hồ từng giúp Thánh đánh giặc.
 - + Trong đám rước còn có ông Trống, ông Chiêng và 3 viên Tiểu Cỗ mặc áo xanh lĩnh xướng.
 - + Còn có cả đánh cờ người. Trong khi ông hiệu cờ đang say sưa múa cờ thì dân chúng xem hội chia nhau đồ tế lễ vì tin rằng chúng sẽ đem lại may mắn cho cả năm.
- + Điểm kết thúc: Đồng Viên.

3. Ý nghĩa hội Gióng

- Biểu diễn các nghi thức lễ mang tính nghệ thuật và biểu tượng cao.
- Dịp để người Việt Nam cảm nhận mối quan hệ nhiều chiều.
- Gìn giữ tài sản vô giá lưu truyền về sau.

c. Ý nghĩa:

Lễ hội Gióng là một di sản vô giá của văn hóa dân tộc, giúp chúng ta có thể cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, linh thiêng và trần thế...

- Cần được bảo tồn, gìn giữ và phát huy.

4. Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- Bài văn thuyết minh một sự kiện ngắn gọn, theo trình tự thời gian.
- Ngôn ngữ giản dị, rõ ràng, có hàm lượng thông tin cao

b. Nội dung, ý nghĩa:

- Lễ hội Gióng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, là di sản tinh thần vô giá của dân tộc cần được bảo tồn, giữ gìn và phát huy.
- Lễ hội là biểu tượng cho ý chí chống giặc ngoại xâm, cho bản chất kiên cường bất khuất, khát vọng hòa bình của dân tộc, gợi nhắc truyền thống lịch sử oai hùng của cha ông.

II. LUYỆN TẬP

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Thời gian chuẩn bị cho Hội Gióng kéo dài bao lâu?

- A. Từ 1/3 đến 12/4 (tính theo lịch âm).
- B. Từ 1/3 đến 5/4 (tính theo lịch âm).**
- C. Từ 2/3 đến 6/4 (tính theo lịch âm).
- D. Từ 1/3 đến 9/4 (tính theo lịch âm).

Đáp án: B

Câu 2: Thời tiết trong những ngày Hội Gióng thường sẽ như thế nào?

- A. Mát mẻ.
- B. Lạnh.
- C. Nắng.
- D. Mưa.

Đáp án: A

Câu 3: Trong hội trận, 28 cô tướng từ 9 đến 12 tuổi mặc tướng phục đẹp tượng trưng cho điều gì?

- A. Quân ta.
- B. Ông mục đồng.
- C. Ông tiểu cổ.
- D. Quân địch.

Đáp án: D

Câu 4: Tại sao người dân lại chia đồ tế lễ khi ông hiệu cờ múa cờ?

A. Vì họ tin rằng nó sẽ mang lại may mắn cho tất cả mọi người.

B. Vì họ tin rằng nó sẽ mang lại may mắn cả năm.

C. Vì họ tin rằng nó sẽ mang lại may mắn cả tháng.

D. Vì họ tin rằng nó sẽ mang lại may mắn cả cuộc đời.

Câu 5: Truyền thuyết *Thánh Gióng*, không có sự thật lịch sử nào dưới đây?

A. Ở làng Gióng, đời Hùng Vương thứ sáu

B. Hiện nay vẫn còn đền thờ làng Phù Đồng, tục gọi là làng Gióng

C. Từ sau hôm gặp sứ giả, chú bé lớn nhanh như thổi

D. Lúc bấy giờ, giặc Ân tới xâm phạm tới bờ cõi nước ta

Đáp án: C

Câu 6: Thánh Gióng biểu trưng cho tinh thần gì của dân tộc?

A. Tinh thần quật cường chống giặc ngoại xâm

B. Sức mạnh thần kì của lòng yêu nước

C. Sức mạnh trời dậy phi thường của vận nước buổi lâm nguy

D. Lòng yêu nước, sức mạnh phi thường, tinh thần đoàn kết trong chiến đấu chống giặc ngoại xâm

Đáp án: D

Câu 7: Chi tiết Gióng bay về trời sau khi dẹp tan giặc Ân thể hiện sự vô tư, đức hi sinh, tính vị tha khi làm việc nghĩa không màng tới sự trả ơn. Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 8: Ý nghĩa hình tượng Thánh Gióng là gì?

A. Thể hiện quan điểm, ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc, cứu nước.

B. Thể hiện lòng biết ơn của người dân muốn người anh hùng dân tộc trở nên bất tử

C. Là biểu tượng của lòng yêu nước, sức mạnh quật khởi và tinh thần sẵn sàng chống quân xâm lược của nhân dân ta.

D. Tất cả các đáp án trên

Đáp án: D

Câu 9: Truyện *Thánh Gióng* muốn giải thích hiện tượng nào?

A. Tre già có màu vàng óng

B. Có nhiều ao hồ để lại

C. Thánh Gióng bay về trời

D. Có làng mang tên làng Cháy

Đáp án: D

Câu 10: Chi tiết tưởng tượng kì ảo thể hiện trí tưởng tượng chất phác của tác giả dân gian, đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

2. Đọc hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi

(1) Từ xưa, người Kẻ Chợ có câu ngạn ngữ: “Nắng ông Trời, mưa ông Gióng”. Có nghĩa là cứ vào ngày hội thánh Trời (tức Từ Đạo Hạnh) mùng 7 tháng 3 âm lịch thì thế nào cũng nắng to, còn vào hội thánh Gióng, mùng 9 tháng 4 âm lịch thì có mưa, vì bắt đầu mùa mưa đông. Lễ

hội Thánh Gióng hay còn gọi là hội làng Phù Đổng là một trong những lễ hội lớn nhất ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ.

(2) Lễ hội Gióng diễn ra trên một khu vực rộng lớn xung quanh những vết tích còn lại của Thánh Gióng tại quê hương. Cổ Viên, tức vườn cũ, nay ở giữa đồng thôn Đồng Viên, tương truyền là vườn cà của mẹ Gióng, tại đây bà đã dẫm phải vết chân ông Đổng, tảng đá có dấu chân thần cũng ở vườn này. Miếu Ban, thuộc thôn Phù Dực, tên cũ là rừng Trại Nòn, là nơi Thánh được sinh ra. Hiện tại sau toà miếu còn có một ao nhỏ, giữa ao có gò nổi, trên gò có một bể con bằng đá tượng trưng cho bồn tắm và một chiếc liềm bằng đá là dụng cụ cắt rốn người anh hùng. Đền Mẫu (còn gọi là đền Hạ), nơi thờ mẹ Gióng, xây ở ngoài đê. Đặc biệt, đền Thượng là nơi thờ phụng Thánh vốn được xây cất từ vị trí ngôi miếu tương truyền có từ thời Hùng Vương thứ sáu, trên nền nhà cũ của mẹ Thánh. Trong đền có tượng Thánh, sáu tượng quan văn, quan võ châu hai bên cùng hai phỗng quỳ và bốn viên hầu cận.

(Trích Ai ơi mùng 9 tháng 4, Anh Thư)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn bản.

Câu 2: Đoạn văn trên cung cấp thông tin về sự kiện gì, diễn ra ở đâu?

Câu 3: Lễ hội Gióng được nhân dân tổ chức hàng năm có ý nghĩa gì?

Câu 4: Tham gia lễ hội văn hóa là nét đẹp của người Việt. Theo em, mỗi chúng ta khi tham gia các lễ hội cần có ứng xử (về thái độ, hành vi, lời nói...) như thế nào cho phù hợp?

Gợi ý câu trả lời:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn bản: thuyết minh

Câu 2: Đoạn văn trên cung cấp thông tin về sự kiện: lễ hội Gióng ở ở làng Phù Đổng (làng Gióng) tại huyện Gia Lâm, Hà Nội.

Câu 3: Lễ hội Gióng được nhân dân tổ chức hàng năm có ý nghĩa:

- Lễ hội Gióng mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, là di sản tinh thần vô giá của dân tộc cần được bảo tồn, giữ gìn và phát huy.
- Lễ hội là biểu tượng cho ý chí chống giặc ngoại xâm, cho bản chất kiên cường bất khuất, khát vọng hòa bình của dân tộc, gợi nhắc truyền thống lịch sử oai hùng của cha ông.
- Lễ hội giúp mỗi người cảm nhận được mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, thực tại và hư vô, linh thiêng và trần thế...

Câu 4.

Mỗi người khi tham gia các lễ hội cần có lối ứng xử có văn hoá, biểu hiện cụ thể như:

- Thái độ: Tôn trọng giá trị văn hoá truyền thống, tôn trọng sự khác biệt văn hoá vùng miền, tôn trọng nội quy ban tổ chức,...
- Hành vi, lời nói: Có hành vi và lời nói đúng chuẩn mực, đúng pháp luật, đúng chuẩn mực đạo đức xã hội...; không có những hành vi phản cảm (như không ăn mặc quần áo quá ngắn khi đến chùa chiền; không nói tục chửi bậy nơi lễ hội; không chen chúc, dẫm đạp lên nhau để đi hội; không dẫm đạp, phá hỏng các công trình, cỏ cây, hoa lá trong khuôn viên diễn ra lễ hội...); tích cực quảng bá hình ảnh đẹp về con người Việt Nam và giá trị văn hoá VN cho bạn bè thế giới biết đến,...

3. Ngữ liệu Đọc hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

“Bắt đầu vào hội thi, trống chiêng điểm ba hồi, các đội hình dự thi xếp hàng trang nghiêm làm lễ dâng hương trước cửa đình để tưởng nhớ vị thành hoàng làng có công cứu dân, độ quốc.

Hội thi bắt đầu bằng việc lấy lửa trên ngọn cây chuối cao. Khi tiếng trống hiệu vừa dứt, bốn thanh niên của bốn đội nhanh thoăn thoắt leo lên thân cây chuối rất trơn vì đã bôi mỡ. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên, ... Có người phải bỏ cuộc, người khác lại leo lên, quang cảnh hết sức vui nhộn.

Khi lấy được nén hương mang xuống, ban tổ chức phát cho ba que diêm châm vào hương cháy thành ngọn lửa. Người trong đội sẽ vót mảnh tre già thành những chiếc đĩa bông châm lửa và đốt vào những ngọn đuốc. Trong khi đó, người trong nhóm dự thi nhanh tay giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm. Những nồi cơm nhỏ treo dưới những cành cong hình cánh cung được cầm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt. Tay cầm cần, tay cầm đuốc đứng đưa cho ánh lửa bập bùng. Các đội thổi cơm đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem hội”.

(Trích VB Hội thi nấu cơm ở Đồng Văn, Minh Nương)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2. Đoạn văn cung cấp những thông tin gì về hội thi nấu cơm ở Đồng Văn?

Câu 3. Qua một số chi tiết nói về luật lệ của hội thổi cơm thi và hình ảnh người dự thi, em có nhận xét gì về đẹp của con người Việt Nam?

Câu 4. Em hãy kể tên những lễ hội của nước ta mà em biết (Tối thiểu 03 lễ hội). Theo em, việc giữ gìn và tổ chức những lễ hội truyền thống hằng năm hiện nay có những ý nghĩa gì?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Thuyết minh

Câu 2. Đoạn văn cung cấp những thông tin về hội thi nấu cơm ở Đồng Văn:

- Tiến trình của hội thi: lễ dâng hương, lúc bắt đầu lấy lửa, nấu cơm.
- Các quy định của hội thi nấu cơm ở Đồng Văn
- Hoạt động chính của hội thi nấu cơm: *giã thóc, giần sàng thành gạo, lấy nước và bắt đầu thổi cơm*
- Không khí của hội: *hết sức vui nhộn, cổ vũ náo nhiệt*

Câu 3. Về đẹp của con người Việt Nam: khỏe mạnh và khéo léo, nhanh nhẹn và sáng tạo; đoàn kết, phối hợp trong nhóm; có ý thức tập thể.

Câu 4

* Một số lễ hội của Việt Nam được tổ chức hằng năm:

*HS nêu ý nghĩa của việc tổ chức các lễ hội truyền thống

Có thể nêu :

Lễ hội truyền thống là một phần quan trọng với đời sống tinh thần của người Việt. Do đó, việc giữ gìn và tổ chức các lễ hội truyền thống hằng năm có ý nghĩa vô cùng quan trọng:

+ Các lễ hội truyền thống là để con cháu tỏ lòng tri ân công đức của các vị anh hùng dân tộc, các bậc tiền bối đã có công dựng nước, giữ nước và đấu tranh giải phóng dân tộc.

- + Giúp thế hệ trẻ biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu cũng như phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc
- + Việc tổ chức lễ hội truyền thống còn góp phần tích cực trong giao lưu với các nền văn hóa thế giới.

ÔN TẬP VĂN BẢN: BÁNH CHUNG BÁNH GIÀY

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tìm hiểu chung

- **Thể loại:** Truyền thuyết
- **Phương thức biểu đạt chính:** Tự sự
- **Bố cục:**
 - Phần 1: Từ đầu đến.... chứng giám: Vua Hùng chọn người nối ngôi
 - Phần 2: Tiếp đếnhình tròn: Lang Liêu được thần giúp đỡ
 - Phần 3: Còn lại: Lang Liêu được chọn nối ngôi

1. Các sự việc chính

- Vua Hùng muốn truyền ngôi
- Các lang đua nhau làm lễ vật
- Lang Liêu được thần báo mộng, sáng ra thần làm theo lời thần dạy
- Vua chọn chồng bánh của Lang Liêu để lễ Tiên Vương
- Lang Liêu được truyền ngôi
- Từ đó nước ta có tục làm bánh chưng bánh giầy

2. Tóm tắt.

Vua Hùng lúc về già muốn truyền ngôi nhưng ông lại có đến 20 người con không biết chọn ai. Nhân ngày lễ Tiên Vương vua Hùng truyền rằng nếu ai làm vừa ý vua thì sẽ được truyền ngôi. Các lang thi nhau làm cỗ thật hậu. Trong đó có Lang Liêu là người buồn nhất chàng là con thứ 18 từ nhỏ mẹ mất sớm chỉ chăm lo việc đồng áng không biết làm thế nào. Một đêm chàng nằm mộng được thần mách bảo làm một loại bánh từ gạo nếp, đậu xanh, thịt heo và nặn thành hình tròn tượng trưng cho trời, bánh hình vuông tượng trưng cho đất. Đến ngày lễ vua Hùng đã chọn chồng bánh của Lang Liêu để lễ Tiên Vương. Từ đó nước ta có tục làm bánh chưng, bánh giầy.

3. Nội dung

a. Vua Hùng chọn người nối ngôi

- Hoàn cảnh: Giặc ngoài đã dẹp yên, đất nước thái bình, nhân dân lo ấm, vua đã già muốn truyền ngôi.
- Hình thức: Dâng lễ vật
- Vua Hùng không hoàn toàn theo tục lệ truyền ngôi từ đời trước chỉ truyền cho con trưởng.
=> Vua là người chú trọng tài chí hơn trưởng thứ, Vua Hùng là vị vua anh minh, coi trọng tài năng.

b. Cuộc đua tài dâng lễ vật.

- Các lang thi nhau làm cỗ thật hậu, đủ các món sơn hào hải vị

*** Lang Liêu:**

- Hoàn cảnh: Con thứ 18, mẹ mất sớm, bị ghẻ lạnh, quanh năm với ruộng đồng, nhà không có gì ngoài khoai sắn.

- Phẩm chất:

- + Sống giản dị, gần gũi với nhân dân, gắn bó với đồng ruộng, cần cù, chăm chỉ và biết quý trọng những thành quả lao động mình làm ra.
- + Biết tôn kính tổ tiên, kính trọng cha mẹ.
- + Được thần tiên giúp đỡ, thông minh, kiên nhẫn, cần cù tạo ra hai thứ bánh ngon và nhiều ý nghĩa dâng lên tổ tiên.

c. Ý nghĩa bánh chưng bánh giầy:

- Biểu trưng cho trời và đất song hành, là lòng tôn kính của con cháu với ông bà
- Tượng trưng cho những sản phẩm của nghề trồng trọt và chăn nuôi, là biểu tượng cho những sản vật của nghề nông, là sự đề cao nghề nông nghiệp truyền thống của nước ta
- Thể hiện những phẩm chất cao đẹp của người Việt ta, biết đùm bọc chở che, sống khiêm nhường giản dị.

=> Bánh chưng, bánh giầy không chỉ quý ở chỗ ngon mà còn quý phần nhiều ở ý nghĩa và công sức sáng tạo của người làm, chứng tỏ được cả cái chí, cái tài và cái nhân phẩm đạo đức đáng quý của Lang Liêu, ngoài chàng ra chẳng ai có thể xứng đáng với ngôi vua hơn cả..

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường xoay quanh công trạng, kì tích của NV mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ	- Lang Liêu làm ra bánh trưng (nguyên liệu lấy từ nông sản do nhân dân làm ra) được Vua cha lựa chọn dâng lên lễ Tiên Vương.
b. Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của NV.	- Lang Liêu nằm mộng được thần mách bảo những nguyên liệu làm bánh.
c. Cuối truyện thường gợi nhắc các dấu tích xưa còn lưu lại đến “ngày nay”.	- Hàng năm, cứ vào dịp tết Nguyên đán nhân dân ta có tục làm bánh chưng, bánh giầy để dâng cúng Trời Đất và tổ tiên.

a. Đặc điểm nhân vật truyền thuyết qua truyện Bánh chưng, bánh giầy.

Đặc điểm	Chi tiết biểu hiện
a. Thường có những điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh,...	- Lang Liêu mồ côi mẹ, là chàng trai hiền hậu, chăm chỉ, rất mực hiếu thảo.
b. Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lớn đối với cộng đồng	- Lang Liêu làm ra bánh trưng (nguyên liệu lấy từ nông sản do nhân dân làm ra) được Vua cha lựa chọn dâng lên lễ Tiên Vương.
c. Được cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.	- Hàng năm, cứ vào dịp tết Nguyên đán nhân dân ta có tục làm bánh chưng, bánh giầy để tưởng nhớ tổ tiên và người đã sáng tạo ra 2 thứ bánh này.

3. Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của văn bản

a. Nghệ thuật: sử dụng các yếu tố tưởng tượng, kì ảo, cách kể chuyện dân gian,...

b. Nội dung: Truyền thuyết “Bánh chưng bánh giầy” vừa giải thích nguồn gốc của bánh chưng, bánh giầy vừa phản ánh thành tựu văn minh nông nghiệp ở buổi đầu dựng nước với thái độ đề cao lao động, đề cao nghề nông và thể hiện sự tôn kính Trời, Đất và tổ tiên của nhân dân ta.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: CỤM TỪ, NGHĨA CỦA TỪ, DẤU CHẤM PHẪY

I. LÝ THUYẾT

1. Cụm động từ

a. Khái niệm: Cụm động từ là tập hợp từ, gồm động từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau động từ trung tâm ấy.

b. Cấu tạo:

Cụm danh từ gồm ba phần:

- + Phần trung tâm ở giữa: là động từ
- + Phần phụ trước: Thường bổ sung cho động từ ý nghĩa về
+ Thời gian(*đã, đang, sẽ,...*)
+ Khẳng định/phủ định(*không, chưa, chẳng...*)
+ Tiếp diễn(*đều, vẫn, cứ,...*).
- + Mức độ của trạng thái (*rất, hơi, quá,...*)
- + Phần phụ sau: thường bổ sung cho động từ những ý nghĩa về :
+ Đối tượng (*đọc sách*),
+ Địa điểm (*đi Hà Nội*),
+ Thời gian (*làm việc từ sáng*),...

2. Cụm tính từ

a. Khái niệm: Cụm tính từ là tập hợp từ, gồm tính từ trung tâm và một số từ ngữ phụ thuộc đứng trước, đứng sau tính từ trung tâm ấy.

b. Cấu tạo:

Cụm danh từ gồm ba phần:

- + Phần trung tâm ở giữa: là tính từ
- + Phần phụ trước: Thường bổ sung cho tính từ ý nghĩa về
+ Mức độ (*rất, hơi, khá,...*),
+ Thời gian (*đã, đang, sẽ,...*),
+ Tiếp diễn (*vẫn, còn,...*).
- + Phần phụ sau: thường bổ sung cho tính từ những ý nghĩa về :
+ Phạm vi (*giỏi toán*),
+ So sánh (*đẹp như tiên*),
+ Mức độ (*hay ghê*),...

II. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

Bài tập 1

Xác định cụm danh từ cụm động từ cụm tính từ trong các cụm từ sau:

1. Tất cả những học sinh ấy
2. khẽ co mình
3. Vẫn cứ còn trẻ
4. Đẹp như cô tiên giáng trần
5. Cũng rất thông minh
6. Mấy vạt cỏ xanh biếc
7. Một người thợ xây
8. Mấy con chim chào mào
9. Sẽ nghỉ ở thành phố Vinh
10. Vẫn hát bình thường

Hướng dẫn làm bài

1. tất cả những học sinh ấy (cụm danh từ)
2. khẽ co (mình cụm động từ)
3. vẫn cứ còn trẻ (cụm tính từ)
4. đẹp như cô tiên giáng trần (cụm tính từ)
5. cũng rất thông minh (cụm tính từ)
6. mấy vạt cỏ xanh biếc (cụm danh từ)
7. một người thợ xây (cụm danh từ)
8. mấy con chim chào mào (cụm danh từ)
9. sẽ nghỉ ở thành phố Vinh (cụm động từ)
10. vẫn hát bình thường (cụm động từ)

Bài tập 2

Hãy tìm cụm tính từ trong đoạn văn sau và xếp vào mô hình cụm tính từ

Xóm ấy trú ngụ đủ các chi họ Chuồn chuồn. Chuồn chuồn Chứa lúc nào cũng như dừ dôi, hùng hổ nhưng kì thực trong kĩ đôi mắt lại rất hiền. Chuồn chuồn Ngô nhanh thoăn thoắt, chao một cái đã biến mất. t Chuồn Chuồn Ót rục rờ trong bộ quần áo đỏ chót giữa ngày hè chói lọi, đi đàng xa đã thấy. Chuồn chuồn tương có đôi cánh kẹp vàng điểm đen thường bay lượn quanh bãi những hôm nắng to. Lại anh KÌM KÌM KÌM lúc nào cũng lầy bẫy như mẹ đẻ thiếu tháng, chỉ có bốn mẫu cánh tí tẹo, cái đuôi bằng chiếc khăn tắm dài nghêu, đôi mắt nổi to hơn đầu, cũng đậu ngụ cư vùng này.

(Tô Hoài)

Hướng dẫn làm bài

*** Trong đoạn có các cụm tính từ:**

- đủ các chi họ Chuồn chuồn
- rất hiền
- nhanh thoăn thoắt
- rục rờ trong bộ quần áo đỏ chót giữa ngày hè chói lọi
- vàng điểm đen
- nắng to
- cũng lầy bẫy như mẹ đẻ thiếu tháng
- thiếu tháng
- dài nghêu
- to hơn đầu

* Xếp các cụm tính từ trên vào mô hình cụm tính từ:

Phần trước (Phụ ngữ)	Phần trung tâm (tính từ)	Phần sau (Phụ ngữ)
	đủ	các chi họ Chuồn chuồn
rất	hiền	
	nhANH	thoán thoắt
	rực rỡ	trong bộ quần áo đỏ chót giữa ngày hè chói lọi
	vàng	điểm đen
	nắNG	to
cũng	lầy bầy	như mẹ đẻ thiếu tháng
	thiếu	tháng
	dài	ngheU
	to	hơn đầu

Bài tập 3

Viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về một mùa hoặc một cảnh thiên nhiên mà em yêu thích. Trong đoạn văn có sử dụng cụm động từ và cụm tính từ

Hướng dẫn làm bài

- Giáo viên hướng dẫn học sinh chọn chủ đề về mùa hoặc một cảnh vật mà em yêu thích
- Trong đoạn văn thực hiện các yêu cầu sau:
 - + Nêu được lý do vì sao mình lại yêu thích mùa đó hoặc cảnh vật đó.
 - + Mùa hoặc cảnh vật đó có nét đặc trưng gì?

Tham khảo đoạn văn sau:

Đoạn 1:

Mùa xuân tươi đẹp đã về. Tiết trời ấm áp xua tan cái lạnh giá của mùa đông. Xuân về, đem hơi thở nồng nàn, rạo rực phủ lên mọi vật. Cả đất trời như bừng thức dậy sau giấc ngủ đông. Trong vườn trăm hoa khoe sắc. Đó là màu vàng tinh khiết của hoa mai, sắc hồng tinh khôi của hoa đào, màu trắng trang nhã, thanh tao của hoa mận, hoa quất... Trên bầu trời từng đàn chim én chao liệng nghiêng mình chào đón mùa xuân. Không khí chào đón mùa xuân tràn ngập khắp mọi nơi. Nhà cửa, phố phường cũng khoác trên mình màu áo mới nhiều mà màu sắc khiến lòng người cũng lâng lâng chỉ muốn cất lên tiếng hát chào xuân.

Đoạn 2:

Mùa thu kiêu diễm đã về. Những cơn gió heo may nhẹ nhàng thổi. Hoa cúc vàng khoác trên mình tấm áo vàng rực rỡ, tự tin khoe sắc trước gió ... Lòng em chợt dâng lên cảm xúc khó tả khi phải chia tay mùa hạ. Tạm biệt những chùm phượng đỏ, những tiếng ve dân gian. Tạm biệt những chuyến đi vui về cùng gia đình và bạn bè ... Một năm học mới sắp đến! Dẫu còn nhiều điều lưu luyến với mùa hạ nhưng lòng em lại háo hức khi nghĩ về ngày khai giảng, được gặp lại thầy cô, bạn bè. Năm học mới, em sẽ cố gắng học tốt để năm sau có một mùa hè vui hơn nữa. Cái nắng đầu thu nhắc em mong sớm đến rằm Trung thu để được ngắm vầng trăng tròn vành vạnh, được thưởng thức những chiếc bánh dẻo, bánh nướng do chính tay mẹ em làm. Mùa thu ơi, em mong ước mùa thu về biết bao!

Bài tập 4

Viết một đoạn văn ngắn kể về công việc hàng ngày của em trong đoạn văn có sử dụng ít nhất 5 cụm động từ.

Đoạn văn tham khảo:

Hàng ngày những lúc rỗi rãi em thường giúp mẹ làm những công việc nhẹ trong nhà, khi thì quét nhà, rửa ấm chén, khi thì tưới nước cho hoa hồng, giặt quần áo, phơi quần áo, nấu cơm, trông em ... Mỗi khi em làm được những việc như vậy thường bố mẹ em khen. Thỉnh thoảng em được những món quà bất ngờ mà bố mẹ nói là để thưởng cho em vì học tập tốt và biết giúp đỡ gia đình.

Bài 5.

Từ láy, từ ghép: Xác định từ láy, từ ghép trong những từ sau. Cho biết cơ sở để xác định như vậy.

a. Băn khoăn, đông đảo, tờ mờ, cuộn cuộn, yêu thương, dùng dùng, lành bệnh, nao núng, mỗi một, vững vàng, sính lễ, ruộng đồng.

b. Say sưa, đồng bằng, anh hùng, lễ hội, tôi luyện, may mắn, khí giới, tung bừng, gìn giữ, cộng đồng, trên thế, lưu truyền.

Từ ghép	Từ láy
a. đông đảo, yêu thương, mỗi một, sính lễ, ruộng đồng.	Băn khoăn, tờ mờ, cuộn cuộn, dùng dùng, lành bệnh, nao núng, vững vàng.
b. đồng bằng, anh hùng, lễ hội, tôi luyện, khí giới, gìn giữ, cộng đồng, trên thế, lưu truyền	Say sưa, may mắn, tung bừng.
Cơ sở để xác định: Mối quan hệ giữa các tiếng + Từ ghép: Các tiếng có quan hệ về nghĩa (quan hệ chính phụ, hoặc quan hệ bình đẳng, ngang hàng. + Từ láy: các tiếng có quan hệ về ngữ âm (giống nhau hoàn toàn, hoặc lặp lại phụ âm, vần)	

Bài 6:

a. Từ Hán Việt: mô hình cấu tạo: sơn + A (núi), thiên (trời, tự nhiên) + A. Giải thích ngắn gọn nghĩa của các từ vừa tìm được.

Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (sơn + A)	Giải nghĩa từ
<i>hà</i>	<i>sơn hà</i>	sông núi ; chỉ đất đai, chủ quyền của một đất nước.
<i>thủy</i>	<i>sơn thủy</i>	sông núi; chỉ phong cảnh thiên nhiên nói chung
<i>lâm</i>	<i>sơn lâm</i>	rừng núi
<i>Tinh</i>	<i>Sơn Tinh</i>	thần Núi

Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (thổ + A)	Giải nghĩa từ
<i>cur</i>	<i>thổ cur</i>	đất ở
<i>nhưỡng</i>	<i>thổ nhưỡng</i>	đất có độ mềm, xốp dùng trong trồng trọt, nông nghiệp
<i>canh</i>	<i>thổ canh</i>	đất để canh tác

Yếu tố Hán Việt A	Từ Hán Việt (thiên + A)	Giải nghĩa từ
<i>bẩm</i>	<i>thiên bẩm</i>	trời sinh
<i>hạ</i>	<i>thiên hạ</i>	mọi nơi nói chung trên trái đất
<i>mệnh</i>	<i>thiên mệnh</i>	mệnh trời
<i>lương</i>	<i>thiên lương</i>	bn tính tốt sẵn có từ mới sinh ra, lương tâm.
<i>tài</i>	<i>thiên tài</i>	tài năng nổi bật hơn hẳn mọi người, dường như được trời phú cho
<i>tính</i>	<i>thiên tính</i>	- tính vốn có, do trời phú cho.

b. Từ Hán Việt: mô hình cấu tạo: A+ thoại (lời kể, chuyện kể); A + tượng (hình ảnh, liên quan đến hình ảnh).

Từ Hán Việt: A+ thoại (lời kể, chuyện kể): đồng thoại, giai thoại, huyền thoại, thần thoại, tiên thoại.

Từ Hán Việt: A + tượng (hình ảnh, liên quan đến hình ảnh) tượng trưng, ẩn tượng, biểu tượng, cảnh tượng, hiện tượng, hình tượng, khí tượng, khí tượng, tường tượng.

Bài 7:

Cho thành ngữ: Hô mưa, gọi gió; oán nặng, thù sâu

- Phân tích được đặc điểm cấu tạo của thành ngữ cho trước

- Tìm thành ngữ có cấu tạo tương tự, giải nghĩa .

- Một số thành ngữ tương tự : *Góp gió thành bão, ăn gió nằm sương, dãi nắng dầm mưa, đội trời đạp đất, chân cứng đá mềm, ăn to nói lớn, lên thác xuống ghềnh, bóc ngắn cắn dài ...*

Thành ngữ	Nghĩa của thành ngữ
<i>Thả hổ về rừng</i>	- Hành động vô tình lại tạo thêm điều kiện cho kẻ dữ hoành hành ở môi trường quen thuộc.

<i>Góp gió thành bão</i>	- Góp nhặt nhiều món nhỏ, dần dần thành món lớn.
<i>Lên thác xuống ghềnh</i>	- Chỉ cảnh gian nan, vất vả
<i>bóc ngắn cắn dài</i>	- Làm ra được ít mà lại tiêu dùng quá nhiều.
<i>dãi nắng dầm mưa</i>	- Chịu đựng nhiều nỗi gian lao vất vả trong cuộc sống.
<i>ăn gió nằm sương</i>	- Nghĩa là ăn giữa gió nằm giữa sương, dùng để tả những nỗi vất vả của người đi đường.
<i>đội trời đạp đất</i>	- Ví lối sống và hành động hết sức tự do, ngang tàng, không thừa nhận bất cứ một uy quyền nào trên đời

Bài 8: Tìm các thành ngữ được cấu tạo theo dạng sau (**lớn nhanh như thổi, chết như ngả rạ**) : gồm hai yếu tố có quan hệ so sánh với nhau (được biểu thị bởi từ như chỉ sự so sánh).
- Đặt câu với mỗi thành ngữ vừa tìm được.

Gợi ý trả lời

Thành ngữ	Nghĩa của thành ngữ
<i>Đắt như tôm tươi</i>	được rất nhiều người mua, có bao nhiêu cũng hết ngay; rất đắt hàng VD: Cô ấy bán hàng <i>đắt như tôm tươi</i> , bao nhiêu cũng hết.
<i>Lúng ba lúng búng như ngậm hột thị</i>	nói ấp úng, không rõ ràng, thiếu rành mạch. VD: Bạn ấy nói năng <i>lúng ba lúng búng như ngậm hột thị chả ai hiểu gì cả</i> .
<i>Trắng như tuyết</i>	Rất trắng, không gì trắng bằng (thường để chỉ da) VD: Cô ấy có làn da <i>trắng như tuyết ấy nhỉ!</i>
<i>Đen như cột nhà cháy</i>	Rất đen, khó ai có thể đen hơn (chỉ da) Mùa hè mà nó cứ đen nắng thì có mà <i>đen như cột nhà cháy</i> .

Bài 9: Tìm các dấu chấm phẩy được dùng trong những câu dưới đây và chỉ ra tác dụng của chúng trong câu:

- “Chúng kể cho tôi nghe cuộc sống buồn tẻ của chúng và những chuyện đó làm tôi buồn lắm; chúng kể cho tôi nghe về những con chim tôi bắt được sống ra sao và nhiều chuyện trẻ con khác, nhưng tôi nhớ lại thì chưa bao giờ chúng nói một lời nào về di ghê.”
- “Nhưng tôi cũng không muốn chúng nó phải khôn khổ mà đàn độn như Nhuận Thổ; cũng không muốn chúng nó phải khôn khổ mà tàn nhẫn như bao nhiêu người khác.”

- c. Theo báo cáo khoa học của đoàn thám hiểm của Hội địa lý Hoàng gia Anh gần đây, cửa hang cao và rộng nhất; bãi cát, bãi đá rộng và đẹp nhất; có những hồ ngầm đẹp nhất; hang khô rộng và đẹp nhất; thạch nhũ trắng lệt và kì ảo nhất; sông ngầm dài nhất.
- d. Những bến vận hà nhộn nhịp dài theo dòng sông; những lò than hầm gỗ được sản xuất loại than củi nổi tiếng nhất của miền Nam; những ngôi nhà bè ban đêm ánh đèn măng sông chiếu rực trên mặt nước như những khu phố nổi.
- e. Một người ở vùng núi Tản Viên có tài lạ: vẫy tay về phía đông, phía đông nổi cồn bãi; vẫy tay về phía tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi.
- h. Một người ở miền biển, tài năng cũng không kém: gọi gió, gió đến; hô mưa, mưa về.
- g. Từ khi lớn lên, ra ở riêng, ông chăm chỉ lo việc đồng áng, trồng lúa, trồng khoai; bây giờ nhìn quanh quần trong nhà, chỉ thấy khoai lúa là nhiều.

Gợi ý trả lời

Câu	Tác dụng của dấu chấm phẩy:
a	Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp, cụ thể là ngăn cách các vế của một câu ghép phức tạp
b	Đánh dấu ranh giới, cụ thể là ngăn cách các bộ phận cùng làm vị ngữ trong câu.
c	Dùng để làm ranh giới giữa các bộ phận trong một phép liệt kê phức tạp.
d	Dùng để ngăn ranh giới các vế của một câu ghép có cấu tạo phức tạp.
e, h	Dấu chấm phẩy dùng để đánh dấu ranh giới giữa các bộ phận của phép liệt kê phức tạp (liệt kê của từng tài năng của Sơn Tinh và Thủy Tinh).
g	Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp

Bài 10: Biện pháp tu từ điệp ngữ: Tìm những câu văn có sử dụng phép tu từ điệp ngữ trong VB Sơn Tinh, Thủy Tinh và chỉ ra tác dụng của phép tu từ này.

Câu văn	Điệp ngữ	Tác dụng của điệp ngữ
“ <u>Một người là</u> chúa miền non cao, <u>một người là</u> chúa vùng nước thẳm, cả hai đều xứng đáng làm rể Vua Hùng”	“ <u>một người là</u> ”	nhấn mạnh sự ngang tài ngang sức, mỗi người một vẻ của Sơn Tinh, Thủy Tinh.
<u>Một người ở</u> vùng núi Tản Viên, có tài lạ: <u>vẫy tay về phía</u> đông, phía đông nổi cồn bãi; <u>vẫy tay về phía</u> tây, phía tây mọc lên từng dãy núi đồi. ... <u>Một người ở</u> miền biển, tài năng cũng không kém: gọi <u>gió</u> , <u>gió</u> đến; hô <u>mưa</u> , <u>mưa</u> về	- “ <u>một người ở...</u> ” - “ <u>vẫy tay về phía...</u> ”...	...nhằm liệt kê các phép lạ của Sơn Tinh và Thủy Tinh, nhấn mạnh sự dứt khoát, hiệu nghiệm tức thì.
“ <u>Nước</u> ngập ruộng đồng, <u>nước</u> tràn nhà cửa, <u>nước</u> dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh bênh trên một biển nước.”	- “ <u>nước...</u> ”	nhằm liệt kê những sự vật bị ngập, nhấn mạnh việc nước ngập mọi nơi, lần lượt, tăng tiến (từ xa đến gần, từ ngoài vào trong), qua đó thể hiện sức mạnh, sự tức giận

Bài 11: Các cụm động từ trong các câu văn sau:

a. Nước ngập ruộng đồng, nước tràn nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên trên một biển nước. ”

b. Trong ngày này, dân làng tổ chức lễ rước cờ tới đền Mẫu, rước cơm chay (cơm cà) lên đền Thượng.

Bài 12: Tạo cụm tính từ và đặt thành câu văn sau:

Các từ: ngon, nhanh, vui, đau.

Tính từ	Cụm tính từ	Câu
Ngon	rất ngon	Bánh chưng, bánh giầy bà gói <u>rất ngon</u> ạ.
nhanh	Nhanh hơn	Chúng mình thi xem ai chạy <u>nhanh hơn</u> .
vui	Vui quá	Lớp chúng mình <u>vui quá</u> .
đau	Hơi đau	Lan chỉ <u>hơi đau thôi</u> , bạn không phải lo.

ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:

Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện
(một sinh hoạt văn hóa)

A. LÝ THUYẾT**I. Yêu cầu đối với một bài văn tả cảnh sinh hoạt.****1. Thuyết minh là gì?**

Thuyết minh là phương thức giới thiệu những tri thức khách quan, xác thực và hữu ích về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân,... của các hiện tượng, sự vật trong tự nhiên, xã hội.

2. Yêu cầu đối với bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện

- Xác định rõ người tường thuật tham gia hay chứng kiến sự kiện và sử dụng ngôi tường thuật phù hợp.
- Giới thiệu được sự kiện cần thuật lại, nêu được bối cảnh (không gian và thời gian).
- Thuật lại được diễn biến chính, sắp xếp các sự việc theo một trình tự hợp lí.
- Tập trung vào một số chi tiết tiêu biểu, hấp dẫn, thu hút được sự chú ý của người đọc.
- Nêu được cảm nghĩ, ý kiến của người viết về sự kiện.

3. Để bài viết sinh động có thể sưu tầm thêm tranh ảnh, đồ vật, video..

B. Thực hành viết theo các bước làm viết .**Bước 1. Trước khi viết****a. Lựa chọn sự kiện:**

- Sự kiện mà em được tham gia, chứng kiến, hoặc được tìm hiểu qua các phương tiện thông tin.
- Sự kiện đó em có hứng thú, hoặc đã để lại dấu ấn trong em.
- Sự kiện thuận lợi cho em tham gia, chứng kiến, hoặc tìm hiểu.

b. Thu thập dữ liệu về sự kiện:

- Quan sát trực tiếp, chọn lọc, ghi chép kiến thức về sự kiện.
- Sưu tầm kiến thức từ sách, báo, mạng...

Bước 2. Tìm ý, lập dàn ý

a. Tìm ý (điền phiếu tìm ý)

- + Thời gian, địa điểm diễn ra sự kiện
- + Hoạt động chính (trình tự, kết quả của hoạt động)
- + Ý nghĩa của sự kiện

b. Lập dàn ý

- **Mở bài:** Giới thiệu sự kiện (không gian, thời gian, mục đích tổ chức sự kiện)
- **Thân bài:** Tóm tắt diễn biến sự kiện theo trình tự thời gian.
 - + Nhân vật tham gia sự kiện
 - + Các hoạt động chính của sự kiện; đặc điểm, diễn biến của từng hoạt động.
 - + Hoạt động để lại ấn tượng sâu sắc nhất.
- **Kết bài:** Nêu ý nghĩa của sự kiện và cảm nghĩ của người viết

Bước : Kiểm tra và chỉnh sửa: (tự đánh giá đoạn văn theo bảng dưới)

- Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.
- Tự đánh giá và rút kinh nghiệm

B. LUYỆN TẬP

Đề bài: 1. Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện: Giờ trái đất

Một trong những sự kiện mang tính toàn cầu là “Giờ Trái Đất”. Sự kiện này đã có những tác động tích cực liên quan đến môi trường của Trái Đất.

Năm 2004, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế Ô-xtrây-li-a tìm kiếm phương pháp truyền thông mới để đưa vấn đề biến đổi khí hậu vào hoạt động tuyên truyền. Đến năm 2005, Tổ chức Bảo tồn Thiên nhiên Quốc tế Ô-xtrây-li-a cùng công ty Lê-ô Bốc-net Xít-ni xây dựng ý tưởng về dự án “Tiếng tắt lớn”. Nhà quảng cáo Lê-ô Bốc-net đặt tên cho chiến dịch là “Giờ Trái Đất” vào năm 2006. Sau đó, một lễ khai mạc sự kiện giờ trái đất được tổ chức tại Xít-ni, Ô-xtrây-li-a vào ngày 31 tháng 3 năm 2007. Cho đến ngày 29 tháng 3 năm 2008, chiến dịch được tổ chức ở 371 thành phố, thị trấn, hơn 35 quốc gia, 50 triệu người và trong đó có Việt Nam. Một năm sau đó (2009), hơn 4000 thành phố, 88 quốc gia trên thế giới tham gia tắt đèn trong 1 giờ đồng hồ.

Sự kiện “Giờ Trái Đất” ra đời với mục đích đề cao việc tiết kiệm điện năng, giảm lượng khí thải đi-ô-xít các-bon - một khí gây ra hiệu ứng nhà kính. Đồng thời, sự kiện này cũng thu hút sự chú ý của mọi người về ý thức bảo vệ môi trường. Từ đó khẳng định quan điểm cho rằng mỗi một hành động cá nhân khi được nhân lên trên diện rộng có thể giúp làm thay đổi môi trường sống của chúng ta theo hướng ngày càng tốt hơn.

Sự kiện “Giờ Trái Đất” diễn ra với rất nhiều hoạt động có ý nghĩa như tắt đèn và các thiết bị điện không cần thiết trong một tiếng đồng hồ, tăng cường sử dụng các phương tiện giao thông xanh, tuyên truyền vận động bạn bè, người thân hưởng ứng chiến dịch... Những hành động tuy nhỏ bé nhưng đã đem lại những tác động tích cực đến Trái Đất.

Như vậy, sự kiện “Giờ Trái Đất” có ý nghĩa vô cùng to lớn, góp phần bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên... cho nhân loại.

Đề 2: Viết bài văn thuật lại sự kiện Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Cách mạng tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã phá bỏ xiềng xích nô lệ hơn 80 năm dưới ách thống trị của thực dân Pháp, mở ra một bước ngoặt mới cho đất nước Việt Nam.

Những mốc son của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945

Ngày 9 tháng 3 năm 1945, trong đêm Nhật - Pháp bắn nhau, Hội nghị Thường vụ mở rộng dưới sự chỉ đạo của Tổng bí thư Trường Chinh. Đến ngày 12 tháng 3 năm 1945, Ban thường vụ trung ương Đảng đã họp hội nghị mở rộng, ra Chỉ thị nêu rõ “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 8 năm 1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc, ra Quân lệnh số 1.

Ngày 16 tháng 8 năm 1945, Đại hội Quốc dân họp ở Tân Trào (Tuyên Quang) thông qua Lệnh Tổng khởi nghĩa. Đến chiều cùng ngày, một đơn vị Quân giải phóng do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ huy từ Tân Trào tiến về giải phóng Thái Nguyên, mở đầu cho Cách mạng tháng Tám.

Ngày 17 tháng 8 năm 1945, Ủy ban giải phóng dân tộc ra mắt quốc dân và làm lễ tuyên thệ trước sân đình Tân Trào. Vào ngày 18 tháng 8 năm 1945, nhân dân bốn tỉnh Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi tại thủ đô Hà Nội. Từ ngày 20 tháng 8, cuộc tổng khởi nghĩa lan rộng ra trên khắp các tỉnh thành phố.

Ngày 30 tháng 8 năm 1945, Hoàng đế Bảo Đại - vị vua cuối cùng của triều đình nhà Nguyễn thoái vị. Cuộc Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám toàn thắng.

Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Ý nghĩa của Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám

Cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám đã mở ra một kỉ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam - kỉ nguyên của độc lập, tự do, nhân dân lao động lên nắm chính quyền, làm chủ đất nước... Từ đây, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành Đảng cầm quyền, chuẩn bị điều kiện cho những thắng lợi tiếp theo. Đồng thời, thắng lợi trên đã góp phần tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, cũng như cổ vũ tinh thần đấu tranh của các nước thuộc địa.

Đề 3. Viết bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện một sinh hoạt văn hóa (Lễ hội đền Hùng)

"Dù ai đi ngược về xuôi"

Nhớ ngày giỗ tổ mừng mười, tháng ba"

Cứ hàng năm, những người con dân tộc Việt luôn hướng về quê hương Phú Thọ thân yêu dịp 10/3 âm lịch để tưởng nhớ công ơn của các vua Hùng dựng nước. Đó cũng là dịp mà lễ hội Đền Hùng diễn ra.

Theo lịch sử ghi lại, lễ hội Đền Hùng đã có từ lâu đời. Ngay từ thời Đinh, Lý, Tiền Lê, thời Trần thì nhân dân khắp cả nước đều tụ hội về đây lễ bái gửi lòng cảm tạ thành kính đến công ơn của mười tám đời vua Hùng đã có công dựng nước, giữ nước. Lễ hội ấy được giữ gìn cho đến ngày nay và trở thành một nét đặc sắc trong văn hóa dân tộc, cũng từ đây ngày 10/3 âm lịch hàng năm được xem là một ngày quốc lễ của nước ta. Vào những năm lẻ, lễ hội Đền Hùng do tỉnh nhà Phú Thọ tổ chức, những năm chẵn do Trung ương phối hợp với Bộ văn hóa thể thao du lịch cùng uỷ ban tỉnh Phú Thọ phối hợp tổ chức. Dù tổ chức theo quy mô lớn hay nhỏ thì phần hội và phần lễ vẫn diễn ra vô cùng long trọng và linh đình, tín ngưỡng thờ cúng vua Hùng chính thức được UNESCO công nhận là "Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại" vào năm 2002 đã chứng minh cho sức sống lâu bền và giá trị độc đáo của lễ hội này.

Nhiều địa phương trên cả nước như Đà Nẵng, Hà Nội,... đã tổ chức lễ hội này như một nét đẹp để giáo dục con cháu mai sau không quên đi nguồn cội dân tộc và cố gắng học tập dựng xây đất nước để đền đáp công lao dựng nước của ông cha.

Phần lễ gồm lễ rước kiệu và lễ dâng hương. Lễ hội rước kiệu vừa được diễn ra trong không khí đầy long trọng với những cờ, lọng, hoa đầy màu sắc. Trong làng, ai ai cũng phấn khởi và sắm cho mình bộ trang phục truyền thống để tham dự phần lễ. Đoàn đại biểu trung ương, tỉnh, thành phố đều tập trung tại một địa điểm cùng đoàn xã tiêu binh rước vòng hoa tới chân núi Hùng. Đoàn đại biểu đi sau kiệu lễ, kiệu lễ được chuẩn bị chu đáo từ trước. Chặng đường rước kiệu lên đền có tiếng nhạc phường bát âm, có đội múa sinh tiền tạo nên vẻ trang trọng của một nghi lễ dân tộc. Sau khi tới đền, đoàn người kính cẩn dâng lễ vào thượng cung, mọi việc đều tiến hành rất cẩn thận, chi tiết và nhanh chóng. Sau đó, đại biểu đại diện bộ Văn hóa thay mặt cho lãnh đạo tỉnh và nhân dân cả nước trình trọng đọc chúc căn lễ tổ, mọi người ai nấy đều chăm chú lắng nghe trong nỗi niềm đầy xúc động và thành kính. Tất cả đều thành tâm dâng lễ với ước nguyện mong tổ tiên phù hộ cho con cháu quê nhà.

Tiếp đến là lễ dâng hương, mỗi người con đến với cùng đất này đều mong muốn thắp lên đền thờ nén nhang thành kính, nhờ hương khói nói hộ tâm nguyện của lòng mình với tổ tiên. Mỗi tác đất, ngọn cỏ, gốc cây nơi đây đều được coi là linh thiêng. Với những người ở xa không về được hoặc không có điều kiện đến đây, tới ngày này họ vẫn dành thời gian để đi lễ chùa thắp nén hương tưởng nhớ nguồn cội, đầu đầu cũng đông đúc, náo nhiệt và tưng bừng.

Xong phần lễ là đến phần hội, nếu lễ mang sự trang nghiêm thì phần hội mang đến nét vui vẻ, thoải mái cho mỗi người. Ở phần hội, nhiều trò chơi dân gian được diễn ra như chơi gà, đu quay, đấu vật hay đánh cờ tướng,... thu hút mọi người tham gia, các đội chơi ai cũng mong phần thắng mang về danh dự cho quê mình. Bên cạnh đó, nhiều trò chơi hiện đại cũng được lòng ghép hài hòa đáp ứng thị hiếu, đam mê sở thích của mọi lứa tuổi. Đặc biệt, không thể thiếu được trong dịp lễ này là các hình thức dân ca diễn xướng, hát quan họ hay kịch nói được diễn ra bằng hình thức thi tài giữa các làng, các thôn nhằm giao lưu văn hóa, văn nghệ. Những lời ca mượt mà êm ái trong từng làn điệu Xoan - Gheo đầy hấp dẫn mang đậm dấu ấn vùng đất Phú Thọ. Giữa trung tâm lễ hội được trưng bày khu bảo tàng Hùng Vương lưu giữ những di vật cổ của thời đại các vua Hùng xưa, tạo điều kiện cho những người đến thăm quan tìm hiểu, chụp ảnh lưu niệm. Ngoài ra, trong khu vực diễn ra lễ hội, nhiều mặt hàng lưu niệm được bày bán cho du khách mua làm quà kỉ niệm, các dịch vụ văn hóa phẩm hay ăn uống với những món ăn truyền thống và hiện đại cũng được tổ chức linh hoạt.

Hiện nay, khi đất nước phát triển hơn, nhà nước không chỉ chăm lo đến đời sống vật chất và còn cố gắng để phát huy những giá trị tinh thần cao đẹp. Báo chí, đài truyền hình, thông tấn xã vẫn là cầu nối tuyệt vời đưa những giá trị tín ngưỡng đến với tất cả đồng bào trên mọi miền tổ quốc và nhân dân thế giới biết và hiểu hơn về những nét đẹp của lễ hội truyền thống dân tộc Việt.

Đề 4. Bài văn thuyết minh thuật lại một sự kiện ngày nhà giáo Việt Nam 20/11

Ngày nhà giáo Việt Nam là một ngày kỉ niệm được tổ chức hàng năm vào ngày 20 tháng 11 tại Việt Nam. Đây là ngày lễ hội của ngành giáo dục và là ngày nhà giáo, ngày “tôn sư trọng đạo” nhằm mục đích tôn vinh những người hoạt động trong ngành này.

1. Những ngày đầu tháng mười một, các giáo viên ở tất cả các trường trong cả nước lại sôi động với những phong trào, thi đua, các hoạt động giảng dạy tốt để chào mừng ngày nhà giáo

Việt Nam, đây cũng là ngày để các thế hệ học trò tri ân tới những thầy cô dạy dỗ chúng ta nên người. Vào ngày 20/11, từ lâu đã được xem là một ngày lễ "tôn sư trọng đạo" để tôn vinh các nhà giáo, người đã đứng trên bục giảng hằng ngày truyền đạt những tri thức quý báu và cách sống trở thành người có ích cho xã hội cho những thế hệ học trò. Đây cũng là dịp để thế hệ học sinh tỏ lòng biết ơn, tri ân của mình tới những "người đưa đèn thầm lặng" trên bến sông cuộc đời.

2. Lịch sử của ngày nhà giáo Việt Nam bắt đầu từ một tổ chức quốc tế của các nhà giáo dục tiến bộ thành lập ở Pari (Pháp) vào hồi tháng 7 năm 1946 có tên là F.I.S.E (Fédération Internationale Syndicale des Enseignants - Liên hiệp quốc tế các công đoàn giáo dục).

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Công đoàn giáo dục Việt Nam đã mở rộng quan hệ với FISE để tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế, tố cáo tội ác của bọn xâm lược đối với nhân dân ta nói chung và với các thầy cô giáo, học sinh nói riêng.

Vào mùa xuân năm 1953, Đoàn Việt Nam do Thứ trưởng Bộ Quốc gia Giáo dục Nguyễn Khánh Toàn làm trưởng đoàn dự Hội nghị quan trọng kết nạp Công đoàn Giáo dục của một số nước vào tổ chức FISE tại Viên (Thủ đô nước Áo), trong đó có Công đoàn Giáo dục Việt Nam. Như vậy, chỉ một thời gian ngắn sau khi thành lập, Công đoàn giáo dục Việt Nam đã được kết nạp là một thành viên của FISE.

Từ ngày 26 đến ngày 30 tháng 8 năm 1975 tại thủ đô Warszawa (Ba Lan) đã diễn ra một buổi hội nghị FISE với 57 quốc gia tham dự, trong đó có Giáo dục Công đoàn Việt Nam và quyết định lấy ngày 20/11/1958 là ngày “Quốc tế hiến chương các nhà giáo”. Ngày này, lần đầu tiên được tổ chức tại khu vực phía bắc của nước ta vào năm 1958. Nhiều năm sau ngày này cũng được tổ chức tại các vùng giải phóng ở miền nam.

Vào ngày 28/9/1982, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành quyết định số 167-HĐBT thiết lập ngày 20/11 hằng năm là ngày lễ mang tên "Ngày nhà giáo Việt Nam". Ngày 20/11 đã trở thành ngày truyền thống của ngành Giáo dục Việt Nam và gắn liền với phong tục tập quán của nước ta.

3. Như trở thành thông lệ, vào ngày 20/11 tất cả các trường trong cả nước lại nô nức với các hoạt động do những học sinh trong trường thực hiện như: Thi văn nghệ, lễ mít-tinh chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam, dựng trại, thi cắm hoa... và nhiều hoạt động có ý nghĩa khác. Và vào những ngày này tất cả các thế hệ học trò, cũng như những ngành nghề khác trong xã hội đều giành thời gian để chia sẻ và tri ân tới những người thầy, cô từng ngày âm thầm lặng lẽ cống hiến hết cuộc đời mình cho sự nghiệp trồng người của đất nước.

(Nguồn Internet)

BÀI 7: ÔN TẬP THẾ GIỚI CÔ TÍCH

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

Giúp HS:

- Ôn tập củng cố, hệ thống hóa kiến thức về thể loại truyện cổ tích: cốt truyện, nhân vật, yếu tố kì ảo, nhận biết được chủ đề văn bản: *Thạch Sanh*, *Cây khế*, *Vua chích chòe*; và một số truyện cùng thể loại.

- Nêu được ấn tượng chung về văn bản; nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

- Tóm tắt được văn bản một cách ngắn gọn.

- Biết vận dụng kiến thức về nghĩa của từ và biện pháp tu từ để đọc, viết, nói và nghe.

- Viết được bài văn kể lại một truyện cổ tích một cách sáng tạo: kể nhập vai một nhân vật.

- Kể được một truyện cổ tích một cách sinh động.

- Rèn kĩ năng viết.

- Rèn kĩ năng nói – nghe

2. Phẩm chất:

- Sống vị tha, yêu thương con người và sự sống; trung thực, khiêm tốn, dũng cảm.

- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

B. NỘI DUNG**I. Kiến thức chung về truyện cổ tích****1. Khái niệm**

Truyện cổ tích là:

- Loại truyện dân gian

- Có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo,

- Kể về số phận và cuộc đời của các nhân vật trong những mối quan hệ xã hội.

- Thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động.

2. Một số yếu tố của truyện cổ tích

- **Cốt truyện:** Kể về những xung đột trong gia đình, xã hội, phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ đổi thay số phận của chính họ.

- **Nhân vật:** đại diện cho các kiểu người khác nhau, chia thành 2 tuyến nhân vật: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu ác)

- **Hư cấu:** Có các chi tiết hoang đường, kì ảo.

- **Trình tự kể:** Kể theo trật tự thời gian tuyến tính, thể hiện rõ quan hệ nhân quả.

- **Lời kể:** mở đầu bằng từ ngữ chỉ không gian, thời gian xác định.

3. So sánh truyện truyền thuyết và truyện cổ tích:

- **Giống nhau :**

+ Đều là truyện dân gian.

+ Đều có yếu tố hoang đường kì ảo.

- **Khác nhau:**

+ Truyền thuyết kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử.

+ Cổ tích kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật.

+ Truyền thuyết sử dụng yếu tố kì ảo nhằm mục đích thiêng liêng hoá nhân vật, sự kiện.

+ Cổ tích sử dụng yếu tố hoang đường để gửi gắm ước mơ công lí . . .

II. TÌM HIỂU CHUNG**ÔN TẬP VĂN BẢN: THẠCH SANH**

1. Các sự việc chính

- Sự ra đời kì lạ của Thạch Sanh
- Lí Thông kết nghĩa anh em với TS lợi dụng TS
- Thạch Sanh trải qua thử thách và lập chiến công
- Thạch Sanh được truyền ngôi báu

Truyện cổ tích "Thạch Sanh" với hình ảnh chàng dũng sĩ chất phác, thật thà, dũng cảm đã thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện.

2. Tóm tắt

Thạch Sanh vốn mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống lủi thủi trong túp lều dưới gốc đa và gia tài chỉ có lưỡi búa cha để lại. Thấy Thạch Sanh khỏe, Lí Thông lân la kết nghĩa anh em. Thạch Sanh về sống với mẹ con Lí Thông. Trong vùng có một con chằn tinh hung dữ, mỗi năm người dân phải nộp người cho nó ăn thịt. Tới phiên Lí Thông, hắn lừa Thạch Sanh đi nộp mạng thay mình. Thạch Sanh giết chết chằn tinh. Lí Thông lại lừa chàng đi trốn rồi cướp công của Thạch Sanh. Trong ngày hội nhà vua kén phò mã, công chúa bị đại bàng quắp đi. Thạch Sanh thấy đại bàng cắp người thì bắn nó và lần theo dấu máu vào hang cứu công chúa. Lí Thông lại một lần nữa lừa Thạch Sanh, hắn lấp miệng hang nhốt chàng dưới vực. Thạch Sanh giết đại bàng và cứu con vua Thủy Tề, chàng được tặng nhiều vàng bạc nhưng chỉ xin một cây đàn trở về gốc đa. Hồn chằn tinh và đại bàng vu oan cho Thạch Sanh, chàng bị bắt vào ngục. Trong ngục chàng lôi đàn ra gảy kể về nỗi oan khiên của mình. Lí Thông bị trừng trị, Thạch Sanh được nhà vua gả công chúa cho. Các nước chư hầu tức giận đem quân sang đánh, Thạch Sanh mang đàn ra gảy, 18 nước chư hầu xin hàng, Thạch Sanh nấu cơm thết đãi. Quân sĩ coi thường, ăn mãi không hết, họ kính phục rút quân về nước. Thạch Sanh được truyền ngôi báu.

3. Nội dung

a. Nhân vật Thạch Sanh

** Nguồn gốc, xuất thân của người dũng sĩ: vừa bình thường lại vừa phi thường*

- Nhân dân vừa muốn tô đậm hình ảnh đẹp đẽ về những người anh hùng (người anh hùng là người phi thường ngay từ trong nguồn gốc) lại vừa ước mong có được những người anh hùng bình dị trong cuộc sống đời thường.
- Thạch Sanh tuy là thái tử đầu thai (nhân vật dũng sĩ phi thường từ ngay trong nguồn gốc) nhưng lại có xuất thân giống như kiểu nhân vật bất hạnh à nhân dân ta luôn hướng tới những nhân vật nhỏ bé, bất hạnh

=> Quan niệm của nhân dân:

- Người anh hùng toàn thiện, toàn mỹ
- Luôn hướng tới những con người bất hạnh.

** Người dũng sĩ trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc*

- Trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc, chàng dũng sĩ Thạch Sanh phải trải qua bao khó khăn, thử thách:

- + Bị lừa, giết chằn tinh
- + Giết đại bàng, bị lấp hang
- + Bị vu oan
- + Đánh nhau với quân mười tám nước chư hầu

Nhưng bằng sự dũng cảm, sức mạnh, lòng mưu trí của mình, chàng đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách và lập được nhiều chiến công: chiến công với xóm làng, với nhân dân, với đất nước.

Độ khó của thử thách, ý nghĩa của chiến công ngày càng tăng.

Qua những thử thách, người anh hùng bộc lộ những phẩm chất đẹp đẽ của mình.

* Thạch Sanh giết chằn tinh

- Thạch Sanh giết chằn tinh trong hoàn cảnh bị lừa đi canh miếu à không hề có sự phòng bị, hoàn toàn bất ngờ

- Phẩm chất của Thạch Sanh: tốt bụng (Lí Thông nhờ liền vui vẻ nhận lời), cả tin (Lí Thông nói liền tin), dũng cảm, sức mạnh, tài phép phi thường (không núng, chỉ một lúc đã xả xác con quái vật ra làm hai).

- Mang lại sự bình yên cho xóm làng.

*Thạch Sanh giết đại bàng

- Vẫn tiếp tục thể hiện sự dũng cảm, sức mạnh và tài phép; sự tốt bụng, cả tin của mình, nhưng ở thử thách này, Thạch Sanh còn cho người đọc thấy được việc chàng lập công hoàn toàn là vô tư, lập công vì chính nghĩa chứ không vì vụ lợi. Bởi vậy, chàng không tham lam, không nhận vàng bạc mà chỉ nhận một cây đàn rồi trở về sống dưới gốc đa.

=> Việc nhận phần thưởng sau khi lập công là việc xứng đáng với người dũng sĩ. Nhưng Thạch Sanh không nhận vàng bạc, bình thần trở về gốc đa để sống một cuộc sống nghèo khó khiến chúng ta càng thêm khâm phục, yêu mến. Cây đàn mà Thạch Sanh mang theo còn khiến cho hình ảnh chàng dũng sĩ trở nên thơ mộng, lãng mạn. Phải chăng, qua thử thách này, nhân dân ta muốn ca ngợi: người dũng sĩ chân chính phải là người chiến đấu về công lý chứ không vì bất cứ mưu lợi cá nhân nào, và ngoài việc chiến đấu, họ cũng có một tâm hồn thật nghệ sĩ.

* Bị vu oan

- Lần này, Thạch Sanh không vượt qua thử thách bằng cung tên, bằng tài phép, chàng vượt qua bức tường ngục tù tưởng như không vượt qua nổi bằng chính tiếng đàn kì diệu của mình.

- Nhân vật tài hoa, ung dung trước khó khăn, thử thách.

- Hồn tiếng đàn của Thạch Sanh phải réo rắt, du dương, sống động, phải kể được mọi nỗi niềm của kẻ bị oan khuất mới có thể khiến cho công chúa nhận ra chàng dù cách mấy bức tường cung cấm. Thạch Sanh không chỉ là người dũng sĩ, chàng còn là một nghệ sĩ, người nghệ sĩ đích thực với tiếng đàn lay động lòng người. Hơn nữa, người có thể gây được đàn trong hoàn cảnh ngục tù cũng chỉ có thể là người vô cùng dũng cảm, hoặc là người vô cùng tin tưởng vào công lí, vào sự trong sạch của bản thân mình.

* Thạch Sanh đánh lui quân mười tám nước chư hầu

- Thạch Sanh dùng tiếng đàn để đánh tan ý chí chiến đấu và dùng niêu cơm để thu phục lòng người

- Không dùng vũ khí, chiến thắng bằng lòng vị tha, nhân hậu

- Khi đối diện với yêu quái, Thạch Sanh dùng mạch diệt trừ chúng. Nhưng khi đối diện với những con người, dù tham lam, độc ác như Lí Thông hay hung hăng như quân mười tám nước chư hầu, Thạch Sanh đều không dùng đến vũ khí, dùng sức mạnh. Giữa con người với con người, chàng luôn bao dung.

c. Hạnh phúc xứng đáng dành cho người dũng sĩ

- Thạch Sanh lên ngôi vua à Phần thưởng cao nhất, xứng đáng nhất dành cho người dũng sĩ

- Niềm tin của nhân dân: ở hiền gặp lành

* *Bảng tổng kết: Những thử thách, chiến công của nhân vật Thạch Sanh*

2. Nhân vật Lý Thông

- Nhân vật ác >< Thạch Sanh: thiện
- Lý Thông: vụ lợi, tham lam, ích kỉ, độc ác
- Cái ác trong truyện cổ tích không đơn thuần chỉ là ác độc mà còn có rất nhiều đặc điểm kèm theo: xấu xa, ích kỉ, tham lam
- Nhân vật Lý Thông là minh chứng cho quan niệm dân gian: ác giả ác báo. Thạch Sanh đã tha cho mẹ con Lý Thông nhưng vì sao tác giả dân gian vẫn để cho Lý Thông phải chết à cái ác phải được trừng phạt.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Truyện cổ tích Việt Nam luôn có một sức hút vô cùng to lớn đối với bất cứ thế hệ người Việt nào. Dù là truyện loài vật, thần kì hay sinh hoạt thì truyện cổ tích vẫn mang yếu tố chính là phản ánh những sự việc xảy ra trong xã hội loài người. Truyện cổ tích *Thạch Sanh* thuộc loại truyện thần kì kể về cuộc đời – một chàng dũng sĩ chất phác, thật thà, dũng cảm, trải qua bao khó khăn thử thách để tới được hạnh phúc chân chính, qua đó thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của cái thiện.

Truyện kể về nhân vật chính là Thạch Sanh - kiểu nhân vật dũng sĩ có sức khỏe, có tài năng; vượt qua bao chiến công, thử thách để tìm được hạnh phúc đích thực của mình. Bối cảnh của truyện có thể chia làm ba phần. Từ đầu đến *mọi phép thần thông* nói về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh; phần tiếp theo đến *rời kéo nhau về nước* kể về các chiến công của Thạch Sanh. Câu cuối nói lên hạnh phúc mà nhân vật tìm được. Ta có thể chia phần thân truyện thành các chặng: kết nghĩa; diệt chằn tinh, bị cướp công; diệt đại bàng, cứu công chúa, lại bị cướp công; bị vu oan, vào tù; được giải oan; chiến thắng quân mười tám nước chư hầu. Bối cảnh truyện như vậy giúp người đọc thấy rõ đặc điểm của truyện cổ tích về nhân vật dũng sĩ: vượt qua rất nhiều thử thách, lập chiến công và được hưởng hạnh phúc - là cốt truyện thường thấy của thể loại truyện cổ tích. Truyện tuy có những chi tiết thần kì giữ vai trò mở nút thắt trong từng tình huống, nhưng trên tất cả là thể hiện ước mơ cháy bỏng của nhân dân lao động về hạnh phúc gia đình, về lẽ công bằng xã hội, về phẩm chất và năng lực tuyệt vời của con người.

Phần mở đầu truyện, tác giả dân gian kể lại sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh. Những chi tiết vừa tô đậm sự khác thường, vừa nói lên sự bình thường trong nguồn gốc và xuất thân của Thạch Sanh: vốn là thái tử con Ngọc Hoàng; được đầu thai xuống làm con một cặp vợ chồng nghèo nhưng tốt bụng; được mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra. Khi Thạch Sanh vừa khôn lớn thì mồ côi cả cha lẫn mẹ, phải sống nghèo khổ bằng nghề kiếm củi. Khi lớn lên, Thạch Sanh được thiên thần dạy đủ võ nghệ. Kể về sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh, nhân dân ta nhằm tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ cho nhân vật, làm tăng sức hấp dẫn của truyện. Đồng thời tác giả dân gian muốn thể hiện ước mơ, niềm tin: con người bình thường cũng là những con người có phẩm chất kì lạ. Thạch Sanh tuy là thái tử đầu thai (nhân vật dũng sĩ phi thường từ ngay trong nguồn gốc) nhưng lại có xuất thân giống như kiểu nhân vật bất hạnh. Điều đó cũng phản ánh kiểu nhân vật trong truyện cổ tích mà tác giả dân gian luôn hướng tới đó là những nhân vật nhỏ bé, bất hạnh.

Phần thân truyện, tác giả dân gian phản ánh hành trình người dũng sĩ đi kiếm tìm hạnh phúc gắn với những thử thách và chiến công phi thường. Trên hành trình kiếm tìm hạnh phúc, chàng dũng sĩ Thạch Sanh phải trải qua bao khó khăn, thử thách: bị lừa, giết chằn tinh;

giết đại bàng, bị lấp hang; bị vu oan và đánh thắng quân mười tám nước chư hầu. Tuy phải đối mặt với bao khó khăn bằng sự dũng cảm, sức mạnh, lòng mưu trí của mình, chàng đã vượt qua mọi khó khăn, thử thách và lập được nhiều chiến công: chiến công với xóm làng, với nhân dân, với đất nước. Độ khó của thử thách, mức độ nguy hiểm càng tăng thì chiến thắng của người anh hùng càng vẻ vang. Qua những thử thách, người anh hùng bộc lộ những phẩm chất đẹp đẽ của mình.

Trước tiên là chiến công của Thạch Sanh giết chằn tinh. Thạch Sanh giết chằn tinh trong hoàn cảnh bị lừa người anh kết nghĩa Lý Thông lừa đi canh miếu họ để thế mạng. Thạch Sanh không hề có sự phòng bị, hoàn toàn bất ngờ. Thử thách làm nổi bật sự tốt bụng của Thạch Sanh (Lý Thông nhờ liên vui về nhận lời), sự cả tin (Lý Thông nói liên tin) và sự dũng cảm, sức mạnh, tài phép phi thường (không núng, chỉ một lúc đã xả xác con quái vật ra làm hai). Chiến công giết chằn tinh của chàng đã mang lại sự bình yên cho xóm làng.

Tiếp theo là chiến công của Thạch Sanh giết đại bàng. Vẫn tiếp tục thể hiện sự dũng cảm, sức mạnh và tài phép; sự tốt bụng, cả tin của mình, nhưng ở thử thách này, Thạch Sanh còn cho người đọc thấy được việc chàng lập công hoàn toàn là vô tư, lập công vì chính nghĩa chứ không vì vụ lợi. Bởi vậy, chàng không tham lam, không nhận vàng bạc mà chỉ nhận một cây đàn của vua Thủy Tề rồi trở về sống dưới gốc đa. Việc nhận phần thưởng sau khi lập công là việc xứng đáng với người dũng sĩ. Nhưng Thạch Sanh không nhận vàng bạc, bình thân trở về gốc đa để sống một cuộc sống nghèo khó khiến chúng ta càng thêm khâm phục, yêu mến. Cây đàn mà Thạch Sanh mang theo còn khiến cho hình ảnh chàng dũng sĩ trở nên thơ mộng, lãng mạn. Phải chăng, qua thử thách này, nhân dân ta muốn ca ngợi: người dũng sĩ chân chính phải là người chiến đấu về công lý chứ không vì bất cứ mưu lợi cá nhân nào, và ngoài việc chiến đấu, họ cũng có một tâm hồn thật nghệ sĩ. Chi tiết cây đàn của vua Thủy Tề tặng Thạch Sanh cũng được khéo léo cài đặt để tạo sự tiếp nối ở cốt truyện ở phần sau.

Không màng danh lợi, trở về dưới gốc đa tiếp tục công việc kiếm củi kiếm sống qua ngày nhưng Thạch Sanh lại bị hèn của chằn tinh và đại bàng bày mưu vu oan. Lần này, Thạch Sanh không vượt qua thử thách bằng cung tên, bằng tài phép, chàng vượt qua bức tường ngục tù tưởng như không vượt qua nổi bằng chính tiếng đàn kì diệu của mình. Điều đó chứng tỏ dù trong hoàn cảnh tù ngục thì chàng Thạch Sanh vẫn thể hiện sự tài hoa, ung dung trước khó khăn, thử thách. Hồn tiếng đàn của Thạch Sanh phải réo rắt, du dương, sống động, phải kể được mọi nỗi niềm của kẻ bị oan khuất mới có thể khiến cho công chúa nhận ra chàng dù cách mấy bức tường cung cấm. Thạch Sanh không chỉ là người dũng sĩ, chàng còn là một nghệ sĩ, người nghệ sĩ đích thực với tiếng đàn lay động lòng người. Hơn nữa, chàng có thể gây được đàn trong hoàn cảnh ngục tù cũng chỉ có thể là người vô cùng dũng cảm, hoặc là người vô cùng tin tưởng vào công lí, vào sự trong sạch của bản thân mình. Sau khi được giải oan, Thạch Sanh hiểu ra sự độc ác của Lý Thông. Nhưng chàng lại tha cho mẹ con Lý Thông. Chi tiết ấy giúp ta hiểu được lòng vị tha, bao dung vô cùng của Thạch Sanh.

Thạch Sanh còn phải vượt qua thử thách cuối cùng để đem lại hoà bình cho đất nước, nhân dân đó là thử thách đánh lui quân mười tám nước chư hầu. Thạch Sanh dùng tiếng đàn để đánh tan ý chí chiến đấu và dùng niêu cơm để thu phục lòng người. Thạch Sanh không dùng vũ khí mà chiến thắng quân giặc bằng lòng vị tha, nhân hậu. Khi đối diện với yêu quái, Thạch Sanh dũng mãnh diệt trừ chúng. Nhưng khi đối diện với những con người, dù tham lam, độc ác như Lý Thông hay hung hăng như quân mười tám nước chư hầu, Thạch Sanh đều

không dùng đến vũ khí, không dùng sức mạnh. Giữa con người với con người, chàng luôn bao dung.

Cuối cùng, sau bao thử thách thì hạnh phúc xứng đáng dành cho người dũng sĩ, còn cái ác bị trừng trị đích đáng. Thạch Sanh được cưới công chúa, lại được vua nhường ngôi cho; còn mẹ con Lý Thông bị sét đánh chết, biến thành bọ hung. Đây là kết thúc có hậu thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về công lý xã hội, sự chiến thắng cuối cùng của những con người chính nghĩa lương thiện (ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác) và ước mơ của nhân dân về sự đổi đời. Đồng thời kết thúc truyện còn thể hiện thái độ kiên quyết của nhân dân muốn trừng phạt cái ác: Cái ác sẽ bị trừng trị đích đáng. Nếu chết đi thì chưa đủ, hai mẹ con còn bị biến thành bọ hung, loài vật bẩn thỉu. Những kẻ xấu xa bạc ác như mẹ con Lý Thông không chỉ bị trừng trị ở đời này kiếp này, mà mãi mãi về sau, cho dù có đầu thai kiếp khác cũng vẫn bị người đời xa lánh khinh rẻ.

Truyện cổ tích Thạch Sanh đã thành công đặc sắc về cả mặt nghệ thuật và nội dung. Để tạo nên sự hấp dẫn, ta không thể không nhắc đến những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật. *Thạch Sanh* là một truyện cổ tích có cốt truyện hấp dẫn, giàu kịch tính. Xây dựng hai tuyến nhân vật đối lập: Thạch Sanh đại diện cho cái thiện, mẹ con Lý Thông, hồn chằn tinh, đại bàng đại diện cho cái xấu cái ác. Thông qua việc xây dựng hai tuyến nhân vật này nhân dân ta còn khẳng định một đạo lý ngàn đời đó là “Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”. Các chi tiết nghệ thuật được sắp đặt khéo léo, có quan hệ mật thiết với nhau, đặc biệt là các chi tiết thần kì như *cung tên vàng*, *đàn thần*, *niêu cơm thần* không chỉ làm tăng sức hấp dẫn cho cốt truyện mà còn chứa đựng nhiều ý nghĩa sâu xa, thể hiện mơ ước, khát vọng của nhân dân. Bằng những nghệ thuật đặc sắc, truyện đã ngợi ca những chiến công rực rỡ và những phẩm chất cao đẹp của người anh hùng; thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, về chính nghĩa thắng gian tà, hòa bình thắng chiến tranh. Đồng thời, qua tác phẩm này, chúng ta còn hiểu được lí tưởng nhân đạo và yêu hòa bình của nhân dân ta.

II. LUYỆN TẬP

1. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1. Câu nào dưới đây **không** nói về hoàn cảnh của Thạch Sanh khi chàng lớn lên?

- A. Mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống lủi thủi trong một túp lều dựng dưới gốc đa.
- B. Được vợ chồng bá hộ thương tình nhận làm con nuôi.
- C. Cuộc sống rất nghèo khổ, gia tài chỉ có một lưỡi búa do cha để lại.
- D. Được Ngọc Hoàng sai người xuống dạy võ nghệ.

Đáp án B

Câu 2. Trong truyện Thạch Sanh, vì sao Lí Thông muốn làm bạn với Thạch Sanh?

- A. Vì thương cảm cho số phận mồ côi của Thạch Sanh.
- B. Vì muốn được che chở cho Thạch Sanh.
- C. Vì thấy Thạch Sanh khỏe mạnh, có Thạch Sanh ở cùng sẽ đem lại nhiều lợi ích.
- D. Vì Lí Thông cũng có hoàn tương tự như Thạch Sanh.

Đáp án C

Câu 3. Trong truyện Thạch Sanh, chi tiết nào sau đây không mang tính tưởng tượng?

- A. Thạch Sanh được sinh ra là do Ngọc Hoàng sai thái tử xuống đầu thai.
- B. Người mẹ mang thai trong nhiều năm mới sinh ra Thạch Sanh, C. Khi Thạch Sanh lớn lên, các vị tiên trên trời xuống dạy võ nghệ và các phép biến hóa.

- C. Thạch Sanh mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống trong một túp lều tranh cạnh cốc đa.
D. Tiếng đàn của Thạch Sanh vừa cất lên thì quân lính của 18 nước chư hầu bủn rủn chân tay, không còn nghĩ gì đến chuyện đánh nhau nữa.

Đáp án C

Câu 4. Trong truyện Thạch Sanh, mẹ con Lí Thông là người như thế nào?

- A. Là người nông dân chất phát, thật thà nhưng tốt bụng.
B. Là người ti tiện, bủn xỉn, chỉ muốn lấy của người khác,
C. Là người gian xảo, có lòng dạ nham hiểm và độc ác.
D. Là người có phép thuật và thường xuyên sử dụng phép thuật ấy để làm hại người khác.

Đáp án C

Câu 5. Việc Thạch Sanh dùng tiếng đàn để cảm hóa quân mười tám nước chư hầu và thết đãi họ bằng niêu cơm thần có ý nghĩa gì?

- A. Thể hiện tinh thần yêu nước, yêu hòa bình và tấm lòng nhân đạo của nhân dân ta.
B. Cho quân các nước chư hầu thấy được sức mạnh và sự giàu có của nhân dân ta.
C. Thể hiện sự tài giỏi của Thạch Sanh.
D. Thể hiện ước mơ công lí: những người đi xâm lược nhất định sẽ thất bại, những người yêu chuộng hòa bình sẽ thắng lợi.

2. Dạng bài Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Truyện Thạch Sanh là một trong những truyện cổ tích hay và đặc sắc nhất trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam. Cuộc đời và những chiến công của Thạch Sanh cùng với sự hấp dẫn của những chi tiết thần kì trong truyện sẽ còn mãi sức hấp dẫn, say mê với các thế hệ người đọc, người nghe.

có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “Người này khoẻ như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. Lí Thông lân la gợi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời. Chàng từ giã gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lí Thông.

Bây giờ, trong vùng có con chằn tinh, có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người. Quan quân đã nhiều lần đến bẫy vây định diệt trừ nhưng không thể làm gì được. Dân phải lập cho nó miếu thờ, hằng năm nạp một mạng người cho chằn tinh ăn thịt để nó đỡ phá phách.

Năm ấy, đến lượt Lý Thông nộp mình. Mẹ con hắn nghĩ kế lừa Thạch Sanh chết thay. Chiều hôm đó, chờ Thạch Sanh kiếm củi về, Lý Thông dọn một mâm rượu thịt ê hề mời ăn, rồi bảo:

- Đêm nay, đến phiên anh canh miếu thờ, ngặt vì dở cất mẻ rượu, em chịu khó đi thay anh, đến sáng thì về.

Thạch Sanh thật thà, nhận lời đi ngay..

(SGK Ngữ văn 6)

Câu 1. Đoạn trích trên được trích từ văn bản nào? Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra chi tiết thần kì trong đoạn trích trên.

Câu 3. Đoạn trích trên giúp em hiểu gì về bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh?

Câu 4. Từ đoạn trích trên, em rút ra bài học gì cho bản thân trong cách ứng xử với mọi người?

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Đoạn trích được trích từ truyện cổ tích “Thạch Sanh”.
- Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2:

Chi tiết thần kì có trong đoạn trích là chi tiết về chần tinh có nhiều phép lạ, thường ăn thịt người.

Câu 3: Bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh thể hiện qua đoạn trích:

- + Lý Thông: gian xảo, ích kỉ, nham hiểm (kết nghĩa anh em với Thạch Sanh nhằm mưu lợi; lừa Thạch Sanh đi chết thay mình).
- + Thạch Sanh thật thà, vị tha, có phần cả tin.

Sự đối lập giữa hai nhân vật là sự đối lập giữa phe thiện và phe ác.

Câu 4: HS nêu suy nghĩ của bản thân.

Có thể nêu: Từ đoạn trích trên, em rút ra bài học cho bản thân: Trong cách ứng xử với mọi người, ta không nên ích kỉ chỉ nghĩ đến lợi ích của bản thân mình mà lợi dụng người khác; cần phải biết sống vì người khác. Bên cạnh đó, ta cũng cần đề phòng trước những kẻ xấu.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Cuối cùng các hoàng tử phải cởi giáp ra hàng. Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thiết đãi những kẻ thua trận. Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa. Biết ý, Thạch Sanh đổ họ ăn hết được niêu cơm và hứa sẽ trọng thưởng cho những ai ăn hết. Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đầy. Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước

Về sau, vua không có con trai, đã nhường ngôi cho Thạch Sanh”.

(SGK Ngữ văn 6, Cánh diều, tập 1, trang 21)

Câu 1. Truyện “Thạch Sanh” thuộc thể loại nào? Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào?

Câu 2. Xác định ít nhất 01 từ ghép có trong đoạn trích. Đặt 01 câu với từ ghép đó (Không viết lại câu đã có trong đoạn trích đọc hiểu).

Câu 3. Phân loại các từ trong câu sau theo cấu tạo từ:

“Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẹn có một niêu cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.”

Câu 4. Chỉ ra và nêu ý nghĩa của chi tiết thần kì trong đoạn trích trên.

Câu 5. Nêu chủ đề của truyện “Thạch Sanh”. Kể tên những truyện đã học hoặc đã đọc cùng chủ đề với truyện “Thạch Sanh” (Kể tối thiểu 03 truyện)

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Truyện “Thạch Sanh” thuộc thể loại truyện cổ tích.
- Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật dũng sĩ.

Câu 2: HS tự xác định 01 từ ghép có trong đoạn trích và đặt câu.

Ví dụ: từ ghép “niêu cơm”

Đặt câu: Hình ảnh niêu cơm thần kì là chi tiết đặc sắc, có giá trị thẩm mỹ cao trong truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

Câu 3:

Câu văn: “*Cả mấy vạn tướng lĩnh, quân sĩ thấy Thạch Sanh chỉ cho dọn ra vẻn vẻn có một nồi cơm tí xíu, bĩu môi, không muốn cầm đũa.*”

Từ đơn	Từ ghép	Từ láy
<i>Cả, mấy, vạn, thấy, chỉ, cho, dọn, ra, có, một, không, muốn</i>	<i>tướng lĩnh, quân sĩ, nồi cơm, tí xíu, bĩu môi, cầm đũa</i>	<i>vẻn vẻn</i>

Câu 4:

- Chi tiết thần kì trong đoạn trích: nồi cơm thết đãi quân lính 18 nước chư hầu của Thạch Sanh cứ ăn hết lại đầy.

- Ý nghĩa của chi tiết nồi cơm thần kì: tượng trưng cho tấm lòng nhân đạo, tư tưởng yêu hoà bình của nhân dân ta.

Câu 5:

- Chủ đề: phản ánh cuộc đấu tranh giữa cái thiện và cái ác, thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về sự chiến thắng của những con người chính nghĩa, lương thiện)

- Một số truyện đã học hoặc đã đọc cùng chủ đề với truyện “Thạch Sanh”:

+ *Tấm Cám*

+ *Cây tre trăm đốt*

+ *Cây khế*

3. Ngữ liệu Đọc hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

“*Khi cậu bé vừa khôn lớn thì mẹ chết. Cậu sống lủi thủi trong một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài chỉ có một cái lưỡi búa của cha để lại. Người ta gọi cậu là Thạch Sanh. Năm Thạch Sanh bắt đầu biết dùng búa, Ngọc Hoàng đã sai thiên thần xuống dạy cho đủ các môn võ nghệ và mọi phép thần thông.*”

(Theo Nguyễn Đồng Chi)

Câu 1: Đoạn trích trên nói về nội dung gì?

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích trên? Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?

Câu 3: Tìm cụm danh từ có trong đoạn trích trên?

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: Đoạn trích giới thiệu lai lịch của Thạch Sanh.

Câu 2: Phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên là tự sự.
Nhân vật Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật mồ côi, dũng sĩ.

Câu 3: Cụm danh từ: *một túp lều cũ dựng dưới gốc đa, cả gia tài, một lưỡi búa của cha để lại, các môn võ nghệ, mọi phép thần thông.*

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau, trả lời câu hỏi:

“Thạch Sanh sai dọn một bữa cơm thết đãi những kẻ thua trận.... Chúng cúi đầu lạy tạ vợ chồng Thạch Sanh rồi kéo nhau về nước”.

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào?

Câu 2: Thể loại của văn bản có chứa đoạn trích?

Câu 3: Tìm chi tiết tưởng tượng kì ảo có trong đoạn trích trên.

Câu 4: Trình bày cảm nhận của em về chi tiết kì ảo đó bằng một đoạn văn ngắn.

Hướng dẫn làm bài:

Câu 1: - VB: Thạch Sanh

Câu 2: - Thể loại: Truyện cổ tích

Câu 3: - Chi tiết niêu cơm thần

Câu 4. Gv gợi ý các ý chính trong đoạn văn.

- Giới thiệu TCT TS: *Thạch Sanh* là câu chuyện thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lý xã hội và lý tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta.
- Nêu được chi tiết kì ảo: Trong đoạn trích trên, niêu cơm thần là một chi tiết tưởng tượng kì ảo giàu ý nghĩa.
- Cảm nhận của em về chi tiết đó: Niêu cơm có khả năng phi thường, cứ ăn hết lại đầy, làm cho quân sĩ 18 nước chư hầu ban đầu coi thường, chế giễu, nhưng sau đó phải ngạc nhiên, khâm phục. Niêu cơm thần không những đã cảm hóa được quân thù mà còn khiến chúng phải cúi đầu khâm phục. Vì thế, niêu cơm tượng trưng cho tình thương, lòng nhân ái, ước vọng đoàn kết, tư tưởng yêu hòa bình của dân ta. Ngoài ra, hình ảnh đó còn mang ước mơ lãng mạn về sự no đủ của cư dân nông nghiệp VN ta khi có được niêu cơm cứ ăn hết lại đầy thì lao động của con người sẽ trở nên đỡ vất vả hơn, mọi người sẽ có được cuộc sống no đủ, hạnh phúc.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Hồi đó, có một nước láng giềng lắm le muốn chiếm bờ cõi nước ta. Để dò xem bên này có nhân tài hay không, họ sai sứ đưa sang một cái vỏ con ốc vặn rất dài, rộng hai đầu, đổ làm sao sâu được sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc.

Sau khi nghe sứ thần trình bày mục đích cuộc đi sứ, vua quan đưa mắt nhìn nhau. Không trả lời được câu đó oái oăm ấy là tỏ ra thua kém và thừa nhận sự thần phục của mình đối với nước láng giềng. Các đại thần đều vô đầu suy nghĩ. Có người dùng miệng hút. Có người bôi sáp vào sợi chỉ cho cứng để cho dễ sâu, v.v... Nhưng, tất cả mọi cách đều vô hiệu. Bao nhiêu ông trạng và các nhà thông thái đều được triệu vào đều lắc đầu bó tay. Cuối cùng, triều đình đành mời sứ thần ra ở công quán để có thời gian đi hỏi ý kiến em bé thông minh họ.

Khi viên quan mang dụ chỉ của vua đến thì em còn đùa nghịch ở sau nhà. Nghe nói việc sâu chỉ vào vỏ ốc, em bé hát lên một câu:

Tang tình tang! Tang tình tang!

Bắt con kiến càng buộc chỉ ngang lưng,

Bên thời lấy giấy mà bung,
 Bên thời bôi mỡ, kiến mừng kiến sang
 Tang tình tang....
 rồi bảo:
 Cứ theo cách đó là xâu được ngay!

Viên quan sung sướng, vội vàng trở về tâu vua. Vua và các triều thần nghe nói mừng như mở cờ trong bụng. Quả nhiên, con kiến càng đã xâu được sợi chỉ xuyên qua đường ruột ốc hộ cho nhà vua trước con mắt thần phục của sứ thần nước láng giềng.
 Liền đó, vua phong cho em bé làm trạng nguyên. Vua lại sai xây dinh thự ở một bên hoàng cung để cho em ở, để tiện hỏi han”.

(Theo Nguyễn Đồng Chi, Truyện Em bé thông minh).

- Câu 1.** Truyện *Em bé thông minh* kể về kiểu nhân vật nào trong truyện cổ tích?
Câu 2. Thử thách giải đố do ai đưa ra? Cách giải đố của nhân vật em bé có gì độc đáo?
Câu 3. Trong đoạn trích, việc giải đố đã thể hiện phẩm chất gì của nhân vật em bé?
Câu 4. Em có suy nghĩ gì về kết thúc truyện “Em bé thông minh”?
Câu 5: Theo em, việc tích lũy kiến thức từ đời sống có tác dụng gì đối với chúng ta?
Câu 6. Nhớ lại và ghi ra những thử thách mà nhân vật em bé phải giải đố trong truyện “Em bé thông minh”. Em thấy thú vị với lần vượt qua thử thách nào nhất của nhân vật? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Truyện *Em bé thông minh* kể về kiểu nhân vật thông minh.

Câu 2:

- Thử thách giải đố do sứ thần nước láng giềng đưa ra.
- Cách giải đố của nhân vật em bé: Thay vì trả lời trực tiếp, em bé hát một câu, trong đó có chứa lời giải câu đố. Em bé đã vận dụng trí tuệ dân gian; câu đố với em cũng chỉ là một trò chơi.

Câu 3: Việc giải đố đã thể hiện sự thông minh, nhanh nhẹn, tài năng của nhân vật em bé.

Câu 4: Truyện kết thúc có hậu, em bé được phong làm trạng nguyên, được tặng dinh thự. Đó là phần thưởng xứng đáng với tài năng, trí tuệ của em.

Câu 5. HS nêu suy nghĩ của bản thân. Có thể nêu:

- Việc tích lũy kiến thức đời sống giúp ta có thể vận dụng vào những tình huống thực tế một cách nhạy bén, hợp lí mà đôi khi kiến thức sách vở chưa chắc đã dạy ta.
- Kiến thức đời sống phần lớn là kiến thức truyền miệng được ông cha ta đúc kết bao đời, truyền lại thế hệ sau nên đó là vốn trí tuệ nhân dân bao đời. Do đó kiến thức đời sống là kho kiến thức phong phú, vô tận mà ta có thể áp dụng linh hoạt, tùy từng hoàn cảnh.

Câu 6.

- Trong truyện, em bé đã vượt qua 4 thử thách:
- + Lần thứ nhất: Trả lời câu hỏi phi lí của viên quan, khi viên quan hỏi cha cậu cày mỗi ngày được mấy đường.
- + Lần thứ hai: nhà vua bắt dân làng cậu bé nuôi trâu đực phải đẻ được con.
- + Lần thứ ba: Trả lời câu đố vua giao cho chính mệnh, làm sao thịt một con chim sẽ phải dọn thành ba cỗ bàn thức ăn

- + Lần thứ tư: câu đố hóc búa của sứ thần xâu sợi chỉ mềm qua đường ruột ốc xoắn dài.
- HS lựa chọn và lí giải thử thách nào bản thân thấy thú vị nhất.

ÔN TẬP TRUYỆN “CÂY KHẾ”

I. Kiến thức chung

- Thể loại: Truyện cổ tích.
- Nhân vật: người anh, người em, con chim thần...
- Kiểu nhân vật: Nhân vật bất hạnh
- PTBD chính: Tự sự.
- Bố cục: 3 phần.
- + Phần 1 (Từ đầu đến *lại với em nữa*): Giới thiệu về nhân vật người em và cách phân chia tài sản của hai anh em.
- + Phần 2 (Tiếp đến *trở nên giàu có*): Chuyện ăn khế trả vàng của người em.
- + Phần 3 (Còn lại): Âm mưu của người anh và sự trừng phạt.

Các sự việc chính:

- Sự việc 1: Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.
- Sự việc 2: Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn và chim hẹn trả ơn bằng vàng.
- Sự việc 3: Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.
- Sự việc 4: Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.
- Sự việc 5: Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng.
- Sự việc 6: Người anh bị rơi xuống biển và chết.
- **Tóm tắt:** Ở một làng nọ có hai anh em, người anh thì vô cùng tham lam, người em thì hiền lành chịu khó. Sau khi ba mẹ qua đời người anh lấy vợ ra ở riêng và cố gắng vơ vét hết tài sản chỉ để lại cho người em một cây khế ở góc vườn. Người em bị người anh chèn ép như vậy nhưng không hề nói một lời phàn nàn nào, anh đã dựng túp liều gần cây khế, hàng ngày anh chăm bón cây khế và đi làm thuê để kiếm tiền nuôi thân. Cây khế càng ngày càng lớn dần, năm ấy bỗng sai trĩu quả, người em mừng vô cùng. Một hôm sau, bỗng dưng có một con chim lạ bay tới cây khế và ăn khế của người em, người em thấy vậy buồn lòng than thở với chim. Chim lạ mới nói lại rằng: “Ăn một quả trả cục vàng may túi ba gang mang đi mà đựng”. Hôm sau như lời hứa chim đến đón người em tới một hòn đảo có rất nhiều vàng bạc, châu báu. Người em xuống lấy vàng và chỉ lấy vừa đầy túi ba gang rồi lên lưng chim trở về. Người em về nhà dùng số vàng bạc lấy được mang đi đổi lấy lúa thóc để giúp đỡ cho người dân ở trong làng. Thấy người em bỗng có nhiều vàng bạc nên người anh đã âm mưu sang đòi đổi nhà lấy cây khế, lại lần nữa người em đồng ý đổi với người anh mà không một lời phàn nàn. Cây khế lại sai quả, chim lạ lại đến ăn người anh cũng cố ý than thở với chim. Một hôm sau chim đến đón người anh đi đến hòn đảo vàng bạc, vốn bản tính tham lam nên người anh đã lấy rất là nhiều bỏ vào túi sáu gang mang theo. Trên đường về vì vàng bạc quá nhiều, chim bảo người anh vớt bớt nhưng người anh không chịu, chim đã quá mỏi cánh nên đã nghiêng cánh hất người anh tham lam cùng vàng bạc xuống biển. Thế là người anh tham lam ấy không còn trở về được nữa.

- + **Nghệ thuật:** Sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo.
- Sử dụng chi tiết thần kì.

II. Định hướng phân tích văn bản

	Hai vợ chồng người anh	Hai vợ chồng người em
Trong chuyện phân chia tài sản	<ul style="list-style-type: none"> - Từ khi có vợ người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu việc đều trút cho vợ chồng em. - Sợ người em tranh công liền bàn vợ cho hai vợ chồng em ở riêng. - Chia cho em một gian nhà lợp xúp và cây khế. Còn bao nhiêu ruộng cho làm rẽ và ngồi hưởng sung sướng với vợ. - Cho là người em đàn độn, không đi lại với em. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng. - Bị chia tài sản bất công nhưng không ca thán. - Quanh năm chăm chút cây khế để có thể đem bán lấy tiền.
Trong chuyện ăn khế - trả vàng	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ăn và chờ chim đến. Chim đến thì vội tru tréo lên. - Hai vợ chồng bàn may túi to gấp 3 lần, thành như một cái tay nải lớn. Hoa mắt vì của quý, vào trong tận sâu hang cổ nhặt đầy tay nải. Tay nải đầy, còn lấy thêm vàng dòn cả tay áo, ống quần lê mãi mới ra được khỏi hang. 	<ul style="list-style-type: none"> - May đúng túi ba gang, chỉ nhặt ít vàng, kim cương ở ngoài rồi bay về. - Sẵn sàng chia sẻ lại câu chuyện và đưa lại cây khế cho người anh.
Kết cục	Người anh bị ngọn sóng cuốn đi với tay nải vàng và châu báu đầy người.	Hai vợ chồng trở nên giàu có.
Tính cách, phẩm chất	Tham lam, ích kỉ.	Lương thiện, thật thà, tốt bụng.

2. Ý nghĩa câu chuyện:

- + Phê phán những kẻ tham lam, ích kỉ.
- + Ca ngợi con người hiền lành, chăm chỉ, nhân hậu.
- + Ước mơ của nhân dân về công bằng và sự sung túc.

3. Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- Sắp xếp các tình tiết tự nhiên, khéo léo.
- Sử dụng chi tiết thần kì.
- Kết thúc có hậu.
- Xây dựng hình tượng hai nhân vật đối lập, tương phản.

b. Nội dung

- Nội dung: Tác giả dân gian ca ngợi những con người hiền lành, chăm chỉ, thật thà; đồng thời lên án, đấu tranh chống lại lòng tham lam, ích kỉ của con người.

BÀI MẪU THAM KHẢO

Truyện cổ tích dân gian Việt Nam luôn là những câu chuyện mang chi tiết tưởng tượng, kỳ ảo lý thú đã đi vào tuổi thơ của biết bao nhiêu thế hệ. Không những thế, mỗi câu chuyện lại là một bài học sâu sắc và triết lý sống của nhân dân lao động xưa dạy bảo con cháu. “Cây khế” là một trong những truyện cổ tích hay, đặc sắc và quen thuộc với tuổi thơ Việt Nam. Câu chuyện mang đến những bài học sâu sắc về tình anh em trong gia đình và đạo lý “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”. Tài liệu của Nhung Tây

Trước tiên, truyện “Cây khế” đưa người đọc, người nghe đến với hai người anh em trong gia đình cùng tình huống rất quen thuộc đối với nhiều gia đình Việt Nam, đó là việc chia gia tài sau khi cha mẹ qua đời. Truyện kể rằng, ngày xưa ở một nhà nọ có hai anh em. Cha mẹ mất sớm để lại gia tài nhà cửa, ruộng đất. Người anh tham lam nhận hết của cải ruộng đất về mình, chỉ chia cho người em trai mảnh vườn nhỏ có một cây khế. Người em vốn hiền lành nên vui vẻ nhận lời, hai vợ chồng ra sống ở túp lều bên cây khế. Tác giả dân gian đã xây dựng một tình huống chuyện rất hay và quen thuộc. Hình ảnh người anh thể hiện được một sự thật có trong cuộc sống, đó là có những kẻ tham lam, vì tiền bạc mà không nghĩ tới tình anh em. Tài liệu của Nhung Tây Qua đó, thể hiện thái độ chế giễu những kẻ tham lam, lừa dối trong xã hội.

Câu chuyện còn mang đến một bài học sâu sắc về triết lý “ở hiền gặp lành”. Hai vợ chồng người em chăm chỉ làm ăn, cày thuê cuốc mướn, chăm bón cây khế hàng ngày. Rồi cây khế tươi tốt ra quả sai trĩu cành cho quả chín vàng, ngon ngọt. Một ngày nọ có con chim phượng hoàng từ đâu bay đến ăn hết quả này đến quả khác, người vợ liền nói cả gia tài có một cây khế này, mong chim đừng ăn. Chim bèn nói “ăn một quả trả cục vàng, may túi ba gang mang đi mà đựng”. Thế rồi hai vợ chồng người em nghe theo. Hôm sau chim đến và đưa người em bay đến hòn đảo rất xa lấy vàng. Hai vợ chồng từ đó sống sung túc hơn, có ruộng vườn nhà cửa. Chi tiết tưởng tượng, kỳ ảo về chú chim phượng hoàng ăn khế trả vàng là một chi tiết đặc sắc trong câu chuyện. Đó là chi tiết li kỳ giúp cho câu chuyện trở nên hấp dẫn và lôi cuốn. Không những thế, thông qua chi tiết này, tác giả dân gian thể hiện một triết lý sâu sắc. Chỉ cần chăm chỉ, ở hiền ắt sẽ gặp lành. Vợ chồng người em là biểu tượng của người dân lao động xưa luôn chăm chỉ, chịu thương chịu khó và hiền lành nên đã đạt được thành quả tốt đẹp.

Không chỉ mang đến bài học “ở hiền gặp lành”, tác giả dân gian còn cho người đọc triết lý “ác giả, ác báo” và những người tham lam sẽ không có kết quả tốt đẹp. Vợ chồng người anh thấy người em trở nên sung túc bèn lân la hỏi chuyện. Vốn tính thật thà nên người em kể hết sự việc. Nghe xong, vợ chồng người anh nảy ý đồ tất cả tài sản của mình lấy cây khế. Người em đồng ý. Rồi một ngày nọ chim lại bay đến ăn và hứa trả vàng. Hai vợ chồng người anh mừng rỡ vô cùng, bèn bày kế may hủn túi mười hai gang. Hôm sau chim đưa người anh đi lấy vàng, người anh lấy đầy vàng vào túi mười hai gang. Trên đường về gặp cơn gió mạnh, chim không chịu được sức nặng nên cánh chim bị nghiêng và người anh cùng túi vàng rơi xuống biển sâu. Chi tiết người anh bị rơi xuống biển sâu cùng túi vàng nặng trĩu là kết cục đích đáng mà tác giả dân gian đã dành cho những kẻ tham lam. Qua đó, nhân dân lao động xưa muốn dạy dỗ con cháu một bài học sâu sắc. Đó là trong cuộc sống không nên quá tham lam, ích kỷ, nếu không sẽ gặp một kết cục không hề tốt đẹp. Tài liệu của Nhung Tây

Gấp trang sách lại mà hình ảnh chú chim phượng hoàng ăn khế trả vàng vẫn hiện lên trong tâm trí người đọc. Câu chuyện “Cây khế” với chi tiết tưởng tượng kỳ ảo đã cho người đọc những giây phút lôi cuốn, kỳ thú cùng bài học sâu sắc về sự tham lam, triết lý sống “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”. Thế hệ người Việt Nam luôn tin rằng những câu chuyện cổ tích như “Cây khế” sẽ có sức sống lâu bền cùng lời răn dạy con cháu của cha ông ta.

(Bài làm của học sinh)

III. LUYỆN TẬP:

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Từ khi có vợ, người anh thay đổi như thế nào?

- A. Trở nên chăm chỉ hơn
- B. Trở nên lười biếng
- C. Tính tình cục cằn
- D. Trở nên tham lam

Câu 2: Người anh chia cho người em những gì khi ra ở riêng?

- A. Một gian nhà khang trang ở trước cửa có một cây khế ngọt
- B. Một mảnh vườn có cây khế ngọt
- C. Một nửa số ruộng mà hai anh em có
- D. Một gian nhà lụp xụp ở trước cửa có một cây khế ngọt

Câu 3: Chim thần đã nói câu “Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng” mấy lần với vợ chồng người em?

- A. Một lần
- B. Hai lần
- C. Ba lần
- D. 4 lần

Câu 4: Chim thần đã nói câu “Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng” mấy lần với vợ chồng người anh?

- A. Một lần
- B. Hai lần
- C. Ba lần
- D. 4 lần

Câu 5: Người em đã đem túi như thế nào để đi đến đảo vàng?

- A. Túi ba gang
- B. Đem nhiều túi
- C. Một cái tay nải lớn
- D. Một cái túi to gấp ba lần túi ba gang

Câu 6: Khi thấy em trở nên giàu có, người anh đã làm gì?

- A. Người anh đòi người em cho mình cây khế
- B. Người anh bí mật giăng bắt chim
- C. Người anh gạ đòi gia sản lấy túp lều và cây khế
- D. Người anh chặt cây khế đi

Câu 7: Vì sao người anh rơi xuống biển?

- A. Người anh lấy quá nhiều vàng, chim đuối sức vì chở quá nặng
- B. Người anh lấy quá nhiều vàng, phượng hoàng cố tình nghiêng cánh làm rơi người anh

Câu 8: Chim thần hứa gì với vợ chồng người em?

- A. Chim thần hứa: “Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng!”
- B. Chim thần hứa chỉ bay đến đậu trên cành
- C. Chim thần hứa sẽ đem về cho vợ chồng người em một hạt giống quý
- D. Chim thần không hứa gì với vợ chồng người em

Câu 9: Từ “nghe” trong câu “Hai vợ chồng nghe lời chim may một túi vải, bề dọc bề ngang vừa đúng ba gang” có nghĩa là:

- A. Thu nhận bằng tai những lời chim nói
- B. Làm đúng theo lời chim

- C. Chấp nhận điều chim nói
D. Tán thành điều chim nói

Câu 10: Qua việc may túi theo lời chim dặn và được chim đưa đi lấy vàng ở đảo xa, người em đã thể hiện...

- A. Là một người đại dốt.
B. Là một người có khao khát giàu sang.
C. Là một người ham được đi đây đi đó.

D. Là một người trung thực.

Câu 11: Trong việc chia gia tài, người anh đã tỏ ra như thế nào?

- A. Thương em
B. Công bằng

C. Tham lam và ích kỷ

D. Độc ác

Câu 12: Việc người anh bị rơi xuống biển cùng bao nhiêu vàng bạc châu báu lấy được là kết quả tất yếu của:

- A. Sự tham lam.
B. Thời tiết không thuận lợi.
C. Sự trả thù của chim.
D. Quãng đường chim phải bay xa xôi quá.

Câu 13: Dòng nào dưới đây đúng với ý nghĩa có thể rút ra từ truyện “Cây khế”:

- A. Tham một miếng, tiếng cả đời
B. Tham một bát bỏ cả mâm

C. Tham thì thâm

D. Tham vàng bỏ ngãi

Câu 14: Câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì?

- A. Ai chăm chỉ, tốt bụng sẽ gặp được điều tốt lành
B. Những kẻ xấu xa, tham lam sẽ tự gây họa cho bản thân
C. Kẻ xấu xa, tham lam vẫn sẽ gặp điều tốt lành

D. Cả A và B đều đúng

2. Dạng bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“... Người anh hỏi biết sự tình, bèn nằn nì với em xin đổi tất cả gia sản của mình để lấy mảnh vườn có cây khế ngọt. Người em thương anh nên cũng bằng lòng đổi. Đến mùa khế có quả, chim phượng hoàng lại đến ăn. Người anh xua đuổi ầm ĩ, chim bèn nói như trước rằng:

Ăn một quả,
Trả cục vàng,
May túi ba gang,
Mang đi mà đựng.

Được lời, người anh may giấu một cái túi sáu gang. Rồi chim cũng chở anh đi đến nơi hải đảo đầy bạc vàng châu báu. Nhưng tính tham lam làm mắt anh hoa lên khi thấy hải đảo có nhiều của quý giá. Anh ta loay hoay mãi không biết nên lấy thứ gì, bỏ thứ gì. Khi nghe chim giục chở về, anh vợ bạc vàng châu báu đầy ắp cái túi sáu gang, quần vào ngang lưng, ngoài ra còn giắt thêm khắp người. Anh ta leo lên lưng chim, chim phải đập cánh ba lần mới lên nổi. Chim cố sức bay, đến giữa biển cả, vì nặng quá, suýt đâm nhào xuống nước mấy lần.

Khi gần đến đất liền, chim lão đảo, nghiêng cánh, người anh mang cả túi vàng bạc rơi tòm xuống biển sâu và bị sóng cuốn đi mất tích.”

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản ?

Câu 2. Khi được chim phượng hoàng trở đến đảo vàng, người anh đã có hành động như thế nào? Điều đó thể hiện đặc điểm gì của nhân vật?

Câu 3. Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kỳ ảo không? Vì sao?

Câu 4. Kết cục của người anh giúp em nhận ra những bài học quý báu gì cho mình?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Ngôi kể thứ ba

Câu 2. Khi được chim phượng hoàng trở đến đảo vàng, người anh đã có hành động: vợ bạc vàng châu báu đầy ắp cái túi sáu gang, quần vào ngang lưng, ngoài ra còn giắt thêm khắp người. Điều này thể hiện bản chất tham lam, vô độ.

Câu 3. Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang có phải là con vật kỳ ảo không? Vì sao?

- Con chim đưa hai anh em ra đảo hoang là con vật kì ảo. Vì nó mang 1 số đặc điểm như:

+ Biết nói tiếng người: “Ăn một quả, trả cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng!”

+ Có phép thần kì, biết chỗ cất giấu của cải, vàng bạc, kim cương,...

Câu 4. Kết cục của người anh giúp em nhận ra những bài học:

- Cần phải luôn chăm chỉ, cần mẫn lao động thì mới có được thành quả tốt

- Hiền lành, tốt bụng thì sẽ được đền đáp xứng đáng.

- Quá tham lam thì sẽ phải gánh chịu hậu quả.

- Hãy giúp đỡ người khác khó khăn hơn mình.

3. Ngữ liệu Đọc – Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“...Ông lão không dám trái lời mẹ. Ông lại đi ra biển. Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm. Ông lão gọi con cá vàng. Con cá bơi đến hỏi:

- Ông lão có việc gì thế? Ông lão cần gì?

Ông lão chào con cá và nói:

- Cá ơi, giúp tôi với! Thương tôi với! Tôi sống làm sao được với mẹ vợ quái ác này! Bây giờ mẹ không muốn làm nữ hoàng nữa, mẹ muốn làm Long Vương ngự trên mặt biển, để bắt cá vàng phải hầu hạ mẹ và làm theo ý của mẹ.

Con cá vàng không nói gì, quẫy đuôi lặn sâu xuống đáy biển. Ông lão đứng trên bờ đợi mãi không thấy nó lên trả lời, mới trở về. Đến nơi, ông sững sốt, lâu đài, cung điện biến đâu mất, trước mắt ông lão lại thấy túp lều nát ngày xưa và trên bậc cửa, mẹ vợ đang ngồi trước cái máng lợn sứt mẻ.

(Trích “Ông lão đánh cá và con cá vàng” - Puskin kể)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Chỉ ra yếu tố kì ảo trong đoạn trích.

Câu 3: Chỉ ra và nêu ý nghĩa của chi tiết miêu tả cảnh biển trước đòi hỏi của mẹ vợ ông lão trong đoạn trích.

Câu 4: Theo em, vì sao cá vàng lại không đáp ứng yêu cầu của mẹ vợ ông lão?

Câu 5: Từ kết cục của mẹ vợ ông lão đánh cá trong đoạn trích, em rút ra bài học gì cho bản thân?

Câu 1: PTBĐ chính: tự sự

Câu 2: Yếu tố kì ảo:

+ cá vàng biết nói tiếng người

+ cung điện biến mất, chỉ còn túp lều nát, cái máng lợn sứt mẻ

Câu 3:

- Chi tiết miêu tả cảnh biển: *Một cơn dông tố kinh khủng kéo đến, mặt biển nổi sóng ầm ầm.*

- Ý nghĩa của chi tiết cảnh biển này: thể hiện thái độ của nhà văn không đồng tình với đòi hỏi quá quắt của mẹ vợ ông lão đánh cá.

Câu 4:

- Theo em, cá vàng không đáp ứng yêu cầu đòi hỏi của mẹ vợ ông lão vì đòi hỏi của mẹ vợ vô cùng quá quắt, điều đó cho thấy lòng tham của mẹ không có tận cùng.

- Cá vàng không những không đáp ứng đòi hỏi lần này của mẹ vợ ông lão mà còn lấy lại những gì đã cho mẹ, đó là sự trừng phạt cho thói tham lam, ích kỉ của mẹ vợ kia.

Câu 5: Bài học rút ra cho bản thân:

- Hãy sống lương thiện bằng chính khả năng và sức lực của mình.

- Không nên tham lam mù quáng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

[...] Được gặp lại và sống bên các anh nàng, Li-dơ càng nóng lòng tìm cách giải thoát cho các anh. Ý nghĩ ấy không phút nào rời nàng cả. Và quả nhiên một đêm nàng mơ thấy bà tiên ở lâu đài Moóc-gan bày cho cách giải thoát các anh của nàng. Bà tiên nói: “Con phải đi hái cây tầm ma^[1] ngoài nghĩa địa và con sẽ bị phỏng tay, đau đớn vô cùng. Con hãy lấy chân dẫm nát cây ra và được một loại sợi gai mà con sẽ dùng để dệt mười một chiếc áo dài tay. Dệt xong con quàng áo lên mười một con thiên nga và như vậy là phép ma sẽ tiêu tan. Nhưng đây mới là điều cấm nặng nề nhất là từ lúc bắt đầu dệt cho đến khi dệt xong con không được nói một câu. Nếu con chỉ nói một tiếng thôi thì tiếng nói đó sẽ là nhát dao đâm xuyên tim các anh con”.

Nàng bưng tỉnh và bắt đầu làm việc ngay để giải thoát cho các anh nàng.

Qua hai ngày làm việc cật lực, hai bàn tay nàng bị phỏng cả lên, đau đớn vô cùng. Nhưng nàng đã bắt đầu dệt những chiếc áo dài tay bằng sợi cây tầm ma xanh thẫm.

(Trích “Bầy thiên nga” – An-đéc-xen)

Chú thích: [1] Tầm ma: một loại cây có sợi, giống cây gai ở nước ta.

Câu 1: Chỉ ra chi tiết kì ảo trong đoạn trích.

Câu 2: Mục đích cô bé Li-dơ dệt những chiếc áo dài tay từ sợi cây tầm ma là gì?

Câu 3: Để đạt được mục đích trên, cô bé Li-dơ phải đối mặt với những thử thách gì?

Câu 4: Từ việc làm của cô bé Li-dơ, em rút ra cho mình bài học gì về tình cảm anh em trong gia đình.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Chi tiết kì ảo:

- Chi tiết bà tiên báo mộng cho cô bé Li-dơ cách cứu các anh trai.

- Chi tiết áo được dệt từ cây tầm ma sẽ làm phép ma tiêu tan.

Câu 2: Mục đích cô bé Li-dor dệt những chiếc áo dài tay từ sợi cây tầm ma nhằm giải thoát các anh của mình khỏi phép ma thuật (của mẹ hoàng hậu vốn là phù thủy), giúp các anh trai của cô quay trở về hình dạng của con người.

Câu 3: Những thử thách: cô phải đi hái cây tầm ma ngoài nghĩa địa, sẽ bị phỏng tay, đau đớn vô cùng. Cô phải lấy chân dẫm nát cây ra để được một loại sợi gai sẽ dùng để dệt mười một chiếc áo dài tay; không được nói nửa lời trong suốt quá trình dệt 11 chiếc áo cho các anh trai.

Câu 4: Bài học về tình cảm anh em: Anh em trong một nhà phải biết thương yêu, đùm bọc lẫn nhau; phải biết giúp đỡ nhau khi gặp hoạn nạn...

Viết kết nối:

4. Dạng viết ngắn

Câu 1. Tưởng tượng một kết thúc khác cho truyện “*Cây khế*”. Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) kể về kết thúc đó.

* Nội dung đoạn văn

- Xác định: Tưởng tượng một kết thúc khác cho câu chuyện. Mỗi nhân vật có những đổi thay gì (theo suy nghĩ của em). Ví dụ đặt ra tình huống: Nếu người anh rơi xuống biển mà được cứu, em muốn người anh thay đổi như thế nào?

- Từ đó, em bày tỏ thêm suy nghĩ của mình: cần sống biết yêu thương, cần biết nhận lỗi và sửa lỗi.

* Hình thức đoạn văn: 5- 7 câu

Gợi ý: Viết đoạn văn:

Đoạn văn tham khảo: Sau khi bị rơi xuống biển, người anh trôi dạt và được một chiếc thuyền của người dân đánh cá trên biển cho vào bờ. Người anh lang thang khắp mọi nơi, trở thành người ăn xin. Còn về phần người em, khi đợi mãi không thấy anh về, người em đã đi tìm, tìm mãi, tìm mãi, cuối cùng hai anh em đã gặp nhau. Mừng mừng tủi tủi, người em ôm chặt anh, người anh ứa nước mắt, ân hận vô cùng. Người anh xin lỗi vợ chồng người em, và xin hứa sống cuộc sống thanh bần, không màng đến vàng bạc nữa.

ÔN TẬP TRUYỆN CỔ TÍCH “VUA CHÍCH CHÒE”

I. Tìm hiểu chung

- Thể loại: Truyện cổ tích.

- PTBD chính: Tự sự.

- Bố cục: 3 phần.

+ Phần 1 (Từ đầu đến *Vua chích chòe*): Sự kiêu căng của nàng công chúa.

+ Phần 2 (Tiếp đến *giật tay lại*): Nàng công chúa được uốn nắn, trải qua khó khăn.

+ Phần 3 (Còn lại): Nàng công chúa được hạnh phúc.

+ Các sự việc chính:

- Nhà vua có cô con gái xinh đẹp tuyệt trần nhưng vô cùng kiêu ngạo, ngông cuồng.

- Các người đến dự bữa tiệc

- Công chúa chê hết người này đến người khác, khiến nhà vua tức giận và ban sẽ gả công chúa cho người ăn xin đầu tiên đến điện.

- Nhà vua gả công chúa cho gã hát rong, công chúa theo gã về nh

- Công chúa dần dần làm qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp.
- Vua chích chòe giải thích mọi việc cho công chúa khi cô làm phụ bếp cho đám cưới của vua.

- Nàng công chúa được hạnh phúc.

*** Tóm tắt:** Ở một vương quốc, nhà vua có người con gái xinh đẹp tuyệt trần, nhưng tính cách lại kiêu ngạo. Vua cho mời các chàng trai ở khắp mọi nơi đến để thiết tiệc linh đình. Bất cứ ai công chúa cũng tìm đủ lý do để chê, đặt cho họ những biệt danh kì lạ. Nhà vua vô cùng tức giận, tuyên bố sẽ gả công chúa cho người ăn mày đầu tiên đi qua hoàng cung. Một ngày nọ, một người hát rong đi qua, nhà vua gọi anh ta vào rồi gả công chúa cho. Hai vợ chồng đi đến ngôi nhà của người hát rong, ngôi nhà lụp xụp, thấp tè lại rất nghèo nên công chúa phải làm các công việc để kiếm sống từ đan sọt bán, quay sợi, buôn nôi và bát đĩa ở chợ, cuối cùng phải làm một chị phụ bếp trong hoàng cung. Một lần trong cung tổ chức lễ cưới cho vua, cô cũng lên vào xem. Công chúa đã biết được sự thật người hát rong chính là Vua chích chòe. Cô nhận ra lỗi lầm, hai người làm lễ cưới và sống hạnh phúc bên nhau.

II. Định hướng phân tích văn bản

1. Công chúa kiêu ngạo, chế giễu mọi người

- Thân phận: Công chúa, con gái duy nhất của một nhà vua. → Cao quý, được cung chiều.
- Hình dáng: Xinh đẹp tuyệt trần.
- Tính cách: Kiêu ngạo và ngông cuồng, không ai vừa mắt nàng. Không những từ chối hết người này đến người khác còn chế giễu, nhạo báng họ.
- Cuộc tuyển chọn phò mã:
 - + Hoàn cảnh: Vua mời các chàng trai ở khắp các nước xa gần tới thiết tiệc linh đình để chọn phò mã. Khách đứng thành hàng theo ngôi thứ.
 - + Ai cũng bị công chúa giễu cợt:
 - Người thì nàng cho là mập quá, nàng đặt tên là Thùng tô-nô.
 - Người thì mảnh khảnh quá, nàng chê mảnh khảnh thế thì gió sẽ thổi bay.
 - Người thì lùn, nàng lại chê lùn mà mập nữa thì vụng về lắm.
 - Người thì mặt mày xanh xao, bị nàng đặt tên Nhọt nhọt như chết đuối.
 - Người thứ năm mặt đỏ như gấc, nàng gọi là Xung đồng đỏ.
 - Người thứ sáu dáng hơi cong cong, nên nàng gọi là Cây non sậy lò cong cớn.
 - Người có cằm hơi cong như mỏ chích chòe, nàng nói chẳng khác gì chim chích chòe có mỏ nên đặt tên là Vua chích chòe.
 - Nhà vua quá tức giận trước cách hành xử của công chúa nên tuyên bố: sẽ gả công chúa cho người ăn mày đầu tiên đi qua hoàng cung.
- Hoàn cảnh:
 - + Lời ban truyền của nhà vua. → Hành động dứt khoát, muốn trừng trị con gái.
 - + Vua chích chòe - người đã bị công chúa chế giễu có chiếc cằm hơi nhô ra như mỏ con chim chích chòe nhưng yêu nàng đã đóng giả thành người hát rong.
- Những thử thách mà công chúa phải trải qua:
 - + Ban đầu:
 - Công chúa luôn thể hiện sự tiếc nuối khi biết được khu rừng, thảo nguyên, thành phố mỹ lệ,... khi biết nó là của vua chích chòe. → Nghệ thuật: Điệp cấu trúc.

- Công chúa không thể chấp nhận sự thật: "Người hầu của anh đâu?".
- Công chúa không biết làm gì cả: không biết nhóm bếp, không biết đan sọt, không biết dệt sọt, bán sành sứ lại bán đầu chợ.
- Thiếu kĩ năng sinh sống, được cưng chiều từ nhỏ đã quen.
- + Sau đó, người hát rong đã yêu cầu công chúa làm những việc:
Làm việc nhà.
- Dậy sớm nhóm bếp, nấu ăn, làm việc nhà.
- Đan sọt, dệt vải (nhưng người hát rong lại nghĩ những ngón tay mềm mại của công chúa sẽ bị chảy máu).
- Buôn bán nồi và bát đĩa (công chúa bày một đồng hàng sành sứ ngồi ngay đầu chợ nên đã bị anh chàng phi ngựa lao thẳng vào, vỡ ra hàng nghìn mảnh vụn).
- Làm chị phụ bếp.
- Mục đích những yêu cầu này: Trừng phạt tính kiêu căng, ngông cuồng, uốn nắn tính kiêu ngạo của công chúa, để công chúa nhận ra những điều sai trái của mình và biết sửa sai. Đồng thời vẫn thể hiện tình yêu của Vua chích chòe với công chúa.
- Công chúa đã có những thay đổi tích cực về thái độ.

3. Kết thúc có hậu cho công chúa

- Khi nhận ra nhà vua chích chòe:
- + Từ chối, cố sức gạt ra.
- + Cảm thấy từ chối khi bị mọi người chế nhạo.
- Hiểu được cảm xúc của người từng bị mình chế giễu. Chung thủy, cảm thấy không xứng đáng.
- Khi được vua chích chòe giải thích: Bật khóc nức nở "Em đã làm những điều sai trái, thật không xứng đáng là vợ của anh."
- Nhận lỗi, cảm thấy mình không xứng đáng.
- Sau khi đã nhận ra được sự kiêu ngạo của mình, công chúa đã được hưởng hạnh phúc: Kết hôn cùng Vua chích chòe.

4. Tổng kết

Nội dung

Vua chích chòe khuyên con người không nên kiêu ngạo, ngông cuồng thích nhạo báng người khác. Đồng thời thể hiện sự bao dung, tình yêu thương của nhân dân với những người biết quay đầu, hoàn lương.

Nghệ thuật

Truyện cổ tích cùng những chi tiết hoang đường, kì ảo và biện pháp điệp cấu trúc.

II. Luyện tập

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Câu chuyện *Vua chích chòe* phê phán thói xấu nào?

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| A. Kiêu căng, ngạo mạn. | B. Dưa dấm, ỷ lại. |
| C. Tham lam, ích kỉ. | D. Độc ác, xấu xa. |

Đáp án: A

Câu 2: *Vua chích chòe* cùng thể loại với văn bản nào dưới đây?

- | | |
|------------------------|-------------------------|
| A. Cây khế | B. Thánh Gióng |
| C. Sơn Tinh, Thủy Tinh | D. Ai ơi mùng 9 tháng 4 |

Đáp án: A

Câu 3: Vua chích chòe trong sách giáo khoa *Kết nối tri thức với cuộc sống* là bản dịch của ai?

- A. Thái Bá Dũng
C. Lương Văn Hồng

- B. Hà My
D. Bích Thúy

Đáp án: C

Câu 4: Phương thức biểu đạt chính của văn bản: *Vua chích chòe* là gì?

- A. Tự sự
B. Miêu tả
C. Nghị luận
D. Thuyết minh

Đáp án: A

Câu 5: Ai là nhân vật trải qua những thử thách trong *Vua chích chòe*?

- A. Vua cha
B. Vua chích chòe
C. Chim chích chòe
D. Công chúa

Câu 6: Đây là tính cách ban đầu của công chúa trong truyện?

- A. Hiền lành
B. Thông minh
C. Tham lam
D. Kiêu ngạo

Đáp án: D

Câu 7: Đây không phải cụm từ mà công chúa dùng để chế nhạo những người đến dự lễ?

- A. Vua chích chòe
B. Nhọt nhọt như chết đuối
C. Cây già sậy lò cong cớn
D. Xung đồng đỏ

Câu 8: Vua cha đã quyết định như thế nào trước cách hành xử kiêu ngạo của con gái mình?

- A. Giam lỏng công chúa
B. Mở tiếp cuộc chọn phò mã
C. Tuyên bố gả công chúa cho người ăn mày
D. Ngồi giải thích cho con gái hiểu

Đáp án: C

2. Dạng đề Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Nhà vua chỉ có một người con gái. Công chúa đẹp tuyệt trần, nhưng vì vậy công chúa kiêu ngạo và ngông cuồng, không một ai vừa lòng nàng cả. Nàng chối từ hết người này đến người khác, không những vậy lại còn chế giễu, nhạo báng họ. Có một lần, nhà vua cho mời các chàng trai ở khắp các nước xa gần tới mở tiệc linh đình để chọn phò mã. Khách đứng thành hàng theo ngôi thứ, đứng trên cùng là vua các nước rồi các công tước, các ông hoàng, các bá tước, các nam tước, cuối cùng là những người dòng dõi quý tộc. Công chúa được dẫn đi xem mặt. Chẳng ai được công chúa tha, người nào nàng cũng có cơ để giễu cợt. Người thì nàng cho là quá mập, nàng đặt tên là thùng tô nô, người quá mảnh khảnh thì nàng nói, mảnh khảnh thế thì gió thổi bay, người thứ ba thì lại lùn, nàng chê: Lùn lại mập thì vụng về lắm, người thứ tư mặt mày xanh xao, bị đặt tên Nhọt nhọt như chết đuối, người thứ năm mặt đỏ như gấc, nàng gọi Xung đồng đỏ, người thứ sáu đứng dáng hơi cong, nàng chê là cây non sậy lò cong cớn, nhìn ai nàng cũng tìm cách nhạo báng, nàng lấy làm khoái chí khi thấy một người có cằm hơi cong như mỏ chim chích chòe, nàng nói giỡn, chà, anh ta có cái cằm chẳng khác gì chim chích chòe có mỏ, từ đó trở đi ông vua tốt bụng ấy có tên là Vua chích chòe.

(Trích truyện cổ tích *Vua chích chòe*, *Truyện cổ tích Tổng hợp*)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.

Câu 2. Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giễu cợt mọi người ra sao?

Câu 3. Từ thái độ của công chúa, em nhận ra đặc điểm gì của nhân vật này?

Câu 4. Trước điểm đặc biệt về hình thức của người khác, theo em chúng ta nên có thái độ và cư xử như thế nào? Tại sao vậy?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: tự sự

Câu 2. Trong bữa tiệc kén chọn phò mã, công chúa đã giễu cợt, nhạo báng và chê bai tất cả mọi người, chẳng tha một ai.

+ Người thì nàng cho là quá mập, đặt tên là “thùng tô-nô”

+ Người mảnh khảnh thì nàng nói “mảnh khảnh thế thì gió thổi bay”.

+ Người lùn thì nàng chê “lùn lại mập thì vụng về lắm”.

+ Người xanh xao bị nàng đặt tên là “nhọt nhạt như chết đuối”.

+ Người mặt đỏ như gấc, nàng gọi Xung đồng đỏ.

+ Người đứng dáng hơi cong, nàng chê "cây non sây lò cong cớn".

+ Người có cái cằm hơi cong chẳng khác gì chim chích chòe, nàng khiến người đó bị gọi là Vua chích chòe.

Câu 3. Điều này cho thấy nàng công chúa này là một người kiêu ngạo, chảnh chọe, hay trêu ghẹo và coi thường người khác. Công chúa cũng có vẻ tinh nghịch, láu lỉnh của một người quen được nuông chiều.

Câu 4. Trước điểm đặc biệt về hình thức của người khác, theo em chúng ta nên có thái độ, cư xử: nhã nhặn, lịch sự, tôn trọng với người đó. Tuyệt đối không được chê bai, nhạo báng hình thức của người khác. Vì đó là hành vi xấu xí, gây tổn thương cho người khác.

3. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi bên dưới:

MUỐI TO, MUỐI BÉ

Hạt muối Bé nói với hạt muối To:

- Em đến chia tay chị này, em sắp được hòa trong đại dương.

Muối To trở mắt:

- Em đại quá, sao lại để đánh mất mình như thế? Em muốn thì cứ làm, chị không điên! Muối To thu mình co quắp lại, nhất định không để biển hòa tan. Muối To lên bờ, sống trong vương muối. Nó vẫn ngạo nghễ, to cứng và nhìn chúng bạn bé tí ti đầy khinh khinh. Thu hoạch, người ta gặt nó ra ngoài, xếp vào loại phế phẩm, còn những hạt muối tinh trắng kia được đóng vào bao sạch đẹp...

Sau một thời gian lẫn lóc hết xô chợ này đến xô chợ khác, cuối cùng người ta cho muối To vào nồi cám heo. Tủi nhục ê chề, nó thu mình co cứng hơn mặc cho nước sôi trăm độ cũng không lấy được, dù là cái vảy da của nó. Khi rửa máng heo, người ta phát hiện nó, và chẳng cần nghĩ suy, ném nó ra đường. Người người qua lại đạp lên nó. Trời đổ mưa, muối Bé, bây giờ là hạt mưa, gập lại muối To. Muối Bé hí hửng kể:

- Tuyệt lắm chị ơi! Khi em hòa tan trong nước biển, em được bay lên trời, sau đó em thành mưa tưới mát cho Trái Đất thêm xanh tươi. Thôi chào chị, em còn đi chu du nhiều nơi trên Trái Đất trước khi về biển, chuẩn bị một hành trình tuyệt vời khác...

Nhìn muối Bé hòa mình với dòng chảy, xa dần, xa dần... bỗng dưng muối To thêm khát cuộc sống như muối Bé, muốn hòa tan, hòa tan...

(Theo Truyện cổ tích chọn lọc)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.

Câu 2. Trước việc hòa tan vào đại dương, tại sao muối To cho đó là “dại” còn muối Bé lại thấy là “tuyệt lắm”?

Câu 3. Khi vào mùa thu hoạch, số phận của muối To như thế nào?

Câu 5. Nêu ý nghĩa biểu tượng của hạt muối trong câu chuyện trên? (Chia sẻ bằng đoạn văn khoảng 5- 7 dòng)

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2: - Muối To cho rằng việc hòa tan vào đại dương là “dại” vì sẽ đánh mất mình, sẽ bị biến mất, không còn giữ được những cái của riêng mình nữa.

- Muối Bé cho là “tuyệt lắm” vì khi hòa vào biển, nó được hóa thân, được cống hiến sức mình cho trái Đất...

Câu 3: Vào mùa thu hoạch, muối To bị gạt ra ngoài, bị xếp vào loại phế phẩm.

Câu 4: Ý nghĩa biểu tượng của mỗi hình ảnh:

- Muối To: Hình ảnh của con người sống ích kỉ, chỉ khư khư giữ lấy giá trị riêng của mình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi

“Thuở xa xưa có một vị sa hoàng thường xuyên đi công cán xa. Sa hậu thường ngóng đợi, rồi ước sinh hạ được tiểu công chúa đẹp tuyệt trần. Khi điều ước ấy thành sự thực thì sa hoàng cũng về, nhưng vừa vượt cạn xong thì sa hậu cũng kiệt sức mà lìa đời.

Qua năm sau, sa hoàng tục huyền với một đức bà thông minh sắc sảo. Bà ta có một chiếc gương biết rõ truyện xưa nay nên thường hỏi nó rằng ai người đẹp nhất trần. Gương hay đem những lời nịnh mà ru vỗ bà hoàng.

Tới năm công chúa đến tuổi cập kê, sa hoàng chuẩn bị cử hành hôn lễ nàng với hoàng tử lân bang Yelisey. Bấy giờ gương đã thốt ra rằng, nhan sắc bà hoàng dù đẹp mà còn kém xa công chúa. Bà liền sai con hầu Chernavka dụ công chúa vào rừng rồi trói lại cho sói xơi tái.

Con hầu hăm hở ra đi, nhưng khi nom công chúa đáng thương quá, bèn dẫn nàng chạy đi thật xa, rồi ở về lâu đài bảo rằng công chúa đã bị sói vồ. Sa hoàng biết truyện thì rất đau lòng, còn hoàng tử Yelisey bèn ruổi ngựa phiêu lưu khắp thế gian với đức tin rằng công chúa chưa chết.

Phản công chúa ra khỏi rừng rậm thì thấy một căn nhà gỗ rất rộng, bèn vào đây định nghỉ tạm. Thế rồi sấm tới, trong lúc nàng thiếp trên giường, bỗng có bảy người lực lưỡng vào nhà và cho hay là chủ nhân đích thực.

Từ đó công chúa được bảy tráng sĩ mời ở lại phụ họ dọn dẹp, nấu ăn mỗi ngày. Cho tới một hôm, bảy anh em đồng thanh hỏi nàng có ưng ai trong họ thì gả nghĩa làm chồng. Nàng chỉ buồn bã đáp rằng đã có vị hôn phu và khước từ.

Thời gian lâu sau, bà hoàng lại hỏi gương, được biết rằng công chúa vẫn bình an, bèn khảo con hầu Chernavka, ở phải khai rằng đã để công chúa đi. Bà liền bắt con hầu cải trang làm người bán rong đi tìm công chúa.

Con hầu Chernavka dò la rồi cũng biết chỗ ở mới của công chúa, bèn xách một giỏ táo chín mọng tới gõ cửa. Ấm gọi công chúa và biểu nàng trái chín mọng nhất. Công chúa vừa cắn một miếng đã lịm đi.

Đến sáng tối, bảy tráng sĩ về thì hay có sự, bèn đặt công chúa trong cỗ áo quan bằng pha lê rồi rước lên đỉnh núi, những mong cả thế gian phải thán phục nhan sắc nàng công chúa chết. Hoàng tử Yelisey chu du thám thoát đã lâu lắm, chàng đi hỏi thần ánh dương, thần ánh nguyệt, và thần gió, nhưng không ai biết công chúa ở đâu. Còn bà hoàng cả mừng vì gương cho hay rằng công chúa đã không còn nữa.

Cho tới khi đi ngang qua hẻm núi, Yelisey mới hay các tráng sĩ đang hành lễ truy điệu công chúa, bèn khẩn nài họ rước về hoàng cung. Nhưng khi đang đi thì họ vấp bờ đá suýt ngã, miếng táo từ miệng công chúa văng ra khiến nàng tỉnh dậy. Yelisey bèn đưa công chúa về lâu đài.

Bấy giờ bà hoàng lại hỏi gương, thì nó đáp rằng công chúa chưa chết và còn đẹp hơn xưa, bà nổi cơn thịnh nộ đập tan chiếc gương. Trong hôn lễ công chúa với hoàng tử Yelisey, bà hoàng bỗng nổi cơn ghen tương mà chết điếng.

(Dẫn theo truyện “Nàng công chúa và bảy chàng hiệp sĩ”, Puskin

kể)

Câu 1: Xác định ngôi kể và thể loại của văn bản trên.

Câu 2: Chỉ ra và nêu tác dụng của chi tiết kì ảo trong văn bản trên.

Câu 3: Qua văn bản, em có nhận xét gì về tính cách của mẹ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa.

Câu 4: Câu chuyện trên của Puskin được viết dựa vào truyện “Nàng Bạch Tuyết” do anh em Grimm sưu tầm. Em hãy rút ra thông điệp có ý nghĩa nhất từ những câu chuyện này.

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Ngôi kể thứ 3
- Thể loại: truyện cổ tích

Câu 2:

- Chi tiết kì ảo: chi tiết chiếc gương thần biết nói
- Tác dụng:
 - + Chiếc gương thần chính là hình chiếu soi chiếu tâm địa độc ác, sự đố kị của mẹ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa.
- Giúp cho mạch truyện phát triển, câu chuyện thêm lôi cuốn, hấp dẫn người đọc.

Câu 3:

Tính cách của mẹ hoàng hậu – mẹ kế của nàng công chúa: không chỉ luôn đố kị với nhan sắc của nàng công chúa, mẹ ta còn độc ác, luôn tìm mọi cách để giết công chúa để mẹ ta trở thành người đẹp nhất thế gian. Chính sự đố kị đã biến mẹ ta trở thành mẹ dì ghẻ độc ác.

Câu 4:

Các câu chuyện đều gửi gắm thông điệp: ở hiền gặp lành, ác giả ác báo. Nếu giữ tính đố kị thì sẽ làm hại đến chính bản thân mình.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi (Dành cho HS giỏi)

“Tại một vùng nông thôn nước Mỹ, có hai anh em nhà kia vì quá đói kém, bản cùng đã rủ nhau đi ăn cắp củu của nông dân trong vùng. Không may hai anh em bị bắt. Dân trong làng đưa ra một hình phạt là khắc lên trán tội nhân hai mẫu tự “ST”, có nghĩa là quân trộm cắp (viết tắt từ chữ “stealer”).

Không chịu nổi sự nhục nhã này, người anh đã trốn sang một vùng khác sinh sống. Thế nhưng anh chẳng bao giờ quên được nỗi nhục nhã mỗi khi ai đó hỏi anh về ý nghĩa hai chữ “ST” đáng nguyền rủa này.

Còn người em tự nói với bản thân mình: “Tôi không thể từ bỏ sự tin tưởng của những người xung quanh và của chính tôi”. Thế là anh tiếp tục ở lại xứ sở của mình. Bằng sự nỗ lực, anh đã xây dựng cho mình một sự nghiệp cũng như tiếng thơm là một người nhân hậu. Anh sẵn sàng giúp đỡ người khác với tất cả những gì mình có thể.

Ngày kia, có một người khách đến làng vì tò mò đã hỏi một cụ già trong làng về ý nghĩa hai mẫu tự trên trán người em. Cụ già suy nghĩ một hồi rồi trả lời: “Tôi không biết rõ lai lịch của hai chữ viết tắt ấy, nhưng cứ nhìn vào cuộc sống của anh ta, tôi đoán hai chữ đó có nghĩa là người thánh thiện”(viết tắt từ chữ “saint”)

(Dẫn theo nguồn Internet)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên?

Câu 2: Hai anh em đã xử lý như thế nào trước lỗi lầm của mình?

Câu 3: Chỉ ra công dụng của dấu ngoặc kép được sử dụng trong câu văn sau :

Còn người em, anh tự nói với bản thân mình: “Tôi không thể từ bỏ sự tin tưởng của những người xung quanh và của chính tôi”.

Câu 4: Nếu một ngày em bị rơi vào tình huống mắc sai lầm, em sẽ chọn cách xử lý như thế nào? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản trên: Tự sự

Câu 2: Hai anh em đã có cách xử lý khác nhau trước lỗi lầm của mình:

- Người anh: Không quên lỗi lầm của mình, anh đã tìm cách chạy trốn và luôn luôn cảm thấy nhục nhã.
- Người em: đã sửa lỗi lầm của mình và cố gắng trở thành người tốt

Câu 3: Công dụng của dấu ngoặc kép được sử dụng trong câu trên là để đánh dấu phần dẫn lời trực tiếp của người em (ý nghĩ của người em)

Câu 4: Câu 4: Nếu một ngày em bị rơi vào tình huống mắc sai lầm, em sẽ chọn cách xử lý :
Dùng cảm đối diện với sai lầm của mình, nhận lỗi và cố gắng sửa chữa để trở thành người tốt.

Vì:

- Theo em chỉ có cách đó mỗi người mới có thể hạn chế sai lầm, sống lạc quan, bỏ đi mặc cảm tội lỗi,
- vươn lên làm việc tốt cho mình và mọi người;
- Điều đó sẽ giúp lấy lại lòng tin của mọi người với em.

ÔN TẬP VĂN BẢN SỢ DỪA

I. TÌM HIỂU CHUNG

+ Thể loại: Truyện cổ tích

- **PTBĐ chính:** Tự sự.

- Ngôi kể: thứ ba

- Nhân vật chính: Sọ Dừa

- **Sự việc chính:**

(1) Sự ra đời kì lạ của Sọ Dừa

(2) Sọ Dừa đi ở cho nhà phú ông

(3) Sọ Dừa kết hôn cùng con gái út nhà phú ông.

(4) Sọ Dừa đỗ trạng nguyên và phải đi sứ.

(5) Vợ Sọ Dừa sau khi bị hãm hại đã gặp lại chồng.

(6) Hai cô chị bỏ đi biệt xứ, vợ chồng Sọ Dừa sống hạnh phúc.

* **Tóm tắt:** Ngày xưa có hai vợ chồng nghèo họ hiền lành nhưng mãi không có con. Một hôm người vợ thấy cái sọ dừa bên trong đựng đầy nước bèn bưng lên uống. Rồi bà mang thai. Rồi bà sinh ra một đứa bé không chân không tay tròn như một quả dừa. Bà buồn lắm nhưng không đành vứt đi. Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi, con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm. Rồi chàng được phú ông gả cho cô út mà không chê chàng xấu xí. Ngày cưới một chàng trai khôi ngô tuấn tú cùng cô út xuất hiện. Hai vợ chồng Sọ Dừa ở với nhau rất hạnh phúc. Sọ Dừa đèn sách ngày đêm thi đậu trạng nguyên. Cô út bị hai cô chị hãm hại nhưng nhờ duyên số, may mắn vợ chồng lại đoàn tụ.

+ Bố cục: Văn bản chia làm 3 phần

- **Phần 1** (Từ đầu ... *đặt tên cho nó là Sọ Dừa*): Sự ra đời của Sọ Dừa.

- **Phần 2** (tiếp ... *phòng khi dùng đến*): Sọ Dừa cưới cô út, trở về hình dáng tuấn tú và thi đỗ trạng nguyên.

- **Phần 3** (còn lại): Biến cố bị hãm hại và sự đoàn tụ vợ chồng.

+ Nghệ thuật: Cốt truyện ly kỳ, hấp dẫn.

- Các chi tiết tưởng tượng kỳ ảo thú vị, bất ngờ.

- Xây dựng nhân vật có đặc điểm đặc biệt.

+ Ý nghĩa: Sọ Dừa là truyện cổ tích về người mang lốt vật, kiểu nhân vật khá phổ biến trong truyện cổ tích Việt Nam và thế giới.

- Truyện Sọ Dừa thể hiện ước mơ của nhân dân về công bằng xã hội: Những người thiệt thòi, bất hạnh, tốt bụng sẽ được hưởng hạnh phúc; những kẻ ác, tham lam sẽ bị trừng trị.

- Nêu bài học về cách nhìn nhận, đánh giá con người (Không nên chỉ nhìn vẻ bề ngoài, cần tìm hiểu, coi trọng phẩm chất bên trong của họ).

II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Sự ra đời của Sọ Dừa

- Bà mẹ vào rừng hái củi, khát nước mà không tìm thấy suối, bà uống nước mưa trong cái sọ dừa bên gốc cây to rồi mang thai

- Bà sinh ra một đứa bé không chân, không tay, tròn như quả dừa nhưng lại biết nói.

→ Sự ra đời kì lạ. Qua đó, đề cập đến những người đau khổ, thấp hèn trong xã hội xưa, vẻ ngoài xấu xí, nhân dân nhận thức sâu sắc về số phận và địa vị xã hội của mình.

2. Sọ Dừa cưới cô út, trở về với hình dạng ban đầu và thi đỗ trạng nguyên

- Tài năng của Sọ Dừa:

+ Chăn bò rất giỏi: ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng

+ Thổi sáo rất hay: thổi sáo cho đàn bò gặm cỏ

Truyện cổ tích là một trong các thể loại văn chương dân gian kể về cuộc đời của một số mẫu nhân vật thuộc các loài động vật, thực vật, những người dị dạng kì tài, những kẻ bất hạnh, những người khờ khạo nhằm giải thích tên, đặc tính sinh hoạt, hoặc để khuyên bảo con người hướng thiện. Sọ Dừa thuộc loại mẫu nhân vật dị hình dị dạng nhưng có kì tài. Thông qua cuộc đời của Sọ Dừa, người ta nhận ra quan niệm ở hiền gặp lành, ác giả ác báo của ba cô gái con của phú ông, nhân vật ông chủ giàu có của Sọ Dừa.

Phần đầu câu chuyện, tác giả dân gian giới thiệu tính tình và gia cảnh của cha mẹ Sọ Dừa. Họ là đôi vợ chồng tuổi ngoài năm mươi nghèo, tính tình hiền hậu, đi ở cho một nhà phú ông. Một hôm người vợ vào rừng đốn củi, khát nước nhưng không tìm thấy suối, lại thấy sọ dừa đầy nước nằm bên gốc cây nên bà bung lên uống và rồi có mang. Chuyện mang thai của bà thật kì lạ. Đây là kiểu nhân vật thường xuất hiện trong các nhân vật thần thánh, kì tài làm cả người lớn và con trẻ đều muốn nghe, đều tò mò muốn đọc những trang sách tiếp theo.

Chẳng bao lâu, chồng bà mất. Bà sinh ra một đứa bé không chân không tay, người tròn như một quả dừa, bà buồn lắm toan vứt đi thì đứa bé bảo: "Mẹ ơi, con là người đấy. Mẹ đừng vứt con đi mà tội nghiệp". Lại một chi tiết đặc biệt cậu bé sinh ra không giống người bình thường. Chính chi tiết này đã giải thích tại sao cậu lại mang tên Sọ Dừa. Người mẹ nào không buồn khi đứa con sinh ra mang thân hình dị dạng? Chính bởi vậy, bà muốn vứt bỏ đi cũng là lẽ thường tình. Thế nhưng cậu bé đã van xin mẹ, lời cầu xin chính là mong muốn sự từ tâm, từ đức của người mẹ. Nhờ thế cậu được mẹ nuôi.

Tuy nhiên với cuộc sống nghèo khổ, khi nuôi con mình đến bảy tám năm mà con không khôn lớn thì người mẹ nào chẳng than. Sọ Dừa đã nghe được và cậu đã lên tiếng: "Gì chứ chăn bò thì con cũng chăn được. Mẹ cứ đến bảo phú ông cho con đến ở chăn bò". Nghe lời con, bà mẹ đến hỏi phú ông. Phú ông có vẻ ngần ngại. Đó là tâm lí chung của người có của, người giàu thường có tính tham. Phú ông so hơn tính thiệt nhưng vẫn quyết định "Thôi cứ thử xem sao?". Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông và lo việc chăn bò. Nguyên nhân này dẫn đến kết quả nọ, câu chuyện cứ thế tiếp diễn. Hình ảnh hằng ngày Sọ Dừa, lăn đi lăn về mới dễ thương làm sao! "Cậu chăn bò rất giỏi" thế mới nói rằng người có tật về hình dạng nhưng thường rất có tài. Con bò nào cũng mập mạp và không mất một con. Điều này khiến phú ông mừng lắm, phú ông đã bắt đầu thay đổi về thái độ của mình với Sọ Dừa.

Ngày mùa đến, tôi tớ ra đồng làm hết nên đó là lí do mà ba cô gái của phú ông phải thay phiên nhau mang cơm ra đồng cho Sọ Dừa. "Hai cô chị khắc nghiệt kiêu kì thường hắt hủi Sọ Dừa, còn cô em út tính tình tử tế, tốt bụng hay thương người nên đối xử với Sọ Dừa rất tốt". Đây là câu văn ngắn gọn miêu tả phần nào tính cách của các cô con gái phú ông. Một hôm, cô út mang cơm đến chân đồi thì nghe thấy tiếng sáo véo von. Cô rình xem thì thấy một chàng thanh niên khôi ngô tuấn tú đang ngồi thổi sáo. Khi nghe thấy tiếng động, thanh niên đó bỗng biến thành Sọ Dừa.

Người đọc có thể tự hỏi tại sao chỉ có cô em nghe được tiếng sáo mà hai cô chị lại không nghe được. Phải chăng Sọ Dừa đã cảm nhận được tình yêu thương chân thành mà cô út đã dành cho mình? Rồi chàng đến giục mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ. Bà mẹ không thể tin được rằng con trai mình sẽ cưới được con gái phú ông nhưng vì thương con, bà đành chấp nhận. Còn phú ông thì cười, vẻ mỉa mai và thách thức: "Ừ được muốn lấy con gái ta hãy về

sắp đủ một chĩnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm mang lên đây!".

Nghèo như mẹ con Sọ Dừa thì làm sao có được những thứ quý giá như vậy. Làm như thế để ông khỏi phải nói lời từ chối và cũng không bị coi là kẻ hám giàu chê nghèo. Cả mẹ của Sọ Dừa cũng bảo gạt phắt chuyện này đi nhưng bà cũng không hiểu sao lại có những đồ lễ đó và cả chục giai nhân vào đúng ngày. Tưởng như đã từ chối được vậy mà sinh lễ đã làm ông hoa cả mắt. Ông lần lượt hỏi ý của từng người con gái, hai cô chị tỏ ý chê bai chỉ có riêng cô em thì tỏ ý bằng lòng. Phú ông đành nhận lễ. Đến đúng ngày cưới, Sọ Dừa tổ chức thật linh đình, nhưng đến giờ rước dâu chẳng thấy Sọ Dừa đâu cả mà chỉ thấy "một chàng trai khôi ngô tuấn tú cùng cô út của phú ông bước ra từ trong phòng rước dâu". Một sự việc bất ngờ như vậy, ai cũng vui mừng chỉ riêng có hai cô chị ghen tức. Mang hình hài của Sọ Dừa, đến khi trở thành người, chàng đã chăm chỉ học tập, dùi mài kinh sử và đi thi, cuối cùng đỗ Trạng nguyên. Một phần câu chuyện đã coi như kết thúc, người hiền lành chịu bất hạnh cuối cùng đã tìm được hạnh phúc.

Thế nhưng, ở đó vẫn còn có sự ghen tức. Nhân lúc quan trạng đi vắng hai cô chị rủ em út đi chèo thuyền, thực chất là hãm hại em mình. Nhớ lời chồng dặn khi đi cô út mang theo "Một con dao, hai quả trứng và một hòn đá lửa". Khi ra đến giữa biển, hai cô chị đẩy em xuống và con cá kình đã nuốt cô út vào trong bụng nó. Sấn dao mang bên mình, cô út đã giết con cá kình chui ra, dạt vào một hòn đảo và xẻ thịt cá kình ăn sống qua ngày. Hai quả trứng nở ra hai chú gà, một trống, một mái làm bạn với cô. Khi thấy thuyền quan trạng đi qua, gà liền cất tiếng gáy:

"Ồ ó o... Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về"

Sọ Dừa nhận ra là vợ mình, liền ghé thuyền vào đảo, gặp được vợ hiền. Về nhà trạng nguyên mở tiệc chiêu đãi, có cả hai cô chị. Nhưng khi thấy vợ chồng Sọ Dừa bước ra, hai cô chị bỏ nhà đi biệt xứ vì xấu hổ.

Kết thúc câu chuyện đúng ý đồ người đọc và tâm lí người nghe với đạo lí: "Người ở hiền thì gặp lành". Một chuỗi sự kiện diễn ra theo phép nhân quả thuận chiều thời gian. Lối kể chuyện hấp dẫn, lôi cuốn đã khiến người đọc cảm thấy tò mò và càng làm giàu thêm tâm lòng nhân ái của con người.

III. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Truyện cổ tích thiên về phản ánh nội dung nào?

A. Đấu tranh chinh phục thiên nhiên

B. Đấu tranh chống xâm lược

C. Đấu tranh giai cấp

D. Đấu tranh bảo tồn văn hóa

Câu 2: Trong truyện Sọ Dừa, con gái út của nhà phú ông là người như thế nào?

A. Xấu xí và rất độc ác.

B. Xinh đẹp nhưng rất độc ác.

C. Xấu xí, cục mịch nhưng tốt bụng.

D. Xinh đẹp, hiền lành, có tính hay thương người.

Câu 3: Trong truyện Sọ Dừa, Sọ Dừa có biệt tài gì?

A. Thổi sáo rất hay, tiếng sáo véo von khiến người nghe rất dễ chịu.

B. Vẽ tranh rất đẹp, nhất là những lúc chăn bò.

C. Có tài ăn nói và kể chuyện.

D. Biến hóa khôn lường, thường xuyên giúp dân diệt trừ yêu quái.

Câu 4: Tên gọi khái quát nhất cho cuộc đấu tranh xã hội trong truyện cổ tích là gì?

- A. Đấu tranh giữa người nghèo và kẻ giàu
- B. Đấu tranh giữa địa chủ và nông dân
- C. Đấu tranh giữa chính nghĩa và phi nghĩa

D. Đấu tranh giữa cái thiện và cái ác .

Câu 5: Nhân vật Sọ Dừa đại diện cho những người như thế nào trong xã hội ?

- A. Bị bóc lột
- B. Bị hắt hủi, coi thường**
- C. Chịu nhiều oan ức
- D. Gặp nhiều may mắn

Câu 6: Người mẹ mang thai Sọ Dừa trong hoàn cảnh nào?

- A. Người mẹ đi làm đồng, gặp một bàn chân to và uớ m thử, sau đó bà mang thai.
- B. Người mẹ sau khi ăn một trái dừa kì lạ thì mang thai.

C. Người mẹ hái củi trong rừng vào một hôm nắng to, bà khát nước và uống nước trong một cái sọ dừa, từ đó bà mang thai.

D. Người mẹ nằm mộng thấy một ngôi sao bay vào người, khi tỉnh dậy thì phát hiện mình có thai.

Câu 7: Khi giới thiệu nhân vật Sọ Dừa lúc mới ra đời, tác giả dân gian sử dụng phương thức biểu đạt gì ?

- A. Miêu tả
- B. Tự sự
- C. Tự sự và miêu tả**
- D. Không dùng cả miêu tả lẫn tự sự

Câu 8: Lúc mới sinh ra, Sọ Dừa là người có đặc điểm như thế nào?

- A. Khôi ngô, tuần tú và rất thông minh.
- B. Không biết nói, không biết cười, suốt ngày chỉ biết khóc.
- C. Có tay nhưng không có chân, suốt ngày lẩn lóc khắp nhà.

D. Không có chân và tay, thân hình tròn như một quả dừa nhưng biết nói và rất thông minh.

Câu 9: Công việc có ích đầu tiên mà Sọ Dừa làm cho mẹ khi lớn lên là gì?

- A. Ra đồng gặt lúa giúp mẹ.
- B. Đi ở cho nhà phú ông, làm công việc chăn bò.
- C. Đàn hát cho mẹ nghe khi mẹ mệt nhọc.
- D. Ở nhà chăn bò giúp mẹ.

Câu 10: Thái độ của hai cô chị như thế nào khi thấy em gái lấy được người chồng khôi ngô, tuần tú, lại giàu có?

- A. Mừng cho cô em vì lấy được người chồng xứng đáng.
- B. Có chút ghen tị với cô em nhưng vẫn vui lòng.

C. Vừa tiếc, vừa ghen tức và nuôi lòng thù hận cô em.

D. Xâu hổ vì mình không được như em.

Câu 11: Trước khi đi sứ, Sọ Dừa đã trao lại cho vợ những vật dụng gì?

- A. Một gói bạc và một con dao.
- B. Một hòn đá lửa, hai quả trứng gà và một con dao.
- C. Một cái trâm cài và một con dao.
- D. Một hòn đá lửa, hai quả trứng gà và một gói bạc.

Câu 12: Câu nào dưới đây không nói về thể loại truyện cổ tích?

- A. Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số nhân vật như nhân vật bất hạnh, có tài năng lạ thường...
- B. Truyện thường chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì.

C. Truyện do những tác giả tên tuổi sáng tác.

D. Truyện thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu.

Câu 13: Ý nghĩa của truyện cổ tích Sọ Dừa?

A. Đề cao, ca ngợi vẻ đẹp bên trong của con người.

B. Truyện thể hiện ước mơ của nhân dân về công bằng xã hội, cái thiện thắng cái ác

C. Truyện đề cao giá trị chân chính của con người và tình thương đối với người bất hạnh.

D. Tất cả đều đúng

Câu 14: Tác giả dân gian đưa yếu tố kì ảo vào trong truyện cổ tích nhằm mục đích gì?

A. Vì không giải thích được các hiện tượng xảy ra trong xã hội

B. Nhằm trừng trị những cái xấu, cái ác trong xã hội.

C. Nhằm lí giải các mối quan hệ xã hội

D. Thể hiện ước mơ về lẽ công bằng, góp phần tạo nên chất lãng mạn cho câu chuyện

2. Dạng đề Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Chẳng bao lâu, người chồng mất. Bà sinh một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa. Bà buồn lắm, toan vứt đi thì đứa bé bảo.

– Mẹ ơi! Con là người đấy! Mẹ đừng vứt con mà tội nghiệp.

Nghĩ lại, thấy thương con, bà đành để lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn không khác lúc nhỏ, cứ lẩn lôn lốc trong nhà, chẳng làm được việc gì.

Một hôm, bà mẹ than phiền:

- Con nhà người ta bảy, tám tuổi đã đi ở chăn bò. Còn mày thì chẳng được tích sự gì.

Sọ Dừa nói:

- Gì chứ chăn bò thì con cũng chăn được. Mẹ cứ nói với phú ông cho con đến ở chăn bò. Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông. Phú ông ngần ngại. Cả đàn bò giao cho thằng bé không ra người, không ra ngợm ấy, chăn dắt làm sao? Nhưng mà nuôi nó thì được cái ít tốn cơm, công sá chẳng là bao, hơn nuôi đứa khác nhiều. Thôi cứ thử xem!

Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Cậu chăn bò rất giỏi. Hằng ngày, Sọ Dừa lặn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lặn sau đàn bò về chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.”

(Theo Nguyễn Khắc Phi)

Câu 1. Nhân vật Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật nào của truyện cổ tích? Kể thêm tên một số truyện cổ tích có cùng kiểu nhân vật đó.

Câu 2. Nhận xét về ngoại hình và phẩm chất của Sọ Dừa qua đoạn trích.

Câu 3. Chỉ ra và nêu vai trò của yếu tố kì ảo trong đoạn trích trên.

Câu 4. Qua đoạn trích trên, em rút ra bài học gì về cách nhìn nhận, đánh giá con người trong cuộc sống?

Gợi ý làm bài

Câu 1:

- Sọ Dừa thuộc kiểu nhân vật bất hạnh

- Một số truyện cổ tích cùng kiểu nhân vật bất hạnh (người mồ côi, người mang lốt vật,...) với truyện *Thạch Sanh*:

- + *Tắm Cám*
- + *Cây tre trăm đốt*
- + *Cây khế*
- + *Lấy vợ Cóc*
- + *Lấy chồng Dê*

Câu 2:

- Ngoại hình: xấu xí, dị biệt (bé không chân không tay, tròn như một quả dưa)
- Phẩm chất:
- + Tự tin xin mẹ được ở chẵn bò cho phú ông.
- + Chàng chăn bò rất giỏi: ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng. Sợ Dừa chăm chỉ, chịu khó, không sợ gian khổ, biết giúp đỡ mẹ; tự tin vào bản thân; thông minh và tài giỏi.

Câu 3:

*Các chi tiết kì ảo trong đoạn trích:

- + Sinh ra Sọ Dừa không có tay chân, tròn như quả dưa.
- + Chàng đi chăn bò cho phú ông, không có chân tay nhưng chăn bò rất giỏi.
- *Vai trò của các yếu tố kì ảo:
- + Làm cho cốt truyện hay hơn, ly kỳ, hấp dẫn hơn.
- + Thể hiện ước mơ của nhân dân: người bất hạnh được bù đắp, có được khả năng kỳ diệu....

Câu 4: HS nêu quan điểm của bản thân. Có thể nêu:

- Không nên nhìn nhận, đánh giá con người chỉ qua vẻ bề ngoài mà cần coi trọng phẩm chất, tính cách, vẻ đẹp bên trong tâm hồn của họ.
- Không nên đánh giá con người qua định kiến hẹp hòi mà phủ nhận toàn bộ năng lực của họ.
- Cần tạo cơ hội để ta có thời gian tiếp xúc lâu để hiểu nhau hơn.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng. Nhân quan trạng đi sứ vắng, hai cô chị sang chơi, rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em xuống nước. Một con cá kình nuốt chửng cô vào bụng. Sẵn có con dao, cô em đâm chết cá, xóc cá nổi lên bề mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo. Cô lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, lấy hai hòn đá cọ mạnh vào nhau, bật lửa lên, rồi xẻ thịt cá nướng ăn, sống qua ngày, chờ có thuyền qua thì gọi vào cứu. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp, làm bạn với cô giữa cảnh đảo hoang vắng.

Một hôm, có thuyền chèo cò đuôi neho lướt qua đảo. Con gà trống nhìn thấy, gáy to ba lần:

Ồ...ó...o

Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về

Quan trạng cho thuyền vào xem. Vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Về nhà, quan trạng mở tiệc mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong buồng không cho ra mắt. Hai cô chị không hay biết gì hết, khắp khối mừng thầm, chắc hẳn chuyến này được thay em làm bà trạng. Hai cô chị thay nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng không nói gì. Tiệc xong, quan trạng cho gọi vợ ra. Hai cô chị

xấu hổ quá, lên ra về lúc nào không ai hay rồi bỏ đi biệt xứ.”

(Theo Nguyễn Khắc Phi)

Câu 1: Chỉ ra chi tiết kì ảo trong đoạn trích.

Câu 2: Tìm và nêu tác dụng của trạng ngữ trong câu dưới đây:

“Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, định tâm hại em để thay em làm bà trạng.”

Câu 3. Cách ứng xử của Sọ Dừa từ khi đưa vợ về nhà trong đoạn trích trên cho thấy phẩm chất gì của chàng?

Câu 4: Kết thúc của truyện “Sọ Dừa” có ý nghĩa gì ?

(GV chọn một trong hai câu 3a hoặc 3b)

Câu 5. Theo em, lòng đố kị gây ra những hậu quả gì?

Câu 6. Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người hay chỉ là sự thể hiện tình thương đối với con người bất hạnh? Vì sao?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Chi tiết kì ảo:

- Vợ Sọ Dừa thoát khỏi bụng cá, sống sót trên đảo.
- Gà trống gáy thành tiếng người.

Câu 2:

- Trạng ngữ: *Từ ngày cô em út lấy được chồng trạng nguyên*
- Tác dụng: nhấn mạnh thời gian, tạo sự chú ý của người đọc vào thời điểm diễn ra sự việc: hai cô chị ghen ghét, bày mưu hại cô út để chiếm chồng em.

Câu 3. Đoạn trích làm nổi bật khả năng, phẩm chất sau của Sọ Dừa:

- Lo lắng, thương yêu vợ và có trí tuệ sáng suốt khi dự đoán trước được sự việc vợ ở nhà sẽ bị hãm hại.
- Trí tuệ sáng suốt còn bộc lộ khi Sọ Dừa bố trí tiệc ăn mừng, cố ý để vợ trong buồng để hai cô chị tự mình thấy xấu hổ về hành động của mình.
- Sọ Dừa còn là người nhân đức và độ lượng: mặc dù biết rõ lòng dạ độc ác của hai người chị nhưng chàng không một lời trách cứ, chỉ lặng lẽ đưa vợ ra chào khiến hai người chị xấu hổ, nhục nhã mà âm thầm trốn đi biệt xứ.

Vẻ đẹp của Sọ Dừa chính là vẻ đẹp trí tuệ và tấm lòng nhân hậu, độ lượng của nhân dân.

Câu 4: Kết thúc của câu chuyện này đã thể hiện mong ước của dân gian: “Ở hiền gặp lành, ác giả ác báo”: những con người nhỏ bé, thấp hèn, hình dạng xấu xí như Sọ Dừa hoặc con người tốt bụng, có lòng thương người như cô Út sẽ được hưởng hạnh phúc. Những kẻ xấu xa, có dã tâm độc ác như hai cô chị sẽ bị trừng phạt.

Câu 5: HS nêu suy nghĩ của bản thân. Có thể nêu:

- Phá hoại các mối quan hệ của mình cũng như của người khác.
- Cuộc sống không thoải mái luôn nghĩ cách hãm hại người khác và cũng làm hại cả bản thân.
- Làm nảy sinh nhiều trạng thái tâm lý tiêu cực, khiến cho bản thân người có lòng đố kị luôn căng thẳng, bức bối, không thoải mái.

Câu 6:

Truyện Sọ Dừa đề cao giá trị chân chính của con người chứ không chỉ là sự thể hiện tình thương đối với con người bất hạnh. Bởi vì truyện Sọ Dừa là câu chuyện thuộc kiểu người mang lột vật, truyện luôn nhằm tập trung làm bật nổi phẩm chất ẩn bên trong hình hài dị dạng của nhân vật: nhân vật Sọ Dừa có sự đối lập giữa hình hài xấu xí bên ngoài với các phẩm chất cao quý bên trong. Sự đối lập giữa bề ngoài dị dạng và vẻ đẹp tài năng, phẩm chất cao quý thể hiện ước mơ của nhân dân về sự đổi đời (bù đắp) và đề cao, khẳng định giá trị chân chính của con người. Đó là giá trị tinh thần bên trong. Và khi đánh giá con người không chỉ nhìn ở góc độ bên ngoài mà phải nhìn ở phẩm chất bên trong mới thấy được vẻ đẹp thực sự.

2. Nhận diện dạng đề:

Dạng đề cụ thể: là dạng đề nêu rõ đối tượng kể, yêu cầu kể ở từng đề bài

Ví dụ: *Hãy đóng vai nhân vật người anh để kể lại truyện Cây khế.*

Dạng đề mở: là dạng đề không cụ thể về đối tượng mà chỉ nêu yêu cầu kể ở đề bài, hoặc cụ thể về đối tượng nhưng mở về cách kể.

Ví dụ: *Thế giới cổ tích là một thế giới vô cùng hấp dẫn. Mỗi chuyện cổ tích đều đem đến cho ta những điều kì diệu. Hãy nhập vai một nhân vật trong truyện cổ tích mà em yêu thích và kể lại truyện đó.*

3. Đề bài viết sinh động có thể sưu tầm thêm tranh ảnh, đồ vật, video..

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: NGHĨA CỦA TỪ, THÀNH NGŨ, PHÉP TU TỪ ĐIỆP NGŨ.

I. NGHĨA CỦA TỪ:

1. Khái niệm

- Nghĩa của từ là nội dung (sự việc, tính chất, hoạt động, quan hệ...) mà từ biểu thị.
- Nghĩa của từ thường đứng sau dấu 2 chấm (:)

Ví dụ: Cây

Hình thức: Là từ đơn, chỉ có một tiếng.

Nội dung: chỉ một loài thực vật.

Dưới đây là một số chú thích trong những bài văn các em đã học:

- Tập quán: Thói quen của một cộng đồng (địa phương, dân tộc...) được hình thành từ lâu trong cuộc sống, được mọi người làm theo.
- Lầm liệt: Hùng dũng, oai nghiêm.
- Nao núng: Lung lay, không vững lòng tin ở mình nữa.

2. Các cách giải nghĩa của từ ngữ

* Để hiểu nghĩa của từ ngữ thông thường có thể dùng các cách sau:

- **Cách 1:** Tra từ điển.
- **Cách 2:** Dựa vào các yếu tố tạo nên từ ngữ đó để suy đoán nghĩa của nó.

Ví dụ: *gia tài:*

+ *gia* là nhà,

+ *tài* là của cải

- **gia tài:** là của cải riêng của một người hay một gia đình.

* Để giải thích nghĩa của từ ngữ trong câu, đoạn văn, nên dựa vào các từ ngữ xung quanh

Ví dụ: “Hai bên đánh nhau **ròng rã** suốt mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh thì đã kiệt.”

- Nghĩa của từ “ròng rã” có thể dựa vào các từ xung quanh như “suốt mấy tháng trời”, “cuối cùng” “đã kiệt” để suy ra nghĩa của từ **ròng rã** là liên tục, kéo dài, dai dẳng mãi rồi mới kết thúc.

II. THÀNH NGỮ:

1. Thành ngữ là một loại cụm từ có cấu tạo ổn định. Nghĩa của thành ngữ có tính hình tượng, biểu trưng và giàu cảm xúc.

2. Thành ngữ có khả năng hoạt động ngữ pháp như từ, tức có thể thay thế cho từ trong câu. Ví dụ :

- Nó nói **dai**.

- Nó nói **dai như đĩa**.

Sử dụng thành ngữ, người nói, viết có khả năng thể hiện thái độ, cảm xúc, cách đánh giá của mình đối với sự vật, hiện tượng v.v... So sánh :

Mắng - **mắng như tát nước vào mặt**;

- **mắng vuốt mặt không kịp**.

3. Nghĩa của thành ngữ thường được suy ra từ nghĩa đen của các từ tạo nên thông qua các phép chuyển nghĩa như ẩn dụ, so sánh...

- Đặc biệt, tính biểu trưng hoá, tức lấy tính chất của sự vật, sự việc cụ thể để biểu thị các tính chất, đặc điểm khái quát là đặc trưng ngữ nghĩa nổi bật của thành ngữ. Ví dụ :

- Thành ngữ **Ếch ngồi đáy giếng** với nghĩa đen chỉ một sự việc cụ thể (ếch sống dưới giếng, nhìn lên bầu trời qua miệng giếng, lầm tưởng bầu trời chỉ là một khoảng nhỏ như chiếc vung) được dùng để biểu thị đặc điểm khái quát: “hiểu biết ít, tầm nhìn bị hạn chế, do điều kiện tiếp xúc hạn hẹp”.

- Thành ngữ **Mèo nhỏ bắt chuột con** có nghĩa đen chỉ một việc cụ thể được dùng để biểu thị việc làm vừa phải, phù hợp với khả năng và sức lực của mình:

- Thành ngữ **Mèo mù vớ cá rán** được dùng để biểu thị sự may mắn bất ngờ, ngoài khả năng.

4. Mỗi thành ngữ thường chỉ nêu một khía cạnh nào đó của đặc điểm, tính chất. Ví dụ:

- **Dai như chảo** – thiên về biểu thị tính chất dai vật lí, khó kéo đứt;

- **Dai như đĩa** – thiên về sự bền bỉ, đeo đẳng không thôi.

5. Thành ngữ có cấu tạo rất đa dạng.

- Thông thường, thành ngữ có cấu tạo là một cụm từ (nhưng cũng có thể có cấu tạo là một câu, ví dụ : **Ma cũ bắt nạt ma mới**). Ví dụ : **Chậm như rùa, Yếu như sên, Một nắng hai sương, Ruộng cả ao liền** v.v...

6. Cấu tạo của thành ngữ có tính ổn định, song, trong sử dụng, một số ít thành ngữ có thể bị biến đổi chút ít. Ví dụ : **học như cuốc kêu** có thể bị biến đổi thành **học như cuốc kêu ra rả mùa hè** ; **đi guốc trong bụng** có thể bị biến đổi thành **đi dép trong bụng**, **lê dép trong bụng** v.v...

II. PHÉP TU TỪ ĐIỆP NGỮ

1. Lý thuyết:

a. Khái niệm: *Điệp ngữ* là biện pháp tu từ lặp lại một từ ngữ (đôi khi cả một câu)

b. Tác dụng: làm nổi bật ý muốn nhấn mạnh, tăng ự gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

Ví dụ: .

- *Quân sĩ mười tám nước ăn mãi, ăn mãi nhưng niêu cơm bé xíu cứ ăn hết lại đây.*
- + *Hiện tượng lặp đi lặp lại một số từ ngữ: ăn mãi, ăn mãi => Biện pháp tu từ: điệp ngữ*
- + Tác dụng: Nhấn mạnh hành động “ăn”: *ăn mãi, ăn mãi* nghĩa là ăn rất lâu, và rất nhiều như thể không bao giờ dừng.
- *Chim bay mãi, bay mãi, qua bao nhiêu là miền, hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả.*
- + *Hiện tượng lặp đi lặp lại một số từ ngữ: bay mãi, bay mãi; hết... đến..., hết ...đến...*
- => Biện pháp tu từ: điệp ngữ
- + Tác dụng: Nhấn mạnh hành động “bay”: “*bay mãi, bay mãi*” có nghĩa là bay rất xa, rất lâu; ý rất xa còn nhấn mạnh thêm cả điệp ngữ “*hết đồng ruộng đến rừng xanh, hết rừng xanh đến biển cả*” nghĩa là khoảng không gian cứ nối tiếp nhau tưởng như vô tận.
- *Lang quyết không chịu trở lại, cúi gục trên bờ, ôm mặt khóc. Chàng khóc mãi, khóc mãi, đến nỗi những con chim đi kiếm ăn khuya vẫn còn nghe tiếng nước nở*
- + *Điệp ngữ: Khóc mãi, khóc mãi.*
- + Tác dụng: Nhấn mạnh hành động “*khóc*”: *khóc mãi, khóc mãi* nghĩa là khóc rất lâu, và rất nhiều như thể không bao giờ dừng. Nhấn mạnh tâm trạng đau khổ, tủi thân tuyệt vọng của nhân vật.

IV. LUYỆN TẬP

1. Bài tập về thành ngữ

Bài 1. Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau: *An cư lạc nghiệp; tóc bạc da mồi; gạo đục khơi trong; nghi gia nghi thất; bách chiến bách thắng; tứ cố vô thân; bán tín, bán nghi,...*

Gợi ý trả lời:

- An cư lạc nghiệp: yên ổn chuyện nhà cửa, nơi ở thì mới có thể yên tâm làm việc tốt được
- Tóc bạc da mồi: chỉ người già, khi về già tóc bạc, da xuất hiện đốm đồi mồi
- Gạo đục khơi trong: cố gắng tìm lấy điều tốt đẹp giữa những thứ đen tối, xấu xa
- Nghi gia nghi thất: nên của nên nhà, ý nói chuyện xây dựng gia đình
- Bách chiến bách thắng: Trăm trận trăm thắng
- Tứ cố vô thân: Chỉ những ai không có cha mẹ, anh em, bà con, không có bạn bè thân thích, không nơi nương tựa, sống cô độc một mình đều được gọi là người tứ cố vô thân.

Bài 2: Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

a) *Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.*

(Nguyễn Công Hoan)

b) *Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.*

(Báo Văn nghệ)

c) *Thật không muốn có chuyện lòi thoi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.*

(Chu Văn)

Gợi ý trả lời

- a) *Ruột nóng như cào* : rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.
- b) *Ruột để ngoài da* : (có tính) dễ dàng, hay quên, vô tâm không tính toán nhiều.
- c) *Nhắm mắt làm ngơ* : cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên lụy, phiền phức.

Bài 3:

Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu : *Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.*

Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

Gợi ý trả lời

*Đặt câu với thành ngữ:

– *Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi **mặt nặng mày nhẹ**.* (Trung Đông)

– *Rõ ràng người **mặt hoa da phấn**, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng.* (Vũ Tú Nam)

– *Trông lên **mặt sắt đen sì** / Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời.* (Nguyễn Du)

* Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : *Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim...*

Bài 4: Tìm và giải thích thành ngữ trong các câu sau:

a. Hai bên ý hợp tâm đầu

Khi than chẳng lọ là cầu mới thân.

b. Pha kẻ đầu đuôi cái tai bay vạ gió mà mình vừa bị cho anh rể nghe.

Gợi ý trả lời

a. Ý hợp tâm đầu: chỉ sự hòa hợp, đồng lòng trong tính cách, suy nghĩ của hai người, thường nói về tình cảm trai gái

b. Tai bay vạ gió: chỉ điều không may xảy đến bất ngờ mà nguyên nhân không do mình trực tiếp gây ra.

Bài 5: Tìm những thành ngữ có cấu trúc đối xứng trong các thành ngữ sau đây:

Một nắng hai sương, dai như đĩa xôi, mèo mả gà đồng, miệng hùm gan sứa, ruột để ngoài da, xanh vỏ đỏ lòng, vào sông ra chết, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi, quyền rom vạ đá, đàn gảy tai trâu.

Gợi ý trả lời

Thành ngữ có cấu trúc đối xứng được in đậm:

*Một nắng hai sương, dai như đĩa xôi, mèo mả gà đồng, **miệng hùm gan sứa**, ruột để ngoài da, **xanh vỏ đỏ lòng**, vào sông ra chết, mò kim đáy bể, thầy bói xem voi, **quyền rom vạ đá**, đàn gảy tai trâu.*

Bài 6: Em hãy thêm các yếu tố để các thành ngữ sau được hoàn chỉnh.

Đem con...; nồi da....; rán sành...; hôn xiêu....; một mắt....; chó cắn....; tiến thoái....; thất lưng...

Gợi ý trả lời

Đem con bỏ chợ; nồi da nấu thịt.; rán sành ra mỡ; hôn xiêu phách lạc; một mắt một còn; chó cắn áo rách ;tiến thoái lưỡng nan; thất lưng buộc bụng;

Bài 7: Tìm và nêu ý nghĩa của các thành ngữ trong những câu sau đây:

a/ Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào gió vào nhà trống.

b/ Năm Thọ vốn là một thằng đầu bò đầu bướu.

c/Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn gan vàng dạ sắt không khai nửa lời.

Gợi ý trả lời

- Sản xuất mà không biết tiết kiệm khác nào **gió vào nhà trống**.
- Năm Thọ vốn là một thằng **đầu bò đầu bướu**.
- Mặc dầu bị tra tấn dã man nhưng anh Nguyễn Văn Trỗi vẫn **gan vàng dạ sắt** không khai nửa lời.

=> Ý nghĩa

- Chỉ sự tốn công vô ích
- Chỉ những đối tượng có tính giang hồ, hay gây gổ.
- Chỉ sự sắc son, vững chí của con người.

Bài 8. Tìm và giải nghĩa các thành ngữ có trong các câu sau :

- Rồi đến chiều, tự nhiên chị thấy máy mắt thì đâm lo thành ra ruột nóng như cào.
- Giấy tờ ai dám đưa cho ông cụ ruột để ngoài da ấy.
- Thật không muốn có chuyện lôi thôi trong nhà, đành nhiều khi phải nhắm mắt làm ngơ.

Gợi ý trả lời

Các thành ngữ trong các câu đã cho như sau :

- Ruột nóng như cào** : rất sốt ruột, bồn chồn, không yên lòng.
- Ruột để ngoài da** : (có tính) đễnh đoảng, hay quên, vô tâm vô tính.
- Nắm mắt làm ngơ** : cố tình lảng tránh, làm ra vẻ không hay biết gì về sự việc đang diễn ra trước mắt để tránh liên lụy, phiền phức.

Bài 9. Đặt với mỗi thành ngữ cho dưới đây 1 câu : **Mặt nặng mày nhẹ, Mặt hoa da phấn, Mặt sắt đen sì.**

Tìm thêm một số thành ngữ khác có từ mặt. Giải nghĩa các thành ngữ đã tìm được.

Gợi ý trả lời

- Thà rằng có điều không vừa ý nhau cứ nói toạc móng heo còn dễ chịu hơn là để bụng rồi **mặt nặng mày nhẹ**. (Trung Đông)
- Rõ ràng người **mặt hoa da phấn**, ăn nói dịu dàng, đẹp như cái sao băng. (Vũ Tú Nam)
- Trông lên **mặt sắt đen sì** / Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời. (Nguyễn Du)
- Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mặt như sau : **Mặt xanh nanh vàng, Mặt vàng như nghệ, Mặt ủ mày chau, Mặt trơ trán bóng, Mặt cắt không còn hột máu, Mặt đỏ như gà chọi, Mặt đỏ như gấc, Mặt đỏ tía tai, Mặt nạc đóm dày, Mặt nặng mày nhẹ, Mặt nặng như chì, Mặt nặng như đá đeo, Mặt người dạ thú, Mặt nhăn như bị, Mặt sứa gan lim...**

Bài 10. Cũng yêu cầu như bài tập 2 với các thành ngữ có từ mặt sau đây : **Mắt nhắm mắt mở, Mắt sắc như (hơn) dao (cau), Mắt phượng mày ngài.**

Gợi ý trả lời

- Gà mới gáy độ vài lần đã mải một choàng dậy, **mắt nhắm mắt mở** cuốc bộ một mạch năm cây số về Hà Nội. (Nam Cao)
- Chị nom rõ dáng người đàn bà lạ mặt, khăn mỏ quạ, áo cánh phin gụ, hai con mắt sắc hơn **dao cau**. (Nguyễn Thị cảm Thanh)
- Lưng ong **mắt phượng mày ngài**/ cô cao ba ngón kém ai trong đời. (Hoàng Trừu)

Có thể kể thêm một số thành ngữ khác có từ mắt như sau : *Mắt cú vọ, Mắt la mảy lét, Mắt lơ mảy lảo...*

Bài 11. Dựa vào các văn bản đã học, hãy giải thích các thành ngữ sau : *Con Rồng cháu Tiên, Éch ngồi đáy giếng, Thầy bói xem voi.*

Gợi ý trả lời

- **Con rồng cháu tiên:** *Con Rồng cháu Tiên là một huyền thoại về nguồn gốc dân tộc Việt Nam. Con Rồng cháu Tiên là tên xưng hô đầy tính tự hào của tất cả dân tộc Việt Nam xuất phát từ quan niệm của họ về xuất thân liên quan đến truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên*

- **Éch ngồi đáy giếng:** *Đồng nghĩa với câu "ếch ngồi đáy giếng" là câu "coi trời bằng vung". Ý nghĩa câu thành ngữ ếch ngồi đáy giếng nghĩa là không coi ai ra gì tính tình tự cao tự đại luôn luôn cho rằng mình giỏi hơn tất cả và luôn luôn khinh thường người khác tầm nhìn thì hạn hẹp mà luôn luôn tỏ ra thông thái và biết tất cả mọi thứ*

- **Thầy bói xem voi:** Ý chỉ không nên xem xét một việc gì đó chỉ ở một khía cạnh mà cần phải phân tích đa chiều, nhiều mặt của vấn đề.

Bài 12. Viết một đoạn văn ngắn từ 10 đến 13 câu có sử dụng ít nhất một thành ngữ.

(Gv yêu cầu học sinh tự làm)

2. Bài tập về Điệp ngữ

Bài 1. Tìm điệp ngữ trong những phần trích sau đây và chỉ ra các điệp ngữ đó thuộc loại nào.

a. Thương thay thân phận con tằm,
Kiếm ăn được mấy phải nằm nhả tơ
Thương thay lũ kiến li ti,
Kiếm ăn được mấy phải đi tìm mồi.
(Ca dao)

2.

Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng ý thiếp ai sầu hơn ai?
(Đoàn Thị Điểm)

3

Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương
Nhớ ai dãi nắng dầm sương
Nhớ ai tát nước bên đường hôm nao.
(Ca dao)

Gợi ý trả lời

a. **Thương thay:** Điệp ngữ cách quãng.

b. **Cùng, thấy, ngàn dâu:** Điệp ngữ vòng.

c. **Nhớ:** Điệp ngữ cách quãng.

Bài 2. Tìm và phân tích giá trị diễn đạt của các điệp ngữ trong các phần trích sau :

a. *Bác là người Ông, Bác là người Cha. Bác là nhà thơ. Bác là nhà triết học. Hoà bình ta có thể vẽ Bác buông cần câu trên một dòng suối thời gian. Nhưng bây giờ dựng tượng Người, ta sẽ dựng tượng Hồ Chí Minh. Người du kích Hồ Chí Minh. Vị tướng Hồ Chí Minh. Vị tư lệnh. Người chỉ huy...*

(Chế Lan Viên)

b.

Bánh xe quay trong gió bánh xe quay
Cuốn hồn ta như tỉnh như say
Như lịch sử chạy nhanh trên đường thép.
(Tố Hữu)

c.

Sáo kêu vi vút trên không
Sáo kêu dừ dặt bên lòng hồng quân
Sáo kêu riu rít xa gần
Sáo kêu giục giã bước chân quân hành.
(Tố Hữu)

Gợi ý trả lời

Các điệp ngữ có trong bài tập như sau:

a. *Bác là ; Hồ Chí Minh*

b. *Bánh xe quay ; như*

c. *Sáo kêu*

- Căn cứ vào các tác dụng của điệp ngữ như : nhấn mạnh, diễn tả các sắc thái tình cảm khác nhau ; tạo hình ảnh ; tạo nhịp điệu ; mô phỏng âm thanh v.v... để phân tích giá trị diễn đạt của các điệp ngữ đã tìm được.

Bài 3. Xác định và phân tích hiệu quả của phép điệp trong những câu sau:

*Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,
Giật mình mình lại thương mình xót xa.
Khi sao phong gấm rủ là,
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.
Mặt sao dày gió dạn sương,
Thân sao bướm chán ong chường bấy thân.
Vui là vui gượng kẻo là,
Ai tri âm đó mặn mà với ai.*

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

2.

*Hoa giải nguyệt, nguyệt in một tấm,
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm từng bông.
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng,
Trước hoa dưới nguyệt trong lòng xiết đâu.*

(Chinh phụ ngâm – Đặng Trần Côn)

3.

Mai về miền Nam, thương trào nước mắt.
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác.
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây.
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.
(Viếng lăng Bác – Viễn Phương)

4.

Trời xanh đây là của chúng ta
Núi rừng đây là của chúng ta
Những cánh đồng thơm mát
Những ngả đường bát ngát
Những dòng sông đỏ nặng phù sa.
(Nguyễn Đình Thi)

5.

Anh đã tìm em rất lâu, rất lâu
Cô gái ở Thạch Kim, Thạch Nhọn
Khăn xanh, khăn xanh phơi đầy lán sớm
Sách giấy mở tung trắng cả rừng chiều
(Phạm Tiến Duật)

Gợi ý trả lời

Phép điệp được in đậm

1.Khi tỉnh rượu lúc tàn canh,

Giật **mình mình** lại thương **mình** xót xa.

Khi sao phong gấm rủ là,

Giờ sao tan tác như hoa giữa đường.

Mặt sao dày gió dạn sương,

Thân sao bướm chán ong chường bấy thân.

Vui là vui gượng kẻo là,

Ai tri âm đó mặn mà với **ai**.

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác.

Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây.

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.

=> Điệp ngữ “Muốn làm” được lặp lại ba lần để thể hiện tâm trạng vương vấn, luyến lưu, muốn được ở lâu bên lăng của nhà thơ. Mặt khác phép điệp từ còn bộc lộ cảm xúc thành kính, thương tiếc, ngưỡng mộ của tác giả, người con Miền Nam đối với vị cha già kính yêu của dân tộc.

4.

Trời xanh đây là **của chúng ta**

Núi rừng đây là **của chúng ta**

Những cánh đồng thơm mát

Những ngả đường bát ngát

Những dòng sông đỏ nặng phù sa.

=>Diệp ngữ tạo âm hưởng, nhịp điệu nhanh, khỏe khoắn, nhấn mạnh cảm xúc vui tươi,hồ hởi của tác giả khi đất nước giành được độc lập, niềm vui của những con người sống trong chế độ mới.

5.

Anh đã tìm em **rất lâu, rất lâu**

Cô gái ở Thạch Kim, Thạch Nhọn

Khăn xanh, khăn xanh phơi đầy lán sớm

Sách giấy mở tung trắng cả rừng chiều

=> Diệp ngữ tạo âm hưởng cho câu thơ và nhấn mạnh khoảng thời gian dài (rất lâu), khắc họa hình ảnh *Khăn xanh, khăn xanh phơi đầy lán sớm*

ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:

Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại một truyện cổ tích

I. LÝ THUYẾT

1.Yêu cầu đối với một bài văn đóng vai nhân vật để kể lại một truyện cổ tích

- Được kể từ người kể chuyện ngôi thứ nhất. Người kể chuyện đóng vai một nhân vật trong truyện.
- Khi kể có tưởng tượng, sáng tạo thêm nhưng không thoát li truyện gốc; tránh làm thay đổi, biến dạng các yếu tố cơ bản của cốt truyện ở truyện gốc.
- Cần có sự sắp xếp hợp lý các chi tiết và bảo đảm có sự kết nối giữa các phần. Nên nhấn mạnh khai thác nhiều hơn các chi tiết tưởng tượng, hư cấu, kì ảo.
- Có thể bổ sung các yếu tố miêu tả, biểu cảm để tả người, tả vật hay thể hiện cảm xúc của nhân vật.

2. Nhận diện dạng đề:

Dạng đề cụ thể: là dạng đề nêu rõ đối tượng kể, yêu cầu kể ở từng đề bài

Ví dụ: *Hãy đóng vai nhân vật người anh để kể lại truyện Cây khế.*

Dạng đề mở: là dạng đề không cụ thể về đối tượng mà chỉ nêu yêu cầu kể ở đề bài, hoặc cụ thể về đối tượng nhưng mở về cách kể.

Ví dụ: *Thế giới cổ tích là một thế giới vô cùng hấp dẫn. Mỗi chuyện cổ tích đều đem đến cho ta những điều kì diệu. Hãy nhập vai một nhân vật trong truyện cổ tích mà em yêu thích và kể lại truyện đó.*

3. Để bài viết sinh động có thể sưu tầm thêm tranh ảnh, đồ vật, video..

II. RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN ĐÓNG VAI NHÂN VẬT KỂ LẠI MỘT TRUYỆN CỔ TÍCH:

1. Trước khi viết

a. Xác định đối tượng, yêu cầu kể:

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích nào?
- Yêu cầu kể: nhập vai một nhân vật nào trong câu chuyện đó?

b. Chọn ngôi kể và đại từ tương ứng:

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất.
- Đại từ xưng hô: ta, tôi, mình, tớ, ... phù hợp với địa vị, giới tính... của nhân vật em đóng vai cũng như bối cảnh kể.

c. Chọn lời kể phù hợp:

- Đóng vai một nhân vật cụ thể: giới tính, tuổi tác, địa chỉ... của nhân vật để lựa chọn lời kể phù hợp.
- Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, nghiêm trang... phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể.

d. Ghi những nội dung chính của câu chuyện

- Cần ghi nhớ và tôn trọng những chi tiết đã biết về nhân vật cũng như cốt truyện gốc.
- Dự kiến những yếu tố, chi tiết sẽ được sáng tạo thêm.
- Có thể lập một bản tóm tắt các sự kiện, tình tiết theo thứ tự trước sau để dễ dàng ghi nhớ và kể lại.

2. Tìm ý, lập dàn ý:**a. Tìm ý:**

Bằng cách trả lời các câu hỏi:

- Tên truyện cổ tích được kể? Vì sao em lại chọn câu chuyện này để kể?
- Diễn biến sự việc: (SV khởi đầu, SV diễn biến, sv kết thúc ra sao? Em ấn tượng nhất với sự việc nào?)
- Ý nghĩa của câu chuyện là gì?
- Cảm nghĩ của em về câu chuyện đó

b. Lập dàn ý

* **Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

(Có thể hình dung, nhập vai từ hoàn cảnh, trải nghiệm của nhân vật để kể lại câu chuyện)

* **Thân bài:** Kể diễn biến câu chuyện:

- Xuất thân của các nhân vật.
- Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện.
- Diễn biến chính:

+ SV1: + SV2: + SV3:

* **Kết bài:** Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện hoặc thông điệp gửi gắm.

3. Viết bài.

- Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.
- Tự đánh giá và rút kinh nghiệm

Đề bài 1: Hãy kể lại truyện Cây khế bằng lời của con chim Phượng Hoàng**1. Xác định yêu cầu của đề:**

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích Cây khế.
- Yêu cầu kể: nhập vai một nhân vật con chim Phượng Hoàng.
- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *ta*.
- Tính chất lời kể: vui, buồn, thân mật, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩa của con chim Đại Bàng.

2. Dàn ý tham khảo:

* **Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

VD: Ta vốn có cuộc sống bôn ba, nay đây, mai đó. Ta từng bay qua biết bao nhiêu nẻo đường, xứ sở, ta cũng chứng kiến bao câu chuyện, vui có, buồn có. Nhưng với ta, câu chuyện

về cây khế gắn với hai anh em nhà nọ là kiến ta suy nghĩ nhiều nhất. Chắc các bạn biết ta là ai rồi chứ. Ta chính là chim Phượng Hoàng, loài chim được Ngọc Hoàng nuôi ở thiên đình.

* **Thân bài:** Kể lại diễn biến các sự việc chính của câu chuyện Cây khế:

- Ngày ấy, ở một làng nọ, có hai anh em nhà kia cha mẹ mất sớm, họ chăm chỉ làm lụng nên cũng tạm đủ ăn.

- Từ khi người anh có gia đình, vợ chồng người anh sinh ra lười biếng, bắt vợ chồng người em làm lụng vất vả. Thậm chí người anh còn kiếm hết gia tài, nhà cửa, ruộng vườn, chỉ chia cho người em một lúp lều và một cây khế ngọt.

- Vợ chồng người em ngày ngày chăm chỉ làm lụng, cày thuê, cuốc mướn, và chăm sóc cho cây khế ngày càng xanh tốt

- Cây khế ra quả sai trĩu cành, khế rất ngọt. Ta bay ngang qua, ngắm nhìn chùm khế lúc lỉu, nên đáp xuống ăn, ăn hết quả này đến quả khác. Người vợ không dám trách ta, mà khẽ than thở về gia cảnh của mình. Ta hứa hẹn, một ngày gần nhất sẽ trả vàng cho họ, dặn họ may túi ba gang.

- Đến ngày hẹn, ta trở người em ra đảo lấy vàng, người em chỉ dám nhặt một ít vàng,,Rồi từ đó, cuộc sống của họ từ đây giàu có. (Đánh giá về sự thật thà của người em)

- Người anh biết chuyện, muốn đổi cả gia tài để lấy cây khế và túp lều. người em đồng ý.

- Ta lại đến ăn khế. Mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may mắn một tay nải lớn. Khi cho anh ta đến đảo vàng, hắn nhặt đầy tay nải chín gang, lại còn nhét cả ống quần, túi áo. (Tả ảnh người anh hăm hở nhặt vàng, nhét lấy nhét để vàng bằng mọi cách/ So sánh với người em)

- Do phải cõng trên lưng số vàng quá lớn, lại gặp cơn gió lớn, ta không chớ nổi, ta đã cánh ra, người anh và toàn bộ số vàng rơi xuống biển. Còn ta cố gắng bay về rừng.

* **Kết bài:** Niềm mong ước của người kể chuyện: không còn ai quá tham lam, ích kỉ, sẽ dẫn đến hậu quả nặng nề.

c. Bước 3: Viết bài : HS dựa vào dàn ý để viết.

Bài viết tham khảo:

Ta vốn có cuộc sống bôn ba, nay đây, mai đó. Ta từng bay qua biết bao nhiêu nẻo đường, xứ sở, và cũng chứng kiến bao câu chuyện, vui có, buồn có. Nhưng với ta, câu chuyện về cây khế gắn với hai anh em nhà nọ là kiến ta suy nghĩ nhiều nhất. Chắc các bạn biết ta là ai rồi chứ. Ta chính là chim Phượng Hoàng, loài chim được Ngọc Hoàng nuôi ở thiên đình.

Ngày xưa ngày xưa, có hai anh em nhà kia cha mẹ đều mất sớm. Người anh tham lam lười biếng. Người em lại hiền lành, chăm chỉ. Khi hai anh em lấy vợ chưa được bao lâu thì người anh chia gia tài. Vốn bản tính tham lam sẵn có lại cậy thế mình là anh cả hắn chiếm hết tài sản cha mẹ để lại chỉ cho người em một mảnh vườn nhỏ và cây khế ngọt. Vợ chồng người anh sống sung sướng, an nhàn trên gia tài có sẵn còn người em thì phải đi cày thuê cuốc mướn sống qua ngày. Tuy cuộc sống vất vả nhưng ngày nào người em cũng không quên tưới nước, chăm sóc cho cây khế.

Mùa khế năm ấy, cây khế trong vườn nhà người em ra hoa kết trái, cành nào cành ấy đều sai trĩu quả. Vợ chồng người em thầm nghĩ bán quả lấy tiền mua thóc gạo. Ta vốn rất thích ăn trái cây. Một hôm, tình cờ lại bay ngang qua khu vườn của người em, thấy những quả khế chín mọng hấp dẫn, ta vội sà xuống ăn hết trái này đến trái khác. Thấy ta ăn khế, người em ở

đâu đi đến đứng ngược mắt nhìn ta, vợ chồng người em không đuổi tôi đi mà chỉ buồn rầu than thở với ta:

- Chim ơi! Gia tài nhà tôi chỉ có mỗi cây khế này thôi. Chim ăn hết rồi, tôi biết lấy gì để sống?

Ta vốn là loài chim biết trả ơn bèn đáp:

- Ăn một quả, trả một cục vàng, may túi ba gang, mang đi mà đựng.

Vợ chồng người em có vẻ bất ngờ vì ta biết nói tiếng người. Nhưng cũng theo lời đi may một cái túi ba gang. Một hôm sau, theo như lời hẹn, ta bay đến chỗ người em ra đảo lấy vàng. Người em thấy vàng chất đầy đảo nhưng không hề tỏ vẻ tham lam, chỉ lấy đủ một túi ba gang rồi nhờ ta chở về nhà. Từ đó, cuộc sống người em trở nên sung túc, giàu có. Vợ chồng người em còn đem tiền và gạo giúp đỡ mọi người trong vùng.

Chuyện đến tai người anh. Người em không giấu diếm kể hết sự việc. Lòng tham nổi lên, người anh bèn gạ đổi gia tài của mình để lấy cây khế. Vợ chồng người em đồng ý, thế là anh ta chuyển về chỗ người em ở. Mùa khế ra hoa kết trái năm sau ta lại đến ăn như lần trước.

Họ tru tréo lên, bảo ta ăn ăn ráo ăn tiệt thì họ trông vào gì. Ta vẫn đáp:

- Ăn một quả, trả một cục vàng. May túi ba gang, mang đi mà đựng.

Vợ chồng gã vui mừng khôn xiết, rồi lại may một cái túi to đến mười hai gang. Ta đưa người chồng đến đảo lấy vàng. Đến nơi, hấn hoa cả mắt, hì hục nhét vàng bạc châu báu chật cứng cả cái túi mười hai gang và cố gắng nhét đầy mọi chỗ trên người mình. Lúc trở về, ị à ị ạch leo lên lại tụt xuống mãi hấn mới bò lên được lưng ta. Nhưng vì nặng quá, ta phải vỗ cánh đến mấy lần mới nhấc mình lên khỏi mặt đất được. Đường về nhà hấn phải bay qua biển rộng, phần vì chở quá nặng, phần vì có một luồng gió bất chợt thổi đến, ta không giữ được thăng bằng, đôi cánh ta nghiêng ngả, hấn và cả túi vàng rơi xuống biển sâu.

Câu chuyện qua đã lâu nhưng ta vẫn muốn nhắc nhở mỗi người không nên tham lam, ích kỉ và đừng bao giờ tệ bạc với người khác nhất là anh em của mình. Tham lam sẽ nhận lại hậu quả thích đáng.

d. Bước 4: Kiểm tra và chỉnh sửa.

Đề bài 2: Kể lại câu chuyện “Vua chích chòe” bằng lời của nàng công chúa.

1. Xác định yêu cầu của đề:

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích Vua chích chòe
- Yêu cầu kể: nhập vai nhân vật nàng công chúa
- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *ta*.
- Tính chất lời kể: vui, buồn, suy ngẫm, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩ của nàng công chúa đã trải qua thử thách và đang sống trong hạnh phúc.

2. Dàn ý tham khảo:

* **Mở bài:** Đóng vai nhân vật để giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể.

Ta là công chúa trong câu chuyện Vua chích chòe, sau khi phải trải qua bao nhiêu khó khăn, ta đã có cuộc sống hạnh phúc. Có lúc ta không dám nhớ lại, tại sao trước đây ta lại có thể là kẻ kiêu căng, ngạo mạn, ngông cuồng. Câu chuyện qua đi làm ta ân hận mãi.

* **Thân bài:** Kể lại diễn biến sự việc chính của câu chuyện:

- Ta vốn là con gái của quốc vương, vua cha yêu thương, chiều chuộng ta vô cùng. Vua cha luôn tự hào có ta là con gái xinh đẹp tuyệt trần. Điều đó khiến ta vô cùng kiêu ngạo, chẳng coi ai ra gì (đến sau này ta mới nhận ra điều này).

- Cha mở buổi yến tiệc linh đình để tìm phò mã, để kén chồng cho ta. Ngày hôm đó, trong bữa tiệc đông đúc, có vô khối các chàng trai là các ông hoàng, bá tước đến dự tiệc, vua cha dẫn ta đi xem mặt. Nhưng gặp ai ta cũng tìm ra lí do để nhạo báng lại họ. Trong số đó, có một ông Vua chích chòe (vì ông ta có cái cằm cong như con chích chòe). Mỗi lúc chê bai được người khác ta lại cảm thấy tự mãn, coi mình là nhất.
- Lời chê bai của ta dành cho các hoàng tước, công tử trong bữa tiệc hôm ấy khiến vua cha giận lắm. Cha ta thề rằng sẽ gả ta cho gã hát rong đầu tiên nghèo khổ.
- Theo luật lệ, ta sẽ không được sống trong hoàng cung mà phải theo chồng đến một nơi xa lạ. Khi ấy ta phải đến một nơi rất xa, khi thì ta thấy một khu rừng đẹp, khi thì thấy một thảo nguyên xanh, một thành phố mi lệ. Ta hỏi chồng ta, tất cả đều là của Vua chích chòe. (Bộc lộ tâm trạng khi biết chuyện đó)
- Ta cùng chồng sống trong một túp lều rách nát, ta vốn được chiều chuộng nên đến nấu ăn cũng không biết làm. Nhưng dần dần ta đã trải qua nhiều việc: dọn nhà, làm bếp, đan sọt, dệt vải, bán sành sứ, làm phụ bếp trong cung vua.
- Vua tổ chức hôn lễ cho hoàng tử con trai đầu lòng, ta len vào để xem. Vị hoàng tử mà ta nhận ra ngay lại chính là Vua chích chòe. Chàng muốn nắm tay ta để nhảy, ta từ chối, rút tay lại (Bộc lộ cảm xúc). Ta bỏ chạy khiến súp và bánh mì đổ xuống đất. Mọi người cười nhạo ta xấu hổ vô cùng.
- Vua chích chòe chính là chồng của ta- người hát rong. Hóa ra, chàng muốn dạy cho ta bài học về tính kiêu ngạo. Ta ân hận vô cùng. Chàng nắm tay ta âu yếm suốt cả bữa tiệc hôm ấy. Ta thật hạnh phúc vì lấy được chàng Vua chích chòe làm chồng
- * **Kết bài:** Câu chuyện hạnh phúc của ta hi vọng sẽ giúp mọi người điều gì đó. Nhất là trong việc phán xét người khác, đừng bao giờ nhìn người khác bằng bề ngoài, đừng bao giờ coi thường ai cả. Hãy sống giản dị, yêu thương, vị tha.

Đề bài 3: Kể lại câu chuyện “Em bé thông minh” bằng lời của em bé khi đã trở thành trạng nguyên với một kết thúc mới

1. Xác định yêu cầu của đề:

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích “Em bé thông minh”
- Yêu cầu kể: nhập vai nhân vật em bé thông minh khi đã trở thành trạng nguyên.
- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất *tôi*.
- Tính chất lời kể: vui, suy ngẫm, ...phải phù hợp với nội dung và bối cảnh kể, suy nghĩ của một trạng nguyên.

2. Dàn ý tham khảo:

a. Mở bài: Giới thiệu câu chuyện kể và hoàn cảnh của câu chuyện.

Là một trạng nguyên trẻ tuổi nhất của đất nước, ta luôn tự hào mình về những kiến thức mình học được. Đó là kiến thức của nhân dân lao động. Bởi ta sinh ra là con của người nông dân nghèo, quanh năm gắn bó với việc đồng ruộng. Ta là ai các bạn biết rồi chứ. Ta chính là em bé thông minh ngày nào hay hát câu “Tang tình tang, tính tình tang đây”

b. Thân bài: kể lại diễn biến sự việc chính.

- Hồi bấy giờ, nhà vua muốn tìm người hiền tài nên đã cho một viên quan đi khắp nước để dò la. Viên quan ấy cũng là người thông tuệ khác thường, đi đến đâu, ông cũng ra những câu đố oái oăm, hóc búa để thử tài.

- Một hôm, cha ta đang đánh trâu cày còn ta đang đập đất, thì một viên quan ấy dừng ngựa gần chỗ cha con ta và ra câu hỏi rằng trâu mỗi ngày cày được mấy đường. Cha ta chưa biết trả lời thế nào, thì ta nghĩ ngay ra câu ứng phó. Ta lúc đó chỉ là cậu bé khoảng bảy, tám tuổi thôi, nhưng đã hỏi vặn lại quan rằng: “Nếu ông trả lời đúng ngựa của ông đi một ngày được mấy bước, tôi sẽ cho ông biết trâu của cha tôi cày một ngày được mấy đường”
- Ta thấy viên quan há hốc mồm sững sốt không biết trả lời tôi ra sao. (thêm cảm xúc của người kể trước sự việc)
- Nhà vua thử tài ta hết lần này đến lần khác. Mỗi lần mức độ khó khăn, hóc búa càng tăng lên. Đầu tiên là việc nhà vua ban cho làng ta ba thúng gạo nếp và ba con trâu đực, ra lệnh làm sao phải nuôi cho ba con trâu ấy đẻ thành chín con, hạn năm sau phải đem nộp đủ, nếu không thì cả làng phải tội.
- Cả làng lo lắng. Biết chuyện, ta xin cha tôi thừa với dân làng giết thịt hai con trâu và đồ hai thúng gạo nếp để mọi người ăn một bữa cho sướng miệng. Còn một con trâu và một thúng gạo nếp bán đi lấy tiền làm lộ phí cho cha con ta tránh kinh lo liệu việc của làng.
- Đến kinh thành, ta lên vào hoàng cung, đứng trước sân rồng gào khóc. Vua ra hỏi han ta ts trâu với vua rằng: “mẹ con chết sớm mà cha con không chịu để em bé để chơi với con cho có bạn, cho nên con khóc. Dám mong đức vua phán bảo cha con cho con được nhờ”.
- Nghe tôi nói thế, vua và các triều thần đều bật cười. Vua lại phán: “Mày muốn có em thì phải kiếm vợ khác cho cha mày, chứ cha mày là giống đực, làm sao mà đẻ được!” Điều này cũng giống như việc vua ban trâu đực cũng không thể đẻ được. Vua mỉm cười và nói chuyện ban trâu cho làng chỉ là thử tài thôi, đó là lộc vua ban.
- Nhà vua lại tiếp tục thử tài bằng cách ra lệnh từ một con chim sẻ dọn thành ba mâm cỗ. Ta đưa ra cây kim nói rằng làm thành một con dao để ta sẻ thịt chim. Mọi người đều thán phục.
- Bây giờ, nhiều nước láng giềng luôn đe dọa xâm lược nước ta, chúng cho người sang thử tài. Sứ thần đưa sang một cái vỏ ốc vặn rất dài, rỗng hai đầu, đổ làm sao xuyên một sợi chỉ mảnh xuyên qua đường ruột ốc. Các đại thần nước ta đều vò đầu suy nghĩ. Mọi người dùng nhiều cách nhưng vô hiệu. Ta nghĩ ra cách lấy con kiến còng buộc chỉ ngang lưng, dùng mỡ bôi một đầu để dụ kiến bò sang, quả đúng như vậy. Con kiến giúp ta xuyên sợi chỉ qua vỏ ốc trong sự ngỡ ngàng, thán phục của mọi người nhất là tên sứ giả.
- Ta được vua phong cho là trạng nguyên. Không những vậy, nhà vua còn xây cho cha con ta một dinh biệt thự ở một bên hoàng cung để ta ở, cho vua tiện hỏi han.

c. Kết bài: Kết thúc mới

Từ ngày đó đến giờ, ta luôn dồn hết tâm sức vào việc phục vụ đất nước. Ta giúp nhà vua đưa ra nhiều quy định, luật lệ tiến bộ để xây dựng đất nước ngày một hưng thịnh. Ta giúp vua quan tâm đến đời sống của nhân dân, giảm tô thuế, quan tâm đến chính sách khai hoang, mở đất cho dân thêm nhiều ruộng đất. Rồi ta cùng nhà vua xử lý những tên quan tham, sách nhiễu dân lành. Ta mong các bạn học sinh hãy cố gắng học tập để mai sau lớn lên góp công xây dựng đất nước giàu đẹp.

Đề bài số 4:

Tưởng tượng trong giấc mơ, em gặp nhân vật Sọ Dừa trong truyện cổ tích Sọ Dừa và nghe Sọ Dừa kể chuyện

1. Xác định yêu cầu của đề:

- Đối tượng kể: là truyện cổ tích “Sọ Dừa”

- Yêu cầu kể:

+ Tưởng tượng trong giấc mơ, em gặp nhân vật Sọ Dừa (thêm yếu tố mới: tưởng tượng gặp nhân vật cổ tích)

+ nghe Sọ Dừa kể chuyện (nhập vai Sọ Dừa kể lại truyện)

- Ngôi kể: Ngôi thứ nhất “*em*”, *em gặp Sọ Dừa nghe Sọ Dừa kể chuyện, em xưng hô “anh-em” với nhân vật Sọ Dừa. Chú ý yếu tố tưởng tượng và tình cảm của em với nhân vật Sọ Dừa.*

- Tính chất lời kể: vui, thích thú, cảm phục, ...

2. Dàn ý tham khảo:

a. Mở bài: Giới thiệu câu chuyện kể và hoàn cảnh xuất hiện giấc mơ.

Gấp trang sách lại, câu chuyện của Sọ Dừa trong truyện cứ in đậm trong tâm trí em. Sọ Dừa gọi lên trong em niềm cảm phục về hình ảnh một con người giàu nghị lực và có trái tim nhân hậu. Và đêm qua, em đã có một giấc mơ tuyệt đẹp, giấc mơ được gặp gỡ với Sọ Dừa và nghe anh ấy nói chuyện.

b. Thân bài: kể lại diễn biến sự việc chính. Sọ Dừa kể lại truyện:

- Sọ Dừa kể về hoàn cảnh gia đình mình: Anh sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo. Cha mẹ anh vô cùng hiền lành, chăm chỉ, nhưng mãi về già mà họ vẫn chưa có con.

- Anh kể cho em nghe về việc mẹ đã sinh ra anh từ việc uống nước trong cái sọ dừa nhân một lần đi hái củi trong rừng, bà vô cùng khát. Về nhà bà có mang, sinh ra anh không chân, không tay, mình mẩy tròn lông lốc. Bà toan vứt anh đi nhưng anh xin mẹ đừng bỏ, và đặt tên anh là Sọ Dừa (*thêm yếu tố miêu tả, đánh giá, cảm xúc*)

- Anh chăn bò cho cho nhà lão phú ông, ban đầu lão ngăn ngại, nhưng anh đã chứng tỏ với phú ông bằng việc chăn bò rất giỏi, con nào cũng no căng.

- Anh kể cho em nghe về việc phú ông cắt cử ba cô con gái đưa cơm cho mình. Anh nhận ra thái độ kinh rẻ, hắt hủi của hai cô chị (*miêu tả của chị, điệu bộ của hai cô chị khi mang cơm*); anh thấy ấm áp khi được cô em út cư xử lịch sự, ân tình. Có lẽ vì mãi thời sáo nên anh bị cô Út bắt gặp hình hài thật của mình. Anh là một chàng trai khôi ngô, chứ không phải là Sọ Dừa lẩn lôn lốc. Anh và cô Út đem lòng yêu thương.

- Anh đã xin với mẹ mang lễ đến nhà phú ông hỏi cưới con gái nhà phú ông. Hai cô chị chê bai, từ chối. Còn cô Út e lệ, bằng lòng làm vợ anh. (*tưởng tượng về cảm xúc của Sọ Dừa khi được cô Út đồng ý làm vợ...*)

- Anh đã thi đỗ trạng nguyên. Và trước khi đi sứ đã dặn dò vợ và trao cho vợ những vật phòng thân như hòn đá, con dao, hai quả trứng (*Đưa thêm yếu tố cảm xúc của người kể*)

- Hai cô chị độc ác bày mưu đẩy vợ anh xuống biển, chuyện vợ anh bị cá kình nuốt. Vợ anh may mắn thoát chết, dạt vào đảo nhờ những vật mang bên mình. Hai vợ chồng anh đoàn tụ (*Hình dung cảnh tượng, tâm trạng nhân vật*)

- Thấy hai vợ chồng anh rờ về, hai cô chị đã bỏ đi biệt tích. Từ đó, vợ chồng anh hạnh phúc bên nhau.

Chú ý: Người kể thêm cuộc đối thoại với nhân vật Sọ Dừa (lúc đầu gặp, lúc lắng nghe câu chuyện anh kể, lúc chia tay Sọ Dừa...Giấc mơ hoặc yếu tố tưởng tượng kết thúc ra sao? Cảm nghĩ sau cuộc gặp với Sọ Dừa)

c. Kết bài: Em nhận ra bài học cho mình:

- Đừng đánh giá con người qua bề ngoài.

- Giá trị đích thực của con người là vẻ đẹp tâm hồn, là những nỗ lực, sự vươn lên vượt qua khó khăn để thành công.
- Đặc biệt, với những người kém may mắn càng cần được mọi người yêu thương, để họ vượt qua mặc cảm tự ti, khẳng định mình.

Đề bài 5: Đóng vai Lý Thông kể lại truyện Thạch Sanh

a. Mở bài:

- Lý Thông tự giới thiệu về mình (trước đây là người nhưng hiện giờ đang là một con bọ hung xấu xí).
- Gọi ra nguyên nhân dẫn đến bi kịch của mình.

b. Thân bài:

- Lý Thông gặp Thạch Sanh, những toan tính của Lý Thông và việc hai người kết nghĩa, lời thề của Lý Thông.
- Chuyện Thạch Sanh ở nhà Lý Thông: dốc sức làm việc cho mẹ con Lý Thông.
- Chuyện con chằn tinh trong vùng và những mưu toan của Lý Thông dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh đi canh miếu.
- Chuyện Lý Thông và mẹ đang ngủ thì Thạch Sanh về gọi cửa – tâm trạng sợ sệt hốt hoảng tưởng hồn Thạch Sanh về đòi mạng chuyển sang những toan tính rất nhanh khi biết Thạch Sanh đã giết chết chằn tinh dẫn đến hành động lừa Thạch Sanh bỏ đi.
- Chuyện Lý Thông đem đầu mãng xà đi lãnh thưởng, được hưởng vinh hoa phú quý; những suy nghĩ của Lý Thông về Thạch Sanh (ngu ngốc).
- Chuyện công chúa bị đại bàng bắt đi, Lý Thông phải tìm công chúa, tâm trạng và suy nghĩ của Lý Thông dẫn đến kế tìm Thạch Sanh.
- Chuyện Thạch Sanh tìm và cứu được công chúa; Lý Thông lấp cửa hang hãm hại Thạch Sanh cướp công cứu công chúa rồi được lãnh thưởng; công chúa bị câm.
- Nhận được tin Thạch Sanh bị bắt giam vì tội ăn trộm vàng bạc, Lý Thông vừa kinh ngạc (vì Thạch Sanh còn sống) vừa vui mừng (vì Thạch Sanh bị khép vào trọng tội).
- Chuyện Thạch Sanh được tiếng đàn minh oan, công chúa nói được; Lý Thông bị trừng phạt đúng như lời thề năm xưa.
- Thạch Sanh lấy công chúa, được làm vua và hưởng hạnh phúc lâu bền.

c. Kết bài:

Những suy nghĩ về tình cảm anh em, về triết lí "ác giả ác báo" của nhân dân ta.

Đề số 6: Kể lại truyện cổ tích “Nol Bu và Hueng Bu” bằng lời của anh trai (Nol Bu) trong truyện.

Yêu cầu:-

- Kể chuyện dựa vào cốt truyện cổ tích của Hàn Quốc “Nol Bu và Hueng Bu”
- + GV cho HS đọc truyện ở nhà, tóm tắt truyện,
- + tìm hiểu được ý nghĩa của truyện, và một số nét tương đồng với truyện Cây khế của Việt Nam (tình anh em, cách sống độc ác sẽ nhận quả báo...)
- Truyện được kể ngôi thứ nhất nhân vật Nol Bu xưng “tôi”. Chú ý yếu tố kì ảo, tình cảm của người kể chuyện.

Dàn bài tham khảo:

1. Mở bài:

- Nhân vật tự giới thiệu về mình, và hoàn cảnh của câu chuyện

Ví dụ: Tôi là Nol Bu, một người đã mắc nhiều lỗi lầm, một kẻ tồi tệ. Nhờ chính tấm lòng khoan dung của em tôi là Hueng Bu mới giúp tôi tỉnh ngộ và có cuộc sống hạnh phúc như bây giờ. Những sai lầm của tôi luôn khiến tôi xấu hổ, và trân trọng tình cảm anh em hơn. Câu chuyện của tôi là câu chuyện buồn.

2. Thân bài:

- Kể lại diễn biến sự việc chính.
- Ngay từ lúc nhỏ, anh em tôi đã mồ côi cha mẹ, chúng tôi cùng nhau lớn lên trong một ngôi làng nhỏ, có nhà cửa tài sản mà cha mẹ để lại.
- Từ nhỏ, tôi vốn tham lam xấu tính, còn Hueng Bu thì lại hiền lành tốt bụng, luôn sống vui vẻ với mọi người. Hueng Bu luôn sẵn lòng giúp đỡ mọi người.
- Lớn lên, tôi dành hết tài sản của cha mẹ để lại cho hai anh em, rồi đuổi em ra ở một mình ngoài cái chòi canh lúa bên sườn núi. Dù bị tôi cư xử như vậy, nhưng Hueng Bu không hề phản nản, oán giận tôi và vẫn chăm chỉ làm ăn. (Bổ sung thêm yếu tố miêu tả tâm lí nhân vật người anh: thờ ơ, mặc kệ, kiêu gì Hueng Bu chả kiếm sống được...)
- Năm nọ, thiên tai lũ lụt mất mùa, nhà em tôi lâm vào hoàn cảnh khó khăn. Nó đến nhà tôi xin giúp đỡ, nhưng tôi quát tháo đuổi ra khỏi nhà. Hueng Bu vẫn không giận tôi.
- Mùa đông lạnh lẽo đi qua, mùa xuân ấm áp trở về. Hiền nhà Hueng Bu có đôi chim nhận làm tổ đẻ trứng, rồi ấp trứng, nuôi nấng chim non. Một buổi sáng có con trăn định trườn lên ăn chim non, thấy vậy Hueng Bu liền con trăn, nhưng một con chim non bị rơi xuống đất gãy chân. Vợ chồng Hueng Bu bồi thôi, bó vết thương cho con chim non. Mùa thu gia đình chim non từ biệt gia đình Hueng bu để di tránh rét.
- Mà xuân lại đến, con chim Hueng Bu bó lãnh chân bay trở về làm tổ chỗ cũ. Chim nhận nhả cho Hueng Bu một hạt bầu. Hueng Bu vui mừng đem gieo trên một mảnh đất nhỏ. Cây bầu ra quả, Hueng Bu hái ba quả bầu bỏ ra thì vàng, bạc, tiền và đá quý tuôn ra. Nhà Hueng bu trở nên giàu có từ đó.
- Tôi nghe chuyện đồn, ngạc nhiên, đến nhà nó mắng cho một trận vì nghĩ em trai ăn cướp của người khác. Tôi lấy hết cửa cải của nó đem về.
- Hueng Bu từ tốn kể đầu đuôi câu chuyện cho tôi nghe, lòng tham trong tôi nổi lên, bàn với vợ, bắt một con chim nhận, bẻ gãy chân, rồi cùng bồi thuốc băng bó cho nó. Mùa thu trước khi chim nhận bay đi, tôi kể công và đòi chim mang về nhiều hạt bầu.
- Mùa xuân sau, con chim nhận ấy bay về, Nó nhả hạt bầu cho tôi trồng, cây bầu ra tặn mười quả.
- Tôi bỏ tung quả bầu nhưng không thấy vàng, bạc, châu báu gì hết mà nó phát ra ánh chớp kéo theo tiếng nổ. Quả tình các tráng sĩ lực lưỡng vung gậy đánh tôi một trận, quả thì bọn cướp biến xông vào lấy tài sản nhà tôi, phá nhà cửa của tôi...rồi đi
- Tôi bỏ quả bầu cuối cùng thì bọn yêu tinh lũ lượt đến trừng trị thói xấu xa tham lam của tôi. Cuối cùng, tôi trở thành người ăn mày.
- Nghe tin tôi nghèo khó cơ hàn, Hueng Bu chạy đến đưa cả gia đình tôi về cùng chung sống. Tôi ân hận khóc nức nở (bổ sung yếu tố miêu tả tâm trạng nhân vật)

3. Kết bài:

- Người kể chuyện rút ra bài học.

Từ câu chuyện và lỗi lầm của tôi, tôi mong đừng ai mắc phải sai lầm như tôi.

Đề 7: Kể lại một câu chuyện cổ tích bằng lời kể của em

1. Mở bài

- Đóng vai nhân vật để tự giới thiệu sơ lược về mình và câu chuyện định kể: Kể lại truyện cổ tích *Cây khế*/ Truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*/ *Thạch Sanh*...

2. Thân bài:

Kể lại diễn biến của câu chuyện (ví dụ: truyện Thạch Sanh)

- Xuất thân của các nhân vật:

+ Thạch Sanh: mồ côi từ tấm bé, phải sống một mình trong túp lều nhỏ dưới gốc đa, gia tài chỉ có một chiếc búa cha để lại

+ Lý Thông: một người hàng rượu

- Hoàn cảnh diễn ra câu chuyện

- Diễn biến chính:

+ Sự kiện 1: Lý Thông lừa Thạch Sang thay mình đi nộp mang cho trấn tinh rồi đem đầu trấn tinh đi nộp vua ban thưởng

+ Sự kiện 2: Thạch Sanh giết đại bàng, giải cứu công chúa nhưng bị Lý Thông lấp cửa hang cướp công

+ Sự kiện 3: Thạch Sanh cứu con vua Thủy Tề được tặng đàn thần

+ Sự kiện 4: Hồn trấn tinh và đại bàng báo thù khiến Thạch Sang bị nhốt vào ngục

+ Sự kiện 5: Tiếng đàn của Thạch Sanh giúp chàng giải oan, vạch mặt tội ác của mẹ con Lý Thông

+ Sự kiện 6: Tiếng đàn và niêu cơm của Thạch Sanh khiến 18 nước chư hầu xin thua

3. Kết bài

- Kết thúc câu chuyện và nêu bài học được rút ra từ câu chuyện

Bài mẫu tham khảo

Tôi sinh ra trong một gia đình nông dân. Vì chăm chỉ làm lụng nên bố mẹ tôi cũng có của ăn của để, hi vọng sau này cho anh em tôi làm vốn sinh nhai. Nhưng rồi cha mẹ tôi mất đột ngột. Anh trai tôi đã không làm như lời cha mẹ dặn trước lúc lâm chung là chia đều tài sản cho hai anh em mà chiếm hết gia tài, chỉ để lại cho tôi một túp lều nhỏ và cây khế còi cọc ở góc vườn.

Tôi chấp nhận mà không hề kêu ca, than phiền gì. Hằng ngày, tôi phải mò cua bắt ốc, cày thuê, cuốc mướn để sống. Cây khế trở thành tài sản quý giá nhất và là người bạn thân thiết của tôi. Tôi chăm sóc nó chu đáo, tận tình như người bạn. Vì vậy mà cây khế lớn rất nhanh và chẳng bao lâu đã ra hoa kết quả. Đến mùa khế chín, những chùm khế chín vàng óng, thơm lừng báo hiệu một mùa khế bội thu. Không thể nào nói hết được niềm hạnh phúc của mọi người trong gia đình tôi. Tôi đã đan những chiếc sọt để ngày mai đem khế ra chợ đổi lấy gạo. Sáng hôm đó, khi vừa thức dậy, tôi đã nhìn thấy trên cây khế có một con chim to với bộ lông sặc sỡ đang ăn những quả khế chín. Lòng tôi đau như cắt. Tôi chạy đến dưới gốc cây và nói: “Chim ơi! Người ăn khế của ta thì gia đình ta biết lấy gì để sống?”. Chim bỗng ngừng ăn và cất tiếng trả lời: “Ăn một quả trả một cục vàng, may túi ba gang mang đi và đựng”. Nói rồi chim bay đi. Tôi không tin lắm vào chuyện lạ lùng đó nhưng vẫn bảo vợ may cho mình một chiếc túi ba gang. Sáng hôm sau, chim đến từ sớm và đưa tôi ra một hòn đảo nhỏ giữa biển. Tôi không thể tin vào những gì hiện ra trước mắt. Cả hòn đảo toàn vàng bạc châu báu chất đống. Cả hòn đảo ánh lên màu vàng làm tôi bị lóa mắt. Không hề có một bóng người. Tôi cảm thấy lo sợ, cứ đứng yên một chỗ. Nhưng rồi chim vỗ cánh và giục giã: “Anh hãy lấy

vàng bạc, châu báu vào túi, rồi tôi đưa về.” Lúc đó tôi mới dám nhặt vàng cho vào đầy túi ba gang rồi lên lưng chim để trở về đất liền.

Từ đó, gia đình tôi không còn phải ăn đói mặc rách nữa. Tôi dựng một căn nhà khang trang ngay trong khu vườn, nhưng vẫn giữ lại túp lều và cây khế.

Tôi dùng số của cải đó chia cho những người dân nghèo khổ trong làng. Cây khế bây giờ đã to lớn, toả bóng mát xuống cả một góc vườn. Mùa khế nào tôi cũng chờ chim thần đến để bày tỏ lòng biết ơn.

Câu chuyện lan đến tai người anh trai tôi. Một sáng, anh đến nhà tôi rất sớm. Đây là lần đầu tiên anh tới thăm tôi kể từ ngày bố mẹ mất. Anh đòi tôi đổi toàn bộ gia sản của anh lấy túp lều và cây khế. Tôi rất buồn khi phải chia tay với căn nhà và cây khế. Nhưng trước lời cầu khẩn của anh, tôi đành bằng lòng. Cả gia đình anh chuyển về túp lều cũ của tôi. Ngày nào anh cũng ra dưới gốc khế chờ chim thần đến. Mùa khế chín, chim cũng trở về ăn khế. Vừa thấy chim, anh tôi đã khóc lóc, kêu gào thảm thiết và đòi chim phải trả vàng. Chim cũng hứa sáng mai sẽ đưa anh tôi ra đảo vàng và dặn may túi ba gang. Tối hôm đó, anh tôi thức cả đêm để may túi mười gang ngày mai đi lấy vàng. Anh đi cùng chim thần từ rất sớm, nhưng đến tối mịt vẫn chưa về. Cả làng đồn nhau rằng những ngư dân đã nhìn thấy chim thần chở anh ngã nhào xuống biển, cả anh và số vàng cùng chìm sâu xuống lòng nước mênh mông kia. Dù đã tìm kiếm nhưng không thấy nên mọi người đành chấp nhận rằng anh đã chết dưới đáy biển.

Tôi trở lại sống ở nhà cũ, cùng túp lều và cây khế. Nhưng chim thần không bao giờ còn quay trở lại nữa... Anh trai tôi đã không thể quay trở về chỉ vì lòng tham vô đáy. Một nỗi buồn man mác dâng lên trong lòng tôi.

=====

BÀI 8: KHÁC BIỆT VÀ GÀN GỮ

ÔN TẬP VĂN BẢN: XEM NGƯỜI TA KÌA

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

Giúp HS:

- Ôn tập củng cố, hệ thống hóa kiến thức về thể loại văn bản nghị luận: (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng); chỉ ra được mối quan hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng của hai VB chính “*Xem người ta kia!*”, “*Hai loại khác biệt*”.
- Hệ thống hóa kiến thức về các VB trong chủ đề, hiểu được nội dung chính, trong một văn bản nghị luận có nhiều đoạn, đoạn truyện “*Bài tập làm văn*”
- Nhận ra được ý nghĩa của vấn đề được đặt ra trong văn bản đối với suy nghĩ tình cảm của bản thân trước một VB nghị luận, hoặc các VB cùng chủ đề “*Khác biệt và gàn giữ*”
- Nhận biết được đặc điểm và chức năng của trạng ngữ, hiểu được tác dụng của việc lựa chọn từ ngữ và cấu trúc câu trong việc biểu đạt nghĩa.
- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng (vấn đề) mà em quan tâm.
- Trình bày được ý kiến (bằng hình thức nói) về một hiện tượng (vấn đề), tóm tắt được ý kiến của người khác

2. Phẩm chất:

- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân, có ý thức trách nhiệm với cộng đồng.
- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

B. NỘI DUNG

I. Kiến thức chung

1. Khái niệm văn bản nghị luận

Văn bản nghị luận là loại văn bản chủ yếu dùng để thuyết phục người đọc (người nghe) về một vấn đề.

Các yếu tố cơ bản trong văn bản nghị luận

- Lí lẽ là những lời diễn giải có tí mà người viết (người nói) đưa ra để khẳng định ý kiến của mình.

Bằng chứng là những ví dụ được lấy từ thực tế đời sống hoặc từ các nguồn khác để chứng minh cho lí lẽ.

Thể loại: Văn bản nghị luận.

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”.

- PTBD: nghị luận.

Vấn đề bàn luận: VB đề cập đến sự giống nhau và khác nhau giữa mọi người. Trong đó nhấn mạnh tầm quan trọng của giá trị riêng biệt, độc đáo của mỗi người.

- **Bố cục: 4 phần:**

+ Phần 1: *Từ đầu đến ước mong điều đó (nêu vấn đề):* cha mẹ luôn muốn con mình hoàn hảo giống người khác.

+ Phần 2: *Tiếp đến mười phân vẹn mười:* Những lí do người mẹ muốn con mình giống người khác.

+ Phần 3: *Tiếp đến trong mỗi con người:* Sự khác biệt trong mỗi cá nhân là phần đáng quý trong mỗi người.

+ Phần 4: *Phần còn lại (kết luận vấn đề):* hoà đồng, gần gũi mọi người như cũng cần tôn trọng, giữ lại sự khác biệt cho mình.

II. Kiến thức trọng tâm

1. Mong muốn được thành công giống người khác

- Cách vào đề đặc biệt, thu hút người đọc: vào đề bằng lời kể.

- Giải thích câu nói "Xem người ta kia!" của mẹ trong quá khứ:

+ Muốn con bằng người khác, không thua kém, không làm xấu mặt gia đình, không để ai phải phàn nàn, kêu ca.

+ Là mong muốn của tất cả các người mẹ trên đời.

- Giải thích lí do mẹ nói câu đó:

+ Đưa ra một loạt câu hỏi khẳng định mọi người đều ao ước thành công.

+ Không ít người vượt lên chính mình nhờ noi gương người xuất chúng.

+ Những “người khác” mà mẹ nói là người hoàn hảo, mười phân vẹn mười.

+ Cảm xúc của bản thân: không hề cảm thấy dễ chịu.

⇒ Lí lẽ.

+ Thế giới là muôn màu, muôn vẻ. Vạn vật trên rừng dưới biển đều thế và xã hội con người cũng thế.

- + Lấy ví dụ: Trong 1 lớp học mọi người đều khác nhau ở nhiều khía cạnh.
- + Đưa ra một câu nói hay “Chỗ giống nhau nhất của mọi người trên thế gian này là... không ai giống ai cả”.
- + Đưa ra khẳng định của bản thân: Chính chỗ “không giống ai” nhiều khi lại là một phần đáng quý trong mỗi con người.
- Trở lại vấn đề ở mở bài, khẳng định thêm ý kiến bản thân:
- + Người thân không hẳn đúng khi ngăn cản, không để con người sống với con người thực của mình.
- + Hòa nhập là tốt nhưng hòa nhập để tập thể trở nên phong phú.
- + Hòa nhập không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng từng người.
- ⇒ Dẫn chứng.
- Kết thúc đặc biệt, tạo đối thoại với người đọc: Kết thúc bằng câu hỏi.

III. Tổng kết

1. Nội dung

Xem người ta kia! bàn luận về mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Con người luôn muốn người thân quanh mình được thành công, tài giỏi,... như những nhân vật xuất chúng trong cuộc sống. Tuy nhiên, việc đi làm cho giống người khác sẽ đánh mất bản thân mỗi người. Vì vậy chúng ta nên hòa nhập chứ không nên hòa tan.

2. Nghệ thuật

Lập luận chặt chẽ, lí lẽ và dẫn chứng xác đáng cùng cách trao đổi vấn đề mở, hướng tới đối thoại với người đọc.

II. LUYỆN ĐỀ

1. Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1: Ai là tác giả của văn bản “Xem người ta kia!”

- A. Lí Lan B. Hà My C. Lạc Thanh D. Nguyễn Nhật Ánh

Đáp án: C

Câu 2. Văn bản *Xem người ta kia!* sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

- A. Miêu tả B. Biểu cảm C. Thuyết minh D. Nghị luận

Đáp án: D

Câu 3. Đâu không phải là giá trị nghệ thuật của văn bản: “Xem người ta kia!”

A. Lập luận chặt chẽ, lí lẽ thuyết phục

- B. Lời văn giàu hình ảnh
C. Sử dụng các dẫn chứng xác đáng, thuyết phục
D. Xây dựng tâm lý nhân vật đặc sắc

Câu 4. Trong đoạn trích, người viết chủ yếu sử dụng:

- A. Lí lẽ B. Bằng chứng C. Lí lẽ và bằng chứng

Câu 5. Mẹ muốn con phải noi gương những người:

- A. Đẹp đẽ B. Có sức khỏe
C. Thông minh D. Toàn vẹn, không có khiếm khuyết

Câu 6. “Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng” là một câu có:

- A. Một trạng ngữ vừa chỉ nguyên nhân vừa dùng để liên kết với câu trước, một trạng ngữ chỉ thời gian

B. Một trạng ngữ chỉ nguyên nhân, một trạng ngữ chỉ điều kiện

C. Một trạng ngữ chỉ địa điểm, một trạng ngữ chỉ thời gian

D. Một trạng ngữ chỉ điều kiện, một trạng ngữ chỉ thời gian

2. Dạng bài Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Mẹ tôi không phải là không có lí khi đòi hỏi tôi phải lấy người khác làm chuẩn mực để noi theo. Trên đời, mọi người giống nhau nhiều điều lắm. Ai chẳng muốn mình thông minh giỏi giang? Ai chẳng muốn được tin yêu, tôn trọng? Ai chẳng muốn thành đạt? Thành công của người này có thể là niềm ao ước của người kia. Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng. Mẹ muốn tôi giống người khác, thì “người khác” đó trong hình dung của mẹ nhất định phải là người hoàn hảo, mười phần vẹn mười.”

(Xem người ta kia! – Lạc Thanh)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2. Lí do nào khiến người mẹ muốn con giống người khác?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép điệp ngữ trong đoạn văn trên?

Câu 4. Chỉ ra và nêu chức năng của trạng ngữ trong câu văn: “Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng”.

Câu 5. Có ý kiến cho rằng: “Noi gương những người thành công là điều cần thiết”. Em có đồng ý không? Tại sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1:

- Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2:

Lí do khiến mẹ muốn con giống người khác:

- Người khác ở đây là những người xuất sắc về nhiều mặt: thông minh, giỏi giang, thành đạt.

=> Mẹ luôn mong con tốt đẹp nên mới muốn con “giống người khác”.

- Mẹ thương con và luôn mong con là đứa trẻ tốt về nhiều mặt.

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của phép điệp ngữ trong đoạn văn trên

- Điệp ngữ: “Ai chẳng muốn” 3 lần lặp lại trong 3 câu văn liên tiếp.

- Tác dụng: Tạo ra sự liên kết giữa các câu, câu văn nhịp nhàng, lập luận chắc chắn, chặt chẽ, khẳng định điểm giống nhau của mọi người. Nhấn mạnh những ước mong của mọi người là mong muốn mình hoàn hảo, được tin yêu, giỏi giang, nghĩa là tốt đẹp.

Câu 4: Chỉ ra và nêu ý nghĩa của trạng ngữ trong câu văn: “Vì lẽ đó, xưa nay, không ít người tự vượt lên chính mình nhờ noi gương những cá nhân xuất chúng”

- Trạng ngữ: xưa nay

- Chức năng: chỉ thời gian

Câu 5. Trước ý kiến cho rằng: “Noi gương những người thành công là điều cần thiết”.

HS bày tỏ ý kiến cá nhân: có thể chọn 1 trong 2 phương án: Đồng ý/ hoặc không đồng ý- Nếu đồng ý. Cần lí giải:

- + Người thành công là người có ý chí, biết ước mơ, dám vượt qua mọi khó khăn thử thách...nghĩa là ở họ có nhiều phẩm chất đáng quý nên họ là tấm gương để mọi người noi theo
- + Biết noi gương người thành công chính là chúng ta đang tự hoàn thiện mình, đang khẳng định mình.
- + Nhờ có tấm gương người thành công chúng ta có thêm niềm tin để vươn lên.
- Nếu không đồng ý. HS cần lí giải:
- + Nếu chỉ nhìn vào người thành công mà bản thân không nỗ lực, cố gắng mỗi ngày thì cũng khó vượt qua được khó khăn của cuộc sống
- + Vì mỗi người có một hoàn cảnh sống, một môi trường sống khác nhau, từ đó mỗi người sẽ có những giá trị riêng cần trân trọng và phát huy.
- + Cần phải căn cứ vào sở thích, tính cách, điểm mạnh của cá nhân mình để đưa ra mục tiêu phấn đấu, chứ không được mơ mộng hão huyền.
- + Nếu ta phấn đấu giống người khác thì ta sẽ không còn là mình nữa.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“...Tôi muốn trở lại với dòng hồi ức được khai mở ở đầu bài. Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng không hẳn đúng khi ngăn cản, không để ta được sống với con người thực của mình. Ai cũng cần hoà nhập, nhưng sự hoà nhập có nhiều lối chứ không phải một. Mỗi người phải được tôn trọng, với tất cả những cái khác biệt vốn có. Sự độc đáo của từng cá nhân làm cho tập thể trở nên phong phú. Nếu chỉ ao ước được giống người khác, thì làm sao ta có hi vọng đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó của chính mình? Đòi hỏi chung sức chung lòng không có nghĩa là gạt bỏ cái riêng của từng người.

Càng lớn tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn. Tôi không còn cái cảm giác khó chịu nữa bởi đã nhận thức được rằng, những lời trách cứ mẹ dành cho tôi cũng có thể là câu mà bao người mẹ hiền trên đời đã nói với con. Tôi muốn đổi nội dung câu nói “Xem người ta kìa!” thành một lời khích lệ: Người ta đã khác, đã hay như thế, sao mình lại không khác, không hay theo cách của mình? Biết hoà đồng, gần gũi với mọi người, nhưng phải biết giữ gìn cái riêng và tôn trọng sự khác biệt. Chẳng phải vậy sao?

(Xem người ta kìa! – Lạc Thanh)

Câu 1. Các phương thức biểu đạt trong đoạn trích trên?

Câu 2. Theo tác giả, sự độc đáo của mỗi cá nhân có ý nghĩa gì đối với tập thể?

Câu 3. Em có đồng ý với quan điểm “Biết hoà đồng, gần gũi với mọi người, nhưng phải biết giữ gìn cái riêng và tôn trọng sự khác biệt” không? Tại sao

Câu 4. Thông điệp mà em rút ra cho mình qua đoạn trích?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Các phương thức biểu đạt trong đoạn trích trên: Nghị luận, tự sự, biểu cảm.

Câu 2. Theo tác giả, sự độc đáo của mỗi cá nhân có ý nghĩa đối với tập thể là:

- Làm cho tập thể trở nên phong phú

- Để mỗi người đóng góp cho tập thể, cho cộng đồng một cái gì đó của chính mình

Câu 3.

Em hoàn toàn đồng ý với quan điểm này.

- Trong cuộc sống, mỗi người luôn cần học cách hòa đồng, gần gũi, thân thiện với mọi người. Điều này giúp chúng ta làm việc, hòa đồng với tập thể, với những người xung quanh mình, học hỏi và hòa hợp để cùng nhau phát triển và tiến bộ.

- Đồng thời, chúng ta cũng cần học cách giữ lại cái tôi riêng biệt và trân trọng giá trị riêng của bản thân.

- Nhờ vậy, ta sẽ vừa hòa nhập được với cuộc sống mà vẫn giữ gìn được giá trị, cuộc sống tốt đẹp của chính bản thân mình. Tôn trọng sự khác biệt và tôn trọng chính bản thân mình sẽ là chìa khóa để đưa chúng ta đến được với hạnh phúc.

Câu 4. Thông điệp mà em rút ra cho mình qua đoạn trích:

Mỗi chúng ta cần biết hòa đồng, gần gũi mọi người, nhưng cũng phải biết giữ lấy cái riêng và tôn trọng sự khác biệt.

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa. Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.

Sứ mệnh của hoa là nở. Cho dù không có những ưu thế để như nhiều loài hoa khác, cho dù được đặt ở bất cứ đâu, thì cũng hãy bừng nở rực rỡ, bung ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời.[...]

Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.

(Kazuko Watanabe, Mình là nắng việc của mình là chói chang, Vũ Thùy Linh dịch, NXB Thế giới, 2018)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong câu văn: Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc “đời hoa” bên vệ đường.

Câu 3. Em hiểu câu nói này như thế nào: Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu.

Câu 4. Em có đồng tình với suy nghĩ của tác giả: “Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa.” không? Vì sao?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là nghị luận.

Câu 2. "Có những bông hoa lớn và cũng có những bông hoa nhỏ, có những bông nở sớm và những bông nở muộn, có những đóa hoa rực rỡ sắc màu được bày bán ở những cửa hàng lớn, cũng có những đóa hoa đơn sắc kết thúc "đời hoa" bên vệ đường."

Phép tu từ được sử dụng trong câu văn: điệp ngữ "Có những...cũng có những..."

Tác dụng: Nhấn mạnh những cuộc đời khác nhau của hoa.

Câu 3. Có thể hiểu câu: Hãy bung nở đóa hoa của riêng mình dù có được gieo mầm ở bất cứ đâu

Dù ta không có ưu thế được như nhiều người khác, cho dù ta sống trong hoàn cảnh nào thì cũng hãy bung nở rực rỡ, phô hết ra những nét đẹp mà chỉ riêng ta mới có thể mang đến cho đời, hãy luôn nuôi dưỡng tâm hồn con người và làm cho xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

Câu 4. Em đồng tình với suy nghĩ của tác giả: “Mỗi chúng ta đều giống một đóa hoa”.

Vì: - Mỗi người là một đóa hoa tuyệt vời trên thế giới này, tựa như mỗi một món quà độc đáo

- Mỗi người đều có năng lực và phẩm chất tốt đẹp riêng của mình để làm đẹp cho cuộc đời.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Động vật không xa lạ với cuộc sống con người; gần như mỗi chúng ta đều có những kí ức tuổi thơ tươi đẹp gắn gũi với động vật và thiên nhiên. [...] Hẳn nhiều người đã từng dành hàng giờ nhìn lũ kiến “hành quân” tha mồi về tổ hay buộc chỉ vào chân cánh cam làm cánh diều thả chơi. Những loài động vật vật bé nhỏ đã nuôi dưỡng biết bao tâm hồn trẻ thơ, vẽ lên những bức tranh kí ức về thời thơ ấu tươi đẹp.

Vào kì nghỉ hè, nhiều trẻ em mong ngóng được về quê chơi. Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò ó o gọi xóm làng thức dậy, lũ chim chích đùa vui trên cành cây, đàn bò chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông cắt cỏ, được mẻ tôm, mẻ cá nào lại đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê. Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật thì cuộc sống của con người sẽ ra sao.”

(Trích “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?” - Kim Hạnh Bảo, Trần Nghi Du)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2: Nêu nội dung chính của đoạn trích.

Câu 3: Chỉ ra các lí lẽ và bằng chứng mà tác giả đã nêu ra để làm sáng tỏ cho nội dung chính.

Câu 4: Em hãy chia sẻ một kỉ niệm thời thơ ấu của em được gắn bó với các loài động vật.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2: Nội dung chính của đoạn trích: Động vật gắn bó với con người, gắn bó với kí ức tuổi thơ mỗi người.

Câu 3: Các lí lẽ và bằng chứng:

Lí lẽ	Bằng chứng
Những loài động vật nuôi dưỡng tâm hồn trẻ thơ	Đứng nhìn lũ kiến hành quân tha mồi về tổ, buộc chỉ vào chân cánh cam làm cánh diều thả chơi
Vì vậy, khó mà tưởng tượng được rằng nếu không có động vật	Buổi sáng tinh mơ, gà trống gáy vang ò ó o gọi xóm làng thức dậy, lũ chim chích vui trên cành cây, đàn bò

thì cuộc sống của con người sẽ ra sao	chậm rãi ra đồng làm việc. Người nông dân ra bờ sông bắt vớ, được mẻ tôm, mẻ cá nào được đem về chế biến thành những món ăn thanh đạm của thôn quê
---------------------------------------	--

Câu 4: HS chia sẻ kỉ niệm của bản thân (kể lại kỉ niệm và bộc lộ cảm xúc):

Có thể:

- Được bố mẹ cho đi thăm sở thú vào cuối tuần.
- Được về thăm quê kì nghỉ hè, hoà mình vào cuộc sống thiên nhiên nơi thôn quê.
- Kỉ niệm với một con vật nuôi trong nhà mà em yêu quý.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

[...] Mỗi loài động vật tồn tại trên Trái Đất đều là kết quả của tạo hoá trong hàng tỉ năm và có tác dụng của chúng trong tự nhiên là không thể thay thế. Mỗi loài động vật đều có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đối với con người; nếu mất đi bất kì một loài nào cũng có thể tạo ra một vết khuyết trong hệ sinh thái là môi trường sinh tồn của con người.

Trong hơn một thế kỉ trở lại đây, dân số thế giới ngày càng gia tăng, trong khi số lượng các loài động vật ngày một giảm đi rõ rệt. Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn. Nhiều loài thậm chí thường xuyên bị con người ngược đãi, săn bắt vô tổ chức và tàn sát không thương tay. [...]

(Trích “Vì sao chúng ta phải đối xử thân thiện với động vật?” - Kim Hạnh Bảo, Trần Nghị Du)

Câu 1: Nêu nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 2: Chỉ ra các từ Hán Việt có trong câu văn “Môi trường sống của động vật bị con người chiếm lĩnh, phá hoại, không ít loài đã hoặc đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng hoàn toàn”. Em hiểu “tuyệt chủng” có nghĩa là gì?

Câu 3: Theo em, có những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”?

Câu 4: Em hãy đề xuất một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng.

Gợi ý

Câu 1: Nội dung chính đoạn trích: Thực trạng đáng báo động về cuộc sống của động vật đang bị hủy hoại.

Câu 2:

- Các từ Hán Việt: môi trường; chiếm lĩnh; nguy cơ; tuyệt chủng.
- Nghĩa của từ “Tuyệt chủng”: bị mất hẳn nòi giống.

Câu 3: Những nguyên nhân nào khiến cho không ít loài vật đã hoặc đang đứng trước nguy cơ “tuyệt chủng”:

- Do con người chiếm lĩnh, phá hoại môi trường sống tự nhiên của động vật để canh tác, sản xuất.

- Do con người săn bắt trái phép, tàn sát các loài động vật hoang dã để mua bán, trao đổi vì lợi ích cá nhân.
- Do biến đổi khí hậu khiến các loài động vật không kịp thích nghi (mà nguyên nhân sâu sa gây biến đổi khí hậu phần lớn do hoạt động của con người)

Câu 4: Một số giải pháp để góp phần bảo vệ các loài động vật khỏi nguy cơ tuyệt chủng:

- + Đưa danh sách các loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng vào Sách đỏ để bảo vệ.
- + Các cơ quan chính quyền có các văn bản nghiêm cấm không săn bắt giết hại động vật hoang dã; xử lý nghiêm các hành vi săn bắt, mua bán, trao đổi các động vật hoang dã.
- + Bảo vệ môi trường sống của chúng: kêu gọi trồng rừng để tạo môi trường sống tự nhiên cho động vật; xây dựng các khu dân cư, khu công nghiệp xa khu sinh sống của động vật.
- + Tuyên truyền mọi người về lợi ích của các loài động vật với cuộc sống con người.
- + Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, có chế độ bảo vệ các cá thể của những loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu:

Khi tôi lên 8 hay 9 tuổi gì đó, tôi nhớ thỉnh thoảng mẹ tôi vẫn nướng bánh mì cháy khét. Một tối nọ, mẹ tôi về nhà sau một ngày làm việc dài và bà làm bữa tối cho cha con tôi. Bà dọn ra bàn vài lát bánh mì nướng cháy, không phải cháy xém bình thường mà cháy đen như than. Tôi ngó nhìn những lát bánh mì và đợi xem có ai nhận ra điều bất thường của chúng và lên tiếng hay không. Nhưng cha tôi chỉ ăn miếng bánh của ông và hỏi tôi về bài tập cũng như những việc ở trường học như mọi hôm. Tôi không còn nhớ tôi đã nói gì với ông hôm đó, nhưng tôi nhớ đã nghe mẹ tôi xin lỗi ông vì đã làm cháy bánh mì. Và tôi không bao giờ quên được những gì cha tôi nói với mẹ tôi: "Em à, anh thích bánh mì cháy mà."

Đêm đó, tôi đến bên chúc cha tôi ngủ ngon và hỏi có phải thực sự ông thích bánh mì cháy. Cha tôi khoác tay qua vai tôi và nói: "Mẹ con đã làm việc rất vất vả cả ngày và mẹ rất mệt. Một lát bánh mì cháy chẳng thể làm hại ai con ạ, nhưng con biết điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác không? Những lời chê bai trách móc cay nghiệt đấy." Rồi ông nói tiếp: "Con biết đó, cuộc đời đầy rẫy những thử thách không hoàn hảo và những con người không toàn vẹn. Cha cũng khá tệ trong rất nhiều việc, chẳng hạn như cha chẳng thể nhớ được sinh nhật hay ngày kỷ niệm như một số người khác."

Điều mà cha học được qua nhiều năm tháng, đó là học cách chấp nhận sai sót của người khác và chọn cách ủng hộ những khác biệt của họ. Đó là chìa khóa quan trọng nhất để tạo nên một mối quan hệ lành mạnh, trưởng thành và bền vững con ạ. Cuộc đời rất ngắn ngủi để thức dậy với những hối tiếc và khó chịu. Hãy yêu quý những người cư xử tốt với con, và hãy cảm thông với những người chưa làm được điều đó."

(In- tờ-nét)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính.

Câu 2: Đặt nhan đề cho văn bản.

Câu 3: Theo người cha điều gì thực sự gây tổn thương cho người khác

Câu 4: Bài học rút ra sau khi đọc văn bản?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2: Đặt nhan đề cho văn bản: (Linh hoạt chấm)

Câu 3: Theo người cha điều thực sự gây tổn thương cho người **khác** là sự chê bai, lời trách móc

Câu 4: Bài học rút ra sau khi đọc văn bản:

- Không nên chê bai, trách móc người khác
- Biết bỏ qua, rộng lượng, cảm thông chia sẻ cho những khuyết điểm của người khác.
- Đừng nên nặng lời trước những điều chưa thực sự hoàn hảo theo ý mình.

ÔN TẬP VĂN BẢN: HAI LOẠI KHÁC BIỆT

(Giong-mi Mun)

I. Kiến thức chung

Xuất xứ: - Tác giả: Giong-mi Mun, sinh năm 1964, người Hàn Quốc, Tiến sĩ trường Đại học Kinh doanh Ha- vớt

- Trích từ cuốn sách “*Khác biệt- thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh*”, theo Đường ngọc Lâm dịch.
- Thể loại: Văn bản nghị luận.
- Ngôi kể: ngôi thứ nhất, người kể chuyện xưng “tôi”.
- PTBD: nghị luận.

Vấn đề bàn luận: Bàn về giá trị của sự khác biệt, nhưng phải là khác biệt có ý nghĩa

+ Bố cục: 4 phần:

- Phần 1: *Từ đầu đến ước mong điều đó (nêu vấn đề):* Mỗi người cần có sự khác biệt.
- Phần 2: *Tiếp đến mười phân vẹn mười:* Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J.
- Phần 3: *Tiếp đến trong mỗi con người:* Cách để tại nên sự khác biệt.
- Phần 4: *Phần còn lại (kết luận vấn đề):* Ý nghĩa của sự khác biệt thực sự.

II. Kiến thức trọng tâm

1. Mỗi người cần có sự khác biệt

- Tác giả kể lại một hồi ức: Bài tập mà thầy giáo giao cho học sinh thực hiện nhằm mục đích: tạo cơ hội để học sinh bộc lộ một phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh.

=> Thầy giáo khuyến khích, để học sinh tự do thể hiện khác biệt của mình.

=> Tác giả nêu vấn đề bằng cách kể lại câu chuyện mà mình trực tiếp tham gia

- NT: Dùng lời kể nêu vấn đề=>tăng tính hấp dẫn, gây tò mò, lời văn nhẹ nhàng, dễ tiếp nhận
- Bài tập: Trong suốt 24 giờ đồng hồ, mỗi người phải cố gắng trở nên khác biệt.
- Mục đích: Để mỗi người bộc lộ một phiên bản chân thật hơn.
- Yêu cầu: không được gây hại, làm phiền người khác, vi phạm nội quy nhà trường.

2. Bằng chứng : Những bằng chứng thể hiện sự khác biệt của số đông học sinh trong lớp và J

*** Cách dùng bằng chứng để làm rõ vấn đề sự khác biệt**

- Số đông các bạn trong lớp: chọn cách thể hiện cá tính bản thân qua cách ăn mặc, hành động quái dị, khác thường, làm những trò lố như: quần áo quái lạ, kiểu tóc kì quặc, trò quái đản với trang sức hoặc phấn trang điểm, hoạt động ngu ngốc, gây chú ý

- Duy nhất chỉ có J: Ăn mặc bình thường như mọi ngày khi đến trường, nhưng thể hiện sự khác biệt bằng phong thái điềm tĩnh, thái độ nghiêm túc, lễ độ, đồng dạng khi trả lời các câu hỏi của giáo viên, tự tin bắt tay thầy giáo khi tiết học kết thúc.

- Cách triển khai vấn đề:

+ Mở đầu kể lại một hồi ức ở thuở học trò.

+ Câu chuyện xoay quanh sự lựa chọn của số đông các bạn trong lớp và câu J để thể hiện sự khác biệt.

+ Lời bàn luận sau đoạn kể.

Tác giả đã đi từ thực tế để rút ra điều cần bàn luận

VB không mang tính chất bình giá nặng nề. Câu chuyện làm cho vấn đề bàn luận trở nên gần gũi, nhẹ nhàng.

3. Lí lẽ : Cách để tại nên sự khác biệt

- Tác giả đã phân chia sự khác biệt thành hai loại: sự khác biệt vô nghĩa và sự khác biệt có nghĩa.

- Đa số chọn loại vô nghĩa, vì nó đơn giản và chẳng mất công tìm kiếm nhiều. không cần huy động khả năng đặc biệt gì.

4. Kết luận vấn đề

- Sự khác biệt thực sự, có ý nghĩa ở mỗi người sẽ khiến mọi người đặc biệt chú ý.

5. Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- VB có sự kết hợp chặt chẽ của hai thao tác lí lẽ và bằng chứng để làm nổi bật vấn đề cần bàn.

- Khéo léo kết hợp kể, tác giả làm cho vấn đề tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa trở nên nhẹ nhàng, hấp dẫn, dễ tiếp nhận.

b. Nội dung, ý nghĩa :

- Văn bản đề cao sự khác biệt, nhưng phải là sự khác biệt có ý nghĩa, sự khác biệt có giá trị riêng.

- Đề cao bản sắc của mỗi con người. Giá trị của mỗi người được hình thành từ năng lực, phẩm chất bên trong, và cần sự cố gắng thật sự.

III. LUYỆN ĐỀ

1 Bài tập Trắc nghiệm

Câu 1. Người viết gọi sự khác biệt do bản thân mình và số đông học sinh trong lớp tạo ra là “sự khác biệt vô nghĩa” là vì:

A. Đó là sự khác biệt không có giá trị

B. Đó là sự khác biệt thường tình

C. Đó là sự khác biệt có tính chất hài hước

D. Đó là sự khác biệt không nghiêm túc

Đáp án: A

Câu 2. Lí do người viết gọi sự khác biệt do J tạo ra là Sự khác biệt có ý nghĩa”:

A. Vì sự khác biệt ấy khiến người khác ngạc nhiên

B. Vì sự khác biệt ấy được tạo nên bởi một cá nhân

C. Vì sự khác biệt ấy cho thấy nhận thức và bản lĩnh của một cá nhân

D. Vì sự khác biệt ấy khiến người khác không thể làm theo

Đáp án: C

Câu 3. Thái độ của người viết đối với “sự khác biệt có ý nghĩa” qua cách thể hiện của J:

- A. Không quan tâm vì không phải là điều mình thích
- B. Kinh ngạc vì thấy J không giống ai
- C. Ngạc nhiên và nể phục
- D. Xem thường vì J chẳng có biểu hiện gì nổi bật

Đáp án: C

Câu 4. Câu “Trong 24 tiếng đồng hồ đó, cái nhìn của tôi về J đã hoàn toàn thay đổi; tất cả chúng tôi đều nhận thấy điều đó.” có trạng ngữ chỉ:

- A. Địa điểm
- B. Điều kiện
- C. Nguyên nhân
- D. Thời gian

Đáp án: D

2. Đọc hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“*Khi còn là học sinh trung học, một trong những giáo viên của tôi đã giao cho cả lớp một bài tập mà chúng tôi buộc phải hoàn thành trong 24 tiếng đồng hồ. Bài tập là trong suốt 24 tiếng đồng hồ chúng tôi phải cố gắng phải trở nên khác biệt. Theo lời giáo viên, mục đích của bài tập là tạo cơ hội để chúng tôi bộc lộ một phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh. Quy định duy nhất là chúng tôi không được làm bất cứ điều gì gây hại, làm phiền người khác, hoặc vi phạm nội quy nhà trường.*”

(Giong-mi Mun, *Khác biệt- thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh*)

Câu 1. Bài tập mà giáo viên giao cho học sinh thực hiện nhằm mục đích gì?

Câu 2. Em hãy giải nghĩa của từ *phiên bản* trong câu: “*Theo lời giáo viên, mục đích của bài tập là tạo cơ hội để chúng tôi bộc lộ một phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh*”.

Câu 3. Tác giả đã nêu vấn đề nghị luận bằng cách nào? Hiệu quả nghệ thuật được tạo ra nhờ cách nêu vấn đề đó là gì?

Câu 4. Em suy nghĩ như thế nào về một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt, nhưng vẫn có những ưu điểm vượt trội?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Bài tập mà thầy giáo giao cho học sinh thực hiện nhằm mục đích:

- tạo cơ hội để học sinh bộc lộ một phiên bản chân thật hơn về bản thân trước những người xung quanh.
- Thầy giáo khuyến khích, để học sinh tự do thể hiện khác biệt của mình

Câu 2.

- *phiên bản*: là bản sao lại một bản chính
- Nghĩa của từ *phiên bản* trong câu văn là tạo ra một bản sao của chính mình.

Câu 3. Tác giả đã nêu vấn đề nghị luận bằng cách kể lại câu chuyện mà mình trực tiếp tham gia khi còn là học sinh trung học

- Tác dụng của cách dùng lời kể nêu vấn đề là làm tăng tính hấp dẫn, gây tò mò, lời văn nhẹ nhàng, dễ tiếp nhận.

Câu 4. Một bạn không hề cố tỏ ra khác biệt nhưng vẫn có những ưu điểm vượt trội, thì chính bản thân bạn ấy là một người luôn sống hết mình, luôn nỗ lực cố gắng để tự hoàn thiện bản thân, làm những gì mà mình thích, mình giỏi. Em trân trọng, cảm phục những bạn như thế.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“...Điều tôi học từ bài tập này là: sự khác biệt chia làm hai loại. Một loại khác biệt vô nghĩa và một loại khác biệt có nghĩa. Tôi quyết định mặc bộ đồ quái dị đến trường, tôi biết rằng mình không phải là người duy nhất, nhưng tôi đã chọn trò đơn giản nhất vì không quan tâm tìm kiếm một thứ gì ý nghĩa hơn. Và thành thật mà nói, tôi đoán rằng mình thật sự chẳng hề cố tỏ ra khác biệt, hoặc nếu có, tôi chỉ chọn loại khác biệt vô nghĩa. Về vấn đề này, tôi cũng chẳng đơn độc, đa số chúng tôi đều chọn loại vô nghĩa.

Chỉ có J là ngoại lệ. Trong 24 tiếng đồng hồ đó, cái nhìn của tôi về J đã hoàn toàn thay đổi; tất cả chúng tôi đều nhận ra điều đó. Tôi không rõ tại sao cậu lại làm thế; có lẽ cậu thực sự có điều gì đó muốn nhắn nhủ với chúng tôi. Bất kể vì lý do gì, J là người duy nhất chọn loại khác biệt có ý nghĩa. Kết quả là vào cuối buổi học hôm đó, tôi cảm giác rằng không một ai trong chúng tôi là không nỗ lực cậu.

(Giong-mi Mun, Khác biệt- thoát khỏi bầy đàn cạnh tranh)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính nào được dùng trong đoạn trích?

Câu 2. Do đâu mà số đông thường thể hiện sự khác biệt vô nghĩa?

Câu 3. Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất gì?

Câu 4. Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này có phải chỉ có giá trị đối với tuổi học sinh không? Vì sao?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

Câu 2. Số đông thường thể hiện sự khác biệt vô nghĩa là do: Sự khác biệt vô nghĩa là sự khác biệt bề ngoài, có tính chất dễ dãi, không cần huy động khả năng đặc biệt gì. Đó có thể là cách ăn mặc, kiểu tóc, động tác lạ mắt, sự sôi động ồn ào gây chú ý... Vì dễ, ai muốn đều có thể bắt chước

Câu 3. Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa, con người cần có những năng lực và phẩm chất:: con người cần có trí tuệ, biết nhận thức về các giá trị, phải có các năng lực cần thiết, có bản lĩnh, sự tự tin... Những phẩm chất ấy không phải ai muốn là cũng có được.

Câu 4. Theo em, bài học về sự khác biệt được rút ra từ văn bản này không chỉ có giá trị đối với tuổi học sinh. Vì:

+ Những người non trẻ mới tìm cách thể hiện bằng những trò lố, những hành vi kì quặc như thế

+ Tuy nhiên, không riêng gì các bạn trẻ, mà cả những người trưởng thành nhiều khi còn chưa nhận thức đầy đủ về sự khác biệt vô nghĩa và có nghĩa trong khi sự khác biệt là phương châm sống là đòi hỏi bức thiết của con người

+ Bài học rút ra có giá trị đối với bất cứ ai.

3. Ngữ liệu Đọc hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

(1) Nhìn vào bản đồ thế giới, đâu đâu ta cũng thấy mênh mông là nước. Đại dương bao quanh lục địa. Rồi mạng lưới sông ngòi chằng chịt. Lại có những hồ lớn nằm sâu trong đất liền lớn chẳng kém gì biển cả. Cảm giác đó khiến nhiều người trong chúng ta tin rằng, thiếu gì thì thiếu chứ con người và muôn loài trên quả đất không bao giờ thiếu nước. Xin được nói ngay rằng nghĩ như vậy là nhầm to.

(2) Đúng là hồ mặt quả đất mênh mông là nước, nhưng đó là nước mặn chứ đâu phải là nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và động vật, thực vật quanh ta có thể dùng được. Hai phần ba nước trên hành tinh mà chúng ta đang sống là nước mặn. Trong số nước ngọt còn lại thì hầu hết bị đóng băng ở Bắc Cực, Nam Cực và trên dãy núi Hi-ma-lay-a. Vậy thì con người chỉ có thể khai thác nước ngọt ở sông, suối, đầm, hồ và nguồn nước ngầm, số nước ngọt như vậy không phải là vô tận, cứ dùng hết lại có mà đang càng ngày càng bị nhiễm bẩn bởi chính con người. Đủ thứ rác thải, từ rác thải vô cơ, hữu cơ, những thứ rác có thể tiêu hủy được tới những thứ hàng chục năm sau chưa chắc đã phân hủy, cả những chất độc hại được vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối. Như vậy là nguồn nước sạch lại càng khan hiếm hơn nữa.

(Trích “Khan hiếm nước ngọt”, Trịnh Văn, Báo Nhân dân, số ra ngày 15-6-2003)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2: Ý chính của đoạn (1) là gì? Cách nêu vấn đề của tác giả có gì đặc biệt?

Câu 3: Chỉ ra lí lẽ và các bằng chứng trong đoạn (2).

Câu 4: So với những gì em hiểu biết về nước, đoạn trích trên cho em hiểu thêm được những gì?

Gợi ý làm bài

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

Câu 2:

- Ý chính đoạn 1: Ý chính của phần mở đầu là khẳng định mọi người đang nghĩ sai rằng con người và muôn loài không bao giờ thiếu nước.

- Mở đầu người viết đưa ra nhận định: Bề mặt Trái Đất mênh mông là nước với đại dương bao quanh, sông ngòi chằng chịt, các hồ nằm sâu trong đất liền, điều đó khiến nhiều người tin rằng không bao giờ thiếu nước. Sau đó, người viết khẳng định đó là suy nghĩ sai lầm.

- Cách đặt vấn đề ngắn gọn bằng thao tác bác bỏ, gây ấn tượng cho người đọc.

Câu 3: Lí lẽ và các bằng chứng trong đoạn (2):

- **Lí lẽ:** Bề mặt quả đất mênh mông là nước nhưng đó là nước mặn chứ không phải nhưng không phải nước ngọt, lại càng không phải là nước sạch mà con người và động vật, thực vật quanh ta có thể dùng được:

- **Các bằng chứng:**

+ Hầu hết trên hành tinh mà chúng ta sống là nước mặn, nước ngọt thì bị đóng băng ở Bắc Cực, Nam Cực, dãy Hi-ma-lay-a.

+ Số nước ngọt không phải vô tận, lại đang bị ô nhiễm do con người khai thác bừa bãi, xả bỏ rác thải, chất độc lại cứ vô tư ngấm xuống đất, thải ra sông suối khiến nguồn nước sạch lại ngày càng khan hiếm hơn nữa.

Câu 4:

So với những điều em biết về nước, đoạn trích cho em hiểu thêm về thực trạng của nguồn nước ngọt hiện nay:

- Không phải bất kì nguồn nước nào trên thế giới con người cũng dùng được. Chỉ có nguồn nước ngọt, sạch mới sử dụng được trong cuộc sống con người.
- Nguồn nước ngọt không phải vô tận, con người chỉ có thể khai thác nước ngọt ở sông, suối, đầm, hồ và nguồn nước ngầm.
- Nguồn nước ngọt đang ngày càng khan hiếm dần và ô nhiễm bởi hành động của con người.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

(1) Theo Tổ chức Y tế thế giới, trên hành tinh đang có khoảng hơn hai tỉ người sống trong cảnh thiếu nước ngọt để dùng trong sinh hoạt hằng ngày. Cuộc sống ngày càng văn minh, tiến bộ, con người ngày càng sử dụng nước nhiều hơn cho mọi nhu cầu của mình, trong khi dân số thì ngày mỗi tăng lên. Người ta đã tính được những phép tính đơn giản rằng, để có một tấn ngũ cốc cần phải sử dụng 1000 tấn nước, một tấn khoai tây cần từ 500 đến 1 500 tấn nước. Để có một tấn thịt gà ít nhất cũng phải dùng tới 3500 tấn nước, còn để có một tấn thịt bò thì số nước cần sử dụng còn ghê gớm hơn: từ 15 000 đến 70 000 tấn. Rồi còn bao thứ vật nuôi, cây trồng khác để phục vụ cho nhu cầu của con người, mà chả có thứ gì mà lại không cần có nước. Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây cối, muôn vật không sống nổi.

(2) Trong khi đó, nguồn nước ngọt lại phân bố rất không đều, có nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại rất khan hiếm. Ở nhiều nơi, chẳng hạn vùng núi đá Đồng Văn, Hà Giang, để có chút nước ngọt, bà con ta phải đi xa vài cây số để lấy nước. Các nhà khoa học mới phát hiện ra rằng ở vùng núi đá này, đang có nguồn nước ngầm chảy sâu dưới lòng đất. Để có thể khai thác được nguồn nước này cũng gian khổ và tốn kém vì khắp mọi nơi đều trập trùng núi đá. [...]

(Trích “**Khan hiếm nước ngọt**”, Trịnh Văn, Báo Nhân dân, số ra ngày 15-6-2003)

Câu 1: Trong đoạn trích, tác giả đã đưa ra những lí do nào khiến nước ngọt ngày càng khan hiếm?

Câu 2: Theo tác giả, hậu quả của việc thiếu nước ngọt là gì?

Câu 3: Việc tác giả đưa ra các bằng chứng về mức độ tiêu thụ nước để sản xuất ra các loại ngũ cốc, khoai tây, thịt gà, thịt bò,... ở đoạn (1) có tác dụng gì?

Câu 4: Qua đoạn trích Đọc hiểu, em rút ra cho mình bài học gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Những lí do nào khiến nước ngọt ngày càng khan hiếm:

- Cuộc sống ngày càng văn minh, tiến bộ, con người ngày càng sử dụng nhiều nước hơn cho mọi nhu cầu của mình. Tài liệu của Nhung tây
- Nước ngọt phân bố không đều có nơi lúc nào cũng ngập nước, nơi lại khan hiếm

Câu 2:

Theo tác giả, hậu quả của việc thiếu nước ngọt là: *Thiếu nước, đất đai sẽ khô cằn, cây cối, muôn vật không sống nổi.*

Câu 3:

- Việc tác giả đưa ra các bằng chứng về mức độ tiêu thụ nước để sản xuất ra các loại ngũ cốc, khoai tây, thịt gà, thịt bò,... ở đoạn (1) có tác dụng:

- Khẳng định, nhấn mạnh lí lẽ con người ngày càng sử dụng nhiều nước hơn cho mọi nhu cầu của mình trong cuộc sống ngày càng văn minh, tiến bộ.
- Từ đó khuyên con người cần phải biết cách sử dụng hợp lí, tiết kiệm nguồn nước ngọt không phải vô tận.
- Các bằng chứng số liệu này làm tăng thêm sức thuyết phục cho lập luận.

Câu 4: Bài học rút ra cho bản thân:

- Nước không phải vô tận, sẽ bị cạn kiệt nếu con người không biết cách dùng tiết kiệm, hợp lí. Tài liệu của Nhung tây
- Nguồn nước ô nhiễm sẽ gây hậu quả vô cùng nghiêm trọng cho con người, do đó con người cần phải có biện pháp để bảo vệ nguồn nước, xử lí nghiêm các hành vi làm ô nhiễm môi trường nước,...

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi:

“Trong năm đứa con của má, chị Hai nghèo nhất. Chồng chị mất sớm, con đang tuổi ăn học. Gần tới lễ mừng thọ 70 tuổi của má, mọi người họp bàn xem nên chọn nhà hàng nào, bao nhiêu bàn, mời bao nhiêu người. Chị Hai lặng lẽ đến bên má: Má ơi, má thêm gì, để con nấu má ăn ?

Hôm mừng thọ, chưa tan tiệc, má đã xin phép về sớm vì mệt. Ai cũng chặc lưỡi:

- Sao má chẳng ăn gì?

Về nhà, mọi người tìm má. Dưới bếp, má đang ăn cơm với tô canh chua lá me và đĩa cá bóng kho tiêu mà chị Hai mang đến...”

(Nguồn Internet)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

Câu 2. Món quà mừng thọ má của chị Hai có gì khác biệt với mọi người trong gia đình?

Câu 3. Em hãy đặt nhan đề cho phù hợp với nội dung câu chuyện trên?

Câu 4. Hãy chia sẻ về một số việc mà em đã làm thể hiện tình yêu thương, sự kính trọng đối với người mẹ kính yêu của mình?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: Tự sự

Câu 2. Sự khác biệt trong “món quà mừng thọ” của chị Hai dành cho má mình là:

- Rất giản dị, mộc mạc... Tài liệu của Nhung tây
- Thể hiện tấm lòng hiếu thảo, yêu thương, quan tâm của chị Hai dành cho má.

Câu 3. Nhan đề: Món quà mừng thọ, Quà mừng thọ

(HS có thể chọn nhiều nhan đề khác nếu hợp lí đều cho điểm tối đa)

Câu 4. Chia sẻ một số việc đã làm thể hiện tình yêu thương, sự kính trọng đối với người mẹ kính yêu của mình:

- Nói lời cảm ơn, yêu thương với mẹ. Ví dụ: “Con yêu mẹ”
- Nói lời xin lỗi khi làm mẹ buồn lòng.
- Chăm ngoan học giỏi.
- Tặng mẹ một món quà...

4. Dạng viết ngắn

Đề bài: Với câu mở đầu: Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa..., hãy viết tiếp 5-7 câu để hoàn thành một đoạn văn.

* Nội dung đoạn văn

MD: Câu chủ đề: *Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa*

TD:

- Vì sao chúng ta không muốn sự khác biệt vô nghĩa? (Hệ thống lí lẽ em dùng để thuyết phục người khác): Ví dụ

+ Sự khác biệt vô nghĩa chỉ là cách bắt chước nhau, không tạo nên giá trị thực của một con người.

+ Sự khác biệt vô nghĩa đem đến sự thay đổi về hình thức, có tính chất dễ dãi, không huy động khả năng gì. Tài liệu của Nhung tây

Muốn tạo ra sự khác biệt có ý nghĩa thì phải làm như thế nào?

+ Mỗi người luôn tự phấn đấu hoàn thiện bản thân, có thái độ sống đúng đắn, biết trân trọng những mọi người

+ Rèn luyện sự tự tin, sự kiên trì và không ngừng cố gắng..

KD: Khẳng định mỗi chúng ta cần khẳng định sự khác biệt có ý nghĩa của mình.

* Hình thức đoạn văn: 5- 7 câu

Gợi ý: Viết đoạn văn:

Đoạn văn tham khảo:

Tôi không muốn khác biệt vô nghĩa. Bởi vì, sự khác biệt vô nghĩa chỉ là cách bắt chước nhau, không tạo nên giá trị thực của một con người. Sự khác biệt vô nghĩa đem đến sự thay đổi về hình thức, có tính chất dễ dãi, không huy động khả năng gì. Chẳng hạn như bạn đang cố gắng ăn mặc hay để kiểu tóc khác người, đang làm những việc kì quặc trước mặt mọi người... Ngược lại, mỗi ngày bạn luôn tự phấn đấu hoàn thiện bản thân, có thái độ sống đúng đắn, biết trân trọng những mọi người, chính là cách bạn tạo ra sự khác biệt có nghĩa. Khi chúng ta biết rèn luyện sự tự tin, sự kiên trì và không ngừng cố gắng chính là ta đang tạo sự khác biệt có ý nghĩa.

ÔN TẬP: “ BÀI TẬP LÀM VĂN”

(Trích *Nhóc Ni - co - la: những chuyện chưa kể*,
Rơ-Nê Gô-xi- Nhi và Giảng-Giấc Xăng-Pê)

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

- Rơ-nê Gô-xi-nhi (1926 -1977) là nhà văn Pháp, chuyên sáng tác truyện tranh,viết kịch, làm phim.
- Giảng-giấc Xăng-pê (Sinh năm 1932) là họa sĩ người Pháp, chuyên vẽ truyện tranh và tranh biếm họa. Tài liệu của Nhung tây

2. Tác phẩm

Xuất xứ:

VB “Bài tập làm văn” trích trong truyện “Nhóc Ni - cô - la: những chuyện chưa kể”, xuất bản lần đầu năm 2004.

- + Thể loại: Truyện ngắn;
- PTBD: tự sự
- Ngôi kể: ngôi thứ nhất.
- Nhân vật: Cậu bé Ni-cô-la , bố của cậu và ông Blê-đúc;...
- Sự việc chính
- + Ni-cô-la nhờ bố mình làm hộ bài tập làm văn miêu tả người bạn thân và bố cậu vui vẻ nhận lời.
- + Bố Ni-cô-la hỏi cậu về đề bài, rồi yêu cầu cậu làm bố cục và hỏi xem ai là bạn thân của cậu.
- + Ni-cô-la kể ra 6 người bạn của mình, nhưng bố cậu vẫn thấy rất khó.
- + Ông Blê-đúc, một hàng xóm sang rủ bố em chơi cờ, ông hiểu được câu chuyện của hai bố con và ông rất muốn giúp đỡ cậu. Ông cũng hỏi cậu những câu như bố cậu đã hỏi. Họ mâu thuẫn vì chuyện bài tập làm văn của Ni-cô-la. Tài liệu của Nhung tây
- + Ni-cô-la nhận ra, bài văn mình phải tự viết thì mới có cá tính và độc đáo được.
- + **Bố cục:** Câu chuyện chia làm 3 phần
- Phần 1: Từ đầu đến “Bố tôi í à, rất là tuyệt” Giới thiệu tình huống câu chuyện.
- Phần 2: Diễn biến câu chuyện Ni-cô-la nhờ bố làm bài tập làm văn và kết cục.
- + Tiếp theo “Thế thì sẽ khó hơn bố tưởng rồi đấy, bố nói”: Cuộc trò chuyện giữa Ni-cô-la và bố về bài tập làm văn.
- + Tiếp theo đến “Ông Blê-đúc rất tức giận”: Cuộc trò chuyện với ông Blê-đúc và bố Ni-cô-la về làm bài tập làm văn và mâu thuẫn nảy sinh
- Phần 3: Còn lại: Ni-cô-la tự làm bài tập làm văn của mình.
- * Nghệ thuật: Nghệ thuật kể chuyện vui nhộn, giọng kể có phần hài hước.
- Ngôn ngữ đối thoại sinh động, hấp dẫn.
- Cốt truyện giản dị, gần gũi, giàu ý nghĩa.

3. Ý nghĩa: Từ truyện Ni-co-la nhờ bố mình làm bài tập làm văn, giúp mỗi người nhận ra giá trị của cái riêng biệt, của cảm xúc cá nhân là hết sức quan trọng.

- Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên viết một bài tập làm văn phải là hoạt động cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác.
- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân

II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Ni-cô-la nhờ sự trợ giúp của bố về bài văn

- Hoàn cảnh: Bố đi làm về, Ni-cô-la muốn bố giúp về bài tập làm văn.
- Lí do mà Ni-cô-la muốn bố giúp:

+ Bố Ni-cô-la thật sự rất khá và còn giỏi về tập làm văn. Các thầy giáo còn nói bố là cả một Ban-dắc.

+ Bài tập làm văn cần viết dàn ý, có bố cục.

- Quá trình:

+ Bố Ni-cô-la khen đầu bài ra rất hay và nói bài phải có bố cục.

→ Một bài văn phải có bố cục.

+ Bố Ni-cô-la đưa ra câu hỏi "Ai là bạn thân nhất của con?" và muốn Ni-cô-la nói cả về đặc điểm của bạn. Như thế thì sẽ lập được dàn ý và viết bài sẽ rất dễ.

→ Trước khi viết bài văn phải có dàn ý.

+ Ni-cô-la đưa ra hàng loạt những cái tên cũng như đặc điểm của các bạn.

→ Điều này khiến bố Ni-cô-la thấy khó vì có quá nhiều cái tên mà đề bài chỉ yêu cầu viết về người bạn thân nhất.

→ Cần xác định rõ đối tượng viết đến trong bài.

+ Cuộc nói chuyện bị ngắt quãng bởi tiếng chuông và sự mâu thuẫn sau đó.

2. Mâu thuẫn bất ngờ giữa bố và ông Blê-đúc

- Hoàn cảnh: Khi bố đang giúp Ni-cô-la, ông Blê-đúc sang muốn đánh cờ cùng bố.

- Diễn biến:

+ Bố từ chối lời đề nghị và nêu lí do là muốn cùng nhân vật làm bài.

+ Ông Blê-đúc muốn giúp để bài tập sẽ làm cực nhanh.

+ Mặc cho bố Ni-cô-la ngăn cản, ông vẫn ngồi xuống, gãi đầu, nhìn ngơ ngẩn rồi hỏi người bạn thân nhất của Ni-cô-la.

+ Bố Ni-cô-la ngắt lời và ông Blê-đúc nói lời khiến bố phật ý.

+ Ni-cô-la bảo vệ bố nhưng câu nói ấy khiến ông Blê-đúc cười rĩ và thế là cuộc tranh cãi xảy ra: Bố vẩy mực vào ca-vát ông, ông thì tức giận.

→ Hai người không thể giúp Ni-cô-la làm bài vì mãi tranh cãi với nhau.

- Kết quả:

+ Không giúp được gì.

+ Không còn nói chuyện với nhau.

3. Ni-cô-la khi làm bài văn một mình

- Ni-cô-la nhận ra mình nên làm bài tập một mình.

- Ni-cô-la làm được một bài văn ra trò, kể về Ác-nhăng.

- Ni-cô-la được điểm rất cao và được khen là có cá tính, đề tài độc đáo.

→ Bài viết mà tự mình làm ra thì mới có cá tính và độc đáo.

4. Đánh giá

+ Nội dung

Tác phẩm là câu chuyện vui vẻ về việc hai người cùng muốn giúp Ni-cô-la làm văn kể về người bạn thân nhất nhưng vì mâu thuẫn mà không thể thực hiện được. Qua bài, Ni-cô-la nhận ra, bài văn mình phải tự viết thì mới có cá tính và độc đáo được.

+ Nghệ thuật

Nghệ thuật tự sự đặc sắc mang lại tiếng cười vui vẻ, triết lí sâu sắc.

Nghệ thuật kể chuyện vui nhộn, giọng kể có phần hài hước.

- Ngôn ngữ đối thoại sinh động, hấp dẫn.

- Cốt truyện giản dị, gần gũi, giàu ý nghĩa.

+ Ý nghĩa:

- Từ truyện Ni-co-la nhờ bố mình làm bài tập làm văn, giúp mỗi người nhận ra giá trị của cái riêng biệt, của cảm xúc cá nhân là hết sức quan trọng.
- Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên viết một bài tập làm văn phải là hoạt động cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác.
- Sống trung thực, thể hiện được những suy nghĩ riêng của bản thân.

III. LUYỆN TẬP**1. Dạng bài tập trắc nghiệm**

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản là gì?

- A. Tự sự. B. Biểu cảm. C. Nghị luận. D. Miêu tả.

Đáp án: A

Câu 2: Theo lời bố Ni-cô-la kể, ông được các thầy cô khen là có tác giả nào sau đây "trong người"?

- A. Vích-to Huy-gô. B. Ha-pơ Li.
C. Guy-li-am. D. Ban-đắc.

Đáp án: D

Câu 3: Yếu tố nào **không** được nhắc đến trong bài khi viết bài văn?

- A. Nhân vật. B. Bố cục. C. Nghệ thuật. D. Dàn ý.

Đáp án: C

2. Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

“Bố đi làm đã về đến nhà, bố ôm mẹ, ôm tôi và bố nói rằng: “Giờ ả, sao mà một ngày làm việc ở văn phòng nó lại mệt mỏi đến thế không biết”, rồi bố xỏ giày păng- túp, bố vớ lấy báo, bố ngồi xuống ghế phô- toi, còn tôi thì nói với bố rằng bố cần phải giúp tôi làm bài tập. [...] Bố thật sự là rất khá. Bố bế tôi đặt lên đầu gối, bố lau mặt cho tôi bằng cái khăn mùi xoa to của bố, bố còn nói với tôi rằng bố của bố thì chẳng bao giờ giúp bố làm bài tập cả, nhưng mà bố thì lại khác, bố sẽ giúp, hưng mà là lần cuối cùng. Bố tôi í à, rất là tuyệt!

Chúng tôi chuyển sang cái bàn nhỏ trong phòng khách.

- Xem nào, bố hỏi tôi, xem cái bài tập lầy lừng này nó ra làm sao nào?

Tôi trả lời bố rằng đó là một bài tập làm văn, đầu bài là: “Tình bạn; hyax miêu tả người bạn thân nhất của em.”

[...]Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình [...]và tôi đã được một bài tập làm văn ra trò, trong đó tôi bảo rằng thằng Ác- nhăng là người bạn thân nhất.

[...] Tôi được điểm rất cao bài tập làm văn ở trường, và cô giáo còn viết vào vở của tôi: “Bài viết rất cá tính, đề tài độc đáo.”

Chỉ có vấn đề duy nhất là, từ cái bài tập làm văn về tình bạn, ông B lê-đúc và bố tôi không nói chuyện với nhau nữa.”

(Rơ-nê Gô-xi-nhi và Giăng-giắc Xăng-pê, Nhóc Ni - cô - la: những chuyện chưa kể)

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

Câu 2: Ni-cô-la nhờ bố điều gì? Kết quả ra sao?

Câu 3: “Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình”- nhân vật trong câu chuyện rút ra một kinh nghiệm như thế qua qua những gì đã xảy ra khi nhờ bố làm bài. Em có đồng ý với điều đó không? Vì sao?

Câu 4: Nếu gặp một đề văn như của Ni- cô-la, theo em việc đầu tiên phải làm là gì?

Gợi ý:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn trích: Tự sự

Câu 2: Ni-cô-la nhờ bố làm bài tập làm văn giúp mình. Kết quả bố của cậu ấy đã không thể giúp được; Ni-cô-la đã tự làm và bài văn được cô giáo khen.

Câu 3: “Tôi hiểu rằng bài tập làm văn của tôi thì tốt nhất là tôi tự làm một mình”- nhân vật trong câu chuyện rút ra một kinh nghiệm như thế qua những gì đã xảy ra khi nhờ bố làm bài. Em có đồng ý với điều đó. Vì:

- Trong học tập, hoạt động nhóm, trao đổi giúp đỡ nhau là điều cần thiết, tuy nhiên viết một bài tập làm văn phải là hoạt động cá nhân, không thể hợp tác như làm những công việc khác.
- Đặc trưng của các bài tập làm văn là sáng tạo mang tính độc đáo, đó là suy nghĩ riêng biệt của mỗi học sinh, là sản phẩm sáng tạo của mỗi người, phản ánh trung thực tình cảm, nhận thức của mỗi người.

Câu 4: Nếu gặp một đề văn như của Ni- cô-la, theo em việc đầu tiên phải làm là:

- Cố gắng suy nghĩ, đọc kĩ đề, để tự mình viết theo cảm xúc và suy nghĩ, cũng như những cảm nhận riêng về bạn thân.
- Hình dung, cảm nhận về người bạn thân nhất: ngoại hình, cá tính, sở thích, mối quan hệ của bạn với mọi người...
- Luôn suy nghĩ tích cực về bạn để có cái nhìn thật đẹp về bạn.
- Có thể hỏi người thân nhưng không nhờ viết giúp mà là các gợi ý nếu thật cần thiết để có cái nhìn về bạn mình toàn diện hơn.

3. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Câu chuyện về hai hạt mầm

Có hai hạt mầm nằm cạnh nhau trên một mảnh đất màu mỡ. Hạt mầm thứ nhất nói:

- Tôi muốn lớn lên thật nhanh. Tôi muốn bén rễ sâu xuống lòng đất và đâm chồi nảy lộc xuyên qua lớp đất cứng phía trên... Tôi muốn nở ra những cánh hoa dịu dàng như dấu hiệu chào đón mùa xuân... Tôi muốn cảm nhận sự ấm áp của ánh mặt trời và thưởng thức những giọt sương mai đọng trên cành lá.

Và rồi hạt mầm mọc lên. Hạt mầm thứ hai bảo:

- Tôi sợ lắm. Nếu bén những nhánh rễ vào lòng đất sâu bên dưới, tôi không biết sẽ gặp phải điều gì ở nơi tối tăm đó. Và giả như những chồi non của tôi có mọc ra, đám côn trùng sẽ kéo đến và nuốt ngay lấy chúng. Một ngày nào đó, nếu những bông hoa của tôi có thể nở ra được thì bọn trẻ con cũng sẽ vặt lấy mà đùa nghịch thôi. Không, tốt hơn hết là tôi nên nằm ở đây cho đến khi cảm thấy thật an toàn đã. Và rồi hạt mầm nằm im và chờ đợi.

Một ngày nọ, một chú gà đi loanh quanh trong vườn tìm thức ăn, thấy hạt mầm nằm lác lõng trên mặt đất bèn mổ ngay lập tức.

(Thảo Nguyên, Nguồn: Hạt giống tâm hồn - Từ những điều bình dị - First News và NXB Tổng hợp TP HCM phối hợp ấn hành)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Tìm danh từ trong câu văn: *Một ngày nọ, một chú gà đi loanh quanh trong vườn tìm thức ăn, thấy hạt mầm nằm lạc lõng trên mặt đất bèn mổ ngay lập tức.*

Câu 3. Câu nói của hạt mầm thứ nhất trong văn bản trên có ý nghĩa gì?

Câu 4. Nêu nội dung của văn bản trên.

GỢI Ý:

Câu 1 Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2 Danh từ gồm: ngày, chú gà, vườn, thức ăn, hạt mầm, mặt đất

Câu 3 Câu nói của hạt mầm thứ nhất có ý nghĩa: thể hiện sự tự tin, dũng cảm đối mặt với thử thách, khó khăn.

Câu 4 HS có thể có nhiều cách diễn đạt khác nhau, miễn là hiểu được nội dung chính của văn bản: Câu chuyện kể về hai hạt mầm có những ý nghĩ và việc làm khác nhau... Từ đó khuyên chúng ta phải dũng cảm vượt qua thử thách không được nhút nhát lo sợ.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Trong vài thập kỉ qua, đã có rất nhiều cuộc tranh cãi xoay quanh vấn đề: Trẻ lớn lên cũng những con thú cưng của mình có tốt hay không? Nhiều ý kiến cho rằng trẻ nên có một con vật nuôi của mình. Dưới đây là những lí do đáng để bạn đồng ý cho trẻ nuôi một con vật trong nhà:

Phát triển ý thức: Khi nuôi một thú cưng, trẻ sẽ phát triển ý thức trách nhiệm và chăm sóc cho người khác. Các con vật nuôi luôn luôn cần sự chăm sóc và quan tâm. Chúng phụ thuộc vào người cho ăn, chăm sóc và huấn luyện. Trẻ nuôi thú cưng sẽ thường xuyên học được cách cảm thông và lòng trắc ẩn. Học cách có trách nhiệm với người khác sẽ tạo cơ hội cho những đứa trẻ biết tự chăm sóc bản thân mình tốt hơn. [...]

Giảm stress: Cùng với việc mang lại sự bình yên cho những đứa trẻ, loài vật cũng tỏ ra thật tuyệt vời khi có thể làm giảm stress. Cử chỉ âu yếm, vuốt ve của những chú chó, có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ. Những con vật nuôi như những người biết lắng nghe và không bao giờ nói lại. Chúng cũng không bao giờ cố gắng đưa ra những lời khuyên khi người ta không muốn nghe. Chúng đơn giản ở đó như một sự yên tĩnh dành cho những người đang cảm thấy bối rối và căng thẳng. Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người. Khi chúng cọ vào người bạn, lớp lông mềm mượt cũng với những tiếng “grừ, grừ” sẽ mang đến cho bạn một cảm giác thật bình yên. [...]

(Trích “Tại sao nên có vật nuôi trong nhà?” – Thuỷ Dương)

Câu 1. Cách trình bày của đoạn trích trên có gì đáng chú ý?

Câu 2. Chỉ ra lí lẽ và bằng chứng trong đoạn văn 3 “Giảm stress”.

Câu 3. Qua đoạn trích, em thấy tác giả đồng tình hay phản đối việc nuôi vật nuôi trong nhà? Dựa vào đâu em nhận ra điều đó?

Câu 4. Nhiều bạn trẻ ngày nay học theo trào lưu nuôi thú cưng trong nhà, nhưng chỉ là thú vui nhất thời, sau đó chán nản, nhiều người không chăm sóc, ngược đãi vật nuôi, thậm chí có bạn trẻ còn vứt con vật từng là ‘thú cưng’ ra đường. Em có suy nghĩ gì về sự việc này?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Cách trình bày đáng chú ý ở chỗ: các luận điểm dùng để chứng minh vấn đề nghị luận được đề ngay đầu đoạn văn và được in đậm rõ ràng

- Giúp cho người đọc dễ nắm bắt được các ý chính hơn.

Câu 2. Lí lẽ và bằng chứng trong đoạn 3 “Giảm stress:”

- Loài vật cũng tỏ ra thật tuyệt vời khi có thể làm giảm stress

+ Cử chỉ âu yếm, vuốt ve những chú chó có thể mang đến cảm giác an toàn cho lũ trẻ

- Những con vật nuôi như những người biết lắng nghe và không bao giờ nói lại.

+ Loài mèo có thể giúp làm giảm căng thẳng và mệt mỏi cho con người

+ Khi chúng cọ vào người bạn, lớp lông mềm mượt cùng với tiếng : " gừ, gừ" sẽ mang đến cho bạn một cảm giác thật bình yên

Câu 3: Qua văn bản, em thấy tác giả đồng tình việc nuôi động vật. Vì ngay ở phần đầu đoạn trích, tác giả đã khẳng định sẽ đưa ra các lí do đáng để bạn đồng ý cho trẻ nuôi một con vật trong nhà. Các luận điểm tiếp theo, người viết đưa ra các lí lẽ và dẫn chứng đều khẳng định lợi ích mà vật nuôi đem lại cho trẻ.

Câu 4.

- Chúng ta không nên chạy theo trào lưu nuôi thú cưng nếu bản thân thấy mình không đủ sự kiên nhẫn, trách nhiệm, không đủ thời gian để chăm sóc chúng. Chúng ta trước khi quyết định nuôi một em thú cưng cần xác định rõ việc nuôi thú cưng để tạo ra niềm vui cho cuộc sống, chứ đừng biến vật nuôi trở thành gánh nặng của bản thân.

- Khi đã xác định nuôi thú cưng thì phải có trách nhiệm đến cùng, yêu quý, đối xử thân thiện, bảo vệ chúng; tuyệt đối không ngược đãi, tàn sát chúng.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

“Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân từng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.”

(Trích Nếu biết trăm năm là hữu hạn - Phạm Lữ Ân)

Câu 1. Gọi tên phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2: Theo tác giả, người cần phải nhận ra giá trị của bạn đầu tiên là ai?

Câu 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của phép điệp ngữ trong đoạn văn.

Câu 4. Cho mọi người biết giá trị riêng (thể mạnh riêng) của bản thân bạn. Trả lời trong khoảng từ 3 – 4 câu.

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích: nghị luận.

Câu 2. Theo tác giả, người cần phải nhận ra giá trị của bạn đầu tiên là chính bạn “*Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.*”

Câu 3.

- Điệp ngữ: “*Bạn có thể không ...nhưng ...*”
- Nhấn mạnh, đề cao giá trị riêng của mỗi con người, nhắc nhở mọi người cần trân trọng, thừa nhận giá trị của bản thân mỗi người..
- Làm cho câu văn nhịp nhàng, tạo sự kiên kết giữa các câu văn.
- Đoạn văn trở nên sinh động, hấp dẫn.

Câu 4. Câu này có đáp án mở, GV cần linh hoạt khi chấm để nhận ra giá trị thực sự của HS.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“*Bạn đã bao giờ cười chê một người có khiếm khuyết chưa? Bất cứ ai được hỏi như thế, hẳn chẳng dám trả lời rằng chưa. Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người. Tuy nhiên, đây không phải là điều quá nghiêm trọng, và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa. Lòng nhân ái, sự cảm thông, ấy là phương thuốc hữu hiệu để trị căn bệnh này. Thật vậy, khi mà khả năng yêu thương, đồng cảm, chia sẻ đối với người khác dần dần được bồi đắp trong ta, khi ta biết đặt mình vào hoàn cảnh người khác để nghĩ suy và thức tỉnh, thì lúc ấy, tiếng cười ngạo mạn vô lối sẽ không có lí do gì để bật ra.*”

(Minh Đăng, Tiếng cười không muốn nghe, Ngữ văn 6, tập hai, Sđd, tr. 75)

Câu 1. Câu thứ nhất và câu thứ hai trong đoạn có quan hệ như thế nào về ý nghĩa?

Câu 2. Ở đoạn trích trên, người viết chủ yếu dùng lí lẽ hay bằng chứng để bàn luận về vấn đề?

Câu 3. Em hiểu như thế nào về câu “Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người”? Câu này có ý nghĩa gì với mỗi cá nhân?

Câu 4. Vì sao người viết cho rằng cười nhạo người khác không phải là điều quá nghiêm trọng và càng không phải là “căn bệnh” hết cách chữa?

Câu 5. Theo tác giả, phương thuốc” hữu hiệu để trị “căn bệnh” cười nhạo người khác là gì? Hãy nêu ý kiến của em về “phương thuốc” đó.

Câu 6. Vì sao trong câu “*Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người*”, không thể dùng từ **yếu điểm** thay cho từ **nhược điểm**?

Câu 7. Trong câu “*Lòng nhân ái, sự cảm thông, ấy là “phương thuốc” hữu hiệu để trị “căn bệnh” này*”, theo em, có thể thay từ phương thuốc bằng từ nào mà ý nghĩa của câu vẫn không thay đổi?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Câu thứ nhất là một câu hỏi. Câu thứ hai trả lời cho câu hỏi đó.

Câu 2. Ở đoạn trích, người viết chủ yếu dùng lí lẽ để bàn luận về vấn đề.

Câu 3. Câu “Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người.” có nghĩa: trên đời này, hầu như ai cũng đã từng cười cợt, chê bai người khác. Mỗi cá nhân cần biết đó là biểu hiện không tốt, cần phải tránh.

Câu 4. Cười nhạo người khác tuy là một nhược điểm của con người, nhưng điều đó chưa tệ hại bằng những thói xấu khác như sự bất nhân, độc ác, tàn nhẫn,...

Ở phần sau của đoạn, người viết đã chỉ ra cách chữa “căn bệnh” này.

Câu 5. Yêu thương, đồng cảm, chia sẻ đối với người khác, đặt mình vào hoàn cảnh người khác để nghĩ suy và thức tỉnh, đó là “phương thuốc” mà người viết đề xuất nhằm trị “căn bệnh” cười nhạo. Bên cạnh “phương thuốc” này, có thể còn có những cách khác, chẳng hạn: phát huy vai trò của giáo dục gia đình và giáo dục nhà trường, xây dựng quan hệ thân tình gắn bó giữa các thành viên trong tập thể, cộng đồng,... Tóm lại, tùy từng trường hợp cụ thể để chọn cách

“chữa trị” phù hợp.

Câu 6. Nhược điểm là điểm yếu kém, yếu điểm là điểm chủ yếu. Vì sự khác nhau về nghĩa như vậy, cho nên không thể dùng từ yếu điểm thay cho nhược điểm ở câu “Chê bai người khác là một nhược điểm phổ biến trong tính cách con người”.

Câu 7. Trong câu “Lòng nhân ái, sự cảm thông, ấy là “phương thuốc” hữu hiệu để trị “căn bệnh” này”, có thể thay từ phương thuốc bằng từ bài thuốc mà vẫn giữ nguyên ý.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 6

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

“Trong cuộc sống, giữa người này với người kia không chỉ có sự khác biệt mà còn có những nét gần gũi, tương đồng. Bên cạnh sự tương đồng về đặc điểm sinh lí (đói cần phải ăn, khát cần phải uống,...), con người còn có những điểm giống nhau về tâm lí, về tinh thần. Sinh ra trên đời, có ai không muốn khoẻ mạnh, thông minh? Có ai không muốn cuộc đời hạnh phúc và sự nghiệp thành công? Có ai không thích cái đẹp? Có ai không muốn được tôn trọng?...

Tuy nhiên, những khao khát chính đáng ấy không phải bao giờ cũng được thoả mãn. Thực tế, có nhiều người rơi vào hoàn cảnh bất hạnh. Ốm đau, mất việc, thiếu thốn, thất bại,... là những điều từng xảy ra đối với bao người xung quanh ta. Hễ ai lâm vào cảnh ngộ như thế cũng sẽ cảm thấy khó khăn và muốn được sẻ chia, đồng cảm, cần được giúp đỡ về vật chất và tinh thần.”

(Theo Phan Huy Dũng (Chủ biên), Để làm tốt bài thi môn Ngữ văn kì thi trung học phổ thông quốc gia - phần nghị luận xã hội, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2016, tr. 93)

Câu 1. Những dấu hiệu nào giúp em nhận biết tính chất nghị luận trong đoạn trích trên?

Câu 2. Vấn đề gì được tập trung bàn luận trong đoạn trích?

Câu 3. Theo tác giả, con người có sự tương đồng về những mặt nào? Sự tương đồng về mặt nào mới là quan trọng?

Câu 4. Khi nêu vấn đề: “Trong cuộc sống, giữa người này với người kia không chỉ có sự khác biệt mà còn có những nét gần gũi, tương đồng”, người viết dùng lí lẽ để nêu ý kiến. Ý kiến đó có sức thuyết phục không?

Câu 5. Đọc đoạn trích, em rút ra được điều gì giúp bản thân biết ứng xử đúng đắn trong cuộc sống?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Đoạn trích nêu lên vấn đề để bàn luận, có sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm rõ vấn đề. Đó là những dấu hiệu cho thấy tính chất nghị luận trong đoạn trích.

Câu 2. Sự tương đồng, gần gũi giữa con người với nhau là vấn đề được tập trung bàn luận trong đoạn trích.

Câu 3. Theo tác giả, con người có sự tương đồng về mặt sinh lí và mặt tâm lí, tinh thần. Sự tương đồng về tâm lí, tinh thần mới là điều quan trọng, cần bàn.

Câu 4. Khi nêu vấn đề: “Trong cuộc sống, giữa người này với người kia không chỉ có sự khác biệt mà còn có những nét gần gũi, tương đồng”, người viết đã dùng lí lẽ: hễ là con người, ai cũng muốn khoẻ mạnh, thông minh, hạnh phúc, thành công, được người khác tôn trọng. Lí lẽ này rất có sức thuyết phục, không dễ bác bỏ.

Câu 5. Em có thể tự rút ra bài học ứng xử cho riêng mình, trong đó, quan trọng nhất là phải biết chia sẻ, cảm thông với người khác.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

TRẠNG NGỮ; LỰA CHỌN TỪ NGỮ VÀ LỰA CHỌN CẤU TRÚC CÂU

I. TRẠNG NGỮ:

1. Chức năng:

- Trạng ngữ là thành phần phụ,
- được dùng để nói rõ địa điểm, thời gian, nguyên nhân, điều kiện, trạng thái, mục đích, phương tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.
- có khi được dùng để liên kết câu trong đoạn.

2. Đặc điểm hình thức: trạng ngữ có thể đứng ở:

- đầu câu, cuối câu hay giữa câu.
- phổ biến ở đầu câu
- tách khỏi nòng cốt câu bằng một **quãng nghỉ** khi nói hay một **dấu phẩy** khi viết.

3. Bài tập:

Câu 1 : Chỉ ra trạng ngữ trong các câu sau và cho biết chức năng của trạng ngữ ở từng câu:

a. Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ, tôi dần dần hiểu ra rằng, thế giới này là muôn màu muôn vẻ, vô tận và hấp dẫn lạ lùng.

Trạng ngữ: *Từ khi biết nhìn nhận và suy nghĩ* chỉ thời gian

b. Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn.

Trạng ngữ: *Giờ đây* chỉ thời gian

c. Dù có ý định tốt đẹp, những người thân yêu của ta đôi lúc cũng không hẳn đúng khi ngăn cản, không để ta được sống với con người thực của mình

Trạng ngữ: *Dù có ý định tốt đẹp* chỉ điều kiện

Câu 2 : Thử lược bỏ trạng ngữ trong các câu sau và chỉ ra sự khác nhau về nội dung giữa câu có trạng ngữ với câu không còn trạng ngữ:

Gợi ý trả lời

Câu có trạng ngữ	Câu đã lược bỏ trạng ngữ	So sánh sự khác biệt nếu bỏ trạng ngữ
a. <u>Cùng với câu này,</u> mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.	Mẹ còn nói: “Người ta cười chết!”.	câu chỉ nêu chung chung, không gắn với điều kiện cụ thể.
b. <u>Trên đời,</u> mọi người giống nhau nhiều điều	Mọi người giống nhau nhiều điều lắm.	Câu sẽ mất đi tính phổ quát- điều mà người viết muốn nhấn mạnh

<i>lắm.</i>		
<i>c. Tuy vậy, trong thâm tâm, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.</i>	<i>Tuy vậy, tôi không hề cảm thấy dễ chịu mỗi lần nghe mẹ trách cứ.</i>	Câu sẽ không cho ta biết điều mà người nói muốn thú nhận đã tồn tại ở đâu.

Câu 3. Thêm trạng ngữ cho các câu sau:

- Hoa đã bắt đầu nở.
- Bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước.
- Mẹ rất lo lắng cho tôi.

Gợi ý trả lời

- Mùa xuân đến, hoa đã bắt đầu nở.
- Chủ nhật, bố sẽ đưa cả nhà đi công viên nước.
- Trời đã tối nên mẹ rất lo lắng cho tôi.

Câu 4: Xác định trạng ngữ trong các câu sau và cho biết ý nghĩa của trạng ngữ:

- Khi mùa thu sang, khắp nơi, cây cối dần chuyển sang màu vàng.
 - trạng ngữ chỉ thời gian: Khi mùa thu sang
 - trạng ngữ chỉ địa điểm: khắp nơi
- Những ngày giáp Tết, trong các chợ hoa, mọi người tấp nập mua sắm đồ mới.
 -trạng ngữ chỉ thời gian: Những ngày giáp Tết
 - trạng ngữ chỉ địa điểm: Trong các chợ hoa
- Vì chủ quan, nhiều bạn làm bài kiểm tra chưa tốt.
 - Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: Vì chủ quan
- Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh, các trường đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực.
 - Trạng ngữ chỉ mục đích: Nhằm giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh
- Bằng những bài giảng hay, thầy giúp chúng em ngày càng thích môn lịch sử được cho là khô khan này.
 Trạng ngữ chỉ phương tiện, cách thức: Bằng những bài giảng hay

Câu 5: Đặt mỗi câu có một trong các trạng ngữ sau: trạng ngữ chỉ thời gian, trạng ngữ chỉ nơi chốn, trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích, trạng ngữ chỉ phương tiện và trạng ngữ chỉ cách thức diễn ra sự việc.

Gợi ý trả lời:

Đặt câu:

- Trạng ngữ chỉ thời gian: *Mùa hè, khi hoa phượng nở đỏ rực những khu phố, tôi lại chuẩn bị một chuyến hành trình mới.*
- Trạng ngữ chỉ nơi chốn: *Trước con ngõ nhỏ, một cây gạo không biết có tự bao giờ, nở rực đỏ.*
- Trạng ngữ chỉ nguyên nhân: *Vì mưa to, con đường lầy lội quá..*
- Trạng ngữ chỉ mục đích: *Chúng tôi nỗ lực hết mình, làm việc ngày đêm để hoàn thành dự án này kịp thời.*
- Trạng ngữ chỉ phương tiện: *Tôi đến trường bằng xe buýt.*

- Trạng ngữ chỉ cách thức diễn ra sự việc: *Chúng tôi đã xem xét sự việc này và đưa ra kết luận một cách cẩn trọng và công khai.*

II. TÁC DỤNG CỦA VIỆC LỰA CHỌN TỪ NGỮ VÀ LỰA CHỌN CẤU TRÚC CÂU

1. Lựa chọn từ ngữ trong câu.

a. Ví dụ: *Vì lẽ đó, xưa nay, đã có không ít người tự vượt lên chính mình nhờ **noi gương** những cá nhân xuất chúng.*

Tác dụng: có một số từ gần nghĩa với noi gương như: *học theo, làm theo, bắt chước,...* nhưng **noi gương** là từ phù hợp nhất cho câu trên.

b. Nhận xét:

- Trong khi nói hoặc viết, lựa chọn từ ngữ là thao tác diễn ra thường xuyên.
- Ở bất cứ vị trí nào trong câu, **nhiều từ** có thể được sử dụng, chỉ có **một từ** được xem là **phù hợp**.

2. Lựa chọn cấu trúc câu trong VB.

a. Ví dụ:

Càng lớn, tôi càng hiểu nỗi lòng, mong ước của mẹ hơn.

Tác dụng: sử dụng cấu trúc câu có cặp quan hệ từ *càng...càng*, người viết đã thể hiện được ý: sự nhận thức của con về tình mẹ là một quá trình, nó sâu sắc và đầy đặn hơn theo thời gian và sự trưởng thành của con.

b. Nhận xét:

- Việc lựa chọn cấu trúc câu là hành động có chủ ý, vì mỗi kiểu cấu trúc đưa đến một giá trị biểu đạt riêng.

- Việc lựa chọn cấu trúc câu cần:

+ đúng ngữ pháp

+ phải chú ý tới ngữ cảnh, mục đích nói/ viết, đặc điểm VB để chọn cấu trúc phù hợp.

III. Bài tập:

Bài tập 1/tr61. Trả lời các câu hỏi sau:

a. Trong câu: *Nhớ các bạn trong lớp tôi ngày trước, mỗi người một vẻ, sinh động biết bao*

- không thể dùng từ “*kiểu*” để thay cho từ “*vẻ*” được. Hai từ này tuy gần nghĩa nhưng vẫn có những nét khác nhau.

+ Từ “*kiểu*” thường dùng để nói về hành động của con người (*kiểu ăn nói, kiểu đi đứng, kiểu ăn mặc,...*) hoặc một dạng riêng của đối tượng (*kiểu nhà, kiểu quần áo, kiểu tóc, kiểu bài, ...*)

+ Từ “*vẻ*” dùng để chỉ đặc điểm, tính cách của con người (*vẻ trầm ngâm, vẻ sôi nổi, vẻ lo lắng,...*)

b.

- Từ “*khuất*” dùng trong câu “*Giờ đây, mẹ tôi đã khuất và tôi cũng đã lớn*” phù hợp hơn so với một số từ khác cũng có nghĩa là “chết” như: *mất, từ trần, hi sinh.*

- Nhắc đến cái chết của mẹ, người con dùng từ “*khuất*” thể hiện cách nói giảm, nhằm giấu bớt nỗi đau mất mát.

c. Trong tiếng Việt, “*xúc động, cảm xúc, xúc cảm*” là những từ gần nghĩa chứ không hoàn toàn đồng nghĩa với nhau.

+ *Xúc động*: biểu hiện cảm xúc mạnh hơn so với “*cảm động*” hay “*xúc cảm*”.

=> Vì vậy từ “*xúc động*” là lựa chọn phù hợp nhất.

Bài tập 2/tr62. Chọn từ ngữ phù hợp nhất trong ngoặc đơn để đặt vào khoảng trống ở các câu sau và giải thích lí do lựa chọn:

a. Bị cười, không phải mọi người đều.... giống nhau.

(phản ứng, phản xạ, phản đối, phản bác)

Đáp án: *phản ứng*

b. Trên đời, không ai.... cả.

(hoàn tất, hoàn toàn, hoàn hảo, hoàn chỉnh)

Đáp án: *hoàn hảo*

c. Đi đường phải luôn luôn... để tránh xảy ra tai nạn.

(nhìn ngó, dòm ngó, quan sát, ngó nghiêng)

Đáp án: *quan sát*

d. Ngoài... của bản thân, tôi còn được bạn bè, thầy cô thường xuyên động viên, khích lệ.

(sức lực, tiềm lực, nỗ lực).

Đáp án: *nỗ lực*

Bài tập 3/tr62

a. Giờ đây khi hồi tưởng lại, tôi đoán bạn có thể nói rằng bài tập là một kỉ niệm khó quên.

Gợi ý:

- Cụm từ “giờ đây khi hồi tưởng lại” là trạng ngữ thông báo về thời gian xảy ra sự việc.
- Nếu bỏ trạng ngữ, câu chỉ còn lại thành phần nòng cốt (gồm chủ thể và hành động của chủ thể), không nói rõ, hành động đó xảy ra vào lúc nào.

b. Câu “*Cậu đã đứng lên và trả lời câu hỏi*” cho biết hành động “*đứng lên*” phải diễn ra trước khi “*trả lời câu hỏi*”.

- Nếu viết lại thành: “*Cậu đã trả lời câu hỏi và đứng lên*” thì các hành động không theo trật tự hợp lí như từng xảy ra trong thực tế.

c. Câu văn “*Đến cuối tiết học, cậu tiến lên phía trước và bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thâm lặng.*” miêu tả hai hành động diễn ra theo thứ tự trước sau: “*tiến lên phía trước*” rồi mới có thể “*bắt tay thầy giáo*”, vì thầy ở phía trên bục giảng, J cùng các bạn ngồi ở bàn học sinh, phía dưới.

- Nếu đổi cấu trúc: “*Đến cuối tiết học, cậu bắt tay thầy giáo như một lời cảm ơn thâm lặng và tiến lên phía trước*” thì hóa ra thầy và trò vốn đã đứng sẵn bên nhau, dễ dàng bắt tay nhau, vậy còn “*tiến lên phía trước*” để làm gì?

Bài tập 4/tr62

Sau đây là những câu được thay đổi cấu trúc so với câu gốc trong văn bản đã học. Nghĩa của câu được thay đổi cấu trúc khác như thế nào so với nghĩa của câu gốc?

- Câu gốc: có 2 vế, vế đầu nêu băn khoăn về một điều chưa rõ, vế sau đưa ra một dự đoán nhằm giải thích cho điều chưa rõ ở trên.

- Nếu đổi cấu trúc thành câu thay đổi thì lời giải thích lại xuất hiện trước điều băn khoăn. Đặt câu thay đổi cấu trúc vào văn bản sẽ thấy không hợp lí.

b. Quan sát câu gốc và câu thay đổi có thể thấy sự khác biệt về nghĩa: hai vế “*điều quá nghiêm trọng*” và “*căn bệnh hết cách chữa*” được đặt trong quan hệ tăng tiến.

- Đã là quan hệ tăng tiến thì vế sau phải diễn đạt tính chất ở mức cao hơn vế trước.

- Câu thay đổi cấu trúc đã đảo ngược tương quan này, vì đó là điều không ổn

RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG (VẤN ĐỀ) MÀ EM QUAN TÂM

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Thế nào là bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống?

- Là trình bày một ý kiến, quan điểm của mình về một vấn đề nào đó trong đời sống nhằm thuyết phục người đọc, người nghe tán thành ý kiến, vấn đề đó.

Ví dụ:

- + suy nghĩ về thói vô cảm trong đời sống.
- + Suy nghĩ về thực trạng bạo lực học đường ngày nay.
- + Suy nghĩ về hành vi con người xả rác, gây ô nhiễm môi trường sống.

2. Yêu cầu đối với một bài văn trình bày suy nghĩ về một hiện tượng (vấn đề)

- Nêu được hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận (đó là vấn đề gì?)
- Thể hiện được ý kiến của người viết.
- Dùng lí lẽ và bằng chứng để thuyết phục người đọc.

Lưu ý: Đối với HS lớp 6, bước đầu làm quen với việc trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống với 2 yếu tố: lí lẽ và bằng chứng

+ Lí lẽ: là những giải thích, phân tích thể hiện suy nghĩ của người viết về vấn đề. Những lời lẽ đó phải mạch lạc, rõ ràng, nhằm bảo vệ hay phản bác một ý kiến nào đó. Lí lẽ phải có tính khách quan, thuyết phục.

- + Bằng chứng lấy từ thực tế, cần được chọn lọc.
- + Lí lẽ, kết hợp bằng chứng làm cho lập luận tăng tính thuyết phục.

3. Nhận diện dạng đề trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống

Dạng đề cụ thể: là dạng đề nêu rõ yêu cầu và vấn đề nghị luận là một hiện tượng phổ biến trong đời sống

Ví dụ:

- Suy nghĩ về hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.
- Suy nghĩ về hiện tượng nghiện game trong thanh thiếu niên.

Dạng đề mở:

- Là dạng đề mà chỉ nêu tên vấn đề nghị luận:

Ví dụ: 1- Đánh giá khả năng của bản thân

2- Noi gương những người thành công

-**Thông qua một đoạn ngữ liệu:** một bản tin, một mẫu truyện, một vài bức hình... để người viết tự rút ra vấn đề nghị luận

II. RÈN KĨ NĂNG VIẾT BÀI VĂN TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG TRONG ĐỜI SỐNG

1. Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài: Hiện tượng (vấn đề) cần bàn là gì?

Chọn một trong các đề tài sau:

- Tôn trọng người khác và mong muốn được người khác tôn trọng.
- Thái độ đối với người khuyết tật
- Noi gương những người thành công
- Đánh giá khả năng của bản thân
- Hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.

b. Tìm ý

- *Hiện tượng vấn đề cần bàn:*

- Hiểu biết cơ bản về hiện tượng (vấn đề) cần bàn.
- Ý kiến, thái độ của em về hiện tượng(vấn đề) đó (đúng/sai; lợi/ hại; cần thiết/ không cần thiết; tích cực/ tiêu cực)
- Tại sao vậy? Các khía cạnh cần bàn:
- + *Lí lẽ để bàn luận vấn đề:*
- + *Bằng chứng làm sáng tỏ hiện tượng*
- *Mở rộng vấn đề/ Tìm ra nguyên nhân*
- Làm thế nào để phát huy (hiện tượng tích cực), hạn chế, loại bỏ (hiện tượng tiêu cực)
- Bài học (thông điệp) em muốn nhấn gửi

c. Lập dàn ý

- *Mở bài:* Giới thiệu hiện tượng (vấn đề) cần bàn luận.
- *Thân bài:* Đưa ra ý kiến bàn luận.
- + Ý 1 (lí lẽ, bằng chứng)
- + Ý 2 (lí lẽ, bằng chứng)
- + Ý 3 (lí lẽ, bằng chứng)
- *Kết bài:* Khẳng định lại ý kiến của bản thân.

2. Viết bài.

- Mở bài: Chọn một trong hai cách:
 - + trực tiếp: Nêu thẳng hiện tượng
 - + gián tiếp: kể ngắn gọn một câu chuyện ngắn để giới thiệu hiện tượng (vấn đề).
 - Thân bài: Mỗi ý trình bày thành một đoạn văn, có lí lẽ bằng chứng cụ thể.
 - Thể hiện rõ quan điểm của người viết.
- Có thể kết hợp yếu tố biểu cảm, tự sự phù hợp

3. Xem lại, chỉnh sửa, và rút kinh nghiệm:

- Tự chỉnh sửa bằng cách bổ sung những chỗ còn thiếu hoặc chưa đúng.
- Tự đánh giá và rút kinh nghiệm

III. BÀI THAM KHẢO

Đề bài 1: Trình bày ý kiến của em về hiện tượng bắt nạt học đường.

1. Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài:

- **Hiện tượng (vấn đề) cần bàn:** Hiện tượng bắt nạt trong trường học hiện nay.
- HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về hiện tượng (từng chứng kiến, là nạn nhân, hoặc là từng đã bắt nạt bạn bè. Từ thực tế đó, HS nhận thức về hiện tượng bắt nạt là hiện tượng xấu xí, đáng lên án, cần loại bỏ trong mọi đời sống, nhất là trong trường học.
- **Xác định mục đích** của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề bắt nạt: không nên bắt nạt bạn bè, tìm giải pháp để ngăn chặn và loại bỏ hiện tượng này trong trường học.
 - **Thu thập dữ liệu:**
 - + **Các bằng chứng** mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tơ -nét...về biểu hiện của hiện tượng, tác hại của hiện tượng, các giải pháp mà người khác đã làm.
 - + **Lí lẽ:**

- Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về hiện tượng bắt nạt: Hiện tượng bắt nạt gây ra hậu quả gì? (về thể chất, tinh thần, đối với mỗi người và đối với tập thể)
- Em thấy cần có giải pháp nào để khắc phục hiện tượng bắt nạt trong trường học.

b. Tìm ý

- *Hiện tượng vấn đề cần bàn, ý kiến về hiện tượng:* Bắt nạt học đường là những hành vi tiêu cực, dùng sức mạnh thể chất hay tinh thần, để đe dọa làm tổn thương người về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.

- Biểu hiện của hiện tượng bắt nạt học đường:

+ Tình trạng bắt nạt học đường ở đối tượng học sinh đang ngày càng gia tăng, trở thành một mối quan tâm, lo lắng của nhiều học sinh, thầy cô, cha mẹ..

+ Biểu hiện của bạo lực học đường có thể xảy ra dưới nhiều hình thức như:

- Dẫn chứng nào sẽ được đưa vào bài viết để làm sáng tỏ hiện tượng.

- Hành vi ép làm bài tập hộ, chiếm đoạt đồ dùng, đồ ăn, dọa dẫm, quấy phá không cho học.
- Xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp về nhân phẩm, làm thương tổn về mặt tinh thần thông qua lời nói (dẫn chứng)
- Đánh đập, tra tấn, hành hạ làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể thông qua những hành vi bạo lực (dẫn chứng)

- Lí lẽ để bàn luận hiện tượng bắt nạt học đường

+ Tìm ra nguyên nhân

- Từ những lí do trực tiếp: nhìn đều, nói móc, tranh dành nhau...
- Do ảnh hưởng của môi trường văn hóa bạo lực: phim ảnh, sách báo, các trò chơi, đồ chơi mang tính bạo lực....
- Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, sai lệch trong quan điểm sống, thiếu kĩ năng sống...
- Sự giáo dục trong nhà trường còn nặng về dạy kiến thức văn hóa đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người
- Gia đình thiếu sự quan tâm, uốn nắn; bạo lực gia đình

+ Xác định hậu quả: Bắt nạt học đường sẽ để lại hậu quả nặng nề

- Đối với nạn nhân:
 - Tổn thương về thể xác và tinh thần, thậm chí dẫn đến tử vong(dẫn chứng)
 - Tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại
 - Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường, đến xã hội.
- + Đối với người gây ra bạo lực
 - Mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này.
 - Làm hỏng tương lai chính mình, gây nguy hại cho xã hội.
 - Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.
- + Một số giải pháp: Làm thế nào để hạn chế, loại bỏ :biết tự rèn luyện mình, sống đúng theo chuẩn mực đạo đức xã hội, biết tôn trọng và yêu thương lẫn nhau.
- Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi

c. Lập dàn ý

* Yêu cầu về kĩ năng: Viết bài văn nghị luận, cách lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ vấn đề. Biết vận dụng bằng chứng và lí lẽ để thuyết phục người đọc về hiện tượng bất nạt học đường là hiện tượng đáng phê phán.

* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể có những suy nghĩ khác nhau song phải hiểu được vấn đề nghị luận. Sau đây là một số ý mang tính định hướng:

1.Mở bài: Giới thiệu về bất nạt học đường.

- Là vấn nạn hiện nay trong xã hội
- Tình trạng ngày càng lan rộng hơn đặc biệt trong thời đại công nghệ số

2.Thân bài:

a. Giải thích và nêu hiện trạng của hiện tượng:

- Bất nạt học đường là những hành vi tiêu cực, dùng sức mạnh thể chất hay tinh thần, đe dọa làm tổn thương người về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học.
- Hiện trạng (Biểu hiện của hiện tượng bất nạt học đường):
 - + Tình trạng bất nạt học đường ở đối tượng học sinh đang ngày càng gia tăng, trở thành một mối quan tâm, lo lắng của nhiều học sinh, thầy cô, cha mẹ..
 - + Biểu hiện của bạo lực học đường có thể xảy ra dưới nhiều hình thức như:
 - Hành vi ép làm bài tập hộ, chiếm đoạt đồ dùng, đồ ăn, dọa dẫm, quấy phá không cho học.
 - Xúc phạm, lăng mạ, xỉ nhục, đay nghiến, chà đạp về nhân phẩm, làm thương tổn về mặt tinh thần thông qua lời nói(dẫn chứng)
 - Đánh đập, tra tấn, hành hạ làm tổn hại về sức khỏe, xâm phạm cơ thể thông qua những hành vi bạo lực (dẫn chứng)

b. Nguyên nhân:

- + Từ những lí do trực tiếp: nhìn đều, nói móc, tranh dành nhau...
- + Do ảnh hưởng của môi trường văn hóa bạo lực: phim ảnh, sách báo, các trò chơi, đồ chơi mang tính bạo lực....
- + Sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, sai lệch trong quan điểm sống, thiếu kĩ năng sống...
- + Sự giáo dục trong nhà trường còn nặng về dạy kiến thức văn hóa đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người
- + Gia đình thiếu sự quan tâm, uốn nắn; bạo lực gia đình

c. Hậu quả:

- + Với nạn nhân:
 - Tổn thương về thể xác và tinh thần, thậm chí dẫn đến tử vong(dẫn chứng)
 - Tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại
 - Tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường, đến xã hội.
- Người gây ra bạo lực:
 - Mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này.
 - Làm hỏng tương lai chính mình, gây nguy hại cho xã hội.
 - Bị mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.

4. Giải pháp (làm thế nào để khắc phục hiện tượng bất nạt học đường).

- + Mỗi học sinh, mỗi giáo viên phải biết tự rèn luyện mình, sống đúng theo chuẩn mực đạo đức xã hội, biết tôn trọng và yêu thương lẫn nhau, hạn chế các xung đột và tìm cách giải

quyết những mâu thuẫn một cách tốt đẹp nhất.

+ Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường- gia đình và xã hội trong việc quản lí, giáo dục học sinh
+ Nhà trường bên cạnh dạy văn hóa phải coi trọng dạy kĩ năng sống, vươn tới những điều chân thiện mỹ;

+ Trong từng gia đình, người lớn phải làm gương, giao tiếp ứng xử đúng mực, mạnh dạn lên án và loại bỏ bạo lực ra khỏi đời sống gia đình.

+ Đối với học sinh là nạn nhân của bạo lực học đường phải được quan tâm, động viên, an ủi tạo động lực tiếp tục công việc học tập của mình.

+ Có thái độ quyết liệt phê phán răn đe, giáo dục cải tạo, biện pháp trừng phạt kiên quyết đối với những học sinh vi phạm

+ Cần có biện pháp quản lý, ngăn chặn và xử lí hiệu quả những hoạt động có hại : Nghiêm cấm các game, đồ chơi, sách báo phim ảnh có nội dung bạo lực

=> kỉ cương, tình thương, trách nhiệm là phương thuốc hiệu nghiệm nhất ngăn chặn bạo lực học đường ở học sinh.

d. Bài học nhận thức và hành động:

+ Bắt nạt học đường là hành vi phản giáo dục, phản đạo đức, gây ảnh hưởng đến trật tự xã hội cần phải sớm khắc phục, chấm dứt.

+ Là học sinh phải chăm chỉ học hành, yêu thương đoàn kết bạn bè, rèn luyện nhân cách tốt đẹp mai này đem sức mình xây dựng quê hương đất nước.

3. Kết bài: Nêu cảm nghĩ của em về bắt nạt học đường.

- Đây là một hành vi không tốt.

- Em sẽ làm gì để ngăn chặn tình trạng này.

2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết (dựa vào phiếu chỉnh sửa)

Đề bài 2: Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay là một hiện tượng khá phổ biến.

Nhiều bạn vì mải chơi game mà sao nhãng học tập và còn mắc nhiều sai lầm khác.

Trình bày ý kiến của em về hiện tượng này.

1. Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài:

- **Hiện tượng (vấn đề) cần bàn:** Hiện tượng nghiện game ở học sinh hiện nay.

HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về hiện tượng (từng chứng kiến hiện tượng nghiện game ngay trong lớp, trường,...). Từ thực tế đó, HS nhận thức về hiện tượng nghiện game nguy hiểm, tiêu cực, cần tìm cách khắc phục, nhất là trong trường học.

- **Xác định mục đích** của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề hiện tượng nghiện game : tiêu cực, ảnh hưởng đến cuộc sống của nhiều học sinh, tìm giải pháp để ngăn chặn và loại bỏ hiện tượng này trong trường học.

- Thu thập dữ liệu:

+ **Các bằng chứng** mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tơ –nét...về biểu hiện của hiện tượng, tác hại của hiện tượng, các giải pháp mà người khác đã làm.

+ Lí lẽ:

- Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về hiện tượng nghiện game : Hiện tượng gây ra hậu quả gì? (về thể chất, tinh thần, đối với mỗi người và đối với gia đình, xã hội)

- Em thấy cần có giải pháp nào để khắc phục hiện tượng nghiện game trong trường học.

b. Tìm ý

- *Hiện tượng vấn đề cần bàn, ý kiến về hiện tượng*: nghiện game là những hành vi tiêu cực, là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến nhiều tác hại .

- Biểu hiện của hiện tượng nghiện game

+ Tình trạng nghiện game ở đối tượng học sinh đang ngày càng gia tăng, trở thành một mối quan tâm, lo lắng của nhiều gia đình và nhà trường

+ Biểu hiện của nghiện game có thể dễ nhận biết: người chơi dành hầu hết thời gian để chơi các trò chơi trên thiết bị điện tử như điện thoại, máy tính, ...

- Dẫn chứng nào sẽ được đưa vào bài viết để làm sáng tỏ hiện tượng.

+ hiện tượng nghiện game trong lớp học, trong trường, trong các quán net

+ biểu hiện của tình trạng học sinh nghiện game: nghỉ học thường xuyên, lơ đãng học hành, ..

- Lí lẽ để bàn luận hiện tượng nghiện game**+ Tìm ra nguyên nhân**

- Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo. Do bạn bè xấu rủ rê, tính tò mò, thích thể hiện.

- Do cha mẹ không quan tâm hoặc quá quan tâm

- Do áp lực học tập căng thẳng, nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ

+ **Xác định hậu quả**: Bất nạt học đường sẽ để lại hậu quả nặng nề

- Đối với bản thân người nghiện game: ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất và tinh thần, học hành xuống dốc, lơ là, chán học, bỏ học, sa vào tệ nạn xã hội khác

- Đối với gia đình: bố mẹ lo lắng, buồn phiền, mất niềm tin vào con cái, ...

+ Đối với xã hội: mầm mống của tệ nạn xã hội, đạo đức xuống cấp...

- Một số giải pháp: Làm thế nào để hạn chế, loại bỏ : biết tự rèn luyện mình, sống đúng theo chuẩn mực đạo đức xã hội, tự nâng cao ý thức tự giác, cần có năng lực quản lí bản thân.

- Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi

c. Lập dàn ý

* Yêu cầu về kĩ năng: Viết bài văn nghị luận, cách lập luận chặt chẽ để làm sáng tỏ vấn đề. Biết vận dụng bằng chứng và lí lẽ để thuyết phục người đọc về hiện tượng nghiện game trong tuổi học sinh là hiện tượng đáng phê phán, cần khắc phục, tránh xa game.

* Yêu cầu về kiến thức: Học sinh có thể có những suy nghĩ khác nhau song phải hiểu được vấn đề nghị luận. Sau đây là một số ý mang tính định hướng:

1. MỞ BÀI

- Dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng nghiện game của học sinh trong xã hội hiện nay. Khái quát suy nghĩ, nhận định của bản thân về vấn đề này (nghiêm trọng, cấp thiết, mang tính xã hội, ...)

Ví dụ:

Hiện tượng nghiện game là một hiện tượng phổ biến hiện nay. Đặc biệt, hiện tượng ấy đáng lo ngại với tuổi học sinh. Nhiều bạn học sinh mãi chơi game đến mức trở thành thói quen khó chữa, và còn mắc nhiều sai lầm khác. Làm thế nào để khắc phục hiện tượng này? Đó là vấn đề không hề đơn giản.

2.THÂN BÀI**a. Giải thích và nêu biểu hiện của hiện tượng nghiện game**

- + Game là gì? => Cách gọi chung của các trò chơi điện tử có thể tìm thấy trên các thiết bị như máy tính, điện thoại di động,... nhằm đáp ứng nhu cầu giải trí của con người ngày nay.
- + Nghiện là gì? => Là trạng thái tâm lý tiêu cực gây ra do việc quá phụ thuộc hoặc sa đà quá mức vào một thứ gì đó có thể gây ảnh hưởng xấu đến người sử dụng hoặc thường xuyên tiếp xúc nó.
- + Nghiện game là gì? => Là hiện tượng tập trung quá mức vào trò chơi điện tử dẫn đến những tác hại không mong muốn.

Thực trạng: dùng bằng chứng nào để thấy được mức độ nghiêm trọng của hiện tượng nghiện game?

- + Nhiều học sinh, sinh viên dành phần lớn thời gian mỗi ngày cho việc chơi game. Nhiều bạn mãi chơi game đến quên ăn, quên ngủ.
- + Các quán game mọc lên như nấm sau mưa, nhất là khu vực gần trường học. Các quán game vẫn hoạt động ngoài giờ cho phép do nhu cầu chơi game về đêm của học sinh. Bước vào quán net bạn sẽ gặp nhiều sắc áo đồng phục, những khuôn mặt chăm chú, thậm chí bạn đến tận nơi họ cũng không hay biết.
- + Trong lớp, có những bạn thường xuyên nghỉ học với nhiều lí do khác nhau. Giờ ra chơi nếu lắng tai nghe nhóm các bạn nam nói chuyện, bạn sẽ thấy ngôn ngữ của game.

b. Nguyên nhân:

- + Các trò chơi ngày càng đa dạng, phong phú và nhiều tính năng thu hút giới trẻ.
- + Lứa tuổi học sinh chưa được trang bị tâm lý vững vàng, dễ bị lạc mình trong thế giới ảo. Do bạn bè xấu rủ rê, tính tò mò, thích thể hiện (bằng chứng)
- + Do cha mẹ không quan tâm hoặc quá quan tâm (bằng chứng)
- + Do áp lực học tập căng thẳng, nhà trường chưa quản lý học sinh chặt chẽ (bằng chứng)

c. Hậu quả: Tại sao chúng ta không nên sa vào game?

- + Học sinh bỏ bê việc học, thành tích học tập giảm sút, tâm lí chán học, bỏ học
- + Ảnh hưởng đến sức khỏe, tâm lí, hao tốn tiền của. Người nghiện điện tử dễ mắc các bệnh về mắt, về thần kinh, đặc biệt là chứng bệnh trầm cảm, hoang tưởng. Nhiều vụ án mạng xảy ra mà nguyên nhân ban đầu của nó là tình trạng nghiện game.
- + Người nghiện game dễ bị lôi kéo vào tệ nạn xã hội: đua xe, nghiện ma túy, ...

d. Các giải pháp để khắc phục hiện tượng nghiện game:

- + Bản thân học sinh nên tự xây dựng ý thức học tập tốt, giải trí lành mạnh, sắp xếp thời gian học tập và nghỉ ngơi hợp lí.
- + Cần có biện pháp giáo dục, nâng cao ý cho học sinh đồng thời tuyên truyền tác hại của việc nghiện game trong nhà trường, gia đình và xã hội.
- + Các cơ quan nên có biện pháp kiểm soát chặt chẽ vấn đề phát hành và phổ biến game.

3. Kết bài

- Khẳng định lại vấn đề (tác hại của nghiện game online, vấn đề nghiêm trọng cần giải quyết kịp thời,...).
- Đúc kết bài học kinh nghiệm, đưa ra lời kêu gọi, nhấn nhủ.

2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết (dựa vào phiếu chỉnh sửa)

3. Trình bày sản phẩm (HS trình bày, nhận xét)

Đề số 3: Biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng.

1. Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài:

- Vấn đề cần bàn: Sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng

HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về vấn đề (từng chứng kiến biểu hiện muốn tôn trọng người khác ngay trong quan hệ bạn bè, trong quan hệ gia đình, quan hệ xã hội khác... Từ thực tế đó, HS nhận thức về vấn đề sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng

- Xác định mục đích của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng là điều vô cùng cần thiết, mỗi người phải lắng nghe, thấu hiểu để làm cho cuộc sống tốt đẹp.

- Thu thập dữ liệu:

+ Các bằng chứng mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- ơ –nét...về biểu hiện của hiện tượng thiếu tôn trọng người khác; biểu hiện của việc biết tôn trọng người khác...

+ **Lí lẽ:**

- Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về tác dụng, ý nghĩa của việc **biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng**

- Em thấy cần làm gì để thể hiện lối sống biết tôn trọng người khác/ mong muốn được người khác tôn trọng.

b. Tìm ý

1- Hiểu tôn trọng người khác là gì?

+ Tôn trọng là gì?

+ Tôn trọng người khác là gì?

+ mong muốn người khác tôn trọng là điều đúng đắn, cần thiết để tự bảo vệ giá trị của mình.

2. **Lợi ích (ý nghĩa)** của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng. (Vì sao cần biết tôn trọng người khác?)

+ Đối với bản thân mỗi người:

+ Đối với người khác (người nghe)

+ Đối với xã hội.

Các bằng chứng được chọn:

3. Phê phán hành vi không tôn trọng người khác (bằng chứng)

4. Làm thế nào để biết sống tôn trọng, và được người khác tôn trọng mình:

+ Luôn lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng sở thích, điểm riêng biệt,...của mỗi người

+ Sống cởi mở, chan hòa, chân thành, sẵn sàng đón nhận điểm riêng biệt của người khác.

Luôn cố gắng để hoàn thiện bản thân, ...

c. Dàn bài:

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề cần bàn luận: Sự cần thiết của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng.

Ví dụ: Trong cuộc sống, chúng ta chứng kiến những người khuyết tật tự nhiên, bị người khác cười nhạo. Cũng có những người có những điểm yếu mà rèn luyện mãi cũng không khá hơn được, bị người khác coi thường, chọc ghẹo. Nguyên nhân sâu xa của điều này, hoàn toàn là sự thiếu tôn trọng mà ra. Vậy vấn đề tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng là điều cần thiết.

2. Thân bài: Đưa ra ý kiến bàn luận

a. Hiểu tôn trọng người khác là gì?

+ Tôn trọng là thái độ đánh giá cao, không vi phạm hay xúc phạm người khác
 + Tôn trọng người khác là sự hành xử đúng mực, coi trọng danh dự, nhân phẩm và quyền lợi của mỗi người. Biết lắng nghe, quan tâm, trân trọng ý kiến, công việc, sở thích,... của người khác. Đồng thời phải biết sống hòa hợp, yêu thương mọi người. Trong bất cứ sự việc nào diễn ra trong cuộc sống, chúng ta cần phải biết cách tôn trọng người khác.

+ Mong muốn người khác tôn trọng là điều đúng đắn, cần thiết để tự bảo vệ giá trị của mình.

- **Lợi ích (ý nghĩa)** của việc biết tôn trọng người khác và mong muốn người khác tôn trọng. (Vì sao cần biết tôn trọng người khác?)

+ Mỗi người có suy nghĩ, cách đánh giá khác nhau nên sẽ có quan điểm khác nhau về một vấn đề nào đó trong cuộc sống. Tôn trọng người khác cũng chính là tôn trọng sự khác biệt của mỗi người.

+ Giúp cho họ tự tin vào bản thân mình hơn, lạc quan hơn vào cuộc sống.

+ Giúp chúng ta có cái nhìn khách quan hơn về cuộc sống, học được cách lắng nghe, đồng cảm, từ đó hoàn thiện bản thân mình hơn.

+ Tôn trọng người khác cũng chính là tôn trọng quan điểm của chính mình. Người biết tôn trọng quan điểm của người khác sẽ được mọi người yêu quý và tôn trọng.

+ tạo ra một môi trường sống lành mạnh, tích cực, văn minh, thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân.

- Bằng chứng về sự tôn trọng người khác: .

+ Về thái độ, lời nói: Tỏ ra tôn trọng mọi người xung quanh và luôn giữ đúng chuẩn mực, chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung

+ Về cử chỉ, hành động: Cư xử đúng phép tắc, theo quy định chung, chân thành tiếp thu ý kiến đóng góp của mọi người, tích cực tham gia các hoạt động chung...

- **Phê phán** những hành vi không biết tôn trọng người khác: con cái đánh đập, chửi bới cha mẹ; Chồng đánh đập vợ; Đồng nghiệp nói xấu nhau...

- **Các giải pháp:** Làm thế nào để biết sống tôn trọng, và được người khác tôn trọng mình:

+ Luôn lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng sở thích, điểm riêng biệt,... của mỗi người

+ Sống cởi mở, chan hòa, chân thành, sẵn sàng đón nhận điểm riêng biệt của người khác. Luôn cố gắng để hoàn thiện bản thân, ...

3. Kết bài: Bài học (thông điệp) em muốn nhắn gửi: Biết sống tôn trọng người khác đó là cách sống văn minh, tạo niềm vui cho mình và mọi người và làm cho cuộc sống ý nghĩa.

2. Viết bài và chỉnh sửa bài viết (dựa vào phiếu chỉnh sửa)

3. Trình bày sản phẩm (HS trình bày, nhận xét)

Đề số 4: Trình bày ý kiến về vấn đề khẳng định giá trị của bản thân.

1. Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài:

- **Vấn đề cần bàn: sự khẳng định giá trị của bản thân**

HS cần xác định được đây là vấn đề quan trọng, có ý nghĩa với mỗi người và với tất cả mọi người.

HS đã có những trải nghiệm, nhận thức về vấn đề (**sự khẳng định giá trị của bản thân** ngay trong quan hệ bạn bè, trong quan hệ gia đình, quan hệ xã hội khác... Từ thực tế đó, HS nhận thức về vấn đề sự cần thiết của việc **sự khẳng định giá trị của bản thân**

- Xác định mục đích của bài viết: Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề sự cần thiết của sự khẳng định giá trị của bản thân là điều vô cùng cần thiết, mỗi người phải nhận thức, tự rèn luyện, nỗ lực để phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu để khẳng định giá trị của mình

- Thu thập dữ liệu:

+ Các bằng chứng mà em gặp hàng ngày hoặc trên ti vi, mạng in- tờ –nét...về biểu hiện của tấm gương biết vươn lên khẳng định giá trị của bản thân mỗi người.

+ **Lí lẽ:**

- Em nghe ý kiến của các bạn và thầy cô về vai trò, ý nghĩa của việc sự khẳng định giá trị của bản thân

- Em thấy cần làm gì để sự khẳng định giá trị của bản thân mình trong tập thể, cộng đồng

b. Tìm ý

1- Hiểu khẳng định (xác định) giá trị của bản thân là gì:

- Là những nội lực riêng biệt của mỗi người, được thể hiện qua bản chất năng lực, trí tuệ, hành động để đem đến thành công trong công việc, học tập, tạo lập vị thế, vai trò trong xã hội.

- Là con người, ai cũng có những ưu điểm lẫn khuyết điểm riêng, cũng không có ai có thể hoàn hảo.

2- Lợi ích (ý nghĩa) khẳng định (xác định) giá trị của bản thân (Vì sao cần biết khẳng định giá trị của bản thân mỗi người?)

Lí lẽ:

- là sự cố gắng, nỗ lực của chính bản thân bạn, là nhân cách của bạn.

- Nó cũng không được dùng để so sánh giữa người này và người kia

- Đó là những giá trị thực, cần được nhìn nhận. Giá trị bản thân là lòng tốt, sự hi sinh và sẵn sàng giúp đỡ những người gặp nạn.

Bằng chứng:

- Chọn các nghề nghiệp, công việc khác nhau thì có những cống hiến khác nhau

- Lấy dẫn chứng về giá trị của môi trường sống trong lành em đang sống là do giá trị của người lao động nào?

Các bằng chứng được chọn:

3- *Phê phán* người chưa coi trọng giá trị của bản thân mình hoặc không tôn trọng giá trị của người khác: Tự ti, nhút nhát, thiếu bản lĩnh sống; gặp khó khăn thì lùi bước.

4- *Làm thế nào để khẳng định giá trị của bản thân mình?*

- nhìn nhận cuộc sống tích cực, biết yêu thương, chia sẻ và kính trọng.

- biết được giá trị bản thân sẽ biết được điểm mạnh để phát huy.

- thẳng thắn nhìn nhận điểm yếu để biết cách khắc phục, hạn chế

c. Dàn bài:

Bài viết tham khảo:

Ai sinh ra cũng có giá trị đặc biệt. Nhìn nhận và khẳng định giá trị của bản thân trong cuộc sống có ý nghĩa quan trọng, giúp chúng ta vươn lên, vượt qua khó khăn để có được thành công.

Mỗi con người sinh ra, đến với thế giới này đều có những giá trị đặc biệt. Giá trị đó là ở tự thân của mỗi người, giống như viên ngọc đang đợi được mài sáng vậy. Giá trị bản thân là

những nội lực riêng biệt của mỗi người, được thể hiện qua bản chất năng lực, trí tuệ, hành động để đem đến thành công trong công việc, học tập, tạo lập vị thế, vai trò trong xã hội. Là con người, ai cũng có những ưu điểm lẫn khuyết điểm riêng, cũng không có ai có thể hoàn hảo.

Bạn có thể có điểm mạnh về mặt này, nhưng cũng có thể có yếu điểm về mặt kia. Giá trị bản thân là của riêng bạn có, không thể sao chép hay vay mượn được từ người khác. Nó cũng không được dùng để so sánh giữa người này và người kia. Giá trị của bản thân không dựa trên công việc, ngành nghề mà bạn đang làm. Bạn là một công nhân, làm việc trong xưởng chế biến thực phẩm, giá trị con người bạn chính là nhân lực cung cấp thực phẩm cho thị trường. Đường phố sạch đẹp, xanh tươi và bầu không khí trong lành là công sức, vai trò của những công nhân vệ sinh môi trường. Đó là những giá trị thực, cần được nhìn nhận. Giá trị bản thân là lòng tốt, sự hi sinh và sẵn sàng giúp đỡ những người gặp nạn.

Tạo nên giá trị bản thân là chính là sự cố gắng, nỗ lực của chính bản thân bạn. Có ai đó đã từng nói: “Khi tôi là chính bản thân mình, tôi hạnh phúc và có kết quả tốt”. Có rằng, thành công, quả ngọt và dấu ấn của bản thân bạn chỉ có thể do chính bạn quyết định trong hiện tượng và tương lai. Bên cạnh sự nỗ lực nội tại của bản thân, góp phần tạo nên giá trị của bạn còn có sự đóng góp của bố mẹ, những người xung quanh. Bạn không cần phải là đứa trẻ xuất sắc về mọi mặt, nhưng bạn vẫn là niềm tự hào, là nguồn động lực của bố mẹ. Đây chính là một phần giá trị con người bạn.

Giá trị mỗi con người luôn được soi chiếu trên những giá trị chung của nhân loại, mà trong đó, giá trị mang ý nghĩa quyết định chính là nhân cách. Nghĩa là điều kiện tiên quyết để khẳng định giá trị là cách bạn nhìn nhận cuộc sống tích cực, biết yêu thương, chia sẻ và kính trọng. Biết được giá trị bản thân sẽ biết được điểm mạnh để phát huy, đồng thời, thẳng thắn nhìn nhận điểm yếu để biết cách khắc phục, hạn chế. Có như vậy mới giúp bạn đạt nhiều thành công trong cuộc sống.

Tóm lại, mỗi chúng ta ai cũng có giá trị riêng. Mỗi chúng ta cần biết tự trân trọng, biết nhìn nhận và biết phát huy điểm mạnh, hạn chế điểm yếu của mình. Đó chính là điểm mấu chốt để mỗi chúng ta góp phần nhỏ bé của mình cái chung của tập thể, cộng đồng.

Đề số 5: Nuôi thú cưng, nên hay không nên?

1. Trước khi viết

a. Lựa chọn đề tài:

- **Vấn đề cần bàn:** Có nên nuôi thú cưng không (việc nuôi thú cưng có lợi ích và tác hại gì đối với con người?)

HS cần xác định được đây là đề tài gần gũi, HS đã có những trải nghiệm về vấn đề (em từng nuôi thú cưng chưa? Từ thực tế đó, HS nhận thức về vấn đề việc nuôi thú cưng có lợi ích và tác hại gì cho con người.

- **Xác định mục đích** của bài viết:

+ Nêu quan điểm ý kiến của mình về vấn đề nuôi thú cưng có lợi ích và tác hại gì đối với con người (Tìm hiểu về các con vật nuôi trong nhà: chó, mèo, gà, chuột hamster, rùa cảnh; chim cảnh,.. Ghi lại những thông tin về vật nuôi: Vật nuôi khác động vật hoang dã vì vật nuôi đã được thuần hoá. Lợi ích của vật nuôi)

+ Cần làm gì những gì nếu nuôi thú cưng trong nhà mình.

b. Tìm ý

Tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi:

- + Hiểu nào là những con vật nuôi?
- + Em biết tên những con vật nuôi nào? Nhà em có vật nuôi không?
- + Vật nuôi có những ưu điểm và hạn chế gì?
- + Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?

c. Lập dàn ý

+ **Mở bài:** Nêu vấn đề cần bàn luận (Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?).
 + **Thân bài:** Lần lượt trình bày ý kiến của em theo một trình tự nhất định để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu ở mở bài. Tùy vào ý kiến (Nên hay không nên có vật nuôi trong nhà?) để trình bày các lí lẽ và bằng chứng. Ví dụ:

- Nên có vật nuôi trong nhà (ý kiến).
- Nêu các lí lẽ để làm rõ vì sao nên có vật nuôi trong nhà (lí lẽ).
- Nêu các bằng chứng cụ thể về lợi ích của vật nuôi (bằng chứng).

Lưu ý: Nếu em cho rằng không nên có vật nuôi trong nhà thì cũng cần nêu lí lẽ và bằng chứng.

+ **Kết bài:** Khẳng định lại ý kiến của em; đề xuất các biện pháp bảo vệ và thái độ đối xử với vật nuôi.

2. Viết bài

- Viết theo dàn ý

3. Kiểm tra và chỉnh sửa bài viết

- Kiểm tra, nhận biết các lỗi về dàn ý.
 - Kiểm tra, nhận biết các lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, dùng từ, liên kết đoạn,...).
- Chỉnh sửa các lỗi đó trong bài viết.

Bài viết tham khảo:

Trong vài thập kỉ qua, đã có rất nhiều cuộc tranh cãi xoay quanh vấn đề: Có nên nuôi thú cưng? Theotôi, nên có vật nuôi trong nhà. Dưới đây là một số lí do chứng minh cho việc tại sao chúng ta cần có ít nhất một bé thú cưng trong nhà.

Thứ nhất, thú cưng giúp chúng ta cân bằng cảm xúc. Khoa học đã chứng minh các loài vật nuôi (đặc biệt là chó) thường khá nhạy cảm với cảm xúc. Vì vậy rất dễ dàng để chúng có thể phát hiện ra những cảm xúc tiêu cực như buồn, giận,... của con người. Những lúc ấy, thú cưng sẽ thay thế một người bạn tri âm, tri kỉ. Có những vấn đề mà con người khó có thể nói cho một người nào đó vì nhiều lí do cá nhân. Có một con vật lắng nghe, không phán xét những suy nghĩ, hành động của bạn là một cách để bạn giải tỏa căng thẳng và những nỗi buồn. Những cử chỉ âu yếm, vuốt ve của thú cưng có thể mang lại cảm giác an ủi, an toàn cho những rối loạn, bối rối trong lòng con người. Tôi có nuôi một con mèo, bất kể khi nào tôi buồn, bằng một cách thần kì nào đó, nó đều biết và ngay lập tức cuộn người trong vòng tay tôi. Đôi khi chúng ta không cần những lời khuyên cho vấn đề của mình, chúng ta chỉ cần người có thể lắng nghe để trút hết bầu tâm sự. Đôi khi sự im lặng và quán quýt của một chú mèo là liều thuốc tốt nhất cho những rối loạn sâu thẳm bên trong con người.

Tiếp theo, việc nuôi thú cưng giúp con người có trách nhiệm hơn. Chăm sóc, nuôi dạy thú cưng đòi hỏi sự kiên nhẫn và khoảng thời gian nhất định. Để vật nuôi có thể phát triển một cách toàn diện, chúng ta cần dành nhiều thời gian cho những hoạt động: cho ăn, tắm rửa, vui chơi, dạy dỗ,... chúng. Bởi vì đang nắm trong tay sinh mạng của một loài động vật nên

con người có xu hướng có trách nhiệm hơn trong mọi việc. Bạn không thể để một con vật chết đói, chết rét,... vì những hành động vô tâm của bản thân mình được. Hơn nữa, con người sẽ trở nên kiên nhẫn hơn khi dạy dỗ một loài vật sinh hoạt có trật tự. Trước khi vật nuôi hiểu được những điều chúng được dạy, chúng sẽ mất thời gian làm quen và thời gian này sẽ trở nên rất khó khăn với chủ. Chúng phải sai nhiều lần thì mới có thể nhận thức được đâu là hành động đúng để duy trì. Vì vậy, nếu chủ nhân của chúng không kiên nhẫn thì việc huấn luyện sẽ thất bại.

Cuối cùng, sức khỏe con bạn sẽ được cải thiện nếu bạn nuôi dạy một loài vật nuôi đúng cách. Ví dụ như khi bạn nuôi một chú chó hay một chú ngựa (những động vật lớn, cần được vận động), bạn sẽ phải vận động nhiều hơn. Hàng ngày, một số thú cưng nhất định cần có thời gian được vận động, đi dạo, chạy nhảy. Để có thể quản lý và bảo vệ chúng, người chủ thường sẽ phải vận động theo nhịp độ của thú cưng. Hơn nữa, các bạn sẽ thức giấc và ăn ngủ điều độ hơn vì các bạn cần giữ cho thú cưng lối sinh hoạt cân bằng. Có thể nghe khó tin nhưng có bài báo khoa học còn đề cập đến việc chó có khả năng phát hiện ung thư ở người. Một đứa trẻ khi được sinh ra và lớn lên cùng động vật cũng sẽ ít có nguy cơ mắc hen suyễn và các bệnh khác hơn những đứa trẻ không tiếp xúc với động vật.

Tuy nhiên, tôi xin nhấn mạnh một điều: Chúng ta chỉ nên nuôi thú cưng sau khi đã suy nghĩ một cách nghiêm túc và kỹ càng. Nếu bản thân thấy không có đủ thời gian, không gian, tài chính, trách nhiệm,... thì không nên nuôi chúng bởi vì chúng sinh ra không phải để chịu đựng. Đừng để đến lúc những chú cún cưng, mèo cưng,... của bạn chết vì sự vô tâm của mình thì mới nhận ra rằng mình không hợp nuôi vật cưng. Hơn nữa, các bạn cần phải cân nhắc đến sức khỏe của bản thân khi nuôi chúng như việc bạn không thể nuôi mèo khi bạn bị hen suyễn; bạn không thể nuôi những con vật to nếu như bạn không thể kiểm soát được chúng,...vì nó sẽ ảnh hưởng đến cá nhân bạn cũng như những người xung quanh.

Như vậy, nuôi một con thú nuôi là một điều tốt đẹp mà bạn có thể trải nghiệm trong cuộc đời. Tuy nhiên đừng biến chúng thành gánh nặng cho chính bản thân mình. Hãy cân nhắc kỹ lưỡng trước khi quyết định nuôi một con vật nào đó. Cảm ơn thầy cô và các bạn đã lắng nghe. Rất mong nhận được sự chia sẻ và đóng góp của mọi người.

BÀI 9: ÔN TẬP TRÁI ĐẤT - NGÔI NHÀ CHUNG

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

Giúp HS:

- Ôn tập củng cố, hệ thống hóa kiến thức về đặc điểm chức năng của văn bản và đoạn văn; thể loại văn bản thông tin như cách triển khai văn bản thông tin theo quan hệ nhân quả, tóm tắt được các ý chính của mỗi đoạn văn trong văn bản thông tin; chỉ ra được các mối liên hệ giữa các chi tiết, dữ liệu với thông tin cơ bản của văn bản trong một văn bản thông tin có nhiều đoạn.

- Nhận biết được từ mượn và hiện tượng vay mượn từ để sử dụng cho phù hợp.
- Viết được biên bản đúng qui cách, tóm tắt được bằng sơ đồ nội dung chính của một số văn bản đơn giản đã đọc.
- Biết thảo luận về một vấn đề cần có giải pháp thống nhất.
- Chỉ ra được những vấn đề đặt ra trong VB có liên quan đến suy nghĩ và hành động của bản thân

2. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: tự nhận thức được trách nhiệm của mình khi là thành viên của ngôi nhà chung- Trái đất; có ý thức bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất.
- Nhân ái, chan hòa thể hiện được thái độ yêu quý trân trọng sự sống của muôn loài.
- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

B. NỘI DUNG

ÔN TẬP VĂN BẢN TRÁI ĐẤT - CÁI NÔI CỦA SỰ SỐNG

(Hồ Thanh Trang)

I. Tìm hiểu chung

+ **Văn bản:** Văn bản là những cấu trúc ngôn từ hoàn chỉnh, chứa thông điệp và ý nghĩa. Văn bản được dùng để trao đổi thông tin, trình bày suy nghĩ, cảm xúc...

- Có nhiều tiêu chí phân loại văn bản:

+ Dựa vào chức năng giao tiếp: VB văn học, VB nghị luận, VB thông tin

+ Dựa vào tính đa dạng của các phương tiện, phương thức truyền tải thông tin: VB thông thường, VB đa phương thức.

+ Dựa vào hình thức: VB nói và VB viết

Đoạn văn trong văn bản

- Là bộ phận quan trọng của văn bản, sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ.

Văn bản thông tin

- Các yếu tố cấu thành: Nhan đề, sa-pô, đề mục, đoạn chữ in đậm...

- Tác giả: Hồ Thanh Trang

- Trích từ Báo Điện tử *Đất Việt*- Diễn đàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, tháng 9/2020

Phương thức biểu đạt: Thuyết minh kết hợp nghị luận

Bố cục văn bản: Văn bản chia làm: 3 phần

+ Mở đầu: Từ đầu đến “365,25 ngày”: giới thiệu về Trái Đất.

+ Thông tin chính: Tiếp đến “*sự sống trên Trái Đất*” Sự sống muôn màu trên Trái Đất:

+ Kết thúc: còn lại: Thực trạng của Trái Đất

- **Chủ đề:** VB thông tin về sự sống trên Trái Đất và gợi nhắc đến ý thức trách nhiệm của con người đối với việc bảo vệ Trái Đất.

- **Nghệ thuật:** Kết hợp chữ viết (chữ in thường và chữ in đậm) với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động

- Thông tin chính xác, khoa học về Trái Đất.

- Trình tự trình bày thông tin : Vừa theo trình tự thời gian vừa theo trình tự nhân quả giữa các phần trong văn bản. Cái trước làm nảy sinh cho cái sau chúng có quan hệ ràng buộc với nhau

Nội dung: Trái Đất là vốn là cái nôi của sự sống phong phú của vạn vật. Tuy nhiên, con người đã có nhiều hành động làm tổn thương Trái Đất.

- Chung tay bảo vệ Trái Đất là trách nhiệm của mỗi người

*** Nhan đề: “Trái Đất- cái nôi của sự sống”**

=> Mục đích của VB: cung cấp thông tin về Trái Đất và sự sống trên Trái Đất như thế nào.

*** Sa-pô:** Vì sao Trái Đất được gọi là hành tinh xanh? Trên hành tinh xanh ấy, sự sống nảy nở tốt đẹp như thế nào? Con người làm gì để bảo vệ Trái Đất ?

=> Tác dụng:

- Thâu tóm, giới thiệu nội dung của VB: Giới thiệu, trình bày về sự sống trên Trái Đất và gọi nhắc đến ý thức trách nhiệm của con người đối với việc bảo vệ Trái Đất.

II. Định hướng phân tích văn bản

1. Trái Đất - một hành tinh

a. Trái Đất trong hệ Mặt Trời

- Là một hành tinh trong hệ Mặt Trời.

- Vừa tự quay quanh trục của nó (một vòng hết 23.934 giờ), vừa quay quanh Mặt Trời theo quỹ đạo hình e-lip (vận tốc ~ 30km/s, hết 365.25 ngày).

b. Nước và sự sống trên Trái Đất

- Nhờ có nước, Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống.

- Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất.

- Nếu không có nước, Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, tro trụi.

- Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú.

2. Sự sống trên Trái Đất

a. Trái Đất - nơi cư ngụ của muôn loài

- Kích thước của sinh vật tồn tại trên Trái Đất vô cùng đa dạng.

- Động vật được con người khai thác hằng ngày để phục vụ cho cuộc sống của mình.

- Tất cả mọi dạng sự sống đều tồn tại, phát triển theo những quy luật sinh học lạ lùng, bí ẩn.

b. Con người trên Trái Đất

- Con người là đỉnh cao kì diệu của sự sống,

- Con người cải tạo tự nhiên khiến nó "người" hơn, thân thiện hơn.

- Đáng buồn thay, con người đã khai thác thiên nhiên bừa bãi, gây ảnh hưởng xấu đến sự sống trên Trái Đất.

c. Tình trạng Trái Đất

- Hiện tại, Trái Đất đang bị tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức, bất chấp của con người.

- Hậu quả: Hoang mạc xâm lấn, động vật tuyệt chủng, rác thải ngập tràn, khí hậu nóng dần, nước biển dâng nhấn chìm nhiều thành phố, cánh đồng, tầng ô-dôn thủng, ô nhiễm, đe dọa sự sống muôn loài.

- Câu hỏi nhức nhối: Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Con người đứng trước thách thức lớn.

4. Đánh giá

a. Nội dung

Trái Đất với "vị thần hộ mệnh" nước là hành tinh mang sự sống của muôn loài. Tuy nhiên con người đang dần phá hoại Trái Đất, khiến nó bị tổn hại nhiều. Điều này là nguy cơ lớn đối với muôn loài và chính con người.

b. Nghệ thuật

Văn bản đa phương tiện luận điểm rõ ràng, số liệu xác thực, hình ảnh hấp dẫn...

c. Nội dung, ý nghĩa :

- Trái Đất là vốn là cái nôi của sự sống phong phú của vạn vật. Tuy nhiên, con người đã có nhiều hành động làm tổn thương Trái Đất.
- Chung tay bảo vệ Trái Đất là trách nhiệm của mỗi người

IV. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài tập trắc nghiệm

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống* là?

- A. Tự sự B. Miêu tả C. Nghị luận **D. Thuyết minh**

Câu 2. Văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống* đã nêu lên những thông tin gì của Trái Đất?

- A. Văn học, lịch sử, địa lý B. Lịch sử, địa lý, hóa học

- C. Khoa học, địa lý, sinh học** D. Lịch sử, hóa học, vật lý

Câu 3. Nội dung chính của văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống* khẳng định điều gì?

- A. Trái Đất vô cùng quan trọng đối với vạn vật nhưng lại bị con người đe dọa**

- B. Trái Đất đang bị đe dọa nghiêm trọng

- C. Trái Đất đang ngày càng nóng lên

Câu 4. Đoạn trích dưới đây thuộc phần nào của văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*?

Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Đó là câu hỏi nhức nhối, khiến nhân loại không thể làm ngơ. Sự sống trên hành tinh xanh, trong đó có con người, đang đứng trước những thách thức to lớn.

(*Trái Đất – cái nôi của sự sống* – Hồ Thanh Trang)

- A. Giới thiệu về Trái Đất.

- B. Giới thiệu về sự sống trên Trái Đất.**

Câu 5. Theo văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, Trái Đất là một hành tinh nằm trong?

- A. Dải Ngân Hà

- B. Hệ Mặt Trời**

- C. Tự nhiên

- D. Vũ trụ

Câu 6. Theo văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, tác giả đã khẳng định Trái Đất là nơi duy nhất có sự sống, đúng hay sai?

- A. Đúng**

- B. Sai

Câu 7. Trong văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, “vị thần hộ mệnh” mà tác giả nhắc tới chỉ đối tượng nào?

- A. Trái Đất B. Mặt Trời C. **Nước** D. Sông

Câu 8. Trái Đất là nơi cư ngụ của loài nào dưới đây?

- A. Con người

- B. Thực vật

- C. Động vật

- D. Tất cả muôn loài**

Câu 9. Theo văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, đối tượng nào được mệnh danh là đỉnh cao kì diệu của sự sống?

- A. Động vật hiển vi

- B. Voi ma mút

C. Khủng long

D. Con người**Câu 10.** Con người có tác động như thế nào đối với Trái Đất?

A. Tác động tích cực

B. Tác động tiêu cực

C. Cả hai phương án trên**Câu 11.** Tại sao gọi Trái Đất là cái nôi của sự sống?**A. Vì Trái Đất nuôi dưỡng muôn loài**

B. Vì Trái Đất rộng lớn

C. Vì Trái Đất có ngày và đêm

D. Vì Trái Đất có nhiều sinh vật

Hiện thị đáp án**Câu 12.** Ý nào dưới đây không được nhắc đến trong văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*?

A. Rừng bị thu hẹp lại

B. Đại dương bị khai thác quá mức

C. Dân số ngày càng đông đúc

D. Tầng ô-dôn bị thủng nhiều chỗ

Câu 13. Thông điệp nào được gửi gắm đến văn bản *Trái Đất – cái nôi của sự sống*?

A. Trái Đất là hành tinh đáng sống nhất trong hệ Mặt Trời

B. Trái Đất đang bị đe dọa và chúng ta phải hành động để bảo vệ hành tinh này

C. Nước là nguồn tài nguyên quý giá

2. Bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1****Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:****“Vị thần hộ mệnh” của sự sống trên Trái Đất**

Nhờ có nước, đặc biệt là nước ở dạng lỏng, Trái Đất trở thành nơi duy nhất trong hệ Mặt Trời có sự sống. Do vậy, khi khẳng định hành tinh này là cái nôi của sự sống, ta không thể không nói đến nước.

Hành tinh của chúng ta quả là giàu nước. Nước bao phủ gần 3/4 bề mặt Trái Đất. Nước dào dạt trong lòng các đại dương; nước đông cứng thành những khối băng trùng điệp, khổng lồ ở hai địa cực; nước ngưng trắng loá trên những chóp núi được ví là nóc nhà của thế giới; nước tuôn chảy không ngừng với hệ thống sông ngòi được phân bố ở khắp bề mặt các lục địa;... Chính nước đã tạo cho Trái Đất một vẻ đẹp long lanh. Những bức ảnh chụp từ các tàu vũ trụ cho thấy Trái Đất không khác gì giọt nước xanh khổng lồ giữa không gian vũ trụ đen thẳm bao la.

Nếu không có nước thì Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi. Nước chính là “vị thần hộ mệnh” của sự sống, là tác nhân quan trọng thúc đẩy quá trình tiến hoá của các vật chất sống trên hành tinh này. Nhờ nước, sự sống trên Trái Đất phát triển dưới nhiều dạng phong phú, từ vi sinh vật mang cấu tạo đơn giản đến động vật bậc cao có hệ thần kinh vô cùng phức tạp.

(Trích *Trái Đất – cái nôi của sự sống*, Hồ Thanh Trang – Theo báo điện tử Đất Việt, Diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, tháng 9/2020)

Câu 1 : Đoạn văn trên cung cấp cho người đọc về thông tin gì ?**Câu 2 :** Chỉ ra những yếu tố miêu tả sự hiện diện của nước trên Trái Đất?

Vì sao tác giả cho rằng “Nếu không có nước thì Trái Đất chỉ là hành tinh khô chết, trơ trụi”?

Câu 3 : Tác dụng của yếu tố miêu tả như thế nào đối với việc cung cấp thông tin của đoạn

văn?

Câu 4 : Dấu ngoặc kép đánh dấu cụm từ “**Vị thần hộ mệnh**” trong đoạn văn trên có tác dụng gì?

Câu 5 : Câu văn “*Những bức ảnh chụp từ các tàu vũ trụ cho thấy Trái Đất không khác gì giọt nước xanh khổng lồ giữa không gian vũ trụ đen thẳm bao la*” sử dụng phép tu từ nào?

Câu 6 : Kể những việc em cần làm để bảo vệ nguồn nước nơi em sinh sống?

Câu 7 : Từ việc đọc hiểu văn bản có chứa đoạn văn, em rút ra được kinh nghiệm gì khi đọc một văn bản thông tin?

Gợi ý trả lời

Câu 1 : Đoạn văn nói về vai trò của nước trên Trái Đất

Câu 2 : Những điều tác giả miêu tả sự hiện diện của nước trên Trái Đất:

- Đào dạt trong lòng các đại dương;
- Đông cứng thành những khối băng trùng điệp, khổng lồ ở hai địa cực;
- Ngự trắng loá trên những chóp núi được ví là nóc nhà của thế giới;
- Tuôn chảy không ngừng với hệ thống sông ngòi được phân bố ở khắp bề mặt các lục địa;...
- Tạo cho Trái Đất một vẻ đẹp lung linh. Những bức ảnh chụp từ các tàu vũ trụ cho thấy Trái Đất không khác gì giọt nước xanh khổng lồ giữa không gian vũ trụ đen thẳm bao

Câu 3 : Tác dụng của yếu tố miêu tả như thế nào đối với việc cung cấp thông tin của đoạn văn:

- Nhấn mạnh vai trò của nước đối với sự sống trên Trái Đất
- Giúp người đọc hình dung ra mức độ giàu có của nước.
- Làm cho văn bản thông tin không khô khan, cứng nhắc mà trở nên hấp dẫn, dễ nắm bắt thông tin hơn

Câu 4: Dấu ngoặc kép đánh dấu cụm từ “**Vị thần hộ mệnh**” trong đoạn văn trên có tác dụng Đánh dấu từ ngữ hiểu theo nghĩa đặc biệt.

Câu 5 : Câu văn “*Những bức ảnh chụp từ các tàu vũ trụ cho thấy Trái Đất không khác gì giọt nước xanh khổng lồ giữa không gian vũ trụ đen thẳm bao la*” sử dụng phép tu từ so sánh.

Câu 6 : Những việc em cần làm để bảo vệ nguồn nước nơi em sinh sống:

- Sử dụng tiết kiệm nước sạch.
- Không vứt rác thải bừa bãi ra môi trường.
- Tuyên truyền với mọi người cùng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, nhất là môi trường nước.
- Phát hiện những hành vi xả thải làm ô nhiễm nguồn nước cho cơ quan chức năng biết để xử lý kịp thời

(Chấp nhận các giải pháp khác, nếu có sức thuyết phục)

- **Câu 7 :** Xác định đúng thông tin cơ bản của VB thông tin dựa trên nhan đề, sa-pô, đề mục ..
- Đánh giá hiệu quả của cách triển khai VB thông tin mà tác giả lựa chọn
- Đánh giá tính chính xác, tính mới của VB thông qua hệ thống ý, số liệu, hình ảnh..
- Nắm bắt thông điệp mà tác giả gửi gắm.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Hiện tại, hành tinh xanh – ngôi nhà chung của nhân loại – đang từng ngày từng giờ bị

tổn thương bởi nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người. Thiên nhiên đang bị tàn phá. Theo đó, màu xanh trải rộng của rừng bị co hẹp lại, nhường chỗ cho sự xâm lấn của màu xám hoang mạc nhưc nhối. Nhiều loài thú bị giết vô tội vạ giờ đã hoặc gần như tuyệt chủng. Biển bị khai thác quá mức không kịp hồi sinh, cá tôm không kịp sinh sôi nảy nở, rác thải nhựa tràn ngập giết dần giết mòn bao sinh vật biển... Do kế hoạch phát triển công nghiệp thiếu bền vững, Trái Đất đang nóng dần lên, băng ở Bắc Cực và Nam Cực đang tan chảy, khiến nước biển dâng cao, nhấn chìm nhiều thành phố, làng mạc, nhiều cánh đồng màu mỡ. Tầng ozone bị thủng nhiều chỗ, đất đai, nước, không khí bị ô nhiễm nặng nề, đe dọa sự sống của muôn loài.

Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ? Đó là câu hỏi nhưc nhối, khiến nhân loại không thể làm ngơ. Sự sống trên hành tinh xanh, trong đó có con người, đang đứng trước những thách thức to lớn.

(Trích Trái Đất - cái nôi của sự sống, Hồ Thanh Trang - Theo báo điện tử Đất Việt, Diễn đàn của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, tháng 9/2020)

Câu 1: Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

Câu 2: Hiện tại, hành tinh xanh - ngôi nhà chung của nhân loại - đang từng ngày từng giờ bị tổn thương là do nguyên nhân nào?

Câu 3: Nghĩa của từ xanh trong câu “*Sự sống trên hành tinh xanh, trong đó có con người, đang đứng trước những thách thức to lớn*” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển.

Câu 4: Câu hỏi “*Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ?*” gọi cho em suy nghĩ gì?

Câu 5. Từ thông tin trên văn bản, em hãy kể ra những việc làm cụ thể của em để góp phần bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Đoạn trích cung cấp thông tin về tình trạng Trái Đất đang bị tổn thương nghiêm trọng, thiên nhiên bị tàn phá bởi hành động của con người.

Câu 2: Hiện tại, hành tinh xanh – ngôi nhà chung của nhân loại – đang từng ngày từng giờ bị tổn thương là do nhiều hành động vô ý thức hay bất chấp tất cả của con người

Câu 3: Nghĩa của từ xanh trong câu “*Sự sống trên hành tinh xanh, trong đó có con người, đang đứng trước những thách thức to lớn*” được dùng theo nghĩa chuyển.

Câu 4: - Câu hỏi “*Trái Đất có thể chịu đựng đến bao giờ?*” xoáy sâu vào tình trạng Trái Đất đang đối mặt với những thách thức to lớn. Hành tinh chung của con người dường như đã huy động hết khả năng chịu đựng của mình trước những gì đã và đang diễn ra

- Câu hỏi khơi dậy trong lòng mọi người tinh thần trách nhiệm, không được khoanh tay đứng nhìn.

Câu 5: Những việc làm cụ thể của em để góp phần bảo vệ hành tinh xanh của chúng ta:

- Hạn chế mức tối đa sử dụng rác thải nhựa, túi ni lông, ống hút nhựa.
- Không xả rác ra môi trường, không đốt rác bừa bãi.
- Tái chế các đồ dùng bằng nhựa nhiều lần; thay thế đồ nhựa bằng đồ thủy tinh, lá cây,...
- Tham gia các chiến dịch *Giờ Trái Đất*, *Trồng thêm một cây xanh*,...
- Tắt thiết bị điện khi không sử dụng; dùng các thiết bị tiết kiệm điện năng hoặc sử dụng năng lượng mặt trời

- Cùng gia đình di chuyển bằng xe đạp hoặc đi bộ thay với khoảng cách gần thay cho xa gần máy.

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“Chiến dịch Giờ Trái Đất ban đầu chỉ nằm trong kế hoạch trong phạm vi quốc gia của Australia nhưng đã thực sự thu hút sự quan tâm của thế giới và các nước bắt đầu tham gia vào chiến dịch Giờ Trái Đất những năm sau đó.

Vào ngày 29/3/2008, Chiến dịch Giờ Trái Đất mở rộng được tổ chức ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.

Một năm sau đó (2009), chiến dịch Giờ Trái đất đã thu hút sự tham gia của hàng trăm triệu người tại hơn 4.000 thành phố và thị trấn thuộc 88 quốc gia trên thế giới cùng hành động tắt đèn trong vòng một giờ đồng hồ”

(Trích “Giờ Trái Đất” – Theo baodautu.vn)

Câu 1. Xác định thể loại của văn bản.

Câu 2. Đoạn văn đã cung cấp những số liệu nào? Tác dụng của việc sử dụng số liệu trong văn bản trên ?

Câu 3. Theo em, sự phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất, thu hút sự tham gia ngày càng lớn của các nước trên thế giới có ý nghĩa gì?

Câu 4. Ngoài chiến dịch “Giờ Trái Đất”, em còn biết thêm những việc làm nào góp phần chống biến đổi khí hậu?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Văn bản thông tin.

Câu 2:

Số liệu về thời gian: 29/3/2008,

Số liệu về _tổ chức tham gia giờ Trái Đất: ở 371 thành phố và thị trấn thuộc hơn 35 quốc gia trên thế giới với sự tham gia của hơn 50 triệu người.”

- Tác dụng:

+ Số liệu làm tăng thêm tính chính xác, thuyết phục cho những thông tin mà tác giả cung cấp trong văn bản.

+ Số liệu trên chứng tỏ vấn đề bảo vệ trái Đất là vấn đề có ý nghĩa toàn cầu, là trách nhiệm của nhân loại.

Câu 3:

Theo em, sự phát triển của chiến dịch Giờ Trái Đất, thu hút sự tham gia ngày càng lớn của các nước trên thế giới có ý nghĩa:

- Chiến dịch Giờ Trái Đất là một chiến dịch cộng đồng có ý nghĩa lớn trong việc góp phần chống biến đổi khí hậu Trái Đất.

- Ngày càng có nhiều người dân, nhiều quốc gia nhận thức được tầm quan trọng của việc phải hành động để chống biến đổi khí hậu, để bảo vệ sự bền vững của Trái Đất.

Câu 4: Ngoài chiến dịch “Giờ Trái Đất”, còn có rất nhiều những việc có thể làm để góp phần chống biến đổi khí hậu:

- Giáo dục ý thức học sinh trong nhà trường; nâng cao nhận thức của mọi người về tác hại của biến đổi khí hậu và sự cần thiết phải có những giải pháp góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.
- Trồng rừng và thật nhiều cây xanh.
- Không xả rác, đốt rác bừa bãi
- Sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng: điện, gas, khí đốt,; thay thế bằng các nguồn năng lượng sạch khác (năng lượng gió, năng lượng mặt trời)
- Sử dụng các thiết bị tự động công nghệ cao để giảm tổn hao năng lượng trong dài hạn. ...
- Sử dụng chất thải trong chăn nuôi để sản xuất biogas dùng đun nấu, vừa giảm ô nhiễm môi trường, vừa giảm thiểu CO₂.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Nước là một nhà du hành vĩ đại không ngừng thay đổi hình dạng. Nó rời khỏi biển ở thể lỏng rồi lại xuất hiện trong không khí ở thể khí, sau đó rơi xuống dưới dạng băng trên các ngọn núi. Tại đó, cuộc du hành của nước tiếp tục, nó trở lại thể lỏng, chảy trong các dòng sông lớn nhỏ, rồi lại đổ ra biển, điểm xuất phát ban đầu. Trong suốt vòng tuần hoàn này, nước đều có ích cho các sinh thể. Nước là thành phần cơ bản tạo nên các loài thực vật và động vật, trong đó có con người chúng ta, và chúng ta không thể sống thiếu nước. Chúng ta sử dụng nước từng giây từng phút, để uống, tưới tiêu, sản xuất điện,... Nước thật quý giá!

(Nhiều tác giả, Bách khoa thư thế hệ mới, NXB Dân trí, Hà Nội, 2017, tr. 28)

Câu 1: Vấn đề chính được nói đến trong đoạn trích là gì?

Câu 2: Tại sao nước lại được ví với “một nhà du hành vĩ đại”?

Câu 3: “Nước thật quý giá!” - câu kết của đoạn trích có thể gợi lên trong em những suy nghĩ gì?

Câu 4: Câu nào có thể được xem là câu chủ đề của đoạn trích?

Câu 5: Nêu nhận xét về cách triển khai vấn đề của đoạn trích (chú ý sự phát triển tiếp nối giữa 3 câu đầu và 4 câu sau).

Gợi ý trả lời

Câu 1: Vấn đề chính được nói tới trong đoạn trích là hành trình của nước trên Trái Đất và vai trò của nước đối với sự sống nói chung, con người nói riêng.

Câu 2: Nước được ví với “một nhà du hành vĩ đại” vì nó có một hành trình không ngừng nghỉ, luôn chuyển hoá từ dạng/ thể này sang dạng/ thể khác.

Câu 3: Câu kết của đoạn trích (Nước thật quý giá!) ngầm chứa lời kêu gọi bảo vệ tài nguyên nước, không sử dụng lãng phí nước, giữ sạch nguồn nước,...

Câu 4: Câu có thể được xem là câu chủ đề của đoạn trích: Nước là một nhà du hành vĩ đại không ngừng thay đổi hình dạng.

Câu 5: Cách triển khai vấn đề của đoạn trích: thoát đầu, đoạn trích nói về vòng tuần hoàn của nước, tiếp đó, chuyển sang ý nói về ích lợi của nước đối với đời sống của muôn loài, trong đó có con người. Với cách triển khai này, đoạn trích vừa làm sáng tỏ được ý nghĩa của hình tượng “nhà du hành/ vừa nêu bật được vai trò “vĩ đại” của nước - tức là những điều được song song gợi lên ngay trong câu chủ đề.

4. DạngViết ngắn

Câu 1: Dựa vào những thông tin mà em đã học, đọc, xem và nghe, hãy viết đoạn văn (khoảng 5 – 10 câu) nói về sự giàu có tài nguyên rừng và sự suy giảm nguồn tài nguyên đó ở Việt Nam.

Trả lời:

Rừng là ngôi nhà chung của tất cả chúng ta, của cả con người và các loài động vật, thực vật. Rừng không chỉ là lá phổi xanh của trái đất mà còn ngăn nước lũ, chống xói mòn, điều hòa khí hậu. Trong rừng có rất nhiều loài động thực vật hoang dã, có giá trị kinh tế, nghiên cứu khoa học cao. Rừng còn là một địa điểm du lịch thú vị cho những người ưa thích khám phá mạo hiểm. Thế nhưng hiện nay rừng lại đang bị chính những người là bạn kia phá hủy một cách nghiêm trọng. Con người vì lợi ích kinh tế đã tàn phá rừng một cách bừa bãi mà không nghĩ đến việc trồng lại rừng. Những cánh rừng xanh chỉ trong chớp mắt đã biến thành những vùng đồi núi trọc, trơ ra những gốc cây gỗ vì chặt phá. Động vật chẳng còn nơi trú ngụ, thực vật chẳng thể sinh tồn và quan trọng hơn cả là hệ sinh thái bị mất cân bằng nghiêm trọng. Chúng ta tàn phá rừng mà không hiểu rằng đang tàn phá chính cuộc sống của chúng ta. Việc bảo vệ rừng đang là một bài toán cấp bách cho các người dân cũng như các cấp chính quyền. Chúng ta hãy cùng chung tay để bảo vệ rừng, bởi đó chính là cuộc sống của chúng ta.

Câu 2: Viết đoạn văn (khoảng 5-7 câu) với chủ đề: **Để hành tinh xanh mãi xanh.**

* Nội dung đoạn văn

Đưa ra ý kiến về suy nghĩ, hành động cụ thể để bảo vệ sự sống trên Trái Đất

+ *Tại sao Trái Đất được gọi là hành tinh xanh? Từ “xanh” vốn chỉ màu sắc được chuyển nghĩa như thế nào trong trường hợp này?*

+ *Làm thế nào để Trái Đất luôn tươi đẹp và sự sống không ngừng tiếp diễn?*

* Dàn ý:

- *Mở đoạn:* dẫn dắt, giới thiệu chủ đề: **Để hành tinh xanh mãi xanh.**

- *Thân đoạn:* Hệ thống lí lẽ em dùng để thuyết phục người khác: *Những việc cần làm để Trái Đất luôn tươi đẹp và sự sống không ngừng tiếp diễn*

+ *Bằng chứng:* trồng cây xanh, chăm sóc động vật, sống gần bó với thiên nhiên, tham gia hoạt động thu gom rác, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường...

- *Kết đoạn:* Khẳng định mỗi con người “học cách” có mặt trên Trái Đất bằng những chia sẻ, lo lắng, vui buồn cùng Trái Đất để giữ màu xanh cho Trái Đất.

Đoạn văn tham khảo:

Soi ngược vào những bức tranh phong cảnh đẹp đẽ của đất nước trong thơ ca, chúng ta mới thấy mảnh đất chúng ta đang sinh sống hiện nay bị ảnh hưởng nhiều bởi những hậu quả của ô nhiễm môi trường: mùa thu se se lạnh của Hà Nội bị thay thế bởi cái nóng oi bức mà dai dẳng của mùa hạ, mực nước biển dâng cao gây lũ lụt làm thiệt hại cả về người và của, một số sinh vật tuyệt chủng vì mất nơi sinh sống, không ít người tử vong vì ô nhiễm nguồn nước và không khí,... Thật đáng buồn khi người đầu độc nhân loại và các sinh vật khác trên hành tinh lại được coi là bộ phận sở hữu những phát minh vĩ đại làm thay đổi nền văn minh trên Trái đất. Vì vậy, để hành tinh xanh mãi xanh, bảo vệ môi trường là trách nhiệm của tất cả mọi người, mọi công dân trên hành tinh xanh này. Chúng ta phải cùng nhau chung tay thì

mới có thể tạo ra tác động đủ lớn giúp đẩy lùi và ngăn chặn ô nhiễm môi trường, làm ảnh hưởng đến cuộc sống của chính bản thân và các sinh vật khác.

ÔN TẬP VĂN BẢN: CÁC LOÀI CHUNG SỐNG VỚI NHAU NHƯ THẾ NÀO?

(Ngọc Phú)

I. TÌM HIỂU CHUNG

Thể loại: VB thông tin

Xuất xứ: - Tác giả: Ngọc Phú

- Trích từ Báo Điện tử *Đất Việt*- Diễn đàn Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam, tháng 9/2020

Phương thức biểu đạt: Thuyết minh (kết hợp với yếu tố nghị luận, tự sự).

Vấn đề được đề cập: Sự đa dạng của các loài vật trên Trái Đất và trật tự trong đời sống muôn loài.

* **Bố cục:** Văn bản chia làm 3 phần:

- Phần 1: Từ đầu đến “*rất dễ bị tổn thương của nó*” Phần mở đầu

- Phần 2: Nội dung chính: tiếp theo đến “*thế giới đẹp đẽ này.*”

+ Sự đa dạng của các loài

+ Trật tự trong đời sống muôn vật muôn loài

+ Vai trò của con người đối với sự sống trên Trái Đất

- Phần 3: Kết thúc

Nghệ thuật: - Kết hợp chữ viết với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động

- Thông tin chính xác, khoa học về các loài vật trên Trái Đất thông qua các số liệu

- Trình tự trình bày thông tin theo trình tự nhân quả

- Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho VB.

Ý nghĩa: Văn bản đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên Trái Đất.

II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Các loài sinh vật và quần xã

a. Sự đa dạng

- Trái Đất hiện có khoảng trên 10 000 000 loài sinh vật. Hiện nay con người mới chỉ biết được khoảng trên 1 400 000 loài (> 300 000 thực vật và > 1 000 000 động vật).

- Con người có thể nhận định khái quát về lịch sử tiến hóa hay sự phụ thuộc lẫn nhau của muôn loài.

- Sự chênh lệch rất lớn giữa con số chỉ số lượng loài sinh vật tồn tại trên thực tế và con số chỉ số lượng loài sinh vật đã được nhận biết

* Ý nghĩa:

+ Thể hiện sự phong phú của các loài trên Trái Đất.

+ Con người chưa khám phá hết số lượng các loài trên Trái Đất.

- + Giữa các loài có sự phụ thuộc lẫn nhau.
- * Sự đa dạng của quần xã sinh vật:
- + Mỗi quần xã sinh vật là một thế giới riêng, không giống với các quần xã khác.
- + Trong nội bộ từng quần xã, có những cái riêng của nhiều loài cùng sinh sống.
- + Sự đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố.

b. Tính trật tự trong đời sống muôn vật muôn loài.

- Tính chất của loài trong quần xã
- + Loài ưu thế: như cây thông trong quần xã rừng thông
- + Loài chủ chốt: như sư tử ở các đồng cỏ hay cá sấu ở đầm nước châu Phi.
- Sự phân bố của các loài trong không gian sống:
- + Theo chiều thẳng đứng: sự phân tầng của thực vật trong rừng mưa nhiệt đới
- + Theo chiều ngang: trải ra theo bề rộng của địa hình

c. Môi quan hệ giữa các loài:

- + Quan hệ hỗ trợ: gắn liền chia sẻ cơ hội sống
- + Quan hệ đối kháng: cạnh tranh, kí sinh, ăn thịt lẫn nhau.

* Ý nghĩa:

- => Việc duy trì trật tự trong đời sống muôn loài sẽ giúp duy trì cân bằng sinh thái
- Nếu chỉ tồn tại quan hệ đối kháng, sự cân bằng trong đời sống của các loài sinh vật trong một quần xã ngay lập tức sẽ bị phá vỡ.
- Nếu quan hệ hỗ trợ luôn tồn tại bên cạnh quan hệ đối kháng thì mọi thứ đạt đến sự cân bằng, vạn vật đều có cơ hội sống

2. Vai trò của con người đối với sự sống trên Trái Đất.

- Con người cũng là một loài sinh vật, có khả năng sáng tạo, tự kiêu, coi mình là chúa tể thế giới
- Hành động của con người tác động xấu đến muôn loài: tùy ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hoá gây dựng
- => Đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ do chịu tác động xấu từ con người.
- => Vì vậy con người cần tỉnh ngộ, biết cách chung sống hài hoà với muôn loài để xây dựng lại cuộc sống bình yên vốn có trước đây của TĐ.

3. Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- Kết hợp chữ viết với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động
- Thông tin chính xác, khoa học về các loài vật trên Trái Đất thông qua các số liệu
- Trình tự trình bày thông tin theo trình tự nhân quả
- Cách mở đầu - kết thúc văn bản có sự thống nhất, hỗ trợ cho nhau tạo nên nét đặc sắc, độc đáo cho văn bản.

b. Nội dung, ý nghĩa :

- Văn bản đề cập đến vấn đề sự đa dạng của các loài vật trên Trái Đất và trật tự trong đời sống muôn loài.
- VB đã đặt ra cho con người vấn đề cần biết chung sống hài hoà với muôn loài, để bảo tồn sự đa dạng của thiên nhiên trên Trái Đất.

III. LUYỆN ĐỀ

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Trong văn bản: *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* tác giả đã nhắc đến bộ phim nào?

A. Vua Sư Tử

B. Đi tìm Nemo

C. Đô-rê-mon

D. Nàng tiên cá

Câu 2: Thể loại của văn bản: *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*

A. Văn bản thông tin

B. Văn bản nghị luận

C. Tiểu thuyết

D. Truyện ngắn

Câu 3: Văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* được trích từ?

A. Báo Tuổi trẻ

B. Báo Thanh niên

C. Báo Nhân dân

D. Báo Đất Việt

Câu 4: Tự sự là phương thức biểu đạt chính của Văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*

Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

Câu 5: Từ “quần xã” trong văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* được hiểu là?

A. Tập hợp muôn loài, trừ người

B. Tập hợp tất cả các sinh vật cùng sống trong một khu vực và thời gian nhất định

C. Một xã hội

D. Tập hợp muôn loài trên Trái Đất

Câu 6: Trong văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*, tính đa dạng ở mỗi quần xã phụ thuộc vào diện tích lãnh thổ sử dụng.

Đúng hay sai?

A. Đúng

B. Sai

2. Bài tập Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Theo ước tính của nhiều nhà khoa học, trên Trái Đất hiện có khoảng trên 10 000 000 loài sinh vật. Hiện nay, con người mới chỉ nhận biết được khoảng trên 1 400 000 loài, trong đó có hơn 300 000 loài thực vật và hơn 1 000 000 loài động vật. Rõ ràng, phải rất lâu nữa chúng ta mới lập được một danh sách sát thực tế hơn về những cư dân của hành tinh này. Dù vậy, điều đó không ngăn cản các nhà khoa học đưa ra những nhận định khái quát nhất về lịch sử tiến hoá hay sự phụ thuộc lẫn nhau của muôn loài.

(Ngọc Phú, *Các loài chung sống với nhau như thế nào?*)

Câu 1: Nội dung chính của đoạn trích là gì?

Câu 2: Tác giả đoạn trích muốn nói gì qua câu “Rõ ràng, phải rất lâu nữa chúng ta mới lập được một danh sách sát thực tế hơn về những cư dân của hành tinh này.”?

Câu 3: Các số liệu trong văn bản có tác dụng như thế nào đối với những thông tin được nêu?

Câu 4: Cụm từ “cư dân của hành tinh không chỉ nói riêng về con người” được hiểu như thế nào? Cách dùng cụm từ này trong đoạn trích gợi cho em suy nghĩ gì?

Câu 5: Từ đoạn văn, em rút ra những thông điệp gì cho bản thân?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Nội dung chính của đoạn trích nói về sự phong phú của các loài sinh vật tồn tại trên Trái Đất.

Câu 2: Qua câu “Rõ ràng, phải rất lâu nữa chúng ta mới lập được một danh sách sát thực tế hơn về những cư dân của hành tinh này.” tác giả muốn nói đến hiểu biết còn hạn chế của con người về những loài sinh vật sống trên Trái Đất. Còn rất nhiều loài chưa được con người nhận biết, nghiên cứu và đặt tên.

Câu 3: Đoạn trích đã đưa ra các số liệu cụ thể về tổng số loài sinh vật trên thực tế và số loài đã được con người nhận biết.

+ Khiến cho các thông tin được nêu trong đoạn trích tăng tính thuyết phục.

+ Giúp người đọc cảm nhận được sâu sắc về sự phong phú của các loài cũng như những nỗ lực và cả những điều con người chưa làm được trong việc lập hồ sơ về đời sống muôn loài trên Trái Đất.

Câu 4:

Trong đoạn trích, cụm từ cư dân của hành tinh không chỉ nói riêng về con người. Nó thể hiện cái nhìn thấu đáo, vừa khoa học, vừa nhân văn về mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau giữa các loài. Như vậy, loài nào cũng có quyền sống - điều không thể bị tước đoạt vì bất cứ lí do gì. Muôn vật đều được hành tinh nuôi dưỡng, che chở và ngược lại, tất cả đã làm cho Trái Đất - ngôi nhà chung của chúng ta có được một sức sống và vẻ đẹp hiếm nơi nào có được.

Câu 5: Thông điệp từ đoạn văn:

- Hãy biết trân trọng, sống hòa hợp với thiên nhiên xung quanh.
- Hãy chung tay bảo vệ Trái Đất ngôi nhà chung của chúng ta
- con người cần tỉnh ngộ, dừng những hành vi làm tổn thương đến Trái Đất, đến muôn vật, muôn loài.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Trên Trái Đất con người cũng chỉ là một loài sinh vật. Qua quá trình lịch sử lâu dài, con người đã bộc lộ khả năng sáng tạo vô tận và xã hội loài người ngày càng phát triển phức tạp. Con người trở nên quá tự kiêu, thấy mình là chúa tể của cả thế giới, có thể tùy ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hóa đã bền bỉ gây dựng. Chính vì điều này mà sự cân bằng trong đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ, thêm vào đó, những yếu tố vô sinh của môi trường cũng chịu những tác động xấu. Hiện nay, có vẻ như con người bắt đầu tỉnh ngộ, biết nhìn nhận vấn đề một cách sáng suốt hơn, biết tìm cách sống hài hòa với muôn loài, nói chung là với tất cả những gì làm nên thế giới đẹp đẽ này.

(Ngọc Phú, Các loài chung sống với nhau như thế nào?)

Câu 1: Xác định thể loại của văn bản có đoạn văn trên.

Câu 2: Theo tác giả, những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài như thế nào?

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của thành phần trạng ngữ trong câu văn: “Qua quá trình lịch sử lâu dài, con người đã bộc lộ khả năng sáng tạo vô tận và xã hội loài người ngày càng phát triển phức tạp”?

Câu 4: Giả sử, em là một tình nguyện viên tham gia chiến dịch bảo vệ môi trường, em sẽ nói

với các bạn về những việc làm nhỏ nào mà lại có ý nghĩa lớn góp phần bảo vệ môi trường ?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Thể loại của văn bản có đoạn văn trên: Văn bản thông tin.

Câu 2: Theo tác giả, những bước tiến vượt bậc của nhân loại có ảnh hưởng đến cuộc sống của muôn loài như:

- Tùy ý xếp đặt lại trật tự mà tạo hóa đã bền bỉ gây dựng
- Sự cân bằng trong đời sống muôn loài bị xáo trộn, phá vỡ
- Những yếu tố vô sinh của môi trường cũng chịu những tác động xấu.

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của thành phần trạng ngữ trong câu văn: “Qua quá trình lịch sử lâu dài, con người đã bộc lộ khả năng sáng tạo vô tận và xã hội loài người ngày càng phát triển phức tạp”?

- Trạng ngữ trong câu văn là: *Qua quá trình lịch sử lâu dài*
- Tác dụng: Bổ sung cho câu về mặt thời gian.

Câu 4: Giả sử, em là một tình nguyện viên tham gia chiến dịch bảo vệ môi trường, em sẽ nói với các bạn về những việc nhỏ có ý nghĩa lớn góp phần bảo vệ môi trường như:

- Hãy sử dụng xe đạp đến trường thay bằng việc đi lại bằng phương tiện xe máy, ô tô.
- Hạn chế tiến tới không sử dụng bao bì ni lông và ống nhựa, chai nhựa,...
- Tham gia chăm sóc cây xanh ở trường và ở nhà
- Sẵn sàng tham gia dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm, trường học,...
- Bảo vệ môi trường đi đôi với phát triển kinh tế.
- Dùng các chai lọ nhựa qua sử dụng để trồng cây xanh nhỏ, tạo cảnh quan xanh sạch đẹp cho ngôi trường, ngôi nhà của mình.

3. Ngữ liệu Đọc Hiểu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau đây và trả lời câu hỏi:

Biển Đông có đa dạng loài sinh vật biển rất cao và nguồn lợi sinh vật biển phong phú với hơn 160 000 loài, bao gồm 10 000 loài thực vật và 260 loài chim biển. Trữ lượng các loài động vật biển ước tính khoảng 32,5 tỉ tấn, trong đó các loài cá chiếm 86% tổng trữ lượng. Trong vùng biển này còn có nhiều loài động vật quý hiếm, như đồi mồi, rắn biển, chim biển và thú biển. Ngoài ra, Biển Đông còn cung cấp nhiều loài rong biển có giá trị kinh tế. Riêng biển Việt Nam đã có khoảng 638 loài rong biển. Đây là nguồn thực phẩm giàu dinh dưỡng và là nguồn dược liệu phong phú đặc trưng cho một vùng biển nhiệt đới.

(Theo Nguyễn Chu Hồi (Chủ biên), *An ninh môi trường và hoà bình ở Biển Đông*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội, 2019, tr. 34 - 35)

Câu 1. Thông tin chính mà đoạn trích đưa đến cho người đọc là gì?

Câu 2. Đặc trưng nào của văn bản thông tin đã được thể hiện đậm nét qua đoạn trích?

Câu 3. Hãy so sánh cách nói về “biển bạc” trong đoạn trích trên và trong đoạn thơ sau đây của Huy Cận để rút ra nhận xét về sự khác biệt giữa văn bản thông tin và văn bản văn học:

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,*

Cái đuôi em quấy trắng vàng choé

Đêm thờ: sao lùa nước Hạ Long.

(Đoàn thuyền đánh cá)

Câu 4. Những thông tin về sự phong phú của sinh vật biển ở Biển Đông có ý nghĩa như thế nào đối với nhận thức và hành động của chúng ta hôm nay?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Đoạn trích cho biết sự đa dạng loài cũng như trữ lượng dồi dào của sinh vật biển ở Biển Đông và lợi ích kinh tế của việc khai thác nguồn tài nguyên này.

Câu 2. Sử dụng nhiều số liệu cụ thể để làm tăng tính thuyết phục của vấn đề được nói tới, đó là một trong những đặc trưng nổi bật của văn bản thông tin. Trong đoạn trích này, đặc trưng đó đã được thể hiện rõ nét, khi tác giả đưa ra nhiều con số chứng minh Biển Đông là nơi có sự đa dạng sinh học cao và trữ lượng sinh vật biển rất lớn.

Câu 3. Đoạn trích đang phân tích và đoạn thơ của Huy Cận không thuộc cùng một loại văn bản. Đoạn trích (Biển Đông có... nhiệt đới) thuộc loại văn bản thông tin, rất quan tâm tới tính xác thực của điều được nói tới, vì vậy, đã chú ý đưa ra hàng loạt số liệu cụ thể. Còn đoạn thơ của Huy Cận thuộc loại văn bản văn học, tuy có sử dụng hình thức liệt kê nhưng không nhằm đưa ra một danh sách đầy đủ về đối tượng mà chỉ cốt gợi mở và khơi dậy những rung động thẩm mỹ ở độc giả.

Câu 4. Những thông tin nói về sự phong phú của sinh vật biển ở Biển Đông giúp ta:

- Nhận thức được đầy đủ hơn về tầm quan trọng của Biển Đông đối với tương lai phát triển của đất nước. Tài liệu của Nhung tây
- Khơi dậy ở ta ý thức bảo vệ chủ quyền biển đảo, quyết không để bất cứ thế lực ngoại bang nào xâm phạm, chiếm đoạt phần lãnh hải thiêng liêng của Tổ quốc.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Lễ cúng Thần Lúa (Lễ Sa Yang Va) là lễ hội truyền thống của người Chơ-ro được tổ chức định kỳ hằng năm, thường diễn ra từ ngày 15 đến 30 tháng 3 âm lịch, sau khi thu hoạch. Đây là lễ hội lớn nhất của cộng đồng, là dịp để đồng bào Chơ-ro tạ ơn thần linh đã cho một mùa bội thu, cầu xin mưa thuận gió hoà để mùa vụ năm sau nhà nhà được no đủ.

Lễ cúng bắt đầu bằng việc làm cây nêu. Trong lễ cúng Thần Lúa, cây nêu là biểu trưng nhiều ý nghĩa, thể hiện mối giao hoà giữa con người với thần linh, sự giao cảm của con người với con người và những ước vọng chính đáng về cuộc sống ổn định, phồn vinh. Cây nêu làm từ cây vàng nghệ, thân buộc lá dứa. Ngọn của cây nêu có hình bông lúa lớn, phía trên gắn chùm lúa nhiều hạt và bốn tia toả ra bốn hướng: hai tia gắn lông chim chèo bẻo (biểu tượng cho sự mạnh mẽ, khôn ngoan); hai tia gắn lông gà (biểu tượng cho sự sung túc của gia chủ).

(Trích Lễ cúng Thần Lúa của người Chơ-ro, Văn Quang, Văn Tuyên)

Câu 1: Xác định thể loại của đoạn trích.

Câu 2: Đoạn trích trên cung cấp thông tin về sự kiện gì, diễn ra khi nào?

Câu 3: Lễ hội cúng Thần Lúa được người Chơ-ro được tổ chức nhằm mục đích gì?

Câu 4: Cây nêu trong lễ cúng Thần Lúa được làm từ các nguyên liệu gì và có ý nghĩa gì?

Câu 5: Em hãy chia sẻ vài nét về một lễ hội về cây lúa ở địa phương em hoặc địa phương

khác mà em biết. Tài liệu của Nhung tây

Gợi ý câu trả lời:

Câu 1: Văn bản thông tin

Câu 2: Đoạn trích trên cung cấp thông tin về sự kiện Lễ cúng Thần Lúa của đồng bào Chơ-ro (*Lễ Sa Yang Va*) thường diễn ra từ ngày 15 đến 30 tháng 3 âm lịch, sau khi thu hoạch.

Câu 3: Lễ hội cúng Thần Lúa được người Chơ-ro được tổ chức nhằm mục đích *tạ ơn thần linh đã cho một mùa bội thu, cầu xin mưa thuận gió hoà để mùa vụ năm sau nhà nhà được no đủ. Tài liệu của Nhung tây*

Câu 4:

- Cây nêu trong lễ hội được làm từ cây vàng nghệ, thân buộc lá dứa, trên gắn chùm lúa nhiều hạt, gắn lông chim chào bèo, lông gà ở các tia phía trên.
- Ý nghĩa của cây nêu: cây nêu là biểu trưng nhiều ý nghĩa, thể hiện mối gian hoà giữa con người với thần linh, sự giao cảm của con người với con người và những ước vọng chính đáng về cuộc sống ổn định, phồn vinh.

Câu 5: GV có thể giao câu hỏi 5 về nhà để HS tìm hiểu.

- Một số lễ hội về cây lúa: *Lễ rước Thần Lúa ở hội Trò Trám (huyện Lâm Thao, Phú Thọ); Lễ cơm mới (xế xự hú) người Hà Nhì ở Lai Châu; đồng bào H'rê ở làng Vi Ô Lắc tổ chức nhiều nghi lễ liên quan đến việc trồng cây, thu hoạch lúa như: lễ đón bầu nước thiêng, gieo mạ, cấy lúa, thu hoạch lúa, đón lúa về kho...*
- HS tìm hiểu và chia sẻ hiểu biết về một lễ hội.

4. Dạng Viết ngắn:

Yêu cầu: Hãy viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) với chủ đề: *Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau.*

* Tìm ý

- Nội dung đoạn văn: Đưa ra ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để khẳng định mối quan hệ gắn bó và tác động qua lại giữa muôn loài.
- *Tại sao trên hành tinh này, muôn loài đều cần thiết cho nhau?*
- + *Muôn vật muôn loài: là tất cả sinh vật trên hành tinh này.*
- + *Các nhà khoa học đều khẳng định tồn tại sự phụ thuộc giữa muôn vật, muôn loài, dù chúng là những quần xã riêng, có đặc điểm riêng.*
- + *Trật tự giữa muôn vật muôn loài được thể hiện phong phú nhưng đều cùng sinh sống, cùng phát triển, ràng buộc lẫn nhau dù trong quan hệ đối kháng hay hỗ trợ.*
- + *Hãy tôn trọng thiên nhiên và có ý thức xây dựng mối quan hệ gần gũi, gắn bó với thiên nhiên chính là con người đang bảo vệ chính mình.*

* Dàn ý:

- Mở đoạn: nêu chủ đề: Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau
 - Thân đoạn: Hệ thống lí lẽ em dùng để thuyết phục muôn loài đều cần thiết cho nhau
 - Kết đoạn: Mỗi người cần nâng cao ý thức bảo vệ thiên nhiên, biết cách chung sống với muôn vật, muôn loài.
- * Hình thức đoạn văn.

Tham khảo:

Trên hành tinh đẹp đẽ này, muôn loài đều cần thiết cho nhau. Trước hết, cần hiểu muôn vật muôn loài là tất cả sinh vật trên hành tinh này. Muôn loài đều cần thiết cho nhau tức là

đều có mối quan hệ chặt chẽ, tác động và phụ thuộc lẫn nhau. Các nhà khoa học đều khẳng định tồn tại sự phụ thuộc giữa muôn vật, muôn loài, dù chúng là những quần xã riêng, có đặc điểm riêng. Trật tự giữa muôn vật muôn loài được thể hiện phong phú nhưng đều cùng sinh sống, cùng phát triển, ràng buộc lẫn nhau dù trong quan hệ đối kháng hay hỗ trợ. Do đó, chúng ta hãy tôn trọng thiên nhiên và có ý thức xây dựng mối quan hệ gần gũi, gắn bó với thiên nhiên chính là con người đang bảo vệ chính mình.

ÔN TẬP VĂN BẢN: TRÁI ĐẤT

(Ra- Xun Gam - Da- Tốp)

I. KIẾN THỨC CƠ BẢN VỀ VĂN BẢN

1. Tác giả tác phẩm

- **Tác giả:** Ra-xun Gam-da-tốp (1923 - 2003)
- Quốc tịch: Người dân tộc Avar, nước Cộng hòa Đa-ghe-xtan, thuộc Liên Bang Nga.
- Thơ ông tràn đầy tình yêu với quê hương, con người, sự sống và hướng tới việc xây đắp tình hữu nghị giữa các dân tộc.

Xuất xứ: Bài thơ *Trái Đất* viết năm 1967 bằng tiếng Avar. Bản dịch ra tiếng Việt của Minh Tâm được thực hiện dựa trên bản dịch tiếng Nga của Na-um Grep-nhi-ốp.

Thể loại: Thơ trữ tình

- PTBD chính: Biểu cảm
- Nhân vật trữ tình: “tôi”- tác giả

Chủ đề: Tình yêu với Trái Đất và khẳng định sự cần thiết chung tay bảo vệ Trái Đất ngôi nhà chung của chúng ta

Bố cục : Văn bản có 8 câu thơ chia làm 2 khổ

- Khổ 1: Bốn câu đầu: Thái độ của nhà thơ đối với những kẻ đang hủy hoại Trái Đất
- Khổ 2: Bốn câu sau: Thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất

Nghệ thuật: - Thể loại thơ dễ dàng bộc bạch thái độ, cảm xúc

- So sánh, miêu tả sinh động: hình ảnh Trái Đất với hình ảnh cụ thể, sinh động (quả dưa, quả bóng, khuôn mặt thân thương)
- Hình ảnh thơ có sức gợi tả, lay động mạnh mẽ “lau nước mắt”, “rửa sạch máu”.
- Giọng thơ trò chuyện, đối thoại, giàu cảm xúc.

Ý nghĩa: Thực trạng Trái Đất đang bị con người xâu xé, độc chiếm, hủy hoại, gây tổn thương nghiêm trọng.

- Tình yêu Trái Đất và khao khát muốn bảo vệ, nâng niu, giữ gìn vẻ đẹp và sự bình yên cho ngôi nhà chung của loài người.

II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Khổ 1: Bốn câu đầu:

- Thái độ của nhà thơ đối với những kẻ đang hủy hoại Trái Đất

* Những cách hành xử của con người đối với Trái Đất

+ Cách nhìn nhận về Trái Đất:

Xem là quả dưa: bổ, cắt thành muôn mảnh nhỏ.

Xem như quả bóng trên sân: giành giật, lao vào đá.

+ Hành động: bỏ, cắn, giành giật, lao vào, đá, đá

Điểm chung: Đều muốn độc chiếm Trái Đất, nghĩa là muốn phá hủy ngôi nhà chung của chúng ta. Trái Đất bị biến thành miếng mồi để bọn người xấu xâm chiếm, khai thác, giành giật.

* Thái độ của tác giả đối với chúng:

+ Được tác giả gọi là "bọn", "lũ".

=> Thái độ tác giả căm phẫn, khinh bỉ, lên án với những kẻ hủy hoại Trái Đất

2. Khổ 2: Thái độ của nhà thơ đối với Trái Đất

- Hình dung của tác giả:

+ "chẳng là dưa, là bóng". → Từ phủ định, điệp từ "là".

+ "khuôn mặt thân thương".

Với nhà thơ, Trái Đất giống như một con người có xúc cảm (có tâm trạng, nỗi khổ đau), và là một số phận đau khổ (có gương mặt thân thương)

- Xưng hô: “Trái Đất!” được gọi là “người” cách xưng hô tôn kính— nhân hóa Trái Đất như một con người, tác giả đã tưởng tượng, hư cấu ra một cuộc đối thoại giữa mình và Trái Đất, để tâm sự, chia sẻ...

- Hành động:

+ "lau" nước mắt, "xin đừng khóc nữa".

+ "Rửa máu sạch", "hát", "dịu dàng".

- Nhìn, nghĩ về Trái Đất, nhà thơ nghĩ đến “nước mắt” và “máu”

+ Hình ảnh ẩn dụ để nói đến tình trạng Trái Đất bị hủy hoại, giành giật, khai thác... quá mức khiến Trái Đất bị tổn thương nghiêm trọng.

=> Thái độ của nhà thơ đối với Trái đất: đau xót, lo lắng, ưu tư, vô về những tổn thương, đau đớn mà Trái Đất đang gánh chịu.

* Những cách hình dung và thái độ cư xử với Trái Đất:

- Thực trạng Trái Đất

+ Trái Đất được nhìn nhận như vật sở hữu, một vật vô tri, vô giác

+ Là miếng ăn, miếng mồi

=> Trái Đất đang bị đối xử thô bạo, thiếu hiểu biết

- Trái Đất trong cảm xúc của nhà thơ

+ Trái Đất được hình dung như một con người, có cảm xúc, vừa là số phận đau khổ

+ Trái Đất là đối tượng cần được chia sẻ, yêu thương

=> Cách cư xử nhân văn, hiểu biết

=> Tình yêu của nhà thơ với Trái Đất- ngôi nhà chung của chúng ta.

3. Đánh giá khái quát

a. Nghệ thuật:

- Thể loại thơ dễ dàng bộc bạch thái độ, cảm xúc

- So sánh, miêu tả sinh động: hình ảnh Trái Đất với hình ảnh cụ thể, sinh động (quả dưa, quả bóng, khuôn mặt thân thương)

- Hình ảnh thơ có sức gợi tả, lay động mạnh mẽ “lau nước mắt”, “rửa sạch máu”.— Giọng thơ trò chuyện, đối thoại, giàu cảm xúc.

b. Nội dung, ý nghĩa:

- Thực trạng Trái Đất đang bị con người xâu xé, độc chiếm, hủy hoại, gây tổn thương nghiêm trọng.
- Tình yêu Trái Đất và khao khát muốn bảo vệ, nâng niu, giữ gìn vẻ đẹp và sự bình yên cho ngôi nhà chung của loài người.

III. LUYỆN TẬP

1. Bài tập trắc nghiệm

2. Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc lại cả bài thơ Trái Đất của nhà thơ Ra-xun Gam-da-tốp và trả lời câu hỏi

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản ?

Câu 2: Gọi tên và nêu tác dụng của phép tu từ trong hình ảnh “máu”, “nước mắt” xuất hiện ở hai câu thơ sau:

*“Nước mắt người tôi lau- xin đừng khóc nữa
Rửa sạch máu cho người đây, tôi hát dịu dàng.”*

Câu 3: Tìm ra điểm giống nhau về ý nghĩa được đặt ra qua 3 VB đã đọc trong bài 9.

Câu 4: Cùng đưa ra một thông điệp giống nhiều văn bản khác, nhưng bài thơ Trái Đất vẫn có sự độc đáo, hấp dẫn riêng. Theo em, những gì đã tạo nên sự độc đáo, hấp dẫn riêng đó?

Câu 5: Theo em để cùng "lau nước mắt", "rửa sạch máu" cho Trái Đất, mỗi người chúng ta cần phải làm gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản: Biểu cảm

Câu 2: hình ảnh “máu”, “nước mắt” xuất hiện ở hai câu thơ trên là hình ảnh ẩn dụ

+ Hình ảnh ẩn dụ để nói đến trước tình trạng Trái Đất bị hủy hoại, giành giật, khai thác... quá mức khiến Trái Đất bị tổn thương nghiêm trọng.

+ **Nhà thơ bày tỏ thái độ và cảm xúc của mình đối với Trái đất:** đau xót, lo lắng, ưu tư, vồ về những tổn thương, đau đớn mà Trái Đất đang gánh chịu

+ Làm cho câu thơ sinh động, gợi hình, gợi cảm...

Câu 3: Tìm ra điểm giống nhau về ý nghĩa được đặt ra qua 3 VB đã đọc trong bài 9.

- Dù khác nhau về thể loại nhưng cả 3 VB đều hướng tới chủ đề đều

+ thể hiện tình yêu đối với Trái Đất - hành tinh xanh, nơi sinh sống của muôn loài.

+ Thực trạng về việc con người đang ngày một phá hủy môi trường sống của mình.

+ Đặt ra vấn đề nhức nhối, cấp bách đó là Trái Đất liệu không biết chịu đựng được đến bao giờ. Từ đó, dấy lên hồi chuông thức tỉnh về trách nhiệm bảo vệ Trái Đất của mỗi con người chúng ta.

Câu 4:

Văn bản thông tin	Văn bản trữ tình
- Kết hợp chữ viết với tranh ảnh để văn bản thông tin sinh động	- Hình tượng độc đáo, tình cảm sâu sắc, liên tưởng, so sánh bất ngờ thú vị.
- Thông tin chính xác, khoa học, thông qua các số liệu về đối tượng.	- Giọng thơ trò chuyện, đối thoại tâm tình với Trái Đất
- Trình tự trình bày thông tin theo trình tự	- Ý nghĩa triết lí thâm trầm, sâu sắc.

nhân quả.

- Bố cục phần rõ ràng

Câu 5: Theo em đề cùng "lau nước mắt", "rửa sạch máu" cho Trái Đất, mỗi người chúng ta cần phải:

- Trồng và bảo vệ cây xanh.
- Hạn chế sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật.
- Rút các loại phích cắm điện khỏi ổ cắm, tránh lãng phí điện năng.
- Sử dụng sản phẩm tái chế, giảm sử dụng túi ni lông.
- Sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện cho gia đình.
- Hạn chế sử dụng bao bì ni lông và rác thải nhựa.

3. Đọc Hiểu ngữ liệu ngoài SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

(.. ..) Làng tôi không thiếu gì các loại cây nhưng hai cây phong này khác hẳn - chúng có tiếng nói riêng và hẳn phải có một tâm hồn riêng, chan chứa những lời ca êm dịu. Dù ta tới đây vào lúc nào, ban ngày hay ban đêm chúng cũng nghiêng ngả thân cây, lay động lá cành, không ngớt tiếng rì rào theo nhiều cung bậc khác nhau. Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại thở dài một lượt như thương tiếc người nào. Và khi mây đen kéo đến cùng với bão dông, xô gãy cành, tỉa trụi lá, hai cây phong nghiêng ngả tấm thân dẻo dai và reo vù vù như một ngọn lửa bốc cháy rừng rực.

Về sau, khi nhiều năm đã trôi qua, tôi mới hiểu được điều bí ẩn của hai cây phong. Chẳng qua chúng đứng trên đồi cao lộng gió nên đáp lại bất kì chuyển động khe khẽ nào của không khí, mỗi chiếc lá nhỏ đều nhạy bén đón lấy mọi làn gió nhẹ thoảng qua.

Nhưng việc khám phá ra chân lí giản đơn ấy vẫn không làm tôi vỡ mộng xưa, không làm tôi bỏ mất cách cảm thụ của tuổi thơ mà tôi còn giữ tới tận ngày nay. Và cho đến tận ngày nay tôi vẫn thấy hai cây phong trên đồi có một vẻ sinh động, khác thường. Tuổi trẻ của tôi đã để lại nơi ấy, bên cạnh chúng như những mảnh vỡ của chiếc gương thần xanh.

(Trích Người thầy đầu tiên, Ai-ma-tốp)

Câu 1. Chỉ ra và nêu tác dụng của ngôi kể trong đoạn trích.

Câu 2. Tìm ít nhất hai từ miêu tả âm thanh thanh và hai từ miêu tả hình ảnh của những cây phong trong đoạn trích. Nêu tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung.

Câu 3. Nêu tác dụng của biện pháp so sánh trong câu văn sau:

“Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại thở dài một lượt như thương tiếc người nào.”

Câu 4. Qua đoạn trích, em có nhận xét gì về tình cảm của người viết dành cho hai cây phong?

Câu 5. Theo em, thiên nhiên có vai trò như thế nào đối với tuổi thơ mỗi người?

Câu 6. Hãy chia sẻ về một hình ảnh thiên nhiên đã gắn bó với tuổi thơ của em. (3 – 5 dòng).

Câu 1:

- Ngôi kể: ngôi thứ nhất (người kể xưng “tôi”)
- Tác dụng của ngôi kể thứ nhất:
 - + Giúp cho câu chuyện trở nên chân thực, hấp dẫn.
 - + Giúp câu chuyện giàu cảm xúc hơn

Câu 2:

- Từ miêu tả âm thanh của hai cây phong: *rì rào, vù vù, thì thầm*
- Từ miêu tả hình ảnh của hai cây phong: *đẻo dai, nghiêng ngả*
- Tác dụng:
 - + Hình ảnh hai cây phong hiện lên sinh động, hấp dẫn
 - + Làm nổi bật vẻ đẹp tâm hồn đa dạng, phong phú của hai cây phong qua cảm nhận của nhân vật “tôi”

Câu 3: Câu văn: *“Có khi tưởng chừng như một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát, có khi lại nghe như một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình, có khi hai cây phong bỗng im bặt một thoáng, rồi khắp lá cành lại thở dài một lượt như thương tiếc người nào.”*

- Phép so sánh: Âm thanh của hai cây phong được so sánh với:
 - + *Một làn sóng thủy triều dâng lên vỗ vào bãi cát*
 - + *Một tiếng thì thầm thiết tha nồng thắm truyền qua lá cành như một đốm lửa vô hình*
 - + *Âm thanh im bặt như thương tiếc người nào*
- Tác dụng:
 - + Nhấn mạnh vẻ đẹp đa dạng của cây phong, cây phong như có hồn người, có tâm hồn riêng và tiếng nói riêng.
 - + Làm cho cách diễn đạt thêm sinh động, gợi hình, gợi cảm.

Câu 4: HS đưa ra nhận xét về tình cảm của người viết.

Gợi ý: Hai cây phong được miêu tả không chỉ bằng ngòi bút tinh tế mà còn bằng một trái tim yêu thiên nhiên, yêu quê hương sâu sắc. Tình yêu tha thiết dành cho hai cây phong tuôn chảy không ngừng dưới ngòi bút tinh tế của nhà văn đã mang lại cho hai cây phong đời sống tâm hồn phong phú như con người. Người viết đã phát huy cao độ trí tưởng tượng bay bổng và cảm xúc say mê nồng nhiệt của mình vào việc thể hiện vẻ đẹp lạ thường của hai cây phong.

Câu 5: Gợi ý

- Thiên nhiên là người bạn gắn bó với con người từ ấu thơ đến khi trưởng thành. Thiên nhiên lắng nghe tâm tư, suy nghĩ của tuổi thơ, gắn với những kỉ niệm ấu thơ bên bạn bè, người thân,...
- Thiên nhiên bồi đắp nên sự phong phú trong tâm hồn mỗi người, nuôi dưỡng những tình cảm cao đẹp (tình yêu quê hương, bạn bè, tình yêu gia đình).

Câu 6. HS chia sẻ về hình ảnh thiên nhiên gắn bó với bản thân: cánh đồng, cây đa, đầm sen,

**ÔN TẬP VĂN BẢN: SINH VẬT ĐƯỢC HÌNH THÀNH
TRÊN TRÁI ĐẤT NHƯ THẾ NÀO?**

1. Tác giả, tác phẩm

- Tác giả: Nguyễn Quang Riệu (1932 - 2021) là nhà vật lý thiên văn gốc Việt nổi tiếng thế giới, sống và làm việc chủ yếu tại Cộng hòa Pháp.

- Tác phẩm: Trích Bầu trời và tuổi thơ, NXB Giáo dục, 2002).

ó thể chia văn bản thành 2 phần:

- Phần 1 (Từ đầu đến ...*vật lý, hóa học và sinh học*): Giới thiệu vấn đề nguồn gốc sự sống

- Phần 2 (Còn lại): Nguồn gốc sự hình thành các sinh vật

Nội dung chính

Văn bản nêu ra những tranh luận về quá trình hình thành Trái Đất: khí quyển, vi sinh vật, những phản ứng hóa học,...

* **Tóm tắt:** Văn bản đưa ra những nguyên nhân được cho là dẫn tới sự hình thành sinh vật trên Trái Đất. Đầu tiên cho rằng khí thủy nguyên có thể tạo ra các loài phân tử hữu cơ có trong tế bào. Có giả thuyết khác cho rằng bụi từ những sao chổi và thiên thạch đã gieo rắc trên hành tinh của chúng ta, mầm mống của sự sống dưới dạng vi sinh vật. Sự cộng sinh giữa giới động vật và thực vật trên Trái Đất đã được thực hiện nhờ tác động hữu ích của Mặt Trời. Một số nhà khoa học còn cho rằng sinh vật trên Trái Đất còn có thể xuất phát từ những vi sinh vật sống tận dưới đáy biển.

II. PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1. Khí quyển và nguồn gốc sự sống Trái Đất

- Khí quyển khi Trái Đất vừa được hình thành (cách đây 4,6 tỉ năm) bao gồm H_2 , NH_3 , CH_4 , H_2O (hơi nước).

- Có ý kiến cho rằng khí quyển nguyên thủy có thể tạo ra những loại phân tử hữu cơ trong tế bào → Nhà hóa học Min-ler cách đây nửa thế kỉ đã chứng minh điều đó.

- Có ý kiến khác cho rằng bụi từ sao chổi và thiên thạch gieo rắc lên hành tinh mầm mống dưới dạng vi sinh vật.

→ Vấn đề nguồn gốc vẫn được tranh luận.

2. Quy trình tạo ra sự sống trên Trái Đất

- Nước là dung môi hòa tan những phân tử, dẫn đến sự nảy nở của sự sống.

- Dưới ánh sáng Mặt Trời, khí các-bon-níc kết hợp với nước biến thành glu-cô và ô-xi. Khí ô-xi bốc lên khí quyển và duy trì sự sống trên Trái Đất. Sự hô hấp của sinh vật, sự cộng sinh giữa giới động vật và thực vật được thực hiện nhờ quy trình trên.

- Vi sinh vật sinh ra và phát triển ở những điều kiện khắc nghiệt, được nuôi dưỡng bằng những vật chất phun ra từ lòng Trái Đất. Các nhà khoa học phân vân và cho rằng sinh vật trên Trái Đất có thể xuất phát từ vi sinh vật sinh sống tận dưới đáy biển.

3. Đánh giá

+ Nội dung

Văn bản nêu ra những tranh luận về quá trình hình thành Trái Đất: khí quyển, vi sinh vật, những phản ứng hóa học,...

+ Nghệ thuật

Văn bản đa phương tiện kết hợp những kiến thức hóa học, địa lý học,...

III. LUYỆN TẬP

1. Dạng bài trắc nghiệm:

Câu 1: Nhà nghiên cứu Min – lơ tổng hợp những loại khí nguyên thủy trong phòng thí nghiệm nhằm mục đích gì?

- A. Để điều chế a-xít a-min- thành phần của chất đạm trong cơ thể
- B. Để nghiên cứu thực trạng khí quyển Trái Đất cách đây 4,6 tỷ năm
- C. Để chứng minh khí quyển nguyên thủy có thể làm nảy mầm sự sống**
- D. Để tạo ra những loại phân tử hữu cơ trong tế bào

Câu 2. Từ nào trong câu văn trên có nghĩa là: hiện tượng sống chung có lợi, hỗ trợ lẫn nhau giữa các loài động vật hay thực vật cùng tồn tại trong một môi trường.

- A. Cộng sinh
- B. Vô sinh
- C. Sinh vật
- D. Sinh sản

Câu 3 Từ nào mượn từ tiếng Hán?

- A. Trái Đất
- B. Thiên Thạch**
- C. Sao chổi
- D. Mặt Trời

Câu 4 Từ nào không thuộc nhóm từ nói về các loài sinh vật?

- A. Động vật
- B. Thực vật
- C. Sự sống**
- D. Côn trùng

2. Dạng bài Đọc Hiểu ngữ liệu SGK

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Nước, một thành phần thiết yếu của những phản ứng hóa học, là dung môi có khả năng hòa tan những phân tử, dẫn đến sự nảy nở của sự sống. Dưới ánh sáng Mặt Trời, khí các – bô – níc kết hợp với nước để biến thành glu-cô (đường) và ô-xi. Khí ô-xi bốc lên khí quyển và duy trì sự sống trên Trái Đất. Sự hô hấp của sinh vật dùng ô-xi để “đốt” glu-cô và sản xuất ra hơi nước và khí các-bô-níc cần thiết cho thực vật. Sự cộng sinh giữa giới động vật và thực vật trên Trái Đất đã được thực hiện nhờ tác động hữu ích của Mặt Trời.

(Nguyễn Quang Riệu, Sinh vật trên Trái Đất được hình thành như thế nào?)

Câu 1: Theo em, từ nào có thể được xem là từ khóa của đoạn trích?

Câu 2: Đoạn trích đã cho biết hai điều kiện cơ bản nhất dẫn đến “sự nảy nở của sự sống” trên Trái Đất. Hai điều kiện đó là gì?

Câu 3: Dựa vào các cụm từ: dẫn đến sự nảy nở của sự sống (câu 1), duy trì sự sống trên Trái Đất (câu 3), cần thiết cho thực vật (câu 4), hãy nêu định hướng tổ chức nội dung phần viết này của tác giả.

Câu 4: Trong các từ mượn được tác giả sử dụng trong đoạn trích, từ nào không mượn từ tiếng Hán?

Gợi ý trả lời:

Câu 1: Nước là từ có thể được xem như từ khóa trong đoạn trích.

Câu 2: Theo tác giả đoạn trích, hai điều kiện cơ bản nhất dẫn đến “sự nảy nở của sự sống” trên Trái Đất là nước và mặt trời.

Câu 3: Các cụm từ: dẫn đến sự nảy nở của sự sống (câu 1), duy trì sự sống trên Trái Đất (câu 3), cần thiết cho thực vật (câu 4) cho thấy rõ định hướng tổ chức nội dung đoạn văn được trích của tác giả. Đó là, tất cả phải hướng vào việc trả lời câu hỏi then chốt: Các sinh vật trên Trái Đất đã nảy sinh và phát triển dựa trên những điều kiện nào?

Câu 4:

Đoạn trích có nhiều từ mượn, có gốc ở tiếng Hán hoặc các ngôn ngữ châu Âu.

Trong số đó, những từ không mượn từ tiếng Hán là: *các-bô-níc*, *glu-cô*, *ô-xi*. Các từ này đều giống nhau ở điểm: các âm tiết tạo nên từ được viết tách ra và giữa chúng có gạch nối.

4. Dạng viết ngắn**Đề bài: Viết đoạn văn cảm nhận về bài thơ trái đất**

Bài thơ “Trái Đất” của nhà thơ Gam-da-tốp đã để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc. Trên thực tế, Trái Đất giống như người mẹ, đem đến sự sống cho con người. Vậy nhưng con người lại có những hành động làm tổn thương Trái Đất. Trong khổ thơ thứ nhất, tác giả đã lên án những kẻ đã và đang hủy hoại Trái Đất. Nhà thơ gọi Trái Đất là “người”, còn những kẻ hủy hoại Trái Đất là “bọn”, “lũ”. Từ đó, chúng ta thấy được sự tôn trọng, yêu mến dành cho Trái Đất, cũng như sự căm ghét, tức giận dành cho những kẻ đã hủy hoại Trái Đất. Đến khổ thơ sau, nhà thơ tiếp tục cho thấy sự đồng cảm với “người mẹ thiên nhiên” của mình. Những hình ảnh như “khuôn mặt thân thương” và hành động “lau” nước mắt, “xin đừng khóc nữa”, “rửa máu sạch”, “hát”, “dịu dàng”. khiến người đọc thêm ám ảnh, hiểu rõ hơn những tổn thương, đau đớn mà Trái Đất đang phải gánh chịu. Có thể nói, bài thơ vừa mang tính thời sự vừa để lại nhiều cảm xúc, giúp con người nhận thức ra bài học lớn về vấn đề bảo vệ hành tinh xanh của mình.

THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**Đoạn văn và văn bản, Từ mượn****I. Văn bản và đoạn văn****1. Văn bản:****a. Đặc điểm của văn bản:**

- Là một đơn vị giao tiếp có tính hoàn chỉnh về nội dung và hình thức;
- Tồn tại ở dạng viết hoặc dạng nói.
- Dùng để trao đổi thông tin trình bày suy nghĩ, cảm xúc, chứa thông điệp ý nghĩa...

b. Loại văn bản: có nhiều cách phân loại VB như:

- Dựa vào chức năng giao tiếp có VB nghị luận, VB văn học, VB thông tin.
- Dựa vào tình đa dạng của phương tiện, phương thức truyền tải thông tin có: VB thông thường, VB đa phương thức.
- Dựa vào hình thức xuất hiện có: VB viết, VB nói.

2. Đoạn văn trong văn bản:**a. Đặc điểm:**

- Đoạn văn là bộ phận quan trọng của văn bản, có sự hoàn chỉnh tương đối về ý nghĩa và hình thức, gồm nhiều câu (có khi chỉ có một câu) được tổ chức xoay quanh một ý nhỏ.
- Đoạn văn bắt đầu bằng chữ cái viết hoa lùi vào đầu dòng, kết thúc bằng một dấu chấm câu.

b. Chức năng đoạn văn trong văn bản:

- mở đầu văn bản
- trình bày một khía cạnh nào đó của nội dung chính
- kết thúc văn bản hoặc mở rộng liên kết vấn đề.

3. Luyện tập:

Bài 1: Qua văn bản “Trái Đất – cái nôi của sự sống”, em hãy nêu những bằng chứng cụ thể để khẳng định nó là một văn bản?

Gợi ý trả lời

Các bằng chứng cụ thể để khẳng định “Trái Đất – cái nôi của sự sống” là một văn bản:

- Hoàn chỉnh về nội dung và hình thức.
- Tồn tại ở dạng viết.
- VB dùng để trao đổi thông tin: Tác giả đã nêu ra 5 đề mục có các thông tin tới người đọc như vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời, vai trò của nước, sự sống của sinh vật trên Trái Đất và hiện trạng Trái Đất.
- Qua văn bản, tác giả trình bày suy nghĩ, cảm xúc của mình: suy nghĩ về trách nhiệm của loài người trước hiện trạng của Trái Đất hiện nay.

Bài 2: Đọc phần VB sau và thực hiện các yêu cầu:

Sơn xúng xính rủ chị ra chợ chơi. Nhà Sơn ở quay lưng vào chợ, cạnh một dãy nhà lá của những người nghèo khổ mà Sơn quen biết cả vì họ vẫn vào vay mượn ở nhà Sơn. Sơn biết lũ trẻ con các gia đình ấy chắc bây giờ đang đợi mình ở cuối chợ để đánh khăng, đánh đáo.

Không phải ngày phiên, nên chợ vắng không. mấy cái quán chợ vờ lộng gió, rác bừa rải rác lẫn với lá rụng của cây đề. Gió thổi mạnh làm Sơn thấy lạnh và cay mắt. Nhưng chân trời trong hơn mọi hôm, những làng ở xa, Sơn thấy rõ như ở gần. Mặt đất rắn lại và nứt nẻ những đường nho nhỏ, kêu vang lên lanh tanh dưới nhịp guốc của hai chị em.

Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quây quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với lũ trẻ, chứ không kiêu kì và khinh khỉnh như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, thằng Xuân, con Tý, con Túc sán gần giương đôi mắt ngấm bộ quân áo mới của Sơn. Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quân áo nâu bạc đã rách và nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, mỗi chúng nó tím lại, và qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng lại run lên, hàm răng đập vào nhau.

(Thạch Lam, *Gió lạnh đầu mùa*)

- a. Phần VB trên gồm mấy ý? Mỗi ý được viết thành mấy đoạn?
- b. Em dựa vào những dấu hiệu nào để nhận biết đoạn văn?

Gợi ý

- a. Phần VB gồm 4 ý và được viết thành 4 đoạn
- b.
 - Dựa vào dấu hiệu về hình thức: bắt đầu từ chỗ viết hoa lùi vào đầu dòng và kết thúc bằng dấu chấm câu ngắt đoạn
 - Dựa vào dấu hiệu về nội dung: mỗi đoạn biểu đạt một ý trọn vẹn

II. Từ mượn:

1. Từ mượn .

a. Ví dụ:

- + tác phẩm, văn học, sứ giả, hòa bình,...=> Từ mượn tiếng Hán
- + (nhà) ga, xà phòng, mùi soa, pa nô, áp phích,...=> Từ mượn tiếng Pháp
- + mít tinh, ti vi,...=> Từ mượn tiếng Anh

b. Khái niệm:

- Như bất kì ngôn ngữ nào khác, tiếng Việt mượn nhiều từ của tiếng nước ngoài để làm giàu cho vốn từ của mình.

- Mượn từ là một cách để phá triển vốn từ. Tuy nhiên để bảo vệ sự trong sáng của ngôn ngữ tiếng Việt, không nên lạm dụng từ mượn gây khó hiểu, khó chịu cho người nghe, người đọc.

2. Từ mượn tiếng Hán

- Từ mượn trong tiếng Việt có một bộ phận lớn các từ mượn tiếng Hán gọi là từ Hán Việt.

- Ví dụ:

Yếu tố Hán Việt	Từ mượn tiếng Hán
Hải (biển)	<i>Hải đăng, hải sản, hải lãnh, hải quân, hải lí, hải phận...</i>
Thủy (nước)	<i>Thủy nông, thủy quái, thủy sản, thủy lợi, thủy canh, thủy văn, thủy cung...,</i>
Gia (nhà)	<i>Gia tộc, gia đình, gia phả, gia sản, gia nhân, ...</i>

III. Luyện tập

Bài tập 1: Ghi lại các từ mượn có trong những câu dưới đây. Cho biết các từ ấy được mượn của tiếng nào.

- Đúng ngày hẹn, bà mẹ vô cùng ngạc nhiên vì trong nhà tự nhiên có bao nhiêu là sinh lễ.*
- Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập.*
- Ông vua nhạc pốp Mai-con Giắc-xơn đã quyết định nhảy vào lãnh địa in-to-nét với việc mở một trang chủ riêng.*

Gợi ý trả lời

Từ mượn	Nguồn gốc
<i>sinh lễ, ngạc nhiên, tự nhiên</i>	Tiếng Hán
<i>gia nhân, linh đình</i>	Tiếng Hán
<i>pốp, Mai-con Giắc-xơn, in-to-nét</i>	Tiếng Anh
<i>lãnh địa, trang chủ</i>	Tiếng Hán

Bài tập 2: Hãy kể một số từ mượn:

- Là tên các đơn vị đo lường, ví dụ: mét
- Là tên một số bộ phận của chiếc xe đạp, ví dụ: ghi đông
- Là tên một số đồ vật, ví dụ: ra-đi-ô

Gợi ý trả lời

Phân loại	Từ mượn
Tên các đơn vị đo lường	<i>mét, ki-lô-mét, xăng-ti-mét, đề-xi-mét, ki-lô-gam, gam,...</i>
Tên các bộ phận của chiếc xe đạp	<i>ghi đông, gác-ba-ga,...</i>

Tên một số đồ vật	<i>ra-đi-ô, ti-vi, cát-sét,...</i>
-------------------	------------------------------------

Bài tập 3

a, Tìm các từ tiếng Việt tương đương với các từ mượn sau:

- phan (fan)
- ma-ket-tinh (marketing)
- phôn (phone)

b, Đặt câu với mỗi từ trong từng cặp và cho biết sự khác nhau giữa chúng và cách dùng.

Gợi ý trả lời

a. - *Phan* tương đương với *người hâm mộ*

- *ma-ket-tinh* tương đương với thị trường (mua bán, trao đổi hàng hóa nói chung)

- *Phôn* tương đương với *điện thoại, gọi điện*

b.

* Đặt câu:

- Tôi là phan của nhóm nhạc này.
- Anh ấy đã *ma-ket-tinh* rất tốt nên hàng hóa rất chạy.
- Tôi sẽ phôn lại cho bạn sau.

*Nhận xét về sự khác nhau trong cách dùng của chúng: Từ mượn thường được sử dụng trong những trường hợp giao tiếp thân mật, và hạn chế hơn so với từ thuần Việt, không dùng trong hoàn cảnh giao tiếp không nên quá lạm dụng từ mượn.

Bài tập 4 : Em có nhận xét gì về cách dùng các từ in đậm dưới đây? Theo em, nên dùng thế nào?

- **Hê lô** (chào), đi đâu đấy?
- Đi ra chợ một chút.
- Thôi, **bai** (chào) nhé, **si ô ghen** (gặp nhau sau)

Gợi ý trả lời

Cách dùng các từ in đậm như đã cho trong bài tập là lạm dụng từ nước ngoài một cách thái quá. Việc học ngoại ngữ là cần thiết nhưng không nên dùng kèm vào tiếng Việt. Một mặt làm mất sự trong sáng của tiếng Việt. Mặt khác, làm cho mọi người tưởng đang “khoe chữ”. Chỉ nên sử dụng những từ mượn đã quen dùng trong cộng đồng và khi thật cần thiết.

Bài tập 5: Chọn từ ngữ điền vào chỗ trống sao cho thích hợp:

a. báu vật/của quý

- Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ khác...
- Lê Lợi cầm gương lên xem và thấy hai chữ “Thuận Thiên” khắc sâu vào lưỡi gương. Song tất cả mọi người không biết đó là...

b. chết/từ trần

- Ông của Lan đã... đêm qua.
- Con chó nhà tớ ăn phải bả, đã... từ tuần trước.

c. phôn/gọi điện

- Sao cậu không... cho tớ để tớ đón cậu?

- Sao ông không... cho cháu để cháu đón ông?

Gợi ý trả lời

a. Tinh thần yêu nước cũng giống như các thứ của quý.

- Lê Lợi cầm gương lên xem và thấy hai chữ “Thuận Thiên” khắc sâu vào lưỡi gương. Song tất cả mọi người không biết đó là báu vật.

b. Ông của Lan đã từ trần đêm qua.

- Con chó nhà tớ ăn phải bả, đã chết từ tuần trước.

c. Sao cậu không phen cho tớ để tớ đón cậu?

- Sao ông không gọi điện cho cháu để cháu đón ông?

Bài tập 6: Tìm những từ ghép thuần Việt tương ứng với các từ Hán Việt sau:

Phụ mẫu, huynh đệ, thiên địa, giang sơn, quốc kì, tiền hậu, thi nhân, sinh tử, sinh nhật, phụ tử, mẫu tử.

Gợi ý trả lời

Từ Hán Việt	Từ thuần Việt
Phụ mẫu	Cha mẹ
Huynh đệ	Anh em
Thiên địa	Trời đất
Giang sơn	Sông núi
Sinh tử	Sống chết
Tiền hậu	Trước sau
Thi nhân	Nhà thơ
Phụ tử	Cha con
Nhật dạ	Ngày đêm
Mẫu tử	Mẹ con

ÔN TẬP KĨ NĂNG VIẾT:

Viết biên bản một cuộc họp, cuộc thảo luận

I. TÌM HIỂU CHUNG VỀ VIẾT BIÊN BẢN VỀ MỘT CUỘC HỌP, CUỘC THẢO LUẬN HAY MỘT VỤ VIỆC

1. Biên bản là gì?

- **Biên bản** là loại văn bản ghi chép một cách ngắn gọn, trung thực, chính xác, đầy đủ những sự việc đã xảy ra hoặc đang xảy ra.

2. Các loại biên bản:

- Biên bản ghi lại một sự kiện,
- Biên bản ghi lại cuộc họp,
- Biên bản hội nghị,...
- Biên bản ghi lại một hành vi cụ thể (như hành vi vi phạm pháp luật, biên bản bàn giao tài sản, bàn giao ca trực,...).

3. Yêu cầu đối với kiểu biên bản

a. Về hình thức, bố cục cần có:

- Quốc hiệu và tiêu ngữ.
- Tên văn bản (biên bản về việc gì).
- Thời gian, địa điểm ghi biên bản.
- Thành phần tham dự, người chủ trì, người ghi biên bản.
- Diễn biến sự kiện thực tế (phần nội dung cơ bản, ghi đầy đủ ý kiến phát biểu các bên, lập luận các bên, ý kiến của chủ tọa,...).
- Phần kết thúc (ghi thời gian cụ thể, chữ kí của thư kí và chủ tọa).

b. Về nội dung, thông tin cần đảm bảo:

- Số liệu, sự kiện chính xác, cụ thể.
- Ghi chép trung thực, đầy đủ không suy diễn chủ quan.
- Nội dung ghi chép phải có trọng tâm, trọng điểm.

Viết biên bản - Mẫu 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LỚP

Thời gian bắt đầu: 8 giờ 30 phút, ngày... tháng... năm...

Địa điểm: tại phòng ... (phòng học lớp 6A)

Thành phần tham dự:

- Giáo viên chủ nhiệm: cô Nguyễn Thu Hoài
- Toàn thể học sinh lớp 6A

Chủ trì (Chủ tọa): Trần Thu Anh - Lớp trưởng

Thư kí (người ghi biên bản): Nguyễn Mai Anh

Nội dung:

(1) Chủ tọa Trần Thu Anh thông báo kết quả học tập và rèn luyện trong tuần qua. Đồng thời đưa ra những vấn đề chưa tốt còn tồn tại.

- Kết quả học tập và rèn luyện:
- Số tiết trong tuần lớp đạt loại giỏi: 25/30 tiết.
- Số điểm 9, 10 ghi nhận trong tuần: 30 điểm.
- Xếp hạng thi đua của lớp trong toàn trường: 9.
- Vấn đề còn tồn tại:
- Một số bạn còn đi học muộn.
- Trong một số giờ học, lớp còn bị thầy cô nhắc nhở về việc nói chuyện riêng.
- Một số bạn chưa học bài cũ, làm bài tập về nhà.

(2) Chủ tọa đưa ra những mục tiêu trong tuần tới

- Các thành viên tiếp tục phát huy trong học tập.
- Nghiêm túc chấp hành nội quy của trường, lớp.
- Phân công các bạn: Hoàng Thu Lan, Nguyễn Xuân Hòa, Trương Thu Trang phụ trách công việc trực tuần của lớp.
- Dự kiến xếp hạng thi đua trên toàn trường mà lớp cần đạt: 5

(3) Giáo viên chủ nhiệm nhận xét

- Lớp có tiến bộ so với tuần trước.
- Tuy nhiên cần cố gắng hơn nữa để đạt được kết quả tốt nhất.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày... tháng... năm...

Thư kí

(Kí và ghi rõ họ tên)

Chủ tọa

(Kí và ghi rõ họ tên)

Viết biên bản - Mẫu 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**HỌP THỐNG NHẤT KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VĂN NGHỆ CHÀO
MỪNG 20 - 11**

Thời gian bắt đầu: 7 giờ 30 phút, ngày... tháng... năm...

Địa điểm: tại phòng ... (phòng học lớp 6A1)

Thành phần tham dự:

Giáo viên chủ nhiệm: cô Nguyễn Linh Chi

Toàn thể học sinh lớp 6A1: 45 thành viên

Chủ trì (Chủ tọa): Trần Phương Thảo - Lớp trưởng

Thư kí (người ghi biên bản): Đỗ Đức Anh

Nội dung:

(1) Chủ tọa Trần Phương Thảo phổ biến đến tập thể lớp kế hoạch cuộc thi văn nghệ chào mừng ngày 20 tháng 11 do nhà trường phát động.

- Tập thể biểu quyết lựa chọn các tiết mục văn nghệ gồm:
- Hát tập thể bài “Bụi phấn”: 13/45
- Diễn kịch “Thầy giáo của em”: 26/45
- Múa truyền thống: 12/45
- Tập thể thống nhất chọn hình thức dự thi là diễn kịch.
- Chủ tọa tiến hành phân chia công việc:
- Các thành viên tham gia đóng kịch: Minh Trang, Thu Hà, Tuấn Anh - đóng vai học sinh; Hoàng Bách - Thầy giáo.
- Nhóm viết kịch bản: Minh Phương, Đỗ Hùng

(2) Giáo viên chủ nhiệm nhận xét

- Đồng ý với tiết mục văn nghệ được lựa chọn
- Góp ý về nội dung của kịch bản.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 30 phút, ngày... tháng... năm...

Thư kí

(Kí và ghi rõ họ tên)

Chủ tọa

(Kí và ghi rõ họ tên)

Viết biên bản - Mẫu 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

HỌP TỔNG KẾT THI ĐUA NĂM HỌC 20... - 20...

Thời gian bắt đầu: 8 giờ 00 phút, ngày... tháng... năm...

Địa điểm: tại phòng ... (phòng học lớp 6B)

Thành phần tham dự:

Giáo viên chủ nhiệm: thầy Nguyễn Đức Tuấn

Toàn thể học sinh lớp 6B: 48 thành viên

Chủ trì (Chủ tọa): Nguyễn Hà Trang - Lớp trưởng

Thư kí (người ghi biên bản): Hoàng Thu Thảo

Nội dung:

(1) Chủ tọa Nguyễn Hà Trang tổng kết lại kết quả học tập và rèn luyện năm học 2020 - 2021.

Đồng thời đưa ra những vấn đề chưa tốt còn tồn tại.

- Kết quả học tập và rèn luyện:

- Số học sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi: 30/48

- Số học sinh đạt danh hiệu học sinh tiến tiến: 18/40, không có học sinh trung bình, yếu.

- Kết quả rèn luyện đạo đức: 48/48 học sinh được hạnh kiểm tốt.

- Vấn đề còn tồn tại: Nhiều học sinh còn chưa chấp hành nghiêm chỉnh nội quy của trường và lớp: còn đi học muộn, chưa làm bài tập về nhà...

(2) Chủ tọa đưa ra những mục tiêu trong năm học tới:

- Các thành viên tiếp tục phát huy trong học tập.

- Nghiêm túc chấp hành nội quy của trường, lớp.

(3) Giáo viên chủ nhiệm nhận xét

- Nhiều bạn học sinh có thành tích học tập tập tốt.

- Tuy nhiên cả lớp cần nghiêm túc thực hiện nội quy của trường và lớp.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 11 giờ 00 phút, ngày... tháng... năm...

Thư kí

(Kí và ghi rõ họ tên)

Chủ tọa

(Kí và ghi rõ họ tên)

Viết biên bản - Mẫu 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

**HỌP THỐNG NHẤT KẾ HOẠCH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VĂN NGHỆ CHÀO
MỪNG 26 - 3**

Thời gian bắt đầu: 8 giờ 00 phút, ngày... tháng... năm...

Địa điểm: tại phòng ... (phòng học lớp 6C)

Thành phần tham dự:

Giáo viên chủ nhiệm: cô Trần Tú Hảo

Toàn thể học sinh lớp 6AC: 38 thành viên

Chủ trì (Chủ tọa): Nguyễn Mỹ Phương - Lớp trưởng

Thư kí (người ghi biên bản): Phương Hà Minh

Nội dung:

(1) Lớp trưởng đã phổ biến đến tập thể lớp kế hoạch cuộc thi văn nghệ chào mừng ngày 26 tháng 3 - Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

- Tập thể biểu quyết lựa chọn các tiết mục văn nghệ gồm:
- Hát tập thể bài “Nối vòng tay lớn”: 23/45
- Múa truyền thống: 12/45
- Tập thể thống nhất chọn hình thức dự thi là hát tập thể.
- Chủ tọa tiến hành phân chia công việc:
- Các thành viên tham dự hát tập thể: 15 bạn hát chính, 5 bạn hát bè.
- Các bạn học sinh tự ứng cử: Mai Trang, Thu Hà, Minh Đức, Anh Tuấn, Đỗ Phương.

(2) Giáo viên chủ nhiệm tổng kết lại:

- Đồng ý với tiết mục văn nghệ được lựa chọn.
- Góp ý về trang phục tham dự, đề cử một số gương mặt tham dự tiết mục văn nghệ.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 9 giờ 30 phút, ngày... tháng... năm...

Thư kí

(Kí và ghi rõ họ tên)

Chủ tọa

(Kí và ghi rõ họ tên)

Viết biên bản - Mẫu 5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ TRAO ĐỔI KINH NGHIỆM HỌC TẬP MÔN NGỮ VĂN

Khai mạc: 8 giờ ngày... tháng... năm...

Thành phần tham dự:

Cô Đỗ Lan Hương - giáo viên môn Ngữ văn.

Học sinh các lớp của khối 6.

Chủ trì: cô Hoài...

Thư ký: Nguyễn Nhật Vy (lớp trưởng lớp 6A)

NỘI DUNG HỘI NGHỊ

(1) Cô Hương khai mạc, nêu yêu cầu và nội dung hội nghị:...

- Mục đích hội nghị: Tìm ra biện pháp học tốt môn ngữ văn. Phấn đấu cuối năm 100% đạt yêu cầu, trong đó có 60% khá, giỏi.
- Nội dung:
- Các lớp trưởng sơ kết tình hình học tập môn Ngữ văn trong thời gian qua.
- Các bạn học giỏi báo cáo kinh nghiệm (bạn Minh, Phương và Thu).
- Một số học sinh đặt ra câu hỏi cần trao đổi.

(2) Bạn Nhật Vy - thư ký sẽ báo cáo sơ lược tình hình học môn Ngữ văn của toàn khối:

- Nhiều bạn chưa đọc kỹ văn bản, chuẩn bị bài sơ sài.

- Nhiều bạn chưa làm hết các bài tập nhất là bài tập Tiếng Việt và bài tập làm văn.
- Nhiều bạn chưa biết làm thế nào để có một bài văn hay. Bài viết sai chính tả, ngữ pháp lan man, xa đề.
- Kết quả: Giỏi: 40%; Khá: 50%; Yếu: 10%.

(3) Trao đổi kinh nghiệm học tập:

- Kinh nghiệm của bạn Minh:
 - Đọc kĩ văn bản để hiểu nội dung, nghệ thuật ý nghĩa của văn bản sau đó mới chuẩn bị bài.
 - Phải cố gắng tưởng tượng, liên tưởng, đào sâu để suy nghĩ để có cảm xúc, suy nghĩ, ý tưởng độc đáo
 - Cố gắng làm hết bài tập, đặc biệt là các phần luyện nói luyện viết
- Kinh nghiệm của bạn Thu:
 - Mỗi văn bản cần có những nét độc đáo riêng. Phải tìm ra những nét độc đáo đó.
 - Phải thường xuyên tích lũy tư liệu văn học.
 - Nắm chắc cách làm bài theo từng thể loại. Dành thời gian thích đáng để xác định yêu cầu bài viết
 - Nhất thiết phải làm bài dàn ý trước khi viết.
 - Khi viết cần chủ động và làm theo diễn đạt, tránh lệ thuộc vào bài mẫu.

(4) Cô Hương tổng kết hội nghị:

- Phải đọc kỹ văn bản, tìm hiểu xem tác giả muốn nói gì bằng cách nào và thái độ ra sao.
- Thường xuyên tích lũy tư liệu và biết tận dụng tư liệu khi làm bài.
- Rèn luyện tư liệu cảm thụ đặc biệt là khả năng liên tưởng tưởng tượng
- Soạn bài và rèn luyện năng lực cảm thụ, đặc biệt là khả năng liên tưởng, tưởng tượng
- Soạn bài và làm bài tập đầy đủ chu đáo.
- Khi làm bài cần phải nắm chắc yêu cầu của đề bài, làm dàn ý. Cố gắng hết sức viết bài viết mạch lạc, trong sáng, có cảm xúc.

Biên bản kết thúc lúc: 11 giờ cùng ngày.

Thư kí
(Kí và ghi rõ họ tên)
Nguyễn Nhật Vy

Chủ tọa
(Kí và ghi rõ họ tên)
Đỗ Lan Hương

=====

BÀI 10: CUỐN SÁCH TÔI YÊU

A. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Năng lực:

Giúp HS:

- Ôn tập hệ thống hóa kiến thức của các văn bản văn nghị luận: một số yếu tố hình thức (ý kiến, lí lẽ, bằng chứng,...) của các văn bản nghị luận văn học.
- Ôn tập cách làm và chia sẻ sách, giới thiệu thông tin về sách (như xây dựng các phân-pết, sáng tác các pô-xtơ minh họa, biết giới thiệu cuốn sách theo chủ đề...)
- Viết được bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách phù hợp với yêu cầu về dạng bài

2. Phẩm chất:

- Trách nhiệm: Đức tính chăm học, chăm làm, hăng say học hỏi và nhiệt tình tham gia công việc chung; yêu cái đẹp, yêu cái thiện;
- Có ý thức ôn tập nghiêm túc.

B. NỘI DUNG

VĂN BẢN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Văn bản nghị luận văn học

- Là một loại văn bản nghị luận, có nội dung bàn về một vấn đề văn học như tác giả, tác phẩm, thể loại, ... Nghị luận văn học sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ vấn đề văn học được nói tới.

2. Các yếu tố của văn bản nghị luận văn học:

- Lí lẽ: chính là những nhận xét cụ thể của người viết tác giả, tác phẩm, thể loại, ...
- Bằng chứng: thường lấy từ tác phẩm văn học.

3. Cách đọc hiểu văn bản văn học

a. Nhận biết thành phần của văn bản nghị luận

- Cần nhận biết phương thức biểu đạt: Phương thức biểu đạt chính là nghị luận. Nhưng bên cạnh đó phương thức biểu đạt nghị luận còn được kết hợp các phương thức khác nhằm thuyết phục người đọc như biểu cảm, tự sự, miêu tả...
- Nhận biết vấn đề nghị luận: Vấn đề nhà văn đưa ra bàn luận là vấn đề gì?
- + Vấn đề thể hiện qua nhan đề.
- + Các từ khóa lặp đi lặp lại.
- Nhận biết luận điểm: Luận điểm là quan điểm, tư tưởng, chủ trương mà người viết muốn biểu đạt. Luận điểm thường đứng ở đầu đoạn văn, hoặc cuối đoạn. Luận điểm thường là câu có tính chất khẳng định, hoặc phủ định.
- Nhận biết luận cứ: luận cứ là cơ sở để triển khai luận điểm. Luận cứ là lí lẽ và dẫn chứng.
- Nhận biết các thao tác lập luận: chứng minh, giải thích, so sánh, phân tích, bình luận, bác bỏ.

b. Hiểu nội dung và hình thức văn bản:

- Nội dung thể hiện qua ý nghĩa nhan đề, chủ đề, tư tưởng, thái độ, tình cảm của tác giả với vấn đề nghị luận.
- Hình thức thể hiện qua cách dùng từ, đặt câu, chi tiết, hình ảnh,

c. Liên hệ và vận dụng văn bản vào đời sống:

- Cần rút ra cho mình bài học gì để vận dụng vào thực tiễn đời sống.

II. LUYỆN ĐỀ

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc văn bản và trả lời câu hỏi trang 102 SGK Ngữ Văn lớp 6 tập 2 Kết nối tri thức với cuộc sống: Nhà thơ Lò Ngân Sủn – người con của núi

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của VB ?

Câu 2. Vì sao nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là “người con của núi”?

Câu 3. Xác định câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài.

Câu 4. Những đoạn thơ được dẫn đóng vai trò gì trong bài viết?

Câu 5. Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ gì với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu?

Gợi ý:

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của văn bản: nghị luận.

Câu 2. Nhà thơ Lò Ngân Sủn được tác giả bài viết gọi là "người con của núi" vì:

+ Vì nhà thơ sinh ra và lớn lên ở Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai và từ nhỏ đã đắm mình trong hơi thở của núi rừng.

+ Núi là hình ảnh được nói đến trong thơ ông, nhiều bài thơ tiêu biểu đều mang âm vang của núi

Câu 3. Câu văn nêu vấn đề chính được bàn luận trong bài là: *Vậy điều gì đã nuôi dưỡng và bồi đắp nên vẻ đẹp thơ mộng và mãnh liệt ấy trong ông?*

Câu 4. Những đoạn thơ được dẫn trong bài đóng vai trò làm bằng chứng để làm rõ vấn đề.

Câu 5. Câu cuối cùng của bài viết có mối quan hệ với câu nêu vấn đề ở phần mở đầu : Tổng hợp và kết luận về vấn đề đã được nêu ra bàn luận.

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Gió lạnh đầu mùa - Câu chuyện về tình người ấm áp

Câu chuyện bắt đầu bằng cái không khí của “mùa đông đột nhiên đến” với “gió bắc? với “cái lạnh ở đâu đến” và cả cảm giác “rét mướt” rất đặc trưng của mùa đông xứ Bắc. Nhưng rồi, giữa cái tiết trời mà cỏ cây, hoa lá đều như sắt lại vì rét” đó, ta cảm nhận được hơi ấm của tình người.

Đầu tiên là cảnh gia đình đầm ấm. Hình ảnh mẹ, chị bên thúng quần áo rét trong ngôi nhà với cái火炉 và ấm trà có gì thật quá đỗi thân thương. Dù trong không khí ấm cúng ấy vẫn có những kỉ niệm đau buồn về Duyên, đứa em gái bé trong gia đình đã mất từ năm lên bốn tuổi. Hình ảnh người mẹ “giơ lên một cái áo bông cánh đã cũ nhưng còn lành lặn? nói những lời đầy trù mến: “Đây là áo của cô Duyên đây” gợi lên một nỗi buồn thương sâu sắc. Nhưng chính tình yêu thương dành cho những đứa con của người mẹ là ngọn lửa sưởi ấm ngôi nhà. Chiếc áo bông cũ là một vật kỉ niệm ấp ủ trái tim người mẹ và cả gia đình. Cuộc sống không phải lúc nào cũng tràn trề hạnh phúc. Nhưng trong mắt mát, tình yêu thương đã làm dịu bớt nỗi buồn đau. Chiếc áo bông cũ được mẹ nâng niu gìn giữ ấy, một lần nữa lại ủ ấm cho cô bé nghèo “co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hơ cả lưng và tay“ Hai chị em Lan và Sơn không đành lòng nhìn bé Hiên, người bạn nhỏ của mình run rẩy trong “gió lạnh đầu mùa“ “Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ” - như nhà văn viết - nhưng có lẽ hơn thế là với trái tim giàu trắc ẩn, với tình cảm thiết tha như “nhớ thương đến em Duyên ngày trước” Sơn và Lan đã mang tấm áo bông cũ ấy đến ủ ấm cho Hiên.

Chiếc áo bông cũ gắn với kỉ ức còn nguyên về một đứa con đã mất của người mẹ, một đứa em ruột thịt của Lan và Sơn, giờ đây lại thành tấm áo của tình bạn thơ ngây mà thiết tha, ấm áp. Chiếc áo lại chở che, san sẻ hơi ấm cho những mảnh đời nghèo khó như của mẹ con bé Hiên. Giản dị và sâu lắng, “Gió lạnh đầu mùa” sưởi ấm trái tim chúng ta.

(Sưu tầm)

Câu 1. Văn bản đã đưa em trở lại gặp gỡ tác giả nào?

Câu 2. Vấn đề chính được nêu ra bàn luận là gì? Phần nào của văn bản có vai trò nêu rõ vấn đề cần bàn luận?

Câu 3. Tìm những bằng chứng được dẫn ra để làm rõ cho câu văn mở đầu đoạn 2: “Đầu tiên là cảnh gia đình đầm ấm”.

Câu 4. Câu văn “Giản dị và sâu lắng” “Gió lạnh đầu mùa” “sưởi ấm trái tim chúng ta” có vai trò gì trong văn bản?

Gợi ý trả lời:

Câu 1. Văn bản đã đưa em trở lại gặp gỡ tác giả với tác giả Thạch Lam

Câu 2. Vấn đề chính được nêu ra bàn luận là: tình yêu thương ấm áp của con người với con người trong truyện Gió lạnh đầu mùa qua cách viết giản dị và sâu lắng của Thạch Lam

Đoạn văn 1 của văn bản có vai trò nêu rõ vấn đề cần bàn luận

Câu 3. Những bằng chứng được dẫn ra để làm rõ cho câu văn mở đầu đoạn 2: là cụm từ ngữ đặt trong dấu ngoặc kép.

- Đây là áo của cô Duyên đây
- Co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay
- Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ
- Nhớ thương đến em Duyên ngày trước

Câu 4.

Câu văn “Giản dị và sâu lắng” “Gió lạnh đầu mùa” “sưởi ấm trái tim chúng ta” có vai trò khẳng định vấn đề nghị luận và nêu lên cảm xúc của người viết

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“Cả hai câu đầu đều không có chủ ngữ, khiến cho người nghe, người đọc rất dễ đồng cảm với cô gái, tưởng chừng như đang cùng cô gái đi thăm đồng, đang cùng cô “đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng...” và ngược lại. Nhờ vậy mà cái cảm giác về sự mênh mông, bát ngát của cánh đồng cũng lan truyền sang ta một cách tự nhiên và ta cảm thấy như chính mình đã trực tiếp cảm nhận và nói lên điều đó”.

(Vẻ đẹp của một bài ca dao, Hoàng Tiến Tựu)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên ?

Câu 2. Theo tác giả, việc hai câu đầu của bài ca dao không có chủ ngữ đem lại hiệu quả nghệ thuật như thế nào?

Câu 3. Nội dung của đoạn văn trên?

Câu 4. Qua văn bản chứa đoạn văn, em hãy rút ra bài học gì về cách cảm nhận một tác phẩm trữ tình?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: nghị luận

Câu 2. Theo tác giả, việc hai câu đầu của bài ca dao không có chủ ngữ đem lại hiệu quả nghệ thuật sau:

- Khiến cho người nghe, người đọc rất dễ đồng cảm với cô gái.

- Cái cảm giác về sự mệnh mông, bất ngát của cánh đồng cũng lan truyền sang ta một cách tự nhiên.

ta cảm thấy như chính mình đã trực tiếp cảm nhận và nói lên điều đó

Câu 3. Nội dung của đoạn văn: Ý kiến của tác giả về vẻ đẹp của hai câu đầu bài ca dao “Đứng bên ni đồng, ngó bên tê đồng.....” là ở cấu trúc hai câu không có chủ ngữ.

Câu 4. Qua văn bản chứa đoạn văn, em hãy rút ra bài học về cách cảm nhận một tác phẩm văn học:

- Cần phải có sự tìm tòi, phát hiện ra những vẻ đẹp mới mẻ của tác phẩm trên hai phương diện nội dung và nghệ thuật.

- Muốn thế, phải trau dồi vốn sống, vốn hiểu biết về văn chương, phải chăm chỉ đọc sách báo...

- Phải hiểu được đặc trưng thể loại của tác phẩm

- Hiểu được tư tưởng, tình cảm mà tác giả gửi gắm trong tác phẩm

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

“(1) Chủ đề đánh giặc cứu nước là chủ đề lớn, cơ bản, xuyên suốt lịch sử văn học Việt Nam nói chung, văn học dân gian Việt Nam nói riêng. Thánh Gióng thể hiện tập trung chủ đề đánh giặc cứu nước, thuộc loại tác phẩm hay nhất của chủ đề này.

(2) **Giống ra đời kì lạ**

Mẹ Gióng có thai Gióng không bình thường. Bà ướm chân mình vào vết chân khổng lồ rồi mang thai, lại có thai không phải chín tháng mười ngày mà mười hai tháng. Sự sinh nở thần kì, ta vẫn thấy trong truyện cổ dân gian. Chẳng hạn, truyện dân gian kể, lúc Lê Lợi sinh ra có ánh sáng đỏ đầy nhà, mùi hương lạ khắp xóm; còn Nguyễn Huệ, khi ra đời, có hai con hổ chầu hai bên. Những chi tiết hoang đường kể về Gióng như thế là cách dân gian tưởng tượng ra để nhân vật của mình trở thành phi thường. Nhân dân muốn tạo những nét kì lạ, biểu hiện niềm yêu mến, sự tôn kính với nhân vật và tin rằng nhân vật đã ra đời kì lạ thì tất cũng lập chiến công kì lạ.[...]

(3) **Giống lớn lên cũng kì lạ**

Ba năm, Gióng không nói không cười, chỉ nằm im lặng. Nhưng bắt đầu cất lên tiếng nói thì đó là tiếng nói yêu nước, cứu nước. Tiếng nói ấy không phải là tiếng nói bình thường [...]. Gióng lớn nhanh như thổi, “com ăn mấy cũng không no, áo vừa mặc đã căng đứt chỉ”. [...] Gióng lớn lên bằng những thức ăn, thức mặc của nhân dân. Sức mạnh dũng sĩ của Gióng được nuôi dưỡng từ những cái bình thường, giản dị. Tất cả dân làng đùm bọc, nuôi nấng. “Nhân dân ta rất yêu nước, ai cũng mong Gióng lớn nhanh đánh giặc cứu nước. Gióng đâu còn là con chỉ của một bà mẹ, mà là con của mọi người, của nhân dân. Một người cứu nước sao đặng? Phải toàn dân góp phần chuẩn bị cho sức mạnh đánh giặc. Có vậy, khả năng đánh giặc, cứu nước mới lớn lên mau chóng. Gióng tiêu biểu cho sức mạnh toàn dân đó” (Lê Trí Viễn). [...]

(Trích Thánh Gióng – tượng đài vĩnh cửu của lòng yêu nước, Bùi Mạnh Nhị)

Câu 1. Chép lại câu văn nêu ý chính của cả đoạn trích.

Câu 2. Chỉ ra và nêu tác dụng của dấu chấm phẩy trong phần (2) của đoạn trích.

Câu 3. Chỉ ra tác dụng của việc trích dẫn ý kiến của Lê Trí Viễn trong phần (3) của đoạn trích.

Câu 4. Em hãy rút ra ý nghĩa của việc tìm hiểu truyền thuyết “Thánh Gióng” với bản thân em.

Gợi ý trả lời

Câu 1: Câu văn nêu ý chính của cả đoạn trích: “*Thánh Gióng* thể hiện tập trung chủ đề đánh giặc cứu nước, thuộc loại tác phẩm hay nhất của chủ đề này” (chủ đề đánh giặc cứu nước)

Câu 2:

- Dấu chấm phẩy được sử dụng trong câu văn sau ở phần (2):

“*Chẳng hạn, truyện dân gian kể, lúc Lê Lợi sinh ra có ánh sáng đỏ đầy nhà, mùi hương lạ khắp xóm; còn Nguyễn Huệ, khi ra đời, có hai con hổ châu hai bên.*”

- Tác dụng của dấu chấm phẩy: Đánh dấu ranh giới các bộ phận trong phép liệt kê phức tạp, cụ thể ngăn cách 2 cụm chủ vị trong câu ghép đẳng lập.

Câu 3:

Tác dụng của việc trích dẫn ý kiến của Lê Trí Viễn trong phần (3) của đoạn trích:

+ Tăng thêm sức thuyết phục cho đoạn trích.

+ Nhấn mạnh hơn luận điểm Thánh Gióng là tượng đài bất tử của lòng yêu nước qua việc khẳng định Gióng lớn lên cũng chính là từ sức mạnh, từ tình yêu nước, tinh thần của nhân dân.

Câu 4: HS đưa ra ý kiến cá nhân

Có thể nêu: Ý nghĩa của việc tìm hiểu truyền thuyết “Thánh Gióng” với bản thân em:

- Giúp em hiểu được giá trị to lớn của truyền thuyết *Thánh Gióng* và hình tượng Gióng: Gióng là hiện thân của sức mạnh thiên nhiên và con người, sức mạnh đó dung hòa và kết tinh lại thành sức mạnh to lớn để quật ngã mọi kẻ thù to lớn.

- Bồi đắp cho em tình yêu nước, ý thức trách nhiệm với đất nước và niềm tự hào về truyền thuyết về vang của dân tộc trong chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước.

- Giúp em hiểu hơn sự gắn bó giữa văn học dân gian với các lễ hội dân gian (Lễ Hội Gióng)

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 5

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Cảnh ngộ ấy đã ném Nguyên Hồng vào môi trường những người cùng khổ nhất trong xã hội cũ. Ngay từ tuổi cắp sách đến trường, ông đã phải lăn lộn với đời sống dân nghèo để tự kiếm sống bằng những nghề “nhỏ mọn” nơi vườn hoa, cổng chợ, bến tàu, bến ô tô, bãi đá bóng...chung đụng với mọi hạng trẻ “hư hỏng” của các lớp “căn bã”, tụi trẻ [...] bán báo, bán xôi chè, bánh kẹo, hoa quả, bán các đồ chơi lật vặt, đi ở bé con hay nhặt bóng quần, hoặc ăn mày, ăn cắp từ con cá, lá rau.

(Nguyên Hồng- nhà văn của những người cùng khổ, Nguyễn Đăng Mạnh)

Câu 1. Xác định nội dung chính của đoạn văn ?

Câu 2. Theo tác giả, tuổi thơ của Nguyên Hồng lăn lộn, cơ cực như thế nào?

Câu 3. Theo em, những nơi, những công việc mà cậu bé Nguyên Hồng kiếm sống nói lên điều gì?

Câu 4. Ở tuổi cắp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần những gì?

Gợi ý trả lời

Câu 1. Đoạn văn bản trên nói về tuổi thơ cơ cực, lang thang, bất hạnh của nhà văn Nguyên Hồng.

Câu 2.. Theo tác giả, tuổi thơ của Nguyên Hồng lẫn lộn, cơ cực :

- Ông phải làm nhiều nghề cơ cực để kiếm sống: từ những nghề “nhỏ mọn” .
- Những nơi ông thường đến là nơi vườn hoa, công chợ, bến tàu, bến ô tô, bãi đá bóng...;
- Ông tiếp xúc với nhiều người với mọi hạng trẻ “hư hỏng” của các lớp “căn bã”, tụi trẻ [...] bán báo, bán xôi chè, bánh kẹo, hoa quả, bán các đồ chơi lật vật, đi ở bé con hay nhặt bóng quần, hoặc ăn mày, ăn cắp từ con cá, lá rau.

Câu 3. Theo em, những nơi, những công việc mà cậu bé Nguyên Hồng kiếm sống nói lên:

- Tuổi thơ cơ cực, thiếu thốn cả về vật chất và tinh thần của nhà văn Nguyên Hồng.

Câu 4. Ở tuổi cấp sách đến trường, em nghĩ tuổi thơ cần được:

- Sống trong tình yêu thương, chăm sóc, che chở của người thân, cần một gia đình đúng nghĩa.
- Cần được vui chơi, nô đùa, được đến trường học hành.
- Cần được quan tâm chăm sóc về vật chất và tinh thần.

(HS đưa được ra ý kiến riêng, phù hợp là được)

VIẾT: SÁNG TẠO CÙNG TẠO TÁC GIẢ

I. SÁNG TẠO SẢN PHẨM NGHỆ THUẬT

- Sáng tác thơ (cảm xúc của em về nội dung, ý nghĩa, ...liên quan đến tác phẩm văn học một cuốn sách em đã đọc)
- Kể chuyện sáng tạo (chọn một đoạn truyện)
- Dựng kịch ngắn (chọn đoạn truyện tiêu biểu)
- Thiết kế bìa minh họa cho cuốn sách em yêu thích trong lần tái bản sắp tới.
- Vẽ hình ảnh nhân vật em yêu thích
- Viết lời tựa cho cuốn sách em yêu thích trong lần tái bản sắp tới.

Từ cuối tiết học trước GV giao nhiệm vụ cho HS chuẩn bị sản phẩm. Mỗi nhóm chọn một sản phẩm để giới thiệu

Tiêu chí đánh giá sản phẩm sáng tạo nghệ thuật	Đạt	Chưa đạt
1. Nội dung: phù hợp, phản ánh được nội dung cơ bản với tác phẩm văn học (cuốn sách)		
2. Hình thức: - hài hòa, tạo, có sức cuốn hút. Lời văn (đường nét, màu sắc) dễ hiểu, phù hợp loại hình thể hiện.		
3. Lời giới thiệu sản phẩm tự tin, dễ hiểu, có lời chào, lời kết, lời văn có cảm xúc.		
4. Phong cách tự tin, đỉnh đạc		

Bài tập tham khảo:

Bài 1: Giới thiệu về một tác giả văn học mà em yêu thích.

- Một số hình ảnh về tác giả

- Tiểu sử của tác giả
- Hình ảnh một số tác phẩm tiêu biểu
- Trích dẫn yêu thích

Ví dụ Giới thiệu về tác giả An-đéc-xen:

Tác giả An-đéc-xen gồm các nội dung tiểu sử, cuộc đời, sự nghiệp sáng tác, phong cách văn học và đóng góp cho nền văn học.

1. Một số hình ảnh về tác giả

2. Tiểu sử

- An-đéc-xen (1805 – 1875) là nhà văn Đan Mạch.

* Cuộc đời:

- Ông sớm mồ côi cha và phải tự bươn chải kiếm sống. Tuổi thơ ông sớm phải làm nhiều nghề như dệt vải, thợ may, công nhân sau đó làm diễn viên và sau này chuyển sang viết văn. Có lẽ những gì mà ông trải qua trong thời niên thiếu đã trở thành nguồn cảm hứng cho những sáng tác sau này của ông.

- Ông là người có ý chí vô cùng mạnh mẽ và nỗ lực quyết tâm vươn mình trong xã hội.

- Ông còn sở hữu một giọng nói trong và cao.

- Ông đọc nhiều tác phẩm văn học và có trí tưởng tượng phong phú

* **Sự nghiệp sáng tác**

- Ông là nhà văn vĩ đại của Đan Mạch thế kỉ XIX, là danh nhân văn hóa thế giới.

- Nổi tiếng với loại truyện kể cho trẻ em.

- Nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích, nhưng cũng có những truyện do ông hoàn toàn sáng tạo ra.

Gia tài truyện cổ của ông vô cùng đồ sộ, trong đó có nhiều câu chuyện quen thuộc với bạn đọc Việt Nam như: Cô bé bán diêm, Bầy chim thiên nga, Nàng tiên cá, Bộ quần áo mới của hoàng đế, Nàng công chúa và hạt đậu...

Phong cách sáng tác

- Truyện của ông nhẹ nhàng, toát lên lòng yêu thương con người, đượm màu sắc hư ảo và thơ mộng, thể hiện niềm tin vào sự thắng lợi cuối cùng của cái tốt đẹp trên thế gian.

3. Hình ảnh một số tác phẩm tiêu biểu

4. Trích dẫn yêu thích về tác giả:

+ Cởi mở và ngây thơ, ông đã sáng tạo ra một phong cách kể chuyện rất mơ mộng, nồng nhiệt nhưng không kém phần lô gic.

+ Đẹp đẽ và trong trẻo, người đọc bị cuốn hút vào những câu chuyện kể của An-đéc xen bằng sự hóa thân của nhà văn vào chính nhân vật được kể. Truyện Cô bé bán diêm là một câu chuyện nổi tiếng nhất. Câu chuyện kể về một em bé mồ côi mẹ, đi bán diêm trong đêm giao thừa trời rét mướt. Cô bé đã chết vì giá lạnh. Nhà văn đã tìm được những ánh sáng lấp lánh bằng cảm xúc trong trẻo của em tròn đêm: “Chà! Giá quẹt một que diêm mà sưởi cho đỡ rét một chút nhỉ? Giá em có thể rút một que diêm ra quẹt vào tường mà hơ ngón tay nhỉ? Cuối cùng em đành liều quẹt một que”

Truyện *Nàng tiên cá*, có những đoạn văn kể thật mơ mộng: “Tít ngoài biển khơi kia, nước xanh hơn cánh đồng hoa mua biếc nhất, trong vắt như pha lê, nhưng sâu thăm thẳm, sâu đến nỗi neo buồm không tới đáy, phải chồng chất vô số ngọn núi đá mới lên tới mặt nước” Đoạn

văn cho thấy trí tưởng tượng bay bổng của nhà văn, tạo ra sức cuốn hút ngay dòng kể đầu tiên của câu chuyện.

Bài 2: Giới thiệu về một cuốn sách hay đã đọc

Ví dụ: Giới thiệu về tác phẩm: *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh:

a. Mở bài: Giới thiệu tác phẩm và ấn tượng của em về tác phẩm.

Tuổi thơ được mệnh danh là tuổi thần tiên, tuổi đẹp nhất trong cuộc đời con người. Đi qua tuổi thơ, con người khó tìm được khoảng trời nào bình yên, trong sáng đến thế. Truyện ngắn *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh đã phần nào lí giải về việc vì sao chúng ta ai cũng khao khát trở về với tuổi thơ hồn nhiên và đẹp đẽ.

b. Thân bài:

*** Giới thiệu về vị trí, chủ đề của tác phẩm:**

- *Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ* là truyện ngắn của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh. Tác phẩm là một trong những sáng tác thành công nhất của ông và nhận được Giải thưởng Văn học ASEAN của năm 2010. Cuốn sách như một cuốn nhật kí đáng yêu, những ngây thơ thời con nít của không riêng tác giả, mà cho bất cứ ai đọc cuốn sách đều không ít bất gặp ít nhất một lần mình ở trong đó.

- Nguyễn Nhật Ánh viết ở mặt sau cuốn sách: "Tôi viết cuốn sách này không dành cho trẻ em. Tôi viết cho những ai từng là trẻ em".

*** Đặc sắc về nội dung và nghệ thuật**

+ Không gian truyện, nhân vật, sự việc chính: Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh đã mời người đọc lên chuyến tàu để trở về với tuổi thơ, trên cái sân ga 8 tuổi của thằng cu Mùi.

+ Nhân vật và sự việc: Ở đó, những câu chuyện nhỏ xoay xung quanh 4 đứa trẻ trong cùng một khu xóm là con Tùn, con Tí sún, thằng Hải cò và thằng cu Mùi. Trong đó, người kể chuyện là cu Mùi dưới hình thức kể của "thằng cu Mùi" lúc bé và nhận xét, đánh giá của "ông Mùi" khi đã gần 50 tuổi. Song song đó còn có sự xuất hiện của các phụ huynh và những câu chuyện dở khóc dở cười khiến chúng như đang sống lại tuổi thơ tươi đẹp.

+ Cuốn sách đã vẽ lại cuộc sống, tình yêu thương, suy nghĩ của những đứa trẻ. Và sau này, lúc chúng ta đã lớn, ta nghĩ lại mọi sai lầm, mọi việc ngốc nghếch ngày trước mà đã ta trải qua, ta đều không cảm thấy hối hận. Vì đó là tuổi thơ, đó là một phần của cuộc sống mà ta đã từng đi qua

+ Chỉ là những câu chuyện nhỏ nhất của cu Mùi cùng chúng bạn, nhưng Nguyễn Nhật Ánh đã đưa độc giả đi hết cảm xúc này đến cảm xúc khác, bồi hồi thương nhớ khôn nguôi... Với lời văn hồn nhiên, trong sáng, Nguyễn Nhật Ánh đã dẫn dắt độc giả đi theo dòng hồi tưởng của mình, trở về cái thời khi còn là cậu bé tám tuổi. Diễn biến câu chuyện rất nhẹ nhàng, khiến cho người đọc không thôi bồi hồi thổn thức. Độc giả sẽ như nhìn thấy chính mình ngày thơ bé qua những suy nghĩ, hành động, tâm tư, tình cảm của các nhân vật chính

+ Cách kể chuyện: Vẫn giọng văn trong vắt và dí dỏm, Nguyễn Nhật Ánh đã dẫn dắt độc giả đi theo dòng hồi tưởng của mình, trở về cái thời còn là cậu bé tám tuổi, mang đến cho người đọc một thế giới tuổi thơ hồn nhiên, đầy ắp tiếng cười. Nhưng lồng vào những ngày tháng hồn nhiên đó lại là những trăn trở của người lớn. Cái sân ga tám tuổi của nhân vật tôi - "thằng cu Mùi" - như là một điểm tựa ký ức để tác giả thả vào đó những triết lý, những suy ngẫm về cuộc đời.

c. Kết luận: Khẳng định giá trị, ý nghĩa của tác phẩm:

Cuốn sách “*Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ*” là đã gọi nhớ về cả một tuổi thơ mà mỗi người đã đi qua. Cuốn sách là khiến mỗi người chợt mong ước được mãi là một đứa trẻ hồn nhiên mà chẳng phải lo nghĩ như người lớn. Nếu có tấm vé hành trình về lại tuổi thơ, chắc chắn tôi và bạn cũng xin đi nhờ một chuyến để về lại những tháng ngày khó mà quên. “Để sống tốt hơn đôi khi chúng ta phải học làm trẻ con trước khi học làm người lớn”.

II. Viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách (hoặc văn bản) đã đọc

1. Yêu cầu đối với bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc:

- Thể loại: Văn bản nghị luận xã hội
- Vấn đề bàn luận: hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách.
- Yếu tố cơ bản: Lí lẽ và bằng chứng
- Yêu cầu cơ bản:
 - + Nêu được tên sách và tác giả.
 - + Nêu được hiện tượng đời sống gọi ra từ cuốn sách và ý kiến của em về hiện tượng đó.
 - + Sử dụng được lí lẽ và bằng chứng để làm rõ hiện tượng

2. Các bước thực hiện:

a. Trước khi viết

- *Lựa chọn đề tài*: Chọn một cuốn sách em yêu thích và suy nghĩ về một hiện tượng đời sống mà cuốn sách gọi ra.
- *Tìm ý*:
 - + Điều em muốn viết liên quan tới cuốn sách nào? Ai là tác giả của cuốn sách đó?
 - + Chi tiết, sự việc, nhân vật nào trong sách để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất?
 - + Chi tiết, sự việc, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào?
 - + Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đó?
- *Lập dàn ý*: sắp xếp các thông tin và ý tưởng theo một trật tự phù hợp.
- + Mở bài: Giới thiệu tên sách, tác giả và hiện tượng đời sống mà cuốn sách gọi ra.
- + Thân bài:
 - Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng.
 - Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý kiến về hiện tượng cần bàn luận.
 - Trình bày cụ thể về chi tiết, sự việc, nhân vật gọi lên hiện tượng cần bàn.
- + Kết bài: Nêu tầm quan trọng, ý nghĩa thực tế của hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách.

b. Viết bài

Khi viết bài văn trình bày ý kiến về một hiện tượng đời sống được gọi ra từ cuốn sách đã đọc, em cần lưu ý: triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý; phân biệt các phần mở bài, thân bài, kết bài; có thể tách ý chính trong thân bài thành các đoạn văn.

Đề số 1: Từ nội dung ý nghĩa của những VB ở bài 10 Trái Đất- ngôi nhà chung, em hãy viết bài văn suy nghĩ về một hiện tượng trong đời sống được gọi ra từ một trong các văn bản đó.

1. Trước khi viết

a. *Lựa chọn đề tài:* Đọc các văn bản *Trái Đất- cái nôi của sự sống* (Hồ Thanh Trang), *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* (Ngọc Phú)...và suy nghĩ về một hiện tượng ô nhiễm môi trường hiện nay.

b. *Tìm ý:*

- Điều em muốn viết liên quan tới chủ đề Trái Đất- ngôi nhà chung em được học ở bài 9. Trong bài, có những văn bản đề cập tới một vấn đề Trái Đất và sự sống trên Trái Đất, và tình trạng tác động của con người đã gây tổn thương cho Trái Đất. phần thông tin cuối của hai văn bản *Trái Đất- cái nôi của sự sống* (Hồ Thanh Trang), *Các loài chung sống với nhau như thế nào?* (Ngọc Phú)

- Phần thông tin cuối hai văn bản trên đã giúp em nhận thức về hiện tượng ô nhiễm môi trường hiện nay.

- Ý kiến của em: Hiện tượng hủy hoại, làm tổn thương ô nhiễm môi trường đang diễn ra rất đáng lo ngại. Đây là hiện tượng cần quan tâm, mọi người cần nhận thức và xây dựng lối sống lành mạnh, quan tâm đến cải thiện môi trường sống.

c. *Lập dàn ý:* sắp xếp các thông tin và ý tưởng theo một trật tự phù hợp.

- Mở bài: Giới thiệu tên hai văn bản ở bài học số 9 tác giả và hiện tượng ô nhiễm môi trường hiện nay trong đời sống mà văn bản gợi ra.

- Thân bài:

+ Nêu ý kiến (suy nghĩ) về vấn đề nghị luận: Hiện tượng hủy hoại, làm tổn thương ô nhiễm môi trường là hiện tượng phổ biến, đáng lên án

+ Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý kiến về hiện tượng hủy hoại, làm tổn thương ô nhiễm môi trường (chỉ ra các biểu hiện của hiện tượng; nguyên nhân; hậu quả và cách khắc phục khi gặp hiện tượng ô nhiễm môi trường)

+ Trình bày cụ thể về chi tiết, sự việc, nhân vật gợi lên hiện tượng ô nhiễm môi trường

- Kết bài: Khẳng định quan điểm về hiện tượng ô nhiễm môi trường là hiện tượng nguy hại, cần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường là trách nhiệm của mỗi người.

2. Viết bài

cần lưu ý: triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý; phân biệt các phần mở bài, thân bài, kết bài; có thể tách ý chính trong thân bài thành các đoạn văn.

- Viết theo dàn ý

3. Dàn ý

1. Mở bài

Sau khi học xong các văn bản *Trái Đất- cái nôi của sự sống của tác giả Hồ Thanh Trang* và văn bản *Các loài chung sống với nhau như thế nào của tác giả Ngọc Phú*, em rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường. Bởi vì ngày nay, vấn đề ô nhiễm môi trường đang trở thành vấn đề trọng tâm của toàn xã hội và được dư luận hết sức quan tâm. Ô nhiễm môi trường đang diễn ra ngày ngày hàng giờ và ngày càng trở nên phức tạp hơn rất nhiều. Ô nhiễm môi trường đã và đang để lại những hệ lụy hết sức khôn lường cho toàn nhân loại.

2. Thân bài

Khi đọc hai văn bản, em nhận thấy Trái Đất vốn là một hành tinh xanh, muôn vật muôn loài trên Trái Đất đều cần cho nhau, đều phụ thuộc lẫn nhau. Đồng thời phần cuối hai văn bản đều nói đến những tác động tiêu cực của con người lên Trái Đất, làm tổn thương Trái Đất. Ô nhiễm môi trường là cách gọi cho những hành vi gây hại cho môi trường Trái Đất.

a. Biểu hiện của ô nhiễm môi trường (Thật dễ dàng nhận ra những tác động của con người đã làm cho môi trường sống ô nhiễm)

- Môi trường không khí đang bị ô nhiễm hết sức nặng nề, Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh đã vượt quá ngưỡng mức cho phép về ô nhiễm không khí. Những năm gần đây nồng độ chỉ đã và đang tăng lên ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân.
- Ô nhiễm môi trường nước: Tình trạng ô nhiễm nguồn nước đang ngày càng báo động. Nguyên nhân chính là do một số khu công nghiệp đã xả nước thải không qua xử lý ra môi trường. Bên cạnh đó hiện tượng xả rác ra ao, hồ sông suối vẫn còn tồn tại ở rất nhiều nơi (dẫn chứng).
- Ô nhiễm môi trường đất: Đất là môi trường sống của một số sinh vật, tuy nhiên hiện tượng đất nhiễm chì, nhiễm chất hóa học do thuốc trừ sâu đang trở thành một vấn nạn mà chúng ta vẫn đang tìm cách giải quyết. Đặc biệt đối với những vùng đất thuộc các khu công nghiệp thì việc ô nhiễm môi trường đất đã trở thành vấn đề thường trực (dẫn chứng).

b. Nguyên nhân của ô nhiễm môi trường

- Ý thức của một số doanh nghiệp còn kém: một số doanh nghiệp bất chấp pháp luật cố ý xả chất thải chưa qua xử lý vào môi trường, gây nên hiện tượng ô nhiễm môi trường nặng nề ở biển, sông.
- Người dân xả rác thải dẫn đến tình trạng ô nhiễm diện rộng không kiểm soát được.
- Sự quản lý của nhà nước còn nhiều yếu kém, hệ thống quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường vẫn còn nhiều lỗ hổng.

c. Giải pháp hạn chế ô nhiễm môi trường

- Cần có sự quản lý chặt chẽ của người nhà nước trong việc xử lý những doanh nghiệp cá nhân vi phạm.
- Tăng cường tuyên truyền để cho nâng cao nhận thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường. Đồng thời nêu rõ tác hại của ô nhiễm môi trường đối với hệ sinh thái, sức khỏe con người.
- Bản thân em và gia đình mình cũng luôn nâng cao ý thức bảo vệ môi trường như sử dụng tiết kiệm nguồn năng lượng ...; cố gắng hạn chế xả rác, khí thải, hóa chất ra môi trường

3. Kết bài

Các văn bản thông tin trong bài 9 Trái Đất- ngôi nhà chung đã cho em nhận thức tốt hơn về việc bảo vệ Trái Đất. Bảo vệ môi trường cần được xuất phát từ trong ý thức của mỗi con người. Hãy hình thành những thói quen nhỏ thôi như trồng và chăm sóc cây xanh, tiết kiệm nguồn năng lượng tự nhiên, yêu thiên nhiên, ...là cách mỗi chúng ta làm cho cuộc sống của mình tốt đẹp hơn.

Đề bài 2: Đọc truyện cổ tích “*Vua chích chòe*” em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ về một hiện tượng đời sống được đặt ra từ câu chuyện?

1. Trước khi viết

a. *Lựa chọn đề tài*: Đọc truyện cổ tích “*Vua chích chòe*” và suy nghĩ về một hiện tượng chê bai, miệt thị nét ngoại hình hay khiếm khuyết cơ thể của người khác trong đời sống.

b. *Tìm ý*:

– Điều em muốn viết liên quan tới cuốn sách (tác phẩm văn học) nào? Ai là tác giả của cuốn sách (tác phẩm văn học) đó?

– Chi tiết, sự việc, nhân vật nào trong sách (tác phẩm văn học) để lại cho em ấn tượng sâu sắc nhất? – Chi tiết đầu câu chuyện, trong bữa tiệc kén phò mã của nhà vua, công chúa chê bai mọi người, nhất là vua chích chòe.

– Chi tiết, sự việc, nhân vật đó khiến em suy nghĩ đến hiện tượng đời sống nào? – Hiện tượng chê bai, miệt thị cơ thể, ngoại hình của người khác

– Em có ý kiến như thế nào về hiện tượng đó? – em phản đối, lên án hiện tượng và mong muốn loại bỏ hành vi chê bai, miệt thị cơ thể người khác.

c. *Lập dàn ý*: sắp xếp các thông tin và ý tưởng theo một trật tự phù hợp.

– Mở bài: Giới thiệu tên sách (tác phẩm văn học), tác giả và hiện tượng đời sống mà câu chuyện gợi ra.

– Thân bài:

+ Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng chê bai chế nhạo ngoại hình của người khác: là hiện tượng phổ biến, đáng lên án

+ Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý kiến về hiện tượng chê bai, miệt thị ngoại hình (chỉ ra các biểu hiện của hiện tượng chê bai, miệt thị cơ thể người khác; nguyên nhân; hậu quả và cách khắc phục khi gặp hiện tượng)

+ Trình bày cụ thể về chi tiết, sự việc, nhân vật gợi lên hiện tượng chê bai chế nhạo ngoại hình của người khác

– Kết bài: Khẳng định quan điểm chê bai chế nhạo ngoại hình của người khác là hành vi xấu, cần loại bỏ

2. Viết bài

Cần lưu ý: triển khai cụ thể các ý đã nêu trong dàn ý; phân biệt các phần mở bài, thân bài, kết bài; có thể tách ý chính trong thân bài thành các đoạn văn.

- Viết theo dàn ý

3. Trả bài (kiểm tra, chỉnh sửa bài văn)

- Kiểm tra, nhận biết các lỗi về dàn ý.

- Kiểm tra, nhận biết các lỗi về hình thức (chính tả, ngữ pháp, dùng từ, liên kết đoạn,...).

Chỉnh sửa các lỗi đó trong bài viết.

Bài văn tham khảo:

Đọc truyện cổ tích “Vua chích chòe” của anh em Gơ-rim kể lại, chi tiết mở đầu kể về nàng công chúa có tính kiêu ngạo và ngông cuồng, thường chê bai nét ngoại hình của người khác, trong buổi kén chồng có lẽ ai cũng khó chịu. Hình ảnh vua chích chòe với cảm hơi cong như mỏ con chích chòe bị công chúa chế diễu thật đáng thương. Chi tiết ấy khiến tôi liên tưởng đến hiện tượng miệt thị cơ thể người khác đã và đang là vấn nạn nhức nhối trong xã hội suốt thời gian qua. Chúng ta đều vô tình hoặc cố ý trở thành nạn nhân của hiện tượng này.

Miệt thị, chê bai cơ thể người khác là hình thức dùng ngôn ngữ để chê bai, chế giễu về ngoại hình của người khác, khiến họ cảm thấy khó chịu hoặc bị xúc phạm. Đó có thể là miệt thị thân hình, làn da, màu da, khuôn mặt hay làn da trên khuôn mặt... Trong đó, phổ biến nhất là miệt thị về cân nặng như bị chê bai vì quá gầy hay quá mập, béo phì. Nếu bạn nghĩ rằng, chỉ có những người mập, béo, thân hình quá cỡ mới bị miệt thị, chê bai thì bạn đã lầm to rồi! Hiện nay, ai cũng có thể trở thành nạn nhân của hiện tượng miệt thị, chê bai cơ thể : bạn, tôi, những người khuyết tật, người không có ngoại hình đẹp, những người nổi tiếng... Ai cũng có thể là nạn nhân của hiện tượng này. Thậm chí khi bạn rất bình thường vẫn cứ bị chê

bai, miệt thị về những nét ngoại hình vì người ta thấy bạn không vừa mắt. Họ sẽ tìm mọi cách “vạch lá tìm sâu” để tìm ra bằng được điểm xấu của bạn.

Mạng xã hội là nơi hiện tượng trên tung hoành. Đặc biệt, với sự phát triển của Internet, các mạng xã hội như Facebook, Twitter, Instagram đã trở thành nơi lý tưởng cho việc chê bai, miệt thị ngoại hình người khác. Người ta có thể ngang nhiên miệt thị, công kích người khác mà không phải chịu trách nhiệm gì. Thậm chí, có những kẻ còn coi đó là thú vui giải trí của mình. Đây là những “anh hùng bàn phím” đầy rẫy trên mạng cần phải tránh xa.

Hậu quả của hiện tượng miệt thị, chê bai ngoại hình của người khác là rất lớn. Nạn nhân thường cảm thấy tự ti về ngoại hình. Liên tục đối mặt với nhiều sự chỉ trích về ngoại hình hàng ngày, sẽ khiến nhiều người rơi vào tình trạng nhút nhát, tự ti, dễ bị tổn thương về tâm hồn. Nhất là ở giai đoạn tuổi dậy thì, tâm lý nhạy cảm thì những câu nói đùa ác ý cũng có thể khiến họ trở nên mặc cảm, trầm cảm, thậm chí tìm đến cái chết. Người bị chê bai khiến ta luôn sống trong bóng tối tự ti. Lúc đầu, các nạn nhân chỉ cảm thấy buồn bã, thất vọng, nhưng lâu dần sẽ tạo nên áp lực, tổn thương nặng nề về thể xác và tinh thần. Họ sẽ bị ám ảnh và dần dần tin tưởng vào những lời chỉ trích của người xung quanh về ngoại hình của bản thân mà dẫn đến suy sụp tinh thần hoàn toàn. Ví dụ, người bị chê béo quá thường tìm cách giảm cân bằng chế độ ăn kiêng quá đà như nhịn ăn hoặc dùng các loại thuốc giảm cân kém chất lượng... gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, sự trao đổi chất của cơ thể bị chậm lại, làm mất cơ thay vì mỡ, hại gan thận...

Theo các nghiên cứu thì cứ hai người lại có một người không hài lòng về cơ thể của mình, nghĩa là một nửa thế giới tự ti về ngoại hình. Bản thân những kẻ hay chỉ trích người khác cũng thường xuyên thấy mặc cảm về diện mạo của mình.

Có lẽ rất khó để bỏ ngoài tai mọi lời nhận xét tiêu cực về ngoại hình nhưng nếu bạn biết cách yêu thương bản thân thì bạn sẽ tiếp nhận mọi thứ nhẹ nhàng hơn. Dù bạn là người mũm mĩm, dễ tăng cân hay người gầy gò, khó tăng cân thì cũng không sao cả, miễn là bạn đã nỗ lực để hoàn thiện chính mình. Nói rõ cảm giác của bạn. Đôi khi những lời nhận xét không hay về ngoại hình chỉ là một trò đùa. Nếu là người thân, bạn bè thì bạn nên nói rõ rằng mình cảm thấy không vui hay khó chịu. Có thể họ không biết những lời nói đùa lại làm bạn thấy tồi tệ như thế nào. Nếu những người thực sự quan tâm, yêu thương bạn thì họ sẽ không lặp lại điều đó nữa.

Vì vậy, cần suy nghĩ thật kỹ trước khi đưa ra bất cứ lời bình luận về ngoại hình của người khác cũng như phải mạnh mẽ đối mặt, đừng để lời chê bai, miệt thị ngoại hình của bạn khiến bạn tổn thương nhé.

Đề số 3: Từ văn bản *Cô bé bán diêm* của nhà văn An- đec- xen, viết bài văn suy nghĩ về một hiện tượng trong đời sống được gợi ra từ văn bản.

1. Trước khi viết

a. *Lựa chọn đề tài:* Đọc truyện cổ tích “*Cô bé bán diêm*” và suy nghĩ về một hiện tượng bệnh vô cảm trong đời sống hiện nay.

b. *Tìm ý:*

- Điều em muốn viết liên quan tới tác phẩm văn học *Cô bé bán diêm* của tác giả An- đec- xen,

- Chi tiết trong tác phẩm để lại cho em ấn tượng sâu sắc là cái chết thương tâm của cô bé ở cuối truyện. Cô bé đã chết vì giá rét, vì đói trong đêm giao thừa.

- Chi tiết đó khiến em nghĩ đến hiện tượng: nhiều người thờ ơ, vô cảm, dửng dưng với con người, với thiên nhiên...

- Ý kiến em phản đối, lên án hiện tượng và mong muốn loại bỏ căn bệnh vô cảm để con người biết yêu thương, giúp đỡ, sẻ chia với người khác, biết sống nhân ái, ...

c. *Lập dàn ý*: sắp xếp các thông tin và ý tưởng theo một trật tự phù hợp.

- Mở bài: Giới thiệu tên sách (tác phẩm văn học), tác giả và hiện tượng đời sống mà câu chuyện gợi ra.

- Thân bài:

+ Nêu ý kiến (suy nghĩ) về hiện tượng mắc bệnh vô cảm: là hiện tượng phổ biến, đáng lên án

+ Nêu lí lẽ và bằng chứng để làm rõ ý kiến về hiện tượng bệnh vô cảm (chỉ ra các biểu hiện của hiện tượng bệnh vô cảm; nguyên nhân; hậu quả và cách khắc phục khi gặp hiện tượng)

+ Trình bày cụ thể về chi tiết, sự việc, nhân vật gợi lên hiện tượng vô cảm

Kết bài: Khẳng định quan điểm chê bai chế nhạo ngoại hình của người khác là hành vi xấu, cần loại bỏ

2. Viết bài

a. Mở bài:

Trong chương trình ngữ văn lớp 6, em đã được học nhiều tác phẩm văn học đặc sắc, mỗi tác phẩm đều để lại trong em một ấn tượng khó phai. Nhưng có lẽ, điều ám ảnh em hơn cả là hình ảnh cô bé bán diêm với cái chết đau thương ở cuối câu chuyện “Cô bé bán diêm” của nhà văn An-đéc-xen. Hình ảnh cô bé chết vì giá rét khiến em liên tưởng và suy nghĩ về lối sống vô cảm hiện nay. Đây là một hiện tượng đáng lo lắng.

b. Thân bài: (Sử dụng lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ hiện tượng bệnh vô cảm)

* Biểu hiện của căn bệnh vô cảm trong cuộc sống

+ Vô cảm: căn bệnh này có thể hiểu là sự thờ ơ, không quan tâm đến những sự vật, sự việc xung quanh mình, thờ ơ với nỗi đau, với mảnh đời bất hạnh mà mình chứng kiến...

+ Gắn với tác phẩm: Em không quên được hình ảnh cô bé đầu trần, chân đất, bụng đói, dò dẫm trong đêm tối. Mọi người vô tình lướt qua em, chẳng ai đoái hoài đến. Không ai bố thí cho em một chút gì.

- Căn bệnh vô cảm ngày càng phổ biến, lan rộng trong xã hội (gắn với cuộc sống)

+ Thờ ơ, vô cảm với những hiện tượng trái đạo lí, những hiện tượng tiêu cực trong xã hội: Hiện tượng livestream trên mạng xã hội (hiện tượng học sinh cấp 2 tại Hải Dương), bắt gặp hiện tượng trộm cắp thì im lặng coi như không biết ...

+ Thờ ơ, vô cảm với những nỗi buồn, nỗi đau của chính những người đồng bào: Gặp người tai nạn bị tai nạn giao thông xúm vào bàn bạc, quay phim, chụp ảnh. Bỏ qua những lời kêu gọi giúp đỡ của đồng bào miền Trung bão lũ,...

+ Thờ ơ, vô cảm với những vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước: Thờ ơ với những cảnh đẹp quê hương, thiếu ý thức giữ gìn vệ sinh tại các điểm du lịch...

+ Thờ ơ, vô cảm với chính cuộc sống của bản thân mình: Hiện tượng học sinh đi học muộn, không chú ý học tập. Hiện tượng sinh viên thức rất khuya sử dụng smartphone, thể hiện sự thờ ơ với chính sức khỏe của bản thân...

*** Phân tích nguyên nhân (Nguyên nhân nào khiến nhiều người trở thành vô cảm mà không hay biết?)**

- Sự phát triển nhanh chóng của cuộc sống khiến con người phải sống nhanh hơn, không còn thời gian để ý tới những gì xung quanh
- Sự bùng nổ mạnh mẽ của những thiết bị thông minh dẫn đến sự ra đời của các trang mạng xã hội ⇒ con người ngày càng ít giao tiếp trong đời thực
- Sự chiều chuộng, chăm sóc, bao bọc quá kĩ lưỡng cha mẹ đối với con cái ⇒ coi mình là trung tâm, không để ý đến điều gì khác nữa
- Sự ích kỉ của chính bản thân mỗi người

*** Tác hại của hiện tượng (Hiện tượng vô cảm đã gây tác động đến cuộc sống của con người như thế nào?)**

- Hậu quả vô cùng to lớn: con người mất đi những chỗ dựa mỗi lúc khó khăn, xã hội tràn đầy những điều xấu, điều ác
- Xa hơn, con người đánh mất đi những giá trị người tốt đẹp của dân tộc, ảnh hưởng, làm lệch lạc những suy nghĩ của thế hệ tương lai.

*** Đề xuất các giải pháp phù hợp (Mỗi người sống trên Trái Đất này cần suy nghĩ và hành động ra sao để cuộc sống không còn cảnh tượng đau thương như trong truyện Cô bé bán diêm của An-đéc-xen ?)**

- Lên án, phê phán những hành vi tiêu cực, thờ ơ vô cảm đối với đời sống xung quanh
- Hạn chế phụ thuộc vào các thiết bị thông minh, thế giới ảo...
- Rèn luyện lối sống lành mạnh: Yêu thương, quan tâm, giúp đỡ mọi người, tham gia các hoạt động tình nguyện vì môi trường, vì con người. Lắng nghe, chia sẻ với mọi người, nhất là với người thân, bạn bè,.....
- Tăng cường thực hành, trải nghiệm thực tiễn, học cách yêu thương, chia sẻ

c. Kết bài

Cuốn truyện cổ của nhà văn An- đéc- xen nói chung và câu chuyện *Cô bé bán diêm* nói riêng cho em hiểu về ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống. Em tự nhủ để không vô cảm với nỗi đau của người khác, mỗi chúng ta hãy học cách sống yêu thương.

***Bài tập đọc hiểu**

PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

Nếu như hai câu đầu, cô gái đã phóng tầm mắt nhìn bao quát toàn bộ cánh đồng lúa quê hương để chiêm ngưỡng sự “bát ngát mênh mông” của nó, thì ở hai câu cuối, cô gái tập trung ngắm nhìn, quan sát và đặc tả riêng một “chẽn lúa đòng đòng” và liên hệ so sánh với bản thân mình một cách rất hồn nhiên:

Thân em như chẽn lúa đòng đòng

Phát phơ dưới ngọn nắng hồng ban mai

Hình ảnh “chẽn lúa đòng đòng” đang phát phơ trước làn gió nhẹ và “dưới ngọn nắng hồng ban mai” mới đẹp làm sao! Hình ảnh “chẽn lúa đòng đòng” tượng trưng cho cô gái đến tuổi dậy thì căng tràn sức sống. Hình ảnh “ngọn nắng” thật độc đáo. Có người cho rằng đã có “ngọn nắng” thì phải có “gốc nắng” và cái “gốc nắng” đó chính là Mặt Trời vậy.

(Vẻ đẹp của một bài ca dao, Hoàng Tiến Tự)

Câu 1. Xác định các phương thức biểu đạt của đoạn văn?

Câu 2 Từ **ngọn** trong “*ngọn nằng*” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Em hãy lấy ba từ trong tiếng Việt cũng có cách dùng từ **ngọn** tương tự?

Câu 3. Tác giả đã gửi gắm tình cảm gì với bài ca dao được phân tích?

Câu 4. Viết theo trí nhớ một bài ca dao cùng chủ đề với bài ca dao được phân tích trong đoạn văn.

Gợi ý làm bài

Câu 1. Các phương thức biểu đạt của đoạn văn: nghị luận, kết hợp biểu cảm, miêu tả.

Câu 2. Từ **ngọn** trong “*ngọn nằng*” được dùng theo nghĩa chuyển.

Ba từ trong tiếng Việt cũng có cách dùng từ **ngọn** tương tự: ngọn khói, ngọn gió, ngọn sóng

Câu 3. Tác giả đã gửi gắm tình cảm của mình với bài ca dao được phân tích: yêu mến, gần bó, tự hào.

Câu 4. HS viết được một bài ca dao thuộc chủ đề tình yêu quê hương đất nước đầy đủ là được

CHUYÊN ĐỀ: ÔN TẬP HỌC KÌ II LUYỆN ĐỀ TỔNG HỢP

ĐỀ SỐ 1:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II MÔN NGỮ VĂN-LỚP 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TN KQ	TL	TN KQ	T L	TNK Q	T L	
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	3	0	5	0		2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20 %		40 %		30 %		10 %		
Tỉ lệ chung			60 %				40 %				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 -THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được dấu hiệu đặc trưng của thể loại truyện, nhân vật. - Nhận biết được người kể chuyện và ngôi kể. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm, các thành phần của câu. Thông hiểu: - Hiểu được nội dung đoạn trích. - Hiểu và lí giải được đặc điểm nhân vật thể hiện qua hành động, ý nghĩ thái độ của nhân vật.	3 TN	5 TN	2 TL	

			- Xác định được các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu. Vận dụng: - Thể hiện được thái độ đồng tình/ không đồng tình/ đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua hành động nhân vật. - Trình bày được bài học từ đoạn trích gợi ra.				
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm đáng nhớ.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân, người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ, có lối kể sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý nghĩa của câu chuyện. Diễn đạt sáng tạo, sinh động, giàu hình ảnh, có giọng điệu riêng.	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				3 TN	5 TN	2 TL	1 TL*
Tỉ lệ %				20 %	40 %	30 %	10 %
Tỉ lệ chung				60 %		40 %	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút (Không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Sáng nay dậy sớm, tôi khẽ mở cửa rón rén đi ra vườn, ngồi xuống gốc cây hồng xiêm. Chợt thấy động phía sau, tôi quay lại: em tôi đã theo ra từ lúc nào. Em lặng lẽ đặt tay lên vai tôi. Tôi kéo em ngồi xuống và khẽ vuốt lên mái tóc.

Chúng tôi cứ ngồi im như vậy. Đàng đông trời hừng dần. Những bông hoa thược dược đã thoáng hiện trong màn sương sớm và bắt đầu khoe bộ cánh rực rỡ của mình. Lũ chim sâu nhảy nhót trên cành và chiêm chiếp kêu. Ngoài đường, tiếng xe máy, tiếng ô tô và tiếng nói chuyện của những người đi chợ mỗi lúc một riu rần. Cảnh vật vẫn cứ như hôm qua, hôm kia thôi mà sao tai họa giáng xuống đầu anh em tôi nặng nề thế này.

Gia đình tôi khá giả. Anh em tôi rất thương nhau. Phải nói em tôi rất ngoan. Nó lại khéo tay nữa. Hồi còn học lớp Năm, có lần tôi đi đá bóng, bị xoạc một miếng áo rất to. Sợ mẹ đánh, tôi cứ ngồi lì ngoài bãi không dám về. Nghe lũ bạn tôi mách, em đã đem kim chỉ ra tận sân vận động. Nó bảo:

- Anh cởi áo ra, em vá lại cho. Em vá khéo, mẹ không biết được đâu.

Nhìn bàn tay mảnh mai của em dịu dàng đưa mũi kim thoăn thoắt, không hiểu sao tôi thấy ân hận quá. Lâu nay, mãi vui chơi bè bạn, chẳng lúc nào tôi chú ý đến em... Từ đấy, chiều nào tôi cũng đi đón em. Chúng tôi nắm tay nhau vừa đi vừa trò chuyện. Vậy mà giờ đây, anh em tôi sắp phải xa nhau. Có thể sẽ xa nhau mãi mãi. Lạy trời đây chỉ là một giấc mơ. Một giấc mơ thôi. [...]

Gần trưa, chúng tôi mới ra đến trường học. Tôi dẫn em đến lớp 4B. Cô giáo Tâm đang giảng bài. Chúng tôi đứng nép vào một góc cây trước lớp. Em cắn chặt môi im lặng, mắt lại đăm đăm nhìn khắp sân trường, từ cột cờ đến tấm bảng tin và những vạch than vẽ ô ăn quan trên hè gạch.

Rồi em bật lên khóc thút thít.

- Ôi, em Thủy! – Tiếng kêu sừng sốt của cô giáo làm tôi giật mình.

Em tôi bước vào lớp:

- Thưa cô, em đến chào cô... – Thủy nức nở.

Cô Tâm ôm chặt lấy em:

- Cô biết chuyện rồi. Cô thương em lắm!

Và cô quay xuống lớp:

- Bố mẹ bạn Thủy bỏ nhau. Thủy phải xa lớp ta, theo mẹ về quê ngoại. [...]

Em đặt vội quyển sổ và cây bút lên bàn:

- Thưa cô, em không dám nhận... em không được đi học nữa.

- Sao vậy? – Cô Tâm sững sốt.

- Nhà bà ngoại em ở xa trường học lắm. Mẹ em bảo sẽ sắm cho em một thùng hoa quả để ra chợ ngồi bán.

“Trời ơi!”, cô giáo tái mặt và nước mắt giàn giụa. Lũ nhỏ cũng khóc mỗi lúc một to hơn. Cuối cùng, sợ làm ảnh hưởng đến giờ học, em tôi ngừng đầu lên, nức nở:

- Thôi, em chào cô ở lại. Chào tất cả các bạn, tôi đi.

(Cuộc chia tay của những con búp bê - Khánh Hoài, Ngữ văn 7, Tập một, NXB Giáo dục, 2016)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Đoạn trích trên viết theo thể loại nào?

- A. Kí
- B. Truyện vừa
- C. Tiểu thuyết
- D. Truyện ngắn

Câu 2. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất
- B. Ngôi thứ hai
- C. Ngôi thứ ba
- D. Người kể vắng mặt

Câu 3. Nhân vật “người em” trong đoạn trích trên là người như thế nào?

- A. Là đứa trẻ ganh ghét, đố kị với anh trai.
- B. Là đứa trẻ cá tính, thích gây trò quậy phá.
- C. Là đứa trẻ nhút nhát, ít nói, vụng về.
- D. Là đứa trẻ luôn quan tâm và thương yêu anh trai.

Câu 4. Vì sao trong đoạn trích trên người anh lại có thái độ ân hận?

- A. Vì người anh đã luôn có cảm giác ganh ghét, đố kị với em gái của mình.
- B. Vì người anh thấy cảm động và nghĩ lâu nay mình mãi vui chơi chưa chú ý đến em.
- C. Vì người anh ham chơi đá bóng với bạn trên sân vận động bị rách áo.

D. Vì người anh nhận thấy em gái buồn khi chuẩn bị chia tay lớp học.

Câu 5. Từ nào trong câu sau đây là từ láy?

Những bông hoa thược dược đã thoáng hiện trong màn sương sớm và bắt đầu khoe bộ cánh rực rỡ của mình.

A. thược dược

B. sương sớm

C. rực rỡ

D. thoáng hiện

Câu 6. Tại sao lại có cuộc chia tay giữa hai anh em?

A. Vì cha mẹ chia tay nhau

B. Vì cha mẹ công tác xa.

C. Vì hai anh em nghỉ học.

D. Vì Thủy về quê ngoại.

Câu 7. Trạng ngữ trong câu văn sau có tác dụng gì?

Ngoài đường, tiếng xe máy, tiếng ô tô và tiếng nói chuyện của những người đi chợ mỗi lúc một riu rần.

A. Chỉ thời gian

B. Chỉ mục đích

C. Chỉ nơi chốn

D. Chỉ nguyên nhân

Câu 8. Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

A. Tình cảm của hai anh em đối với khung cảnh thiên nhiên.

B. Cuộc nói chuyện giữa hai anh em trước lúc chia tay.

C. Tâm trạng hối hận của anh trai khi hứa hẹn với người em.

D. Tình cảm yêu thương gắn bó của hai anh em và lớp học.

Câu 9. Em có đồng tình với hành động dự kiến của người mẹ sẽ sắm cho Thủy một thùng hoa quả để ra chợ ngồi bán không? Vì sao?

Câu 10. Qua đoạn trích trên, tác giả muốn gửi đến chúng ta bài học gì?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Em hãy kể lại một trải nghiệm đáng nhớ của bản thân mình.

- HẾT -

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

MÔN: NGỮ VĂN – LỚP 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	D	0,5
	2	A	0,5
	3	D	0,5
	4	B	0,5
	5	C	0,5
	6	A	0,5
	7	C	0,5
	8	D	0,5

	9	- Nêu được ý kiến: Đồng tình một phần/Không đồng tình - Lý giải được lí do lựa chọn của bản thân Gợi ý: HS lý giải theo ý kiến không đồng tình vì hành động bắt em Thủy còn nhỏ phải ra chợ bán hoa quả là sai, cướp mất quyền của trẻ em được hạnh phúc, đến trường học tập, vui chơi.... *Lưu ý: GV linh động theo cách hiểu, diễn đạt của học sinh	1,0
	10	HS nêu được cụ thể bài học; ý nghĩa của bài học.	1,0
II	VIẾT		4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự.	0.25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Kể lại một trải nghiệm của bản thân – trải nghiệm đáng nhớ.	0.25
		c. Kể lại nội dung trải nghiệm. HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi thứ nhất để kể. - Giới thiệu được trải nghiệm. - Các sự việc chính: bắt đầu - diễn biến - kết thúc. - Cảm xúc và suy nghĩ về trải nghiệm đó.	3,0
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.	0,25
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, cách kể linh hoạt, thể hiện cảm xúc chân thành, trải nghiệm có ý nghĩa sâu sắc.	0,25

ĐỀ SỐ 2:

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN- LỚP 6**

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ và thơ lục bát	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Thơ và thơ lục bát	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát. - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ. Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận xét được nét độc đáo của 	3 TN	5TN	2 TL	

			<p>bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ.</p> <p>- Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.</p> <p>Vận dụng:</p> <p>- Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản.</p> <p>- Đánh giá được giá trị của các yếu tố văn, nhíp.</p>				
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.</p>	1 *	1 *	1 *	1 TL *
Tổng				3 TN	5 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Ngữ Văn 6

(Thời gian làm bài :90 phút, không kể thời gian giao đề)

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau:

Mẹ ru khúc hát ngày xưa
Qua bao nắng sớm chiều mưa vẫn còn.
Chân trần mẹ lội đầu non
Che đông giữ tiếng cười giòn cho ai...
Vì ai chân mẹ dẫm gai
Vì ai tắt tả vì ai dãi dầu
Vì ai áo mẹ phai màu
Vì ai thao thức bạc đầu vì ai?

(Ca dao và mẹ, Bùi Nguyễn Trường Kiên, Quê nhà nỗi nhớ, NXB Trẻ, 2003)

Lựa chọn đáp án đúng

Câu 1. Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ tự do.
- B. Thơ lục bát.
- C. Thơ sáu chữ.
- D. Thơ tám chữ.

Câu 2. Chủ đề của đoạn thơ là gì?

- A. Tình cảm vợ chồng.
- B. Tình yêu quê hương đất nước.
- C. Tình yêu thiên nhiên.
- D. Tình mẫu tử.

Câu 3. Từ “tắt tả” thuộc loại từ nào?

- A. Từ láy.
- B. Từ ghép.
- C. Tính từ.
- D. Động từ.

Câu 4. Hai câu thơ “Vì ai tắt tả vì ai dãi dầu - Vì ai thao thức bạc đầu vì ai?” sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào?

- A. Ẩn dụ.
- B. So sánh.
- C. Điệp ngữ.
- D. Nhân hóa.

Câu 5. Dòng hồi tưởng về mẹ trong đoạn thơ trên được tác giả tái hiện trong khoảng thời gian nào?

- A. Thời thơ ấu.
- B. Lúc con đã trưởng thành.
- C. Lúc mẹ đã đi xa.
- D. Lúc con trở về quê hương.

Câu 6. Vì sao mở đầu đoạn thơ trên, tác giả nhắc tới lời ru của mẹ?

- A. Vì lời ru nuôi lớn con người cả tâm hồn và thể xác.
- B. Vì lời ru là biểu hiện sâu sắc của tình mẫu tử.
- C. Vì lời ru là âm thanh ngọt ngào thân thuộc nhất trong cuộc đời của mỗi con người.
- D. Vì lời ru của mẹ chứa đựng cả cuộc đời và tình yêu thương vô bờ của mẹ dành cho con.

Câu 7. Cụm từ “nắng sớm chiều mưa” trong đoạn thơ thể hiện điều gì?

- A. Thời gian dừng lại.
- B. Thời gian trôi nhanh.
- C. Biểu thị sự khó khăn vất vả của mẹ.
- D. Lời ru của mẹ qua tháng năm vẫn trường tồn bất biến.

Câu 8. Nội dung chính của đoạn thơ trên là gì?

- A. Hình ảnh người mẹ lam lũ, tảo tần.
- B. Người mẹ mong cho con có cuộc sống đầy đủ, ấm no.

C. Ca ngợi sự hi sinh lớn lao của người mẹ dành cho con.

D. Ca ngợi lời ru của mẹ.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Em có nhận xét gì về tình cảm của người con với người mẹ trong đoạn thơ?

Câu 10. Hãy rút ra bài học tâm đắc nhất sau khi đọc đoạn thơ trên?

II. Viết(4.0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về tình bạn đẹp tuổi học trò.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	C	0,5
	9	- HS nêu nhận xét về tình cảm của người con đối với mẹ trong đoạn thơ: Yêu thương kính trọng, biết ơn mẹ...	1,0
	10	- HS nêu được bài học tâm đắc sau khi đọc đoạn thơ trên: + Trân trọng tình mẫu tử, tình cảm gia đình thiêng liêng + Vun đắp tình mẫu tử, tình cảm gia đình ngày càng tốt đẹp, hạnh phúc...	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Trình bày suy nghĩ của mình về tình bạn đẹp tuổi học trò	0,25
		c. Trình bày suy nghĩ của mình về tình bạn đẹp tuổi học trò HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:	
		- Nêu được thế nào là tình bạn đẹp - Vai trò của tình bạn đẹp - Phê phán một số bạn không biết trân trọng tình bạn đẹp tuổi học trò - Rút ra được bài học nhận thức và hành động. - Liên hệ bản thân.	2,5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
		e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.	0,5

ĐỀ SỐ 3

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II MÔN: NGỮ VĂN 6

T T	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN KQ	TL	TN KQ	T L	TN KQ	TL	TN KQ	TL	
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	0	1*	0	1 *	0	1*	0	1*	40
Tổng điểm			2,0	0,5	2,0	1, 5	0	3,0	0	1,0	100%
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6– THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Văn bản nghị luận	Nhận biết: - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống. - Nhận biết được ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận. - Xác định được từ mượn, thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ). Thông hiểu: - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản. - Giải thích được nghĩa của từ trong ngữ cảnh. Vận dụng: - Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình đặt ra trong văn bản.	4TN	4TN	2TL	
2	Viết	Kể lại một trải nghiệm của bản thân.	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; dùng người kể chuyện ngôi thứ nhất chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				4 TN 1*	4TN 1*	2 TL 1*	1TL*
Tỉ lệ %				25	35	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I**MÔN: Ngữ Văn lớp 6***Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề***PHẦN I. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN (6,0 điểm)****Đọc ngữ liệu sau và trả lời các câu hỏi:**

Chiếc smartphone (điện thoại thông minh) đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn. Nhưng càng kết nối, càng online (truy cập), thì cái đám đông rộn ràng kia lại càng làm chúng ta cô đơn hơn. Chỗ này một cái like (thích), chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã. Càng bận rộn để giao tiếp nhiều thì chúng ta lại càng không có gì để nói trong mỗi giao tiếp. Ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi. Đêm khuya, khi các chấm xanh trên danh sách friend (bạn bè) dần dần tắt, người ta cuộn lên cuộn xuống cái news feed (dòng thời gian) để hòng tìm một status (trạng thái) bị bỏ sót, một cứu rỗi kéo dài vài giây, một cái nhìn qua lỗ khóa vào cuộc sống của một người xa lạ, để làm tê liệt cảm giác trống rỗng.

*(Trích Bức xúc không làm ta vô can, Đặng Hoàng Giang, tr. 76 – 77, NXB Hội Nhà văn, 2016)***Lựa chọn đáp án đúng:****Câu 1:** Đoạn trích trên thuộc kiểu văn bản nào?

- A. Văn bản nghị luận
B. Văn bản thông tin
C. Văn bản tự sự
D. Văn bản biểu cảm

Câu 2: Trong câu *Đêm khuya, khi các chấm xanh trên danh sách friend dần dần tắt, người ta cuộn lên cuộn xuống cái news feed để hòng tìm một status bị bỏ sót, một cứu rỗi kéo dài vài giây, một cái nhìn qua lỗ khóa vào cuộc sống của một người xa lạ, để làm tê liệt cảm giác trống rỗng.* Cụm từ *Đêm khuya* là trạng ngữ chỉ ý nghĩa gì?

- A. Thời gian
B. Nơi chốn
C. Mục đích
D. Cách thức

Câu 3: Trong câu *Càng bận rộn để giao tiếp nhiều thì chúng ta lại càng không có gì để nói trong mỗi giao tiếp*, từ *giao tiếp* là từ mượn của ngôn ngữ nào?

- A. Hán Việt
B. Nhật
C. Anh
D. Pháp

Câu 4: Câu *Ngược với cảm giác đầy đặn, được bồi đắp khi chúng ta đứng trước thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật lớn, trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi.* được xem là một bằng chứng trong văn bản nghị luận.

- A. Đúng
B. Sai

Câu 5: Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

- A. Bàn về ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống tinh thần của con người.
B. Bàn về những trải nghiệm thú vị của con người khi tiếp xúc với mạng xã hội.
C. Bàn về ảnh hưởng của mạng xã hội đến đời sống vật chất của con người.
D. Bàn về những trải nghiệm buồn của con người khi tiếp xúc với mạng xã hội.

Câu 6: Từ *cụt lủn* trong câu *Chỗ này một cái like, chỗ kia một cái mặt cười, khắp nơi là những câu nói cụt lủn, phần lớn các tương tác trên mạng hời hợt và vội vã.* có nghĩa là:

- A. Quá ngắn đến mức không bình thường
B. Quá ngắn, quá ít so với yêu cầu cần có
C. Quá ngắn, trông giống như bị hụt đi

D. Ngắn, cụt đến mức thiếu hẳn đi

Câu 7: Qua đoạn trích trên, tác giả đã thể hiện thái độ gì?

A. Phê phán

B. Coi thường

C. Chê bai

D. Chê giễu

Câu 8: Phần câu sau có nhiều vị ngữ: *trên mạng xã hội ta bị xáo trộn, bứt rứt, và ghen tị với cuộc sống của người khác như một người đói khát nhìn một bữa tiệc linh đình qua cửa sổ mà không thể bỏ đi*. Cho biết tác dụng của nó.

A. Giúp cho việc miêu tả các trạng thái của con người khi dùng smartphone được sinh động hơn.

B. Giúp cho việc miêu tả các hành động của con người khi dùng smartphone được sinh động hơn.

C. Giúp cho việc miêu tả các tình cảm của con người khi dùng smartphone được sinh động hơn.

D. Cả ba ý trên đều đúng.

Câu 9: Em có đồng tình với ý kiến sau: *Chiếc smartphone đã trở thành một ô cửa nhỏ dẫn người ta thoát khỏi sự buồn chán của bản thân, và cái rung nhẹ báo tin có thông báo mới của nó bao giờ cũng đầy hứa hẹn?* Vì sao?

Câu 10: Hãy rút ra bài học mà em tâm đắc nhất sau khi đọc đoạn trích.

PHẦN II. VIẾT (4,0 điểm)

Em đã từng trải qua những chuyến đi xa, được khám phá và trải nghiệm biết bao thắng cảnh, di tích lịch sử văn hóa, học tập được bao điều mới lạ... Hãy kể lại trải nghiệm đáng nhớ của bản thân.

----- HẾT -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**Môn: Ngữ văn lớp 6**

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	
	1	A	0,5
	2	A	0,5
	3	A	0,5
	4	B	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	A	0,5
	8	A	0,5
	9	HS có thể lựa chọn cách trả lời <i>đồng tình/ không đồng tình</i> và lí giải hợp lí.	1,0
	10	HS có thể nêu được cụ thể bài học, ý nghĩa của bài học.	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề.</i> Kể về một trải nghiệm	0,25
		<i>c. Kể lại một trải nghiệm</i> HS có thể triển khai cốt truyện theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: * Mở bài: Cần đảm bảo có các yếu tố sau: - Dùng ngôi thứ nhất để kể. - Giới thiệu sơ lược về trải nghiệm. - Dẫn dắt chuyển ý, gợi sự tò mò, hấp dẫn với người đọc. * Thân bài Học sinh cần đảm bảo được các yếu tố sau trong bài viết: - Trình bày hoàn cảnh xảy ra câu chuyện. - Trình bày các sự việc theo trình tự hợp lý, rõ ràng. - Miêu tả chi tiết các sự việc. - Thể hiện cảm xúc của người viết đối với sự việc được kể. * Kết bài: Nêu ý nghĩa của trải nghiệm đối với bản thân.	2.5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0.5
		<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời kể sinh động, sáng tạo.	0.5

ĐỀ SỐ 4:
MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN NGỮ VĂN- LỚP 6

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	

		thức	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Độc hiểu	Thơ và thơ lục bát	3	0	5	0	0	2	0		60
2	Viết	Viết bài văn nghị luận	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			15	5	25	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			20%		40%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận Dụng	Vận dụng cao
1	Độc hiểu	Thơ và thơ lục bát	Nhận biết: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát. - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản. - Nhận ra từ đơn và từ phức (từ	3 TN	5TN	2 TL	

			<p>ghép và từ láy); từ đa nghĩa và từ đồng âm; các biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ.</p> <p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. <p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. - Đánh giá được giá trị của các yếu tố văn, nhíp. 				
2	Viết	Nghị luận về một vấn đề trong đời sống.	<p>Nhận biết:</p> <p>Thông hiểu:</p> <p>Vận dụng:</p> <p>Vận dụng cao:</p> <p>Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống trình bày rõ vấn đề và ý kiến (tán thành hay phản đối) của người viết; đưa ra được lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.</p>	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				3 TN	5 TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				20	40	30	10
Tỉ lệ chung				60		40	

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**Môn: Ngữ Văn 6***(Thời gian làm bài :90 phút, không kể thời gian giao đề)***I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)****Đọc đoạn thơ sau:**

*Mẹ ru khúc hát ngày xưa
 Qua bao nắng sớm chiều mưa vẫn còn.
 Chân trần mẹ lội đầu non
 Che đông giữ tiếng cười giòn cho ai...
 Vì ai chân mẹ dẫm gai
 Vì ai tắt tả vì ai dãi dầu
 Vì ai áo mẹ phai màu
 Vì ai thao thức bạc đầu vì ai?*

*(Ca dao và mẹ, Bùi Nguyễn Trường Kiên, Quê nhà nỗi nhớ, NXB Trẻ, 2003)***Lựa chọn đáp án đúng****Câu 1.** Đoạn thơ trên được viết theo thể thơ nào?

- A. Thơ tự do. B. Thơ lục bát.
 C. Thơ sáu chữ. D. Thơ tám chữ.

Câu 2. Chủ đề của đoạn thơ là gì?

- A. Tình cảm vợ chồng. B. Tình yêu quê hương đất nước.
 C. Tình yêu thiên nhiên. D. Tình mẫu tử.

Câu 3. Từ “tắt tả” thuộc loại từ nào?

- A. Từ láy. B. Từ ghép.
 C. Tính từ. D. Động từ.

Câu 4. Hai câu thơ “*Vì ai tắt tả vì ai dãi dầu - Vì ai thao thức bạc đầu vì ai?*” sử dụng biện pháp tu từ nổi bật nào?

- A. Ẩn dụ. B. So sánh. C. Điệp ngữ. D. Nhân hóa.

Câu 5. Dòng hồi tưởng về mẹ trong đoạn thơ trên được tác giả tái hiện trong khoảng thời gian nào?

- A. Thời thơ ấu. B. Lúc con đã trưởng thành.
 C. Lúc mẹ đã đi xa. D. Lúc con trở về quê hương.

Câu 6. Vì sao mở đầu đoạn thơ trên, tác giả nhắc tới lời ru của mẹ?

- A. Vì lời ru nuôi lớn con người cả tâm hồn và thể xác.
 B. Vì lời ru là biểu hiện sâu sắc của tình mẫu tử.
 C. Vì lời ru là âm thanh ngọt ngào thân thuộc nhất trong cuộc đời của mỗi con người.
 D. Vì lời ru của mẹ chứa đựng cả cuộc đời và tình yêu thương vô bờ của mẹ dành cho con.

Câu 7. Cụm từ “*nắng sớm chiều mưa*” trong đoạn thơ thể hiện điều gì?

- A. Thời gian dừng lại.
 B. Thời gian trôi nhanh.
 C. Biểu thị sự khó khăn vất vả của mẹ.
 D. Lời ru của mẹ qua tháng năm vẫn trường tồn bất biến.

Câu 8. Nội dung chính của đoạn thơ trên là gì?

- A. Hình ảnh người mẹ lam lũ, tảo tần.
 B. Người mẹ mong cho con có cuộc sống đầy đủ, ấm no.
 C. Ca ngợi sự hi sinh lớn lao của người mẹ dành cho con.

D. Ca ngợi lời ru của mẹ.

Trả lời câu hỏi/ Thực hiện yêu cầu:

Câu 9. Em có nhận xét gì về tình cảm của người con với người mẹ trong đoạn thơ?

Câu 10. Hãy rút ra bài học tâm đắc nhất sau khi đọc đoạn thơ trên?

II. Viết(4.0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận trình bày suy nghĩ của em về tình bạn đẹp tuổi học trò.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Môn: Ngữ văn lớp 6

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	D	0,5
	3	A	0,5
	4	C	0,5
	5	A	0,5
	6	D	0,5
	7	D	0,5
	8	C	0,5
	9	- HS nêu nhận xét về tình cảm của người con đối với mẹ trong đoạn thơ: Yêu thương kính trọng, biết ơn mẹ...	1,0
	10	- HS nêu được bài học tâm đắc sau khi đọc đoạn thơ trên: + Trân trọng tình mẫu tử, tình cảm gia đình thiêng liêng + Vun đắp tình mẫu tử, tình cảm gia đình ngày càng tốt đẹp, hạnh phúc...	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề. Trình bày suy nghĩ của mình về tình bạn đẹp tuổi học trò</i>	0,25
		<i>c. Trình bày suy nghĩ của mình về tình bạn đẹp tuổi trò HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau:</i>	
		- Nêu được thế nào là tình bạn đẹp - Vai trò của tình bạn đẹp - Phê phán một số bạn không biết trân trọng tình bạn đẹp tuổi học trò - Rút ra được bài học nhận thức và hành động. - Liên hệ bản thân.	2,5
		<i>d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.</i>	0,5
		<i>e. Sáng tạo: Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, sáng tạo.</i>	0,5

ĐỀ SỐ 5:

